VL00004554

NHIỀU TÁC GIẢ

35 NĂM

THÀNH TỰU KINH TẾ VIỆT NAM VÀ DOANH NGHIỆP, DOANH NHÂN TRONG THỜI ĐỔI MỚI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

35 NĂM THÀNH TỰU KINH TẾ VIỆT NAM VÀ DOANH NGHIỆP, DOANH NHÂN TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

THƯ VIỆN QUỐC HỘI
VL 4554

35 NĂM THÀNH TỰU KINH TẾ VIỆT NAM VÀ DOANH NGHIỆP, DOANH NHÂN TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Bản sao lưu trữ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
- 2010 -

Bản sao lưu trữ

Lời nói đầu

Từ khi có chính sách mở cửa – trong sự nghiệp đổi mới của Đảng ta, với nhận thức rõ rệt xu thế phát triển chung có ý nghĩa thời đại, Việt Nam đã hòa nhịp với thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế - đã thúc đẩy nước ta có nền kinh tế ngày càng phát triển phong phú màu sắc; đồng thời cũng có rất nhiều thách thức do những điều kiện để hỗ trợ và tương hỗ lẫn nhau làm cho nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam có nhiều cơ hội đẩy mạnh sự phát triển kinh tế – xã hội của nước mình. Việt Nam đã liên tiếp hội nhập thị trường khối kinh tế các nước trong khu vực Đông Nam Á và giờ đây hội nhập quốc tế mạnh mẽ hơn nữa qua tổ chức thương mại thế giới WTO.

Trong vòng 35 năm qua, bức tranh kinh tế Việt Nam đã đổi mới đa dạng, một nền kinh tế với cơ chế thị trường làm cho nhiều nhà doanh nghiệp, doanh nhân trong nước lớn mạnh và thành đạt, đưa thương hiệu Việt ở nhiều lĩnh vực ra thị trường trong cũng như ngoài nước. Điều đó đã làm cho bạn bè thế giới không ít thán phục, từ một nước đổ nát nghìn năm bởi các cuộc chiến tranh xâm lược, Việt Nam đã từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, vươn lên trở thành quốc gia có nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ tốt nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Để đánh dấu những bước đi trưởng thành với thành tựu của cả nước trong 35 năm qua, Ban biên soạn tập sách: **"35 năm thành tựu kinh tế Việt Nam và doanh nghiệp, doanh nhân trong thời đổi mới"** giới thiệu cùng bạn đọc những bài viết phân tích đánh giá của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung ương, các nhà kinh tế, các giáo sư, tiến sĩ, nhà báo... đã từng và đang tham gia vào công cuộc đổi mới đất nước, nhằm ôn lại những mục tiêu đã đạt được; đồng thời cũng đưa ra các biện pháp kinh tế trong tương lai, để đất nước chúng ta ngày càng phát triển. Bên cạnh đó, chúng tôi còn đưa ra hình ảnh cụ thể chân dung những nhà doanh nhân – doanh nghiệp đương thời, nhằm tôn vinh những gì họ đã đóng góp tích cực cho nền kinh tế nước nhà thêm phần ổn định và phát triển.

Tuy nhiên, với bối cảnh kinh tế của nước ta rộng lớn mà phạm vi nghiên cứu, tìm tòi của chúng tôi cũng có phần giới hạn, vì thế khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định, nhưng với lòng nhiệt huyết chúng tôi mạnh dạn tập hợp các tư liệu để mong phục vụ bạn đọc quan tâm với vấn đề này.

Ban biên tập

Bản sao lưu trữ

LỜI CẢM ƠN

Ban biên tập chúng tôi chân thành cảm ơn những Quý vị đã có bài vở được trích đăng trong tập sách này. Trong nội dung này nếu có điều gì sơ xuất, xin Quý vị vui lòng niệm thứ.

Trân trọng.

- **Võ Văn Kiệt – cố Ủy viên Bộ Chính trị** – cố Thủ tướng Chính phủ
- **Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị** – Thủ tướng Chính phủ
- **Vũ Khoan** - Nguyên Bí thư Trung ương Đảng - Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ
- **PGS, TS . Tô Huy Rứa** - Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương
- **Hà Đăng** – nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Tổng biên tập báo Nhân dân
- **Đỗ Hoài Nam** – nguyên Ủy viên T.Ư Đảng, Chủ tịch Viện khoa học Xã hội Việt Nam
- **Đỗ Nguyên Phương** - nguyên Ủy viên T.Ư Đảng, nguyên Trưởng ban khoa giáo Trung ương
- **Nguyễn Duy Quý** - GS, VS ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương
- **Nguyễn Khánh Toàn** - Ủy viên T.Ư Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an
- **Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu** - Ủy viên T.Ư Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
- **Phạm Mạnh Hùng** – nguyên Phó trưởng ban Khoa giáo T.Ư
- **GS.TS Hoàng Thị Chinh** - Đại học Kinh tế Tp.HCM
- **Vũ Quốc Tuấn** - Chuyên gia kinh tế
- **ThS. Nguyễn Anh Ngọc** - Trung Tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP.HCM
- **GS. TS Hồ Đức Hùng** - Viện nghiên cứu Kinh tế Phát triển
- **PGS.TS Đào Duy Huân** - Tạp chí Phát triển kinh tế – ĐHKT TP.HCM
- **TS. Tạ Thị Mỹ Linh** - Đại học Kinh tế TP.HCM
- **Giản Tư Trung** - Trường Doanh nhân PACE.
- **Trần Văn Dũng** - Công ty TNHH một thành viên Tín Nghĩa
- **Đặng Minh Châu**

Bản sao lưu trữ

- **Lâm Quyền Quý**
- **TS. Nguyễn Thị Thanh Tĩnh** - Công ty TMHH Một thành viên Tín Nghĩa
- **Nguyễn Đức Hiền** - Công ty Phát triển CVPM Quang Trung
- **PGS-TS Nguyễn Trọng Phúc**
- **PGS, TSKH. Nguyễn Văn Đặng**
- **PGS, TS. Trần Hậu**
- **GS, VS. Nguyễn Duy Quý**
- **GS. Vũ Đình Cự**
- **Tiến sĩ Trần Du Lịch**
- **Xuân Hải**
- **Trung Trực**
- **Nguyên Hằng**
- **N.Trần Tâm**
- **Hà Phương Thảo**
- **Huy Hoàng**
- **Phạm Văn Đức** - Giám đốc Sở Thủy sản Cà Mau
- **Lý Hiền Minh**
- **Nguyễn Thị Ngọc**
- **Trí Hùng**
- **Lê Thị Cát Hoa**
- **Bình Dương**
- **Đức Giang**
- **Lê Văn Phúc**
- **Anh Phương**
- **Nguyệt Cầm**
- **Ngọc Duy – Đức Hồng**
- **Nguyễn Quang Tám**
- **Nguyễn Đức Ba**
- **Hồ Thu**

Bản sao lưu trữ

- **Vân Tùng**
- **Ngọc Quý**
- **Hồ Thu Thủy**
- **Hoàng Vũ**
- **Trân Trân**
- **Nguyễn Quang Tám**
- **Thuý An**
- **Hữu Tiến**
- **Văn Kỳ**
- **Dương Thủy** - Bảo Tàng PNVN
- **Bạch Hường**
- **Hồng Anh**

Bản sao lưu trữ

Tài liệu trích dẫn và tham khảo:

* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Chủ biên: GS, TS Trương Giang Long, Trưởng ban thường trú TCCS tại miền Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

* **Kinh tế Việt Nam Hội nhập và phát triển bền vững** - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.

* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) – (từ số 3 / 6.2008 đến số 21 – 37 / 2009).

* **Theo dòng thời sự kinh tế** - Nhà báo Duy Khanh, Nhà xuất bản Lao động, 2009.

* Báo Thanh Niên

* Website Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Website chính phủ.

* Thông tấn xã Việt Nam.

* Website: www. thanhnien online.com.vn

CHƯƠNG I

NHÌN LẠI NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI

Bản sao lưu trữ

CÔNG BỐ 10 SỰ KIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NỔI BẬT 2009

Hôm qua, Câu lạc bộ Nhà báo khoa học công nghệ (KHCN) trực thuộc Hội Nhà báo Việt Nam đã công bố kết quả cuộc bình chọn những sự kiện KHCN nổi bật 2009, do các nhà báo KHCN trên cả nước bình chọn. Đặc biệt, năm nay, lần đầu tiên việc bình chọn sự kiện KHCN đã mở rộng sang lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn.

Sự kiện đầu tiên: Kết luận của Bộ Chính trị về "Báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020"; sự kiện thứ 2: Thông qua chủ trương xây hai nhà máy điện hạt nhân; 3. Sản xuất thành công vắc-xin A (H1N1) trong phòng thí nghiệm; 4. Công bố Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam; 5. Lần đầu tiên Việt Nam cung cấp dịch vụ 3G; 6. Robot Việt gây tiếng vang lớn ở thị trường quốc tế; 7. Việt Nam có trạm thu ảnh vệ tinh ENVISAT đầu tiên ở châu Á; 8. TechMart Asean 3+. Techmart Vietnam ASEAN+3 là một hội chợ lớn nhất bởi có sự có mặt của các nước trong khối ASEAN và ba nước đối thoại là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc; 9. Công trình nghiên cứu "Vấn đề cơ bản đối với các nhóm unita" của GS Ngô Bảo Châu và GS Gerard Laumon vừa được tạp chí nổi tiếng thế giới Times bình chọn là một trong 10 sự kiện khoa học kiệt xuất thế giới năm 2009; 10. Phát hiện sắc chỉ quý liên quan đến Hoàng Sa.

Theo báo Thanh Niên

Bản sao lưu

10 SỰ KIỆN DI SẢN VĂN HÓA TIÊU BIỂU NĂM 2009

Hội Di sản văn hóa Việt Nam đã chính thức công bố 10 sự kiện tiêu biểu của Hội trong năm 2009.

1. Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

2. Thủ tướng Chính phủ công nhận 10 di tích quốc gia đặc biệt (đợt 1): Di tích lịch sử và khảo cổ Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội; Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quần thể kiến trúc cố đô Huế (Thừa Thiên-Huế); Di tích kiến trúc nghệ thuật Khu đền tháp Mỹ Sơn (Quảng Nam); Di tích kiến trúc nghệ thuật đô thị cổ Hội An (Quảng Nam); Danh lam thắng cảnh vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình); Di tích lịch sử Đền Hùng (Phú Thọ); Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (Hà Nội); Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (Điện Biên) và Di tích lịch sử Dinh Độc Lập (TP.HCM).

3. Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 36 lấy ngày 23.11 hằng năm là Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam.

4. UNESCO công nhận dân ca quan họ là Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại và ca trù là Di sản phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

5. Lễ hội Cồng chiêng quốc tế Gia Lai 2009.

6. Các hoạt động văn hóa đặc sắc nhân kỷ niệm lần thứ 5 Ngày Di sản văn hóa Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội.

7. Vịnh Hạ Long chính thức lọt vào vòng chung kết cuộc bầu chọn 7 kỳ quan thiên nhiên thế giới mới cùng với 27 ứng viên khác.

8. Tổ chức thành công Đại hội lần thứ 2 (nhiệm kỳ 2009 - 2014) của Hội Di sản Việt Nam.

9. Hội Di sản văn hóa Việt Nam thành lập 5 đơn vị trực thuộc và 95 tổ chức hội.

10. Hội Di sản văn hóa hoạt động hiệu qủa nhất năm 2009 là: Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội, Liên chi hội Lam Kinh - Thanh Hóa và Chi hội Hội Chân Tâm.

Theo báo Thanh Niên

Bản sao nội bộ

Bộ Văn hóa-Thể thao-Du lịch công bố 10 sự kiện tiêu biểu 2009

Ngày 27.12, tại Đà Nẵng, Bộ VH-TT-DL đã họp báo công bố các sự kiện tiêu biểu năm 2009, gồm:

1. Quốc hội khóa XII thông qua, Chủ tịch nước ban hành lệnh công bố ba luật: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6.5.2009 phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12.8.2009 xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt (đợt 1) đối với 10 di tích lịch sử - văn hóa.

- Bộ VH-TT-DL công bố công khai Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ với 179 thủ tục.

2. Dân ca quan họ Bắc Ninh được UNESCO ghi vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Ca trù được UNESCO ghi vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

- UNESCO ra Nghị quyết tham gia Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

3. Các hoạt động văn hóa đối ngoại trong Năm Ngoại giao văn hóa:

- Tuần Việt Nam tại Nga, Anh, Lào, Nam Phi, Venezuela, Brazil.

- Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Việt Nam tại Trung Quốc, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Ý.

- Chương trình Gặp gỡ Việt Nam (Meet Việt Nam) tại San Francisco (Mỹ).

- Thành lập Dàn nhạc dân tộc Việt Nam và tổ chức biểu diễn tại Lào.

- Tuần Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam, Tuần Văn hóa Campuchia tại Việt Nam.

- Dàn nhạc giao hưởng từ New York (Mỹ) biểu diễn tại Việt Nam.

4. Các hoạt động văn hóa - nghệ thuật kỷ niệm các ngày lễ lớn:

- Kỷ niệm 50 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn.

- Kỷ niệm 55 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

- Triển lãm 40 năm ngành VH- TT-DL thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tuần Văn hóa - Du lịch Quảng Nam hướng đến 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

5. Các hoạt động tôn vinh văn hóa truyền thống trong tiến trình hội nhập và giao lưu văn hóa thế giới:

- Lễ công bố Quyết định số 1668/ QĐ-TTg ngày 17.11.2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc xác lập ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam 19.4 và các hoạt động trong khuôn khổ ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam năm 2009.

- Festival Cồng chiêng quốc tế 2009 tại Gia Lai.

- Cuộc thi Hoa hậu Quý bà đẹp và thành đạt thế giới tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Festival lúa, gạo Việt Nam lần thứ I tại Hậu Giang.

- Những ngày Du lịch, Văn hóa Mê Kông- Nhật Bản tại Cần Thơ.

6. Phim Đừng đốt đoạt giải đặc biệt do khán giả bình chọn tại Liên hoan phim quốc tế Fukuoka (Nhật Bản).

- Việt Nam đoạt 4/7 giải thưởng của cuộc thi Âm nhạc quốc tế tổ chức tại Jakarta (Indonesia).

7. Đại hội Thể thao châu Á trong nhà lần 3 (AIG3) tại Việt Nam: Đoàn thể thao Việt Nam xếp thứ 2 trên tổng số 43 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự. Lễ khai mạc để lại ấn tượng tốt đẹp cho người hâm mộ và bạn bè quốc tế.

8. Đoàn thể thao Việt Nam thi đấu xuất sắc, xếp thứ 2 toàn đoàn tại SEA Games 25 với tổng số 215 huy chương, gồm 83 huy chương vàng, 75 huy chương bạc, 57 huy chương đồng. Đội bóng đá nữ đoạt huy chương vàng. Đội bóng đá nam đoạt huy chương bạc.

9. Diễn đàn Du lịch ASEAN 2009 (ATF-09).

Bản sao lưu trữ

- Chương trình kích cầu du lịch Ấn tượng Việt Nam.

10. Vịnh Hạ Long vào vòng chung kết cuộc bầu chọn 7 kỳ quan thiên nhiên của thế giới.

- Vịnh Lăng Cô (Thừa Thiên- Huế) được công nhận và xếp hạng vịnh đẹp thế giới.

Theo báo Thanh Niên

Bản sao lưu trữ

TỔNG QUÁT THÀNH TỰU KINH TẾ Ở VIỆT NAM SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI

Ban chuyên đề Wesite

Đảng Cộng sản Việt Nam

Từ nền kinh tế bao cấp, trì trệ bị bao vây cấm vận, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, đến hôm nay, sau 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế nước ta đã có những bước tiến vững vàng, tạo đà cho thế kỷ phát triển mới của đất nước.

Chúng ta có thể tự hào khẳng định, kinh tế Việt Nam 20 năm qua đạt được nhiều thành tựu to lớn:

Một là, đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, cơ sở vật chất – kỹ thuật được tăng cường, đời sống của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện.

Từ năm 1986 đến năm 1989, công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Nhưng vào đầu thập kỷ 90, khi bước vào thực hiện chiến lược 10 năm 1991 – 2000, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội. Nhờ triển khai mạnh mẽ đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, đến năm 1995 hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1991 – 1995 được hoàn thành vượt mức; đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ năm 1996 đến năm 2000 đất nước đã đạt nhịp độ tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của 10 năm (1990-2000) đạt 7,5%; năm 2000 so với năm 1990, GDP tăng hơn 2 lần. Trong 5 năm (2001-2005) của nhiệm kỳ Đại hội IX, GDP bình quân tăng gần 7,5% cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể, nguồn lực phát triển trong các thành phần kinh tế đã được huy động khá hơn; nhiều lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng đã được phát huy. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện.

Hai là, thực hiện có kết quả chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Để nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Đảng đã quan tâm lãnh đạo đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước. Luật

Lưu trữ số hóa

Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 tạo khung pháp lý, có tác dụng giải phóng lực lượng sản xuất, phục vụ cho việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước đổi mới một bước quan trọng theo hướng xóa bao cấp, thực hiện chế độ công ty, phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm của doanh nghiệp trong kinh doanh, giảm thiểu sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; đã tập trung chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Qua sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa, số doanh nghiệp nhà nước giảm đi (năm 1990 là 12.084, đến tháng 6 năm 2005 còn 2.980 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước), ngoài ra còn có 670 công ty cổ phần do Nhà nước chi phối chi phối trên 51% vốn điều lệ. Nhờ đổi mới như vậy mà các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn. Năm 2005 các doanh nghiệp đã đóng góp 39% GDP, 50% tổng ngân sách Nhà nước.

Kinh tế tập thể, mà nòng cốt là hợp tác xã, đã được đổi mới từng bước theo Luật Hợp tác xã và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Các Hợp tác xã đã chứng tỏ được rõ hơn vai trò, vị trí đối với kinh tế hộ trong sản xuất hàng hóa, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp, đóng góp vào tổng sản phẩm trong nước của khu vực Hợp tác xã giảm nhanh, nhưng bắt đầu có chiều hướng phục hồi. Số lượng Hợp tác xã tuy giảm nhiều so với trước (mặc dù hàng năm đã xuất hiện nhiều Hợp tác xã mới), nhưng nhờ đổi mới trong cơ chế trong Hợp tác xã, nên đã bảo đảm được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã tốt hơn, chất lượng và hiệu quả hoạt động khá hơn, mang lại hiệu quả cao hơn trước. Năm 2005, kinh tế tập thể đóng góp 8% GDP.

Kinh tế tư nhân phát huy ngày càng tốt hơn các nguồn lực và tiềm năng trong nhân dân, nhất là từ ngay sau khi có Luật Doanh nghiệp năm 2000. Sau gần 5 năm, cả nước có gần 108.300 doanh nghiệp mới đăng ký, đưa tổng số doanh nghiệp đăng ký lên khoảng 150.000, tăng gấp 2 lần so với 9 năm trước đây (1991-1999); tổng số vốn đăng ký đạt hơn 302.250 tỷ đồng (tương đương 18 tỷ USD, cao hơn số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký trong cùng thời kỳ).

Đóng góp lớn nhất và quan trọng nhất của kinh tế tư nhân là tạo việc làm và góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội. Năm 2004, số lao động làm việc trực tiếp trong các doanh nghiệp nhà nước, giải quyết khoảng 1,6 đến 2 triệu việc làm. Riêng số doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm 96% tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước) đã thu hút 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn, khoảng 25-26% lực lượng lao động cả nước. Các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp đã sử dụng khoang 16% lực lượng lao

Bản sao lưu trữ

động xã hội (khoảng hơn 6 triệu người). Năm 2005, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 37,7% GDP của cả nước.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng có bước phát triển quan trọng. Tính đến tháng 6 -2004, có 4.575 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép và còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đạt trên 43 tỷ USD. Năm 2005, khu vực này đóng góp 15,5 GDP, trên 7,5% tổng thu ngân sách, trên 17,1% tổng vốn đầu tư xã hội, trên 23% kim ngạch xuất khẩu (không kể dầu khí), đạt trên 35% giá trị sản xuất công nghiệp, thu hút hơn nửa triệu lao động.

Ba là, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dần được hình thành.

Nền kinh tế nhiều thành phần theo chủ trương của Đảng và được quy định trong Hiến pháp 1992 đã được cụ thể hóa bằng các luật, pháp lệnh. Với Luật Doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh được Hiến pháp 1992 quy định đã thực sự đi vào cuộc sống. Pháp lệnh về Hợp đồng kinh tế, Bộ Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật khuyến khích đầu tư trong nước đã tạo khung pháp lý ban đầu cho các yếu tố thị trường hình thành và vận hành từng bước. Đồng thời, Nhà nước đã thể chế hóa thành cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng, ưu đãi thuế, ... Nhờ đó, đã góp phần tích cực cho quá trình phát triển kinh tế thị trường trong suốt gần 23 năm qua.

Nhà nước đã từng bước tách chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của các cơ quan nhà nước, chức năng chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước của Nhà nước và chức năng kinh doanh của doanh nghiệp chuyển từ quản lý cụ thể các hoạt động của nền kinh tế sang quản lý tổng thể nền kinh tế quốc dân; chuyển từ can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế sang can thiệp gián tiếp thông qua hệ thống pháp luật, kế hoạch, cơ chế chính sách và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

Bốn là, cơ cấu kinh tế ngành, vùng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về cơ cấu ngành kinh tế: từ năm 1988 đến nay, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng nhanh và liên tục (năm1988 là21,6% GDP, năm 1995 là 28,8% năm 2003 là 40%, dự kiến năm 2005 chiếm 41% GDP). Từ chỗ chưa khai thác dầu, đến nay đã có sản lượng (quy ra dầu) gần 20 triệu tấn/năm; ngành công nghiệp chế tác chiếm 80% giá trị sản lượng công nghiệp; công nghiệp xây dựng phát triển khá mạnh; sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu ngày càng tăng. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP năm 1998 là

46,3%, năm 2003 còn 21,8%; năm 2005 là 20,5%. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, cơ cấu cây trồng và vật nuôi đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, các sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Giá trị tạo ra trên một đơn vị diện tích tăng lên. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đã tăng từ 33,1% năm 1998 lên 38,2% năm 2003, 38,5% năm 2005. Các ngành dịch vụ đã phát triển đa dạng hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và đời sống. Ngành bưu chính – viễn thông và du lịch phát triển nhanh. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn pháp lý ... có bước phát triển khá.

Về cơ cấu các vùng kinh tế: có sự chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh và quan tâm hỗ trợ các vùng còn có nhiều khó khăn. Ba vùng kinh tế trọng điểm đã phát triển với tốc độ cao hơn mức bình quân của cả nước, hiện chiếm hơn 60%% GDP của cả nước, dần phát huy lợi thế so sánh, bước đầu có vai trò thúc đẩy các vùng khác phát triển. Các vùng kinh tế còn khó khăn đang từng bước vươn lên, có chuyển biến tốt về đời sống kinh tế – xã hội. Tốc độ đô thị hóa tương đối nhanh. Các vùng ngoại thành, ven đô thị được chú trọng phát triển.

Về cơ cấu lao động: Có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong sản xuất thần nông, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Năm 1990, lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 73,02% tổng số lao động xã hội, năm 2004 còn 58%, năm 2001 còn 57%; năm 2005 lao động trong công nghiệp và xây dựng là gần 18%, trong dịch vụ là 25%.

Việc chuyển dịch cơ cầu đầu tư có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP tăng khá nhanh; nguồn vốn tích lũy trong nước đã được khai thác tốt hơn , chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư. Mặt khác, cũng huy động được nhiều vốn bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đã hướng mạnh hơn đầu tư vào các mục tiêu chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; bổ sung thiết bị và hiện đại hóa một số ngành công nghiệp; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất; xây dựng kết cấu hạ tầng; đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo – nhất là ở vùng núi, vùng khó khăn.

Năm là, đạt được những kết quả tích cực trong hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Vượt ra khỏi chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và các lực lượng thù địch nước ngoài, Việt Nam đã tham gia hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế trên các cấp độ và trong các lĩnh vực kinh tế then chốt (như thương mại dịch vụ,

lao động, đầu tư khoa học và công nghệ...). Đặc biệt là, nước ta đã tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày 28-7-1994, đã không ngừng mở rộng các quan hệ kinh tế song phương, tiểu vùng, vùng, liên vùng và tiến tới tham gia liên kết kinh tế toàn cầu. Đến năm 2005, nước ta đã có quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ, ký 90 hiệp định thương mại song song, trong đó, nổi bật là Hiệp định Thương mại với Mỹ, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hóa với nước ngoài và sẵn sàng ra nhập tổ chức thương mại quốc tế.

THƯ VIỆN QUỐC HỘI
VL 4554

Bản sao lưu trữ

NHỮNG CÔNG TRÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG HƠN 20 NĂM ĐỔI MỚI (1986 – 2009)

Ban chuyên đề Website
Đảng Cộng sản Việt Nam

(ĐCSVN) - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã khẳng định "công cuộc đổi mới 20 năm qua đã đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử làm thay đổi bộ mặt đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân". Nhiều công trình kinh tế – xã hội quan trọng đã và đang được xây dựng trong 20 năm qua góp phần to lớn vào sự phát triển của đất nước.

Bản sao lưu trữ

1. Nhà máy thủy điện Hòa Bình

Nhà máy thủy điện Hòa Bình, thuộc tỉnh Hòa Bình vào thời điểm này là công trình thủy điện lớn nhất nước ta và Đông Nam Á, do Liên Xô (trước đây) giúp đỡ. Công trình khởi công xây dựng ngày 20/12/1984. Công suất lắp máy theo thiết kế: 1.920MW, gồm 8 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất 240.000KW. Sản lượng điện hàng năm là 8,16 tỷ KWh.

2. Dầu khí Việt Nam phát triển mạnh

Năm 1981, liên doanh dầu khí quốc tế đầu tiên – Vietsovpetro ra đời và đã phát hiện thấy dòng dầu đầu tiên ở mỏ Bạch Hổ. Trong quá trình phát triển, Dầu khí Việt Nam đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Doanh thu từ xuất khẩu dầu thô giai đoạn 1991 – 2000 đạt trên 11,6 tỷ USD. Năm 2005 ngành dầu khí đã khai thác 18,6 triệu tấn dầu thô và 6,6 tỷ m^3 khí; toàn ngành đạt kim ngạch xuất khẩu trên 7 tỷ USD, tăng hơn kỷ lục đã đạt năm 2004 gần 1,33 tỷ USD.

3. Đường dây 500KV Bắc – Nam

Tháng 4/1992, công trình hệ thống truyền tải điện 500KV Bắc – Nam được khởi công xây dựng. Đường dây 500KV Bắc – Nam, công trình truyền tải điện, có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhờ đó mà lưới điện Việt Nam đã được nối kết thành một hệ thống thống nhất Bắc – Trung – Nam, tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau giữa 3

miền trong mọi điều kiện. Trong 12 năm qua công trình này đã phát huy hiệu quả to lớn trên mọi lĩnh vực.

4. Thủy điện Yaly

Được xây dựng trên sông Sê San, một con sông lớn ở Tây Nguyên, một công trình trọng điểm quốc gia, lớn thứ hai sau thủy điện Hòa Bình, với công suất 720MW và sản lượng điện trung bình 3,7 tỷ KW/năm. Ngày 4/11/1993, khởi công xây dựng, là công trình thủy điện đầu tiên do Việt Nam tự thiết kế và thi công, với tổng số vốn 9.300 tỷ đồng (tương đương 700 triệu USD), huy động trên 10.000 ngàn kỹ sư, công nhân Việt Nam và trên 80 chuyên gia nước ngoài.

5. Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Ngày 12/10/1998, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định về việc thành lập Khu công nghệ cao Hòa Lạc với 9 khu chức năng; khu nghiên cứu – triển khai công nghệ. Trung tâm phần mềm quốc gia, Khu công nghiệp Công nghệ cao, Trung tâm hành chính, Trung tâm đào tạo, huấn luyện tay nghề, Khu đô thị thương mại, Khu nhà ở cao cấp, Khu phố mới và khu giải trí.

Các lĩnh vực công nghệ ưu tiên đưa vào khu công nghệ cao Hòa Lạc: Công nghệ tin học, đặc biệt là phát triển phần mềm tin học, điện tử, cơ điện tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ môi trường (kể cả năng lượng mới); tổng số vốn đầu tư khoảng 826 triệu USD và được chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn 1 (đến năm 2005, rộng 800ha), giai đoạn 2 (đến năm 2010), giai đoạn 3 (đến năm 2020, rộng 1.600ha): Phát triển và sáng tạo Công nghệ cao. Khu công nghệ cao Hòa Lạc phấn đấu sẽ trở thành một trung tâm Công nghệ cao trong khu vực ASEAN.

6. Cầu Mỹ Thuận, cầu dây-văng đầu tiên của Việt Nam

Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền, nằm trên trục quốc lộ 1A, tuyến đường huyết mạch từ các tỉnh miền Tây lên thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Tổng vốn đầu tư là 96 triệu đô la Ôxtrâylia (tương đương 787,2 tỷ đồng).

Cầu Mỹ Thuận khởi công xây dựng ngày 6/7/1997; ngày 21/5/2000, hai Chính phủ Việt Nam và Ôxtrâylia làm lễ khánh thành, chính thức đưa cầu vào sử dụng. Đây là cầu dây văng hiện đại nhất hiện nay ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á, do công nhân, cán bộ kỹ thuật Việt Nam đảm nhận thi công, dưới sự giám sát kỹ thuật của các chuyên gia Ôxtrâylia.

7. Khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng

Khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng là một đầu mối giao thông liên vùng và quốc tế gắn với hệ thống giao thông xuyên Á và tuyến kinh tế hành lang Đông – Tây của ASEAN được khởi công xây dựng ngày 30/11/1998.

Khu công nghiệp – cảng thương mại tổng hợp Vũng Áng ở phía Tây mũi Ròn (thuộc thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) thuận lợi cho các loại tàu trọng tải từ 15.000 tấn đến 50.000 tấn ra vào. Cầu cảng Vũng Áng số 1 hiện nay với kinh phí 135,5 tỷ đồng được lắp đặt 3 cần cẩu hiện đại có khả năng bốc xếp mỗi năm 460.000 tấn hàng hóa. Ngày 7/2/2001, khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng giai đoạn 1 được khánh thành và đưa vào khai thác sử dụng. Khu công nghiệp này gồm 2 cụm cảng: Cụm cảng Vũng Áng và Vũng Sơn Dương.

Cả 2 cụm Vũng Áng và Sơn Dương có mặt bằng xây dựng được 6 khu cảng với tổng số 56 bến, trải trên một vùng đất rộng 650ha. Tổng lượng hàng thông qua các cảng này trong tương lai sẽ khoảng 48 triệu tấn/năm.

Cụm cảng Vũng Áng giai đoạn 2 khi hoàn thành đảm bảo năng lực nhận tàu chở hàng trọng tải đến 45.000DWT, đạt công suất 860.000 tấn/năm.

8. Cảng Cái Lân

Năm 1996, Chính phủ phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Lân. Theo thiết kế, 7 bến của cảng (kể cả bến hiện có) có tổng chiều dài 1.461m với lượng hàng hóa thông qua 2,8 triệu tấn/năm và cho phép tiếp nhận tàu có công suất từ 3 vạn đến 4 vạn tấn. Dự án có tổng mức đầu tư là 1.409 tỷ đồng.

Ngày 26/9/2000, cảng Cái Lân được khởi công xây dựng, bắt đầu bằng gói thầu 1 do nhà thầu Penta Ocean Contruction đảm nhận với tổng giá trị 4.454.501.956 yên (Nhật Bản). Ngày 13/12/2003, cảng biển nước sâu Cái Lân (Quảng Ninh) đi vào hoạt động. Đây là cảng nước sâu đầu tiên, duy nhất của khu vực phía Bắc tiếp nhận các loại tàu trọng tải từ 2 đến 5 vạn DWT.

9. Xi măng Nghi Sơn (Thanh Hóa) – Nhà máy xi măng lớn nhất Việt Nam có công suất 4,3 triệu tấn/năm đã khánh thành ngày 12/11/2000, với tổng số vốn đầu tư 373 triệu USD.

Cuối năm 2005, Công ty xi măng Nghi Sơn khởi công dây chuyền 2 có công suất 2,15 triệu tấn/năm, tổng mức đầu tư 249 triệu USD, bao gồm cả trạm phân phối xi măng đặt tại Ninh Thùy (Khánh Hòa) công suất 0,5 triệu tấn/năm và 2 tàu chuyên dụng (tàu chở xi măng rời) có tổng công suất 30.000 tấn. Sau khi khánh thành dây chuyền 2, công suất cả nhà máy xi măng Nghi Sơn sẽ là 4,3 triệu tấn/năm – lớn nhất Việt Nam.

10. Đường Hồ Chí Minh

Được khởi công xây dựng năm 2000, đường Hồ Chí Minh kéo dài từ tỉnh Cao Bằng (biên giới phía Bắc), đến tỉnh Cà Mau (cực Nam Tổ quốc) chạy dọc theo phía Tây song song với quốc lộ 1. Công trình đường Hồ Chí Minh đi qua 29 tỉnh, thành phố suốt Bắc – Trung – Nam. Tổng chiều dài của công trình đường Hồ Chí Minh theo qui hoạch xấp xỉ 3.129km. Các giai đoạn đầu tư xây dựng toàn tuyến đường như sau: Giai đoạn 1 (2000 – 2005): nối thông toàn tuyến từ Hòa Lạc đến ngã tư Bình Phước, với qui mô hai làn xe. Giai đoạn 2 (2006 – 2010): xây dựng hoàn chỉnh đường ô tô hai làn xe theo qui hoạch, từ Pác Bó (tỉnh Cao Bằng) đến đất Mũi (tỉnh Cà Mau). Đồng thời, mở rộng mặt cắt ngang một số đoạn cục bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Giai đoạn 3 (sau 2010): tùy thuộc vào yêu cầu và khả năng cân đối nguồn tài chính, để tiếp tục mở rộng đường theo qui mô qui hoạch.

11. Hầm đường bộ qua đèo Hải Vân – hầm đường bộ dài nhất Việt Nam và Đông Nam Á

Được khởi công xây dựng ngày 1/10/2000.

Hầm xây dựng xuyên qua núi Hải Vân dài khoảng 12,047km kể cả đường dẫn so với tuyến đường đèo hiện nay là 21km. Tổng mức đầu tư 251,042 triệu USD. Đoạn đường đèo Hải Vân hiện nay là một phần của quốc lộ 1A, có vai trò quan trọng trên tuyến đường bộ chạy suốt từ Bắc vào Nam. Đây là công trình được thiết kế vĩnh cửu với tải trọng thiết kế: H30 – XB80; tốc độ thiết kế: 2 làn xe, tốc độ thiết kế 80km/h; tiêu chuẩn thiết kế: Việt Nam, Mỹ, Nhật Bản và một số tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành.

12. Sân vận động quốc gia Mỹ Đình – Sân vận động lớn nhất Việt Nam

Ngày 25/11/2000, khởi công xây dựng Khu Liên hợp thể thao quốc gia phục vụ Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 (SEA Games 22) tại xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm – Hà Nội. Khu Liên hợp thể thao có tổng diện tích 247ha, nằm ở phía Tây Hà Nội, thuộc địa phận hai xã Mễ Trì và Mỹ Đình, gồm 28 hạng mục, trong đó có công trình Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, với tổng số vốn đầu tư 966 tỷ đồng, phù hợp với các tiêu chuẩn của thể thao quốc tế.

Ngày 2/9/2003, khánh thành Sân vận động quốc gia Mỹ Đình.

13. Nhà máy đạm Phú Mỹ – công trình hóa dầu lớn nhất của Việt Nam, khởi công xây dựng ngày 12/3/2001 và khánh thành ngày 15/12/2004, tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân thành (Bà Rịa _ Vũng Tàu). Sự kiện này đánh dấu một mốc son mới trong chặng đường phát triển của ngành

công nghiệp phân bón Việt Nam. Đây là công trình hóa dầu lớn nhất của Việt Nam được xây dựng trên diện tích 63ha, với tổng vốn đầu tư 445 triệu USD, có khả năng cung ứng khoảng 1/3 lượng phân bón cần thiết cho ngành nông nghiệp.

14. Đường ống dẫn khí đốt Nam Côn Sơn

Ngày 31/5/2001, khởi công xây dựng đường ống dẫn khí đốt Nam Côn Sơn dài 399km, gồm 362km đường ống ngầm dưới biển và 37km trên đất liền đưa khí từ các mỏ Lan Tây, Lan Đỏ về Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dự án đường ống có vốn đầu tư là 365 triệu USD trong tổng số vốn đầu tư của toàn bộ dự án khí Nam Côn Sơn là 1,5 tỷ USD. Đường ống có công suất vận chuyển 7 tỷ m^3 khí/năm. Từ khi đi vào hoạt động đến nay đã cung cấp hơn 4 tỷ m^3 khí.

15. Cảng Tiên Sa – Đà Nẵng

Ngày 20/10/2001, khởi công Dự án nâng cấp và mở rộng Cảng Tiên Sa (Đà Nẵng), với tổng vốn đầu tư 1.393 tỷ đồng. Mục đích của dự án là nâng cao khả năng khai thác của Cảng Tiên Sa từ 1,2 triệu tấn/năm lên 4 triệu tấn/năm vào năm 2005. Dự án nâng cấp và mở rộng Cảng Tiên Sa – Đà Nẵng có một số gói thầu chính như: Đường nối Cảng Tiên Sa với quốc lộ 1A và nút giao thông Hòa Cầm, xây dựng cầu Tuyên Sơn và đường dẫn hai đầu cầu, các gói thầu nâng cấp cơ sở vật chất khác cho Cảng Tiên Sa...

Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa góp phần quan trọng trong việc nâng cao vị thế của thành phố Đà Nẵng – trung tâm kinh tế xã hội ở miền Trung cũng như tiến trình hợp tác phát triển kinh tế đối ngoại trong khu vực.

16. Nhà máy Xi măng sông Gianh

Ngày 13/1/2002, khởi công xây dựng nhà máy Xi măng sông Gianh (hiện nay đổi tên là Công ty Xi măng Cosevco sông Gianh) tại xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nhà máy có công suất 1,4 triệu tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2.877 tỷ đồng; được xây lắp theo công nghệ Đức – là công nghệ sản xuất xi măng tiên tiến, hiện đại hàng đầu của thế giới. Sản phẩm của Nhà máy là các loại xi măng PCB – 30, PCB – 40, PC50 được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Đầu năm 2006, Nhà máy Xi măng sông Gianh đã sản xuất mẻ clinker đầu tiên (hơn 1 vạn tấn) đạt yêu cầu về chất lượng và màu sắc theo tiêu

chuẩn Việt Nam 7024:2002. Nhà máy cũng đã xuất bán 400 tấn sản phẩm clinke đầu tiên. Năm 2006, Nhà máy sản xuất khoảng 1,2 triệu tấn xi măng.

17. Cầu Rạch Miễu

Cầu Rạch Miễu được khởi công xây dựng ngày 30/4/2002 tại tỉnh Bến Tre. Đây là cây cầu dây văng lớn và hiện đại đầu tiên do Việt Nam thiết kế xây dựng và là cây cầu dài nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long, có tổng chiều dài 8.331,5m. Tổng vốn đầu tư cho công trình là 599,9 tỷ đồng.

18. Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí

Ngày 25/2/2002, tại Quảng Ninh, khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí mở rộng, có công suất lắp đặt 300MW. Nhà máy có tổng vốn đầu tư hơn 4.271 tỷ đồng (305,8 triệu USD). Đây là dự án thực hiện theo phương thức (EPC) nhằm phát huy nội lực các doanh nghiệp trong nước. Khi Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí đi vào vận hành sẽ cho sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 1,8 tỷ KWh, góp phần làm ổn định lưới điện quốc gia và trước mắt giải quyết tình trạng thiếu điện vào mùa hè.

19. Tổ hợp khí – điện – đạm Cà Mau

Ngày 10/3/2002, công trình này được khởi công xây dựng tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Tổ hợp có tổng số vốn đầu tư giai đoạn 1 là 17.000 tỷ đồng. Ba công trình chính của Tổ hợp khí – điện – đạm Cà Mau gồm: đường ống dẫn khí dài 332km (sản lượng khí 1,25 tỷ m^3/năm) từ lô PM3 – CAA và mỏ Cái Nước thuộc vùng biển Tây Nam Việt Nam vào Cà Mau; nhà máy điện tuabin khí công suất 720MW và nhà máy sản xuất phân đạm công suất 800.000 tấn/năm.

Tổ hợp khí – điện – đạm Cà Mau sẽ tác động trực tiếp đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

20. Công trình thủy điện Sê San 3

Khởi công xây dựng ngày 15/6/2002 tại xã Ia Mơnông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Đây là công trình thủy điện đầu tiên ở Việt Nam được giao cho Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu EPPEC (tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công xây lắp).

Công trình nằm ở bậc thang dưới của nhà máy Thủy điện Yaly và bậc trên của Nhà máy Thủy điện Sê San 3A và Sê San 4 trên dòng sông Sê San.

Công trình gồm 2 tổ máy, công suất lắp đặt 260MW, công suất đảm bảo 108MW, sản lượng điện trung bình hàng năm gần 1,2 tỷ KWh.

Công trình có tổng kinh phí gần 4.100 tỷ đồng. Việc xây dựng Thủy điện Sê San 3 ngay sau khi hoàn thành thủy điện Yaly thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước về đầu tư phát triển kinh tế xã hội và cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

21. Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn

Ngày 5/8/2002, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 647/QĐ. Thủ tướng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Liên hợp hóa lọc dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa, có công suất chế biến 7 triệu tấn dầu thô/năm, trên diện tích 325ha và sẽ hoạt động vào năm 2011, với tổng vốn đầu tư 2,488 tỷ USD, riêng giai đoạn 1 khoảng 1,7 – 1,8 tỷ USD.

22. Đường dây 500KV Phú Mỹ – Nhà Bè – Phú Lâm

Ngày 16/8/2002, tại khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và liên doanh Công ty Xây lắp điện 1,2 khởi công xây dựng đường dây 500KV nối Trung tâm Điện lực Phú Mỹ với trạm Nhà Bè và đường dây 500KV tại trạm Phú Lâm.

Đường dây 500KV Phú Mỹ – Nhà Bè – Phú Lâm có vai trò quan trọng trong việc tải điện từ Trung tâm Điện lực Phú Mỹ lên hệ thống điện toàn quốc tạo thành mối liên hệ vững chắc giữa nguồn điện (cụm nhiệt điện Phú Mỹ – Bà Rịa) và thành phố Hồ Chí Minh.

23. Cầu Thanh Trì – cầu đường bộ lớn nhất Việt Nam

Khởi công xây dựng ngày 30/11/2002. Cầu dài 12,4km, cầu chính dài 3,084m, rộng 33,1m cho 6 làn xe cao tốc. Tốc độ thiết kế 100 km/giờ. Đây là cây cầu thứ 4 vượt sông Hồng và là cầu đường bộ lớn nhất Việt Nam, là mắt xích quan trọng trong Dự án đường Nam vành đai 3 của Hà Nội. Cầu Thanh Trì hoàn thành, cũng là khi hoàn thiện vành đai 3, mở đường cho các phương tiện giao thông từ miền Trung ra miền Bắc hoặc ngược lại, đồng thời giảm lưu lượng giao thông cho thành phố, vừa giảm chiều dài lộ trình của đoàn xe. Tổng vốn đầu tư là 410 triệu USD (khoảng 6.700 tỷ đồng). Đến ngày 27/01/2006, gói thầu chính vượt sông của Dự án cầu Thanh Trì đã hoàn thành được 80% khối lượng công trình, thông xe cầu Thanh Trì vào tháng 11/2006.

24. Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang

Khởi công ngày 22/12/2002, tại thị trấn Na Hang. Nhà máy có công suất lắp đặt 342MW, sản lượng điện hàng năm 1.295 tỷ KWh, với tổng mức đầu tư 7.522 tỷ đồng. Tổng diện tích của công trình chính là hơn 600ha. Công trình được thi công bằng những thiết bị hiện đại của nước ngoài như: Mỹ, Italia, Nhật Bản và Đức.

Dự kiến, Thủy điện Tuyên Quang, mỗi năm cung cấp khoảng 1,3 tỷ KWh điện. Công trình Thủy điện Tuyên Quang mang lợi ích tổng hợp với dung tích phòng lũ khoảng 1 tỷ m^3, cung cấp nước cho vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội và cắt lũ hầu như hoàn toàn cho thị xã Tuyên Quang.

25. Nhà máy Giấy và bột giấy Thanh Hóa được khởi công xây dựng 9/02/2003, tại xã Châu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trên diện tích 86ha. Nhà máy sẽ thu hút trực tiếp 1.000 lao động và tạo việc làm cho hơn 200.000 lao động trồng rừng ở các huyện miền núi của tỉnh. Đây là nhà máy giấy đầu tiên do Việt Nam đầu tư và xây dựng, với trên 50% giá trị thiết bị được sản xuất trong nước. Tổng số vốn đầu tư 1.582.826 tỷ đồng.

26. Công trình thủy điện Đại Ninh

Ngày 10/5/2003, khởi công xây dựng Công trình thủy điện Đại Ninh, thuộc địa phận 2 tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận. Công suất lắp máy 300MW. Công trình có tổng vốn đầu tư là 440 triệu USD.

Với công suất 300MW và sản lượng điện hàng năm gần 1,2 tỷ KWh. Thủy điện Đại Ninh là dự án thủy điện có công suất lắp đặt lớn thứ 2 trong hệ thống bậc thang khai thác thủy điện sông Đồng Nai, sau thủy điện Trị An công suất 400MW. Thủy điện Đại Ninh phát điện năm 2007, hoàn thành năm 2008.

27. Cầu Bãi Cháy – "lối vào" cho du lịch Quảng Ninh

Ngày 18/5/2003, khởi công xây dựng cầu Bãi Cháy bắc qua eo biển Cửa Lục (Hạ Long – Quảng Ninh). Đây là cầu dây văng bê tông thép dự ứng lực một mặt phẳng lớn, dài 903m, trong đó chiều dài nhịp chính là 435m, rộng 25,3m, gồm bốn làn xe chạy, hai làn cho xe thô sơ và người đi bộ. Tĩnh không thông thuyền của cầu là 50m, chiều cao 130m, đảm bảo cho tàu 5 vạn tấn qua lại thuận tiện.

Điểm đặc biệt, cầu Bãi Cháy được thiết kế hệ thống thang máy chạy dọc hai tháp chính, tạo điều kiện lý tưởng cho khách du lịch ngắm nhìn toàn cảnh vịnh Hạ Long. Cầu có tổng vốn đầu tư 1.514 tỷ đồng.

Bản sao lưu trữ

Theo báo cáo của các đơn vị thi công. Nhà thầu đang triển khai đúc hẫng cân bằng 128 khối dầm tại 4 mũi thi công; xây dựng 48 đốt tháp tại hai trụ cầu chính, lắp dựng và điều chỉnh 112 bó cáp dây văng....

Cầu Bãi Cháy hoàn thành vào năm 2007, công trình sẽ nối liền khu nghỉ mát Bãi Cháy với trung tâm thành phố du lịch Hạ Long.

28. Quốc lộ 10 và cầu Kiền – Cầu dây văng dài nhất ở miền Bắc

Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của vùng Đông Bắc Việt Nam, Chính phủ đã quyết định đầu tư dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 10. Toàn bộ dự án được chia thành 11 gói thầu xây dựng. Cầu Kiền là hạng mục cuối cùng của tổng số 11 gói thầu thuộc dự án cải tạo nâng cấp QL. 10. Đây là cầu dây văng lớn nhất, hiện đại nhất khu vực miền Bắc.

Ngày 28/9/2003, tại Hải Phòng, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thông xe cầu Kiền và QL.10.

Quốc lộ 10 có tổng chiều dài 162km, bắt đầu từ Bí Chợ (Quảng Ninh) đến thị xã Ninh Bình, là đường chiến lược nối mạng với QL.1, QL. 5, Ql. 18, đi qua các tỉnh, thành phố; Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình. Triển khai dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 10, đã hoàn thành xây dựng 5 cầu lớn. Cầu Đá Bạc (Hải Phòng – thông xe tháng 3/2002). Quý Cao (Hải Phòng – thông xe tháng 4/2002), Tân Đệ (Thái Bình – thông xe tháng 2/2002), Non Nước (Minh Bình – thông xe tháng 5/2002), Cầu Kiền (Hải Phòng – thông xe 28/9/2003). Ngoài ra còn có hơn 30 cầu nhỏ, cầu trung, trong đó có 3 cầu vượt đường sắt tại Quán Toan (Hải Phòng), Nam Định, Ninh Bình và 162km đường tiêu chuẩn hai làn xe.

Cầu Kiền là cây cầu cuối cùng bắc qua sông Cấm, trên quốc lộ 10. Cầu có chiều dài trên 1.186m, rộng 16,7m, 3 nhịp chính có kết cấu dây văng. Cầu dẫn hai bờ gồm 24 nhịp, mỗi nhịp dài 34m, đường dẫn hai đầu cầu dài 434m. Nhịp chính được thi công theo phương pháp "Dầm hộp đúc sẵn lắp hẫng cân bằng". Công nghệ đúc sẵn 110 khối bê tông dầm hộp cỡ lớn, nặng từ 98 đến 128 tấn, sau đó được cẩu lên lắp hẫng, ghép từng đốt cân bằng ở độ cao 50m và treo bằng 36 đôi cáp, tạo nên nhịp thông thuyền dài 200m. Đây là biện pháp thi công được áp dụng lần đầu tiên tại Việt Nam. Dự án cầu Kiền trị giá trên 316 tỷ đồng.

29. Thủy điện Sơn La – dự án thủy điện lớn nhất ở nước ta

Ngày 16/12/2003, kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XI thông qua Nghị quyết về phương án xây dựng nhà máy thủy điện ở Sơn La (TĐSL). Đây là một dự

Bản sao lưu trữ

án thuộc các công trình quan trọng quốc gia và sẽ là công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á (trước đó nhà máy Thủy điện Hòa Bình là công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á). Thủy điện Sơn La được xây dựng ở xã Ít Ong, huyện Mường Tè, Sơn La. Công trình có công suất khoảng 2400MW. Sau khi hoàn thành sẽ cho thêm một lượng điện là 9,2 tỷ KWh, cung cấp cho nhu cầu phụ tải của hệ thống điện Việt Nam sau năm 2010.

Ngày 15/01/2004, Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt đầu tư dự án Thủy điện Sơn La với tổng mức đầu tư là 36.933 tỷ đồng. Dự án có 3 mục tiêu chính là: Cung cấp điện năng (9,2 tỷ KWh/năm; phòng lũ cho hạ du khoảng 7 tỷ m^3 nước (bao gồm Sơn La 4 tỷ m^3), góp phần chống lũ và cung cấp nước về mùa hạn cho đồng bằng Bắc Bộ (với dung tích điều tiết 5,97 tỷ m^3) và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội vùng Tây Bắc.

30. Nhà máy Thủy điện Ba Hạ

Ngày 18/4/2004, khởi công xây dựng công trình Thủy điện Ba Hạ, tỉnh Phú Yên. Nhà máy Thủy điện Ba Hạ nằm trên sông Ba, được qui hoạch trên địa bàn 15 xã miền núi thuộc hai huyện sông Hinh, Sơn Hòa (tỉnh Phú Yên) và huyện Krông Ba (tỉnh Gia Lai) với tổng mức đầu tư của công trình hơn 3.850 tỷ đồng. Đến đầu năm 2006, khối lượng công việc xây dựng Nhà máy Thủy điện Ba Hạ được tích cực triển khai. Nhà máy hoàn thành vào năm 2008, tạo nguồn phát điện 825 triệu KWh/năm cho lưới điện quốc gia; góp phần làm giảm thiệt hại do lũ gây ra và tăng nguồn nước tưới vào mùa khô, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và khu vực.

31. Cầu Cần Thơ – cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất khu vực Đông Nam Á

Ngày 25/9/2004 khởi công xây dựng cầu Cần Thơ. Đây là cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất khu vực Đông Nam Á hiện nay; đồng thời cũng là cây cầu cuối cùng đánh dấu sự hoàn tất hệ thống cầu đường trên tuyến quốc lộ 1 – trục giao thông huyết mạch và quan trọng nhất của Việt Nam.

Cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu, nối tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ, tổng chiều dài của toàn tuyến là 15,85km, trong đó phần cầu chính (bao gồm cầu treo dây văng và các cầu dẫn hai bên) có chiều dài 2,75km, rộng 23,1 m với bốn làn xe cơ giới (rộng 4 x 3,5m) và hai làn bộ hành (rộng 2 x 2,75m). Phần đường dẫn vào cầu dài 13,1km với 13 cầu, trong đó 4 cầu trên

Bản sao lưu trữ

đất Vĩnh Long và 9 cầu trên địa phận thành phố Cần Thơ. Công trình có tổng vốn đầu tư 295 triệu USD (tương đương 4.832 tỷ đồng).

32. Hầm Thủ Thiêm qua sông Sài Gòn – công trình đường hầm lớn nhất khu vực Đông Nam Á

Dự án đại lộ Đông – Tây Sài Gòn có chiều dài toàn tuyến 21,89km, đi qua địa bàn các quận 1,2,4,5,6,8, Bình Tân và huyện Bình Chánh, trong đó có 1.49km đường hầm vượt sông Sài Gòn sang Thủ Thiêm. Trong toàn bộ dự án đại lộ Đông – Tây, hầm Thủ Thiêm là hạng mục công trình có công nghệ xây dựng hiện đại và phức tạp nhất. Sau khi hoàn thành, hầm Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn sẽ là hầm vượt sông lớn nhất Đông Nam Á.

Hầm vượt sông Sài Gòn sẽ được thực hiện theo phương án hầm dìm vì phương pháp này tiết kiệm chi phí và thời gian thi công, bảo đảm an toàn lưu thông trong hầm. Hầm dìm dài 1.490m (trong đó 371m nằm dưới lòng sông), rộng 33m, cao 9m, có sáu làn xe, mỗi bên ba làn cho cả ô tô và xe máy, chưa kể hai làn thoát hiểm. Ngoài hầm dìm, ở hai bên bờ là những đoạn hầm kín và hở với phương pháp thi công ít phức tạp hơn. Vỏ hầm có kết cấu bê tông cốt thép, dày 1,2m, đảm bảo chịu lực, chống thấm tốt và được kiểm tra kỹ khi còn ở trên bề đúc. Riêng ở khu vực Đông Nam Á thì hầm Thủ Thiêm là hầm dìm đầu tiên.

Gói thầu xây dựng hầm vượt sông Sài Gòn và đường mới Thủ Thiêm có tổng vốn đầu tư là 2.083 tỷ đồng (trong tổng số vốn dự án đại lộ Đông – Tây Sài Gòn 9.864 tỷ đồng), gồm các hạng mục chính như hầm vượt sông Sài Gòn dài trên 2,2km.

33. Cầu Vĩnh Tuy

Ngày 3/02/2005, khởi công xây dựng cầu Vĩnh Tuy, bắc qua sông Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cầu Vĩnh Tuy là một trong những dự án trọng điểm, trước mắt góp phần giảm tải cho cầu Chương Dương và cầu Long Biên. Về lâu dài, cầu Vĩnh Tuy là một nút giao thông quan trọng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của thủ đô Hà Nội.

Cầu Vĩnh Tuy có tổng chiều dài toàn tuyến là 5.830m; phần cầu chính vượt sông dài 3.778m được kết cấu bằng bê tông cốt thép dự ứng lực gồm 77 nhịp, đặt trên 2 mố và 76 trụ, trong đó có 6 nhịp thông thuyền giữa sông, mỗi nhịp dài 135m, chuỗi dầm bê tông dự ứng lực dài 990m. Quy mô mặt cắt ngang rộng 19,25m cho hai làn xe cơ giới và hai làn xe tổng hợp ((giai đoạn II với 1 cây cầu có quy mô, hình dáng như cầu của giai đoạn I, liền kề sẽ nâng

chiều rộng mặt cầu lên 38,5m)... Để thi công cầu này, nhà thầu phải sử dụng khoảng 110.000m^3 bê tông, 3.624 tấn thép dự ứng lực và 24.000 tấn thép thường... Tổng mức đầu tư xây dựng khoảng 4.631 tỷ đồng, trong đó giai đoạn I là 3.597 tỷ đồng, riêng phần xây lắp là 1.829 tỷ đồng.

Sau khi hoàn thành, cầu Vĩnh Tuy sẽ đảm bảo lưu lượng vận tải khoảng 34.000 lượt xe/ngày đêm vào năm 2010 và 72.000 lượt xe/ngày đêm vào năm 2020.

34. Đường Láng – Hòa Lạc: Tuyến đường cao tốc quy mô lớn, hiện đại nhất ở nước ta

Ngày 20.3.2005, khởi công xây dựng dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng – Hòa Lạc, nhằm đưa tuyến đường này trở thành đường cao tốc có quy mô lớn, hiện đại nhất ở nước ta.

Mặt cắt ngang đường gồm 2 thành phần: đường cao tốc đi giữa và đường gom hai bên: Phần đường cao tốc: Xây dựng theo quy mô sáu làn xe cấp 120, chiều rộng dải phân cách giữa bằng 20m. Tổng chiều rộng nền đường cao tốc bằng 52,5m. Phần đường gom: Mỗi bên xây dựng theo quy mô đường ô tô hai làn xe cấp 60, vỉa hè quy hoạch rộng từ 3m đến 10m. Tổng chiều rộng nền đường nền đường gom mỗi bên bằng 24m. Tổng chiều rộng chỉ giới xây dựng của đường Láng – Hòa Lạc (bao gồm cả phần lưu thông giữa đường cao tốc và đường gom) là 140m. Tổng vốn đầu tư dự án là 5.379 tỷ đồng. Khi hoàn thành dự án mở rộng và hoàn thiện đường cao tốc Làng – Hòa Lạc, con đường trở thành điểm tựa cho chuỗi đô thị Đông Xuân – Miếu Môn, khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu công nghiệp Phú Cát, làng Đại học Quốc gia, làng Văn hóa Quốc gia; kết nối với cầu Trung Hà.

35. Trung tâm Điện lực Phú Mỹ

Ngày 10/4/2005, tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, khánh thành 5 nhà máy thuộc Trùng tâm Điện lực Phú Mỹ là: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 2.1 mở rộng, đuôi hơi Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 4. Đây là tổ hợp các nhà máy điện có quy mô lớn nhất và hiện đại nhất Việt Nam.

36. Nhà máy Xi măng Cẩm Phả – nhà máy xi măng lò quay đầu tiên do Việt Nam tự xây dựng

Ngày 18/6/2005, khởi công xây dựng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả (Quảng Ninh). Nhà máy Xi măng Cẩm Phả có công suất thiết kế của dự án là 2,3 triệu tấn xi măng/năm. Nhà máy có tổng số vốn đầu tư hơn 4.740 tỷ đồng. Nhà máy Xi măng Cẩm Phả chuyên sản xuất xi măng PCB40 bằng lò quay

theo phương pháp khô, sử dụng công nghệ tiên tiến và tự động hóa ở mức cao. Nhà máy có tổng mức đầu tư là 4.739,242 tỷ đồng.

Nhà máy Xi măng Cẩm phả gồm hai hạng mục: Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, được xây dựng trên diện tích 75ha tại phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả (Quảng Ninh), công suất 1,89 triệu tấn clinker/năm, cho 820.000 tấn xi măng và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả được xây dựng trên 20ha tại KCN Mỹ Xuân, huyện Tân Thành (Bà Rịa-Vũng Tàu), sẽ tiếp nhận và nghiền 1,2 triệu tấn clinker từ nhà máy chính để sản xuất 1,48 triệu tấn xi măng/năm.

Nhà máy có thể sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nguyên liệu từ các mỏ đá Quang Hanh, mỏ sét Hà Chanh, than Quảng Ninh; đồng thời, nhà máy còn nằm cạnh cảng nước sâu có thể tiếp nhận tàu trọng tải 15.000 tấn-nơi trung chuyển thuận lợi sản phẩm đầu ra cho nhà máy.

37. Đường dây 500KV Bắc – Nam mạch 2

Ngày 23/10/2005, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) chính thức đưa vào vận hành toàn bộ mạch 2 đường dây 500KV Bắc-Nam. Đường dây 500KV Bắc - Nam mạch 2 trở thành nhân tố quan trọng nhất của hệ thống điện Quốc gia với việc hợp nhất lưới điện bền vững ba miền Bắc – Trung - Nam.

Khác với hệ thống đường dây 500KV Bắc-Nam mạch 1 trước đây được xây dựng thành một dự án, đường dây mạch 2 được chia thành 4 dự án độc lập bao gồm: đường dây 500KV Pleicu-Phú Lâm và 2 ngăn lộ 500KV tại các trạm biến áp 500KV Pleiku và Phú Lâm; đường dây 500KV Pleiku-Dốc Sỏi-Đà Nẵng và 2 ngăn lộ 500KV tại các trạm biến áp 500KV Pleiku và Đà Năng; đường dây 500KV Đà Nẵng-Hà Tĩnh và 2 ngăn lộ 500KV tại các trạm biến áp 500KV Đà Nẵng và Hà Tĩnh và 2 ngăn lộ 500KV tại các trạm biến áp 500KV Đà Nẵng và Hà Tĩnh; đường dây 500KV Hà Tĩnh-Nho Quan và trạm biến áp 500KV Nho Quan, đường dây 500KV Nho Quan – Thường Tín và trạm biến áp 500KV Thường Tín.

Khối lượng chủ yếu của đường dây 500KV Bắc - Nam mạch 2: Tổng vốn đầu tư 7.510 tỷ đồng. Tổng chiều dài 1.606,37km, đi qua 21 tỉnh, thành phố.

Đường dây 500KV Bắc-Nam mạch 2 đưa vào vận hành cung cấp điện kịp thời cho các tỉnh miền Bắc trong giai đoạn 2004-2010 và làm nhiệm vụ trao đổi điện năng giữa các miền, đảm bảo vận hành ổn định, an toàn kể cả trong trường hợp một trong hai mạch bị sự cố ngừng cung cấp điện; đồng thời

Bản sao lưu trữ

là nền tảng để kết nối lưới điện 500KV với các nước tiểu vùng và khu vực Đông Nam Á.

38. Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Ngày 28/11/2005, khởi công xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Dự án này được thực hiện theo hình thức Việt Nam tự đầu tư, xây đựng tại hai xã Bình Trị và Bình Thuận trong khu kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích chiếm đất và mặt biển của Nhà máy là 816,03ha. Chủng loại sản phẩm của nhà máy gồm: propylen, khí hoá lỏng (LPG), xăng ô tô không pha chì (xăng A-90/92/95 RON), nhiên liệu phản lực/dầu hỏa dân dụng, nhiên liệu diezel ô tô (DO) và dầu nhiên liệu (FO). Chất lượng sản phẩm: Đối với các sản phẩm tiêu thụ trong nước tuân theo các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của Việt Nam. Đối với các sản phẩm xuất khẩu phải đáp ứng các yêu cầu chất lượng xuất khẩu.

Tổng mức đầu tư Nhà máy lọc dầu Dung Quất 2,501 tỷ USD (chưa bao gồm phí tài chính trong thời gian xây dựng). Tiến độ thực hiện: hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành năm 2009.

39. Nhà máy nhiệt điện Ô Môn 1 - công trình nhiệt điện lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long

Sáng 26/2/2006, khởi công xây công trình Nhà máy nhiệt điện Ô Môn 1, tại Cần Thơ. Đây là dự án đầu tiên thuộc Trung tâm nhiệt điện Ô Môn, có công suất 2 x 330MW (tổ máy 1 và 2), sản lượng điện trung bình hàng năm khoảng triệu 3,6 tỷ KWh. Dự án có tổng vốn đầu tư hơn 6.666 tỷ đồng (tương dương khoảng 555 triệu USD).

Cuối năm 2008, tổ máy 1 đi vào vận hành và đến năm 2010 vận hành tổ máy số 2. Trung tâm nhiệt điện Ô Môn được quy hoạch với tổng công suất 2.800MW, tổng vốn đầu tư các dự án khoảng 2 tỷ USD. Ngoài dự án Ô Môn 1 công suất 660MW sẽ còn có 3 dự án nữa, đó là Ô Môn 2 (720MW), Ô Môn 3 (700MW), Ô Môn 4 (720MW). Mỗi năm Trung tâm nhiệt điện Ô Môn tiêu thụ khoảng 4 tỷ m^3 khí, trong đó Nhà máy nhiệt điện Ô Môn 1 chiếm gần ¼.

40. Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh

Ngày 2/4/2006, khởi công Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh giai đoạn 1 (600MW), tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long (Quảng Ninh). Nhà máy được thiết kế với 4 tổ máy, tổng công suất 1.200MW.

Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh được xây dựng trong 2 giai đoạn, giai đoạn 1 có 2 tổ máy, công suất 600MW và một số công trình dùng chung tính

Bản sao lưu trữ

đến quy mô công suất cuối cùng là 1.22MW; giai đoạn 2 cũng có 2 tổ máy, công suất 600MW. Với tổng mức đầu tư là 9.165,2 tỷ đồng (tương đương 593,2 triệu USD).

Với sản lượng điện bình quân 3,6 tỷ KWh/năm, Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh có nhiệm vụ bù đắp công suất thiếu hụt của lưới điện miền Bắc từ năm 2008, tăng cường cấp điện cho khu vực tam giác kinh tế Hải Phòng-Hà Nội-Quảng Ninh và giảm vốn đầu tư xây dựng lưới điện 110/220KV tại khu vực. Tổ máy 1 sẽ đưa vào vận hành vào tháng 12/2008 và tổ máy 2 vào tháng 7/2009.

Và còn nhiều công trình lớn như hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không, các khu đô thị mới hiện đại ở các thành phố lớn cùng nhiều công trình văn hóa, xã hội sẽ tiếp tục được xây dựng trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước hôm nay.

41. Xi măng Nghi Sơn (Thanh Hoá)- Nhà máy xi măng lớn nhất Việt Nam có công suất 4,3 triệu tấn/năm đã khánh thành ngày 13/11/2000, với tổng vốn đầu tư 373 triệu USD.

Cuối năm 2005, Công ty xi măng Nghi Sơn khởi công dây chuyền 2 có công suất 2,15 triệu tấn/năm, tổng mức đầu tư 249 triệu USD, bao gồm cả trạm phân phối xi măng đặt tại Ninh Thủy (Khánh Hòa) công suất 0,5 triệu tấn/năm và 2 tàu chuyên dụng (tàu chở xi măng rời) có tổng công suất 30.000 tấn. Sau khi khánh thành dây chuyền 2, công suất cả Nhà máy xi măng Nghi Sơn sẽ là 4,3 triệu tấn/năm - lớn nhất Việt Nam.

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

Bản sao lưu trữ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔNG KẾT LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ

Võ Văn Kiệt *

Cố Ủy viên Bộ Chính trị – cố Thủ tướng Chính phủ

Đồng chí Võ Văn Kiệt – nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ là một trong những nhà kiến trúc sư bậc thầy của sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Mặc dù đã nghỉ hưu nhưng đồng chí vẫn dành nhiều trí tuệ và tâm huyết của mình cho sự nghiệp chung của nhân dân, của Đảng. Nhân dịp tổng kết 20 năm đổi mới (1986 – 2006) đồng chí đã gửi đến Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng những ý kiến đóng góp thẳng thắn, chân thành và đầy trách nhiệm về nhiều vấn đề sống còn của đất nước. Được đồng chí cho phép, Tạp chí Cộng sản xin trân trọng trích giới thiệu một phần bài viết của đồng chí về lĩnh vực phát triển kinh tế để in trong cuốn sách "Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới". Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Được các đồng chí gửi cho đọc bản "Báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới" và mời góp ý kiến, tôi đã dành thời gian đọc kỹ, suy ngẫm xem có thể góp được gì vào nội dung hết sức quan trọng này.

Là người có trải qua nhiều chặng đường trong sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng suốt 65 năm qua, cũng đã có một số năm chỉ đạo hoạt động kinh tế ở nhiều cương vị khác nhau, do đó, cũng phần nào có điều kiện đi đây đi đó, làm việc và tiếp xúc với bên ngoài, có dịp trao đổi với nhiều nhà lãnh đạo của một số nước có hiểu biết, một số kinh nghiệm. Trong vài ba năm gần đây, tuy rời khỏi những vị trí trách nhiệm được Đảng và Nhà nước phân công, song tôi chỉ "rời nhiệm sở" chứ không rời trách nhiệm của người đảng viên đối với sự nghiệp của Đảng và của nhân dân ta. Với ý thức trách nhiệm và tính chiến đấu của người cộng sản, tôi vẫn cố gắng cống hiến phần đời còn lại cho sự nghiệp lớn của chúng ta. Vì vậy, tôi vẫn cố gắng đi đến những nơi mà mình còn có thể đến được, nắm bắt thực tế để có thể góp phần của mình một cách thiết thực và cụ thể vào công tác của Đảng, trao đổi về công việc với các đồng chí vốn đã từng làm việc với tôi ở các địa phương và các ngành. Tôi cũng dành thời gian tiếp xúc với nhiều anh chị em hoạt động trên nhiều

Bản sao lưu trữ

lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học, nghệ thuật... để lắng nghe những ý kiến tâm huyết của họ, giúp chuyển tải những ý kiến đóng góp của họ đến những nơi cần thiết.

Chính vì thế, tôi vẫn có được những thông tin giúp mình suy nghị, cân nhắc để hôm nay có thể thẳng thắn và chân thành trao đổi với các đồng chí đang làm công tác tổng kết về lý luận và tổng kết về hoạt động thực tiễn, một công tác mà theo nhận thức của tôi, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta, đối với sự nghiệp của nhân dân ta trước những thách đố gay gắt chưa có tiền lệ, cũng như trước những vận hội cần phải nắm lấy, không để vuột khỏi tay mình. Để cho công tác tổng kết lý luận và tổng kết hoạt động thực tiễn có thực chất, có ý nghĩa trực tiếp và lâu dài đối với sự nghiệp của Đảng ta và của nhân dân ta, cần xác lập một thái độ *trung thực và có trách nhiệm, dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật* như Đại hội VI đã lấy đó làm phương châm để mở đầu cho sự Đổi Mới.

Với tinh thần ấy, dưới đây xin nêu một số điều cần lưu ý trong tổng kết về đổi mới kinh tế:

Nhìn chung bản tổng kết này đã cung cấp được khá đầy đủ các số liệu về diễn biến kinh tế trong 20 năm qua ở Việt Nam. Trong đó có nêu bật được nhiều thành tích trong việc phát triển kinh tế, thoát khỏi khủng hoảng, cải thiện cán cân thanh toán, tăng trưởng, đẩy mạnh xuất khẩu, thay đổi cơ cấu kinh tế, đạt được tiến bộ được thế giới công nhận về xoá đói giảm nghèo...

Những thành tựu to lớn kể trong bản tổng kết trên là một cái vốn rất cơ bản cho các bước đi sắp tới. Tuy nhiên hoàn toàn không thể thỏa mãn với những thành tựu đó. Rất nhiều ưu thế và thành tựu của nền kinh tế từ thời kỳ sau đổi mới chưa có được những cơ sở vững vàng. Chúng ta chưa thể thỏa mãn với mức tăng trưởng 7 – 8% năm, với những chỉ tiêu xuất khẩu khá cao, số lượng đầu tư khá lớn...

Từ những thành tựu kể trên, rất cần phải phân tích sâu hơn vào thực chất, nhìn thẳng vào sự thật, xác lập một tầm nhìn xa hơn, rộng hơn về những vận hội cũng như những thách thức, những nguy cơ, cạm bẫy đang và sẽ đặt ra cho những năm sắp tới.

Có thể kể đến mấy vấn đề sau đây:

1. Sự phát triển kinh tế của chúng ta vẫn tiếp tục lệ thuộc một chiều và quá mức vào thế giới bên ngoài. Trước cách mạng, kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào chính sách của thực dân Pháp. Sau cách mạng trong kháng chiến và cả

sau khi giải phóng miền Nam, nền kinh tế của chúng ta lại lệ thuộc vào viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa. Bây giờ ta đã chuyển từng bước sang xây dựng một nền kinh tế tự chủ. Người Việt Nam đã thực hiện được nguyên lý "sống bằng cái mình làm ra". *Tuy nhiên hiện nay, để chúng ta sống được* (sống hiểu theo nghĩa rộng), chúng ta vẫn lệ thuộc một chiều và quá mức về nhiều mặt vào thế giới bên ngoài: lệ thuộc về vốn đầu tư, làm gia công và lệ thuộc vào thương hiệu của các công ty nước ngoài. Nếu vì một tình hình chính trị xã hội nào đó mà các nhà đầu tư rút vốn, thì nền kinh tế Việt Nam sẽ rất dễ lâm vào tình trạng bị động không ít nguy hiểm. Điều quan trọng là chúng ta chưa phát huy hết năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân, của doanh nghiệp và sản phẩm dịch vụ còn thấp, làm cho Việt Nam chịu thua thiệt trong quá trình hội nhập.

Trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, không có nước nào là không có sự lệ thuộc vào thế giới bên ngoài, các quốc gia lệ thuộc lẫn nhau. Vấn đề là ở chỗ làm sao chuyển từ lệ thuộc một chiều và thụ động sang sự lệ thuộc hai chiều và chủ động. Trên hướng đó, chúng ta chưa làm được bao nhiêu.

2. Những thách đố trong cuộc đua trên thị trường thế giới hiện nay đang đặt ra cho Việt Nam nhiều vấn đề. Lợi thế cạnh tranh của Việt Nam hiện nay là rất kém. Nhiều mặt hàng của Trung Quốc rẻ hơn và tốt hơn hàng Việt Nam. Trong những lĩnh vực dệt may, chế biến nông sản, thủ công mỹ nghệ, điện máy..., Việt Nam chưa ganh đua nổi với thế giới, thậm chí cũng chưa ganh đua nổi với các nước khác ngay trên thị trường Việt Nam. Không chỉ trong lĩnh vực như xuất khẩu hàng hóa, mà cả trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, nhiều nước trong khu vực vẫn có ưu thế hơn Việt Nam.

Cũng phải tính rằng hiện nay tốc độ tăng trưởng của Việt Nam là khả quan. Nhưng trong cuộc đua này không chỉ có vấn đề tăng trưởng. Nhiều nước trong khu vực đang có những bước tiến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực như cải cách thể chế, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, cải tiến công nghệ, tăng khả năng hội nhập và ứng phó với thị trường thế giới... Về những mặt đó, chúng ta vẫn đang thua kém nhiều nước trong khu vực.

3. Cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có được những mũi nhọn về kinh tế trên thị trường thế giới. Hàng chục năm qua, chúng ta đã từng rất cố gắng tìm kiếm những mũi nhọn. Nhưng có lẽ chính vì chúng ta đã xác định những mũi nhọn không đúng nên đến nay chúng ta bị méo mó về mặt kinh tế, không có đủ những cái gọi là mũi nhọn thật sự. Đi vào thị trường thế giới mà không có những mũi nhọn kinh tế thì khó có thể nói đến một sức mạnh lâu bền. Tính

chất lệ thuộc, tính chất bị động trên một chừng mực rất lớn cũng chính là vì chúng ta không có điểm mạnh, không có mũi nhọn.

4. Về công nghiệp, chúng ta đã có những bước phát triển khá.Trong thời kỳ công nghiệp hóa theo mô hình cũ, chúng ta không thành công bao nhiêu, mặc dầu đầu tư lớn. Từ thời kỳ đổi mới, công nghiệp đã có những khởi sắc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng cho đến nay tất cả nền công nghiệp của Việt Nam vẫn chỉ là công đoạn 2 của nền công nghiệp thế giới. Việt Nam *chưa có nổi một hệ thống công nghệ đầu nguồn*. Nói đến công nghiệp như cơ sở phát triển nền kinh tế, như xương sống của một quốc gia, thì phải nói đến công nghệ đầu nguồn. Không nắm được công nghệ đầu nguồn thì sẽ vĩnh viễn lệ thuộc vào những nước có công nghệ đó. Chính đây là vấn đề của công nghiệp hóa hiện nay.

5. Nông nghiệp chúng ta có mức tăng trưởng rất khá và đạt những thành tựu đáng kể. Nhưng hiện nay đang vấp phải *những vấn đề về quan hệ xã hội , đặc biệt là quan hệ đất đai*. Những vấn đề về sở hữu đất đai còn rất nhập nhằng, do đó trong nông nghiệp vẫn chứa đựng tiềm tàng những khả năng bùng nổ rối loạn trong quan hệ xã hội và chính trị.

Nông nghiệp còn có một vấn đề nữa là hiện nay vẫn chỉ phát triển theo chiều rộng. Chưa có được những liên kết theo ngành dọc, như kiểu mô hình mía đường Lam Sơn, nông trường Sông Hậu. Chừng nào chưa cơ cấu lại nông nghiệp theo mối liên kết ngành dọc như ở các nước Tây Âu, chẳng hạn như có người giới thiệu với tôi về "hệ thống filière" ở Pháp, sau đó tôi có dịp tham quan một hợp tác xã ở một tỉnh của Pháp nhân chuyến đi thăm Pháp năm 1994 và thấy rõ đây như là một tổ hợp lớn rất tự chủ. Sự tự chủ trong sản xuất kinh doanh của nông nghiệp vẫn còn là một vấn đề. Anh em nghiên cứu cho biết Mác từng nói về cách làm kinh tế nông nghiệp có hiệu quả trong chủ nghĩa tư bản; Lênin phân tích thêm: một trại chủ có đất đai của mình, có công nghệ của mình, có lao động của mình (thuê nhân công) và có thị trường của mình – đó là mô hình mà đến nay chúng ta vẫn đang hình thành một cách rất tản mạn về nhiều phương diện. Có thể nói, hiện nay nông nghiệp, nông thôn và nông dân đều có vấn đề cần giải quyết một cách cơ bản.

6. Đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam trong những năm qua là khả quan. Nhưng hầu hết đó là những nhà đầu tư cỡ nhỏ và trung bình. Việt Nam *có quá ít những nhà đầu tư cỡ lớn* có tầm ảnh hưởng quốc gia và quốc tế. Chính những công ty đầu tư lớn đó là những lực lượng ảnh hưởng mạnh tới thái độ của chính phủ nước họ. Chỉ khi nào đã có những nhà đầu tư cỡ lớn đó,

thì thái độ của các chính phủ đối với Việt Nam mới khác đi. Đó cũng chính là một trong những giải pháp để tìm cách "khóa nhau", "cài nhau" trong các quan hệ quốc tế.

7. Nơi chứa đựng những bệnh tật nặng nề nhất của Việt Nam chính là *hệ thống ngân hàng tài chính và tiền tệ*. Có thể nói quan hệ giữa cơ quan quản lý Nhà nước – ngân hàng – các xí nghiệp quốc doanh đang chứa đựng nhiều tiêu cực, nhiều sai phạm, làm méo mó nền kinh tế. Nếu hội nhập và vào WTO, thì những tiêu cực này càng bộc lộ rõ ra. Nếu chúng ta không tự xử lý trước, để quốc tế xử lý, thì hậu quả sẽ rất nặng nề, không chỉ về mặt kinh tế mà về cả mặt chính trị.

8. Trong công cuộc đổi mới đã nảy sinh nhiều *vấn đề xã hội, văn hóa nhức nhối và bức xúc*: Những tệ nạn xã hội và tình trạng tham nhũng đã làm méo mó các quan hệ kinh tế. Rất nhiều những lợi ích kinh tế nảy sinh trong quá trình đổi mới đã bị "ăn hớt" bởi những bàn tay tham nhũng, nhân danh quyền lực nhà nước.

Cùng với những tệ nạn này, là bước chuyển hóa của những nhà kinh doanh từ đậm đà lý tưởng sang quá ham lợi ích. Hiện nay, Việt Nam không còn nhiều những nhà kinh doanh đầy lý tưởng như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Sơn Hà, Đỗ Đình Thiện, Trịnh Văn Bô, Kha Vạn Cân... Cuộc cải tạo công thương nghiệp đã bóp chết những lý tưởng đó. Phục hồi lại nó không phải là điều dễ dàng. Kinh doanh mà không tính đến lợi ích thì không còn là kinh doanh. Nhưng kinh doanh mà chỉ vì lợi ích thì sẽ chứa sẵn trong nó không ít nguy cơ.

9. Sự bất cập của hệ thống các thiết chế kinh tế, của bộ máy quản lý nhà nước và đội ngũ các chuyên gia.

Chính ta đã có những cố gắng rất nhiều trong việc sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các thiết chế. Nhưng tốc độ đó không theo kịp tốc độ phát triển của kinh tế và những thay đổi tình hình của thế giới mà chúng ta đang hội nhập.

Bộ máy Nhà nước hiện nay vẫn rất bất cập trong việc xử lý các vấn đề kinh tế. Đội ngũ chuyên gia đầu đàn của chúng ta tuy đã được đào tạo nhiều năm rất công phu, vừa qua cũng đã được đổi mới rất nhiều, nhưng cho đến nay đó vẫn là một đội ngũ còn ít khả năng tư duy kinh tế, nhìn xa trông rộng, lượng định những vấn đề và lựa chọn những giải pháp khôn ngoan. Các cơ quan nghiên cứu của chúng ta cũng lâm vào tình trạng những "mỹ viện". Việc mổ xẻ những vấn đề kinh tế chưa đến nơi đến chốn hoặc chưa được khuyến khích nêu lên những suy nghĩ trung thực. Trong khi đó thì các tổ chức quốc tế

thường chỉ đưa ra các "kịch bản" hơn là những chương trình thiết thực với Việt Nam. Hầu hết các nhà nghiên cứu Việt Nam đều lệ thuộc vào kinh phí của các "kịch bản" đó. Nhiều nhà khoa học trong các viện nghiên cứu của Việt Nam, trong số đó có những cán bộ được đào tạo rất bài bản từ nhiều trường đại học và Viện nghiên cứu nổi tiếng ở nước ngoài, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, song vẫn chủ yếu đi làm thuê cho các tổ chức nước ngoài. Các tổ chức này khôn khéo khai thác và sử dụng các chuyên gia của Việt Nam mà tiền thù lao lại thấp so với lương của người nước ngoài đến đảm trách những công việc này. Đây là một sự lãng phí rất lớn, nhiều cán bộ khoa học đã xót xa trình bày nhiều lần trong tổ chức song tình hình vẫn chưa được cải thiện.

Có thể nói cả bộ máy quản lý, bộ máy hoạch định chiến lược và bộ máy tham mưu của chúng ta vẫn không thay đổi bao nhiêu, vẫn rất già cỗi về mặt cơ chế và về phương pháp tư duy. Đã có nhiều cán bộ tâm huyết lo âu đặt tên cho tình trạng này là tình trạng "nhũn não". Đó là một nguy cơ lớn của đất nước.

Trong nguy cơ "nhũn não" này, có vấn đề quan hệ giữa chính trị với khoa học. Các nhà nghiên cứu của ta hiện nay vẫn bị ám ảnh bởi thân phận không mấy tốt đẹp trước đây của những người có tư duy độc lập. Cách đối xử của lãnh đạo đối với khoa học vẫn chưa khắc phục hết tình trạng đặt hàng, viết theo những ý kiến chỉ đạo trước. Mối quan hệ đó hạn chế khả năng tìm tòi, khai phá, mà rốt cuộc là có hại cho Đảng.

10. Nguyên nhân của các nguyên nhân kể trên chính là bản lĩnh của đội ngũ lãnh đạo từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Có lẽ phải kiểm điểm, soát xét sâu và kỹ cách tuyển dụng nhân tài và chính sách cán bộ. Trước đây, trong cuộc đọ sức với thực dân Pháp, giữa nhiều lực lượng khác nhau, nào Trốt-kít, nào Quốc Dân đảng, nào Bảo Hoàng... những người lãnh đạo đàn anh của chúng ta đã tỏ ra xuất chúng về tinh thần đấu tranh cách mạng, vững vàng bất khuất trong các nhà tù, sáng suốt trong việc xác định đường lối đấu tranh, trong lãnh đạo quần chúng... và do đó được lịch sử lựa chọn như đội quân tiên phong của sự nghiệp cách mạng. Nhưng sau khi Đảng ta được lịch sử lựa chọn, chúng ta đã tự lựa chọn mình theo phương pháp khép kín. Điều đó tưởng như là một cách tốt nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ đội ngũ cán bộ, thì thực ra, có thể nó đã dẫn tới sự còi cọc. Nếu không nhìn thẳng vào sự thật đó để sửa chữa thì sự còi cọc này còn kéo dài. Nguy cơ cũng là ở chỗ đó.

MỘT SỐ GỢI Ý VỀ ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN VÀ CHỦ TRƯƠNG ĐỂ THAM KHẢO

Để đưa đất nước tiếp tục phát triển, tôi xin gợi mở một số vấn đề:

Về nhóm nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế

Trong việc phân tích những nguyên nhân của tăng trưởng 20 năm qua, bản tổng kết này chỉ nêu lên khá chung 3 yếu tố quan trọng nhất là: Đảng lãnh đạo, phong trào quần chúng và đẩy mạnh đầu tư của nước ngoài cũng như đầu tư trong nước. Nếu chỉ nói ở mức như thế thì chưa thấy hết được những nhân tố đặc thù của giai đoạn này:

- Phải đánh giá thích đáng những sự cố gắng của các cơ sở, các địa phương, sáng tạo ra những hình thức để đột phá khỏi mô hình kinh tế cũ. Ngay từ trước 1986, nhiều địa phương đã dũng cảm, năng động, sáng tạo tìm những lối thoát để khắc phục những khó khăn của mô hình kinh tế cũ. Những công cuộc phá rào của Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, của Long An, của An Giang, cơ chế khoán của Đồ Sơn, những đột phá của các xí nghiệp như dệt Thành Công, đánh cá Côn Đảo-Vũng Tàu, lụa Nam Định... là những sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Không có những sáng tạo đó, khó có thể dẫn tới đổi mới từ 1986. Bản tổng kết này cần phải ghi nhận công lao của những người tìm đường và mở đường cho công cuộc đổi mới mà Đảng đã tổng kết và nêu lên trong Nghị quyết của Đại hội VI.

Năm 1978, ở miền Tây Nam Bộ, sự chỉ đạo của Chính phủ là giá lúa mua không quá 8 đồng/kg, kể cả lúa giống. Anh em dưới đó than trời: nếu không mua được lúa để xuống giống cho kịp vụ đông xuân năm sau, thì năm sau còn thiếu đói trầm trọng nữa. Tôi xuống miền Tây họp với các đồng chí lãnh đạo – những đồng chí đã từng sống chết với nhân dân qua hai cuộc kháng chiến. Lãnh đạo địa phương kêu và tôi nói: một là dân đói nhưng các đồng chí giữ nguyên chức nếu theo đúng chỉ đạo, mua lúa giống không quá 8 đồng/kg. Hai là dân no, khắc phục được ngay hậu quả, kịp vụ, nhưng các đồng chí mất chức. Các đồng chí chọn cái nào?...

Cuối cùng các đồng chí ấy chọn cái mất chức.

Tôi nói rằng: không có chủ trương nào của Đảng, Nhà nước làm cho dân đói khổ, cán bộ làm cho dân no lại bị kỷ luật. Còn nếu cấp trên nghiêm, cứng, cứ yêu cầu phải kỷ luật để làm gương, thì thà chịu mất chức còn tốt hơn là ngồi đó để thấy dân mình đói khổ.

Phải tính đến một yếu tố rất quan trọng là có nhiều giá trị bị ngưng đọng trong mô hình kinh tế cũ, khi bước sang thời kỳ đổi mới đã lấy lại giá trị, do đó góp một phần đáng kể vào việc tăng trưởng và nâng cao đời sống của dân

cơ. Thí dụ rõ rệt là vấn đề nhà đất (nhất là đất đai). Nhà đất trong mô hình kinh tế cũ bị hạ thấp giá trị một cách giả tạo. Bước vào cơ chế thị trường, giá trị của nhà đất tăng lên hàng chục, hàng trăm lần. Đó là một trong những nhân tố tạo ra tăng trưởng, tạo ra thu nhập của một số rất đông dân cư. Từ đó người ta có thể xây nhà, mua sắm, nâng cao mức tiêu dùng...

Một số bài học kinh nghiệm lớn của những năm qua chưa được trình bày và phân tích đầy đủ, nhất là giai đoạn trước đổi mới, giai đoạn 10 năm 1975-1986. Do đó chỉ thấy toàn thành tích và thắng lợi mà không chú ý đến những nguy cơ vẫn còn đe dọa sự phát triển. Kinh nghiệm của giai đoạn trước đổi mới cho chúng ta một bài học lớn là: có rất nhiều những cái mới, cách làm khác với nếp cũ, sáng tạo, đột phá... Thường đã từng bị ngộ nhận là chệch hướng, là nguy hiểm... Cách xử sự như thế với những cái mới đã từng có tác dụng kiềm chế sự phát triển, kéo dài thêm khủng hoảng. Từ kinh nghiệm đó cần rút ra bài học trong chính sách kinh tế hiện nay và mai sau là phải trân trọng những cái mới, phải khuyến khích những tìm tòi, những hướng đi mới, không nên khư khư giữ nếp cũ hoặc thỏa mãn với những gì làm được. Nếu chỉ sợ chệch hướng theo một đánh giá nào đó thì thực tế cầm chắc sẽ là tụ hậu. Vào thời kỳ trước 1986, tất cả những mũi đột phá sáng tạo đều đã từng bị những quan điểm bảo thủ quy kết là chệch hướng, mất chủ nghĩa xã hội, mất Đảng... Hãy thử tưởng tượng xem, nếu trong những năm gian nan ấy, mà những quy kết đó không kiên trì khắc phục, thì mọi mũi đột phá đều bị ngăn cản. Như vậy, Việt Nam có vượt qua được khủng hoảng và bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện không? Từ kinh nghiệm đó, chúng ta phải thẩm tra xem ngày nay đang có những gì cần phải tiếp tục tìm tòi, phải biết tìm mọi cách phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tạo động lực mới để bứt phá, tìm ra những hướng sáng tạo mới trong các bước đi để bắt kịp được nhịp phát triển của thời đại. Cần phải rạch ròi và sòng phẳng chỉ ra những hướng đi đang còn bị ngộ nhận và quy kết đơn giản là chệch hướng, liệu có đúng là chệch hướng không... Điều này trong bản báo cáo còn chưa thật rõ. Chẳng lẽ, phải đuổi kịp với thiên hạ là chệch hướng, để đất nước tụt hậu ngày càng xa là đúng hướng?

Có lần nói chuyện với cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã nêu: nếu cả nước chưa có một quyết sách chung để có thể bứt phá và nâng cao chất lượng phát triển thì Thành phố Hồ Chí Minh đương nhiên cũng bị ảnh hưởng. Nhưng Thành phố Hồ Chí Minh cũng có cái riêng của nó: Cơ chế hiện tại, vị trí của Thành phố, bài học trước đây của Thành phố... nếu Thành phố này có một cấp lãnh đạo dám chịu trách nhiệm với thực tế đòi hỏi trong từng bước đi thì không cần đặt ra sự phá bỏ cái gì, chỉ cần biết vận dụng có trách nhiệm

những bài học đã thu được, dám sáng tạo, dám mở ra cái mới, tôi tin rằng thành phố sẽ phát triển với nhịp độ và chất lượng khác. Thành phố Hồ Chí Minh vốn có điều kiện huy động nhân tài, vật lực và có ảnh hưởng rất lớn với cả vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ (đối với miền Đông Nam Bộ là đương nhiên). Nếu thụ động, trên cho phép tới đâu thì làm tới đó, hài lòng rằng thế là nghiêm túc thì bất cứ cấp nào, ngành nào nhận thức như vậy, tôi cho là không đủ trách nhiệm..., có thể nói là sợ trách nhiệm. Sợ thì đồng nghĩa với an phận, triệt tiêu năng động.

Tổng kết 20 năm qua và dự kiến cho 5 năm sắp tới mà chưa đề cập đến nơi đến chốn về một sự thách đố rất lớn là: làm sao kinh tế Việt Nam vươn ra thị trường khu vực và thị trường thế giới, là xác định vị trí của Việt Nam so với cả nước trong khu vực. Chúng ta sẽ bị thua thiệt hoặc sẽ tụt hậu nếu trong sự hội nhập sắp tới, Việt Nam chỉ để cho người ta vươn vào mà không tính đến chuyện vươn ra một cách tích cực. Đó là vấn đề cần phải xem xét kỹ hơn.

Thay đổi chỗ dựa quốc tế, nói đúng hơn là thay đổi cách dựa trong quan hệ quốc tế

Trước đây, Việt Nam tìm chỗ dựa trong phe xã hội chủ nghĩa. Trong kháng chiến chống Pháp chỗ dựa trước hết là Liên Xô và Trung Quốc. Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, Việt Nam tìm chỗ dựa ở phe xã hội chủ nghĩa, ở phong trào giải phóng dân tộc. Trong một chừng mực đáng kể ta đã thúc đẩy được phong trào phản chiến và tạo ra được chỗ dựa rất quan trọng ở ngay các nước tư bản chủ nghĩa. Đó là một sự lựa chọn tài tình, sáng suốt ít có trên thế giới.

Ngày nay, khi thế giới hai cực không còn nữa, thì Việt Nam cũng như hầu hết các nước khác khó còn có thể tìm được chỗ dựa cụ thể ở một nước nào, một phe nào.

Chỗ dựa và cách dựa bây giờ khác đi. Bây giờ không phải đi tìm một cường quốc nào đó mà là cài đặt những lực lượng khác nhau vào một thế thuận lợi cho Việt Nam. Cách đó nhiều nước đã làm.

Nhật trước đây cũng đã từng dựa vào Mỹ, lấy việc đối đầu với Liên Xô để dòi Mỹ trả công về nhiều phương diện. Bây giờ chỗ dựa kiểu đó cũng không còn. Nhật đã cài đặt các mối quan hệ giữa các nước đó với nhau, khai thác các mâu thuẫn, củng cố các mối quan hệ bằng lợi ích song phương, tạo ra lợi ích cho đối phương để tìm kiếm lợi ích từ đối phương.

Bản sao lưu trữ

Trung Quốc cũng vậy. Từ chỗ đối đầu với Mỹ chuyển sang dựa vào Mỹ để đối đầu với Liên Xô, đến nay Trung Quốc cũng không còn tìm một chỗ dựa nào khác ngoài việc lợi dụng các mối quan hệ quốc tế. Trung Quốc đã cài đặt những quan hệ với Mỹ bằng cách xuất khẩu hàng hóa rẻ, tạo ra ở Mỹ một thói quen và một nhu cầu về nhập hàng Trung Quốc, về đầu tư ngay trên đất Trung Quốc, về xuất khẩu sang Trung Quốc. Lợi ích đó của tư bản Mỹ đã khóa tay chính giới Mỹ trong nhiều trường hợp. Đó là cách dựa mới. Tây Âu cũng vậy. Việt Nam cần đi theo cách đó. Tình thế của Việt Nam khác với các cường quốc. Việt Nam là một nước tương đối nhỏ, thế lực kinh tế không lớn, thị trường không hấp dẫn tới mức không có không được. Do đó, cách xử lý của Việt Nam phải hết sức tinh vi, phải nghiên cứu kỹ càng, tính toán nhiều bề. Những khả năng đó không phải là không có. Ta đã có một bài học lịch sử là đối sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ 1945-1946. thực lực của Việt Minh chưa có gì lớn. Nhưng Hồ Chí Minh đã cài đặt được một tình thế quốc tế thuận lợi cho Việt Minh: dùng những lực lượng OSS của Mỹ để hăm dọa quân Tưởng Giới Thạch. Kéo Bảo Đại vào làm Cố vấn Chính phủ để làm mất một chỗ dựa của các lực lượng khác. Đưa Quốc dân Đảng vào Quốc hội để vô hiệu hóa một phần lớn khả năng đối lập của họ. Ký Hiệp ước với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi đất nước, tránh mối nguy lớn nhất lúc đó, đồng thời trì hoãn một cuộc chiến không thể tránh khỏi với Pháp.

Việt Nam ta hiện nay phải lựa chọn: hoặc không có một chỗ dựa nào nữa, hoặc phải tìm một tình thế quốc tế tối ưu cho mình. Về điều này, cần phải có một đội ngũ chuyên gia giỏi, có tri thức rất tốt về tình hình quốc tế, biết tính toán rất kỹ các phương án. Không thể chỉ nó như là đã giải quyết được vấn đề.

Phải tìm nhiều cách khác nhau để nâng tỷ lệ thu hồi giá trị sản phẩm của Việt Nam trong giá trị của các sản phẩm liên doanh

Chúng ta biết, thí dụ như trong ngành dệt may, 80% nguyên vật liệu là nhập khẩu. Do đó, cũng khoảng 70-80% giá trị của một chiếc áo, một chiếc quần là vào tay người nước ngoài. Nếu tính trên con số thống kê về GDP hoặc sản phẩm xuất khẩu thì có vẻ rất cao, nhưng phần mà người Việt Nam được hưởng không được phản ảnh đầy đủ trong đó. Trên rất nhiều lĩnh vực, kể cả những hàng nông sản xuất khẩu, vẫn còn một tỷ lệ rất cao của giá sản phẩm là lệ thuộc về những công ty ngoài Việt Nam. Nếu chúng ta lọc được dầu sớm hơn, thì dầu thô có thể chuyển thành dầu thương phẩm và chúng ta đỡ một khoản tiền rất lớn trong nhập khẩu. Nhờ đó trong giá bán của hàng loạt sản

phẩm của Việt Nam, tỷ lệ năng lượng sẽ không thuộc về các công ty nước ngoài, mà sẽ thuộc GDP thực sự của Việt Nam.

Trong lĩnh vực dệt may, chúng ta vẫn phải nấp bóng những công ty lớn có uy tín trên thị trường quốc tế để đưa hàng của chúng ta vào. Theo cách đi đó, chúng ta chỉ kiếm được 15-20% giá trị của mỗi cái áo, cái quần. Để thoát khỏi thân phận ấy, không chỉ đơn giản là làm ra những mặt hàng đẹp, nguyên liệu tốt. Vấn đề là thương hiệu của Việt Nam. Nhưng cái làm nên thương hiệu thì không phải chỉ là chất lượng sản phẩm. Nó là một loại "nhân duyên" của rất nhiều yếu tố. Việt Nam phải suy nghĩ, tính toán, điều tra và khám phá để tìm ra những mối "nhân duyên" này. Hướng đó không phải là không thả thi.

Khai thác tiềm lực có sẵn với cách nhìn mới

Để tìm kiếm những sức mạnh nội lực, trước đây và cho đến nay chúng ta vẫn hướng theo cách đi tìm những khả năng mới, những tiềm lực mới, những tài nguyên mới... Thiết nghĩ từ này, đồng thời với việc tìm cái mới, cần "khai thác" một "tiềm lực" rất to lớn, đã có sẵn, nhưng bị chiến đoạt. Tiềm lực đó không cần tìm ở đâu xa mà có thể giành lại ngay sau cho đất nước, cho nhân dân, cho nền kinh tế, cho xã hội: Đó là những của cải, những nguồn tài nguyên rất lớn đã bị nạn tham nhũng vơ vét, tệ lãng phí hủy hoại.

Tham nhũng ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa cũ, phát triển dưới hai dạng đều rất nguy hiểm; tham nhũng của cải vật chất thông qua quyền hành, tham nhũng những giá trị trí tuệ, những danh vị cao quý bằng chủ nghĩa cơ hội. Những giá trị đó là nguồn sức mạnh rất to lớn của đất nước. Tiềm năng đó đã bị đánh cắp một cách phi pháp. Phải kiên quyết dành lại cho xã hội những giá trị này. Chỉ riêng việc đó cũng tạo ra một sức mạnh rất lớn về nội lực.

Vừa qua Chính phủ đã thành lập một cơ quan chống tham nhũng. Nhưng đó mới là cơ quan chống tham nhũng về kinh tế. Còn một thứ tham nhũng nữa là tham nhũng về danh tước, chiếm lấy những cương vị bằng cách chạy vạy, mua bán. Như đã nói, rất nhiều danh vị giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ..., không có thực chất, thực tài. Đưa những con người như thế vào những vị trí điều hành đất nước, điều hành những cơ quan ở cấp đầu não của quốc gia thì thật là nguy hiểm.

Tuy nhiên cả hai loại tham nhũng kể trên hiện nay đang có những cương vị đáng kể trong xã hội. Họ sẵn sàng cao giọng bảo vệ chế độ, tích cực chống bọn phản động tấn công vào Đảng, vào chủ nghĩa xã hội. Thực ra là họ sợ hãi cho lợi ích bất chính của họ. Nếu tiến hành chống hai loại tham nhũng này, có

thể những loại người này từ chỗ kiên quyết bảo vệ Đảng bảo vệ chủ nghĩa xã hội chuyển thành những phần tử bất mãn. Đó là điều cần tính toán cẩn thận.

Rất cần chú ý tới mối liên kết chặt chẽ với các nước khối ASEAN

Ở trên có nói rằng thời đại ngày nay thế giới không còn chia làm hai cực nên không còn chỗ dựa, hiểu theo nghĩa thời chiến tranh lạnh. Hiện nay, trong thực tế, chúng ta chỉ có ASEAN là chỗ dựa trực tiếp. Thời gian vừa qua, chúng ta chưa chú ý đúng mức để khai thác khả năng này. Với các nước ASEAN, ngoài các quan hệ kinh tế, chúng ta cần tạo ra những lợi ích văn hoá và chính trị của các nước đó để "phòng cơ". Trong quan hệ với các nước này, không nhất thiết phải quá chú ý tới những lợi ích kinh tế. Có khi Việt Nam chịu thiệt đi một phần nào đó, để kiếm những cái lợi lớn hơn.

Điều rất bức bách là phải chuẩn bị đưa được những người của Việt Nam vào các vị trí cao trong các tổ chức kinh tế quốc tế

Mấy chục năm vừa qua chúng ta rất lơ là việc này. Việt Nam không phải không có nhân tài. Nhưng ở Việt Nam mấy thập kỷ qua nhân tài chỉ được dùng như những người "điều đóm" cho lãnh đạo. Nhân tài không có điều kiện phát triển. Hiện nay Thái Lan đã là Chủ tịch của WTO. Họ còn có ý định ứng cử chức Tổng thư ký Liên hợp quốc. Ở hầu hết các quốc gia Asean và nhiều nước đang phát triển khác trên thế giới, nếu cho họ chọn người vào các vị trí như thế thì họ sẵn sàng có ngay được khoảng 5-10 người. Thử hỏi, hiện nay nếu các tổ chức quốc tế đặt vấn đề với Việt Nam chọn một người nào đó làm Chủ tịch WTO hoặc Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc, hoặc một uỷ viên nào đó, liệu có chọn được ai không? Đó là vấn đề.

Nếu chúng ta đưa được một người nào đó vào các vị trí của các tổ chức quốc tế thì trọng lượng của Việt Nam sẽ tăng lên. Một người Việt Nam giữ được một vị trí như thế có thể tạo ra những lợi ích nhiều tỷ đôla. Còn về mặt chính trị và quan hệ quốc tế thì không thể đo bằng đôla được. Nếu nước nào có người làm chủ tịch WTO chẳng hạn, Trung Quốc cũng phải kiêng nể, Nhật Bản cũng phải kiêng nể, Mỹ cũng phải kiêng nể. Việt Nam là nước có một số đặc điểm lịch sử rất dễ được thế giới chấp nhận một cương vị như thế. Nếu chúng ta khéo vận động, và điều quan trọng nhất là có người sẵn sàng chuẩn bị, thì 5-10 năm tới chúng ta có thể đạt mục tiêu này.

Mạnh dạn mở ra những hướng mới

Hai mươi năm đổi mới vừa qua đã mở ra rất nhiều tiềm năng cho đất nước. Những tiềm năng mà trong cơ chế cũ không phát huy được thì trong cơ

Bản sao lưu trữ

chế mới đã bừng nở nhanh chóng, có nhiều khía cạnh rất bất ngờ. Thí dụ: trước đây vì chúng ta phải trả nợ cho các nước bạn nên phải đưa lao động đi nước ngoài. Hiện nay, ta đã tích luỹ được ít nhiều về vốn, những nhà kinh doanh Việt Nam đã nắm bắt được một số kinh nghiệm trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Thay vì cho người lao động Việt Nam đi làm thuê cho nước ngoài, sống trong cảnh bị ngược đãi, tủi nhục, tại sao chúng ta không nghĩ tới việc mở đường cho các nhà kinh doanh Việt Nam ra hoạt động ở một số nước khác trên thế giới, nhất là các nước kém phát triển. Chúng ta đã bắt đầu có đầu tư sang một vài nước ngoài, song còn quá ít ỏi. Hiện nay, nhiều nước châu Phi và có thể một số nước Đông Nam Á như Lào, Campuchia, Mianma, Cuba... là những nơi đang rất khó khăn về kinh tế, về vốn, về nhân lực trong sản xuất, kinh doanh. Trong khi Việt Nam bị nhiều cường quốc kinh tế khác lấn chiếm thị trường, tại sao Việt Nam không nghĩ tới việc mở rộng thị trường đầu tư và sản xuất tới những nước khác? Nên chăng có thể học tập con đường mà chúa Nguyễn Hoàng đã đi trước đây để tạo ra sức mạnh của mình, đối đầu với phương Bắc, bành trướng về phía Nam, chiêu dân, lập ấp, mở mang bờ cõi. Tất nhiên chúng ta hoàn toàn không có ý định đi "xâm lược" một nước nào. Nhưng có rất nhiều nước, đặc biệt là châu Phi, hiện nay đất đai còn rất rộng, nhiều vùng còn bỏ hoang. Tuy điều kiện thiên nhiên rất khắc nghiệt, nhưng nếu đầu tư khai thác nguồn nước từ trong lòng đất, chọn các giống cây thích hợp, thì có thể phát triển các hình thức đồn điền sinh lợi cao. Điều đặc biệt thuận lợi cho Việt Nam là quan hệ với các dân tộc châu Phi đã có từ lâu. Trong khi họ không có khả năng khai thác nhiều, vì đụng chạm tới một quan hệ chính trị nặng nề đã để lại từ thời kỳ chủ nghĩa thực dân. Nếu Việt Nam có quan hệ tốt với chính phủ, với nhân dân địa phương, hợp tác và giúp họ cùng phát triển, cùng có lợi, thì việc mở mang kinh doanh như sản xuất các mặt hàng công nghiệp dân dụng, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi... là điều hoàn toàn khả thi. Nếu phát triển theo hướng đó, chúng ta có thể nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, sử dụng được một nguồn lao động nông nghiệp đang dư thừa của Việt Nam, chứ không chỉ là xuất khẩu lao động. Thị trường châu Phi rất rộng lớn, nhưng sức mua thì rất thấp. Những mặt hàng mà chúng ta đầu tư sản xuất tại đó với giá rẻ, chất lượng bình dân, có thể tìm được những sức mua tương ứng.

Để thực hiện hướng phát triển này, nên để cho các công ty cỡ nhỏ đi thăm dò trước (kể cả tư nhân), thí dụ như lập trang trại, những công ty xây cất, trạm y tế, trường tiểu học, chế biến nông sản, làm một số mặt hàng công nghiệp như sành sứ, đồ mộc, dệt may. Con đường này cũng cần phải có những

nhà nghiên cứu đi trước, rồi đến các nhà kinh doanh. Nhà nước tìm mọi cách hỗ trợ. Hướng này cần được nghiên cứu tỉ mỉ để hình thành một chiến lược phát triển.

Trên đây là những suy nghĩ của tôi đóng góp vào lĩnh vực tổng kết kinh tế, mong được các đồng chí tham khảo.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* Bài viết trong: **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU TỪ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

Nguyễn Văn Trịnh

Chuyên viên Văn phòng Chính phủ

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Vùng KTTĐPN) gồm 8 tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang. Trước mắt cũng như dài hạn Vùng KTTĐPN vẫn là một trung tâm công nghiệp chủ lực của cả nước.

Năm 1991, KCN đầu tiên của Việt Nam ra đời là KCX Tân Thuận tại thành phố Hồ Chí Minh, ngay sau đó hoạt động của KCX Tân Thuận đã đạt được những kết quả đáng mừng, sự thành công của KCX Tân Thuận đã tạo tiền đề cho sự ra đời của hàng loạt KCX, KCN hiện đại và hoàn chỉnh hơn sau này, như Amata (Đồng Nai), Việt Nam – Singapore (Bình Dương)...

Vùng KTTĐPN đã có bước phát triển nhanh trong thời gian qua, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2001-2005 của vùng cao gấp hơn 1,15 lần, GDP bình quân đầu người cao gấp 2,4 lần so với trung bình của cả nước. GDP toàn Vùng chiếm 40% GDP cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch khá nhanh theo hướng phi nông nghiệp và sản xuất hàng hoá xuất khẩu. Năm 2005, tỷ trọng ngành nông nghiệp và thuỷ sản chỉ còn chiếm 7,6%, dịch vụ chiếm 34,8%, công nghiệp và xây dựng đã giữ vị trí chủ chốt với 57,6%.

Kim ngạch xuất khẩu của toàn Vùng tăng bình quân 21,4%. Giai đoạn 2001-2005, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn Vùng đạt trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Năm 2005, giá trị xuất khẩu đạt xấp xỉ 25 tỷ USD, chiếm 75% kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Môi trường đầu tư được các tỉnh, thành phố tích cực cải thiện nên giai đoạn 2001-2005 toàn Vùng thu hút trên 50% vốn đầu tư nước ngoài của cả nước.

Tính đến cuối tháng 6/2006, Vùng KTTĐPN có 45 KCN, KCX đã hoàn thành xây dựng cơ bản và đi vào vận hành với tổng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khoảng 425 triệu USD và 12.824 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt khoảng 242 triệu

Bản sao lưu trữ

USD và trên 5,7 nghìn tỷ đồng; 21 KCN, KCX còn lại đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản.

Những đóng góp tích cực của KCN ở Vùng KTTĐPN

Góp phần tăng trưởng kinh tế

Các KCN ở Vùng KTTĐPN, đã làm cho quá trình sản xuất công nghiệp được tập trung, và do đó các doanh nghiệp công nghiệp có cơ hội tận dụng năng lực sản xuất của nhau, làm tăng khả năng công suất hoạt động của các công trình hạ tầng, giúp các doanh nghiệp công nghiệp trong KCN tiết kiệm chi phí đầu vào và vì vậy có cơ hội nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng lợi nhuận, mở rộng sản xuất, góp phần quan trọng làm tăng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp. Thông qua đó góp phần làm cho kinh tế các địa phương tăng trưởng. Riêng trong năm 2005, các dự án đang triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh trong KCN Vùng KTTĐPN đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp xấp xỉ 12 tỷ USD, chiếm gần 80% tổng giá trị sản xuất của các KCN cả nước và 29,5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của Vùng KTTĐPN, cao hơn tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp KCN so với giá trị sản xuất công nghiệp cả nước là 28%. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt gần 3,8 tỷ USD, chiếm khoảng 18% tổng giá trị xuất khẩu của Vùng KTTĐPN (năm 2005, tổng giá trị xuất khẩu của vùng đạt hơn 21 tỷ USD), chiếm hơn 65% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu

Quá trình mở rộng và phát triển KCN là quá trình góp phần đáng kể vào chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế các địa phương, chuyển từ một vùng nông nghiệp lạc hậu với năng suất thấp thành vùng công nghiệp phát triển toàn diện về kinh tế, văn hoá, xã hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch khá nhanh theo hướng phi nông nghiệp và sản xuất hàng hoá xuất khẩu. Năm 2005, tỷ trọng ngành nông nghiệp và thuỷ sản chỉ còn chiếm 7,6%, dịch vụ chiếm 34,8%, công nghiệp và xây dựng chiếm 57,6%.

Tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần cải thiện cán cân ngoại thương

Hàng hoá sản xuất tại các KCN phần lớn để tiêu thụ nội địa. Song kim ngạch xuất khẩu cũng đang tăng dần, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở các KCN đã góp phần không nhỏ làm tăng nguồn thu ngoại tệ cải thiện cán cân ngoại thương của các địa phương. Nếu năm 2003, xuất khẩu của các KCN Vùng KTTĐPN mới đạt 3123 triệu USD thì sang năm 2004, con số này đã tăng lên 3814 triệu USD và đến năm 2005, con số này đã là 4950 triệu USD.

Du nhập kỹ thuật và công nghệ mới

Sự ra đời của các KCN là một nhân tố vô cùng quan trọng góp phần vào việc du nhập kỹ thuật và công nghệ mới. Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, tuy còn nhiều điều phải trao đổi thêm, nhưng các KCN vẫn là nơi thu hút nhất các nhà đầu tư nước ngoài khi họ muốn đầu tư vào Việt Nam, trong quá trình đó, họ phải đem công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại cùng với kinh nghiệm quản lý của họ vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại các KCN, nhằm đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận tối đa.

Góp phần xóa đói giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực

Trong những năm vừa qua, các KCN của các địa phương Vùng KTTĐPN đã thu hút được trên 543.000 lao động trực tiếp (chiếm tới 62,8% tổng số lao động trực tiếp trong các KCN cả nước) và hàng chục vạn lao động hoạt động trong khâu xây dựng cơ bản và cung cấp bán thành phẩm, dịch vụ cho các KCN. Việc này đã tác động tích cực đến việc hình thành và phát triển mạnh mẽ thị trường lao động, nhất là thị trường lao động trình độ cao ở nước ta và góp phần:

- Xóa đói, giảm nghèo,
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Các KCN Vùng KTTĐPN đã tạo sức ép cho việc đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN. Đồng thời tay nghề, trình độ kỹ thuật và chuyên môn của người lao động làm việc trong KCN được nâng lên. Đây là môi trường rất tốt để đào tạo, chuyển giao khoa học quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp của Việt Nam để có thể thay thế dần lao động quản lý là người nước ngoài.

Những tác động tiêu cực

Ô nhiễm môi trường tại các địa phương có KCN

Trong số 45 KCN Vùng KTTĐPN đã đi vào hoạt động mới chỉ có 21 KCN có công trình xử lý nước thải tập trung, 2 KCN đang xây dựng công trình xử lý nước thải và vẫn còn 22 KCN chưa có công trình xử lý nước thải tập trung. Trong 21 KCN đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản mới chỉ có 5 KCN đang xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung, số còn lại 16 KCN chưa có công trình này. Đó là chưa kể những công trình xử lý nước thải tập trung đã xây dựng không phải công trình nào cũng đạt tiêu chuẩn, không gây ảnh hưởng trong môi trường KCN và xung quanh. Điều này đòi hỏi yêu cầu có

Bản sao lưu trữ

trạm xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn phải được đặt quyết liệt trước khi cấp giấy phép thành lập cho các KCN.

Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp

Việc lấy đất canh tác làm KCN của các địa phương Vùng KTTĐPN trước hết làm cho diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, nếu không có sự phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng của ngành nông nghiệp, làm cho sản lượng một số mặt hàng của ngành nông nghiệp giảm.

Mặt khác, việc lấy đất canh tác nông nghiệp làm KCN là lấy đi nguồn sống của người nông dân các vùng nông thôn. Mặc dù, người nông dân bị lấy đất được đền bù thỏa đáng, nhưng thực tế cho thấy, hầu hết những người nông dân đã bị thu hồi đất để làm KCN dùng thu nhập từ tiền đền bù vào việc mua sắm tiêu dùng, ít có cơ hội tái tạo nguồn sống mới và họ đứng trước nguy cơ trở thành người nghèo. Đây là một nghịch lý, làm gay gắt thêm sự bất ổn định kinh tế – xã hội ở nông thôn.

Di chuyển lao động làm phức tạo một số vấn đề xã hội

Quá trình thu hút lao động vào các KCN ở các địa phương đã tạo ra hiện tượng di chuyển lao động "dao động con lắc" và hiện tượng dân di cư. Kiểu "dao động con lắc" là hiện tượng di chuyển lao động hàng ngày hay hàng tuần từ nơi thừa đến nơi làm việc mà không thay đổi chỗ ở. Sự di chuyển này làm tăng đối tượng tham gia giao thông và sự tập trung các dịch vụ công cộng.

Trong thời gian qua, do các KCN hầu hết chưa đáp ứng được nhà ở trong khu lân cận KCN cho người lao động, nên đã tạo ra hiện tượng "dao động con lắc" cùng với hiện tượng như vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu... đã tạo nên áp lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng cho khu vực có KCN.

Cần phải đề ra những phương hướng và giải pháp nhằm phát huy những đóng góp tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực trong quá trình phát triển các KCN tới sự phát triển kinh tế – xã hội của các địa phương Vùng KTTĐPN.

Ảnh hưởng của việc thành lập các KCN đến cuộc sống người dân

Đối với dân địa phương

Các KCN trong thời gian qua được xây dựng trên quan điểm tách rời các khu dân cư, lại chủ yếu bám vào các vùng ven những đô thị có sẵn. Việc phát triển các KCN hiện nay còn chưa giúp được nhiều cho sự nghiệp hiện đại hoá

nông nghiệp. Chưa hình thành được mối liên kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh giữa nông nghiệp với công nghiệp thông qua các KCN.

Tuy các nhà đầu tư, các doanh nghiệp chủ trương ưu tiên tuyển dụng con em các gia đình có đất giao cho Nhà nước làm KCN, nhưng thực tế đa số này không đáp ứng được yêu cầu nên được tuyển dụng rất ít. Điều này gây ra hệ quả số lượng thất nghiệp đã ly nông nhưng không ly hương tăng lên, gây phức tạp về trật tự xã hội.

Các địa phương mới phát triển KCN hầu hết đều chưa lường được những phức tạp phát sinh khi có một số lượng lớn người từ nơi khác dồn về gây những xáo trộn về lối sống, sinh hoạt...

Đối với người nhập cư

Sự gia tăng nhanh về số lượng lao động nhập cư đến làm việc tại các KCN đã nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc cho các địa phương có các KCN, đặc biệt là vấn đề nhà ở cho người lao động có mức thu nhập thấp, cụ thể như sau:

- Việc quy hoạch phát triển các KCN thường chưa đồng bộ với quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dẫn tới ảnh hưởng đến tính bền vững trong phát triển; chưa chú trọng gắn việc xây dựng quy hoạch chi tiết từng KCN với quy hoạch nhà ở, công trình công cộng phục vụ đời sống người lao động làm việc KCN, đặc biệt là đối với người lao động nhập cư.

- Từ thực tế phát triển các KCN thời gian qua đã đặt ra vấn đề nhà ở cần phải được giải quyết phù hợp với thu nhập của công nhân, đặc biệt là công nhân nhập cư. Tại một số địa phương như: Đồng Nai, Bình Dương, v.v. đã bắt đầu triển khai song song với các đề án phát triển KCN là các dự án phát triển nhà nhằm tạo tiện ích công cộng cho công nhân yên tâm và có điều kiện làm việc. Đây là vấn đề khá bức bách đặt ra đối với các địa phương khi tiến hành phát triển các KCN. Hiện tại Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng nghiên cứu đề án này để đưa ra chính sách giải quyết.

- Hiện tại các KCN Vùng KTTĐPN thu hút được gần 55 vạn lao động trực tiếp, trong đó có gần 30 vạn lao động nhập cư. Do lao động nhập cư làm việc tại các KCN tăng mạnh về số lượng dẫn tới nhu cầu nhà ở của số lao động này tăng cao trong khi hầu hết các chính quyền địa phương và các chủ đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp đều chưa chú trọng tới việc xây dựng nhà ở cho công nhân thuê với chi phí thấp. Điều này chủ yếu là do việc xây dựng nhà ở đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm, hiệu quả đầu tư thấp, nên rất ít doanh nghiệp tham gia xây dựng nhà ở cho công nhân thuê.

Các địa phương phát triển nhanh về KCN cũng chưa giải quyết được vấn đề nhà ở cho công nhân nhập cư như Bình Dương mới chỉ đảm bảo nhà cho 15% số lao động, tỉnh Đồng Nai mới đảm bảo được 6,5% lao động, thành phố Hồ Chí Minh chỉ bảo đảm khoảng 4% lao động. Hiện nay, nhiều địa phương mới chỉ có dự kiến quy hoạch phát triển nhà ở cho người lao động trong các KCN nhưng chưa có định hướng rõ và có chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng nhà ở cho người lao động.

- Số lao động nhập cư thường phải thuê nhà trọ ở khu vực xung quanh KCN để cư trú với chất lượng thấp, không đảm bảo điều kiện vệ sinh và điều kiện sống tối thiểu. Điều này đang ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người lao động nhập cư và vấn đề vệ sinh và môi trường sống của những khu vực xung quanh KCN do thường nảy sinh nạn trộm cắp, trấn lột tài sản, đánh lộn, gây mất trật tự an ninh xã hội.

- Với mức thu nhập thấp và điều kiện nhà ở khó khăn hiện nay, người lao động rất thiếu điều kiện để thỏa mãn nhu cầu vui chơi, giải trí, thể thao, nghỉ ngơi, học tập, giao lưu tình cảm. Đặc biệt, trong các KCN số lao động nữ nhiều thì vấn đề hôn nhân và gia đình trở nên bức xúc chưa được các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể quan tâm.

Nguyên nhân của những tồn tại trên

Thứ nhất: Do các KCN phát triển nhanh và thiếu hệ thống

Các KCN không chỉ nhiều về số lượng mà diện tích quy hoạch rất rộng. Chính vì thế dẫn đến tình trạng phân tán các dự án đầu tư làm tỷ lệ thu hút vốn vào KCN chưa cao.

Các KCN đua nhau ra đời trong tình trạng "trăm hoa đua nở", quy hoạch phát triển các KCN trên tổng thể địa bàn cả nước và riêng Vùng KTTĐPN còn thấp, nhiều vấn đề chưa được xử lý, thiếu sự phối gợp giữa ngành và lãnh thổ trong công tác chỉ đạo thực hiện quy hoạch các ngành các cấp. Đặc biệt một số chính quyền địa phương, vì mục đích trước mắt, thiếu tính toán các điều kiện cần thiết và đầy đủ khi quyết định đầu tư xây dựng KCN tại địa phương mình. Có địa phương quy hoạch phát triển KCN chưa xác định được hướng thu hút phát triển những loại doanh nghiệp thuộc ngành nghề, lãnh vực nào cho phù hợp với địa phương mình, chỉ cốt sao phải có công nghiệp để chuyển đổi cơ cấu, bất kể hiệu quả kinh tế, xã hội.

Vẫn còn tồn tại nhược điểm khi quy hoạch là thích quy mô lớn, thu hút đa ngành nên KCN, KCX nào quy hoạch lớn mà chưa tính đến các yếu tố khác.

Thứ hai: *Đó là cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ* và bảo đảm. Một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng chưa đồng bộ trong cơ sở xây dựng hạ tầng có lẽ do nguồn vốn còn hạn hẹp. Bên cạnh một số ít các KCN làm tốt việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng nhiều KCN còn thể hiện sự yếu kém.

Thứ ba: Thiếu nguồn lao động có tay nghề tại các KCN. Thực tế này đang làm đau đầu các nhà quản lý và đầu tư. Việc chậm thực hiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực dẫn tới lao động cho các KCN xuất hiện nghịch lý thừa lao động giản đơn, thiếu lao động có tay nghề. Ngoài số lao động đang làm việc tại các KCN vẫn có hàng vạn lao động tại địa phương nơi có KCN đang chờ việc làm.

Thứ tư: Các chính sách về đầu tư còn chưa thay đổi kịp với sự phát triển kinh tế, trong khi các quốc gia khác các chính sách của họ đổi mới rất nhanh để kịp với sự chuyển biến của nền kinh tế tại Việt Nam các chính sách chưa ổn định, nhiều khi quy định này chưa được triển khai, áp dụng thì đã có quy định mới ra đời và việc áp dụng nó còn nhiều bất cập. Chẳng hạn chính sách áp dụng về thuế trong KCN còn có sự phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Trong khi các nhà đầu tư nước ngoài được hưởng ưu đãi lớn về thuế thì các nhà đầu tư trong nước hầu như không được hưởng ưu đãi gì so với doanh nghiệp khác cùng ngành, cùng nghề ngoài KCN.

Một số kiến nghị đối với Trung ương

Kiến nghị trong công tác quy hoạch, xây dựng quy hoạch hệ thống KCN, KCX trên địa bàn cả nước. Bộ Kế Hoạch và Đầu tư làm đầu mối từ đó làm cơ sở cho các địa phương điều chỉnh quy hoạch hệ thống các KCN, KCX không phụ thuộc vào địa dư hành chính. Hướng phát triển công nghiệp theo quy hoạch là tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh lớn, có hàm lượng chất xám cao, phục vụ xuất khẩu như: sản phẩm phần mềm, điện tử – viễn thông; dầu khí và các sản phẩm hóa dầu; thép, vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí chế tạo...

Về quản lý nhà nước: trong thời gian qua, Ban quản lý các KCN, KCX đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền thực hiện cơ chế quản lý "một cửa". Tuy nhiên việc thực thi cơ chế này trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn, bởi vì KCN, KCX được xem là mô hình đặc thù nhưng lại chịu sự điều tiết của các luật khác nhau như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư....Do đó, đối tượng đầu tư vào KGN, KCX cũng chịu sự điều chỉnh bởi các luật khác nhau trên. Vì vậy, mặc dù được sự ủy quyền thực hiện cơ chế quản lý "một cửa", nhưng thực tế Ban quản lý chưa có quyền quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp đang đầu tư vào các KCN, KCX. Do đó, kiến nghị với Quốc hội, trong thời

gian chưa đồng bộ hóa được các điều luật trong các luật nêu trên, cần sớm ban hành Luật khu công nghiệp.

Phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương trong vấn đề bảo vệ môi trường. Sự phát triển các KCN, KCX của các địa phương trong vùng, bên cạnh mặt tích cực của sự tăng trưởng, thì hệ quả về môi trường đang đặt ra khá nghiêm trọng.

Chính phủ cần có những quy định thoáng hơn nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các ngân hàng trong việc cho các doanh nghiệp thuộc diện di dời được vay vốn.

Kiến nghị chính phủ nhanh chóng ban hành khung giá các loại đất cho từng vùng, nguyên tắc, phương pháp xác định giá cụ thể cho từng loại đất.

Các đề xuất với chính quyền các địa phương

Xoá bỏ chính sách ưu đãi khác nhau đối với các KCN, KCX có điều kiện tương ứng như nhau trong cùng một khu vực nhưng nằm trên hai địa phương khác nhau: như: các KCN khu vực Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh) với các KCN Sóng Thần, Đồng An (Bình Dương); các KCN khu vực Bình Chánh (TP Hồ Chí Minh) với Đức Hòa; Hiệp Phước (TP Hồ Chí Minh) với Cần Giuộc (Long An) v.v...

Tổ chức và cơ chế quản lý: Mở rộng phạm vi thực hiện quản lý nhà nước các KCN, KCX trên địa bàn theo cơ chế "một cửa" với các nội dung sau: Giao cho ban quản lý làm đầu mối giúp UBND các tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về quy hoạch hệ thống KCN, KCX đã được phê duyệt trên địa bàn; về quỹ đất, về tổ chức triển khai KCN, KCX về xây dựng hạ tầng đồng bộ ngoài KCN, KCX v.v...

Quy hoạch KCN, KCX phải được gắn với quy hoạch khu nhà ở cho công nhân. Quy hoạch khu nhà ở cho công nhân cần đáp ứng quy hoạch chung của đô thị, nhà ở dành cho công nhân là một bộ phận cấu thành của hệ thống nhà ở đô thị. Xây dựng chế tài cụ thể quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương, doanh nghiệp trong KCN, KCX doanh nghiệp phát triển hạ tầng và người lao động trong việc xây dựng, quản lý, sử dụng nhà ở cho người lao động trong KCN, KCX . Mặt khác cần phải xây dựng nhà trong khu lân cận KCN, KCX cho người lao động làm việc trong KCN, KCX . Trước mắt, cần tập trung xây dựng các căn hộ ở vùng lân cận KCN, KCX tạo sự ổn định cho người lao động.

Các giải pháp thuộc các KCN, KCX

Không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý các KCN, KCX. Theo quy định tại Nghị định 36/CP ngày 24/4/1977 của Chính phủ thì các Ban quản lý KCN, KCX ngoài nhiệm vụ và quyền hạn được giao còn phải chịu sự quản lý Nhà nước của UBND cấp tỉnh. Mặt khác, phương hướng hoạt động của các Ban quản lý cũng phải phù hợp với nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, việc phân cấp ủy quyền chưa được đồng bộ nhất quán, chồng chéo giữa các cơ quan.

Hiện nay, việc quy định ngành nghề sản xuất trong các KCN chưa rõ ràng, chưa làm nổi bật tính chuyên dụng của từng KCN. Việc quy định ngành nghề trong từng KCN phải căn cứ vào: vị trí địa lý, nguồn nguyên liệu, những ngành sản xuất nghề truyền thống tại khu vực và tính năng của KCN đó. Những nhóm ngành tương đồng hoặc có quan hệ dây chuyền cần được ưu tiên ở những vị trí lân cận để khai thác hết lợi thế, giảm giá thành. Cần nhanh chóng chấm dứt hiện tượng thu hút các doanh nghiệp vào KCN bằng mọi giá để chỉ lấp đầy diện tích chứ không xem xét tới hiệu quả, hệ quả là đơn vị sản xuất nhựa được bố trí ngay cạnh đơn vị chế biến thực phẩm.

Quá trình hình thành, phát triển các KCN, KCX ở Vùng KTTĐPN trong những năm qua đã có những đóng góp không nhỏ trong việc tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao trình độ và hiện đại hóa công nghệ, tăng cường khả năng tổ chức quản lý sản xuất, quản lý nhà nước. Có thể nói quá trình phát triển các KCN, KCX là quá trình tạo ra sản phẩm mới, tạo ra con người mới mang tác phong công nghiệp. Các KCN, KCX đã góp phần sắp xếp lại nền kinh tế, tổ chức lại sản xuất kinh doanh, bố trí lại dân cư để đi vào xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là quá trình góp phần đổi mới cơ chế quản lý trên tất cả các lĩnh vực đầu tư, thương mại, tài chính, ngân hàng, hải quan, môi trường, lao động, v.v... Đó cũng là quá trình góp phần chuẩn bị cho nền kinh tế Việt Nam hội nhập quốc tế.

* *Trích bài viết trong*: **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG QUÁT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PGS, TSKH. NGUYỄN VĂN ĐẶNG

Trong thời gian dài trước đổi mới, cũng như nhiều nước khác, chúng ta đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô Viết, với những đặc trưng chủ yếu là: xây dựng nền kinh tế khép kín về lực lượng sản xuất, không thừa nhận sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, coi kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của đất nước thời kỳ có chiến tranh nhưng sau đó bộc lộ rõ những khuyết điểm, tình hình kinh tế – xã hội đất nước ngày càng khó khăn.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được; phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Về kinh tế, Đại hội khẳng định phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương 6 (Khóa VI) đã phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người tự do làm ăn theo pháp luật; các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng nhưng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết với nhau; kinh tế quốc doanh cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, những ngành nghề, loại hoạt động nào mà kinh tế hợp

tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế thì nên tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế ấy phát triển.

Phát huy những kết quả đổi mới đã đạt được, sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết lý luận, thực tiễn, Đại hội IX (4/2001) chính thức đưa ra khái niệm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", khẳng định chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến lược nhất quán. Đại hội chỉ rõ đường lối kinh tế của Đảng ta là: đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất, phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Đây là bước phát triển mới rất quan trọng về tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng.

Từ thực tiễn đổi mới gần hai mươi ba năm qua, nhất là qua những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta dần thấy rõ hơn những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam; là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc bản chất của chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Theo mô hình kinh tế này, động lực chung để phát triển đất nước là đại đoàn kết dân tộc; đồng thời coi trọng khuyến khích cả vật chất và tinh thần, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta, những yếu tố, phương tiện và công cụ của kinh tế thị trường được sử dụng, phát triển để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế ngày càng được hình thành rõ nét hơn trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đây là nền kinh tế thị trường có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, được nhân dân đồng tình và là chủ thể xây dựng; không phải là sự gán ghép khiên cưỡng,

Bản sao lưu trữ

chủ quan giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, mà là sự nắm bắt và tự giác vận dụng sáng tạo xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay, tiếp thu có chọn lọc thành tựu của nền văn minh nhân loại, sử dụng và phát huy cao độ vai trò tích cực của kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế tối đa những khuyết tật của tính tự phát trong kinh tế thị trường, nhằm thực hiện có kết quả mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để Việt Nam có thể hội nhập thế giới, rút ngắn quá trình CNH, HĐH, sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ sản xuất không ngừng được đổi mới và hoàn thiện, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm giải phóng triệt để và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo động lực thu hút mạnh mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển, và giữ vững ổn định chính trị – xã hội; lấy phát triển lực lượng sản xuất làm động lực để không ngừng hoàn thiện và đổi mới quan hệ sản xuất.

Thực hiện xóa bỏ mọi sự phân biệt – đối xử theo hình thức sở hữu. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, cùng phát triển lâu dài; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Thực hiện phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội thực hiện công bằng trong phân phối để tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế – xã hội.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội; trong đó việc hình thành và phát triển một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao, có uy tín lớn là một nhiệm vụ chiến lược.

Mọi công dân có quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm; có quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu hợp pháp; có quyền bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin.

Nhà nước định hướng sự phát triển bình đẳng bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường, phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi để phát huy các nguồn lực cho phát triển theo cơ chế thị trường các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh,

công khai và minh bạch, có trật tự, kỷ cương, các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của kinh tế thị trường; hỗ trợ phát triển, chăm lo xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng hệ thống pháp luật; tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế, sử dụng một số biện pháp để hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, không trái với các cam kết hội nhập. Nhà nước thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển, không phân biệt hình thức sở hữu, đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm, đối với một số mục tiêu (như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục những rủi ro), một số địa bàn các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhà nước quan tâm bồi dưỡng, đào tạo và biểu dương các doanh nhân có tâm, có đức và thành đạt.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, hình thành một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên chế độ cổ phần. Doanh nghiệp nhà nước không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả; chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần nhiều chủ sở hữu; phát huy vai trò nòng cốt, tập trung vào một số lĩnh vực công ích; làm nòng cốt trong các tập đoàn kinh tế lớn có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Các loại hình kinh tế tập thể, nhất là các hợp tác xã được đổi mới và phát triển mạnh. Kinh tế tư nhân được khuyến khích và phát triển mạnh không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực,kể cả các lĩnh vực kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm. Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành nghề, các lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa gắn kết chặt chẽ, hài hòa. Các mục tiêu kinh tế và các mục tiêu xã hội được kết hợp chặt chẽ trên bình diện cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu chính đáng, đồng thời giúp đỡ người khác thoát nghèo, từng bước khá giả hơn; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội đối với những người có công với nước; thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống cho mọi thành viên trong cộng đồng, hỗ trợ những vùng bị thiên tai, những người gặp khó khăn cơ nhỡ. Càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm

nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; càng phải đề cao vai trò của nhà nước và toàn xã hội, phát huy các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực xã hội, thực hiện yêu cầu gắn kết hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

Phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với sự phát triển kinh tế, xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải thật sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Không ngừng xây dựng và hoàn thiện giá trị của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, đặc biệt là lý tưởng sống, năng lực trí tuệ, đạo đức cao đẹp và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới thành nguồn lực tổng hợp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững; trong đó nội lực là nhân tố quyết định đối với sự phát triển, các nguồn lực bên ngoài có vai trò rất quan trọng giúp cho phát huy nội lực mạnh hơn. Nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh, có sức cạnh tranh hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập và hợp tác quốc tế dựa trên các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp thông lệ quốc tế. Phát huy vai trò chủ thể của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế; khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài. Tận dụng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế để chuyển dịch cơ cấu mạnh kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thế giới.

Sự hình thành mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là kết quả của nhiều năm tìm tòi, đổi mới, tổng kết lý luận – thực tiễn, đồng thời là sự khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng, sáng tạo của Đảng và nhân dân ta. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới gần hai thập kỷ qua khẳng định xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp quy luật phát triển của thời đại và

đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Từ thực tiễn những thay đổi to lớn trong đời sống kinh tế xã hội, nhân dân tin tưởng đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được hình thành trên những nét rất cơ bản. Nhưng, đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn phức tạp, vì rất mới mẻ, chưa có tiền tệ, còn nhiều vấn đề chưa rõ về cả lý luận và thực tiễn, phải vừa tiếp tục tìm tòi, đổi mới, vừa coi trọng tổng kết lý luận và thực tiễn để làm sáng tỏ dần, trên cơ sở đó có những quyết sách phù hợp, đột phá, để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

Ở NƯỚC TA, DÂN CHỦ LÀ MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

PGS, TS . TÔ HUY RỨA

Hiện nay là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương

Trong quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay, các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, mọi người dân được phép tự do kinh doanh theo pháp luật. Trong sinh hoạt tư tưởng, người dân được tự do thảo luận nhiều vấn đề và tham gia trực tiếp vào những vấn đề trọng đại của đất nước.

Trong lịch sử loài người, dân chủ vừa là chế độ xã hội, một vấn đề chính trị mang bản chất giai cấp; vừa là một trong những giá trị xã hội mang tính phổ biến, tính nhân loại to lớn. Chính nội hàm đa nghĩa, đa chiều này đã làm dân chủ trở thành vấn đề thời sự thu hút mối quan tâm to lớn cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Quá trình phát triển của lịch sử chính trị nhân loại theo xu hướng tiến bộ cũng chính là phát triển của các nền dân chủ. Xã hội càng phát triển thì các nhu cầu về dân chủ và quyền con người càng trở thành đòi hỏi bức xúc. Nhìn từ phương diện đó, việc mở rộng và phát huy dân chủ ở nước ta hiện nay vừa là mục tiêu, nhưng cũng là động lực, là tiền đề, điều kiện quan trọng, góp phần giải quyết hàng loạt những vấn đề chính trị – xã hội của đất nước.

Dân chủ, trước hết được xem xét với tư cách là một hình thức tổ chức nhà nước, là khái niệm dùng để chỉ tính chất của mối quan hệ giữa cộng đồng dân cư với nhà nước, theo đó cộng đồng là chủ thể gốc và có quyền năng áp đặt ý chí lên nhà nước. Khác với các hình thức khác của thiết chế nhà nước, trong thiết chế dân chủ, quyền của đa số, quyền bình đẳng của mọi công dân, tính tối cao của pháp luật được chính thức thừa nhận; những cơ quan quyền lực của nhà nước do dân bầu cử mà ra. Dân chủ được thực hiện thông qua hai hình thức cơ bản: dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Dân chủ còn được hiểu là một giá trị xã hội. Các cuộc đấu tranh giành dân chủ đều dẫn đến khả năng giải phóng con người, nâng cao vị trí con người trong lịch sử, hình thành và phát triển ở con người ý thức và năng lực làm chủ

Bản sao lưu trữ

xã hội. Dân chủ với ý nghĩa đó được xác định như một ý tưởng nhân đạo, một giá trị nhân văn.

Dân chủ còn được xét với ý nghĩa là điều kiện để hình thành và phát triển một nhân cách toàn diện của các chủ thể chính trị. Đó là sự hình thành thái độ, tính tích cực chính trị, sự chủ động, nhu cầu và sự tự giác tham gia vào các quá trình chính trị thực tiễn. Đó là tinh thần trách nhiệm của cá nhân công dân trong cuộc đấu tranh nhằm loại bỏ những gì phản dân chủ đang tồn tại trong đời sống cộng đồng. Do vậy, dân chủ không chỉ là phạm trù chính trị mà còn là phạm trù đạo đức.

Khẳng định dân chủ là xu hướng khách quan của tiến bộ xã hội như thế cũng đồng thời đã khẳng định tính tất yếu của công cuộc xây dựng CNXH, vì mục tiêu CNXH không gì khác hơn là giành dân chủ cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, khẳng định quyền lực chính trị thuộc về nhân dân. Tiến lên CNXH là tiến tới một xã hội"nhân đạo hoàn bị", một xã hội không còn tha hóa, áp bức, bóc lột, một cộng đồng người lao động tự do và sáng tạo. Do đó, việc "phải trình bày và nhấn mạnh những nhiệm vụ dân chủ chung trước toàn thể nhân dân và không lúc nào giấu giếm những niềm tin xã hội chủ nghĩa...; phải là người trước tiên đề cập, nêu bật và giải quyết mọi vấn đề dân chủ chung" được V.I.Lê-nin coi là một dấu hiệu quan trọng xem xét người ấy có phải là người cộng sản hay không.

Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định mạnh mẽ chỉ có CNXH mới đem lại quyền làm chủ cho nhân dân lao động, đem lại sự giải phóng thực sự và hoàn toàn cho nhân dân, mới bảo đảm cho dân tộc thật sự có độc lập, tự do và con người hạnh phúc: "Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động"

Nhân dân Việt Nam chỉ thực sự làm chủ và phát huy quyền làm chủ của mình khi được tổ chức, tập hợp dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam, người đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Được Đảng lãnh đạo, được toàn thể nhân dân xây dựng và ủng hộ, Nhà nước ta đã không ngừng lớn mạnh và đang gánh vác sứ mệnh của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện rõ rệt bản chất tốt đẹp và tiến bộ của chế độ xã mới. Đó thật sự là một nhà nước dân chủ, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân.

Trong quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế, phát huy tiềm năng của

các thành phần kinh tế, mọi người dân được phép tự do kinh doanh theo pháp luật. Trong sinh hoạt tư tưởng, người dân được tự do thảo luận và đối thoại trong Quốc hội thẳng thắn, công khai, nhân dân được tham gia trực tiếp vào những vấn đề trọng đại của đất nước. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng đã được nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi quyết định. Nhiều văn bản pháp quy được ban hành nhằm từng bước thực hiện dân chủ hóa kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của nhân dân trên cơ sở môi trường - tâm lý xã hội ngày càng dân chủ. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị được đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan dân cử, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp.

Kinh nghiệm cũng được rút ra là, trong quá trình mở rộng dân chủ phải luôn luôn đề phòng và chủ động dân chủ hình thức, cũng như dân chủ cực đoan, xác định rõ dân chủ phải đi liền với tập trung, với kỷ luật, pháp luật, với ý thức trách nhiệm công dân. Một mặt phát huy dân chủ, mặt khác cần có sự lãnh đạo đúng đắn, lãnh đạo để ổn định chính trị – xã hội và phát huy dân chủ tốt hơn.

Hiện nay, các thế lực chống đối chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước đang lợi dụng vấn đề dân chủ như một diễn đàn trọng yếu trong chiến lược thay đổi chế độ chính trị ở nước ta, nhằm đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Các thế lực đó đem đối lập Đảng Cộng sản với dân chủ nhằm bài bác vai trò lãnh đạo của Đảng, nhân tố quyết định việc thực hiện quá trình dân chủ hóa. Có thể khẳng định rằng, đó là điều đi ngược lại quy luật vận động của lịch sử và nguyện vọng chính đáng của của đông đảo quần chúng nhân dân lao động về quyền làm chủ của mình. Không phải cứ đa nguyên thì dân chủ, còn một Đảng thì mất dân chủ. Vấn đề là ở chỗ đảng cầm quyền có thực sự cách mạng, có thực sự vì quyền lợi của nhân dân hay không.

Lê-nin đã từng vạch rõ, ngay ở giai đoạn phát triển nhất của dân chủ tư sản trong chế độ cộng hoà dân chủ, thì chế độ ấy bao giờ cũng bị giới hạn trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư sản, và do đó, thực ra nó luôn chỉ là chế độ dân chủ đối với thiểu số mà thôi. Ngày nay, ở những nước tư bản phát triển nhất, hiện thực xã hội của nó vẫn đang tiếp tục phơi bày đầy rẫy những sự việc bất công và phi dân chủ. Từ Giáo hoàng Jean Paul II cho đến nhiều học giả tư sản đã công khai bày tỏ rằng, chủ nghĩa tư bản là không thể chấp nhận được dưới góc độ đạo đức và càng không thể là tương lai của nhân loại. Thực tế xã hội cho thấy, giữa quyền dân chủ tư sản được quy định bằng

văn bản pháp luật và việc thực hiện trên thực tế luôn có khoảng cách rất xa. Gần đây nhất ở Mỹ, cơn bão Katrina đi qua khiến cho người dân Mỹ kinh hoàng và giận dữ không phải vì độ tàn phá khủng khiếp của nó, họ đã thật sự khủng hoảng niềm tin khi mà những người da đen, những người nhập cư, những người lao động nghèo khổ đã bị chính quyền bỏ rơi trong thời khắc tuyệt vọng.

Với sự thẳng thắn và ý thức tự phê bình nghiêm túc, chúng ta thấy rằng việc xây dựng nền dân chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay cũng có những khó khăn, hạn chế, thiếu sót. Chúng có những nguyên nhân cơ bản như :

- Một số tổ chức và cấp ủy Đảng còn có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quan liêu, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, không chấp hành nghiêm nghị quyết, không thực hiện tốt việc phê bình và tự phê bình trong Đảng.

- Tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước còn cồng kềnh, nặng nề, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và đồng bộ thực hiện cải cách hành chính còn chậm trễ gây phiền hà cho nhân dân. Chưa quy định rõ ràng hợp lý chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của tổ chức bộ máy dẫn đến tình trạng vừa chồng chéo, vừa sơ hở, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau; một số bộ, ngành không thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước trên các lãnh vực được giao phó.

- Tổ chức các đoàn thể nhân dân nhìn chung khắc phục chưa tốt tình trạng hành chính hóa trong hoạt động dẫn đến không nắm chắc được tâm tư, nguyện vọng và vướng mắc của quần chúng kịp thời giải quyết kịp thời hoặc báo cáo với tổ chức đảng, chính quyền phối hợp giải quyết.

- Một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể còn bộc lộ nhiều bất cập, yếu kém so với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới. Trong điều kiện kinh tế thị trường, một bộ phận không nhỏ cán bộ sa sút về phẩm chất chính trị, về đạo đức lối sống, lợi dụng chức quyền dẫn đến quan liêu, tham nhũng, sa vào chủ nghĩa cá nhân.

- Trình độ dân trí, năng lực nhận thức và thực hành dân chủ của quần chúng nhân dân trong những năm đổi mới, tuy đã được nâng lên một bước, nhưng vẫn còn nhiều biểu hiện non yếu. Sự hiểu biết về các quy định của pháp luật, về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm công dân, nhìn chung còn chưa đầy đủ, còn cảm tính, xuôi chiều. Tình trạng coi thường pháp luật, kỷ cương, kỷ luật, quy tắc sinh hoạt xã hội vẫn còn tiếp tục diễn ra.

Bản sao lưu trữ

Đứng trước tình hình đó, việc mở rộng và phát huy dân chủ XHCN, phát huy cao độ vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta hiện nay đang là một nhiệm vụ to lớn đặt ra cho tất cả các cấp, các ngành. Trước mắt, để làm tốt được nhiệm vụ đó, theo chúng tôi cần phải nắm vững một số vấn đề có tính giải pháp sau đây :

Thứ nhất, phải luôn luôn quán triệt quan điểm dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Quyền lực chính trị của nhân dân không được bảo đảm sẽ dẫn tới tình trạng người dân thờ ơ, lãnh đạm đối với xã hội, suy giảm tính tích cực chính trị – đó chính là đầu mối làm suy giảm và đánh mất tiềm năng sáng tạo, mất động lực để phát triển. Khi dân chủ được bảo đảm, con người và các quan hệ xã hội sẽ trở nên cởi mở và năng động hơn. Nguồn lực của mọi nguồn lực, động lực của mọi động lực, động lực xâu xa cho mọi sự phát triển chính là nhân tố con người.

Thứ hai, phải thực hiện dân chủ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và các đoàn thể xã hội, đồng thời không ngừng nâng cao hiệu quả vận hành của cả hệ thống chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Người Đảng viên cộng sản là người có tôn chỉ mục đích trung thành và hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, trong quá trình dân chủ hóa, trước hết phải tiến hành dân chủ hóa trong đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, phê bình và tự phê bình. Các tổ chức Đảng, cũng như từng đảng viên, đều phải hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Nếu trong nội bộ đảng không có dân chủ thì không thể nói đến dân chủ ngoài xã hội. Phải thực hiện dân chủ hóa và xóa bỏ bệnh hình thức ngay từ khâu bầu cử các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước và đoàn thể xã hội.

Trong hệ thống chính trị, Đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo. Muốn tránh nguy cơ độc đoán chuyên quyền – những biểu hiện thường thấy của mất dân chủ - thì đảng phải luôn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị, mà trong đó cơ bản nhất là đối với nhà nước. Sự lãnh đạo của đảng bảo đảm cho Nhà nước mang giai cấp công nhân, thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, hoạt động theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mac-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo của Đảng tạo điều kiện phối hợp và phát

huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, giúp nhà nước hoàn thành thuận lợi mọi nhiệm vụ của mình.

Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị – xã hội ngày càng có vai trò to lớn khi các quan hệ xã hội dân sự ngày càng phát triển. Do vậy, Đảng phải lãnh đạo để định hướng Mặt trận và các đoàn thể thực hiện các mục tiêu xã hội chủ nghĩa, gắn bó với quyền lợi của dân tộc, giai cấp và các hội viên, đoàn viên, đồng thời tôn trọng và khuyến khích tính năng động và tự chủ của các đàon thể và tổ chức xã hội.

Hoạt động của các thành viên trong hệ thống chính trị có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng cùng nhau tạo ra một sức mạnh tổng hợp để nhằm đạt mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, khẳng định trên thực tế quyền lực chính trị thật sự thuộc về nhân dân lao động.

Thứ ba, phải bảo đảm các thể chế dân chủ được chế định bằng nguyên tắc, luật pháp và các chuẩn mực văn hóa đạo đức. Đối với xã hội, một mặt, pháp luật ghi nhận và thể chế hóa quyền con người, quyền công dân và bảo đảm về mặt pháp lý cho các quyền đó được thực hiện; mặt khác, pháp luật trở thành phương tiện để các thành viên xã hội có điều kiện bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình...

Việc thực hiện dân chủ quyền quan trọng là phải hoàn thiện các chế định dân chủ để buộc các chủ thể cầm quyền dù muốn hay không cũng phải tuân theo. Nếu không có thể chế để qua đó nhân dân kiểm soát được quyền lực thì tất yếu sẽ dẫn đến xu hướng lạm quyền. Về dân chủ trực tiếp việc ban hành quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở theo Chỉ thị số 30/CT-TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị và nghị định số 19/1998/ND9-CP ngày 11/05/1998 của Chính phủ vừa qua là một hướng đi đúng đắn và đã đạt được những thành tựu nhất định. Về dân chủ đại diện thì phải thông qua các chủ thể quyền lực trong hệ thống chính trị, thông qua cấp ủy đảng, đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng... Các quan hệ dân chủ ấy cần được định chế bằng luật pháp và chuẩn mực xã hội. Pháp luật không thể quy định trách nhiệm chung chung và người dân thì không biết đại diện của mình là ai. Phải xây dựng các thể chế để bảo đảm năng lực của sự đại diện, hiệu quả của sự đại diện, từ khâu tổ chức hoạt động của các cơ quan đại diện đến vị trí, vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của những người đại diện. Phải làm cho chế định bầu cử thật sự tư do, công khai, dân lựa chọn, dân biết đầy đủ quá trình bầu cử, dân kiểm tra kết quả bỏ phiếu... Và như vậy việc thực hiện dân chủ còn có quan hệ trực tiếp với việc

Bảo tồn lưu trữ

đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vì nó được thực hiện bằng hệ thống chính trị.

Thứ tư, Phải bảo đảm tính toàn diện trong quá trình mở rộng và phát huy dân chủ. Quá trình dân chủ hóa phải được triển khai trên tất cả các lĩnh vực của đời sống từ kinh tế, chính trị, văn hóa tinh thần liên quan đến đời sống của mỗi cá nhân, đời sống của cộng đồng; từ tư tưởng hành động của con người đến các thiết chế xã hội.

Về kinh tế, cái cốt lõi là bảo đảm lợi ích kinh tế của người lao động. Những lợi ích làm cho người lao động làm chủ thật sự về tư liệu sản xuất, tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh là cơ sở để thực hiện lợi ích và tiến bộ xã hội.

Về chính trị, phải bảo đảm cho nhân dân có quyền tham gia vào các hoạt động quản lý điều hành của nhà nước và tổ chức chính trị – xã hội một cách trực tiếp và thông qua các đại diện ưu tú do mình lựa chọn. Phải bảo đảm quyền dân chủ trong ứng cử, bầu cử, trong thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật; trong sinh hoạt dân chủ ở các cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội...

Về văn hóa, tinh thần, phải tạo cho các tầng lớp nhân dân có quyền tự do hưởng thụ thành tựu văn hóa tiến bộ và tự do tư tưởng. Nhà nước bảo đảm quyền tự do cho công dân quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do sáng tạo, quyền thảo luận và biểu quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần xã hội...

Thứ năm, phải đẩy mạnh dân chủ ở cơ sở. Việc bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở và từ cơ sở là vấn đề rất quan trọng. Cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi sinh sống, lao động sản xuất, công tác, nơi diễn ra tiếp xúc và mối quan hệ nhiều mặt giữa các tầng lớp nhân dân với đảng bộ chính quyền, công chức điều hành xử lý công việc thường ngày... Do vậy, cần phải xây dựng chế độ dân chủ bắt đầu từ cơ sở, từ nền tảng của hành chính với sự tham gia thật sự của quần chúng vào tất cả đời sống của nhà nước.

Qua một thời gian thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chúng ta đã thấy rõ được những hiệu quả thiết thực. Quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm trên thực tế ở những lĩnh vực cần thiết. Nhiều vụ việc ở cơ sở được nhân dân đấu tranh làm sáng rõ, cán bộ, đảng viên được theo dõi, nhắc nhở, do đó đã hạn chế được đáng kể các hành vi tiêu cực. Hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi được củng cố; nhân dân phấn khởi, kinh tế – xã hội phát triển, đời

sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng, đòi hỏi phải thường xuyên nghiên cứu và tổng kết các mô hình thực tiễn để đổi mới và vận dụng sáng tạo các hình thức, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm đưa Quy chế dân chủ ở cơ sở đi vào cuộc sống một cách vững chắc.

Thứ sáu, phải không ngừng nâng cao văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ và năng lực thực hành dân chủ của quần chúng nhân dân lao động.

Mọi quyền lực thuộc về nhân dân, phải do nhân dân tự tay mình thực hiện, đó là nguyên lý và nội dung của nền dân chủ XHCN. Nền dân chủ đó vì vậy, sẽ phụ thuộc vào nền tảng xã hội sâu, ý thức chính trị của nhân dân tham gia vào đời sống chính trị của đất nước. Các yếu tố bảo đảm đó chỉ có thể trở thành hiện thực khi mà trình độ văn hóa chính trị của nhân dân đạt được ở những mức độ nhất định và ngày càng được nâng cao.

Thực tế là, chỉ khi nào người dân tự giác nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình, tự giác tham gia công việc Nhà nước, công việc xã hội, hoạt động với tư cách là người chủ lúc đó mới có điều kiện thực hiện dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra một nguyên tắc hoạt động chính trị: "Phải đưa chính trị vào giữa dân gian". Không có tri thức người dân sẽ không bảo vệ được lợi ích của mình, sẽ hành động một cách tự phát và sẽ bị mất phương hướng trong đời sống chính trị, lúc đó dân chủ chỉ còn là một thứ dân chủ hình thức.

Thứ bảy, trong xã hội hiện đại cần phát huy vai trò là cầu nối thông tin giữa dân với Đảng của truyền thông đại chúng để làm cơ sở cho các cuộc tranh luận, thảo luận, trưng cầu ý kiến qua đó nâng cao văn hóa dân chủ trong xã hội. Đây là một kênh quan trọng để hình thành dư luận xã hội nhằm thực hiện chức năng góp phần mở rộng dân chủ XHCN. Truyền thông đại chúng cũng là diễn đàn, nơi dân chúng diễn đạt ý kiến của mình, nơi nhân dân gửi đơn thư, khiếu nại trước khi các cơ quan chức năng vào cuộc.

Tóm lại, ở nước ta trong giai đoạn hiện nay việc mở rộng và phát huy dân chủ là mục tiêu và động lực phát triển. Hơn lúc nào hết chúng ta phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, phải "làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình". Do vậy, "thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn".

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: ĐỔI MỚI, NHỮNG THÀNH TỰU LỚN

HÀ ĐĂNG*

Nguyên Ủy viên T.Ư Đảng, Tổng biên tập Báo Nhân dân

Đánh giá tổng quát 20 năm đổi mới, Báo cáo tổng kết khẳng định: "Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử".

Đánh giá công việc của năm năm, mười năm là không dễ. Đánh giá công cuộc đổi mới trong 20 năm lại càng khó hơn. "Tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua 20 năm đổi mới" tự nó đã có sự giới hạn cần thiết; không phải tổng kết toàn bộ mà là tổng kết một số vấn đề... Dẫu sao để đánh giá và rút ra kết luận đúng đắn về một số vấn đề ấy, không thể không có cái nhìn tổng quát và toàn bộ.

Tổng kết bắt đầu từ những vấn đề cụ thể đi đến khái quát lý luận, từ việc xem xét từng lĩnh vực đổi mới như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đi đến nhận định chung về toàn cục của đổi mới, cả những thành tựu và yếu kém, khuyết điểm, những bài học lớn rút ra được tổng kết sao cho không sa vào tình trạng thấy cây mà không thấy rừng, hoặc ngược lại, thấy tổng thể rừng mà không thấy được cái phong phú bên trong, tức là hệ sinh thái động, thực vật và cả những tài nguyên dưới lớp đất rừng. Đánh giá tổng quát 20 năm đổi mới, Báo cáo tổng kết khẳng định: "Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử".

Vậy, đó là những thành tựu gì?

Một là, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng.

Khủng hoảng kinh tế – xã hội ở nước ta trong những năm cuối thập kỷ 1970 đầu thập kỷ 1980 biểu hiện khá nặng nề; kinh tế trì trệ, phân phối lưu thông ách tắc, cơ chế kế hoạch hóa vận hành trục trặc, ngân sách Nhà nước thâm thụt lớn, lạm phát cao (phi mã), đời sống của nhân dân rất khó khăn và lòng tin giảm sút.

Tình trạng khủng hoảng đó, phải đến gần mười năm sau đổi mới, năm 1995 mới được coi là chấm dứt, khi kế hoạch 5 năm 1991 – 1995, kế hoạch 5

năm đầu của Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội mười năm 1991 – 2000, được thực hiện vượt mức trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu. Từ năm 1996, đất nước bước vào một thời kỳ mới – thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm năm 1996 – 2000, kinh tế tiếp tục đạt được nhịp độ tăng trưởng cao. Nếu tính cả mười năm 1996 – 2000 thì nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân là 7,5%; so với năm 1990, GDP năm 2000 tăng hơn hai lần. Năm năm 2001 – 2005 của nhiệm kỳ Đại hội IX, tăng trưởng GDP bình quân cũng xấp xỉ 7,5%. Tuy chất lượng của sự tăng trưởng còn có mặt hạn chế, song như một số nhà phân tích trên thế giới nhận xét, một đất nước mà trong 15 năm liền đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân GDP trên 7% đó là một điều thần kỳ. Người ta nói đến một con rồng hay con hổ mới.

Bức tranh kinh tế của ta trong 22 năm qua không ngừng biến đổi qua từng năm. Những thành tựu của đổi mới không chỉ đẩy lùi về quá khứ hình ảnh của những năm tháng khủng hoảng kinh tế – xã hội mà còn tạo nên dáng vẻ một đất nước đang tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên thực tế là hai dòng chảy cùng tác động vào nhau để chúng ta vừa phát triển lực lượng sản xuất, vừa xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp.

Khác với mấy chục năm trước, nước ta ngày nay không còn là nước phải nhập khẩu khoảng nửa triệu tấn lương thực mỗi năm mà trở thành một trong những nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, với khoảng trên dưới 04 triệu tấn/năm. Từ một nước vốn có nền công nghiệp yếu kém, đất nước ta từng bước tiến lên xây dựng một nền công nghiệp theo hướng hiện đại, với hàng trăm khu công nghiệp và khu chế xuất được bố trí ở nhiều địa phương. Sản phẩm của công nghiệp cũng đa dạng từ than, thép, xi măng, đến công nghiệp chế tác và cơ khí chế tạo, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Điện khí hóa được đẩy mạnh, năm 1995, đạt sản lượng gần 15 tỷ kW giờ điện, năm 2005 con số đó là 53,4 tỷ ... Đến năm 2005, dầu khí đã khai thác tới tấn thứ 100 triệu. Cũng cần nói đến những công trình ghi đậm dấu ấn của thời kỳ mới, như: đường Hồ Chí Minh, cầu Mỹ Thuận, hầm Hải Vân, v.v ... Các ngành dịch vụ từng bước phát triển cả về qui mô, tính hiệu quả và sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; riêng kim ngạch xuất khẩu trong những năm gần đây đã bằng hơn một nửa GDP toàn quốc.

Hai là, bộ mặt văn hóa – xã hội có sự thay đổi đáng kể.

Không phải trước đây, chúng ta không coi trọng các vấn đề văn hóa, xã hội, con người. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn là mục tiêu hàng đầu của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã từng có những chương trình và kế hoạch nhằm giải quyết các yêu cầu về ăn, ở, đi lại, học hành và chữa bệnh của nhân dân.

Nhưng, cái khó bó cái khôn. Do những khó khăn về kinh tế, cũng do cơ chế quản lý không phù hợp mà trong các lĩnh vực văn hóa và xã hội thường xuyên nảy sinh những vấn đề bức xúc.

Hai mươi năm qua, cùng với tăng trưởng kinh tế ngày một khá, chúng ta đã có thể lần lượt giải quyết nhiều vấn đề xã hội tồn đọng từ lâu và cả những vấn đề mới phát sinh. Công tác giải quyết việc làm có nhiều tiến bộ, mỗi năm tạo việc làm từ 1,2 triệu đến 1,5 triệu người lao động. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả đầy ấn tượng ngay từ năm 2002, nước ta đã được Liên hợp quốc đánh giá là hoàn thành sớm so với kế hoạch toàn cầu: giảm ½ tỷ lệ nghèo vào năm 2015. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có thành tích đáng ghi nhận trong việc giảm tỷ lệ tử vong và suy dinh dưỡng ở trẻ em, khống chế dịch bệnh, tăng tuổi thọ trung bình của người dân (từ 63 tuổi năm 1990 lên 71,3 tuổi năm 2005), cải thiện đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI). Các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", chăm sóc thương binh và gia đình liệt sỹ, khen thưởng người có công, v.v ... đã trở thành những nét đẹp trong đời sống văn hóa của dân tộc.

Việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã gặt hái được nhiều thành quả; bước đầu phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân, kế thừa và phát triển những giá trị đặc sắc văn hóa của 54 dân tộc anh em, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng; từng bước hình thành một số nét mới trong chuẩn mực văn hóa của con người Việt Nam, khuyến khích các tài năng văn hóa – nghệ thuật; gìn giữ và tôn tạo nhiều di sản văn hóa, mở rộng giao lưu và hợp tác văn hóa với nước ngoài.

Với vị trí quốc sách hàng đầu, nền giáo dục của nước ta đã góp phần vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Năm 2000, cả nước đã đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến nay, đã có tới ½ số tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ người lớn từ 15 tuổi trở lên biết chữ đã tăng từ 88% cuối năm 1980 lên 95% năm 2004.

Khoa học công nghệ và tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước có bước phát triển, nhiều thành tựu đã được đưa vào áp dụng trong thực tế, mang lại hiệu quả kinh tế , xã hội rõ rệt. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ (bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật) đã góp phần nâng cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng các công trình, dự án phát triển kinh tế – xã hội; làm chủ và ứng dụng có hiệu quả công nghệ nhập từ nước ngoài.

Tuy còn không ít mặt yếu kém, nhưng những gì mà chúng ta tạo dựng được trên mặt trận văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ đã làm cho thế giới ngày càng hiểu thêm rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc Văn hóa và văn hiến, một dân tộc hiếu học, ham hiểu biết và có khả năng vươn tới trình độ tri thức ngày càng cao.

Ba là, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường.

Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" không chỉ được xác lập về mặt nhận thức mà còn vận hành ngày càng thông suốt hơn trong thực tiễn qua việc củng cố và tăng cường hệ thống chính trị. Đảng khẳng định rằng, thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Trên thực tế, đã thực hiện nhiều chủ trương và biện pháp đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa xã hội, cả dân chủ gián tiếp thông qua các cơ quan dân cử và dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân từng bước được củng cố và tăng cường thông qua việc đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng phát huy được vai trò của mình trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và nâng cao tính tự quản của các cộng đồng dân cư. Đảng thực hiện quyền lãnh đạo của mình thông qua việc tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ và phương thức lãnh đạo, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân.

Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là đặc trưng cơ bản của nền chính trị nước ta. Việc củng cố và tăng

Bản sao lưu trữ

cường hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng những thành quả trên lĩnh vực dân chủ hóa xã hội đã tạo động lực và thực sự là một động lực mạnh mẽ cho quá trình đổi mới toàn diện đất nước.

Bốn là, quốc phòng và an ninh được giữ vững.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được hiểu không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với nhận thức đó, mấy chục năm qua, trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đã xây dựng và từng bước phát triển tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng quân đội và công an theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đã xây dựng được thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp quốc phòng – an ninh với kinh tế và các hoạt động đối ngoại. Nhờ đó, mà giữ vững nền quốc phòng và an ninh quốc gia, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị và ổn định xã hội, tăng thêm niềm tin của nhân dân vào khả năng tự bảo vệ của sự nghiệp cách mạng và đổi mới ở nước ta.

Năm là, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Cùng với việc phá bỏ bao vây và cấm vận, chúng ta đã ra sức mở rộng quan hệ đối ngoại. Với chính sách đối mgoại độc lập tự chủ, mở rộng, sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hoà bình, độc lập, hợp tác và phát triển, chúng ta không ngừng mở rộng và tăng cường mối quan hệ với các mước láng giềng và trong khu vực, các nước bạn bè truyền thống, các nước lớn và các quốc gia, phát triển, tham gia nhiều diễn đàn và tổ chức quốc gia và quốc tế khác, nhất là các tổ chức thuộc Liên hợp quốc.

Đến nay, nước ta có quan hệ ngoại giao với 167 nước trong số hơn 200 nước trên thế giới, đặc biệt là lần đầu tiên trong lịch sử, có quan hệ với tất cả các nước lớn, kể cả Mỹ.

Chúng ta đã tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực khác, tranh thủ nguồn vốn, khoa học – công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý của nước ngoài để phát triển đất nước.

Tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Rõ ràng là, những thành tựu nêu trên, về mặt thực tiễn, đã làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của đất nước ta. Còn về mặt lý luận, chúng ta không thể không đồng tình với kết luận của Báo cáo tổng kết: "Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều rất quan trọng là, sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích luỹ thêm nhiều kinh nghiệm. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn".

Báo cáo còn khẳng định: "Cho đến nay, Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội". Nói gọn lại, đó là các quan điểm chung về mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội, về nền tảng tư tưởng của Đảng, về động lực của sự phát triển. Đó còn là các quan điểm cụ thể về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, về xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; về quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

Sẽ không khách quan và toàn diện nếu nói những thành tựu của đổi mới nêu trên là toàn thiện, toàn mỹ. Không, trên thực tế, kinh tế phát triển còn chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu, sức cạnh tranh còn yếu và vẫn tồn tại nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước các trong khu vực và trên thế giới. Nhiều vấn đề văn hóa và xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Nạn quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của không ít cán bộ, đảng viên vẫn nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội phát triển. Đời sống nhân dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hoạt động của hệ thống chính trị, phương thức lãnh đạo của Đảng chậm được đổi mới; hiệu lực quản lý của Nhà nước chưa cao. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân có mặt giảm sút. Dân chủ trong Đảng và trong xã

Bản sao lưu trữ

hội chưa được phát huy đầy đủ. Về mặt lý luận, không ít vấn đề về nhận thức còn chưa đủ rõ, nhất là trong việc nhận thức và giải quyết quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững; giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa đổi mới và ổn định; giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế ...

Dẫu sao nếu so sánh giữa những thành tựu đạt được và những mặt yếu kém, khuyết điểm, giữa mảng sáng và mảng tối, mặt phải và mặt trái trong bức tranh đổi mới thì có thể thấy rõ thành tựu, mảng sáng và mặt phải là cơ bản. Tính chất to lớn của những thành tựu đổi mới là không có gì để bàn cãi. Còn ý nghĩa lịch sử là ở chỗ nào? Không chỉ ở chỗ nó góp phần ngăn chặn sự đổ vỡ như Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Cũng không chỉ ở sự ngăn ngừa chệch hướng hoặc chệch mục tiêu của chủ nghĩa xã hội như đã từng xảy ra ở nơi này hay nơi khác trong quá trình đổi mới; ở sự phản bác lại những mưu toan và thủ đoạn ngăn cản và phá hoại đổi mới. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất là ở chỗ, trong những điều kiện vô cùng phức tạp trong tình hình thế giới và trong nước suốt mấy mươi năm qua, chúng ta không chỉ kế thừa những gì gặt hái được trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đó mà còn thông qua thực tiễn đổi mới mà tìm tòi và khám phá ra con đường đúng đắn nhất để từ một xã hội của sản xuất nhỏ và kém phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, con đường phù hợp với tiến trình lịch sử của loài người trong thời đại mới.

Bản sao lưu

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

NẮM VỮNG BÀI HỌC CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI

GS, TS LÊ HỮU NGHĨA*
Ủy viên Trung ương Đảng
Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Từ thực tiễn đổi mới 20 năm qua với tất cả những thành tựu cũng như cả hạn chế, yếu kém, chúng ta có thể rút ra một số bài học lớn có ý nghĩa tiếp tục chỉ đạo công cuộc đổi mới trong thời gian tới.

Sau 20 năm đổi mới, nhân dân ta đã được được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng lên nhiều; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Song điều rất quan trọng là sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới; Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.

Từ thực tiễn đổi mới 20 năm qua với tất cả những thành tựu cũng như cả hạn chế, yếu kém, chúng ta có thể rút ra một số bài học lớn có ý nghĩa tiếp tục chỉ đạo công cuộc đổi mới trong thời gian tới.

1- Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngay từ khi mới ra đời, trong những Cương lĩnh đầu tiên của mình, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và trong suốt hơn 75 năm qua Đảng ta luôn kiên trì mục tiêu đó. Trong 20 năm đổi mới, tình hình thế giới biến động rất phức tạp.

Cuối những năm 80 đầu 90 thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu bị sụp đổ, đặc biệt "trận động đất chính trị" xảy ra ở Liên Xô năm 1991 làm cho Liên Xô tan rã; chủ nghĩa xã hội hiện thực bị lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng thế giới gặp những khó khăn chưa từng thấy. Tình hình đó đã tác động sâu sắc đến cách mạng nước ta.

Đứng trước tình thế "hiểm nghèo" đó. Đảng ta không hoang mang giao động. Với bản lĩnh chính trị của một Đảng được tôi luyện dạn dày trong đấu tranh cách mạng. Đảng ta vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đã chọn.

Bản sao lưu trữ

Vì đó là con đường hợp quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam để có một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Đối với Đảng ta, đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức và xây dựng có hiệu quả hơn; đổi mới không phải làđổi mầu; hội nhập nhưng không phải là hòa tan vào thế giới tư bản; đổi mới có nguyên tắc mà nguyên tắc hàng đầu là bảo đảm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đất nước. Vì vậy trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn kiên quyết đấu tranh, chống lại những quan điểm sai trái muốn từ bỏ hoặc phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa với những lập luận sai trái như "đi vào chủ nghĩa xã hội là vào ngõ cụt, vào vết xe đổ của Liên Xô" !) "đi lên chủ nghĩa xã hội là không tưởng, viễn vông" (!), "kinh tế thị trường không dung hợp với chủ nghĩa xã hội" (!) đồng thời phê phán, khắc phục những biểu hiện chệch hướng xã hội chủ nghĩa trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Đồng thời Đảng ta cũng khẳng định rằng đổi mới không phải xa rời chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng.

Để có đường lối đổi mới đúng đắn, cần nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là.cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình thực tế với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, lấy đó làm cơ sở xuất phát để hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn đối với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đối với thực chất những tư tưởng của các nhà kinh điển mác-xít trên nhiều vấn đề. Đối với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chúng ta ngày càng xác định rõ những luận điểm gì trước đây đúng bây giờ vẫn đúng và lâu dài về sau vẫn đúng; những luận điểm gì trước đây đúng và bây giờ không còn phù hợp do thực tiễn đã thay đổi; những luận điểm gì vốn đúng nhưng ta nhận thức sai, làm sai; những luận điểm gì mới cần được bổ sung vào lý luận qua tổng kết thực tiễn mới.

Với tinh thần ấy, trong những năm đổi mới, Đảng ta đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác – Lê-nin trên một loạt các vấn đề như vấn đề mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, v.v ... Nhờ đó, tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu

sắc hơn, đồng thời có sự vận dụng, phát triển phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam, khắc phục bệnh giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí trong nhận thức và hành động.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn vai trò, vị trí và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc cương lĩnh năm 1991 của Đảng đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng của Đảng là một bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng. Trong nền tảng tư tưởng của Đảng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác – Lê-nin là một thể thống nhất. Do đó, không được đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác – Lê-nin vì làm như vậy tức là đã phủ nhận mối liên hệ nội tại cả về lịch sử và lô-gic của tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Thực tiễn cách mạng nước ta từ khi có Đảng nhất là trong 20 năm đổi mới đã khẳng định, chứng minh giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Trung thành và vận dụng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những điều kiện đảm bảo cho thắng lợi sắp tới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới vô cùng phức tạp của tình hình thế giới.

2- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Thực tiễn cải cách, cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa đã cho thấy nếu xác định đúng mục tiêu song không xác định đúng phương thức tiến hành, cách làm, lộ trình và bước đi phù hợp thì cũng không thể thành công.

Đối với Đảng ta, đổi mới là một sự nghiệp có tính chất cách mạng sâu sắc, toàn diện, tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đến mọi cấp, mọi ngành, mọi người, do đó phải đổi mới toàn diện từ nhận thức; tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, quan hệ đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của cấp địa phương và cơ sở.

Đổi mới toàn diện phải tiến hành đồng bộ trên tất cả các mặt, các bộ phận, các khâu của đời sống xã hội, để tạo điều kiện cho chúng phát huy vai trò nhân – quả của nhau, thúc đẩy nhau cùng đổi mới, làm cho toàn bộ cơ thể xã hội chuyển động.

Bản sao lưu trữ

Tuy nhiên, đổi mới toàn diện và đồng bộ không có nghĩa là làm đồng loạt, dàn đều, rải mành mành ra mà phải có trọng tâm, trọng điểm, có sự tính toán cẩn thận các bước đi, hình thức, cách làm phù hợp, phải nắm lấy khâu then chốt, nắm lấy "mắt xích" chủ yếu trong mỗi thời kỳ. Để xác định đúng bước đi và cách làm phù hợp, điều quan trọng là phải nắm vững các mối quan hệ biện chứng chủ yếu trong đời sống xã hội, đó là quan hệ giữa lực lượng sản xuất, giữa kinh tế và chính trị, giữa kinh tế và văn hóa - xã hội, giữa kinh tế và quốc phòng – an ninh ... trong đó xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Thất bại của công cuộc cải tổ ở Liên Xô có một phần nguyên nhân từ giải quyết không đúng mối quan hệ này. Không xác định đúng bước đi; nóng vội, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; ngược lại quá chậm chạp trong việc đổi mới hệ thống chính trị sẽ cản trở sự phát triển kinh tế cũng như toàn bộ công cuộc đổi mới. Vì vậy, lúc đầu chúng ta tập trung vào đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị; đổi mới hệ thống chính trị song phải bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, đổi mới vì mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải coi đổi mới là động lực; ổn định là điều kiện tiền đề; phát triển nhanh và bền vững là mục đích.

Trong những năm qua, cùng với đổi mới kinh tế và trên cơ sở đổi mới kinh tế, chúng ta đã từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị: đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, mở rộng dân chủ trong Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, cải cách các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp, đổi mới chính quyền địa phương; đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; mở rộng và phát huy dân chủ trong xã hội, đẩy mạnh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí ...

Trong quá trình đổi mới, chúng ta không phủ định sạch trơn thành tựu của quá khứ, mà trân trọng và kế thừa những kinh nghiệm dựng nước và giữ nước của cha ông, những thành tựu của cách mạng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời kế thừa, tiếp thu có chọn lọc các thành quả của văn minh nhân loại, trong đó có mặt tích cực của kinh tế thị trường, những giá trị trong tư tưởng về Nhà nước pháp quyền – những thứ trước đây bị coi là riêng có của chủ nghĩa tư bản. Những thành tựu của đổi mới hệ thống chính trị trong 20 năm qua đã khẳng định rằng chúng ta không chỉ đổi mới kinh tế mà

còn đổi mới cả chính trị, chứ không phải như luận điệu xuyên tạc của các phần tử phản động và cơ hội chính trị cho rằng "Việt Nam chỉ đổi mới kinh tế mà không đổi mới chính trị".

Ngày nay để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, chúng ta phải bảo đảm tốt hơn sự gắn kết, đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội. Cần đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ hơn với đổi mới kinh tế, gắn kết chặt chẽ kinh tế với văn hóa - xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng – an ninh và đối ngoại.

3- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của nhân dân, phù hợp thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo về bản chất mang tính nhân dân sâu sắc, thể hiện ở chỗ nó bắt nguồn từ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân và do dân thực hiện. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng.

Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân, tiến hành tổng kết, từng bước khái quát thành lý luận, xây dựng và hoàn thiện đường lối đổi mới – đó là bước đi hợp qui luật. Đến lượt mình, đường lối đổi mới đã đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng, nguyện vọng bức xúc của nhân dân, hợp với qui luật, thuận lòng dân nên đã được nhân dân nhanh chóng hưởng ứng, tham gia tích cực, nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Đường lối đó đã giải phóng được lực lượng sản xuất – nhân tố quyết định cho sự phát triển xã hội, khơi dậy được tài dân và sức dân để đóng góp xây dựng Tổ quốc. Do đó, trong quá trình đổi mới, ý kiến, sáng kiến, cách làm sáng tạo của nhân dân các địa phương và cơ sở là cực kỳ quan trọng. Nếu chúng ta sâu sát với nhân dân, biết lắng nghe ý kiến nhân dân, chắt lọc, tổng kết, khái quát kinh nghiệm của nhân dân, thì sẽ có quyết sách đúng, chủ trương phù hợp, nhất là vào những thời điểm khó khăn hoặc có tính bước ngoặt. Chính vào những thời điểm đó, nhân dân có thể đề xuất những biện pháp cực kỳ thông minh, sáng tạo, vượt ra ngoài mọi sách vở có sẵn mà người lãnh đạo nghĩ mãi không ra.

Hiện nay công cuộc đổi mới đang đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, nhiều vấn đề chưa có câu trả lời rõ ràng và chuẩn xác. Để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chúng ta phải giải quyết những về đề đó. Muốn vậy phải đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và coi trọng sáng kiến của nhân dân, phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, tìm ra những nhân tố mới để nhân rộng, qua đó phát hiện những điểm không phù hợp trong chủ trương, chính sách, kịp thời có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển.

Hiện nay, do tác động của mặt trái của cơ chế thị trường và mở cửa, cũng như do những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong lãnh đạo và quản lý, tệ quan liêu, nạn tham nhũng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã làm cho quan hệ giữa Đảng với nhân dân có mặt bị giảm sút. Vì vậy phải đổi mới và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. "Lợi ích chính đáng của nhân dân" phải là cơ sở để hoạch định chính sách và "thái độ ủng hộ của nhân dân" với Đảng, Nhà nước là một tiêu chuẩn để khẳng định tính đúng đắn của chính sách. Cán bộ, đảng viên phải thật sự gần dân, trọng dân, tin dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin. Có như vậy, những sáng kiến, kinh nghiệm của quần chúng, tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân mới có thể được chuyển thành những quyết sách chính trị trong quá trình đổi mới.

4- Phát huy cao độ nội lực, đồng thời khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn coi trọng việc tạo ra và phát huy sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trong đó lấy phát huy nội lực là nhân tố quyết định, khai thác ngoại lực là nhân tố quan trọng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Công cuộc đổi mới diễn ra trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học – công nghệ phát triển như vũ bão, kinh tế tri thức ngày càng phát triển. Vì vậy, chúng ta phải chủ động sử dụng những thành tựu khoa học và công nghệ nhất là các công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano ...) cùng với những thành tựu của kinh tế tri thức để phát triển kinh tế - xã hội, tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá, thực hiện "đi tắt đón đầu", tạo môi trường thuận lợi trong nước để phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại tiên tiến của thế giới.

Ngày nay toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan, một hiện thực sống động, bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực, cả thời cơ và thách

thức, tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Sớm nhận thức được xu thế này. Đảng ta đã đề ra chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ đi đôi với đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Cho đến nay nước ta đã xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn, đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ; chúng ta đã hội nhập kinh tế trên các cấp độ (song phương, khu vực và toàn cầu), đã gia nhập AFTA, ASEM, APEC và cuối cùng là đã gia nhập WTO.

Thông qua việc mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, chúng ta đã thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài với hình thức vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và vốn hỗ trợ phát triển (ODA), cũng đã thiết lập được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, tranh thủ được số lượng đáng kể vốn vay ưu đãi của Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), đồng thời tranh thủ khoa học - công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu để phát triển đất nước. Mặt khác, thông qua mở rộng hợp tác quốc tế làm cho bạn bè quốc tế hiểu biết đất nước và con người Việt Nam hơn, tăng thêm tình cảm, sự ủng hộ, giúp đỡ đối với công cuộc đổi mới của Việt Nam và qua đó chúng ta góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân tiến bộ thế giới vì mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Có thể nói ngoại lực được khai thác đã làm nhân lên sức mạnh nội lực, còn nội lực được phát huy tạo cơ sở cho việc sử dụng ngoại lực có hiệu quả hơn. Cũng như vậy, sức mạnh thời đại được phát huy sẽ được chuyển thành sức mạnh của dân tộc, trái lại, sức mạnh của dân tộc được phát huy thì mới sử dụng có hiệu quả cơ hội, thuận lợi do sức mạnh của thời đại tạo ra, vượt qua nguy cơ, khắc phục thách thức. Trong việc khai thác ngoại lực, sử dụng sức mạnh thời đại chúng ta phải đứng vững trên các nguyên tắc như tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc.

5- Phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

Thực tiễn 20 năm đổi mới đã khẳng định: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của đổi mới. Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, ngày càng được hoàn thiện, vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng được tăng cường, nhờ tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên nên đường lối đổi mới của Đảng được đông đảo nhân dân hưởng ứng, biến thành phong trào hành động sôi nổi, rộng khắp của quần chúng.

Vì vậy trong quá trình đổi mới. Đảng ta rất coi trọng công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, coi việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa xã hội, mở cửa, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Phải bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng, kiên quyết không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đảng khẳng định tự đổi mới, tự chỉnh đốn là qui luật tồn tại và phát triển của Đảng. Phải giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, tăng cương bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân. Đồng thời kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch muốn phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đấu tranh với các biểu hiện giáo điều và cơ hội dưới mọi hình thức.

Trong quá trình đổi mới. Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bởi vì dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Dân chủ hóa đời sống xã hội sẽ làm cho mọi tiềm năng sáng tạo của con người được phát huy, tính tích cực, chủ động của nhân dân được tăng lên, sự tham gia của nhân dân vào các quá trình sáng tạo ra xã hội mới sẽ ngày càng có hiệu quả cao.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới hệ thống chính trị, bởi vì như Đảng ta chỉ rõ, thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Dân chủ được thể hiện và thực hiện chủ yếu và trực tiếp nhất qua Nhà nước, bằng Nhà nước. Vì vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, bảo đảm quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân là yêu cầu bức thiết của dân chủ hóa xã hội. Nhà nước phải tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, kiểm tra, giám sát các cơ quan Nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước. Nhà nước bảo đảm quyền công dân, quyền con người, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa phải tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở lợi ích chung của đất nước, lấy việc giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" làm điểm tương đồng. Phải tạo điều kiện và cơ chế cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Như vậy thông qua đổi mới từng tổ chức trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội) và đổi mới mối quan hệ giữa các tổ chức đó sẽ làm cho từng tổ chức và cả hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, ngày càng phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới.

Trên đây là những bài học lớn được rút ra từ 20 năm đổi mới. Những bài học đó có ý nghĩa chỉ đạo tiếp tục cho công cuộc đổi mới thời gian tới. Vì vậy, nắm vững và quán triệt chúng để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội là yêu cầu quan trọng hiện nay và sắp tới.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ

LƯƠNG VĂN TỰ*
Nguyên Thứ trưởng Thương mại, Tổng Thư ký
Ủy Ban quốc gia – Hợp tác kinh tế quốc tế

Kể từ sau Đại hội lần thứ VI của đảng, chủ trương chủ động hội nhập kinh tế ngày càng được xây dựng, phát triển và hoàn thiện hơn. Chủ trương này góp phần tích cực phá thế bao vây cấm vận của một số thế lực thù địch, mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với các nước ở khắp các châu lục trên thế giới, từ đó góp phần đắc lực vào việc phát triển thị trường xuất nhập khẩu.

Ngày nay, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) đã trở thành một chủ trương được toàn Đảng, toàn dân nhất trí. Có thể nói, qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, chủ trương chủ động hội nhập kinh tế lại càng được xây dựng, phát triển và hoàn thiện hơn.

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, đường lối đổi mới đã mở ra sự phát triển toàn diện và sâu sắc trên mọi lĩnh vực, trong đó chúng ta chú trọng phát triển đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và rộng mở. Tại Đại hội VII, Đảng ta đã xác định rõ đường lối độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước..." thành "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Chúng ta đã trải qua giai đoạn thực hiện cam kết ban đầu, đến nay quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng đi vào chiều sâu, việc thực hiện cam kết trong giai đoạn mới chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng sâu sắc tới nền kinh tế quốc dân. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay của Việt Nam, nghị quyết 07-NQ-TƯ được Bộ chính trị ban hành ngày 27/11/2001 chính là sự kế thừa, cụ thể hóa và triển khai các đường lối của Đảng đề ra từ trước tới nay, đồng thời đáp ứng kịp thời những đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn mới. Đây là một văn kiện hết sức quan trọng đối với tiến trình HNKTQT của Việt Nam hiện nay và trong tương lai.

Tất nhiên, không chỉ nhờ vào HNKTQT song có thể nói, hiện nay, Việt Nam có uy tín lớn trên thương trường quốc tế thì thành tích đáng kể chính là nhờ chủ trương và chính sách đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta về HNKTQT. Quá trình HNKTQT đã góp phần tích cực phá thế bao vây cấm vận của một

số thế lực thù địch, mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với các quốc gia ở khắp các châu lục trên thế giới, từ đó góp phần đắc lực vào việc phát triển thị trường xuất nhập khẩu. Tính đến nay, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, đã tham gia vào các tổ chức lớn như ASEAN, APEC, ASEM và đang đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Chúng ta đẩy mạnh quan hệ buôn bán với 224/255 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ, ký 87 Hiệp định thương mại song phương (cả ký mới và ký lại). Việt Nam cũng đã ký hơn 350 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và 37 Hiệp định hợp tác về văn hóa song phương với các nước và các tổ chức quốc tế.

Quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam được mở rộng trong suốt quá trình HNKTQT vừa qua đã tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập rộng khắp thế giới, nhiều hàng hóa Việt Nam đã có chỗ đứng và khả năng cạnh tranh trên nhiều thị trường khó tính như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ... Hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam được triển khai một cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực đã tạo ra nhiều thuận lợi cho hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam. Thông qua việc khai thông thị trường mới, mở rộng quan hệ buôn bán trao đổi, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nhận được các ưu đãi thuế quan và phi thuế quan của các nước, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam từ 2,4 tỷ USD năm 1990 lên 26,5 tỷ USD năm 2004 và đạt 31,5 tỷ USD năm 2005. Như vậy, với mức tăng trưởng xuất khẩu năm 2005, thì triển vọng có thể thực hiện được kế hoạch xuất khẩu năm 2001 – 2005.

Việc gia tăng quan hệ kinh tế thương mại, gia tăng kim ngạch xuất khẩu đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế thấp kém, tới nay, Việt Nam liên tục đạt mức tăng trưởng hơn 7%, nhiều năm chỉ đứng thứ hai sau mức tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu đã đạt gần 50% GDP năm 2004.

Từ HNKTQT, chúng ta đã chẳng những mở rộng quan hệ, mở thêm nhiều thị trường mà còn thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý. Thu hút đầu tư nước ngoài là chủ trương quan trọng của Việt Nam trong những năm qua, góp phần khai thác các nguồn lực trong nước, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH. Đầu tư nước ngoài đã trở thành một trong những nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển; có tác dụng thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng CNH, HĐH: mở ra nhiều nghề, sản phẩm mới , góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Tính từ năm 1988 đến hết tháng 5-2005, cả nước đã cấp giấy phép đầu tư cho hơn 6.400 dự án ĐTNN với tổng vốn đăng ký kể cả tăng vốn 60,5 tỷ USD, trong đó có 5.412 dự án

còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 48,49 tỷ USD, vốn thực hiện đạt hơn 26 tỷ USD. Cho tới nay, đã có doanh nghiệp của hơn 70 nước và vùng lãnh thổ có mặt ở Việt Nam, trong đó có nhiều Công ty và tập đoàn lớn có tiềm lực kinh tế – công nghệ; góp phần làm thay đổi trình độ sản xuất của Việt Nam. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh từ năm 1988 đến nay vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất – tiêu dùng của thị trường nội địa rộng lớn với sức mua tăng lên nhanh chóng vừa tận dụng và phát huy những lợi thế xuất khẩu mà Việt Nam đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong những năm qua, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thật sự trở thành một trong những động lực tăng trưởng sản xuất công nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, đầu tư nước ngoài đã tác động mạnh mẽ tới kim ngạch xuất khẩu của khu vực này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước chỉ chiếm 19,5% năm 2004 con số này đã đạt 54% (kể cả xuất khẩu dầu thô). Nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta: chiếm gần 30% vốn đầu tư xã hội, 35% giá trị sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho hơn 40 vạn lao động và hàng chục vạn lao động gián tiếp. Thông quan đầu tư trực tiếp nước ngoài và những hợp đồng chuyển giao công nghệ theo các dự án hoặc thông qua chương trình hợp tác quốc tế, Việt Nam đã tiếp thu được nhiều công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến trong nhiều lĩnh vực kinh tế – xã hội khác nhau, góp phần thúc đẩy tăng năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Nhìn chung công nghệ của các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh đều cao hơn công nghệ đang sử dụng ở Việt Nam và ở mức trung bình của khu vực. Một số dự án đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực dầu khí, viễn thông, sản xuất ô tô, xi – măng , sắt thép, điện tử, ... thuộc loại tiên tiến. Sự xuất hiện của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng đã có tác động dây chuyền tích cực, như tăng mức độ cạnh tranh trên thị trường, giúp các doanh nghiệp và các nhà quản lý doanh nghiệp trong nước học hỏi thêm về cách thức bố trí sản xuất, quản lý, tiếp thu công nghệ, kiểu dáng sản phẩm và cách thức tiếp thị, phục vụ khách hàng... Những thành công trong việc tiếp thu khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến mà quá trình HNKTQT mang lại đã tạo nên bộ mặt mới cho nền công nghiệp và xã hội Việt Nam ngày càng hiện đại, văn minh. Bên cạnh việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam còn tranh thủ được nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) ngày càng lớn. Vốn ODA của các nhà tài trợ cam kết cho Việt Nam, từ năm 1993 đến 2004 đã lên tới 28,78 tỷ USD. Tính đến ngày 20-12-2004, giá trị các Hiệp định đã ký kết đạt 20,593 tỷ USD. Năm 2005, Việt Nam huy động được ODA ở mức kỷ lục là 3,4 tỷ USD, tăng 600 triệu USD so với năm 2004. Đây là nguồn vốn quan trọng đầu tư vào

hạ tầng cơ sở như đường sá, cầu cống và phục vụ chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Một thành tựu quan trọng nữa do HNKTQT đem lại đó là do việc mở cửa thị trường đã buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải chuyển sang cách làm ăn mới. Sự hội nhập kinh tế đã thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, tạo khả năng cạnh tranh. Có thể nói, chỉ trong thời gian hơn 10 năm mà đội ngũ doanh nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển lớn mạnh cả về lượng và chất. Từ chỗ chỉ có hơn 10.000 doanh nghiệp, đến nay đã có khoảng 160.000 doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Chỉ tính riêng đội ngũ doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu tới năm 2005 đã là 35.714 doanh nghiệp, tăng gấp 965 lần so với năm 1986 (37 công ty), trong đó doanh nghiệp quốc doanh là 31.418 doanh nghiệp thuộc các loại hình khác như Công ty TNHH, cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI. Đội ngũ các doanh nghiệp hùng hậu hơn, đội ngũ cũng qua hội nhập kinh tế mà trưởng thành hơn, vững vàng hơn.

Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đã đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế, bởi so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chúng ta còn ở mức thấp (Theo đánh giá của diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), xét về chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia, so sánh với 11 quốc gia trong khu vực, Việt Nam xếp ở vị trí thấp nhất 11/11; so với toàn cầu, năm 2003, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 60 trên tổng số 80 được đánh giá xếp hạng, nhưng năm 2004 chúng ta đã tụt 17 bậc). Kim ngạch xuất khẩu của nước ta mới bằng một phần ba kim ngạch xuất khẩu của Thài Lan và hai phần ba kim ngạch xuất khẩu của Phi-lip-pin. Trong khi dân số của ta lại đông hơn dân số của Thái Lan và Phi-lip-pin. Như vậy, rõ ràng, chúng ta phải cố gắng nhiều, nhiều hơn nữa thì mới không tụt hậu, mới có thể vững vàng cạnh tranh và phát triển trong hội nhập.

Trong bối cảnh hiện nay, cả thế giới đang trong xu thế toàn cầu hóa và không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Thế giới đang hình thành ba trung tâm khu vực mậu dịch tự do và liên minh kinh tế lớn. Đó là khu vực mậu dịch tự do châu Mỹ, gồm 33 nước tham gia, với hơn 900 triệu dân và tổng sản phẩm của cả khối khoảng 11 nghìn tỷ USD. Liên minh châu Âu đã mở rộng 25 nước và đang tiếp tục đàm phán mở rộng về phía đông có số dân hơn 450 triệu người, 12 nước đã tham gia đồng ơ-rô có tổng thu nhập khoảng 9.000 tỷ USD. Khu vực thứ ba là ASEAN mở rộng gồm ASEAN + Trung quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a và Niu-Di -lân. Đây là khu vực mậu dịch tư do có số dân đông nhất thế giới. ASEAN đã kết thúc đàm phán về hàng hóa với

Trung Quốc và đang tiến hành đàm phán với các nước còn lại. Dự kiến lộ trình tự do hóa thương mại từ năm 2014 đến năm 2020, mức thuế sẽ giảm xuống trung bình dưới 10%. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy một quốc gia đóng cửa hoặc bị bao vây cấm vận thì kinh tế không phát triển được, nhưng một quốc gia mở cửa hoàn toàn phụ thuộc bên ngoài cũng sẽ bị chao đảo như một số nước Mỹ la-tinh khi thị trường thế giới biến động lớn hoặc sức ép chính trị của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế. Do đó, độc lập tự chủ kinh tế trong bối cảnh hiện nay là tập trung cao vào phát huy thế mạnh của đất nước tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để đạt mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Độc lập tự chủ về kinh tế sẽ tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả; xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ chính là tiền đề bảo đảm để HNKTQT thành công. Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng XHCN, đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật đủ mạnh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; giữ vững ổn định chính trị và xã hội; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế. Và tất yếu, khi HNKTQT thành công sẽ nâng cao hiệu quả của nền kinh tế đôc lập tự chủ.

Chúng ta đang bước vào giai đoạn hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới và khu vực. Theo Hiệp định CEPT-AFTA, từ 1-1-2006, thuế hầu hết các mặt hàng nhập khẩu từ ASEAN (trừ nhóm nhạy cảm và nhóm loại trừ hoàn toàn) giảm xuống o% đến 5%. Chúng ta đang trong giai đoạn cuối cùng của tiến trình mười năm đàm phán gia nhập WTO. Để có thị trường toàn cầu của 148 thành viên WTO và thu hút vốn đầu tư, công nghệ của họ, thì chúng ta phải mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ cho họ. Quá trình này tạo cho ta nhiều cơ hội và những thách thức gay gắt, song thế và lực của ta ngày nay đã khác xa so với thời kỳ mới mở cửa. Chúng ta tin tưởng rằng, đất nước sẽ vượt qua các thách thức đưa nền kinh tế phát triển tới đỉnh cao mới.

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

DOANH NGHIỆP VÀ DOANH NHÂN TRONG HỘI NHẬP

Vũ Quốc Tuấn
Chuyên gia kinh tế

Gia nhập WTO, kinh tế Việt Nam hội nhập sâu hơn, toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới. Vấn đề đặt ra là phải hiểu ý mình, hiểu người, biết chỗ mạnh, chỗ yếu của mình cũng như chỗ mạnh, chỗ yếu của người, để hội nhập thành công, tranh thủ được các cơ hội mới phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước. Bài viết này xin đề cập những vấn đề của doanh nghiệp – lực lượng chủ công trong hội nhập.

1. Doanh nghiệp – lực lượng chủ công

Doanh nghiệp là gì? Theo định nghĩa tại Luật Doanh nghiệp 2005, "doanh nghiệp" là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh". Hiện nay, khái niệm "doanh nghiệp" thường được dùng để chỉ các loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty hợp danh thuộc các thành phần kinh tế. Số lượng doanh nghiệp tính đến cuối năm 2006 là khoảng 260.000 đơn vị.

Tuy vậy, nếu nói doanh nghiệp theo nghĩa rộng, thì ngoài các doanh nghiệp đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nói trên, cần phải kể hơn 3 triệu hộ kinh doanh phi nông nghiệp (theo thống kê đến hết năm 2005) như những doanh nghiệp siêu nhỏ, cùng với 15.000 hợp tác xã và gần 12 vạn trang trại hoạt động như loại hình doanh nghiệp. Đáng chú ý là trong các hộ kinh doanh, có những hộ có quy mô doanh số và lao động khá lớn song vẫn chưa đăng ký hoạt động như một doanh nghiệp, mặc dù theo quy định tại Khoản 4 Điều 170 Luật Doanh nghiệp thì "Hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật này".

Đối với mọi nền kinh tế, doanh nghiệp luôn được coi là lực lượng chủ công; do vậy, việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp phải được coi là nhiệm vụ hàng đầu. Đối với nước ta đang trong quá trình đổi mới và phát

Bản sao lưu trữ

triển, gia nhập WTO, nhiệm vụ này lại càng có ý nghĩa cấp bách, quyết định thành công trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thực tiễn cho thấy số lượng doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả thường tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế, trong phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương; nơi nào có nhiều doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, kinh tế nơi đó chắc chắn phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Chúng ta đã đề ra chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp, nhắm đến năm 2010 cả nước có 50 vạn doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, có nhiều doanh nghiệp có tầm cỡ thế giới, đồng thời cũng đã có kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa 5 năm 2006-2010 cũng là nhắm theo hướng đó.

Dưới đây, xin điểm qua thực lực của các doanh nghiệp nước ta hiện nay.

Doanh nghiệp Nhà nước: hiện nắm giữ 75% tài sản cố định quốc gia, 20% vốn đầu tư xã hội, gần 50% vốn đầu tư của Nhà nước, 60% tín dụng ngân hàng trong nước, hơn 70% vốn vay nước ngoài, được hưởng nhiều ưu đãi, nhưng kinh doanh kém hiệu quả, chỉ đóng góp gần 50% thu ngân sách, trong đó thuế thu nhập chỉ có 9%... Đây là khu vực cơ chế quản lý kém hiệu quả nhất, có nhiều tiêu cực, lãng phí. Việc sắp xếp lại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tiến hành quá chậm, đến hết năm 2006 mới cổ phần hoá được khoảng 3.000 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp với số vốn chỉ chiếm khoảng 12% tổng số vốn trong doanh nghiệp nhà nước (nếu trừ đi số vốn nhà nước còn giữ lại gần 50% thì thực chất tỷ lệ trên chỉ khoảng 9%).

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: hiện có hơn 5.300 dự án có hiệu lực đang hoạt động, chiếm 15,7% tổng vốn đầu tư xã hội, 44% giá trị sản xuất công nghiệp, tạo ra 54,6% kim ngạch xuất khẩu, thu hút gần 70 vạn lao động. Do có vốn lớn, công nghệ tương đối hiện đại, kỹ năng quản lý tiên tiến, doanh nghiệp FDI hoạt động có hiệu quả rõ rệt, mang lại nhiều kinh nghiệm tốt cho kinh doanh của các doanh nghiệp.

Doanh nghiệp dân doanh: bao gồm các loại hình doanh nghiệp tư nhân và hỗn hợp. Những năm gần đây, doanh nghiệp dân doanh thường có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong các loại hình doanh nghiệp. Năm 2005, khu vực kinh tế dân doanh đã chiếm 32,1% tổng vốn đầu tư xã hội, doanh nghiệp công nghiệp dân doanh đã chiếm gần 30% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước. Đây thực sự là khu vực kinh tế dân sự rộng lớn, do dân tự chủ kinh doanh

đang trên đà phát triển mạnh mẽ, năng động, trở thành lực lượng chủ lực của công cuộc phát triển kinh tế nước ta.

Nhìn chung, bước vào thị trường toàn cầu, doanh nghiệp nước ta có những chỗ mạnh, yếu như sau:

Chỗ mạnh nhất là doanh nghiệp, doanh nhân nước ta giàu ý chí vươn lên, có lòng tự hào dân tộc cao, luôn khao khát cùng dân tộc phấn đấu chấn hưng kinh tế, đưa đất nước sớm thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu. Đặc biệt là chúng ta có một đội ngũ doanh nhân trẻ, có tri thức, được đào tạo bài bản, tiếp thu nhanh các kiến thức, kỹ năng kinh doanh tiên tiến, năng động, sáng tạo; những doanh nghiệp do đội ngũ doanh nhân này làm chủ đang có nhiều triển vọng. Một số doanh nghiệp Việt Nam đã có thể cạnh tranh ngang ngửa với doanh nhân thế giới. Sự ổn định chính trị và môi trường pháp lý đang được cải thiện, thể chế kinh tế thị trường đang được hoàn thiện là điều kiện quyết định phát huy chỗ mạnh của doanh nghiệp nước ta.

Chỗ yếu của doanh nghiệp nước ta hiện nay là quy mô nhỏ (90% thuộc loại nhỏ và vừa), trình độ công nghệ thấp, vốn liếng ít, kinh nghiệm thương trường chưa nhiều, kỹ năng quản trị kinh doanh còn yếu, còn thiếu hiểu biết về luật pháp quốc tế. Một số không ít doanh nghiệp vẫn còn tâm lý ỷ lại, mong đợi sự ưu ái của Nhà nước (nhất là doanh nghiệp Nhà nước). Một số thiếu tinh thần tiến thủ, không dám chấp nhận rủi ro, thiếu tinh thần kinh doanh còn kém. Tinh thần liên kết, kinh doanh, hợp tác trong kinh doanh còn yếu, chưa quen với các quan hệ hợp đồng, chưa quen sử dụng các dịch vụ tư vấn cho kinh doanh.

2. Thời cơ và thách thức mới

Gia nhập WTO, bước vào sân chơi toàn cầu, doanh nghiệp nước ta đứng trước những thời cơ mới rất quan trọng, nhưng cũng không ít thách thức mới không thể xem thường. Đối với doanh nghiệp nước ta hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế mang lại những thời cơ và thách thức gì?

Về thời cơ, có thể nêu lên năm điểm sau đây:

1- Thị trường được mở rộng: không những kinh tế nước nhà phát triển, sức mua của nhân dân tăng lên, mà từ nay doanh nghiệp nước ta có cơ hội

tiếp cận thị trường rộng lớn hơn với 150 thành viên WTO chiếm 85% thương mại hàng hoá và 90% thương mại dịch vụ toàn cầu. Trên thị trường rộng lớn ấy, những rào cản về hạn ngạch, giấy phép, thuế quan, v.v... sẽ dần dần bị gỡ bỏ, hàng hoá nước ta có điều kiện đi ra nước ngoài, thâm nhập thị trường toàn cầu, bình đẳng với hàng hoá các nước khác.

2- Doanh nghiệp có thêm nhiều cơ hôi tiếp cận một cách bình đẳng công nghệ, vốn tín dụng và nhân lực từ bên ngoài. Đó chính là những yếu kém của doanh nghiệp nước ta mà trước đây chúng ta chưa tự giải quyết được. Đặc biệt quan trọng là công nghệ hiện đại sẽ được tiếp thu bởi doanh nghiệp nước ta và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên đất nước ta.

3- Môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện. Hội nhập sẽ thúc đẩy các cơ quan nhà nước tích cực đổi mới thể chất, chính sách, sắp xếp lại tổ chức quản lý và làm trong sách đội ngũ công chức, cải cách thủ tục hành chính, chống quan liêu tham nhũng, v.v... thuận lợi hơn cho yêu cầu nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp hiện có và phát triển thêm nhiều doanh nghiệp tư nhân mới.

4- Tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của doanh nghiệp. Đây là thời cơ để doanh nghiệp tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài mà tái cấu trúc doanh nghiệp một cách thật khẩn trương, kể cả bố trí bộ máy, sắp xếp lại nhân sự, triển khai các quan hệ liên kết, liên doanh...

5- Các cuộc tranh chấp thương mại sẽ được giải quyết công bằng hơn. Trước đây, doanh nghiệp ta bị kiện, đó là trên sân của nước sở tại, theo luật của nước họ, thường không công bằng; ngày nay, là thành viên WTO, doanh nghiệp nước ta sẽ được bảo vệ trước những tranh chấp thương mại theo các điều lệ của WTO; được đối xử công bằng hơn.

Về thách thức, cũng có thể nêu lên năm điều sau đây:

1- Yêu cầu của thị trường khắt khe hơn. Trên thị trường toàn cầu, người tiêu dùng có thêm nhiều thuận lợi để lựa chọn hàng hoá mà họ cần; không những thế, người tiêu dùng ngày nay không chỉ quan tâm hình dáng, mẫu mã và giá cả sản phẩm hàng hoá như trước đây, mà họ đang có những đòi hỏi

mới cao hơn về chất lượng, về an toàn sức khoẻ cho công nhân viên, vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, v.v...

2- Cuộc cạnh tranh sẽ gây gắt, khốc liệt hơn. Đó là cuộc cạnh tranh toàn cầu, doanh nghiệp nước ta ra nước ngoài sẽ gặp nhiều đối thủ mới, đồng thời các doanh nghiệp trong WTO sẽ tìm mọi cách để thâm nhập ngày càng sâu vào thị trường nước ta. Có thể thấy trước nhiều lĩnh vực sẽ bị cạnh tranh gay gắt, nhất là tài chính, ngân hàng, viễn thông, v.v... Cuộc cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài được đầu tư, kinh doanh bình đẳng như các doanh nghiệp trong nước.

3- Thị trường lao động sẽ rất sôi động. Có thể diễn ra tình trạng dịch chuyển lao động giữa các nước thành viên WTO, trước hết là những nước trong khu vực, gây ra tình trạng thiếu nhân lực. Nhân lực cấp cao sẽ tìm đến nơi có điều kiện phù hợp nhất đối với họ, cuộc cạnh tranh về nhân lực cấp cao sẽ gay gắt. Vì vậy, doanh nghiệp rất khó tìm được và giữ được nhân lực lao động kĩ thuật và nhân lực cấp cao cho doanh nghiệp mình.

4- Nhiều ưu đãi hiện hành trái với các cam kết trong WTO để bảo hộ doanh nghiệp trong nước, nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước sẽ bị bãi bỏ. Doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ gặp nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp được bình đẳng cạnh tranh trong kinh doanh, không kể đó là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; điều này sẽ khó khăn cho doanh nghiệp nước ta, nhất là khi đang còn yếu kém.

5- Doanh nghiệp nước ta chưa đủ thành thạo trong luật chơi chung. Gia nhập WTO, doanh nghiệp nước ta phải tiếp cận hệ thống luật lệ WTO và luật lệ của từng đối tác; khi thương mại và đầu tư tăng nhanh các cuộc kiện tụng về tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài, sở hữu trí tuệ, v.v... sẽ nhiều hơn trước. Thế nhưng, hệ thống thể chế, chính sách của ta chưa hoàn chỉnh, kinh nghiệm của hệ thống tư pháp nước ta trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế có yếu tố nước ngoài còn nhiều lúng túng, doanh nhân nước ta cũng chưa rành luật lệ thế giới về xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, bảo hiểm quốc tế, v.v...

Đó là thời cơ và thách thức chủ yếu mà doanh nghiệp nước ta gặp phải khi hội nhập. Trong đó, thời cơ là chủ yếu. Song mọi xu thế vừa là thời cơ vừa

là thách thức; không có xu thế nào chỉ đơn thuần là thời cơ hoặc thách thức; thời cơ và thách thức luôn đan xen nhau và có thể chuyển hoá thành nhau, thời cơ thành thách thức và ngược lại, thách thức thành thời cơ; thách thức đối với ngành này, doanh nghiệp này có thể là thời cơ của ngành khác, doanh nghiệp khác. Điều quan trọng là mỗi doanh nghiệp thấy đúng và xử lý tốt tính chất và mức độ thời cơ và thách thức của từng xu thế. Thách thức được khắc phục tốt và kịp thời thì tạo ra thời cơ mới; còn thời cơ nếu không được tận dụng tốt và kịp thời thì có thể tạo ra thách thức mới. Mối quan hệ tương tác giữa thời cơ và thách thức chính là một thách thức lớn tạo ra thời cơ lớn mà mỗi doanh nghiệp phải nắm lấy để tận dụng vươn lên.

Có thể ví dụ doanh nghiệp chúng ta còn yếu kém về nhiều mặt, nếu như không có cạnh tranh, doanh nghiệp vẫn có thể " bình chân như vại"; một số vẫn có thể dựa vào sự bao cấp, ưu ái của Nhà nước. Thế nhưng, bước vào hội nhập, phải cạnh tranh bình đẳng, không còn ưu ái, bao cấp, doanh nghiệp buộc phải đứng trước tình thế "tồn tại hay không tồn tại"; nếu doanh nghiệp biết liên kết, liên doanh, nhân dịp này mà tiếp thu công nghệ mới, thu hút thêm vốn, đổi mới quản lý... thì thách thức của cạnh tranh lại chuyển thành thời cơ để doanh nghiệp "lột xác", chuyển mình sang một con đường phát triển mới. Đương nhiên, trong cuộc cạnh tranh mới, gay gắt và cam go này, có thể có những doanh nghiệp không trụ được, chịu phá sản, nhưng đó là sự sàng lọc cần thiết, là "sự tàn phá sáng tạo", những doanh nghiệp trụ lại được trong cuộc sàng lọc khe khắt này sẽ thực sự có sự sống, phát triển bền vững hơn.

3. Để doanh nghiệp hội nhập thành công

Trước tình hình mới, yêu cầu đối với doanh nghiệp nước ta là phải thành công trong hội nhập, phải nhanh chóng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, hàng hoá cũng như của toàn doanh nghiệp. Muốn vậy, phải thực hiện một hệ thống các giải pháp về kinh tế, công nghệ, về quản lý, v.v...

Có thể nêu lên 5 nhóm vấn đề lớn sau đây:

Một là, xây dựng chiến lược thị trường, chiến lược phát triển trong hội nhập. Khi là thành viên WTO, phạm vi kinh doanh của mỗi doanh nghiệp không còn bó hẹp trong phạm vi nước ta mà đã mở rộng ra toàn cầu, mỗi doanh nghiệp đã là "doanh nghiệp toàn cầu". Đây là một chuyển biến rất cơ

bản, đòi hỏi xem xét lại và tính toán lại toàn bộ chiến lược kinh doanh đi đôi với xây dựng văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập.

Trên thị trường toàn cầu, doanh nghiệp nước ta có thể đưa sản phẩm của mình thâm nhập sâu hơn vào thị trường toàn cầu, đồng thời các nhà đầu tư nước ngoài cũng sẽ không bỏ lỡ cơ hội thâm nhập thị trường Việt Nam. Trên thị trường này, nguyên tắc cạnh tranh được áp dụng phổ biến giữa các doanh nghiệp, các nền kinh tế; nhưng đó là cùng hợp tác và cạnh tranh, một cuộc cạnh tranh có văn hoá. Mỗi doanh nghiệp cần khẩn trương soát xét lại kế hoạch kinh doanh thực hiện các biện pháp đầu tư, mở rộng quy mô, v.v... bằng sức của mình hoặc thông qua liên kết, liên doanh để nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của mình trên phạm vi toàn cầu. Làm được như vậy, sản phẩm hàng hoá của mình có chỗ chen chân, có thị trường lớn, có thị trường ngách, có sản phẩm cao cấp, có sản phẩm bình dân, ... có điều kiện phân khúc thị trường để tìm ra chỗ đứng vững chắc, lâu bền cho sản phẩm và doanh nghiệp của mình.

Nhiều nghiên cứu cho rằng có những ngành sẽ khó khăn hơn, ví dụ tài chính – ngân hàng, viễn thông... nhưng đây cũng là thời cơ để các ngành này xem lại mình. Đây chính là thời cơ thuận lợi để xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp, để doanh nghiệp tự chủ trong kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, phát huy mọi tiềm năng về vật chất và tinh thần của mình, sống tốt, sống khoẻ bằng chính sức lực của mình. Điều này đối với doanh nghiệp nhà nước có khó khăn hơn doanh nghiệp dân doanh, nhưng không thể nào khác, doanh nghiệp nhà nước phải nhanh chóng được sắp xếp lại chuyển sang hình thức doanh nghiệp cổ phần là chủ yếu, qua đó mà đổi mới quản lý, thu hút nhân tài, tiền vốn và công nghệ thực hiện được nhiệm vụ của mình trong điều kiện hội nhập.

Hai là, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất là thước đo chủ yếu về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Gia nhập WTO, đây chính là một đòi hỏi cấp bách đối với mỗi doanh nghiệp để tồn tại và phát triển. Phải đẩy mạnh hoạt động R&D trong doanh nghiệp. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cần tập trung vào những sản phẩm chủ lực của mỗi doanh nghiệp, phân tích những mặt yếu của sản phẩm trong thế so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Từ đó, đề ra các giải

Bản sao lưu trữ

pháp nhằm cải thiện mẫu mã, nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm và doanh nghiệp.

Phục vụ việc bảo vệ và cải thiện môi trường cũng là một nhiệm vụ rất bức xúc của khoa học, công nghệ. Trong mỗi doanh nghiệp, cần đề cao trách nhiệm và thực hiện các biện pháp khai thác tài nguyên hợp lý và tiết kiệm; ứng dụng công nghệ sạch hoặc công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường. Doanh nghiệp trong các khu công nghiệp cần có hệ thống xử lý nước thải tập trung; việc di chuyển các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư cần được thực hiện khẩn trương hơn.

Để gắn khoa học, công nghệ với sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, rất cần mở rộng hơn nữa các quan hệ liên kết giữa nhà khoa học, các trường, viện, cơ quan nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, thông qua hình thức hợp đồng mà gắn kết quả ứng dụng với lợi ích của các bên tham gia, bảo đảm cho mối quan hệ liên kết, hợp tác thêm chặt chẽ, đem lại hiệu quả thiết thực.

Ba là, áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật về năng suất, chất lượng. Trên thị trường toàn cầu hiện nay, sự thoả mãn của khách hàng không còn giới hạn trong các nội dung như chất lượng của sản phẩm hàng hoá, giá cả, thời hạn giao hàng như trước, mà còn bao gồm các yêu cầu cao hơn về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, về sức khoẻ của người lao động trong doanh nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, đặc biệt là về bảo vệ môi trường là vấn đề bức xúc đang được báo động toàn cầu, v.v... Mỗi sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đều phải được bảo đảm bằng những tiêu chuẩn được thế giới công nhận và áp dụng đối với các lĩnh vực nói trên.

Để bảo đảm các yêu cầu khắt khe ấy, mỗi doanh nghiệp đều phải xây dựng nhiều hệ thống quản lý chất lượng, như ISO 9000 về quản lý chất lượng, ISO 14000 về quản lý môi trường, OHSAS 18000 về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, HACCP/ISO 22000 về quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm,... Nếu các biện pháp bảo đảm chất lượng, an toàn, vệ sinh thực phẩm,... được xây dựng vào trong các quy trình tác nghiệp của doanh nghiệp và được văn bản hoá nhằm bảo đảm sự tuân thủ thì mọi khía cạnh chất lượng toàn diện nhằm tạo ra sự thoả mãn toàn diện của khách hàng và cộng đồng sẽ được đáp ứng.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực. Trong doanh nghiệp, nhân lực được coi là nguồn vốn đặc biệt, là tài sản quý giá nhất, là sức lao động quan trọng

nhất. Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ tạo ra giá trị gia tăng cao của doanh nghiệp. Phát triển nhân lực, chăm lo cho con người trong doanh nghiệp về tất cả các khía cạnh trong cuộc sống của mọi cá nhân, từ tình trạng sức khỏe tới sự tự do về kinh tế và chính trị là giải pháp cơ bản, lâu dài để doanh nghiệp phát triển, nâng cao sức cạnh tranh trong hội nhập. Đó cũng là văn hoá trong kinh doanh.

Trong hội nhập, doanh nghiệp thu hút được người tài, giữ được nhân tài, đó là điều tiên quyết để doanh nghiệp thành công trong phát triển. Chính vì vậy, mỗi doanh nghiệp cần có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, tạo điều kiện để mọi người, nhất là lớp thanh niên, được phát huy tài năng, trí tuệ, thoả sức sáng tạo, đề ra những giải pháp cụ thể góp phần phát triển doanh nghiệp. Cần bảo đảm cho mỗi thành viên trong doanh nghiệp quyền phát huy tính năng động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, trong việc tham gia thảo luận những giải pháp nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, của mỗi sản phẩm, hàng hoá, cũng như trong việc xử lý những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống của họ.

Nói đến vấn đề con người trong doanh nghiệp, không thể không quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội trong doanh nghiệp. Đó là các mối quan hệ giữa chủ doanh nghiệp và người lao động, quan hệ giữa doanh nghiệp với bạn hàng, với đối tác, với cơ quan nhà nước, v.v... Mỗi doanh nghiệp phải xử lý thiết thực những vấn đề được đặt ra trong đời sống của mỗi thành viên trong doanh nghiệp, từ việc làm, thu nhập, đến sinh hoạt của cộng đồng, chỗ làm việc, nhà ở, đến giáo dục con cái, chăm lo hạnh phúc gia đình và ngăn chặn các tệ nạn xã hội,v.v...

Năm là, mở rộng liên kết, liên doanh. Trong hội nhập, việc liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp là hết sức quan trọng, nhất là khi đại bộ phận doanh nghiệp nước ta còn ở quy mô nhỏ và vừa, đang có nhiều khó khăn, như thiếu vốn liếng, yếu về công nghệ, ít hiểu biết về thị trường,v.v... thì liên kết, liên doanh là con đường rất hiệu quả để khắc phục những khó khăn đó. Gia nhập WTO, con đường liên kết, hợp tác kinh doanh mở rộng ra phạm vi toàn cầu. Từ nay, không chỉ liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhau, giữa các doanh nghiệp nhỏ với doanh nghiệp lớn, mà rất cần liên doanh liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài, kể cả doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, không chỉ ở tầm quốc gia mà còn ở tầm khu vực và rộng ra với toàn thế giới,

nhất là với các công ty xuyên quốc gia để tranh thủ kỹ thuật và thị trường. Phạm vi, nội dung, cũng như hình thức liên kết kinh tế sẽ phong phú thêm nhiều, đòi hỏi doanh nghiệp nước ta những hiểu biết mới về luật pháp quốc tế, để khai thác được thời cơ, tránh rủi ro.

4. Trách nhiệm của Nhà nước và vai trò các hiệp hội

1- Trước tình hình mới, có nhiều vấn đề về đổi mới kinh tế đang được đặt ra và đòi hỏi giải đáp với tư duy mới, giải pháp mới về cả ba mặt cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý và hội nhập kinh tế toàn cầu. Đây là một vấn đề rất lớn, cần có sự nghiên cứu, thảo luận một cách nghiêm túc để làm sáng tỏ, bảo đảm sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thành công.

Trong toàn bộ sự nghiệp phát triển đất nước trong tình hình mới, cần nhấn mạnh hơn nữa việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Phải chăng có thể nói: sức mạnh lớn nhất của chúng ta là dân tộc Việt Nam, là con người Việt Nam; và chỗ yếu nhất của chúng ta hiện nay là chưa phát hùy được sức mạnh to lớn ấy?

Đã qua rồi thời kỳ phân biệt đối xử như phân chia nền kinh tế thành xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa, phân chia doanh nghiệp thành doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh, với những quan điểm "Thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu" và "Xã hội do nhân dân lao động làm chủ",v.v... Ngày nay, như Đại hội lần thứ IX và thứ X của Đảng đã xác định: quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xã hội chủ nghĩa là xã hội do nhân dân làm chủ; phát triển đất nước dựa trên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Dựa vào dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc phải được coi là quan điểm nền tảng trong mọi hoạt động của Nhà nước, trước hết là trong việc thiết kế và thực thi hệ thống thể chế, chính sách kinh tế, xã hội, nhằm vào giải phóng các lực lượng sản xuất trong các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, không phân biệt chế độ sở hữu và thành phần kinh tế, để mọi người dân ở mọi miền của đất nước, kể cả những người Việt định cư ở nước ngoài đều có thể phát huy tài năng, trí tuệ, tiền bạc vào công cuộc phát triển đất nước.

Bản sao lưu trữ

2- Nhà nước cần tập trung sức vào việc hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, trước hết nhằm tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, vì năng lực cạnh tranh quốc gia có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của sản phẩm.

Năng lực cạnh tranh quốc gia là năng lực của một môi trường kinh tế chung của cả nước có thể bảo đảm phân phối hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực, đạt và duy trì mức phát triển cao và bền vững. Năng lực cạnh tranh quốc gia bao gồm nhiều yếu tố, được đánh giá bằng nhiều tiêu chí khác nhau trong từng thời kỳ, song chủ yếu vẫn bao gồm những nội dung sau: (1) độ mở của nền kinh tế; (2) vai trò của Nhà nước (trong đó có chính sách tài khoá, chất lượng các dịch vụ của Chính phủ); (3) vai trò của thị trường chính; (4) mức độ đầu tư cho nghiên cứu và triển khai;(5) kết cấu hạ tầng; (6) chất lượng quản lý; (7) số lượng và chất lượng lao động; và (8) hiệu lực của pháp luật. Vừa qua, theo công bố của Diễn đàn kinh tế thế giới, năm 2006, Việt Nam được xếp thứ 77 trên 125 nền kinh tế, tụt ba hạng so với năm 2005, trong đó kết cấu hạ tầng xếp thứ 83, sẵn sàng về công nghệ thứ 85, sự minh bạch về kinh doanh thứ 86 là vấn đề rất đáng quan tâm.

Chính vì vậy, hệ thống thể chế, chính sách cần được tiếp tục hoàn thiện, nhằm vào nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và phù hợp với các cam kết trong WTO. Phải soát lại toàn bộ các thể chế, chính sách, loại bỏ những quy định đang ảnh hưởng không thuận lợi đến việc hình thành các loại thị trường và cơ cấu kinh tế mới; đề ra các giải pháp về tự do hoá thương mại và đầu tư theo lộ trình cam kết trong WTO, để nước ta rút ngắn thời gian bị coi là nền kinh tế phi thị trường đang bất lợi trong hội nhập; đồng thời không kém phần quan trọng là thực hiện những bảo hộ cần thiết không trái với các cam kết cho một số ngành và lĩnh vực còn yếu kém, nhất là nông nghiệp.

Trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cần đặc biệt nhấn mạnh các chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực cấp cao; vì như thực tế của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy, muốn cạnh tranh giỏi, phải có nhân tài giỏi, từ những chủ doanh nghiệp, doanh nhân giỏi trong doanh nghiệp đến nhân lực cấp cao hoạt động trong mọi lĩnh vực ở các ngành, các cấp. Lãng phí chất xám, không chăm lo đào tạo và sử dụng nhân tài phải được coi là sự lãng phí lớn nhất, thậm chí là có tội đối với đất nước. Do vậy, việc xây dựng thể chế, chính sách để chấn chỉnh giáo dục, đào tạo, nhất là

giáo dục đại học và các chính sách thiết thực trong sử dụng, đãi ngộ... là hết sức cấp bách.

3- Đẩy mạnh cải cách hành chính: Cải cách hành chính phải được thực hiện với quyết tâm chính trị rất cao, vì tình trạng quan liêu tham nhũng nặng nề đang gây ra nhiều trở ngại cho việc triển khai thực hiện hệ thống thể chế, chính sách đúng đắn.

Lâu nay, những việc rất quan trọng, từ sắp xếp lại bộ máy quản lý cho phù hợp với yêu cầu kinh tế của thị trường, tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, chấm dứt sự can thiệp quá sâu và không cần thiết của cơ quan nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp...cho đến việc làm trong sạch đội ngũ công chức, xoá bỏ tệ nạn tham nhũng đang phát triển tràn lan gây ra tốn kém về thời gian, tiền bạc và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, v.v...đã được đề cập từ nhiều năm nay, nhưng sự chuyển biến quá chậm. Phải thấy rõ thực trạng nguy hiểm này để có quyết tâm khắc phục. Nhiều giải pháp đã được đề ra; vấn đề hiện nay là tổ chức thi hành triệt để những giải pháp đó.

Trong các giải pháp, xin nhấn mạnh yêu cầu công khai, minh bạch trong thể chế, chính sách. Theo các cam kết khi gia nhập WTO, đã có yêu cầu minh bạch hoá chính sách (rõ ràng, minh bạch, cụ thể để dự đoán); các qui định pháp luật liên quan đến kinh doanh của doanh nghiệp phải được công bố công khai, minh bạch để các bên chịu sự điều tiết của luật pháp đều nắm được, có tiếng nói tham gia soạn thảo và tiên liệu được, thuận lợi cho việc kinh doanh. Đây là một quy định mà luật pháp nước ta nêu ra từ nhiều năm nay trong việc soạn thảo và ban hành văn bản, nhưng việc thực hiện chưa thật sự nghiêm túc. Từ nay, quy định này sẽ phải được thực hiện triệt để, vì sẽ được giám sát chặt chẽ không chỉ bằng doanh nghiệp trong nước mà bằng cả các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên đất nước ta, thông qua các quy định của WTO.

4- Phát huy vai trò của các hội, hiệp hội ngành nghề. Cho đến nay, ở nước ta, vị trí và vai trò của các tổ chức xã hội dân sự này chưa được nhận thức rõ, thậm chí còn có những ý kiến kỳ thị, cho rằng đó là những tổ chức có thể gây nguy hại cho công cuộc phát triển đất nước. Chính vì vậy, cần thống nhất nhận thức rằng đó là các hình thức tổ chức liên kết cộng đồng có tính chất tự nguyện, tự quản của doanh nghiệp, không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm phát huy tính năng động, tính tích cực xã hội của mỗi doanh nghiệp, để thực

hiện các mục tiêu, quyền lợi và giá trị chung của từng cộng đồng doanh nghiệp, góp phần vào thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội phát triển bền vững đất nước. Đó là những hoạt động để thực hiện những nhiệm vụ mà Nhà nước không nên làm và nếu làm cũng kém hiệu quả, cũng là để bổ sung cho thị trường, khắc phục những khiếm khuyết của thị trường. Những tổ chức ấy được gọi chung là "xã hội dân sự", là một trong "ba trụ cột" của kinh tế thị trường "Nhà nước, thị trường, xã hội dân sự".

Trong kinh tế thị trường, các tổ chức này sẽ có vị trí ngày càng quan trọng trong việc tư vấn, trợ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm nhiệm ngày càng nhiều những công việc, nhất là những dịch vụ công mà cơ quan Nhà nước sẽ chuyển giao để phục vụ doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn; mặt khác, đó là thực hiện chức năng cầu nối của các tổ chức này giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, thông qua các hội, hiệp hội ngành nghề mà thu hút ý kiến của doanh nghiệp đóng góp vào các chủ trương, chính sách quản lý kinh tế, xã hội. Từ thực tiễn hoạt động của các hội, hiệp hội hiện nay, có hai loại vấn đề cần được quan tâm: (1) một mặt, cần tạo cho các cơ quan công quyền thói quen làm việc và lắng nghe ý kiến của các tổ chức xã hội dân sự, mạnh dạn giao bớt việc cho họ; và (2) mặt khác, cần nâng cao trình độ của các tổ chức này, để ý kiến phát biểu có căn cứ thực tiễn, thể hiện trung thực tâm tư, nguyện vọng của các thành viên, đồng thời thực hiện có hiệu quả những công việc sẽ được chuyển giao.

Tóm lại, gia nhập WTO, hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, để cùng hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trên một thị trường rộng lớn toàn cầu ...đó chính là công việc rất thiết thực của mỗi doanh nghiệp; mỗi doanh nghiệp phải tự mình phát huy nội lực, cố gắng vươn lên. Thế nhưng, việc nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong việc hoàn thiện thể chế, chính sách, bảo đảm phát huy cao độ sức mạnh toàn dân tộc, giải phóng mọi lực lượng sản xuất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, xoá bỏ quan liêu, tham nhũng có ý nghĩa rất quyết định.

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP

GS.TS Hoàng Thị Chinh
Đại học Kinh tế Tp.HCM

Số lượng các doanh nghiệp ngày càng tăng.

Kể từ khi luật doanh nghiệp chính thức có hiệu lực (1-1-2000), số lượng các doanh nghiệp Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng. Theo số liệu điều tra mới nhất của Tổng cục Thống kê thì tính đến năm 2005, cả nước ta đã có 113.352 doanh nghiệp, tăng 24% so với năm 2004. Trong 5 năm qua, tính bình quân mỗi năm Việt Nam có thêm 14.200 doanh nghiệp tham gia vào nền kinh tế. Đặc biệt, năm 2006, do dự báo về khả năng gia nhập WTO của Việt Nam cùng với sự kiện trọng đại tổ chức Hội nghị thượng đỉnh APEC lần thứ 14 mà số lượng các doanh nghiệp Việt Nam còn tăng lên hơn nữa. Chỉ tính riêng TP Hồ Chí Minh, theo số liệu của sở Kế hoạch và Đầu tư thì từ đầu năm đến nay, số lượng doanh nghiệp thành lập mới lên đến 12.727 doanh nghiệp, tăng 23% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhất là sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO (7-11), tại phòng đăng ký kinh doanh của Sở, số lượng người đến hỏi thăm và làm các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp đã tăng lên rất cao so với trước. Điều đó chứng tỏ người Việt Nam rất nhạy bén, ham kinh doanh, muốn thử sức mình. Đồng thời hiện tượng trên cũng cho thấy cùng với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập, số lượng các doanh nghiệp VN ngày càng tăng. Đó cũng là một điều hợp với qui luật.

Đa số là các doanh nghiệp nhỏ và vừa với cung cách quản lý còn nhiều hạn chế:

Trong tổng số doanh nghiệp nêu trên thì đa số là các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, chiếm đến 93%. Đặc điểm của doanh nghiệp này là có qui mô nhỏ và siêu nhỏ; bình quân một doanh nghiệp chỉ có khoảng vài chục lao động với số vốn dưới 1 tỷ đồng là chủ yếu. Đó là chưa kể Việt Nam còn có từ 2 đến 3 triệu cơ sở sản xuất nhỏ, manh mún nằm xen kẽ ở những vùng dân cư đông đúc, dễ gây ô nhiễm môi trường. Trong khi đó, số lượng các doanh nghiệp Nhà nước ngày càng thu hẹp nhưng qui mô ngày càng lớn. Hiện nay, bình quân một doanh nghiệp Nhà nước có 500 lao

động với số vốn là 350 tỷ đồng. Nghiên cứu quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua có thể đưa ra những điểm yếu sau:

- Quy mô còn nhỏ bé thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, công nghệ còn lạc hậu.

- Trình độ quản lý của cán bộ lãnh đạo còn yếu, trình độ chuyên môn của người lao động chưa cao.

- Cung cách quản trị kiểu "cò con", "được chăng hay chớ", chưa có chiến lược làm ăn lâu dài có tính đến những xu hướng tác động cả bên trong lẫn bên ngoài.

- Nhiều doanh nghiệp còn cho rằng muốn thành công thì phải có sự quen biết với cấp trên ở trung ương, bộ, ngành hoặc lãnh đạo ở địa phương, phải "đi đêm", phải "lo lót", "chạy chọt". Chính vì vậy đã có trường hợp một doanh nghiệp sau khi được danh hiệu Sao Đỏ, giám đốc đã phải ... vào tù chỉ vì liên quan đến những vụ tiêu cực lớn.

- Chưa có kinh nghiệm làm ăn thị trường, chưa hiểu biết về đối tác từ tiềm lực kinh doanh của họ đến sở thích thị hiếu người tiêu dùng tại thị trường mà mình sẽ xuất khẩu và đặc biệt là hệ thống luật lệ kinh doanh của đối tác. Đồng thời các doanh nghiệp VN cũng chưa hiểu biết được tập quán kinh doanh quốc tế dẫn đến những thiệt hại đáng tiếc đã xảy ra chỉ vì thiếu một sự hiểu biết cần thiết.

- Chưa coi trọng công tác tiếp thị, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, chăm sóc khách hàng. ... Nhiều doanh nghiệp cho rằng chỉ cần sản phẩm của mình giá rẻ, chất lượng tốt là tự khắc người tiêu dùng sẽ phải tìm đến. Rõ ràng quan điểm này là không phù hợp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay và người tiêu dùng chưa được đặt vị trí là "vua".

- Sản xuất manh mún, sản lượng không nhiều, chưa đảm bảo nguồn cung ổn định. Nhiều doanh nghiệp còn phải xuất qua trung gian hoặc gia công, hiệu quả thấp.

- Chưa chú ý đến khâu thiết kế, đầu tư cho nghiên cứu mẫu mã, sẵn sàng "ăn cắp" hoặc "nhái" của người khác.

Bản sao lưu trữ

- Tính liên kết giữa các doanh nghiệp rất kém. Vai trò của các hiệp hội chưa phát huy hết.

- Thiếu tính công khai, minh bạch, ghi chép tùy tiện, không theo các chuẩn mực quốc tế, không thể xuất trình những thông tin về doanh nghiệp một cách chính xác và đảm bảo tính thời gian cho các cơ quan điều tra khi cần thiết....

Tất cả những yếu kém nội tại trên đây cùng với nhiều điểm chưa hợp lý trong cơ chế, chính sách của Chính phủ đã làm cho khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam rất thấp. Đó chính là điểm yếu nhất.

Nhưng đã xuất hiện những nhân tố mới, một số doanh nghiệp khá thành đạt

Tuy nhiên, trong bối cảnh chung đó, ở Việt Nam cũng đã xuất hiện một số doanh nghiệp làm ăn khá tốt. Điểm nổi bật ở những doanh nghiệp này là có một đội ngũ lãnh đạo, đặc biệt là giám đốc rất năng động, chịu khó tham gia các lớp bồi dưỡng những kiến thức về kinh tế thị trường, những kỹ năng kinh doanh trong bối cảnh hội nhập và tự tìm hiểu, nghiên cứu thị trường của các đối tác cũng như luật lệ làm ăn của họ. Cung cách quản lý của các doanh nghiệp thành đạt là một lối làm ăn bài bản, có định hướng phát triển lâu dài, dám đầu tư để đổi mới công nghệ, coi trọng công tác tiếp thị và rất chú ý đến yếu tố con người, bởi vì suy cho cùng con người làm ra tất cả chỉ cần có đầu óc, có một ý chí vươn lên và phấn đấu cho lợi ích chung của doanh nghiệp. Và ở Việt Nam đang hình thành một đội ngũ doanh nhân giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có đầu óc sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và có đầu óc cầu tiến.

Đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế

Tuy còn nhiều mặt yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng không ai có thể phủ nhận được vai trò của các doanh nghiệp Việt Nam là người trực tiếp tạo ra sản phẩm hàng hoá và dịch vụ chẳng những đáp ứng được nhu cầu trong nước mà còn đóng góp cho xuất khẩu. Trong thời gian qua, chính các doanh nghiệp Việt Nam là người tiên phong, thể nghiệm các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Nếu những chính sách này không hợp lý thì hơn ai hết các doanh nghiệp là người bị tác động

đầu tiên. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng là người cọ sát, tiếp xúc hàng ngày với nền kinh tế thế giới và khu vực, là người chịu tác động nhiều nhất khi có những biến động về kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường của khu vực và thế giới. Là doanh nghiệp của một nền kinh tế mà xuất phát điểm còn quá thấp, lại kinh doanh trong bối cảnh phải hội nhập nhanh, các doanh nghiệp Việt Nam đã gặp không ít những khó khăn. Song nhiều doanh nghiệp vẫn trụ lại được và có những doanh nghiệp đã vươn lên mạnh mẽ, đạt những kết quả đáng nể trong sản xuất kinh doanh, bước đầu khẳng định được thương hiệu của nình, chẳng những được người tiêu dùng Việt Nam tín nhiệm mà tiếng tăm còn lan ra cả thế giới. ... Rõ ràng, về mặt kinh tế, đóng góp của các doanh nghiệp Việt Nam là rất lớn. Điều này đã được khẳng định. Không những thế, các doanh nghiệp Việt Nam còn làm tốt chức năng xã hội; giải quyết công ăn việc làm; đóng góp vào ngân sách Nhà nước; xây dựng nhà tình thương; tài trợ cho các chương trình phúc lợi xã hội; quyên góp để khắc phục hậu quả của thiên tai dịch họa....

Tuy nhiên nếu so với yêu cầu đang đặt ra đối với một nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực, nhất là ta đã là thành viên của WTO, sân chơi lớn của 150 nước và lãnh thổ, chiếm đến 97% tổng lượng buôn bán toàn cầu thì doanh nghiệp Việt Nam còn quá nhỏ bé với nhiều yếu kém, nhiều lĩnh vực không thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực hơn hẳn ta rất nhiều. Từ nay trở đi, các doanh nghiệp Việt Nam càng chịu sức ép mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới. Do vậy để có thể trụ lại, phát triển và tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong điều kiện mới, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nhận dạng đầy đủ những cơ hội để tranh thủ phát huy thế mạnh của mình, đồng thời cũng nhận thức đầy đủ những thách thức để chủ động đối phó với những nguy cơ có thể xảy ra.

Đâu là lợi ích, cơ hội? Đâu là thách thức, nguy cơ?

Về lợi ích, cơ hội:

- Các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện hơn để thâm nhập vào thị trường thế giới vì các hàng rào phi thuế được bãi bỏ, bản thân thuế quan cũng được cắt giảm dần. Với các chế độ Tối huệ quốc (MFN) và Đãi ngộ quốc gia (NT), hàng hoá của các doanh nghiệp Việt Nam không còn bị phân biệt đối xử ở thị trường các nước thành viên như trước đây nữa.

- Một luật chơi chung được công khai, các chính sách chung được minh bạch hoá làm cho các doanh nghiệp thực sự có năng lực sẽ có điều kiện để vươn lên, phát huy được tiềm năng của mình, được đền bù xứng đáng. Chính điều đó tạo ra một động lực quan trọng cho sự phát triển.

- Theo quy định của WTO, Chính phủ Việt Nam sẽ ít can thiệp trực tiếp hơn vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà chỉ điều hành gián tiếp là chủ yếu. Điều này sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các chính sách có tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì chính phủ phải xây dựng bản dự thảo và được đăng công khai lên mạng để nhận được ý kiến đóng góp trước khi trở thành hiện thực. Bằng cách đó, doanh nghiệp có được tiếng nói của mình và thực hiện các chính sách đó sẽ hiệu quả hơn một khi nó được xây dựng trên những điều kiện thực tế cũng như những mong mỏi chính đáng của các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh.

- Tham gia vào các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội được thụ hưởng các chương trình, các quy định thống nhất của các tổ chức này dành cho các thành viên. Thí dụ như vào APEC, trong khuôn khổ hợp tác Ecotech các doanh nghiệp Việt Nam sẽ được sự trợ giúp thông qua các chương trình đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại, phát triển DNNVV... là những vấn đề doanh nghiệp VN còn rất yếu và đang rất quan tâm; Hoặc với chương trình "Thẻ doanh nhân APEC" (ABTC), các doanh nhân Việt Nam có thể đi lại tự do giữa các nước thành viên APEC để giao lưu học tập kinh nghiệm, cung cách quản trị của các doanh nghiệp mạnh trong khu vực; Hoặc với "Quy chế đối tác doanh nghiệp được uỷ quyền" (AEO), doanh nghiệp Việt Nam nào thường xuyên tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hải quan sẽ được cấp AEO và được tạo điều kiện dễ dàng khi thông quan hàng hoá... Ngoài ra, tham gia vào các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế, các doanh nhiệp Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm hội nhập của các thành viên khác, thông qua đó có thể điều chỉnh chính sách thương mại và đầu tư của mình cho ngày một thông thoáng hơn theo chuẩn mực của các thành viên khác, công nhận lẫn nhau về tính chất hợp chuẩn, hợp quan...

- Với việc tham gia vào WTO, vào AFTA, vào APEC, vào ASEAN + Trung Quốc... khi thuế quan được cắt giảm sẽ làm cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể nhập khẩu các thành phẩm, các nguyên liệu đầu vào với chi phí

thấp hơn. Song song với đó, dịch vụ trong nước ngày càng được hoàn chỉnh vì phải cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Ngoài ra, với nguyên tắc công khai, minh bạch, các chi phí tiêu cực theo đó cũng giảm đi... Tất cả sẽ làm cho chi phí đầu vào giảm, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ tăng lên.

Về thách thức, nguy cơ:

- Thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp Việt Nam chính là phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài, với các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của nước ngoài sẽ tràn ngập vào Việt Nam một khi các rào cản thuế quan, phi thuế được cắt giảm và loại bỏ dần, trong khi đa số các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu kém về nhiều mặt từ con người đến kỹ thuật, từ quản lý đến công nghệ...

- Một số doanh nghiệp có thể bị phá sản do quy mô quá nhỏ bé, sản xuất manh mún. Doanh nghiệp bị phá sản cũng có thể do không thích nghi được với cung cách làm ăn mới bài bản hơn; Cũng có thể doanh nghiệp (nhất là các cơ sở sản xuất nhỏ) phá sản là do khi mở rộng quy mô, đưa vào các sản phẩm mới, trong khi năng lực quản lý không theo kịp, không làm chủ được công nghệ...

- Vào WTO, các vụ tranh chấp, các vụ kiện phá giá sẽ gia tăng đáng kể làm cho các doanh nghiệp Việt Nam luôn phải đối đầu với những biện pháp phi thuế mà các nước vẫn đang áp dụng. Trong khi đó, do không nhận thức đầy đủ, các doanh nghiệp Việt Nam thường không sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp dẫn đến thiệt hại là không bảo vệ được quyền lợi của mình, làm mất đi cơ hội để trình bày những chứng cứ có lợi cho mình.

- Gia nhập WTO, tham gia vào thị trường buôn bán toàn cầu, nếu doanh nghiệp Việt Nam không thực hiện đúng cam kết, đúng pháp luật, kể cả pháp luật quốc tế lẫn pháp luật quốc gia thì có thể dẫn đến những thiệt hại rất lớn do các khoản tiền phải nộp vì bị phạt, bị bồi thường. Thậm chí doanh nhân Việt Nam có thể bị cơ quan nước ngoài, bộ phận đối tác bắt giữ, câu lưu, dẫn giải.... rồi doanh nghiệp còn phải bỏ tiền ra thuê luật sư; phải giải quyết vụ việc ở nước ngoài chẳng những rất tốn kém mà còn làm mất uy tín của doanh nghiệp trên thị trường thế giới, ảnh hưởng đến việc mở rộng mới quan hệ với các đối tác khác sau này.

Bản sao lưu trữ

- Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập hiện nay, bất cứ một biến động nào về kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường ở nước này lập tức ảnh hưởng đến kinh tế của nước khác mà trong đó, doanh nghiệp bị tác động nhiều nhất. Như vậy, nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng thì các doanh nghiệp Việt Nam rất dễ bị tổn thương và chịu ảnh hưởng rất lớn trước những biến động đó bởi xuất phát điểm thấp và còn nhiều khó khăn.

- Như vậy, hội nhập vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh hiện nay mang đến cho các doanh nghiệp Việt Nam cả lợi ích, cơ hội lẫn thách thức và nguy cơ. Tuy nhiên cơ hội, lợi ích vẫn nhiều hơn so với thách thức, nguy cơ. Do đó, mỗi doanh nghiệp Việt Nam cần phải xây dựng cho mình một kế hoạch hội nhập, trong đó đề xuất được một hệ thống các giải pháp nhằm tìm mọi cách chớp cơ hội để tăng lợi ích đồng thời giảm bất lợi để tránh những nguy cơ.

Vậy đó là những giải pháp nào?

Có rất nhiều giải pháp để tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tuy nhiên trong khuôn khổ bài viết này chỉ xin lưu ý 10 vấn đề sau:

1- Xây dựng một chiến lược kinh doanh lâu dài.

Trên cơ sở phân tích lợi thế, bất lợi cùng với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian qua (ít nhất là trong 5 năm gần đây) có tính đến dự báo sự tác động của các nhân tố trong nước và quốc tế mà doanh nghiệp cần phải xây dựng cho mình một chiến lược kinh doanh dài hạn. Chiến lược này phải gắn với sự phân công lao động trong vùng, trong quốc gia, trong khu vực, trên thế giới. Doanh nghiệp phải xác định cho được vị trí của mình ở đâu trong chuỗi giá trị đó, trong mạng sản xuất khu vực và toàn cầu. Có thể cụ thể hoá chiến lược cho từng giai đoạn và trong khi đang thực hiện giai đoạn này có thể chỉnh sửa, bổ sung những xu hướng thay đổi cho giai đoạn sau.

2- Coi trọng công tác nhân sự.

Phải làm sao cho mỗi người lao động coi doanh nghiệp như là ngôi nhà thứ hai của họ. Ở đó họ cống hiến và ở đó họ có tương lai. Nếu họ làm việc tốt, doanh nghiệp sẽ đền bù cho họ một cách xứng đáng. Chính hội nhập dẫn

đến cạnh tranh và chính cạnh tranh mới giúp cho doanh nghiệp có cái nhìn khác so với trước đây trong công tác tuyển chọn và sử dụng nguồn nhân lực. Nếu trước đây doanh nghiệp có thể chọn người thân hoặc cùng êkip hay sếp gửi gắm... thì giờ đây bắt buộc doanh nghiệp phải chọn người thực sự có năng lực bởi nếu không thì doanh nghiệp sẽ không cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác; nếu trước đây giám đốc doanh nghiệp có thể đề bạt vào các cương vị lãnh đạo những anh khéo nịnh sếp, cùng êkip... thì bây giờ chỉ có thể đề bạt người đủ tiêu chuẩn... Những đổi thay này sẽ thấy rất rõ ở các doanh nghiệp Nhà nước.

3- Lãnh đạo doanh nghiệp – người có vai trò quyết định.

Như trên đã phân tích, từ kinh nghiệm thành công của một số doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua cho thấy vai trò của người lãnh đạo doanh nghiệp là rất lớn, quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Muốn vậy, lãnh đạo doanh nghiệp phải là người thực sự năng động, cầu tiến, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có tầm nhìn chiến lược, chịu khó nghiên cứu, học tập để nắm bắt những vấn đề mới, hiểu được luật lệ làm ăn của thế giới, sở thích thị hiếu người tiêu dùng của thị trường mà doanh nghiệp xuất khẩu...

4- Coi trọng công tác tiếp thị, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm...

Có một thực tế là khi được hỏi tại sao doanh nghiệp chưa thành công trong sản xuất kinh doanh thì đa số các doanh nghiệp trả lời là do thiếu vốn, thiếu công nghệ... chứ không mấy doanh nghiệp nhận thức được là do chưa làm tốt công tác tiếp thị. Cho đến nay ở nhiều doanh nghiệp vẫn chưa có phòng marketing. Nhiều doanh nghiệp chưa chú ý đến việc chăm sóc khách hàng, chưa xây dựng cho mình một thương hiệu... Do vậy, để thâm nhập được vào thị trường thế giới, các doanh nghiệp cần phải nhận thức lại cho đúng tầm quan trọng của những công việc này để từ đó đầu tư một cách thoả đáng cho nó.

5- Liên kết mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp để tạo nên sức mạnh.

Có thể nói đây là một trong những điểm yếu nhất của các doamh nghiệp Việt Nam, đe dọa nguy cơ thất bại trong quá trình hội nhập. Nếu so

Bản sao lưu trữ

sánh với người Nhật Bản, người Hàn Quốc và người Trung Quốc thì tính liên kết của người Việt Nam trong sản xuất kinh doanh thấp hơn hẳn. Các doanh nghiệp thường chê bai nhau trước đối tác; sẵn sàng ăn cắp hoặc nhái mẫu mã của nhau; sẵn sàng nói xấu nhau trước khách hàng, sẵn sàng bán giá thấp để "hớt tay trên" đối tác của doanh nghiệp bạn... Rõ ràng cứ cái kiểu làm ăn như thế thì chính các doanh nghiệp Việt Nam đã tự tiêu diệt mình trước khi đợi nước ngoài vào đây "tiêu diệt". Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam phải thay đổi lại cách ứng xử như thế, phải xây dựng được "văn hoá doanh nghiệp", phải đặt lợi ích chung của quốc gia lên trên hết. Nên lưu ý sự liên kết giữa các DNNVV để tạo thêm sức mạnh là tối cần thiết, đồng thời có thể liên kết với cả doanh nghiệp nước ngoài nếu sự liên kết đó là có lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam.

6- Hạch toán đầy đủ, thực hiện tốt nguyên tắc công khai, minh bạch để dành thế chủ động trong các vụ kiện bán phá giá.

Theo quy định chung thì hết ngày 31/12/2018 Việt Nam mới được WTO công nhận là nền kinh tế thị trường, tuy nhiên trong quá trình làm ăn với từng đối tác, nếu Việt Nam chứng minh được với đối tác nào rằng mình đang hoạt động theo nguyên tắc thị trường thì đối tác đó sẽ ngừng áp dụng chế độ "phi thị trường" đối với Việt Nam. Điều này rất có ý nghĩa trong các vụ kiện chống bán phá giá và trách nhiệm của các doanh nghiệp là luôn ở tư thế sẵn sàng nếu phía đối tác cần thì bất cứ lúc nào cũng có thể cung cấp cho họ những thông tin chính xác và cập nhật đầy đủ mọi chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và theo dõi sát sao các vụ kiện để được áp thuế ở mức giá thấp nhất. Đồng thời các doanh nghiệp Việt Nam cũng phải luôn quan tâm, tìm hiểu giá cả các sản phẩm của nước ngoài được bán trên thị trường Việt Nam để kịp thời phát hiện các vụ bán phá giá của họ nhằm không làm tổn hại đến sản xuất trong nước.

7- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế để vượt qua rào cản kỹ thuật.

Tham gia vào thị trường thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối đầu với các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) mà các nước dựng lên ngày càng tinh vi để bảo vệ người tiêu dùng, sản xuất trong nước và lợi ích quốc gia. Đây chính là một trong những thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Muốn vậy, một mặt các doanh nghiệp phải luôn học tập,

trao đổi và thực hành để có các chứng chỉ quốc tế như: ISO-9000, ISO-14000, HACCO, GMP, SA-8000, Six-Sigma..., mặt khác, phải nghiên cứu các tiêu chuẩn của các bạn hàng nhập khẩu để sản xuất theo công nghệ của họ, làm cho hàng hoá của mình đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng, về vệ sinh an toàn thực phẩm, về bảo vệ môi trường... của đối tác đặt ra. Điều đó chẳng những sẽ đáp ứng được các yêu cầu của bạn hàng mậu dịch mà còn làm cho uy tín của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới tăng lên.

8- Thực hiện đầy đủ các nguyên tắc đảm bảo các điều kiện kinh doanh.

Để có thể thành công trong kinh doanh với điều kiện hội nhập, các doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ những nguyên tắc như: Lấy chữ tín làm đầu; phải hiểu biết luật lệ làm ăn của các đối tác và chấp hành luật chơi chung; phải có luật sư; phải thông thạo ngoại ngữ; phải sử dụng Internet; phải giao dịch bằng thương mại điện tử; phải tham gia vào các hiệp hội ngành nghề; phải giữ được đạo đức trong kinh doanh; phải đặt lợi ích người tiêu dùng lên trên hết; phải biết nói "không" với làm hàng giả, hàng nhái...

9- Bảo vệ môi trường phải được coi là quan trọng.

Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch, chỉ sản xuất ra những sản phẩm sạch... cũng có nghĩa là các doanh nghiệp Việt Nam đã góp phần làm cho nền kinh tế phát triển bền vững hơn. Vấn đề môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm đang được thế giới rất quan tâm. Vì vậy làm tốt công tác này có nghĩa là các doanh nghiệp Việt Nam đã dễ dàng được thế giới chấp nhận để có thể hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Để làm tốt công việc này đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải có ý thức cộng đồng, luôn đặt lợi ích của xã hội lên trên cả lợi ích doanh nghiệp. Giải thưởng "Doanh nghiệp xanh" do báo Sài Gòn Giải Phóng và Sở Tài nguyên – Môi trường tổ chức vừa qua là việc làm rất hay, chẳng những góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá mà còn làm cho người tiêu dùng trong nước và nước ngoài an tâm khi xài sản phẩm của doanh nghiệp, từ đó mà uy tín của doanh nhiệp được nâng lên.

10- Tăng khả năng cạnh tranh là tổng hợp các giải pháp.

Bản sao lưu trữ

Đây chính là giải pháp quan trọng nhất để các doanh nghiệp Việt Nam có thể hội nhập một cách hiệu quả vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Tuy nhiên cạnh tranh được hay không lại là hệ quả của hàng loạt các giải pháp khác mà việc thực hiện các giải pháp trên đây cũng góp phần đáng kể trong việc làm tăng khả năng của các doanh nghiệp. Nếu năng lực cạnh tranh của sản phẩm chỉ được đánh giá bằng chất lượng sản phẩm cao, giá thành hạ, điều kiện hậu mãi tốt... thì năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp lại đo bằng năng lực quản lý, chất lượng lao động, chuyển giao công nghệ... mà những vấn đề này thì lại cần một sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần phải được cung cấp thông tin, được tiếp cận với các nguồn lực... mà điều này lại đòi hỏi một sự quan tâm của các cơ quan tài chính, ngân hàng... (Trong khuôn khổ có hạn, bài viết này không tập trung phân tích các chính sách vĩ mô của chính phủ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển).

Như vậy, có thể nói từ nay trở đi, Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới trong hội nhập kinh tế quốc tế. Ở giai đoạn này mức độ cạnh tranh sẽ gay gắt hơn rất nhiều. Và hơn ai hết chính các doanh nghiệp mới là người trực tiếp bị tác động nhiều nhất. Tuy nhiên, "lửa thử vàng, gian nan thử sức", chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng các doanh nghiệp Việt Nam sẽ chiến thắng bởi chúng ta có một đội ngũ doanh nhân trẻ đầy năng động, đã được thử sức của sân chơi AFTA, có sự quan tâm của chính phủ và đặc biệt là có một môi trường kinh doanh thông thoáng đang mở ra. Tất cả còn đang ở phía trước!

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững** - *Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

ThS. Nguyễn Anh Ngọc

Trung Tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP.HCM

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

Hội nhập kinh tế thế giới với sự tham gia vào những tổ chức thương mại toàn cầu, khu vực mậu dịch tự do, hiệp ước song phương và đa phương, ... tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế và chấp nhận cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa không còn những bảo hộ thương mại của Nhà nước. Hội nhập kinh tế thế giới cũng là giai đoạn mà doanh nghiệp phải đối mặt mạnh hơn với những rào cản kỹ thuật của khu vực và từng quốc gia riêng biệt. Muốn hội nhập kinh tế thế giới nhất thiết phải gia nhập WTO vì đây là thị trường chiếm tới 97% thị trường xuất nhập khẩu thế giới. Việt Nam (VN) vào tổ chức này chính là xâm nhập vào thị trường rộng lớn nhất thế giới. Vào WTO, VN được hưởng những ưu đãi của tổ chức, đồng thời cũng phải cam kết thực hiện hoạt động bình đẳng và minh bạch. Nhà nước cần phải thực hiện những gì để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhưng không vi phạm những quy định chung của các tổ chức và thị trường?

Bản sao Tài liệu

Thứ nhất là chúng ta phải điều chỉnh lại hệ thống luật pháp cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Song song với cải thiện với khuôn khổ luật pháp, cần đẩy mạnh cải cách trong các lĩnh vực quản lý như tăng cường năng lực quản lý kinh tế vĩ mô, nâng cao năng lực chính quyền địa phương, tăng cường đối thoại giữa chính quyền và các thành phần kinh tế, tạo thông thoáng hơn trong hành xử pháp luật,...

Thứ hai là tăng cường tính hiệu quả của các dịch vụ cơ bản như viễn thông, giao thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, v.v... làm nền tảng cho sự vận hành thông thoáng các hoạt động kinh doanh; bên cạnh đó, tiếp tục hiện đại hoá các phương thức quản lý, chuyên môn hoá nhân viên quản lý, hợp lý

hoá kỹ thuật quản lý; đồng thời phát huy tính năng động của các nghiệp vụ thương mại, xúc tiến, đầu tư.

Thứ ba là mở rộng mạng lưới thông tin, cung cấp nhiều thông tin hơn cho doanh nghiệp về cạnh tranh, thị trường và thị trường mục tiêu kể cả những thông tin về thay đổi chính sách trong nước cũng như chính sách của các tổ chức thương mại thế giới. Thông tin phân tích và dự báo đang thiếu trầm trọng trong môi trường kinh doanh hiện nay của Việt Nam.

Thứ tư là tiếp tục cải tổ doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân phát triển, thực hiện chế độ đa sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; chú trọng duy trì vốn nhà nước vào những công ty lớn; đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, không chỉ tập trung vào những thị trường tiêu thụ mạnh như châu Âu và Hoa Kỳ. Song song đó, thúc đẩy hình thành và phát huy tác dụng của các hiệp hội ngành nghề, xem đây là một công cụ chiến lược để hỗ trợ cho hoạt động doanh nghiệp.

Kế đến là những giải pháp tổng hợp để nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành và doanh nghiệp trong nền kinh tế, những vấn đề mấu chốt cần thực hiện như định hướng thị trường, xác định ngành chủ lực cần phát triển, xác định thị trường mục tiêu, xây dựng thương hiệu quốc gia và thương hiệu sản phẩm, xây dựng các chuẩn mực quốc tế trong sản xuất và quản lý, minh bạch hoá các tài liệu hạch toán, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với tri thức kinh doanh toàn cầu;... Đây thực sự là một thách thức không nhỏ vì nền kinh tế của Việt Nam còn rất bé nhỏ, sức cạnh tranh còn rất yếu. Việt Nam lại ở nhóm 40 nước nghèo nhất thế giới (bình quân 400USD/người/năm). Các doanh nghiệp của Việt Nam tiềm lực cũng còn rất nhỏ bé. Tuy nhiên, có một thuận lợi lớn là người Việt Nam rất thông minh và cần cù, sẽ tiếp thu nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và quản lý. Thời gian gần đây, sau khi gia nhập ASEAN, đã minh chứng cho điều này. Cụ thể, để chuẩn bị cho các doanh nghiệp, chúng ta cần nâng cao mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về thị trường thế giới, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Bản sao lưu trữ

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

1. Xây dựng chiến lược kinh doanh trong thời kỳ hội nhập: thật sự đây không phải là một giải pháp tình huống, mà là chiến lược lâu dài để xác định vị trí và định hướng kinh doanh trong kinh tế toàn cầu. Doanh nghiệp cần phải xác định nhiệm vụ mục tiêu dựa trên sự phân tích môi trường bên ngoài và môi trường bên trong; những điểm mạnh, điểm yếu bên trong và những cơ hội, nguy cơ của môi trường bên ngoài sẽ giúp việc định hướng chiến lược vừa trong tầm hạn của doanh nghiệp. Các công cụ phân tích chiến lược sẽ hỗ trợ doanh nghiệp có những thông số định lượng trong việc lựa chọn và thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn nhất định của quá trình tăng trưởng. Xác định chiến lược cũng đồng thời tạo điều kiện cải tiến các hoạt động chức năng như tổ chức sản xuất, quản trị Marketing, R&D, tài chánh kế toán, quản trị nhân sự, xử lý thông tin, ... Doanh nghiệp cũng cần nhận thức rằng thiếu chiến lược sẽ giống như một con tàu không có bánh lái, không biết sẽ đi về đâu trên biển cả mênh mông và đầy sóng gió. Cũng nên biết rằng việc xây dựng chiến lược dài hạn, phân chia ra những giai đoạn thực hiện ngắn hạn cũng đồng thời là việc xây dựng lộ trình hội nhập cho doanh nghiệp.

2. Thông hiểu luật pháp quốc tế: một trong những yếu kém thấy rõ của doanh nghiệp Việt Nam là chưa thông hiểu luật pháp và những quy định theo thông lệ quốc tế. Các vụ kiện về Vietnam Airlines, thay đổi tên thương mại của sản phẩm, chống phá giá cá basa, tôm, giày da,... cho thấy khả năng và bản lãnh đối mặt với những vấn đề luật pháp quốc tế của doanh nghiệp cần phải được cải thiện nhanh chóng. Tìm hiểu luật pháp của những thị trường và thị trường tiềm năng, dành ngân khoản thích đáng cho việc thuê chuyên gia tư vấn luật cũng như luật sư trong các hoạt động kinh doanh là điểm cần quan tâm đúng mức trong giai đoạn hiện nay.

3. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: những tranh cãi, kiện tụng để đòi lại nhãn hiệu nước mắm Phú Quốc, giày dép Biti's, kẹo dừa Bến Tre,... đã giúp doanh nhân Việt Nam nhận thức rõ việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của sản phẩm trên thương trường thế giới. Trong thực tiễn kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ không chỉ bao gồm những vấn đề phát sinh từ nhãn hiệu mà còn gồm nhiều vấn đề khác trong lãnh vực: sáng chế phát minh, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, giống cây trồng – vật nuôi, quyền

tác giả, ... Từ đó, có thể nêu ra ba vấn đề mấu chốt mà các doanh nghiệp cần quan tâm để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là: (i) nắm rõ quy định pháp luật có liên quan đến sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước để không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác và không để người khác vi phạm sở hữu trí tuệ của mình; (ii) đánh giá đúng mức và tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ, bảo vệ sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp bằng những giải pháp tốt nhất; (iii) đăng ký nhãn hiệu (bao gồm tên gọi, âm thanh, màu sắc, hình ảnh, logo, slogan,..., gắn với sản phẩm) ở thị trường sẵn có và cả thị trường tiềm năng. Bên cạnh việc đăng kí và bảo vệ nhãn hiệu, một vấn đề vô cùng quan trọng trong quảng bá hình ảnh và tạo lợi thế cạnh tranh là xây dựng và quảng bá thương hiệu, kể cả thương hiệu của doanh nghiệp và của sản phẩm.

4. Đối phó với những rào cản kỹ thuật: Ba rào cản chính cần phải vượt qua trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới là rào cản thuế quan (tariffbarries), rào cản kỹ thuật trong kinh doanh (technical barries to trade) và rào cản về luật pháp – tập quán (law/legal system-customs barries). Rào cản thuế quan như thuế xuất nhập, hạng ngạch mua bán, ... sẽ giảm dần khi tham gia các tổ chức thương mại khu vực và thế giới. Hai rào cản còn lại thường gọi là rào cản phi thuế quan. Rào cản luật pháp và tập quán cũng sẽ giảm dần trong tiến trình kinh doanh; riêng rào cản kỹ thuật không giảm mà ngày càng tăng khi doanh nghiệp không biết mà chuẩn bị cho mình để hội nhập.

Về bản chất, rào cản kỹ thuật hay Quy tắc thống nhất, bao gồm những tiêu chí đảm bảo an toàn, đảm bảo sức khỏe, bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và những yếu tố khác của phát triển bền vững; những quy tắc này thường được xem là cản ngại áp dụng cho các nước đang phát triển muốn hội nhập vào các nước phát triển, vì các nước đang phát triển chưa có những chuẩn mực phù hợp. Việt Nam cũng nằm trong nhóm này, theo thống kê, chỉ có khoảng 25% chuẩn mực Việt Nam phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

Những chuẩn mực thông thường và bắt buộc các doanh nghiệp phải đạt được khi tiếp cận thị trường thế giới bao gồm:

Bản sao lưu trữ

- ISO 9001 (phiên bản 2005): hệ thống quản lý chất lượng – đảm bảo và cải tiến chất lượng đối với khách hàng (từ khâu thiết kế) (Quality Management system – Quality Assurance for internal and external customers).

- ISO 14001 (phiên bản 2004): hệ thống quản lí môi trường (EMS – Environmental Management System).

- OHSAS 18001 (phiên bản 1999): hệ thống đánh giá an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Occupation Health and Safety Assessment Series).

- SA8000 (phiên bản 2001): trách nhiệm xã hội (Social Accountability).

- Ngoài ra trong từng ngành cụ thể cần có những chuẩn mực như: HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Ponit) – Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn về vệ sinh trong công nghiệp thực phẩm; SQF (Safe Qyality Food) – Nguyên liệu và thực phẩm an toàn; ISO22000 (Food Safety Management System) – Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm; GMP (Good Manufacturing practices) – Thực hiện tốt trong sản xuất công nghiệp; GAP (Good Agriculture Practices) – Thực hiện tốt trong sản xuất nông nghiệp; ISM Code (International Safety Management Code) – Quy định quốc tế về an toàn trên biển như tàu biển và dàn khoan di động; FSC (Forest Stewardship Council) – Quản lý rừng bền vững; .....

Những đơn vị quản lý chất lượng, đơn vị hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước sẵn sàng giúp đỡ các doanh nghiệp tiếp cận những tổ chức hỗ trợ xây dựng để đạt được những tiêu chuẩn nêu trên.

5. Thực hiện những liên kết kinh tế: những yếu kém của doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngoài yếu tố quản lý còn có yếu tố quy mô, cả quy mô đầu tư

Bản sao lưu trữ

công nghệ lẫn quy mô sản phẩm. Để có được một thế đứng trong việc chống chọi những áp lực về quy mô, doanh nghiệp cần nghiên cứu thực hiện những liên kết kinh tế:

- Liên kết theo chiều dọc: thường áp dụng trong những ngành mà sản phẩm của doanh nghiệp này là nguyên vật liệu đầu vào của những doanh nghiệp khác. Ví dụ sản phẩm con giống cung ứng cho chăn nuôi thương phẩm, sản phẩm thương phẩm trong chăn nuôi cung ứng cho hệ thống bán sỉ – lẻ và các nhà máy chế biến, sản phẩm chế biến cung ứng cho xuất khẩu để nhập con giống và thuốc thú y cho ngành chăn nuôi... Liên kết theo dạng này thường tạo thành những chuỗi kinh doanh đa ngành hoặc thành một vòng tròn khép kín trong kinh doanh, vừa tăng quy mô trong sản xuất, vừa tạo thế liên hoàn trong cạnh tranh. Những tổ hợp công nông, tập đoàn công nghiệp của Nhật Bản và Hàn Quốc cũng khởi đầu với những liên kết theo chiều dọc mà yếu tố thành công chủ chốt (Key Success factor) là mối liên hệ vòng tròn khép kín.

- Liên kết theo chiều ngang: (i) một trong những liên kết chiến lược và bền vững theo chiều ngang phổ biến hiện nay là sáp nhập (Merger), như Boeing sáp nhập với McDonell Douglas để tăng quy mô về vốn công nghệ và tăng lợi thế cạnh tranh với Airbus; Sonny và Ericsson, Plussz và upsa C,... sáp nhập để giảm cạnh tranh với nhau, tăng quy mô vốn kĩ thuật, tăng cường vốn R&D và tăng uy tín nhãn hiệu;... Dĩ nhiên những sáp nhập này muốn thực hiện trong điều kiện kinh doanh của Việt Nam cần phải có những thay đổi tư duy trong quản lý, xoá bỏ tư tưởng sản xuất nhỏ trong kinh doanh và phải đạt một quy mô vừa đủ để có sự tách rời thực sự của quyền quản lý và quyền sở hữu. (ii) một liên kết theo chiều ngang khá phổ biến và phù hợp với trình độ phát triển của doanh nghiệp Việt Nam là liên kết thành chuỗi của những doanh nghiệp có cùng ngành nghề, những liên kết này tạo thành mô hình tổ hợp hay hợp tác xã chuyên ngành kiểu mới, có thể ngắn hạn hay dài hạn, có thể có tư cách pháp nhân mới hay vẫn giữ tư cách pháp nhân độc lập trong liên kết, nhưng tập hợp vừa đủ về quy mô để thực hiện những hợp đồng kinh doanh dài và ngắn hạn. (iii) một dạng liên kết thấp hơn và giảm liên kết độc lập của doanh nghiệp, nhưng vẫn được thực hiện khi không còn những lựa chọn tối ưu về chiến lược, là ký hợp đồng gia công hay làm vệ tinh cho những doanh nghiệp cùng ngành có uy tín và khả năng cạnh tranh mạnh trên thị trường, liên kết dạng này là giải pháp tình huống khi phải lựa chọn bị huỷ diệt hoàn toàn hay kéo dài tình thế để tìm những cơ hội cho sự phát triển theo chiều hướng tốt hơn.

Năm vấn đề lớn và cũng là năm bài toán khó đang đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam, hãy sắp xếp ưu tiên và đặt ra một khoảng thời gian giới hạn (Time-bound) để thực hiện. Và chắc chắn rằng nền kinh tế toàn cầu đầy năng động này luôn đặt ra những bài toán ngày còn khó hơn cho những nhà quản trị doanh nghiệp, những bài toán thực tế này giúp sàng lọc doanh nghiệp trên thương trường, giúp nhà quản trị linh hoạt hơn, sáng tạo hơn; đó cũng là mối quan hệ lợi ích, khích lệ, lôi cuốn doanh nghiệp Việt Nam đi trên con đường kinh doanh với "tâm-tài-trí-tầm".

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

KINH DOANH MẠO HIỂM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

GS. TS Hồ Đức Hùng
Viện nghiên cứu Kinh tế Phát triển

Kinh doanh mạo hiểm.

Kinh doanh mạo hiểm ("Venture business" or "a venture") là một dự án hoặc công việc kinh doanh mới mẻ, hứng thú, khó khăn và có nhiều nguy cơ thất bại. (A venture is a project or activity which is new, exciting, and difficult because it involves the rish of failure" – Collins English Dictionary).

Theo giáo sư Kazuo Yanagishita thì Kinh doanh mạo hiểm có thể phân ra làm 2 loại; phát triển sản phẩm mới và phát triển thị trường mới. Đối với việc phát triển sản phẩm mới thì chiến lược phát triển công nghệ và chiến lược bằng sáng chế (Patent) giữ vị trí quan trọng nhằm giữ vững vị thế khống chế trong vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Còn đối với việc phát triển thị trường mới, thì chiến lược quảng cáo và chiến lược "đại lý nhượng quyền" (franchise) là quan trọng. Và cũng theo quan điểm của giáo sư Kazuo Yanagishita, thì hầu hết kinh doanh mạo hiểm nằm trong khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Theo quan điểm của người viết, thì Kinh doanh mạo hiểm có thể bao gồm một số đặc trưng chủ yếu như: (1) có liên quan đến việc phát triển sản phẩm/ dịch vụ mới hoặc thị trường mới; (2) đồng thời có quan hệ chặt chẽ với rủi ro cao (high risks) và lợi nhuận cao (high returns/ high profits) theo nguyên tắc "rủi ro càng lớn, lợi nhuận càng cao" (high risks with the expectation og higher profits).

Từ Kinh doanh mạo hiểm đến hình thành nguồn "vốn đầu tư mạo hiểm" (venture capital) là tiền đầu tư vào một tổ chức kinh doanh mới, nhất là tổ chức đầy mạo hiểm – Đầu tư mạo hiểm thông thường gắn liền với đầu tư rủi ro lớn (high risk investments), nhưng có thể mang lại lợi nhuận tiềm năng lớn.

"Nhà đầu tư mạo hiểm" (venture capitalist) có thể bỏ tiền các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh (business life cycle):

Quỹ "ươm giống" (Incubation Funds).

Trong một số trường hợp, nhà đầu tư mạo hiểm còn bỏ tiền vào việc thụ đắc (Acquistion), chuyển hướng sản xuất, hoặc tái cung cấp vốn... nhằm khai thác cơ hội sinh lợi.

Nói chung, nhà đầu tư mạo hiểm thường: (1) đầu tư vốn vào những công ty mới và có khả năng tăng trưởng nhanh; (2) mua chứng khoán; (3) đầu tư phát triển sản phẩm/dịch vụ mới; (4) tạo giá trị tăng thêm thông qua đầu tư, bổ sung vốn...

Kinh doanh mạo hiểm – trường hợp Việt Nam.

Chính phủ ở các quốc gia phát triển và đang phát triển đều chưa đưa ra nhiều chương trình hỗ trợ cho kinh doanh mạo hiểm, đặc biệt trong khu vực Doanh nghiệp Việt Nam.

Mặc dù đạt được một số thành công nhất định trong việc phát triển và hỗ trợ cho các doanh nhân Kinh doanh mạo hiểm ở một số quốc gia, đại đa số ở các quốc gia đang phát triển (trong đó có Việt Nam) hầu như hoàn toàn thiếu vắng những chính sách, định chế để hỗ trợ cho Kinh doanh mạo hiểm.

Ở Việt Nam, một quốc gia đang ở những giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, nhà nước hầu như chưa quan tâm thích đáng đến vai trò của Kinh doanh mạo hiểm. Đặc biệt, các doanh nghiệp siêu nhỏ (micro – enterprises) thường là các doanh nghiệp gia đình, doanh nghiệp trẻ hoặc bản thân cá nhân là sinh viên, là đội ngũ những người đang làm việc ở các cơ quan nhà nước hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán chính thức và phi chính thức (semi – formal and informal sector) là những người ít có cơ hội tiếp cận được nguồn vốn của ngân hàng phát triển thành doanh nghiệp lớn hoặc trở nên có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Đương nhiên, Doanh nghiệp Việt Nam và kể cả doanh nghiệp siêu nhỏ, đặc biệt trong lĩnh vực Kinh doanh mạo hiểm, đều có thể tăng trưởng và có sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế, nếu nó được hoạt động trong môi trường thích hợp với những hỗ trợ cần thiết.

Như đã nêu, do mức độ rủi ro của loại hình đầu tư mạo hiểm khá lớn nên tại Việt Nam vẫn chưa có nhiều đối tượng tham gia. Tuy nhiên, với việc gia nhập của Việt Nam vào WTO, cùng với việc mở rộng các lĩnh vực được đầu

Bản sao lưu trữ

tư và tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài, việc mở rộng các hình thức đầu tư vào kinh doanh mạo hiểm sẽ rất nhiều triển vọng.

Ở Việt Nam, IDG Ventures Viet Nam (IDGVF) được thành lập từ năm 2004 tại Việt Nam. Theo sáng kiến của ông Patrick MC GOVERN, chủ tịch tập đoàn IDG, nhằm góp vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin – một trong những lĩnh vực mang lại lợi nhuận kinh tế cao, và hiện là quỹ đầu tư mạo hiểm duy nhất ở Việt Nam.

Trong môi trường kinh tế nội địa và toàn cầu đang có sự mang đến lợi nhuận cao, đặt ra cho Doanh nghiệp Việt Nam ở Việt Nam – một trụ cột chính của nền kinh tế – nhiều thách thức to lớn cho sự tồn tại, tăng trưởng và phát triển.

Trước hết, toàn cầu hóa kinh tế đã làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng trở nên một bộ phận không thể tách rời của thị trường toàn cầu. Các Doanh nghiệp Việt Nam ở Việt Nam dù muốn dù không đều nằm trong một chuỗi liên kết, hội nhập về phía trước hoặc phía sau (forward and backward linkages) của các công ty toàn cầu trong việc cung ứng dịch vụ nối kết, nguyên liệu thô, hoặc những đầu vào khác nhau của sản xuất, nhằm nâng cấp chất lượng sản phẩm và hiệu năng của sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai, xu hướng đối phó cạnh tranh trong thị trường nội địa và thị trường toàn cầu trong cùng một lúc đối với doanh nghiệp hiện nay là xu hướng phổ biến trong thế giới "phẳng". Thị trường nội địa ngày càng bị chia cắt với sự tham gia ngày càng nhiều của các công ty quốc tế với nhiều lợi thế cạnh tranh vượt trội. Trong khi, Doanh nghiệp Việt Nam hầu hết đều chưa sẵn sàng và thiếu hẳn năng lực để phát triển thị trường nước ngoài.

Thứ ba, Doanh nghiệp Việt Nam ở các nước đang phát triển, cụ thể ở Việt Nam, đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, đang tiếp cận với hệ thống pháp luật và chính sách hỗ trợ chưa đầy đủ, thị trường tài chính kém phát triển, hệ thống quản lý kém hiệu quả, cơ sở hạ tầng hỗ trợ thấp kém.

Bản sao lưu trữ

Những vấn đề đặt ra nhằm thúc đẩy môi trường kinh doanh mạo hiểm Việt Nam.

Có 3 trụ cột quan trọng đối với chính sách Doanh nghiệp Việt Nam ở Việt Nam khi ban hành hệ thống luật có liên quan đến Doanh nghiệp Việt Nam.

(1) Thúc đẩy đổi mới và khởi nghiệp trong kinh doanh, đặc biệt hỗ trợ cho doanh nghiệp mạo hiểm.

(2) Củng cố hệ thống quản lý Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở phát triển các điều kiện cạnh tranh đầy đủ trong nền kinh tế thị trường.

(3) Phát triển hệ thống hỗ trợ an toàn cho doanh nghiệp mạo hiểm.

Bản sao lưu trữ

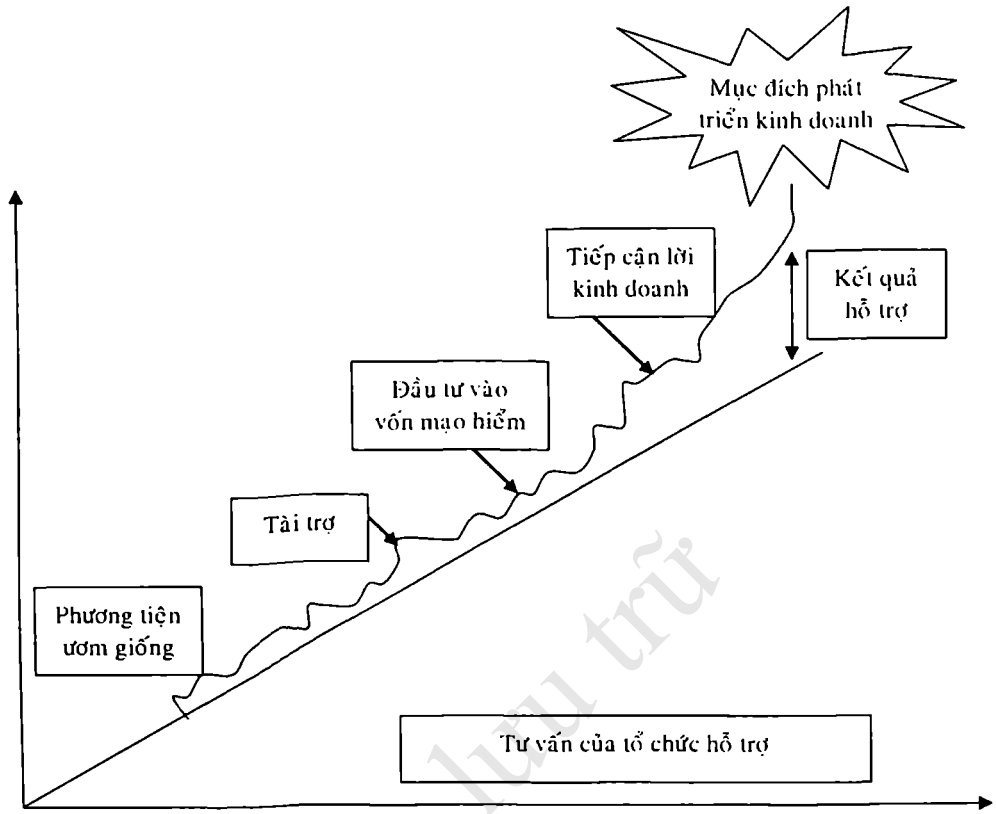

Hệ thống	Khởi đầu	Kết thúc
quản lý	của hỗ trợ	1-2 năm hỗ trợ

Bản sao lưu trữ

3 trụ cột nêu trên được triển khai theo những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

(1) Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển các hoạt động kinh doanh mới. Đặc biệt ở các ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm có khả năng tạo giá trị gia tăng cao, nhưng gây nhiều rủi ro, đặc biệt về tài chính, nguồn nhân lực.

(2) Hình thành các dự án, chương trình tài trợ cho việc khai thác các lĩnh vực thuộc kinh doanh mới, kể cả tư vấn trong việc thiết lập dự án kinh doanh (Business Plan).

(3) Cung cấp và thiết lập các phương tiện hình thành "vườn ươm" (business incubator facilities) đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu công nghệ cao... kể cả việc hình thành mạng lưới gắn kết "vườn ươm" với các trường Đại học, viện nghiên cứu (university – affiliated business incubator facilities).

(4) Tổ chức thường xuyên và định kỳ các sự kiện tiếp xúc kinh doanh (business matching events) nhằm gắn kết sự liên kết, phối hợp kinh doanh mạo hiểm (Venture fair, venture plaza, new market start – up support fair...).

(5) Cải tiến, hoàn thiện hệ thống luật và chính sách đối với DNVN có liên quan đến các hoạt động: khởi nghiệp, đổi mới kinh doanh, nghiên cứu/phát triển, tạo lập doanh nghiệp mới...

(6) Hỗ trợ, thúc đẩy kinh doanh mạo hiểm thông qua việc hình thành:

- Các Đại học DNVN (SME universities).
- Cung cấp thông tin qua mạng.
- Cung cấp chuyên gia, tổ chức hội thảo, đào tạo huấn luyện, tư vấn.
- Hình thành các quỹ hỗ trợ, tương trợ kinh doanh mạo hiểm.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

DOANH NGHIỆP DỆT MAY KHI VIỆT NAM THỰC THI CÁC CAM KẾT WTO

PGS.TS Đào Duy Huân
Tạp chí Phát triển kinh tế – ĐHKT TP.HCM

Như vậy Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO, điều quan trọng và thách thức lớn nhất không phải xin vào, mà điều có ý nghĩa quyết định nhất là lộ trình cam kết thực thi có mang đến hệ quả là nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng bền vững không? 12 năm sau Việt Nam thực hiện có nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hay không? Đến 2010 sẽ có 500 ngàn doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh cân bằng với các doanh nghiệp của 149 nước trong một thế giới kinh doanh phẳng hay không? Đó là điều đáng quan tâm, vì đây là cơ sở để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020.

Rõ ràng trong quá trình thực thi các cam kết với WTO, nông nghiệp, dệt may, công nghiệp chế biến, dịch vụ là những ngành bị tác động nhiều nhất trên 2 phương diện cơ hội và nguy cơ. Trong khuôn khổ bài viết này tôi đi vào phân tích tác động WTO đối với ngành dệt – may. Vì đây là ngành có kim ngạch xuất khẩu đạt 5 tỷ USD, giải quyết hàng chục vạn lao động, là ngành nhiều năm qua có lợi thế trong cạnh tranh trong thị trường quốc tế, trong đó đặc biệt thị trường EU, thị trường Mỹ, thị trường Nhật Bản.

Ngành dệt may sẽ bị tác động sớm nhất, mạnh nhất. Bởi vì cam kết giảm thuế của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Khu vực tự do mậu dịch ASEAN (AFTA) đối với các mặt hàng vải và sợi đã có hiệu lực, làm tăng cao hơn sức ép lên doanh nghiệp. Trước khi chưa vào WTO, thì các sản phẩm dệt may của các doanh nghiệp Việt Nam đã phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm dệt may của Trung Quốc trên thị trường EU (áo Jaket), cạnh tranh sản phẩm may mặc trên thị trường Hoa Kỳ, thị trường Nhật Bản.

Bản sao lưu trữ

Trong ngành dệt may, thì sức ép cạnh tranh mạnh nhất trước hết là dệt; bởi vì một mặt, thuế các sản phẩm sợi polyester để dệt vải được nhập khẩu từ các nước ASEAN đã tăng từ 0 lên 5%. Mặt khác, vải nhập khẩu từ các nước bên ngoài ASEAN sẽ giảm từ 40% xuống còn 12%. Với mức thuế này, tới đây vải nhập khẩu sẽ có mức giá thấp đủ sức để cạnh tranh với vải trong nước và hệ qủa vải ngoại đã có thể cạnh tranh được với vải Việt Nam. Các doanh nghiệp trong nước do năng lực sản xuất lẫn chất lượng còn thua xa các nước có nền công nghiệp dệt phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc. Do đó làm cho doanh nghiệp dệt vải phải tính lại chiến lược, nếu không thị phần vải dệt trong nước sẽ bị thu hẹp đáng kể, sẽ có hàng loạt doanh nghiệp dệt phải chuyển sang sản xuất kinh doanh sản phẩm khác, hoặc phá sản nhất là các doanh nghiệp dệt tư nhân, do thiếu vốn để hiện đại hóa doanh nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, để nâng cao sức cạnh tranh. Chẳng hạn khu dệt tư nhân tại quận Tân Bình, quận 11, quận Bình Tân Tp.Hồ Chí Minh. Dệt Thắng lợi, Việt Thắng, Dệt các địa phương, kể cả dệt Quân đội...

Một thực tế đã và đang diễn ra tại Việt Nam là những năm qua, mặc dù chưa giảm thuế sảm phẩm dệt may, nhưng công tác chống hàng lậu không hiệu quả, nên các sản phẩm dệt Trung Quốc nhập qua đường không chính thức đã có lúc chiếm tới 60% thị phần trong nước. Khi Việt Nam thực thi Cam kết WTO, Trung Quốc là một thành viên. Với lợi thế cạnh tranh dựa trên chi phí thấp, mẫu mã đa dạng hơn rất nhiều sản phẩm của Việt Nam, lại được giảm thuế, cho nên từ nay vải Trung Quốc sẽ được nhập vào Việt Nam thông qua đường chính thức với giá rẻ hơn những năm qua từ 10-20%. Hệ quả là sản phẩm dệt Trung Quốc sẽ tăng thị phần lên 65-70% tại thị trường Việt Nam. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Mặt khác theo lịch trình cắt giảm thuế quan đã ký kết với khu mậu dịch tự do AFTA, thì đến hết năm 2006, nghĩa là đầu năm 2007, thuế nhập khẩu sản phẩm dệt của các nước ASEAN sẽ giảm xuống còn 0-5%, sẽ làm cho giá vải nhập khẩu từ các nước ngoài ASEAN giảm rõ rệt. Nhưng rất may các nước này không có thế mạnh về dệt vải, kể cả Thái Lan cũng phải nhập 80% sợi từ nước ngoài để dệt vải, do đó giá vải của Thái Lan vẫn cao hơn nhiều so với vải Trung Quốc. Với các sản phẩm vải nhập từ các nước ASEAN, dự báo sức mua không tăng mạnh, mà nó chỉ mang lại cho người tiêu dùng thêm sự lựa chọn sản phẩm vải phong phú hơn. Để tồn tại, doanh nghiệp phải chọn

cho mình một sản phẩm mang tính khác biệt, tránh đối đầu với thị phần hàng giá rẻ.

Ngay thị trường Hoa Kỳ, sau khi Mỹ thông qua quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn cho Việt Nam, sẽ không còn hạn ngạch, đây là một thuận lợi, nhưng để phát triển thị trường dệt may Hoa Kỳ cũng không phải dễ. Thực tế các công ty may Việt Tiến, công ty May 28 Quân đội, Công ty may 10... đã chứng minh rằng, hầu hết các nước xuất khẩu dệt may khác vào Hoa Kỳ đã được bãi bỏ hạn ngạch kể từ năm 2005. Điều này cũng có nghĩa các nước này đã có hai năm để chia thị phần cho từng mã hàng cụ thể. Đi sau các nước khác, lại "yếu" hơn, do vậy doanh nghiệp Việt Nam phải có chiến lược thị trường tốt thì mới có thể phát triển thị phần của doanh nghiệp Việt Nam tại Hoa Kỳ, mới có thể chia sẽ thị phần của các nước đi trước.

Đối với sản phẩm may, cơ hội đó là hạn ngạch hàng may mặc xuất khẩu vào Hoa Kỳ sẽ được bãi bỏ, mức thuế xuất khẩu vào nhiều thị trường trên thế giới sẽ được giảm xuống. Cơ hội lớn đẩy mạnh xuất khẩu một cách bình đẳng mà không bị giới hạn bởi số lượng. Nghĩa là nếu có lợi thế về chi phí thấp, hay khác biệt hóa sản phẩm, thì doanh nghiệp may Việt Nam sẽ gia tăng nhanh ở thị trường Hoa Kỳ (vì hàng năm họ nhập khẩu trên 60 tỷ USD).

Theo phân tích của một số chuyên gia trong ngành, phần giá trị gia tăng mà ngành may đem lại chỉ chiếm 20-25 % tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của ngành may đạt khoảng 4,8 tỉ USD nhưng các doanh nghiệp đã phải bỏ ra đến 3,6 tỉ USD để nhập khẩu nguyên phụ liệu, vì vậy lợi nhuận trước thuế mà các doanh nghiệp may Việt Nam thấp, chỉ được khoảng 1,2 tỉ USD. Thực ra xét đến cùng không có quốc gia nào đi lên từ ngành dệt may cả, cũng không có doanh nghiệp may nào giàu nhanh cả, việc phát triển nó là để sử dụng hiệu quả lao động trong nước, đáp ứng thị trường trong nước, tận dụng các nguồn lực có sẵn trong nước và nhu cầu thế giới gia tăng. Nguyên nhân thì có nhiều, song là do các doanh nghiệp trong nước vẫn chưa chủ động được việc cung cấp các yếu tố đầu vào, nhất là nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị công nghệ và năng lực điều hành chưa hiệu qủa. Chẳng hạn công ty may X, có máy móc thiết bị công nghệ may hiện đại, do giám đốc Việt Nam điều hành sản xuất nên chất lượng vải không đảm bảo, sản xuất ra không bán được, nhưng khi thuê giám đốc nước ngoài điều hành sản xuất, thì chất lượng sản phẩm đảm bảo, xuất khẩu thành công.

Có thể nói khó khăn hiện nay của các doanh nghiệp đa số là may gia công, sản xuất theo đơn đặt hàng khách hàng nước ngoài, doanh nghiệp may tự lo nguyên vật liệu và giao hàng tại cảng Việt Nam. Đơn giá may một áo sơmi theo trường hợp này trung bình khoảng 4USD/áo. Trong 4USD này, số tiền doanh nghiệp được hưởng khoảng 1,4 USD, gồm tiền công may, chi phí quản lý, giá quota và một số rất ít nguyên phụ liệu trong nước sản xuất được, còn 2,6 USD thuộc về các nhà cung cấp vải và nguyên phụ liệu, hầu hết là của nước ngoài, do phía mua hàng nước ngoài chỉ định các doanh nghiệp trong nước phải mua. Nhìn vào doanh số lớn, song lợi nhuận thấp. Đây là một khó khăn lớn, nếu các doanh nghiệp dệt may không bứt lên trong việc sản xuất sản phẩm phục vụ cho thị trường trong nước là chính, thì sẽ mất dần thị trường này do các doanh nghiệp của các nước thành viên WTO xâm nhập và chiếm lĩnh. Vì vậy vừa tăng sản xuất tự doanh, vừa phát triển thị trường ngoài nước vừa giữ và phát triển thị trường nội địa là cơ sở để tồn tại và phát triển.

Một thí dụ khác, một áo sơmi khi đến tay người tiêu dùng tại thị trường Mỹ với các hiệu GAP, J.C.Penney, Target, Sears... có giá không dưới 19-20USD/áo. Như vậy nhiều công ty của Việt nam phải thuê thương hiệu, liên kết thương hiệu, thậm chí mua các thương hiệu trên, nên rốt cục lợi nhuận rất thấp, phần lời chủ yếu lại cho các nhà trung gian. Những năm qua nhiều doanh nghiệp may Việt Nam không có thương hiệu riêng, chưa tự thiết kế mẫu, không có kênh phân phối hàng riêng là những trở ngại thực sự trong cạnh tranh, điều này đã được nhận diện từ khi mở cửa đến nay, nhưng vẫn chưa được doanh nghiệp ngành may có chiến lược phù hợp nhằm khắc phục các điểm yếu trên.

Trong lộ trình 12 năm, Việt Nam phải hoàn thành việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường, rõ ràng còn nhiều khó khăn mà các doanh nghiệp dệt may phải vượt qua, nhất là kinh doanh trong một thế giới phẳng, thì ai có sản phẩm dệt may chất lượng cao, có chi phí thấp, có cấu trúc bộ máy hiệu quả, có chế độ hậu mãi tốt thì sẽ có khả năng cạnh tranh, khả năng cùng tồn tại cùng phát triển. Ngược lại công ty nào không vươn lên đạt được các mặt trên thì sẽ nguy cơ thị trường bị thu hẹp.

Bản sao lưu trữ

Chúng tôi cho rằng các doanh nghiệp dệt may phải nhận thức hết các cơ hội – nguy cơ; điểm mạnh – yếu về lộ trình mà Việt Nam phải thực hiện theo như đã cam kết với WTO, trong đó tất cả các cam kết liên quan đến dệt may phải được hiểu đầy đủ thấu đáo tận người công nhân, phải làm cuộc cách mạng về nhận thức và cách mạng về hành động. Bởi vì còn quá nhiều các doanh nghiệp còn vô cảm trước ngưỡng cửa WTO mà sẽ phải đối mặt. Ngược lại, một số công ty quá lạc quan về những gì đã thành công trước khi hội nhập WTO. Nhưng hãy xin nhớ rằng môi trường kinh doanh (cơ hội – nguy cơ; mạnh – yếu) của 2 thời kỳ trước và sau hội nhập WTO là khác nhau, vì vậy chiến lược sẽ khác nhau.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS. TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

CEO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ QUA LĂNG KÍNH "THẾ GIỚI PHẲNG"

TS. Tạ Thị Mỹ Linh
Đại học Kinh tế TP.HCM

Toàn cầu hóa kinh tế đang là xu hướng tất yếu trong thời đại ngày nay, một khái niệm mới: "Thế giới phẳng" được một nhà báo Mỹ đưa ra năm 2005, là tiếng chuông tới các doanh nhân, trong đó CEO là một trong những đối tượng quan trọng.

"Thế giới phẳng" – Một thị trường chung của nhân loại

Sau gần 500 năm, kể từ khi "Columbus tâu vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha rằng trái đất có hình cầu" lại có một sự kiện mới làm xôn xao dư luận toàn cầu, đó là việc Thomas L.Friedman, thủ thỉ với vợ: "Em yêu... anh nghĩ thế giới là phẳng" khi đi thăm Ấn Độ trở về".

Một khái niệm tuy mới ra đời, nhưng đang có sức thu hút mạnh mẽ đối với người đọc trên thế giới, nhất là các CEO.

Nội dung chính của cuốn sách "Thế giới phẳng", tác giả đã thông tin cho độc giả biết mười nhân tố làm phẳng thế giới bao gồm, "sự sụp đổ bức tường Berlin, Netscape, dòng công việc, chuyển sản xuất ra nước ngoài, đưa dữ liệu lên mạng, thuê bên ngoài làm, chuỗi phân phối, cung cấp thông tin và các nhân tố xúc tác lẫn nhau..." Ba vấn đề hội tụ cơ bản "Đó là sân chơi toàn cầu, được mạng web hỗ trợ", với "các tập quán kinh doanh mới liên kết đầy đủ".

"Những người chơi mới" tuân thủ "Bảy nguyên tắc": Chẳng hạn, đừng xây rào cản, người tí hon có thể làm việc lớn, người khổng lồ làm việc cực nhỏ để khách hàng làm việc cực lớn,v.v... theo tác giả toàn cầu hóa có 3 giai đoạn, từ 1942 đến 1800 là giai đoạn 1.0: "Thế giới co lại từ kích thước lớn thành kích thước trung bình". Từ 1800 đến 2000: Thời kỳ 2 " làm thế giới co lại từ trung bình đến cỡ nhỏ:. Từ 2000 đến nay, "Toàn cầu hóa 3.0 thực chất đang ở vào giai đoạn tăng tốc, nó chuyển từ thế giới cỡ nhỏ xuống cỡ siêu nhỏ và đồng thời san phẳng thế giới" (Thế giới phẳng Thomas L.Friedman xuất bản 2006).

Bản sao lưu trữ

Sau khi nghiên cứu những phần liên quan tới kinh doanh, một câu hỏi lớn được đặt ra: Sức mạnh nào đã "san phẳng" thế giới gồ ghề hiện nay? Phải chăng, trong kinh doanh, các doanh nghiệp đã có tiếng nói chung từ rất sớm.

Chẳng hạn, lợi nhuận là mục tiêu chung của các doanh nghiệp. Thị trường "sản sinh" ra các doanh nghiệp, nuôi dưỡng và sàng lọc các doanh nhân. Trong thị trường các quy luật kinh tế tác động mạnh mẽ trong phạm vi toàn cầu: quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật đào thải... Như vậy, các quy luật kinh tế có thể là tác nhân quan trọng nhất cho "thế giới phẳng" trong lĩnh vực kinh doanh.

Quả đất hình cầu của chúng ta mới được chấp nhận trong nhận thức cách đâu gần 500 năm. Thế giới kinh doanh thực chất là "phẳng" có thể mới chỉ được nhận thức cách đây chưa đầy 1 năm! Sự ngăn "sông" cấm "chợ" là do các quốc gia tự tạo nên các rào cản làm cho dòng chảy của hàng hóa, dòng chảy thông tin và dòng chảy của tiền tệ bị tắc nghẽn. "Thế giới phẳng" sẽ khai thông ban dòng chảy cơ bản này nhờ có tiến bộ mới trong khoa học, đặc biệt là công nghệ thông tin. Từ nhận xét nêu trên, có thể rút ra đặc điểm chủ yếu của thị trường trong "Thế giới phẳng":

Thứ nhất: Thị trường có một sự ổn định duy nhất, đó là sự biến đổi với một tốc độ cực nhanh của dòng thông tin và dòng tiền tế tạo ra sự phân phối dòng vật chất tối ưu.

Thứ hai: Cuộc cách mạng trong vận chuyển container đã tạo khả năng để thế giới tiếp nhận hàng hóa nhanh, an toàn và nó là nhân tố tác động tới hệ thống luật pháp của các quốc gia theo hướng toàn cầu hóa.

Thứ ba: Các quy luật kinh tế sẽ tác động mạnh mẽ hơn trong các hoạt động kinh doanh. Tiền là thước đo giàu nghèo, là công cụ thanh toán hàng hóa và dịch vụ sẽ có thêm những hình thức mới (tiền điện tử...) tuy nhiên, dòng chảy của "Tiền" vẫn không đổi (nước chảy từ trên cao xuống thấp, tiền chảy từ thấp lên lên cao; Chẳng hạn, Tiền chảy về doanh nghiệp "lãi" dễ hơn chảy về doanh nghiệp "lỗ"; "Người kinh doanh giỏi tiền sẽ chảy về nhiều hơn người kinh doanh kém,...).

Tóm lại, nêu những phần trên là để rút ra kết luận "Thế giới phẳng" là những khái niệm rất mới nhưng bản chất cơ bản của luật chơi đã rất "quen" với mọi người kinh doanh, nhất là các CEO. Tuy nhiên, trong sân chơi mới –

tạo ra thị trường bổ sung những hình thức mới, có nhiều người chơi mới, nên luật chơi trong kinh doanh sẽ có nhiều thay đổi cả về hình thức lẫn nội dung.

Điều gì giúp CEO thành đạt

Để hiểu khái quát về CEO thành đạt có thể lấy định nghĩa sau: "Những nhà doanh nghiệp thành công chỉ chấp nhận những rủi ro được tính toán của việc thu lợi nhuận hoặc lỗ lãi trong việc thực hiện các giao dịch thương mại trong một thị trường mà họ đã phát triển một ý niệm về những nhu cầu của họ" (Cẩm nang dành cho giám đốc doanh nghiệp – James W.Halloran xuất bản 4-2005).

Như vậy thị trường là nơi mà các CEO thành đạt tính toán để thu lợi nhuận và chấp nhận rủi ro. Bên cạnh những nhân tố thị trường, nơi sàng lọc doanh nhân, thì các doanh nghiệp cần phải quan tâm tới những nhân tố tạo ra thành công của các CEO. Khi nghiên cứu 100 CEO thành đạt trong thế giới phẳng (giai đoạn 1800 đến 2000) có thể thấy hai đặc trưng chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Họ là những người có công hoặc góp công xây dựng văn hóa doanh nghiệp bởi họ hiểu sâu sắc rằng "Văn hóa doanh nghiệp là tài sản" Albrecht Rothacher tác giả Corporation cultures and global brands xuất bản 2005 tại Singapore).

"Văn hóa doanh nghiệp" chính là nét đẹp thu hút con người từ cách ứng xử thông qua các mối quan hệ có liên quan tới kinh doanh, nó là linh hồn cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

Vì lẽ quan trọng đó, trong một sân chơi "phẳng", mọi con người được phát huy cao độ trong kinh doanh.

Bài học đắt giá rút ra từ các CEO thành đạt và năm điều cám dỗ cản trở sự thành công của họ đã chỉ ra rằng: Sự tồn tại hay không tồn tại để các doanh nghiệp phát triển một cách bền vững, đó chính là xây dựng thành công "Văn hóa có bản sắc riêng của mỗi doanh nghiệp". Ví dụ:

Với tập đoàn Hewlett-Packard, Tổng Giám đốc điều hành, Carly Fiorina, trong diễn đàn về quản lý được tổ chức tại Tokyo năm 2002 đã nói: "Thành công này cũng là kết quả của một nền văn hóa được thể hiện từ nội bộ Hewlett-Packard..." và "... xây dựng thương hiệu mạnh... đó cũng chính là lời hứa của chúng tôi... nhằm thể hiện bộ mặt tích cực và hưng phấn hơn với nhân viên của mình trên toàn thế giới".

Bản sao lưu trữ

Thứ hai: CEO thành đạt đều quan tâm tới ba mối quan hệ cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp:

Một là: Mối quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp.

Các CEO thành đạt đều đặc biệt chú trọng xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong nội bộ doanh nghiệp: Quan hệ giữa người lãnh đạo và người đang được họ lãnh đạo, quan hệ cộng tác giữa các thành viên. Đặc biệt, các CEO thành đạt đều là người có tài và có đức thể hiện bằng tầm nhìn xa, quyết định đúng trong việc đề ra kế hoạch (Planning), có quyết tâm cao, huy động mọi nguồn lực trong tổ chức thực hiện (Ogarnizing) và thường xuyên kiểm tra với ý nghĩa là nhà quản lý (Controlling).

CEO là người lãnh đạo, họ có cá tính và cách làm khác nhau nhưng có cùng đặc điểm chung sau đây:

+ Có tầm nhìn xa, khởi xướng cái mới.

Năm 1975 Bill Gates cùng người bạn PaulAllen thành lập Microsoft, hai ông đã nhận thấy "Đồng tiền thông minh trong máy tính nằm ở phần mềm, không phải phần cứng", với cách làm thích hợp với tầm nhìn xa sau 30 năm ông đã người giàu nhất hành tinh.

+ Chọn được cách làm đúng, thấy được điều "vô hình"

Sam Walton đã nhìn thấy điều "vô hình" là các cửa hàng tự chọn từ 1962, kiên trì thực hiện hướng đã chọn phù hợp với yêu cầu khách hàng, kinh doanh phát triển mạnh mẽ. Đến năm 2002, công ty của ông đã trở thành công ty bán lẻ lớn nhất trong 500 công ty hàng đầu thế giới.

+ Biết thu hút mọi nguồi lực để thực hiện ý tưởng kinh doanh.

Năm 1979, CEO của hãng Canon đã đề ra chỉ tiêu giảm giá bán máy photocopy 50% so với giá máy Xerox cùng loại. Để thực hiện điều "không thể" này, 200 nhà thiết kế, các kỹ sư của hãng được huy động trong một thời gian dài. Cuối cùng họ đã thành công và chiếm lĩnh thị trường .

+ Các CEO thành đạt đều biết trọng dụng người giỏi.

CEO của Tramster, một công ty tư vấn tiếp thị luôn có mức lợi nhuận cao của nhiều năm liền, nói rằng: "Điều chúng tôi đang làm để tạo được thành

Bản sao lưu trữ

công về tài chính là thuê người giỏi, tiếp thêm sinh lực cho họ và tạo cho họ cảm giác thoải mái".

Hai là: Mối quan tâm tới khách hàng.

CEO thành đạt coi trọng sự chăm sóc khách hàng để phục vụ đúng yêu cầu của họ. "Khách hàng là những cá nhân hoặc tổ chức có nhu cầu không được thỏa mãn và có phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu đó". Tuy nhiên, các CEO thành đạt đều nhận thấy một nguyên tắc quan trọng: "Nếu không chăm sóc tốt được khách hàng thì tốt nhất không mở rộng thêm". Việc quan tâm chăm sóc khách hàng và quan tâm chăm sóc nhân viên phải ngang nhau vì có khách hàng tốt mà không có nhân viên tốt thì dần sẽ mất khách hàng. Ngược lại, có nhân viên phục vụ khách hàng tốt sẽ có khách hàng tốt. Đây là một thay đổi về nhận thức mới trong ứng xử giữa "Khách hàng và Nhân viên".

Ba là: Mối quan hệ khác ngoài doanh nghiệp.

Quan hệ với cơ quan chính phủ trong lĩnh vực kinh doanh như: Thành lập doanh nghiệp, thuế, giải quyết vấn đề lao động, bảo vệ môi trường, tham gia những công việc an toàn cho cộng đồng... CEO thành đạt đều đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ này, nhất là với cơ quan chính phủ. Mọi việc phải đảm bảo cách ứng xử có văn hóa, tạo ra niềm tin, đó là chất xúc tác quan trọng trong thành công của họ.

Có rất nhiều CEO thành đạt khác của các doanh nghiệp như Sony, Gillette, Nokia, IBM, Rolex, Pepsi, CNN, HSBC... mà đặc điểm nổi bật nhất của họ vẫn là một tầm nhìn xa, và sau đó họ biết trọng dụng nhân viên; đồng thời có cách đối xử đẹp với khách hàng, với chính quyền và với cả cộng đồng bằng nền văn hóa doanh nghiệp riêng biệt.

Các CEO thành đạt của thế giới sẽ là những người chơi chủ yếu trong thị trường mới mà "thế giới phẳng" tạo ra. Họ có thể là đối thủ cạnh tranh, hoặc đối tác kinh doanh. Với thế giới hiện nay họ là những người "Khổng lồ".

Thách thức của CEO Việt Nam

1/ Nhìn một cách tổng quát, doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang đi theo xu hướng: Giảm dần các doanh nghiệp sở hữu Nhà nước và tăng dần các loại hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân.

Bản sao lưu trữ

2/ Việt Nam bước vào sân chơi chung của "thế giới phẳng" sẽ đối đầu với một thách thức lớn đó là trình độ học vấn của các CEO Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa thì các phương tiện tìm kiếm (google), phần mềm xử lý công việc (Workflow), khả năng tải lên mạng (Uploading)... đang và sẽ là công cụ chủ yếu phục vụ cho công việc điều hành kinh doanh của các CEO.

Mặt khác các doanh nghiệp hiện tại của các CEO Việt Nam hiện nay chủ yếu vẫn ở quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu, giá thành cao, chất lượng hàng hóa và dịch vụ thấp, các thương hiệu của sản phẩm chưa có sức hút mạnh, văn hóa doanh nghiệp đang trong quá trình hình thành.

3/ Nước ta đang trong quá trình chuyển đổi, hệ thống luật pháp đang từng bước hoàn thiện theo hướng quốc tế hóa. Tuy nhiên, sự hiểu biết về luật pháp quốc tế của các CEO và cơ quan Nhà nước đang là những vấn đề cần quan tâm nhất trong quá trình tham gia vào thị trường chung. Vụ ông Bùi Huy bị bắt giữ ở Bỉ, vụ Vietnam Airline bị tòa án Paris tuyên phạt hơn 5 triệu Euro, vụ tàu biển bị bắt giữ... thể hiện chúng ta vẫn còn xa lạ với luật "kinh doanh quốc tế". Hay nói khác đi, các CEO Việt Nam sắp đi vào đường cao tốc mà cả thầy và trò chưa nắm chắc luật tham gia giao thông.

4/ Bên cạnh thách thức nêu trên, chúng ta có thuận lợi: Kinh tế Việt Nam sau 20 năm mở cửa đã từng bước đưa các luật "chơi"của thế giới đến với các CEO trong đó họ đã có thành công nhất định.

Trên thị trường rộng lớn bao gồm nhiều lĩnh vực của một "thế giới phẳng" sẽ là nơi cho các CEO rèn luyện, họ vừa kinh doanh vừa bị sàng lọc do các quy luật kinh tế tác động trong phạm vi toàn cầu.

Đứng trước những thuận lợi và thách thức cơ bản nêu trên, CEO Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế không còn cọn đường nào khác, phải đương đầu với sóng gió của thị trường toàn cầu. Để khắc phục tình trạng "Điếc không sợ súng" do trình độ học vấn, CEO phải tự vươn lên chính mình, tự nâng cao rèn luyện giáo dục bản thân, xây dựng Văn hóa doanh nghiệp, thương hiệu, ISO, và trọng dụng nhân tài... Thực chất các CEO Việt Nam hôm nay đang là "Người tí hon", nhưng vẫn có thể làm được việc lớn bên cạnh những "Người khổng lồ" trong "thế giới phẳng" của nhân loại.

Tình hình các CEO Việt Nam hiện nay vừa chưa đủ lực lại vừa mỏng, hơn nữa chúng ta chưa có nhiều CEO tầm cỡ của các doanh nhiệp lớn để tham gia thị trường toàn cầu. Khi Việt Nam trở thành thành viên WTO, các doanh

nghiệp sẽ phải đương đầu với một thị trường mới, luật chơi mới và có nhiều đối thủ cạnh tranh là người khổng lồ.

Các doanh nghiệp thành đạt đều có CEO với tầm nhìn xa, với uy tín cá nhân có khả năng xây dựng bản sắc văn hóa doanh nghiệp riêng. Trên thương trường mới những doanh nghiệp như vậy sẽ có nhiều khả năng phát triển bền vững. CEO Việt Nam có thể làm những việc mà "Người khổng lồ" không làm được hoặc làm không có hiệu quả, chúng ta cũng có thể liên doanh liên kết với "Người khổng lồ" để cùng làm.

Để tránh các "tai nạn" trên đường "cao tốc" (WTO), các CEO nhất thiết phải trang bị cho mình về luật pháp quốc tế, không chần chừ sử dụng các nhà tư vấn và luật sư có kinh nghiệm kể cả luật sư nước ngoài ...

Tóm lại, khi tham gia vào WTO, trong điều kiện "thế giới phẳng", các CEO Việt Nam đều phải vượt qua chính mình, phải hiểu biết và thành thạo luật chơi mới, hình thành liên kết với các đối tác đáng tin khác ở mọi miền của trái đất để thực hiện mục tiêu "Dân giàu, Nước mạnh".

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

KHI DOANH NHÂN VIỆT NAM TRỞ THÀNH DOANH NHÂN TOÀN CẦU

Giản Tư Trung
Trường Doanh nhân PACE.

Giải nghĩa của chữ "khi"

Nếu đất nước thực hiện chính sách đóng cửa, Việt Nam ta sẽ không phải là một phần của thế giới, và như vậy, công dân Việt Nam vẫn chỉ là công dân Việt Nam, chứ không phải là công dân thế giới.

Tuy nhiên, cái "thế giới" mà chúng ta đang sống đã thực sự thay đổi... Nước Việt ta đã là một phần của thế giới. Do vậy, dù muốn, dù không, tất cả công dân Việt Nam cũng đã, đang và sẽ trở thành "công dân thế giới", "công dân toàn cầu". Và hiển nhiên, doanh nhân là công dân Việt Nam cũng sẽ đương nhiên trở thành "doanh nhân toàn cầu". CEO Việt Nam cũng nghiễm nhiên trở thành "CEO toàn cầu". Nói một cách cụ thể hơn, dù muốn hay không, người Việt Nam, CEO Việt Nam, doanh nhân Việt Nam sẽ phải sống, quản lý và kinh doanh trong "môi trường toàn cầu". Mặc dù mình vẫn đang sống ở nước mình, vẫn đang quản lý và kinh doanh ở ngay trong "nhà" của mình.

Nghe có vẻ giống hệt như một giấc mơ. Qua một đêm thức dậy, tất cả bỗng biến thành một cái gì đó mang tính "toàn cầu" !!!?

Không chỉ một quốc gia, một cá nhân con người mà những sản phẩm nhỏ nhất cũng được toàn cầu hoá. Rất nhiều người đã từng nghe qua câu chuyện quả "trứng gà toàn cầu" của Trung Quốc? Vậy ta nghĩ gì khi biết giá một quả trứng gà "Made in China" khi đã về đến thị trường Việt Nam là chưa đến 400 đồng trong khi chi phí sản xuất một quả trứng tương tự ở ta là khoảng 900 đồng? Giá trứng gà Trung Quốc rẻ đến mức người ta đặt ra một sự hoài nghi: hay là trứng gà giả?

Có nhiều giả thuyết được phủ chụp quanh chuyện cái trứng gà Trung Quốc này nhưng không ai có thể phủ nhận cái trứng gà bé xíu ấy là hiện thân rõ mét nhất của một "cơn bão giá" của Trung Quốc đang mon men hoành hành nhiều quốc gia trên thế giới. Câu trả lời của cái giá quá rẻ đó được lý giải bằng sự đầu tư chính đáng của chất xám từ một nền "công nghiệp trứng gà" của Trung Quốc. Và như thế, Trung Quốc, một quốc gia đang phát triển,

Bản sao lưu trữ

những người nông dân Trung Quốc cũng đã nghiên cứu chuyện trứng gà và đặt nó trong bối cảnh toàn cầu và người ta gọi là "trứng gà toàn cầu" và nông dân Trung Quốc cũng có thể xem là "nông dân toàn cầu". Cái trứng gà Trung Quốc là hiện thân cho câu chuyện toàn cầu hoá của mọi thứ ngày nay ở mọi nơi trên khắc thế giới. Và chúng ta cũng đang xài vô số sản phẩm toàn cầu, như: ăn trứng gà toàn cầu, xem tivi toàn cầu, đi xe gắn máy toàn cầu...

Người Trung Quốc đã có thể biến một sản phẩm nhỏ xíu, một sản phẩm có gốc tích xa xưa từ làng quê, gốc rạ ra thành một sản phẩm có tính toàn cầu đích thực. Vậy người Việt Nam muốn sống đàng hoàng, CEO Việt Nam và doanh nhân Việt Nam muốn quản lý và kinh doanh thành công trong môi trường toàn cầu thì phải làm sao?

Tại sao lại phải "thay đổi"?

Đây là lúc mà chúng ta cần bàn về vấn đề thay đổi. Tại sao chúng ta phải thay đổi? Bởi môi trường sống của chúng ta đã thay đổi và còn bởi chúng ta chưa thể thay đổi được môi trường sống, môi trường toàn cầu. Như vậy, cách duy nhất để sống, để tồn tại và phát triển bền vững chính là chúng ta phải thay đổi chính mình.

Với sự phát triển như vũ bão của công nghệ truyền thông (báo in, báo hình, báo nói, web, internet...) và công nghệ giao thông (đường đất, đường biển, đường trời và đường sắt) cả thế giới đang dần xích lại gần nhau và thế giới đang ngày trở nên nhỏ bé. Nó khiến người ta hình dung có thể nắm bắt thế giới trong tầm tay của mình. Toàn cầu hoá đã là một xu thế tất yếu. Nó như một cơn lũ đối với tất cả các quốc gia – cơn lũ toàn cầu hoá. Cơn lũ này không phải do thiên tạo, nhưng cái cách mà chúng ta ứng xử với nó lại có những ý niệm tương đồng với cơn lũ ở đồng bằng sông Cửu Long. Người dân đồng bằng có ba sự lựa chọn: (1) Chống lũ; (2) Rời bỏ lũ và (3) Sống chung. Chống lũ thì hàng trăm năm rồi, chưa ai chống được một cách hữu hiệu, rời bỏ mảnh đất chôn nhau cắt rốn vì... lũ, đương nhiên là không nên. Chỉ còn các duy nhất: Sống chung. Tuy nhiên, sống chung thì cũng có ba sự lựa chọn: (1) Sống một cách khốn khổ khốn nạn; (2) Sống một cách đàng hoàng; (3) Bị lũ dìm chết hoặc cuốn trôi. Những người dân đồng bằng đã lựa chọn thành công cách sống của mình: Sống chung một cách đàng hoàng với lũ và đã hưởng lợi rất nhiều từ cơn lũ này.

Từ làn sóng toàn cầu, hàng hoá và văn hoá của thế giới tràn vào Việt Nam... "Lũ toàn cầu hoá" đã và đang đến. Mọi người lo lắng không biết sẽ sống ra sao? "Đóng cửa" để ngăn lũ thì không được, rời bỏ thì không thể, bởi

mặt trăng chưa có không khí và sao hoả thì chưa có sinh vật. Chỉ còn cách duy nhất: Sống chung. Nghĩa là, ta phải có khả năng thấu hiểu cơn lũ và chuẩn bị đầy đủ năng lực để có thể sống chung một cách đàng hoàng với lũ và hưởng lợi từ nó. Đó là "cơ hội vàng" còn người lại, là ý nghĩa của "hiểm họa đen".

Đối với đa số doanh nhân Việt Nam, bao lâu nay chúng ta như những con cá nhỏ trong một cái ao nhỏ. Khi ta mở cửa, hội nhập với thế giới, dùng một cái, hệt như có bàn tay vô hình nào đó thả những con cá này vào một đại dương. Đại dương thật đẹp với vô vàn những sinh vật và đại dương cũng thật hung dữ với những cơn sóng thần, những con cá mập... Đối với những con cá nhỏ mới bơi vào đại dương thì đại dương thật là rộng lớn, thật là vĩ đại, còn đối với những con cá mập, cá voi đã sống lâu năm ở đại dương thì đại dương bây giờ là nhỏ bé và chật hẹp đối với chúng...

Nói một cách cụ thể, Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam cũng đang bị cơn lũ toàn cầu hoá "xâm thực" mạnh mẽ. Hàng hoá, văn hoá thế giới tràn ngập vào Việt Nam, vậy chúng ta có làm được điều ngược lại – đem hàng hoá, văn hoá Việt Nam... "chảy tràn" ra thế giới?

Thay đổi như thế nào?

Khi đã phân tích cơn lũ, xác định và thống nhất chúng ta phải thay đổi để sống chung đồng thời hưởng lợi từ lũ, cái còn lại để bàn là chúng ta phải thay đổi như thế nào?

Mỗi con người đều phải vận động, đều phải thay đổi. Nhưng sự vận động của mỗi doanh nhân, của đội ngũ doanh nhân là cực kỳ quan trọng. Bởi sau lưng mỗi doanh nhân là cả một "xã hội" (vì mỗi doanh nghiệp được xem như là một xã hội thu nhỏ). Và bởi "Các doanh nghiệp sẽ có tiếng nói quyết định trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia" (theo lời của nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan).

Thay đổi, ai cũng biết, điều đầu tiên, bao giờ cũng phải đi từ khát vọng, từ ý chí. Với nguyên lý này, mỗi doanh nhân phải có một khát vọng thay đổi, khát vọng sống đường hoàng mãnh liệt và hơn nữa là một ý chí sẵn sàng đối mặt, sẵn sàng cho cuộc chạy đua tranh toàn cầu, đua tranh với thế giới kể cả ngay trong nhà của mình.

Khi đã có sẵn trong mình một bầu nhiệt huyết đua tranh với thế giới thì điều tiếp theo là cần phải chuẩn bị các năng lực cần thiết, trang bị những kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại của thế giới để có thể quản lý và kinh doanh thành công trong môi trường toàn cầu. Đây là một điều kiện tối cần thiết. Bởi

nếu không hiểu doanh nhân thế giới đã và đang quản lý kinh doanh như thế nào; không thấu hiểu thị trường toàn cầu; không nắm bắt những kiến thức quản trị thì doanh nhân và doanh nghiệp Việt Nam sẽ... ra sao?

Một điều cũng không kém phần quan trọng là vấn đề tư duy và tầm nhìn của mỗi doanh nhân cần phải ở phạm vi toàn cầu, biết biến sức mạnh quốc gia thành sức mạnh doanh nghiệp, tức là làm những ngành mà đất nước có lợi thế cạnh tranh so với thế giới. Hơn nữa, phải biết biến sức mạnh thời đại thành sức mạnh doanh nghiệp (thời đại kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá...) Về ý tưởng kinh doanh thì không chỉ bó hẹp trong nước mà phải có ý tưởng kinh doanh đột phá quốc tế...

Đó là những điều mà chúng ta, dù muốn hay không, cũng phải nhanh chóng hành động và hành động hết tốc lực, lẫn khôn ngoan. Ngay từ bây giờ, mỗi chúng ta sẽ phải vận động để tạo cho doanh nghiệp của mình có khả năng đua tranh mạnh mẽ trong môi trường toàn cầu; và hơn nữa, thậm chí có thể biến công ty của mình thành công ty toàn cầu, tập đoàn toàn cầu trong tương lai bằng cách đáp ứng được nhu cầu gì hay giải quyết những vấn đề nào đó của thế giới thông qua việc cung cấp các sản phẩm hay dịch vụ của mình cho thế giới.

Và như vậy, khi đất nước "sở hữu" được một thế hệ lãnh đạo mới của các doanh nghiệp, một thế hệ lãnh đạo có khát vọng, có ý chí và có năng lực dẫn dắt doanh nghiệp đua tranh cùng thế giới, thì chắc chắn nền kinh tế của chúng ta, đất nước của chúng ta, Tổ quốc của chúng ta cũng sẽ hoàn toàn tự tin trước một thế giới đang không ngừng vận động và phát triển.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

CHUẨN BỊ NGUỒN NHÂN LỰC CẤP CAO CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP

Trần Văn Dũng
Công ty TNHH một thành viên Tín Nghĩa

Hiện nay, nguồn nhân lực cấp cao tại các doanh nghiệp Việt Nam vừa thiếu, vừa yếu. TS Nguyễn Sĩ Dũng- Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội cho biết: mỗi năm Việt Nam có khoảng 1,2 triệu người đến tuổi lao động và được bổ sung vào lực lượng lao động của đất nước. Số lượng lao động được bổ sung, trong khi chất lượng thì vẫn vậy. Nhiều doanh nghiệp có đủ khả năng tài chính muốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng nguồn nhân lực hiện hành không thể đáp ứng nhu cầu, còn việc tuyển dụng nguồn lao động chất lượng cao từ bên ngoài thì cực kỳ khó khăn.

Nhiều công ty cần tuyển những vị trí như trưởng phòng kế hoạch, trưởng phòng thí nghiệm, trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng kỹ thuật,... mới chỉ nghe tên thì có rất nhiều ứng viên đến dự tuyển nhưng khi phỏng vấn và xét tuyển thực tế thì hầu như không tuyển được ai. Như Kềm Nghĩa – một công ty trực tiếp sản xuất cũng đang đối diện với tình trạng thiếu hụt nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao. Một số doanh nghiệp đã đưa ra mức lương sau thuế từ 1.500 USD/tháng trở lên, thậm chí đạt đến mức 5.000 – 10.000 USD/tháng cùng hàng loại ưu đãi, phúc lợi để chiêu dụ nhân tài song cũng không tìm được người. Thị trường lao động đang khan hiếm tất cả các giám đốc, chuyên gia trên mọi lĩnh vực. Thậm chí, những người giỏi nhất về marketing trên thị trường hiện nay chỉ "đếm được trên đầu ngón tay". Với những vị trí cao cấp như vậy, nhiều công ty phải giành giật nhau để có được người tốt nhất.

Với việc Việt Nam gia nhập WTO, đầu tư trực tiếp của nước ngoài sẽ ồ ạt đổ vào Việt Nam, kéo theo nhu cầu lao động cấp cao đối với doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và đối với các doanh nghiệp khác trong cả nước nói chung sẽ càng rất lớn. Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cấp cao cần thiết cho mình trước thềm hội nhập thì khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp sẽ rất kém, thậm chí có thể bị loại ra khỏi "cuộc chơi".

Nguyên nhân thiếu hụt nguồn nhân lực cấp cao đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Nguồn nhân lực cấp cao đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay thiếu hụt trầm trọng theo lối ngoài nguyên nhân khách quan do nguồn nhân lực cấp cao cung ứng trên thị trường vừa thiếu, vừa yếu thì còn có nguyên nhân chủ quan là do doanh nghiệp chưa xem công tác nhân sự là công tác chiến lược của doanh nghiệp. Cụ thể là hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, theo đánh giá của tôi, đều xem phòng dân sự của doanh nghiệp như là một phòng làm các công tác "hành chính" như công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tuyển dụng, đào tạo, kỷ luật lao động theo đề nghị của các phòng, ban; tất cả các công tác liên quan nhân sự đều do phòng nhân sự đảm nhiệm...

Các doanh nghiệp Việt Nam chưa xem công tác nhân sự là công tác chiến lược và là công tác của tất cả các phòng, ban, các cấp trong doanh nghiệp đặc biệt là công tác đánh giá cán bộ, công tác quy hoạch cán bộ, công tác đào tạo và công tác tuyển dụng chưa được chú trọng đúng mức.

- Trong công tác đánh giá cán bộ, đa số các doanh nghiệp chưa xây dựng được hệ thống đánh giá cán bộ gắn với hiệu quả công việc thực hiện, do vậy việc đánh giá cán bộ tại doanh nghiệp còn mang tính chủ quan, cảm tính, gây mất lòng tin hay bất mãn đối với một số các bộ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho cán bộ "ra đi" nếu có cơ hội.

- Công tác quy hoạch cán bộ, hầu hết các Công ty TNHH, công ty cổ phần chưa chú trọng đến việc quy hoạch cán bộ. Việc này xuất phát từ việc các công ty chưa chú trọng hoặc chú trọng chưa đầu đủ đến việc xây dựng chiến lược dài hạn cho công ty, do vậy thực tế phát sinh đến đâu thì tuyển dụng hoặc đào tạo đến đó, chứ hiếm công ty nào thực hiện việc quy hoạch cán bộ trước và tổ chức các khâu chuẩn bị để hình thành đội ngũ cán bộ trong tương lai thông qua các công tác đào tạo và tuyển dụng.

Thực tế có một số doanh nghiệp có thực hiện quy hoạch cán bộ, nhất là các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, việc quy hoạch cán bộ của họ rất sơ sài, không đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể về năng lực của các cá nhân và tập thể để hướng tới thực hiện mục tiêu dài hạn mà doanh nghiệp đã xây dựng. Đa số các doanh nghiệp dựa trên một số tiêu chí về thân quen hoặc chính trị. Đặc biệt là việc quy hoạch thường không gắn kết chặt chẽ với kế hoạch đào tạo cán bộ nguồn. Điều này làm cho nguồn nhân lực quy hoạch khi đến giai đoạn cần thiết không đảm đương được nhiệm vụ mà tổ chức giao.

Bản sao lưu trữ

- Công tác đào tạo: hầu hết chưa coi trọng công tác đào tạo cán bộ trong doanh nghiệp. Vì vậy, hầu hết các doanh nghiệp tổ chức chưa tốt công tác đào tạo như phân tích nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các khoá đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo và việc theo dõi, đánh giá việc ứng dụng các thành quả đào tạo vào thực tiễn công việc trong doanh nghiệp.

- Công tác tuyển dụng:

+ Chính sách lương bổng và phúc lợi: Tình hình thiếu lao động cấp cao là tình hình chung của cả nước, trong khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay có chính sách lương bổng và phúc lợi là cao nhất nên hầu hết các nhân tài từ sinh viên giỏi mới khi ra trường cho đến các nhà quản lý giỏi và có kinh nghiệm lâu năm đều bị thu hút bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa dám mạnh dạn thuê lao động với mức lương cao như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trả (ví dụ Công ty Pepsi đã từng trả cho một Giám đốc tiếp thị người Việt Nam 7.000 USD/tháng). Và việc thuê mướn một người nước ngoài vào làm quản lý trong một doanh nghiệp Việt Nam càng là một điều lạ.

+ Văn hoá công ty: Đa số các công ty TNHH, công ty cổ phần Việt Nam lãnh đạo theo phong cách gia đình, quyền lực tập trung toàn bộ trong tay giám đốc. Vì vậy, nhân tài nếu có về doanh nghiệp thì sau một thời gian sẽ nhận thấy không phù hợp với văn hoá công ty đành phải "ra đi". Hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước lãnh đạo theo các thủ tục hành chính rất rườm rà và rất mất thời gian, thậm chí việc phân quyền ở một số doanh nghiệp còn rất hạn chế dẫn đến tình trạng một mệnh lệnh truyền đạt xuống tới nhân viên thừa hành rất chậm và thông tin phản hồi từ dưới lên trên cũng rất chậm. Từ đó dẫn đến việc ra quyết định không kịp thời, không tận dụng được cơ hội kinh doanh, không giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, không ứng phó kịp thời các thay đổi của thị trường, của khách hàng. Do vậy, các nhân sự cấp cao thấy rằng ở các doanh nghiệp này không thể phát huy được tài năng cho nên sẽ lần lượt "chào tạm biệt công ty" mà ra đi.

Kiến nghị

Trong nền kinh tế hội nhập hiện nay, đứng ở góc độ một doanh nghiệp Việt Nam, việc tổ chức nguồn nhân lực hiệu quả trong doanh nghiệp phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Cơ cấu này xuất phát từ chiến lược của doanh nghiệp. Việc lựa chọn chiến lược của doanh nghiệp lại phụ thuộc vào tình hình thị trường và năng lực hiện tại của doanh nghiệp.

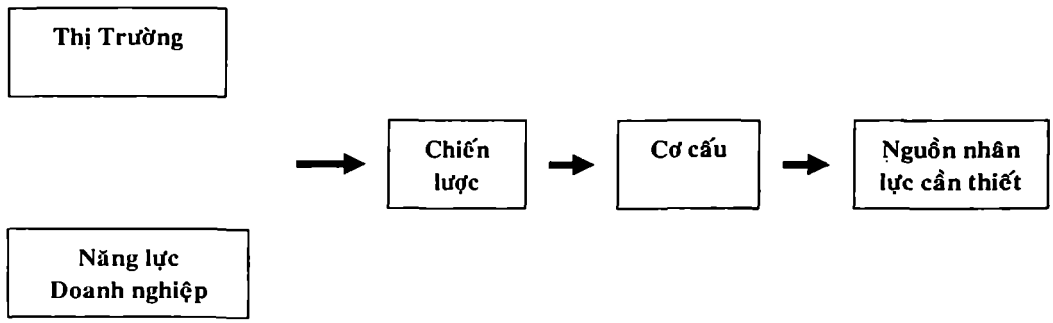

Mô hình xây dựng đội ngũ nhân sự cần thiết cho doanh nghiệp.

Nhìn vào mô hình trên ta thấy doanh nghiệp muốn phát triển tốt và đáp ứng thay đổi liên tục của thị trường trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế, thì khi chuẩn bị đội ngũ lao động cần thiết, chất lượng và hiệu quả, doanh nghiệp phải đặt vai trò của công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực từ tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp thì doanh nghiệp mới có khả năng thực hiện được các mục tiêu chiến lược đề ra. Trong đó nguồn nhân lực cấp cao chính là những nhân tố nòng cốt để vận hành cơ cấu hoạt động tốt và hiệu quả. Cụ thể như sau:

1- Xác định số lượng cán bộ công nhân viên cần thiết

Việc xác định số lượng cán bộ công nhân viên cần thiết phải dựa trên cơ cấu để thực hiện các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Số lượng lao động cần thiết này đòi hỏi phải xác định cụ thể cho từng bộ phận trong cơ cấu tổ chức và gắn với từng yêu cầu cụ thể cho từng vị trí, trong đó phải quan tâm đặc biệt đến các tiêu chuẩn của các lao động cấp cao. Từ đó, so sánh với khả năng, kinh nghiệm, và trình độ hiện tại của lực lượng nhân sự để tìm ra sự khác biệt, xác định các cán bộ tiềm năng có thể đảm nhận được những vị trí mới đề lên kế hoạch đào tạo và phát triển; những vị trí nào còn thiếu hoặc những vị trí nào mà những cán bộ hiện hành không thể đảm đương được trong tương lai để từ đó lên kế hoạch tuyển dụng.

2- Đào tạo và phát triển

- Doanh nghiệp phải tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo. Nhu cầu đào tạo không phải được lập trên cơ sở yêu cầu của các phòng, ban trong công ty

Bản sao lưu trữ

mà phải dựa trên cơ sở phân tích sự khác biệt giữa các tiêu chuẩn cần có của cán bộ công nhân viên trong cơ cấu tổ chức (hiện tại và tương lai) để các nhân sự có thể đảm nhận vị trí, công việc, trong cơ cấu tổ chức đó và các kiến thức, năng lực, kinh nghiệm hiện tại của các cán bộ trong công ty.

- Doanh nghiệp phải tiến hành phân tích nhu cầu phát triển nhân sự căn cứ trên cơ sở kế hoạch phát triển cơ cấu trong tương lai. Doanh nghiệp dựa vào kết quả xác định những cán bộ tiềm năng có thể đảm đương vị trí công tác mới trong tương lai hoặc cần thuyên chuyển cán bộ để có thể tận dụng tối đa khả năng của các cán bộ để từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển phù hợp, khoa học.

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo phải được doanh nghiệp nghiên cứu sâu sắc hiệu quả đào tạo bằng việc doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo bằng lớp học có kết hợp với thực hành hoặc vừa học vừa làm (trong tiếng Anh gọi là On-The-Job Training) hoặc do bên ngoài đào tạo (gồm trong nước hoặc đào tạo ở nước ngoài). Việc đào tạo thông thường nên gắn với hợp đồng ràng buộc làm việc sau đào tạo. Việc đào tạo ở nước ngoài đòi hỏi doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ hiệu quả ứng dụng cho doanh nghiệp sau đó vì chi phí đào tạo rất cao. Còn trong nước, doanh nghiệp cũng phải xem xét lựa chọn kỹ nhà cung cấp dịch vụ đào tạo phù hợp. Điều đặc biệt quan trọng là doanh nghiệp nên kết hợp giữa nội dung đào tạo và ứng dụng thực tế cho doanh nghiệp những kết qủa đào tạo hoặc thực hành trong quá trình đào tạo. Điều này sẽ nâng cao hiệu quả của chất lượng đào tạo lên rất nhiều và kích thích sự say mê học hành, đóng góp của các học viên trong quá trình tham gia đào tạo.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo của các nhà cung cấp dịch vụ đào tạo để luôn đảm bảo các khoá đào tạo cho cán bộ doanh nghiệp là hiệu quả nhất. Và doanh nghiệp cũng phải luôn thường xuyên đánh giá kết quả học tập của học viên, việc ứng dụng kết quả đào tạo của học viên qua từng thời kỳ như hàng quý, hàng năm.

3- Tuyển dụng

Việc tuyển dụng nhân sự không phải dựa trên cơ sở yêu cầu của các phòng, ban mà trước hết phải xác định xem công ty thực sự có nhu cầu tuyển dụng hay không? Bản thân các nhân sự trong công ty có thể đảm nhiệm vị trí, công việc cần tuyển dụng hay không? Nếu được thì chỉ cần thuyên chuyển hoặc phát triển lên thông qua kế hoạch đào tạo bổ sung là được. Khi thực sự cần thiết tuyển dụng từ bên ngoài thì mới liên hệ các nguồn tuyển dụng khác nhau để tuyển dụng. Nguồn tuyển dụng từ bên ngoài cũng phải được doanh

nghiệp đánh giá thường xuyên để xác định nguồn nào là phù hợp với từng loại nhân sự, từng loại công việc. Doanh nghiệp cũng nên mạnh dạn xem xét việc tuyển dụng nhân sự cấp cao là người nước ngoài.

Vấn đề khó khăn nhất cho việc tuyển dụng người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp Việt Nam là vấn đề lương bổng, các quyền lợi khác kèm theo như chế độ nhà ở, phương tiện đi lại,... và vấn đề văn hoá doanh nghiệp. Tôi cho rằng các công ty Việt Nam nên mạnh dạn xem xét phương án này vì theo tôi điều quan trọng là giá trị mà người lao động có thể đem lại cho công ty từ thành quả lao động của họ, nếu họ có khả năng đem lại giá trị gia tăng cho công ty cao hơn những chi phí công ty phải chi cho họ và những chi phí kéo theo khác thì tại sao chúng ta không sử dụng họ mặc dù tiền lương trả cho họ có thể rất cao? Còn vấn đề văn hoá doanh nghiệp thì đây lại là vấn đề nghệ thuật và tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp.

Trong giai đoạn hiện nay, các doanh nghiệp phải từng bước xem doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp toàn cầu thì mới có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp. Do vậy nếu cần thay đổi văn hoá doanh nghiệp theo hướng tích cực hơn thì doanh nghiệp cũng nên mạnh dạn mời người nước ngoài phù hợp tham gia vào guồng máy. Hiện tại Công ty Tín Nghĩa đang tổ chức xem xét tuyển dụng người nước ngoài vào vị trí lãnh đạo cấp cao là một tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần phải nghiên cứu xây dựng chính sách giữ người và phát triển người trong tương lai để tránh tình trạng tuyển người mới vào, đào tạo sau đó họ lại "ra đi" coi như "toi công".

4- Đánh giá cán bộ

Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ gắn với hiệu quả thực hiện công việc. Hệ thống này phải được xây dựng và thống nhất bởi tất cả cán bộ quản lý cấp cao của công ty. Theo quan điểm của tôi thì việc đánh giá cán bộ nên chia thành 3 cấp:

- Cấp quản lý cấp cao: đánh giá theo mục tiêu (Management By Objective).
- Cấp quản lý trung gian: đánh giá theo chỉ tiêu được giao (Target).
- Cấp thừa hành: đánh giá theo kết quả thực hiện công việc ô 5 (Tasks).

Kết quả đánh giá cán bộ là cơ sở để xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển cán bộ

Bản sao lưu trữ

Xây dựng văn hoá doanh nghiệp

Bên cạnh việc xem công tác nhân sự như là một phần trong chiến lược phát triển doanh nghiệp, để hỗ trợ phát triển nhân sự tốt hơn, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, doanh nghiệp cần nghiên cứu xây dựng cho được văn hoá tổ chức (xuất phát từ sứ mạng công ty, định hướng chiến lược lâu dài của công ty) để cán bộ công nhân viên dựa vào đó mà hành xử, chia sẻ các giá trị, và đóng góp ngày càng nhiều hơn cho công ty. Tránh duy trì văn hoá công ty theo cách xa rời với sứ mạng công ty và định hướng phát triển lâu dài của công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập hiện nay, các doanh nghiệp không nên duy trì văn hoá kiểu gia đình, tập quyền, hoặc mang nặng tính hành chính, thủ tục, làm trì trệ hệ thống, làm chậm tiến trình ra quyết định, và làm cho doanh nghiệp mất đi cơ hội kinh doanh hoặc không kịp ứng phó với những thay đổi của thị trường, của khách hàng.

Văn hoá công ty còn là niềm tự hào của tất cả các cán bộ công nhân viên về công ty trong quá trình làm việc, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh mà trong đó các lãnh đạo cấp cao của công ty chính là những người đi đầu trong việc thực hiện và làm gương về văn hoá công ty. Văn hoá công ty phù hợp sẽ tạo môi trường làm việc và hành xử hài hoà cho toàn thể cán bộ công nhân viên, là cơ sở gắn bó của tất cả cán bộ công nhân viên, làm cho họ phải đắn đo khi bị doanh nghiệp khác "lôi kéo ra đi".

Tóm lại, đứng ở giác độ một doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay, việc chuẩn bị đội ngũ nhân sự cấp cao cho công ty luôn là một yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi công ty phải xem công tác nhân sự là một phần trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược của công ty và phải có sự tham gia của tất cả các phòng, ban trong công ty thì doanh nghiệp mới đảm bảo được sức cạnh tranh mạnh mẽ.

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

THEO HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Thế giới đang thiếu nghiêm trọng nhân lực công nghệ thông tin (CNTT), trong khi đó VN đang có tiềm năng con người dồi dào. Khâu then chốt là làm thế nào để biến thế mạnh tiềm năng này thành nguồn tài nguyên làm giàu cho đất nước?

Phát triển chưa cân xứng!

Đào tạo nguồn nhân lực CNTT đang là vấn đề lớn, quan tâm nhất hiện nay, bởi nó tạo đà cho nhiều ngành kinh tế khác phát triển. Số liệu thống kê cho thấy, số lao động trong các doanh nghiệp viễn thông của ta hiện nay là 81 nghìn người với tổng doanh thu trên 2,37 tỷ USD; 100 nghìn nhân lực trong các doanh nghiệp công nghiệp phần cứng, điện tử; 18 nghìn người trong các doanh nghiệp phần mềm và 21 nghìn lao động trong các doanh nghiệp nội dung số. Tuy nhiên, trên thực tế, số phần trăm nhân lực có năng lực nghiệp vụ và trình độ của chúng ta mới chỉ đáp ứng phần nào. Trong khi đó, với tốc độ phát triển CNTT như hiện nay, để đáp ứng nhu cầu xã hội thì cần rất lớn về tri thức lẫn trình độ công nghệ hóa.

Thống kê chưa đầy đủ cho thấy, trong 3 năm qua, số lượng các cơ sở đào tạo về CNTT tăng rất nhanh. Nếu như năm 2006 toàn quốc mới chỉ có 192 cơ sở đào tạo về CNTT, thì đến năm 2007 con số này đã tăng lên tới 220 và sang đến năm 2008 là 2235 cơ sở. Chỉ tiêu tuyển sinh trên toàn quốc ngành CNTT cũng tăng rất nhanh trong 3 năm qua. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2008 khoảng 50.000 – tăng 125% so với năm 2007 (39.000) và tăng 160% so với con số 30.000 của năm 2006. Nếu bình quân tỷ lệ sinh viên ra trường là 70%, thì trong 3 năm 2010-2012 tới, hệ thống đào tạo của Việt Nam cung cấp cho thị trường khoảng 90.000 lao động CNTT. Số lượng ngành nghề là tương đối đa dạng phong phú và về cơ bản phù hợp với nhu cầu phát triển nhanh chóng của ngành.

Xã hội hóa nguồn đào tạo

Theo Bộ trưởng Bộ TT & TT Lê Doãn Hợp, để CNTT & TT Phát triển, cần những giải pháp đột phá, như phát triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao; liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Theo ông Phạm Tấn Công, Tổng thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp phần mềm VN, thì việc đào

tạo cần được đẩy mạnh theo hướng đột phá. Muốn vậy thì phải xã hội và thị trường hóa đào tạo. Ông Phạm Tấn Công cho rằng, VN đã khẳng định sức mạnh to lớn về nguồn nhân lực. Cụ thể VN đã có 720 DN với trên 25.000 lập trình viên. Trong năm 2007, tập đoàn IBM đã đến VN với kế hoạch đào tạo 1.000 kỹ sư và trong năm 2008 có thêm 1.000 kỹ sư nữa. Bên cạnh đó FPT cũng đã triển khai mở trường đại học đào tạo CNTT theo các đơn hàng của Microsoft, các doanh nghiệp Nhật Bản, Australia với yêu cầu đáp ứng 3.000 kỹ sư phần mềm. Theo các chuyên gia đây, là điều đáng mừng, song cũng là thách thức không nhỏ đối với nguồn cung nhân lực CNTT. Nhận xét về nguồn nhân lực CNTT ông Nguyễn Trọng Đường – vụ phó vụ CNTT cho biết: Nhân lực hoạt động trong lĩnh vực CNTT bao gồm các loại hình: ứng dụng CNTT, công nghiệp phần mềm và nội dung số, công nghiệp điện tử, quản lý cao cấp về CNTT và một số chuyên ngành khác. Hiện nay mảng thiếu nhất là nhân lực phục vụ công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số. Bên cạnh đó, hiện ở Việt Nam hầu như không có cơ sở nào thực hiện đào tạo chuyên gia quản lý về CNTT. Về chất lượng, trong những năm gần đây đã có những tiến bộ đáng kể. Nhiều sinh viên tốt nghiệp đã đủ trình độ làm việc với các công ty nước ngoài hoặc trực tiếp tham gia vào thị trường lao động cao quốc tế như Singapore, Nhật Bản, kể cả Hoa Kỳ. Song chất lượng đào tạo là một quá trình cần phải liên tục được cải thiện, nhất là do sự phát triển rất nhanh của công nghệ. Vì vậy, chất lượng đào tạo CNTT hiện nay vẫn chưa được xã hội đánh giá cao.

Thời gian qua, đi đầu trong sự đột phá đào tạo nguồn nhân lực CNTT chính là FPT, khi doanh nghiệp này thành lập trường đại học để đào tạo nhân lực. Nhưng một mình FPT chưa đủ. Theo các chuyên gia VN, Nhật Bản và Hàn Quốc thì VN cần có nhiều hơn nữa mô hình đào tạo nhân lực CNTT theo hướng xã hội hóa, quốc tế hóa và thị trường hóa. Ngay đầu năm 2008, Tổ chức Xúc tiến phát triển công nghiệp phần mềm Hàn Quốc đã đến VN và tìm kiếm sự hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Tiến xa hơn, Đại sứ quán Nhật Bản, Tổ chức Jetro, Bộ Thông tin & Truyền thông cùng với Vinasa đã tổ chức các cầu nối quan hệ 2 nước về vấn đề chính sách và đào tạo nhân lực. Theo các chuyên gia Nhật Bản, chính phủ cần có đột phá trong chính sách và tăng cường công tác đào tạo chuẩn thế giới. Để có được điều này, sự tham gia của xã hội, quốc tế rất là quan trọng. Hiện Jetro đang cùng với Vinasa hợp tác xây dựng chuẩn này, nhằm tham chiếu và cung cấp nhân lực chất lượng cho thị trường.

Bản sao lưu hành

Theo ông Phạm Tấn Công, việc xã hội hóa, quốc tế hóa dịch vụ đào tạo còn thỏa mãn yêu cầu liên thông quốc gia và quốc tế. Tinh thần chung sự đột phá là cần coi đào tạo CNTT là một loại hình dịch vụ có lợi nhuận. Sự đột phá này sẽ giúp VN có bước tiến dài hơn trong đào tạo nhân lực, đồng thời huy động được sức mạnh xã hội và quốc tế cho công tác này. Đặc biệt, VN sẽ không thua thiệt trong việc đào tạo rồi bị DN nước ngoài lấy mất người. Các chuyên gia nhận định: có được sự đột phá này, VN sẽ trở thành cường quốc CNTT, cường quốc nhân lực CNTT trong 10 năm tới. Các chuyên gia cho rằng, nếu lao động Việt Nam có lợi thế chi phí thấp nhưng không có kỹ năng và tri thức phù hợp, thì sẽ không có giá trị đối với nhà đầu tư và chúng ta mất đi cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài để tăng tốc phát triển trong 20 năm tới.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

CHÂN DUNG VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

Đặng Minh Châu*

Trong bối cảnh nước ta đã gia nhập vào sân chơi chung của kinh tế thế giới, một số lượng lớn các CEO của Việt Nam đã, đang và sẽ cần cho những ngày sắp tới. Vậy thì, chân dung của những CEO Việt Nam sẽ như thế nào?

Theo tôi, trước hết đó phải là những người có phong cách lãnh đạo đổi mới, có tầm nhìn, năng động, có tâm, có tài và đức.

Những CEO hiện nay của Việt Nam phần lớn là các chủ doanh nghiệp hoặc các nhà đầu tư kiêm nhiệm, bao biện chứ không chuyên nghiệp hoá như các nước khác, nơi mà các CEO được chuyên nghiệp hoá như một nghề chuyên môn. Vì thế, phong cách lãnh đạo cũng mang dáng dấp kiểu gia đình, các quyết định thường mang tính áp đặt, thông tin một chiều từ trên xuống và thương sa đà vào các hoạt động thường nhật. Ngoài ra, xu hướng kinh doanh nhờ vào các mối quan hệ mà trong đó tài sản "đặc quyền phân phát" cũng ảnh hưởng không nhỏ đến phong cách lãnh đạo. Hiệu quả của phong cách này sẽ bị hạn chế rất nhiều trong thời kỳ đổi mới – thời kỳ của sự năng động và thế giới phẳng.

Theo xu hướng đổi mới, phong cách lãnh đạo phù hợp hơn sẽ là yếu tố quyết định cho sự hội nhập theo dòng chảy. Nên chăng, phong cách lãnh đạo mới của các CEO Việt Nam là ngoài việc có tư cách đạo đức tốt, quyết đoán, tự tin, người lãnh đạo của thời kỳ mới phải biết vận dụng sáng tạo và linh hoạt các kỹ năng quản lý "tham gia theo nhóm" để tạo điều kiện phát huy tối đa sức mạnh cá nhân và tập thể trên con đường đi đến thành công của doanh nghiệp.

Một trong những điểm chưa mạnh của CEO Việt Nam là tầm nhìn và sự năng động thường bị đánh giá là: "ăn xổi ở thì, bóc ngắn cắn dài".

Do phần lớn các CEO nội địa đều tự học hỏi, thiếu đào tạo chuyên nghiệp, những hạn chế như kém ngoại ngữ, thiếu kiến thức về công nghệ thông tin, thiếu kiến thức về luật pháp trong kinh doanh quốc tế, thiếu kinh nghiệm trên thương trường, thiếu tinh thần đoán kết "hợp quần gây sức mạnh" sẽ gây không ít khó khăn trong việc đối mặt với các thử thách sắp tới khi mà "chuyên nghiệp" và "nguồn lực" là yếu tố quyết định.

Điều kiện cần và đủ hiện nay là phải tăng tốc trong việc đào tạo đội ngũ kế thừa tự trang bị, củng cố các kỹ năng yếu kém, liên kết để tạo thế mạnh, chỗ đứng trên thị trường trước cơn lốc WTO. Tôi tin rằng, sức ép của thị trường về yêu cầu đổi mới và sự cạnh tranh của các CEO người nước ngoài trong thời gian tới sẽ giúp cho lực lượng CEO Việt Nam trưởng thành và "cứng cáp hơn".

Người Việt Nam từ xưa cho rằng làm quan tốt phải có đủ các đức tính "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" – đó là những yếu tố của tài và đức.

Tâm là tinh hoa của các đức tính trên và là nền tảng cho tài và đức. Chữ tâm của CEO trong thời kỳ hội nhập có thể hiểu như "máu kinh doanh" của các nhà doanh nghiệp. Đó là tâm huyết, được thể hiện ở sự tận tâm với công việc. Có tâm huyết CEO sẽ vượt qua được tất cả các trở lực trong đời thường, hết lòng vì công ty vì tập thể, vì xã hội. Đó còn là lương tâm, đạo đức trong kinh doanh, là ý thức làm ăn lương thiện, kinh doanh hợp pháp. Tâm của CEO chân chính không cho phép kinh doanh bất hợp pháp, lừa đảo, chạy theo lợi nhuận bằng bất cứ giá nào.

Toàn cầu hoá là quy luật tất yếu. Con đường hội nhập đang ngày càng ngắn dần, sức ép của kinh tế thị trường ngày càng gay gắt, hiệu quả công việc và thời gian là điều kiện tiên quyết trong thế giới phẳng. "Hoà hợp hay hoà tan" đang trông chờ ở các CEO Việt Nam.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

CHÂN DUNG CEO TRONG THẾ GIỚI PHẲNG

Lâm Quyền Quý

Ngày nay, trên khắp các phương tiện thông tin đại chúng, người ta thường nhắc đến thế giới của chúng ta ngày càng phẳng do yếu tố hội nhập toàn cầu. Do đó, CEO không còn là CEO của một doanh nghiệp, của một quốc gia, mà là CEO trong "một thế giới phẳng". Để phác họa được chân dung của CEO trong "thế giới phẳng", trước tiên chúng ta cùng nhau tìm hiểu sơ lược về thuật ngữ "Thế giới phẳng".

Tại sao thế giới chúng ta đang sống ngày càng phẳng? Đó là do thời đại kỹ thuật số phát triển phá bỏ ranh giới giữa các quốc gia thông qua việc kết nối internet. Đó là do các Hiệp định thương mại song phương, đa phương loại bỏ dần các hàng rào thuế quan giữa các nước, tạo điều kiện phát triển tự do hoá mậu dịch xuất nhập khẩu. Đó chính là thế giới của hội nhập – một thế giới mà trong đó việc cạnh tranh giữa các quốc gia sẽ diễn ra rất ác liệt. Doanh nghiệp trong mỗi quốc gia thực sự đối mặt với những khó khăn và thách thức lớn từ sự phẳng hoá toàn cầu. CEO cũng vậy, sẽ chịu chung áp lực thay đổi buộc họ phải vận dụng hết tài năng của mình để lãnh đạo doanh nghiệp phát triển thịnh vượng.

Trong phạm vi bài này, chỉ tập trung mô tả hai nét nổi bật nhất của chân dung CEO trong "thế giới phẳng": *Tố chất và tư duy.*

Tố chất của CEO trong "thế giới phẳng" là yếu tố cốt lõi của sự thành đạt. Ngoài những tố chất bẩm sinh như chỉ số IQ, EQ cao, CEO còn phải sở hữu thêm một số tố chất đặc biệt như tính nhạy bén chính xác trong việc ra quyết định, tính ứng biến nhanh, linh hoạt giúp ứng xử với những thay đổi của thời cuộc, và tính cầu toàn nhằm hướng mọi việc được thực hiện một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, một tố chất không thể thiếu ở người CEO là tính kiên trì không lùi bước trước mọi hoàn cảnh, dù khó khăn đến đâu cũng phải nỗ lực tìm ra giải pháp tối ưu để mang lại hiệu quả cao nhất, hạn chế những thiệt hại thấp nhất cho doanh nghiệp. Tóm lại, CEO cần phải có niềm tin vững chắc vào những hoài bão (vision), sứ mệnh (mission) mà mình đề ra.

Tư duy của CEO trong môi trường hội nhập càng đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết vì nó có tính quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.

Thứ nhất là *tư duy chiến* lược để định hướng lâu dài và chi phối mọi hoạt động của doanh nghiệp. Người CEO phải vạch ra một con đường, một phương pháp để đạt được những mục tiêu do (vision) và (mission) đề ra.

Thứ hai là *tư duy hệ thống* để vận hành cỗ máy doanh nghiệp. Người CEO buộc luôn đứng ngoài cỗ máy để vận hành một cách hiệu quả, chẩn đoán đúng bệnh và kịp thời bảo trì doanh nghiệp của họ. Nếu không, người CEO rất dễ tự biến mình thành bất kỳ một linh kiện nào đó trong cỗ máy doanh nghiệp mà cuối cùng tự ngã bệnh và kiệt sức.

Thứ ba là *tư duy logic* giúp người CEO suy luận hợp lý theo qui trình. CEO trong "thế giới phẳng" phải thường xuyên sử dụng nhiều loại công cụ để đánh giá, nhất là công cụ SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu bên trong doanh nghiệp cũng như nhận biết được nguy cơ và cơ hội của môi trường bên ngoài để đưa ra một chiến lược hợp lý cho sự phát triển doanh nghiệp trong từng giai đoạn.

Thứ tư là *tư duy khái quát* giúp người CEO có tầm nhìm rộng hơn, sâu hơn trong mọi vấn đề. CEO trong "thế giới phẳng" cần phải sử dụng thêm đầu óc quan sát để có cái nhìn khách quan hơn và sâu sát hơn. Khi có vấn đề phải giải quyết thì phân tích cặn kẽ để tìm ra nguyên nhân cốt lõi để giải quyết mọi vấn đề một cách triệt để.

Cuối cùng là *tư duy sáng tạo* giúp người CEO dễ dàng tiếp thu sáng kiến, ý tưởng mới để không bị tụt hậu. CEO trong "thế giới phẳng", phải rất năng động, biết sử dụng một cách hiệu quả sức mạnh của tập thể để đưa ra những kế sách vượt trội, những ý tưởng táo bạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Đối với những vấn đề ngoài khả năng giải quyết, CEO phải biết sử dụng tư vấn bên ngoài, nguồn lực bên ngoài để không bị dừng chân tại chỗ.

Qua một số mô tả về hai nét đặc trưng liên quan của chân dung một CEO trong "thế giới phẳng", bản thân mỗi CEO thử tự nhìn lại xem đã hội đủ những tư duy và tố chất đó chưa? Bởi vì chỉ một ít tư duy và tố chất là do thiên phú, còn lại phần lớn đều đòi hỏi sự nỗ lực tự rèn luyện của chính bản thân. Trong bối cảnh hội nhập, chúng ta không những phải tự thay đổi để thích nghi với môi trường phẳng của thế giới mà còn phải ra góp sức cho quá trình phẳng hoá đó. Vì vậy đòi hỏi CEO phải tự vươn lên để trở thành một CEO toàn cầu. Điều đó có nghĩa là mọi sự suy nghĩ và hành động phải thật nhanh, chính xác, và vượt bậc so với đối thủ. Để đảm bảo sự bền vững của doanh nghiệp, CEO nên chú trọng đến hệ quả sau này hơn là thành quả trước mắt. Trong quản lý,

CEO cần phải loại bỏ chủ nghĩa anh hùng cá nhân, nên tập trung phát huy sức mạnh tập thể, kết hợp với việc khai thác hiệu quả những lợi thế của quốc gia để biến nó thành lợi thế cạnh tranh cho chính doanh nghiệp mình nói riêng và cho quốc gia nói chung.

Đã đến lúc Việt Nam ta cạnh tranh với thế giới không phải lúc nào cũng phụ thuộc vào nhân công rẻ, mà là bằng chất xám, bằng những giá trị, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra từ chất xám đó. Muốn được vậy, CEO cần phải học hỏi rất nhiều để bổ sung thêm những kiến thức chuẩn trong quản lý, cũng như những kinh nghiệm của thế giới. Chúng ta có thể học ở trường, nơi làm việc, học ở đồng nghiệp, bạn bè, khách hàng hoặc ngay cả ở đối thủ cạnh tranh.

Tóm lại, CEO trong hội nhập kinh tế quốc tế cần phải biết "tu thân" – tề gia – trị "doanh nghiệp", bình "thị trường". CEO ta phải suy nghĩ theo kiểu toàn cầu hoá nhưng vẫn không quên hành động theo địa phương (Think globally, act locally), phải biết ứng dụng những khoa học kĩ thuật tiên tiến của thế giới vào doanh nghiệp mà không quên đi bản sắc của dân tộc mình – "hòa nhập mà không hòa tan". Đây là tư duy mấu chốt cho sự thành đạt trên đường sự nghiệp của một CEO trong thế giới phẳng – một thế giới không rào cản về cả không gian lẫn thời gian.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA MỘT KHU CÔNG VIÊN PHẦN MỀM TẬP TRUNG

Nguyễn Đức Hiền

Công ty Phát triển CVPM Quang Trung

Lợi thế cạnh tranh của một Khu Công viên phần mềm tập trung (Khu CVPM TT) là nhân tố chính tác động đến quá trình quyết định đầu tư của một nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào Khu CVPM TT đó. Tìm ra lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT là rất cần thiết để giúp cho các nhà quản lý và vận hành một Khu CVPM TT có được những biện pháp cụ thể để tạo lập, duy trì và vận dụng tối đa, có hiệu quả các lợi thế cạnh tranh của nó nhằm thực hiện tốt việc thu hút các nhà đầu tư và các doanh nghiệp mới tham gia vào đầu tư và hoạt động tại một Khu CVPM TT.

Mô hình Khu CVPM TT đã được phát triển khá phổ biến tại các nước trên thế giới. Nó đặc biệt có ý nghĩa và cần thiết đối với các nước đang phát triển bởi nó tạo ra một khu vực có môi trường khác biệt so với môi trường kinh doanh thông thường – nhằm khắc phục những nhược điểm của môi trường kinh doanh thông thường tại các nước đó – nhưng vẫn đảm bảo được những tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh đặc thù của ngành Công nghiệp phần mềm (CNPM) theo tiêu chuẩn quốc tế.

Trong một quốc gia có nhiều Khu CVPM TT, tất yếu sẽ có sự cạnh tranh của các Khu CVPM TT với nhau. Hơn thế, trong thời buổi hội nhập kinh tế quốc tế, sự cạnh tranh không chỉ dừng ở phạm vi một quốc gia, mà còn là sự cạnh tranh trong một vùng, một khu vực, một phần châu lục ... Sự cạnh tranh ấy được thể hiện cụ thể ở việc làm sao thực hiện được các mục tiêu: thu hút được nhiều nhà đầu tư, nhiều doanh nghiệp (gọi chung là khách hàng của Khu CVPM TT) tham gia vào mình, và để các khách hàng này của mình tồn tại và phát triển không ngừng. Trong cuộc cạnh tranh đó, lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT chính là yếu tố giúp cho nó thực hiện được các mục tiêu nói trên, giúp nó có được những thành công trong phát triển theo kế hoạch đã đề ra ngay từ ban đầu.

Bản sao lưu trữ

Trong phạm vi bài viết này, từ tổng hợp, nghiên cứu và thực tiễn của Khu Công Viên Phần Mềm Quang Trung, sẽ đề cập đến lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT.

VỀ LỢI THẾ CẠNH TRANH

Lợi thế cạnh tranh đã là một yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Có rất nhiều nhà kinh tế học đã nghiên cứu yếu tố này. Có nhiều khái niệm và phân tích về lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, dưới đây xin đề cập đến một số phân tích tiêu biểu:

Theo The Mc.Graw-Hill Companies, Inc (1997), phần Strategy and Competitive Advantage, thì một công ty có lợi thế cạnh tranh chỉ khi nào nó có lợi thế hơn đối thủ trong việc thu hút khách hàng và bảo vệ chống lại các đối thủ cạnh tranh. Cũng theo tài liệu này thì lợi thế cạnh tranh có được bởi nhiều nguồn: có sản phẩm tốt hơn trên thị trường, có dịch vụ giao hàng và chăm sóc khách hàng tốt hơn, có chi phí sản xuất và lưu thông thấp hơn so với đối thủ, nằm ở vị trí địa lý thuận lợi hơn so với đối thủ, có công nghệ độc quyền, có thời gian phát triển và thử nghiệm sản phẩm mới ngắn hơn đối thủ, có danh tiếng và có thương hiệu tốt, và cung cấp cho người mua những sản phẩm có nhiều giá trị hơn so với đồng tiền mà khách hàng phải bỏ ra (những sản phẩm cùng lúc thỏa ba điều kiện: chất lượng tốt – dịch vụ tốt – giá cả chấp nhận được). Mặc dù vậy, về bản chất, để thành công trong việc xây dựng lợi thế cạnh tranh, chiến lược của một công ty phải nhằm mục tiêu vào việc: cung cấp cho người mua sản phẩm mà chính họ cảm nhận được rằng – đó là một sản phẩm tốt nhưng giá rất rẻ, một sản phẩm tốt đáng để bỏ tiền ra mua nó.

Theo Michael E.Porter trong Competitive Advantage – Creating and Sustaining Superior performance (New York: free press, MacMilan, 1986) – một lợi thế cạnh tranh có thể là kết quả từ những nỗ lực trong các khâu khác nhau của một tổ chức: cắt giảm chi phí sản xuất, nghiên cứu và phát triển (Research & Develop – R&D) mang tính đổi mới, đầu tư tài chính cho hệ thống phân phối mới... Bất kể là gì, thì một lợi thế chỉ thành công nếu nó giúp cho tổ chức đó thỏa mãn khách hàng tốt hơn vài đối thủ cạnh tranh.

Quá trình tồn tại và phát triển của một tổ chức trong nền kinh tế thị trường bị tác động bởi rất nhiều yếu tố – trong đó yếu tố cơ hội đột phá (breakthrough opportunity) được quan tâm rất lớn. Theo George S.Day and Robin Wensley ("Assessing Advantages: A framework for diagnosing competitive superiority" "Journal Of marketing", April 1988, pp. 1-20), cơ hội

đột phá (breakthrough opportunity) là loại cơ hội rất quan trọng mà mọi công ty đều tìm kiếm. Đó là loại cơ hội giúp cho các công ty phát triển những chiến lược marketing độc đáo đem lại lợi ích trong thời gian dài về sau. Thế như theo Kevin P.Coyne, ("Sustainable competitive advantage – What it is, what it isn't", Business Horizons, January/February 1986, pp. 54-61) thì: Mặc dù một tổ chức không tìm ra được một cơ hội đột phá nào, thì nó cũng phải cố gắng giành được một lợi thế cạnh tranh để gia tăng những cơ hội về sự tồn tại hay thuận lợi của mình. Nói như vậy – một lần nữa các nhà kinh tế học chỉ cho thấy vai trò quan trọng của lợi thế cạnh tranh đối với một tổ chức là như thế nào.

Như vậy, về bản chất, nếu phân theo đặc tính thu hút – thì lợi thế cạnh tranh của một tổ chức chứa đựng các yếu tố: tạo ra những thuận lợi khác biệt hơn so với đối thủ, và tạo ta những ưu đãi hơn so với đối thủ.

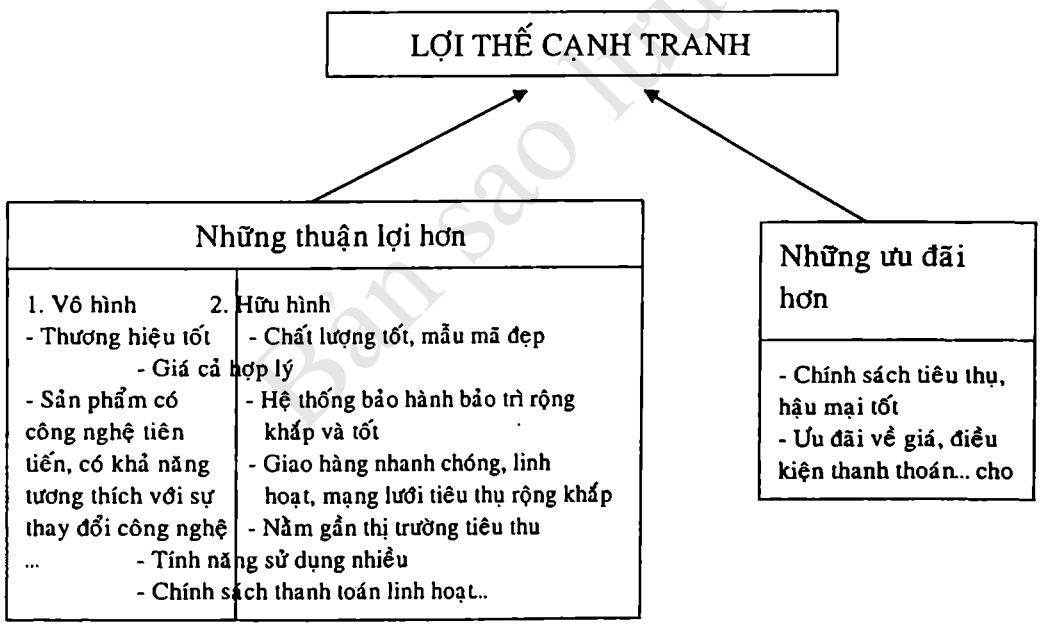

Hình 1. Mô hình Lợi thế cạnh tranh của một tổ chức

Bản sao lưu trữ

LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA MỘT KHU CÔNG VIÊN PHẦN MỀM TẬP TRUNG

Như đã đề cập ở trên, một Khu CVPM TT trong một quốc gia hay địa phương có nhiều Khu CVPM TT cũng sẽ phải đương đầu với sự cạnh tranh giữa chúng với nhau. Vận dụng lý thuyết về lợi thế cạnh tranh từ những khái niệm và mô hình như đã nêu ở phần trên, cùng với việc nghiên cứu tổng hợp và thực tiễn tham gia quản lý vận hành Công viên Phần mềm Quang Trung (CVPM QT) – xin đưa ra các nhân tố tạo ra lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT so với các đối thủ khác như sau:

I. Những ưu đãi cho khách hàng:

Đối với một Khu CVPM TT, các ưu đãi thể hiện ở các yếu tố:

I.1 – Sự trợ giúp và ưu đãi từ chính quyền các cấp:

Sự trợ giúp và ưu đãi từ chính quyền các cấp (chính phủ, tỉnh/ thành phố) thể hiện ở các chính sách ưu đãi về thuế, giá thuê đất ...; các trợ giúp về nguồn vốn, về tham gia các chương trình nghiên cứu và phát triển, hợp tác ... Sự trợ giúp của chính quyền các cấp có ý nghĩa vô cùng quan trọng khi Khu CVPM TT nằm trong chương trình phát triển kinh tế – xã hội trọng điểm của chính phủ hay địa phương nào đó. Sự trợ giúp này thể hiện ở ba cấp độ:

1. Cấp quốc tế:

- Cho phép hỗ trợ cho Khu CVPM TT tham dự các đợt khảo sát hay xúc tiến đầu tư do chính phủ hay chính quyền địa phương tổ chức tới các thị trường bên ngoài. Thông qua các chuyến khảo sát và xúc tiến này, giới công nghệ thông tin (CNTT) và Công nghiệp Phần mềm (CNPM) thế giới sẽ biết đến Khu CVPM TT đó như một địa chỉ được chính phủ sở tại và chính quyền địa phương quan tâm đặc biệt.

- Cho phép trực tiếp hoặc tạo điều kiện tối đa tham gia các chương trình hợp tác quốc tế (như CVPM QT có chương trình vườn ươm Doanh nghiệp phần mềm hợp tác giữa chính phủ Việt Nam và Cộng đồng châu Âu: chính phủ và chính quyền thành phố Hồ Chí Minh đã giao cho CVPM QT là đối tác trực tiếp để thực hiện chương trình này).

- Cho phép kết nối internet trực tiếp với backbone quốc tế. Chính sách này đã giúp cho Khu CVPM TT có được một hạ tầng viễn thông – internet

Bản sao lưu trữ

gần hơn với chuẩn quốc tế, cũng như có được ngay đối tác quốc tế uy tín trong lĩnh vực CNTT.

2. Cấp quốc gia:

- Tham dự Chương trình Đào tạo nhân lực của chính phủ để qua đó trở thành một địa chỉ quen thuộc với giới CNTT tại các địa phương, tạo cơ hội thâm nhập vào thị trường "chi tiêu ngân sách nhà nước cho phát triển CNTT" trong thời gian sau.

- Cấp vốn đầu tư cho một số dự án từ nguồn vốn chính phủ (Như CVPM QT có dụ án mạng Viễn thông CVPM QT giai đoạn 2: Chính phủ đã cấp vốn hơn một triệu USD cho dự án này).

- Ban hành các chính sách ưu đãi (Thuế doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thủ tục, giá giao thuê đất đặc trưng, trợ giá viễn thông...).

- Các nhà lãnh đạo cao cấp của nhà nước đến thăm và làm việc tại Khu CVPM TT. Các cuộc viếng thăm này là việc khẳng định sự quan tâm, ủng hộ tối đa của chính phủ, Nhà nước cho việc phát triển của Khu CVPM TT đó.

- Các cơ quan ngoại giao nước ngoài đến thăm và làm việc; Các đại sứ của nước sở tại tại các nước đến thăm và làm việc... như là một kênh tiếp thị hữu hiệu về năng lực và môi trường của Khu CVPM TT đó đến với cộng đồng quốc tế.

3. Cấp Tỉnh/ Thành phố:

- Chương trình hỗ trợ lãi vay (như CVPM QT được thành phố ưu tiên cho các nhà đầu tư tham gia vào đây được vay vốn từ nguồn vốn kích cầu – trong đó thành phố hỗ trợ lãi suất từ 50-100% trong thời hạn từ 7-10 năm) giúp cho CVPMTT có được nguồn lực tài chính để khai triển nhanh hơn các dự án đầu tư của mình, tạo điều kiện đón bắt cơ hội và tăng tốc phát triển.

- Thiết lập kênh chỉ đạo trực tuyến nhằm tháo gỡ kịp thời những vướng mắc.

- Cấp vốn đầu tư hạ tầng cơ sở vật lý, kỹ thuật...

- Các ưu đãi đặc biệt khác: hỗ trợ kinh phí cho các Doanh nghiệp trong Khu CVPM TT tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư ở nước ngoài, tham gia các hội thảo quốc tế chuyên ngành, tham gia các Hội chợ triển lãm chuyên ngành....; hỗ trợ kinh phí cho vận chuyển đưa rước CBCNV của doanh nghiệp làm việc trong Khu CVPM TT (Như CVPM QT;

Bản sao lưu trữ

các doanh nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí xe đưa rước CBCNV từ trung tâm thành phố lên làm việc tại đây)...

I.2 – Các ưu đãi trọn gói của Khu CVPM TT:

Các ưu đãi trọn gói của Khu CVPM TT là bằng chứng thể hiện rõ nét nhất sự khác biệt của nó so với các đối thủ cạnh tranh. Ưu đãi và hỗ trợ của chính quyền các cấp là nhân tố bên ngoài tác động vào, có thể dài hạn hoặc ngắn hạn và Khu CVPM TT không thể kiểm soát tốt được. Nhưng các ưu đãi trọn gói của Khu CVPM TT lại là nhân tố bên trong mà nó có thể hoàn toàn làm chủ được, và cần thiết phải xây dựng để tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Làm thế nào để duy trì được những ưu đãi cạnh tranh dài hơi luôn là chiến lược mà CVPM phải thực hiện. Các ưu đãi trọn gói của Khu CVPM TT có thể là:

- Giá thuê văn phòng để thực hiện các hoạt động sản xuất và dịch vụ phần mềm thấp (như tại CVPM QT: 4.5 USD/m^2/tháng so với 10 USD/m^2/tháng so với Etown hoặc 23 USD/m^2/tháng so với SSP (Saigon Software Park – 123 Trương Định).

- Dịch vụ trọn gói với chi phí thấp: giúp các khách hàng dễ dàng hạch toán chi phí và chú tâm vào các hoạt động của mình (Như tại CVPM QT có dịch vụ trọn gói 1 USD/m^2/tháng so với giá thành 1.41 USD/m^2/tháng – gồm các chi phí cho nước sinh hoạt, vệ sinh văn phòng, bảo vệ chung, bảo trì điện – điện lạnh. Trong khi các nơi khác thường không có dịch vụ này. Và nếu có thì mức giá là 4.5 - 5 USD/m^2/tháng).

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển – đưa rước CB-CNV (như tại CVPM QT mức hỗ trợ là 50% trên chi phí).

- Marketing miễn phí khách thuê văn phòng cho các nhà đầu tư.

- Chính sách một cửa miễn phí (Free-one-stop-shop services) cho các thủ tục thành lập, cấp phép.

- Hỗ trợ giá cước viễn thông internet, chi phí triển lãm, hội thảo.

- Miễn phí giới thiệu và tìm cơ hội việc làm, tuyển dụng, khai thác mặt bằng cho các chủ đầu tư.

II. Những điều kiện thuận lợi cho khách hàng:

Một khu CVPM TT không chỉ mong chờ vào các ưu đãi thật tốt để có được sự thành công cho mình, mà mặt khác phải luôn lưu ý rằng: khách hàng cũng luôn cân nhắc các điều kiện thuận lợi của Khu CVPM TT đó. Dù những

ưu đãi của Khu CVPM có tốt mấy đi chăng nữa mà điều kiện thuận lợi của Khu CVPM TT có thể phân chia thành hai loại: Các điều kiện thuận lợi vô hình và các điều kiện thuận lợi hữu hình. Cụ thể:

1. Các điều kiện thuận lợi vô hình của một Khu CVPM TT:

Đối với một Khu CVPM TT, phần lớn các điều kiện thuận lợi vô hình có *được từ môi trường bên ngoài, có tác động chung lên hoạt động của các nhà* đầu tư mới và các doanh nghiệp hiện có. Các nhân tố như: chính sách, quy định, tính toàn cầu hóa, văn hóa, năng lực công nghệ, bí quyết là những điều kiện thuận lợi vô hình. Do vậy, Khu CVPM TT cần phải có các biện pháp tạo lập, duy trì và tận dụng thật tốt các điều kiện thuận lợi vô hình để tạo ra những lợi thế cạnh tranh cho mình. Cụ thể là:

- Chính sách, quy định: Khu CVPM TT phải chủ động tổ chức nhiều diễn đàn, các cuộc gặp mặt giữa lãnh đạo trung ương và địa phương với các doanh nghiệp/ Nhà Đầu Tư; phối hợp chặt chẽ với Hội Tin Học và các Sở, Ngành kiến nghị lên tỉnh/ thành phố và chính phủ ban hành, điều chỉnh một loạt chính sách và quy định liên quan... nhằm tạo nên một hệ thống các chính sách, quy định ưu đãi và thiết thực cho sự phát triển chung của lĩnh vực CNTT và Khu CVPM TT *đó nói riêng.*

- Văn hóa: Khu CVPM TT nhất thiết phải tạo ra được nét văn hóa riêng biệt và rõ ràng ngay từ ban đầu. Theo nghiên cứu các khu CVPM TT trên thế giới, nét văn hóa đặc trưng của hầu hết CVPM TT là: không ô nhiễm. Công nghiệp phần mềm, CNTT và dịch vụ phục vụ chất lượng quốc tế được chào đón vào nó để làm việc và đầu tư. Văn hóa Doanh nhân thể hiện rõ: không sợ thất bại. Việc tạo lập nét văn hóa này sẽ giúp Khu CVPM TT có một sự khác biệt vượt trội không sợ thất bại – cạnh tranh toàn cầu.

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cùng với những yêu cầu đặc thù của ngành công nghiệp phần mềm (CNPM), Khu CVPM TT cũng phải luôn nhắm tới mục tiêu: hội nhập vào thế giới CNPM. Khu CVPM TT phải có sự quan tâm lớn lao đến việc kết nối, thiết lập quan hệ hợp tác với các tập đoàn CNTT toàn cầu. Nó cũng phải có những biện pháp cụ thể để đạt được mục tiêu này.

- Một điểm nữa, Khu CVPM TT có thể hình thành và phát triển năng lực công nghệ, bí quyết công nghệ thông qua các biện pháp: khai thác tốt tiềm năng khoa học kỹ thuật, R&D, khả năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước của địa phương, tận dụng và khai thác tối đa các lợi thế này của địa phương thông qua các chương trình hợp tác, liên kết với Hội Tin học, với các trường

Bản sao lưu trữ

đại học, trung tâm đào tạo CNTT và các tổ chức khác nằm trên địa phương nhằm thu hút các doanh nghiệp/ nhà đầu tư mới đến với mình.

2. Các điều kiện thuận lợi hữu hình của một Khu CVPM TT:

Áp dụng lý thuyết về lợi thế cạnh tranh, từ nghiên cứu và thực tiễn triển khai xây dựng và phát triển Khu CVPM QT – xin nêu ra các điều kiện thuận lợi hữu hình cơ bản của một Khu CVPM TT – phân chia theo đặc tính thu hút – bao gồm các nhân tố như sau:

i. Hạ tầng kỹ thuật:

Hạ tầng kỹ thuật tốt, hoàn chỉnh là một đòi hỏi tất yếu, tiên quyết mà ngay từ đầu, một Khu CVPM TT phải tính toán và đầu tư nếu muốn thu hút được khách hàng. Hệ thống đường xá nội khu hoàn chỉnh, hệ thống chiếu sáng, cấp nước sạch, xử lý nước thải, điện... hoàn chỉnh và hiện đại, đương nhiên sẽ tạo ra những lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT so với các đối thủ của nó.

ii. Cấu trúc bộ máy:

Điều hiển nhiên là: một bộ máy gọn nhẹ, phân cấp và phân quyền thật rõ ràng sẽ tốt hơn, ưu việt hơn một bộ máy cồng kềnh, chồng chéo, trách nhiệm không rõ ràng – nguyên nhân của việc làm nản lòng các nhà đầu tư/ doanh nghiệp chỉ cần liên hệ với một đầu mối duy nhất để được thỏa mãn mọi nhu cầu về thủ tục pháp lý liên quan, thúc đẩy quá trình triển khai đầu tư nhanh chóng và thuận lợi. Bài học của cấu trúc bộ máy "một cửa – tại chỗ" đang áp dụng tại Khu CVPM QT là một ví dụ tốt về cấu trúc bộ máy cho một Khu CVPM TT.

iii. Các Hiệp Hội:

Vai trò của các Hiệp hội, hội, các Câu lạc bộ là rất quan trọng đối với mô hình hoạt động của các Tổ hợp các hoạt động có liên quan đến công nghệ – yếu tố cấu thành của một Khu CVPM TT. Chúng vừa là nhu cầu của các khách hàng trong một Khu CVPM TT, vừa đem lại những lợi ích thiết thực cho các thành viên của chúng. Đó là: tạo sân chơi tinh thần cho lực lượng trẻ – một lực lượng chiếm tỷ trọng lớn tại các Khu CVPM TT (Như hoạt động của các tổ chức Đoàn Thanh Niên); các lợi ích thiết thực cho các hội viên về thị trường, nguồn nhân lực, cơ hội hợp tác... (Như Hội Tin Học Tp.HCM – HCA, Hiệp Hội các Doanh Nghiệp Phần Mềm Việt Nam – VINASA); các chương trình hỗ trợ và xúc tiến đầu tư cho CNPM (hội thảo, triển lãm, hội chợ, hội

Bản sao lưu trữ

nghị chuyên ngành về CNPM và CNTT, giới thiệu đối tác hợp tác...) do Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC) tổ chức...

iv. Giao thông:

Như các Khu công nghiệp nói chung, một Khu CVPM TT có sẵn một hệ thống giao thông bên ngoài tốt, dễ dàng và thuận tiện trong việc đi lại tới Trung Tâm đô thị, tới một sân bay quốc tế, tới các trường, viện nghiên cứu, tới các khu du lịch, nghỉ mát, thư giãn... tất nhiên có được những lợi thế trong cạnh tranh so với đối thủ. Đây là yếu tố cấu thành lên "chất lượng sống" cho một Khu CVPM TT. Yếu tố này phần lớn phụ thuộc vào vị trí địa lý của một Khu CVPM cụ thể, nhưng cũng là một yếu tố vô cùng quan trọng – trong những điều kiện thuận lợi của một Khu CVPM TT, và các nhà phát triển một Khu CVPM TT phải có sự lưu tâm đặc biệt đến yếu tố này khi có ý định triển khai một Khu CVPM TT mới.

v. Hạ tầng cho R&D và nguồn nhân lực được đào tạo chính quy:

Trong nghiên cứu khả thi cho CVPM QT, các tác giả đã nhấn mạnh mối quan hệ trường – viện là mối quan hệ tất yếu và là điều kiện cần của một Khu CVPM TT thành công. Y nghĩa quan trọng nhất của Khu CVPM TT là cung cấp một môi trường mà ở đó tạo điều kiện thuận tiện cho việc trao đổi nguồn nhân lực, các ý tưởng, nhân lực, thiết bị giữa các công ty và một tổ chức nghiên cứu chủ đạo, điển hình là một trường đại học hay một Viện nghiên cứu chuyên ngành CNPM/CNTT. Ngược lại, Trường đại học hay một viện nghiên cứu đựa vào các đòi hỏi thực tiễn của các công ty trong Khu CVPM TT để có các chiến lược đào tạo dài hạn thích ứng cho sinh viên của mình nhằm thúc đẩy và đạt hiệu quả tối đa các quá trình chuyển giao kỹ thuật và công nghệ.

Mặt khác Khu CVPM TT tạo ra nhiều cơ hội mới cho các công ty lớn. Đó chính là: Khu CVPM TT là một trung gian lý tưởng cho các công ty lớn khởi tạo các Nhóm dự án mới hướng vào các dịch vụ và sản phẩm công nghệ; Khu CVPM TT bổ sung các nhược điểm của công ty lớn về chiến lược phát triển và đa dạng hóa của mình; và cuối cùng là các hợp tác giữa các công ty lớn và các công ty nhỏ có công nghệ tiên tiến tại Khu CVPM TT đang là hướng đi của cả hai phía nhằm tìm ra cơ hội đột phá cho các bên tham gia hợp tác.

Như vậy, một Khu CVPM TT có điều kiện thuận lợi cạnh tranh tốt hơn so với đối thủ nếu nó có được yếu tố Hạ tầng cho R&D và nguồn nhân lực được đào tạo chính quy tốt hơn đối thủ của mình. Yếu tố này phần lớn cũng

phụ thuộc vào vị trí địa lý của một Khu CVPM cụ thể, và các nhà phát triển một Khu CVPM TT phải có sự lưu tâm đặc biệt đến yếu tố này khi có ý định triển khai một Khu CVPM TT mới.

vi. Quy hoạch mặt bằng và tiêu chuẩn cho các Tòa nhà thông minh:

- Về quy hoạch tổng thể mặt bằng: Do các yếu tố truyền thống như gần chợ, nguồn nguyên liệu... thì lại không liên quan đến công nghệ phần mềm, nên chất lượng môi trường đảm nhiệm một vai trò cá biệt về vị trí của công nghệ phần mềm. Do vậy, quy hoạch tổng thể mặt bằng của Khu CVPM TT là công việc ngay từ đầu phải được tính toán và hoạch định khoa học hợp lý. Nó phải là giải pháp tối ưu để giải quyết triệt để ba mục tiêu: Tạo một hình ảnh lôi cuốn các nhà đầu tư và các nhà phát triển dự án tiềm năng; Tạo một bầu không khí kích thích sáng tạo thực sự cho việc phát triển phần mềm và các chức năng liên quan; Tạo một chương trình hữu hiệu để xây dựng các lĩnh vực hoạt động đa dạng trong một cơ sở tiện ích theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Về các Tòa nhà thông minh: Các " Tòa nhà thông minh" là một phần không thể khác của không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan tại một Khu CVPM TT. Các Tòa nhà thông minh này phải có những yêu cầu rất chi tiết, cụ thể và thống nhất về vận hành, về kiến trúc, về các tiêu chuẩn "thông minh" (như: sàn nhà nâng cao, phân cách cáp điện nguồn và các dữ liệu, phòng trang thiết bị viễn thông, ống dẫn cáp, máy lạnh, hệ thống an ninh tòa nhà, hệ thống phát điện dự phòng khi có sự cố, UPS, PCCC, hệ thống tích hợp), về quy cách kỹ thuật, về bố trí không gian cho tòa nhà... Có thể nói: các "Tòa nhà thông minh" là điều kiện đủ bắt buộc, giúp cho quy hoạch tổng thể mặt bằng của Khu CVPM TT thực hiện được ba mục tiêu như đã nêu trên đây. Và đồng thời với việc quy hoạch tổng mặt bằng tốt, sẽ thật sự tạo nét, hình ảnh riêng biệt duy nhất và độc đáo của Khu CVPM TT đó.

vii. Mạng và truyền thông:

Nhân tố này là một trong những nguyên liêu chính cho các hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ phần mềm. Lý do quan trọng nhất để xây dựng Khu CVPM TT chính là có nhu cầu lớn về đường truyền Internet băng thông rộng mà ít tốn kém để khuyến khích ngành phát triển phần mềm. Một Khu CVPM TT được quyền thiết lập và vận hành một hệ thống Cổng kết nối Vệ tinh Quốc tế độc lập/ hay kết nối trực tiếp với mạng backbone Internet mà không phải vượt qua bức tường lửa sẽ cung cấp kết nối Internet rẻ hơn và cũng giải quyết được sự nghẽn mạch do bức tường lửavà vấn đề băng thông

truy cập bị hạn chế gây ra, tạo ra những điều kiện thuận lợi đặc biệt cần thiết và quan trọng cho các hoạt động sản xuất phần mềm hay dịch vụ phần mềm.

Như vậy, một Khu CVPM TT có hệ thống mạng và truyền thông thỏa mãn các yêu cầu:

- Internet băng thông rộng, không bị nghẽn mạch do bức tường lửa.

- Dịch vụ đa dạng, giá cước rẻ sẽ tạo ra sự thuận lợi tốt cho các khách hàng của mình, và đương nhiên có được một lợi thế cạnh tranh tốt hơn so với đối thủ. Đây cũng chính là nhân tố, đặc trưng then chốt và nổi bật của một Khu CVPM TT xét ở khía cạnh "những thuận lợi" trong kinh doanh. Và vì vậy, bất kỳ ở một Khu CVPM TT nào cũng phải chú tâm tới nhân tố này.

viii. Các dịch vụ tổng quát bổ trợ:

Đây là nhân tố cấu thành và tác động đến chất lượng sống và kinh doanh tại một Khu CVPM TT. Các dịch vụ tổng quát sẽ đáp ứng các nhu cầu ăn, ở, đi lại, vui chơi giải trí; các dịch vụ văn phòng và dịch vụ sau lưng văn phòng; các dịch vụ môi giới, tư vấn... Một Khu CVPM TT với các dịch vụ tổng quát thiếu thốn và yếu kém về chất và lượng – sẽ không đảm bảo giữ chân được khách hàng của mình – cho dù có được hạ tầng kỹ thuật và các ưu đãi tốt đến mấy.

ix. Các thuận lợi khác:

a. Nguồn điện:

Một đòi hỏi rất quan trọng khác đối với nguồn điện cho một Khu CVPM TT là nguồn điện phải luôn được ổn định – bởi lẽ một sự cố mất điện sẽ gây ra những tổn thất không thể lường trước được và không thể tính toán chính xác được mức độ thiệt hại đối với hoạt động sản xuất và dịch vụ phần mềm (mất, hư dữ liệu...). Một Khu CVPM TT có nguồn điện chất lượng ổn định liên tục, giá cả hợp lý – đương nhiên là một nhân tố tạo ra điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các khách hàng của mình. Và chính vì vậy, nó đóng một vai trò lớn trong việc tạo lợi thế cạnh tranh cho mình.

b. Hệ thống các dịch vụ tài chính – bảo hiểm – ngân hàng:

Đây là một hệ thống tất yếu phải có và phải hoạt động tốt tại Khu CVPM TT nhằm cung cấp và hỗ trợ các dịch vụ thanh toán quốc tế, thanh toán bằng thẻ tín dụng; các nguồn vốn vay ngắn, trung và dài hạn cho các dự án đầu tư và kinh doanh; các nguồn vốn đầu tư mạo hiểm, các dịch vụ bảo hiểm. Môi trường làm việc kinh doanh quốc tế hóa của Khu CVPM TT đòi

Bản sao lưu trữ

hỏi bắt buộc phải có hệ thống này, Do vậy, nhà quản lý và khai thác một Khu CVPM TT phải sớm triển khai việc kí kết và hợp tác chặt chẽ với Hãng Bảo Hiểm và các Ngân hàng có uy tín; với các tổ chức, quỹ tín dụng; quỹ đầu tư mạo hiểm... để hoàn thiện môi trường kinh doanh trong nó – góp phần tạo thêm các điều kiện thuận lợi cho các khách hàng của mình.

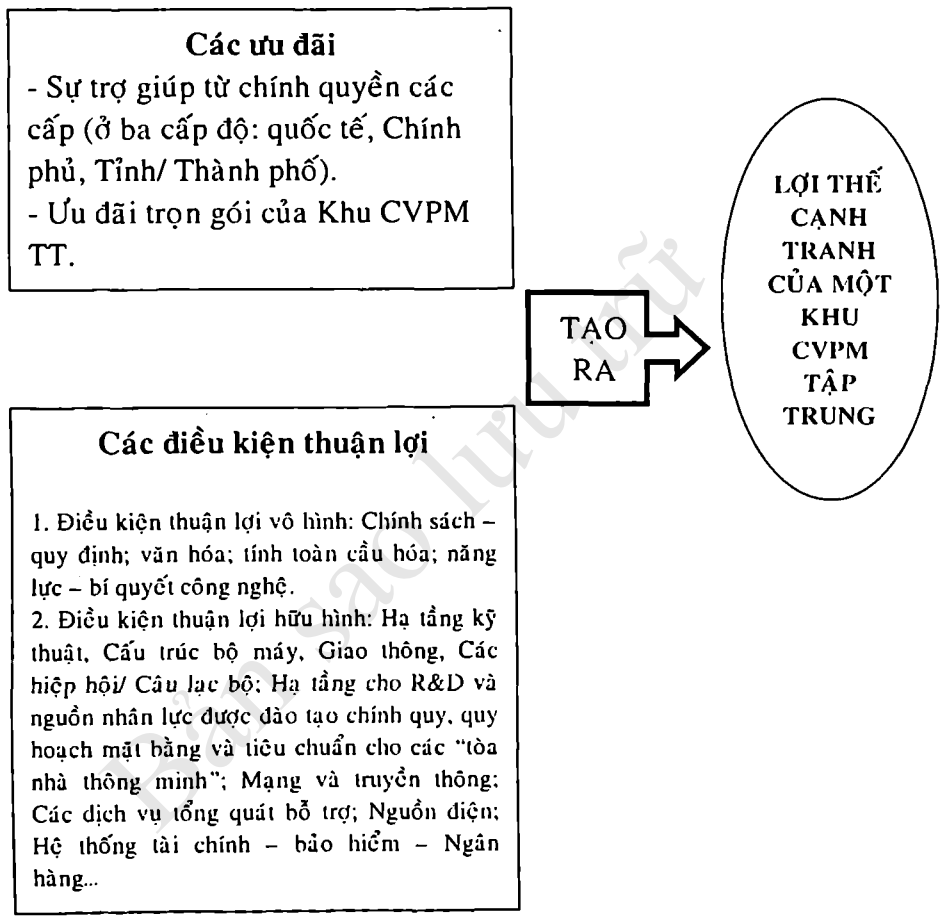

Hình 2 – Các nhân tố hình thành Lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT:

Tóm lại: Việc chi ra những nhân tố hình thành lợi thế cạnh tranh của một Khu CVPM TT – trên thực tế giúp chúng ta có cái nhìn chi tiết hơn, khoa học

hơn khi quản lý và vận hành một Khu CVPM TT cụ thể. Một mặt nó giúp nhà quản lý và vận hành Khu CVPM TT có những biện pháp cụ thể mang tính khoa học và có hiệu quả để tạo lập, để tận dụng tối đa các yếu tố tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Khu CVPM TT đó, qua đó giúp nó phát triển thành công và đúng như kế hoạch đã đề ra từ ban đầu. Mặt khác, ở góc độ vĩ mô, nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách phát triển các cấp thận trọng hơn khi quyết định cho hình thành và phát triển một Khu CVPM TT mới – nhằm tránh những lãng phí chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, việc tìm ra các biện pháp, giải pháp cụ thể để thu hút đầu tư cho từng Khu CVPM TT cụ thể vẫn là vấn đề lớn cần tiếp tục được nghiên cứu. Vấn đề này cần tiếp tục làm sáng tỏ thông qua giải quyết các nội dung sau đây:

- Phân tích SWOT (Strong-Weakness-Opportunities-Threats) chung cho các Khu CVPM TT tại Việt Nam.

- Các biện pháp để thu hút các nhà doanh nghiệp mới/ các nhà đầu tư tham gia vào một Khu CVPM TT tại Việt Nam.

Đây là những định hướng sẽ được tiếp tục nghiên cứu, khảo sát và tổng hợp trong tương lai.

Bản sao lưu trữ

** Trích: Kinh tế Việt Nam - Hội nhập và phát triển bền vững - Chủ biên: GS, TS Hồ Đức Hùng – Nhà xuất bản Thông Tấn, 2007.*

20 NĂM ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI

VŨ KHOAN
Nguyên Bí thư T.Ư Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ

20 năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật về đối ngoại, đưa đất nước ra khỏi tình trạng bị bao vây cô lập, mở rộng hơn bao giờ hết quan hệ quốc tế cả về chính trị lẫn kinh tế, không ngừng nâng cao vị thế ở khu vực và trên thế giới, tạo ra môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về chiến tranh và hòa bình

Bên cạnh việc đánh giá thời đại và những mâu thuẫn của thời đại, việc đánh giá khả năng chiến tranh và hòa bình luôn luôn có tầm quan trọng đặc biệt đối với vận mệnh của các dân tộc cũng như đối với việc hoạch định chính sách.

Nếu như Nghị quyết Trung ương 9 (khóa III) còn nêu: "Nhân dân các nước đứng trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới", thậm chí tại Đại hội VI vẫn đánh giá rằng, chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân lại lớn như hiện nay thì Đại hội VIII đã nêu nhận định: "Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi" và đến Đại hội IX, Đảng ta nói rõ thêm: "Trong vài thập kỷ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới". Cách tiếp cận mới về mặt này bắt nguồn từ sự đánh giá rằng: "Hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới" (Đại hội VIII) được khẳng định lại tại Đại hội IX: "Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc".

Vả lại hai cuộc chiến tranh thế giới diễn ra trong thế kỷ 20 đều bắt nguồn từ sự giành giật quyết liệt giữa các nước đế quốc; ngày nay mâu thuẫn giữa họ với nhau không hề thuyên giảm, song trong tương quan giữa họ vừa có một siêu cường vượt trội có điều kiện áp đặt ý muốn của mình bằng nhiều phương cách, vừa có một sự "cân bằng" nào đó giữa các trung tâm chủ yếu, tính tùy thuộc lẫn nhau rất lớn và đã hình thành những cơ chế cần thiết để dung hòa lợi ích. Hơn nữa, một cuộc chiến tranh thế giới trong điều kiện ngày nay khó tránh khỏi trở thành chiến tranh hạt nhân hủy diệt, mọi nước tham chiến đều sẽ gánh chịu những hậu quả không thể lường được.

Mặt khác, Đảng ta không hề nuôi ảo tưởng về một thế giới êm đềm, sóng yên biển lặng. Trái lại, Đại hội VIII đã nhấn mạnh, "xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi". Mỗi hiện tượng trên đều bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhiều trường hợp có nguồn gốc từ sự bất công đưa tới tình trạng bần cùng của nhiều quốc gia, nhiều tầng lớp dân cư, từ chủ nghĩa cường quyền, dưới chiêu bài này hay chiêu bài khác, nhiều khi rất mỹ miều, áp đặt ý muốn, mô hình phát triển mà thực chất là quyền thống trị c ủa mình đối với các quốc gia, dân tộc khác. Bất luận thế nào thì lời kêu gọi thuở nào của chiến sĩ chống phát-xít nổi tiếng người Tiệp Khắc Iu-li-út Phu-xích: "Loài người này hãy cảnh giác" trong cuốn Viết dưới giá treo cổ vẫn còn nguyên giá trị!

Về cách mạng khoa học – công nghệ và quá trình toàn cầu hóa

Đi đôi với việc phân tích các khía cạnh chính trị – xã hội của thế giới ngày nay, Đảng ta đã dành mối quan tâm tới sự đánh giá các chiều hướng phát triển của lực lượng sản xuất mà nổi lên là cuộc cách mạng khoa học – công nghệ và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, ảnh hưởng trực tiếp sự phát triển của nước ta.

Thật ra, Đảng ta đã đề cập rất sớm sự phát triển của khoa học – công nghệ trên thế giới. Ngay tại Đại hội lần thứ II của Đảng trong rừng Việt Bắc, Báo cáo chính trị đã đánh giá rằng, "Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại. Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (television) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển thiên nhiên".

Tới Đại hội IV (1976), cách mạng khoa học – kỹ thuật đã được coi là "then chốt" trong ba cuộc cách mạng (bên cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng về tư tưởng văn hóa).

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đại hội VI nhấn mạnh, "Một đặc điểm nổi bật là cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất".

Và trong Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII đã nhận định rằng, "Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.

Bản sao lưu trữ

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra một cách mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là những nước lạc hậu về kinh tế".

Các Đại hội VIII và IX của Đảng đều khẳng định những nhận định nêu trên, đặc biệt trong văn kiện Đại hội IX có hai nét mới là: Đã đánh giá "kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất; thay vì nêu khái niệm "quốc tế hóa" đã nhấn mạnh một khái niệm rộng hơn về phạm vi và sâu hơn về nội dung là: "toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh".

Ngoài những vấn đề nêu trên, Đại hội VIII và Đại hội IX còn chỉ ra những xu thế chủ yếu về hòa bình, ổn định và hợp tác, về sự liên kết kinh tế; về ý thức độc lập, tự chủ của các dân tộc; các nước XHCN, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ kiên trì đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; các nước có chế độ chính trị – xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình...

Những nhận thức trên không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, ảnh hưởng trực tiếp việc hoạch định đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Đương nhiên, bức tranh toàn cảnh của thế giới ngày nay và nhất là của cả thời đại quá độ còn rộng lớn, đa dạng hơn nhiều và biến đổi không ngừng, các văn kiện của Đảng ta không thể bao quát hết; dư địa cho sự nghiên cứu sâu sắc hơn, toàn diện hơn còn rất lớn, đòi hỏi phải huy động trí tuệ sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân để có những đánh giá, dự báo đầy đủ hơn, chuẩn xác hơn.

Những sự đổi mới trong đường lối, chính sách đối ngoại

Xuất phát từ những nhận thức mới về thời đại và những xu thế chủ yếu trong thế giới ngày nay, từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã có những sự đổi mới rất sâu sắc về đường lối và chính sách đối ngoại.

Điều có tầm quan trọng hàng đầu là xác định chuẩn xác mục tiêu của đường lối, chính sách đối ngoại. Đối với nước nào cũng vậy, hoạt động đối

ngoại không theo đuổi những mục đích tự thân mà là sự nối tiếp của chính sách đối nội, phục vụ ba yêu cầu gắn bó mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau là "an ninh, "phát triển" và "vị thế quốc tế" của đất nước. Đối với nước ta sau ngày thống nhất đất nước, mục tiêu của đường lối đối ngoại luôn luôn được xác định là phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nói một cách khác, mục tiêu của đường lối đối ngoại bao gồm hai vế: nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế.

Cái mới là khi bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta coi việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế- xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Điều đó cũng dễ hiểu vì một khi đất nước đã giành được độc lập, thống nhất đồng thời lại đứng trước nguy cơ tụt hậu về trình độ phát triển kinh tế so với nhiều nước khác thì nhiệm vụ trung tâm của nước ta là phát triển kinh tế – xã hội. Chính sách đối ngoại tất yếu phải phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm này.

Ở đây cần nhấn mạnh rằng, hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn luôn gắn bó mật thiết với nhau; nước không mạnh thì khó bề củng cố lực lượng vũ trang về mặt trang bị kỹ thuật để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, nhất là trong hoàn cảnh ngày nay không thể trông mong vào sự tài trợ vật chất từ bên ngoài cho sự nghiệp này, mặt khác không bảo vệ được an ninh cho Tổ quốc thì cũng không thể có điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế. Đồng thời cũng cần nói rõ rằng, cách đặt vấn đề như trên hoàn toàn không có nghĩa là Đảng ta rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chỉ khư khư chăm lo cho lợi ích của nước mình; trên thực tế chúng ta luôn luôn cố gắng đóng góp vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ của nhân dân thế giới dưới những hình thức thích hợp.

Để đạt được mục tiêu chủ yếu trong đường lối đối ngoại, điều có ý nghĩa rất quan trọng và xác định chuẩn xác tư tưởng chỉ đạo. Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) đã nhấn mạnh tư tưởng "giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí và hoàn cảnh của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có thể quan hệ".

Cách đặt vấn đề như vậy vừa phản ánh một đặc điểm nổi bật của "trường phái ngoại giao Việt Nam" từ ngàn xưa theo tinh thần "lạt mềm buộc chặt" được phát triển lên thành nghệ thuật trong thời đại Hồ Chí Minh với

phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến", vừa phản ánh thực tế rất đa dạng, đầy biến động trong thế giới ngày nay. Thực tiễn mấy chục năm qua chứng tỏ rõ rệt rằng, ngoại giao Việt Nam chỉ giành thắng lợi một khi quán triệt hai mặt gắn quyện chặt chẽ với nhau: giữ vững nguyên tắc đi đôi với vận dụng sách lược linh hoạt.

Phù hợp với cách đề cập trên, tiếp nối tư tưởng "thêm bạn bớt thù", tính đến thực tế khách quan hết sức đa dạng trong thế giới ngày nay, Đảng ta đã xác định một phương châm nay trở nên rất quen thuộc là "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế". Đa dạng hóa, đa phương hóa ở đây được hiểu là trên cả ba mặt: đối tượng, hình thức quan hệ và chủ thể tham gia.

Về đối tượng quan hệ, Đại hội VI đã đưa ra khẩu hiệu "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" và Đại hội IX bổ sung thêm ý Việt Nam không chỉ sẵn sàng là bạn mà còn sẵn sàng là "đối tác tin cậy" của các nước trong cộng đồng quốc tế. Tiếp đó, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) đã đưa ra một khái niệm rất mới về đối tượng và đối tác, phân tích một cách biện chứng rằng, trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác vẫn có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên tinh thần đó chúng ta đã ra sức thiết lập và phát triển quan hệ với mọi quốc gia có chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau. Cũng với tinh thần ấy về đường lối của Đảng và đoàn thể quần chúng, chúng ta đã thiết lập quan hệ ở mức độ khác nhau với nhiều đảng phái, tổ chức, lực lượng khác nhau.

Đi đôi với cách tiếp cận trên chúng ta theo đuổi một phương châm khác là: Trong quan hệ quốc tế luôn luôn có hai mặt hợp tác và đấu tranh. Về phần mình chúng ta luôn luôn mong muốn và ra sức thúc đẩy mặt hợp tác bình đẳng cùng có lợi song cũng không chấp nhận và kiên quyết đấu tranh với những hành vi xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của nước ta. Chúng ta tiến hành cuộc đấu tranh này không để phá vỡ sự hợp tác mà nhằm làm cho sự hợp tác lành mạnh hơn.

Điều đó không có nghĩa là chúng ta theo chủ nghĩa trung dung, thái độ ba phải, không phân biệt trắng đen. Chúng ta vẫn phải lấy thước đo giai cấp và dân tộc để phân biệt phải trái, song trong hành xử thì tình hình thực tế và lợi ích của đất nước đòi hỏi phải có cách tiếp cận hết sức biện chứng và linh hoạt, lấy lợi ích cao nhất, của dân tộc làm thước đo.

Về hình thức quan hệ, ngoại giao ngày nay không chỉ tập trung vào quan hệ chính trị mà các nội dung kinh tế, văn hóa và quốc phòng – an ninh chiếm vị trí ngày càng quan trọng. Các mối quan hệ này gắn quyện với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, trong đó quan hệ chính trị (bao gồm cả quốc phòng – an ninh) là tiền đề, quan hệ kinh tế, là cơ sở, quan hệ văn hóa là nhân tố góp phần gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Cái mới nữa là trong xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa, bên cạnh quan hệ song phương, quan hệ đa phương thể hiện trong sự giao lưu trên các diễn đàn, tổ chức đa phương có vai trò rất lớn. Không phải ngẫu nhiên mà trong thời gian vừa qua Nhà nước ta đã gia nhập và tích cực hoạt động trong hàng loạt tổ chức khu vực và quốc tế, đóng góp phần mình vào việc bảo vệ hòa bình, chủ quyền của các dân tộc, thiết lập trật tự chính trị và kinh tế quốc tế dân chủ và bình đẳng, đẩy mạnh hợp tác vì sự phát triển.

Một hướng mới rất quan trọng nữa là các Đại hội VIII và IX đã đặt cao nhiệm vụ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế do nhu cầu nội tại của nền kinh tế nước ta cần mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH cũng như từ nhận thức về xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

Về các chủ thể tham gia thì nước ta vốn có truyền thống huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cùng tham gia các hoạt động đối ngoại. Ngày nay truyền thống ấy vẫn được phát huy với nét mới là: Bên cạnh các hoạt động của Đảng, Chính phủ và các đoàn thể chính trị – xã hội, Quốc hội, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan quốc phòng – an ninh, các địa phương, các doanh nghiệp cũng rầm rộ "vào trận".

Trong thời kỳ đổi mới, với nhận thức "họ hàng xa không bằng láng giềng gần" chúng ta luôn dành ưu tiên cao cho việc xây dựng và củng cố quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước láng giềng trên cả ba tầng nấc: Các nước có chung biên giới, các nước trong khu vực Đông – Nam Á và các nước Châu Á – Thái Bình Dương. Nói một cách khác, ưu tiên hàng đầu của chúng ta là tạo ra môi trường quốc tế liên quan trực tiếp nhất tới sự ổn định và sự phồn vinh của nước ta.

Mặc dù trước sau như một chúng ta luôn phấn đấu cho bình đẳng giữa các quốc gia song có một thực tế là các nước và các trung tâm lớn vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong thế giới ngày nay, kể cả đối với an ninh và sự phát triển của nước ta, do đó chúng ta không thể không dành mối quan tâm thỏa đáng tới quan hệ với họ.

Nói vậy không có nghĩa là chúng ta xem nhẹ mối quan hệ với các nước, các lực lượng cách mạng và tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình và công lý vốn có quan hệ truyền thống với nước ta, đã từng hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, thống nhất đất nước. Với nhận thức như vậy, chúng ta không những không lãng quên bạn bè mà còn làm mọi việc có thể để không ngừng củng cố quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước và các lực lượng này.

Trên đây là một số sự đổi mới trong nhận thức về thế giới đương đại cũng như trong đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới; do khuôn khổ bài viết có hạn nên chỉ có thể đề cập dưới dạng giản lược. Hơn nữa tình hình thế giới còn diễn biến hết sức phức tạp, cho nên không thể nghĩ rằng mọi việc đều đã an bài, những nhận thức và chủ trương có được đã là chân lý cuối cùng. Trái lại cuộc sống đòi hỏi phải luôn luôn bám sát thực tế, vận dụng sáng tạo phương pháp luận khoa học để đánh giá ngày càng sâu sắc và chuẩn xác hơn cục diện thế giới, đề ra đường lối, chính sách hoàn chỉnh hơn, phục vụ đắc lực hơn hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công cuộc CNH, HĐH, vươn tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

ĐỖ HOÀI NAM
Nguyên Ủy viên T.Ư Đảng,
Nguyên Chủ tịch Viện khoa học Xã hội Việt Nam

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam từ cách đây 20 năm, đã tạo ra những bước chuyển lớn trong phát triển kinh tế đất nước nhưng đồng thời cũng đang chứa đựng nhiều vấn đề chưa được giải quyết, trong đó có những vấn đề thật sự nghiêm trọng.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) ở Việt Nam nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quá trình thực hiện nhiệm vụ này kể từ năm 1986 đến nay gắn liền và là kết quả đổi mới tư duy của Đảng, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế.

Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới vừa qua, có thể khái quát những bước chuyển lớn, mang tính đột phá trong phát triển tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về công nghiệp hóa như sau:

1. Đã chuyển từ quan niệm CNH trong khuôn khổ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang quan niệm CNH trên những nguyên tắc của thị trường và kinh tế thị trường.

Nội dung cốt lõi của sự đổi mới tư duy này, xét thực chất là thay đổi cơ chế phân bổ, điều tiết các nguồn lực cho CNH, thừa nhận vai trò phân bổ, điều tiết của thị trường và cho phép thị trường tham gia phân bổ các nguồn lực, kết hợp tốt vai trò của thị trường và của Nhà nước trong việc phân bổ, điều tiết các nguồn lực cho CNH, thông qua đó tạo điều kiện giải phóng tối đa sức sản xuất hiện có khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước để đẩy mạnh CNH.

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986), Đảng ta xác định tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết để đẩy mạnh CNH và từ Đại hội Đảng lần thứ VIII (năm 2001), đất nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn đẩy mạnh phát triển CNH, HĐH.

Theo đó, chúng ta đã từng bước gắn liền CNH, HĐH với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nội dung cơ bản là

phát triển đồng bộ các loại thị trường (thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ); kết hợp hài hòa giữa thể chế thị trường và thể chế nhà nước, sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo và Nhà nước có vai trò định hướng, tạo môi trường, hỗ trợ phát triển, kiểm soát và điều tiết vĩ mô kinh tế.

2. Gắn liền CNH, HĐH, đẩy mạnh CNH, HĐH để đến năm 2020, về cơ bản Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 2001), Đảng ta đã nhấn mạnh phải thực hiện "CNH đất nước theo hướng hiện đại" và coi đây là một nhiệm vụ trung tâm, phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Việc chuyển từ quan niệm "công nghiệp hóa" sang quan niệm "công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước theo hướng hiện đại" (Đại hội VII) và "công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" (Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đại hội Đảng lần thứ VIII và Đội hội Đảng lần thứ IX), là một sự phát triển quan trọng trong tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về CNH, HĐH đất nước.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta đã khẳng định, "CNH, HĐH là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa".

Cũng bắt đầu từ đây, một quan niệm mới về CNH ngày càng được định hình rõ nét, CNH không chỉ đơn giản là phát triển công nghiệp, xây dựng nhà máy. Đó là quá trình cải biến căn bản, toàn diện để tạo nền tảng của một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế tiên tiến, quan hệ sản xuất phù hợp sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN, tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và chính sách phát triển vì mục tiêu phát triển con người Việt Nam. Đó cũng là quá trình tăng cường nguồn lực con người, năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, thân thiện và bảo vệ môi trường theo quan điểm phát triển bền vững.

3. Thực hiện chiến lược CNH, hướng mạnh vào xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu ở những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả,

phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm

Trong 20 năm đổi mới vừa qua, Việt Nam đã từ bỏ mô hình công nghiệp hóa khép kín, thay thế nhập khẩu, từng bước xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập thế giới và khu vực, thực hiện chiến lược CNH trên cơ sở phát huy lợi thế, hướng mạnh vào xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm sản xuất trong nước có hiệu quả. Đây là bước đột phá rất quan trọng trong đổi mới tư duy của Đảng về CNH. Nó mở ra một không gian phát triển mới, không giới hạn cho việc đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

4. Định hình ngày càng rõ hơn quan điểm rút ngắn thời gian thực hiện CNH, HĐH; đẩy mạnh CNH, HĐH, gắn với phát triển kinh tế tri thức và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

Tiếp tục phát triển tư duy lý luận và thực tiễn về CNH, HĐH, đến Đại hội Đảng lần thứ IX, lần đầu tiên trong văn kiện của mình, Đảng ta chính thức khẳng định quan điểm rút ngắn thời gian thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. "Con đường CNH, HĐH của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt" (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX).

Trong thực tế, quá trình CNH ở từng quốc gia, tuy vẫn phải tuân theo những lô-gich tổng quát, nhưng lại rất khác nhau trong việc lựa chọn mô hình, nội dung chiến lược, bước đi và giải pháp CNH cụ thể. Các nước đi sau đều có khả năng rút ngắn quá trình thực hiện CNH so với các nước đi trước. Việc rút ngắn này được thực hiện bằng cách:

- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các bước chuyển tuần tự từ nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế công nghiệp hiện đại.

- Rút ngắn các bước đi, thực hiện những bước nhảy vọt về cơ cấu.

Sự kết hợp hai xu hướng này đòi hỏi quá trình CNH ở Việt Nam phải đồng thời thực hiện hai nội dung của một quá trình phát triển rút ngắn theo hướng hiện đại là vừa xây dựng nền kinh tế công nghiệp hiện đại, vừa từng bước phát triển kinh tế tri thức trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế. Đây là tư duy phát triển hiện đại mà Đảng ta đã nắm bắt và trở thành một trong những tư tưởng chủ đạo của việc đẩy mạnh, đẩy nhanh CNH, HĐH ở nước ta, nhằm nhanh chóng thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, rút ngắn khoảng cách tụt hậu phát triển so với các nước trong khu vực.

Bản sao lưu trữ

Trên cơ sở kết hợp tốt cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra, với những tiềm năng và lợi thế của đất nước, nhất là tiềm năng và lợi thế của con người Việt Nam và do con người Việt Nam tạo ra, chúng ta có đủ điều kiện thực tế để rút ngắn quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Để thực hiện hóa khả năng rút ngắn, có nhiều việc phải làm, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ thật sự là nền tảng và động lực của CNH, HĐH đất nước.

Trên cơ sở đổi mới, phát triển tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về CNH, HĐH đất nước, một hệ thống các quan điểm chỉ đạo về đẩy mạnh CNH, HĐH đã hình thành. Đó là:

a) Coi trọng việc đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn với những nội dung chủ yếu như: chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn hướng tới một nền nông nghiệp hàng hóa đa dạng, có sức cạnh tranh cao và tạo giá trị gia tăng ngày càng lớn gắn với công nghiệp chế biến hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ nông thôn, làng nghề, khu công nghiệp nhỏ, điểm công nghiệp, khu nông nghiệp công nghiệp cao. Đồng thời, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ sạch; phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nông nghiệp, nông thôn, nhất là thủy lợi, giao thông, điện, thông tin, trường học, trạm y tế; đầu tư nhiều hơn cho xóa đói, giảm nghèo và giáo dục văn hóa, nâng cao trình độ dân trí ở các vùng nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

Đảng ta coi trọng việc đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với các nội dung trên, thực chất là cải tạo những cơ sở kinh tế – xã hội để giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn – một nội dung cốt lõi mà cách mạng Việt Nam phải giải quyết, một trong những tiền đề tiên quyết để rút ngắn thành công quá trình CNH, HĐH đất nước.

b) Đa dạng hóa các chủ thể thực hiện CNH, HĐH; công nghiệp hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế trong đó kinh tế Nhà nước là chủ đạo.

Trước đây, trong mô hình công nghiệp hóa kiểu cũ, Nhà nước là chủ thể duy nhất thực hiện công nghiệp hóa. Ngày nay, ngoài Nhà nước và kinh tế nhà nước còn có các chủ thể khác là tư nhân và kinh tế tư nhân, các chủ đầu

tư nước ngoài và ki nh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Một chủ thể thực hiện CNH, HĐH đặc biệt quan trọng là người dân trong xã hội trên cương vị công tác, làm việc của mình. Đó là công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân; là công chức, viên chức, công an, quân đội... Trên cơ sở này, mọi nguồn lực của xã hội đều có khả năng được huy động cho quá trình CNH rút ngắn theo hướng hiện đại ở nước ta.

Đảng ta khẳng định, trong các thành phần kinh tế thực hiện CNH, HĐH đất nước, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Nhưng, quan niệm về vai trò chủ đạo đã có đổi mới căn bản về nội dung. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thể hiện ở sự định hướng, tạo môi trường, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển và là lực lượng vật chất cần thiết để Nhà nước điều tiết sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH.

c) Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, kết hợp tốt nội lực và ngoại lực trở thành nguồn lực tổng hợp của quốc gia để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Giữ vững độc lập tự chủ trong phát triển đất nước nói chung và trong phát triển kinh tế nói riêng là một vấn đề có tính nguyên tắc, kiên định trong đường lối, chính sách của Đảng ta có liên quan trực tiếp đến sự tồn vong và phát triển của đất nước. Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả là để tạo những điều kiện cần thiết cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Đây là mối quan hệ biện chứng. Giải quyết không tốt, thì chỉ có tác động ngược lại.

Quan niệm về nền kinh tế độc lập tự chủ cũng có nhiều đổi mới và phát triển. Đó không phải là nền kinh tế khép kín, thay thế nhập khẩu, tự sản xuất mọi thứ mà đất nước cần với bất cứ giá nào, không cần tính đến lợi thế và hiệu quả. Đảng ta quan niệm độc lập tự chủ trong phát triển kinh tế đất nước, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế – tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường..." (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX).

Bản sao lưu trữ

Như vậy, để giữ vững độc lập tự chủ trong phát triển kinh tế thì ngoài độc lập tự chủ về đường lối và chính sách, Đảng ta luôn luôn chăm lo đến việc bảo đảm tiềm lực nội sinh của đất nước nói chung và nền kinh tế nói riêng đủ mạnh, đủ sức làm cơ sở cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Tiềm lực nội sinh của đất nước, của nền kinh tế sẽ không được bảo đảm và từng bước nâng cao, nếu chúng ta không phát triển được một số ngành công nghiệp nặng then chốt, có ý nghĩa tạo nền tảng như khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu, luyện kim cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với những bước đi hợp lý, bảo đảm công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh cao, phát huy tốt hiệu quả trên cơ sở thu hút vốn đầu tư của trong nước và ngoài nước, nhất là của các tập đoàn hàng đầu trên thế giới.

d) Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với quốc phòng an ninh.

Trong 20 năm qua, quan điểm về sự kết hợp này ngày càng được thể hiện đậm nét trong quy hoạch và kế hoạch phát triển đất nước, từng vùng, ngành, địa phương và trong nhiều dự án phát triển kinh tế – xã hội quan trọng, đã góp phần quyết định vào việc giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Hai mươi ba năm đổi mới cũng chính là 20 năm tiếp tục thực hiện CNH đất nước trên nền tảng của sự đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Thành tựu của 20 năm này là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, ổn định và phát triển, tạo lập được những tiền đề cần thiết để bắt đầu từ năm 2001, đất nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn thực hiện chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN với mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nền kinh tế đã có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng gần bốn lần. Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng CNH, HĐH; một số ngành công nghiệp nền tảng bước đầu được xây dựng; năng lực nội sinh của khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường. Theo đó, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ta được cải thiện rõ rệt; chỉ số phát triển con người (HDI) được liên tục nâng cao và thành tựu về phát triển con người của Việt Nam được Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đánh giá là tốt nhất khu vực Đông – Nam Á. Những thành tựu này làm tăng thêm thế

và lực mới của đất nước, tạo thêm điều kiện để đẩy mạnh hơn nữa CNH, HĐH.

Tuy nhiên, quá trình CNH, HĐH trong 20 năm qua cũng đang chứa đựng nhiều vấn đề chưa giải quyết, trong đó có những vấn đề thật sự nghiêm trọng. Đó là tình trạng nền kinh tế phát triển chưa tương xứng tiềm năng; chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện; CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn còn nhiều lúng túng, tình trạng trùng lặp về cơ cấu giữa các vùng, các địa phương chậm được khắc phục; khoa học và công nghệ chưa thật sự là nền tảng và động lực của CNH, HĐH; môi trường ngày càng xuống cấp, tham nhũng, lãng phí ngày càng có xu hướng nghiêm trọng... Việc giải quyết một số mối quan hệ, như: quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng, quan hệ giữa thể chế nhà nước và thể chế thị trường, quan hệ giữa độc lập tự chủ về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đang gặp những vướng mắc trong thực tiễn cũng đang đòi hỏi có sự trả lời thỏa đáng về mặt lý luận.

Trước thềm Đại hội Đảng lần thứ X, những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc rút ngắn quá trình CNH, HĐH theo định hướng XHCN trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của đất nước do con người Việt Nam tạo ra , được thực hiện trong môi trường chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, phát huy tối đa nội lực, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn ngoại lực, sẽ được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thảo luận làm rõ; để có thêm xung lực mới đẩy nhanh CNH, HĐH đất nước.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN THÀNH TỰU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN DUY QUÝ
GS, VS ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương

Từ năm 1986, Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. So với công cuộc cải tổ, cải cách và chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường ở các quốc gia khác, đổi mới ở nước ta có những nét đặc thù riêng. Đổi mới ở nước ta diễn ra từ hai chiều: "từ dưới lên", tức là ở các hợp tác xã, doanh nghiệp và "từ trên xuống", tức là các quyết định của Đảng và Nhà nước. Mối liên hệ hai chiều ấy đã làm cho công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra không có sự xung đột giữa "phía trên" và "phía dưới", cũng như không có các "cú sốc" được tạo ra bởi các chính sách và biện pháp điều chỉnh vĩ mô quá cứng rắn và duy ý chí của bộ máy lãnh đạo "phía trên" như ở một số nước khác. Đó là đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam. Nói một cách khái quát, đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam là, vừa có sự sáng tạo của nhân dân ở cơ sở, vừa có lãnh đạo từ trên xuống. Do vậy, đổi mới ở nước ta dẫn đến những thành công to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Khác với các nước Đông Âu và Liên Xô (cũ), ở Việt Nam, nhu cầu đổi mới các chính sách trước hết xuất phát từ chính lĩnh vực kinh tế, chứ không phải là hệ quả của những biến động chính trị. Đổi mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Ngay từ đầu, Đảng ta xác định, đổi mới không phải là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà chính là để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Đổi mới ở nước ta không phải là chuyển từ mô hình cũ sang một mô hình đã có sẵn lấy từ một nước nào đó, mà là quá trình xóa bỏ các yếu tố của mô hình cũ và thay thế bằng những yếu tố mới thích hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta.

Quá trình đổi mới ở Việt Nam không phân chia thành các giai đoạn – giai đoạn chuẩn bị lý luận về đổi mới và giai đoạn áp dụng lý luận đó vào thực tế, mà là quá trình vừa khái quát lý luận từ thực tiễn đổi mới, vừa áp dụng lý luận ấy vào cuộc sống.

Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều lớn lao, hầu như tất cả các nước đều có sự điều chỉnh chính sách của mình. Những kinh nghiệm cải tổ, cải cách của các nước cũng là sự gợi mở cho Việt Nam trong sự tìm tòi con đường đổi mới. Vì vậy, tư duy lý luận đổi mới của nước ta được hình thành không chỉ từ việc đúc kết kinh nghiệm của bản thân nước ta, mà còn được đúc kết từ những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đổi mới ở Việt Nam là một quá trình kết hợp biện chứng giữa đổi mới tư duy lý luận và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Trong quá trình đó, cái mới và cái cũ xen kẽ nhau; cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần và có nơi, có lúc còn chiếm ưu thế so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần dần được khẳng định và đưa tới thành công. Điểm nổi bật công cuộc đổi mới ở nước ta là luôn luôn lấy sự ổn định chính trị – xã hội làm tiền đề, làm điều kiện tiên quyết cho sự nghiệp đổi mới phát triển và chính sự phát triển lại tạo ra sự ổn định mới. Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình đổi mới: Ổn định để phát triển và có phát triển mới có ổn định vững chắc hơn.

Văn kiện Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh: "Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng là vấn đề có ý nghĩa sống còn... Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy". Để đổi mới tư duy, Đại hội VI của Đảng nêu rõ: "Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học, tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý, hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v. Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy".

Như vậy, đổi mới tư duy lý luận có vai trò rất quan trọng, nếu không nói là hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn đi sâu làm rõ những thành tựu của đổi mới tư duy lý luận ở nước ta. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chúng ta đã chuyển từ tư duy dựa trên mô hình kinh tế hiện vật với sự tuyệt đối hóa sở hữu nhà nước và tập thể, với sự phát triển vượt trước của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất... sang tư duy mới xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế

nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự thống nhất biện chứng với tính đa dạng của các hình thức sở hữu và tính đa dạng của các hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm hình thức phân phối chủ yếu, kết hợp với phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Đây là bước đổi mới tư duy căn bản mà ý nghĩa sâu xa của nó là tôn trọng quy luật khách quan về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà từng bước thiết lập quan hệ sản xuất tương ứng. Nhờ đó, mọi tiền năng xã hội cũng như sức sản xuất được giải phóng. Nhân tố quan trọng bậc nhất của lực lượng sản xuất là nhân tố con người – người lao động làm chủ, được thúc đẩy bởi quy luật lợi ích, trong đó lợi ích cá nhân của người lao động là động lực trực tiếp và là cơ sở để thực hiện và phát triển lợi ích của tập thể và của toàn xã hội.

Bước đổi mới tư duy này có ý nghĩa cách mạng, bởi nó đặt đúng vị trí và tầm vóc của cái tất yếu kinh tế trong sự phát triển tới chủ nghĩa xã hội của các nước phải đi con đường phát triển "rút ngắn" theo loại hình quá độ gián tiếp mà lịch sử đã quy định.

Thứ hai, chúng ta đã chuyển từ tư duy quản lý dựa trên mô hình một nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa tuyệt đối, với cơ chế bao cấp và bình quân sang tư duy quản lý mới thích ứng với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của kế hoạch ở tầm vĩ mô, thông qua quản lý, kiểm soát bằng pháp luật của Nhà nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã dẫn tới sự tác động, thâm nhập lẫn nhau giữa các thành phần kinh tế, tạo thành sự đan xen các hình thức sở hữu, các phương thức tổ chức quản lý, các phương thức phân phối lợi ích phù hợp với quan hệ sản xuất mới có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo đó, con người với tư cách vừa là chủ thể sản xuất – kinh doanh, vừa là chủ thể tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa được đặt vào những cơ hội như nhau để phát triển, được bộc lộ tài năng, được thử thách về trình độ, năng lực, tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh tế. Cơ chế thị trường đòi hỏi sự thừa nhận cạnh tranh, dẫn tới sự chênh lệch thu nhập, sự phân hóa giàu – nghèo. Đây là mặt trái của cơ chế thị trường. Vấn đề đặt ra là phải có chính

sách đúng đắn để cho cơ chế thị trường không dẫn tới sự phân hóa giàu-nghèo vượt quá giới hạn cho phép, vi phạm mục tiêu công bằng xã hội là mục tiêu mà chúng ta phấn đấu trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây là một nét mới tiêu biểu cho tư duy kinh tế mới của Đảng ta.

Thứ ba, chúng ta đã tiến hành đổi mới tư duy về hệ thống chính trị – chuyển từ chế độ tập trung quan liêu với phương thức quản lý hành chính mệnh lệnh sang dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với tôn trọng pháp luật, pháp chế, kỷ cương xã hội, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Bước đổi mới tư duy này đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ từng bước những lực cản đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội; sản sinh ra những nhân tố mới, động lực mới của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chính trị là vấn đề hết sức nhạy cảm. Bởi vậy, ngay từ đầu, khi đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta chủ trương phải giữ vững ổn định chính trị. Thực tiễn chứng minh chủ trương đó là hoàn toàn đúng đắn. Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Do đó, Đại hội IX của Đảng đề ra chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chủ trương này là một thành tựu quan trọng của đổi mới tư duy lý luận về nhà nước ở nước ta, nhằm mục tiêu xây dựng Nhà nước ta thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đảng ta đã tiến hành bền bỉ cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa đảng và nhân dân, phát huy ản h hưởng và uy tín của Đảng trong xã hội, thực hiện đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với mọi mặt của đời sống xã hội.

Thực tiễn đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta đã xác nhận tầm quan trọng của những nguyên tắc, biện pháp và bước đi mà Đảng ta đã hoạch định trong đường lối đổi mới nói chung và đổi mới tư duy lý luận nói riêng.

Thứ tư, đổi mới tư duy lý luận đã làm rõ hơn quan niệm về sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội ở một nước xuất phát từ chủ nghĩa Mác-Lê-nin và điều kiện rất quan trọng nữa là từ chính những đặc điểm, điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước đó. Đây cũng chính là tính khách quan, là cơ sở thực tiễn quy định nhận thức và những tìm tòi, sáng tạo của chủ thể lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nó cũng đồng thời làm sáng tỏ một lần nữa quan điểm thực tiễn là tính thứ nhất (so với lý luận), là yếu tố chi phối sự hoạch định đường lối, chính sách. Phải phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo để tìm cách giải quyết phù hợp và có hiệu quả nhất những vấn đề do thực tiễn của nước mình đang đặt ra trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một tất yếu lịch sử của quá trình phát triển xã hội loài người, nên sớm muộn các dân tộc, các quốc gia trên thế giới sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội. Song, sẽ không có một mô hình duy nhất để giải quyết các vấn đề của chủ nghĩa xã hội giống hệt nhau ở mọi nước; cũng không có một hình mẫu duy nhất về chủ nghĩa xã hội được áp dụng cho tất cả các nước, mặc dù những nguyên tắc, nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê-nin về chủ nghĩa xã hội – chỗ dựa của các Đảng cộng sản – đều như nhau. Tất nhiên, không phải vì thế mà có thể chấp nhận lý luận "chủ nghĩa xã hội dân tộc". Đó là thứ lý luận của chủ trương khép kín, đóng kín sự phát triển xã hội chủ nghĩa trong phạm vi quốc gia dân tộc, tách khỏi sự giao lưu, hợp tác quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa và giữa các nước xã hội chủ nghĩa với cộng đồng thế giới.

Vấn đề đặt ra là phải kết hợp dân tộc với quốc tế, truyền thống với hiện đại. Đó cũng là cơ sở của đường lối đối ngoại vừa hợp tác, vừa đấu tranh của nước ta. Nó mở ra khả năng để Việt Nam hội nhập vào thị trường kinh tế thế giới, vào đời sống chính trị quốc tế, vào sự giao lưu, hợp tác văn hóa. Tuy nhiên, để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta không chỉ phải khắc phục những ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều, thứ chủ nghĩa tiếp nhận một cách máy móc và sao chép mô hình nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống lại âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững nguyên tắc, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược.

Thực tiễn 20 năm đổi mới của nước ta cho thấy, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa và quản lý xã hội thông qua hàng loạt những biện pháp thực tiễn, sáng tạo vừa phù hợp với đặc điểm trong nước, vừa thích ứng với xu thế của thời đại là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh, tích cực của sự nghiệp đổi mới của nước ta.

Thứ năm, đổi mới tư duy lý luận đã làm rõ những nhận thức mới về nhân tố con người – nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Khắc phục những hạn chế và khiếm khuyết của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội có liên quan đến vấn đề con người, tư duy lý luận mới đã làm sáng tỏ hơn tư tưởng nhân đạo, khoa học và cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về

vấn đề này. Trong khi phê phán và kiên quyết đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa cá nhân, chúng ta thừa nhận và bảo vệ những lợi ích chính đáng của cá nhân, coi lợi ích cá nhân của người lao động là một trong những động lực trực tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội . là cơ sở thực hiện lợi ích chung của tập thể và của toàn xã hội. Hơn nữa, lợi ích xã hội, lợi ích tập thể không phải là cái gì trừu tượng, mà là cái rất cụ thể, gắn bó thiết thực với lợi ích chính đáng của từng người trong tập thể và trong cộng đồng xã hội.

Theo tư duy lý luận mới, con người là nguồn lực của mọi nguồn lực, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của mọi chính sách kinh tế – xã hội. Sự phát triển con người, thực chất là sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của nó. Do đó, đầu tư cho con người là đầu tư cho phát triển. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư theo chiều sâu, đáp ứng đòi hỏi của phát triển và đón trước yêu cầu của phát triển trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

* *

Bước vào thiên niên kỷ mới, thế giới có nhiều biến động phức tạp. Khoa học, công nghệ có những bước tiến kỳ diệu. Kinh tế trí thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối., bởi vậy nó chứa đựng những mâu thuẩn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn.

Tình hình trên vừa tạo ra cơ hội, vừa tạo ra thách thức đối với công cuộc đổi mới ở nước ta. Không ít vấn đề của thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra mà tư duy lý luận mới chưa giải quyết một cách sáng tỏ, cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết. Chẳng hạn, các vấn đề về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế; về kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa; về biến động của các giai tầng xã hội trong điều kiện hiện nay; về phân hóa giàu – nghèo; về cơ chế phản biệnvà giám sát xã hội; về nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự; về tiêu chí nước Việt Nam công nghiệp theo hướng hiện đại; về dân chủ, văn hóa và phát huy nhân tố con người trong quá trình đổi mới; về quốc

phòng, an ninh và đối ngoại trong tình hình mới; và tổng quát là về thời đại, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, v.v..

Những vấn đề đó cần được tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội. Đây là ba trụ cột quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ THÀNH TỰU THỰC TIỄN, LÝ LUẬN QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI.

PGS-TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Vào cuối những năm 70 của thế kỷ X X do những điều kiện khắc nghiệt của hoàn cảnh đất nước, nhất là hậu quả nặng nề của 30 năm kháng chiến giải phóng dân tộc, tiếp đó là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới, và do những khuyết điểm chủ quan trong lãnh đạo, quản lý mà đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế – xã hội, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó Đảng, nhà nước và nhân dân ta từng bước thử nghiệm, tìm tòi con đường đổi mới để đưa đất nước vượt qua khó khăn, từng bước phát triển.

Trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về CNXH và về thời kỳ quá độ lên CNXH, dựa vào những kết quả bước đầu của sự đổi mới từng phần, lắng nghe tổng kết sáng kiến, kinh nghiệm của nhân dân, của các địa phương và cơ sở, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã hoạch định đường lối đổi mới. Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra, nhiều hội nghị Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và đặc biệt Đại hội VII (6-1991) với cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội VIII (6-1996) và Đại hội IX (4-2001) đã không ngừng bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, làm rõ hơn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới và xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Có thể thấy rõ những nội dung đổi mới quan trọng và chủ yếu cả về nhận thức, tư duy lý luận và cả về lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn suốt 20 năm qua.

Thứ nhất, là đổi mới tư duy lý luận mà thực chất là nắm vững và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, khắc phục căn bệnh nóng vội, chủ quan, duy ý chí . Ngay từ Đại hội VI, Đảng ta nhận thức rằng, từ CNTB lên CNXH phải trải qua một thời ký quá độ là một tất yếu khách quan và độ dài của thời ký đó phụ thuộc vào điều kiện chính trị., kinh tế, xã hội của mỗi nước. "Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn".

Đại hội IX (4-2001) tổng kết 15 năm đổi mới, khẳng định: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ". Trong hàng loạt các quy luật khách quan, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rõ hơn quy luật về quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, sửa chữa sai lầm trước đó đã đưa quan hệ sản xuất đi quá nhanh, quá xa trong khi lực lượng sản xuất còn rất lạc hậu, tập trung phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất thông qua thực hiện cách mạng khoa học – công nghệ đẩy mạnh CNH, HĐH, từ đó điều chỉnh quan hệ sản xuất cho phù hợp. Các quy luật vận động trong thời kỳ quá độ lên CNXH, nhất là các quy luật kinh tế, đã từng bước được nhận thức và vận dụng đúng đắn và có hiệu quả hơn. Khi quyết định đường lối đổi mới, tại Đại hội VI Đảng ta đã nghiêm túc chỉ ra rằng, cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật.

Thứ hai, từ nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ, Đảng quyết định đổi mới cơ cấu kinh tế, coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của của thời kỳ quá độ. Đại hội VI đã vận dụng đúng đắn quan điểm của Lê-nin về kinh tế nhiều thành phần. Chính Lê-nin cũng cho rằng tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa là để khẳng định hướng tiến lên chứ điều đó chưa có nghĩa là nền kinh tế ở đó đã hoàn toàn là kinh tế XHCN. Vì vậy, ở nước ta cần thiết phải có nhiều thành phần kinh tế phát triển bình đẳng trước pháp luật, đó là yêu cầu khách quan. Đại hội VI đã khẳng định nước ta có các thành phần: kinh tế XHCN bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể; kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa; kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp. Đại hội IX bổ sung thêm một thành phần nữa là kinh tế 100% vốn nước ngoài. Trong quá trình đổi mới, 20 năm qua, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Thực tiễn đổi mới cũng cho thấy nhiều thành phần kinh tế đương nhiên là có nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Cùng với đổi mới kinh tế, Đảng chủ trương đổi mới cơ chế quản lý, dứt khoát bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường, có

sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý, phân phối.

Thứ ba, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và vai trò, chức năng quản lý điều hành của Nhà nước. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Xây dựng hoàn thiện Nhà nước theo hướng nhà nước pháp quyền XHCN. Củng cố sức mạnh của hệ thống chính trị. Đại hội VI của Đảng đặt ra yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một Đảng cầm quyền, tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực tiễn, đổi mới phong cách làm việc, đi sâu, đi sát thực tế, sát cơ sở, gắn bó với nhân dân. Nâng cao trình độ trí tuệ, nắm bắt và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, hiểu biết sâu sắc những vấn đề kinh tế, xã hội. Từ Hội nghị lần thứ 3 BCH Trung ương khóa VII (6-1992) đặc biệt từ Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) BCH Trung ương khóa VIII (1-1999), Đảng đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội VI của Đảng đã xác định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế – xã hội của bộ máy Nhà nước, nghĩa là Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và chính sách để điều hành, quản lý nền kinh tế – xã hội ở tầm vĩ mô. Từ sau Đại hội VII, đặc biệt là hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương khóa VII (1-1995), Hội nghị lần thứ 3 BCH Trung ương khóa VIII (6-1997) tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân được đẩy mạnh. Quan điểm cơ bản là: quyền lực nhà nước là thống nhất, song có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ nhiệm kỳ Quốc hội khóaVIII (1987), khóa IX (1992), khóa X (1997) và khóa XI (2002), hoạt động của Quốc hội ngày càng đổi mới và thực hiện có hiệu quả các chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và quyền giám sát tối cao; từng bước đẩy mạnh công cuộc cải cách nền hành chính Nhà nước cả về chức năng, cơ chế vận hành, quản lý, tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức; bộ máy và hoạt động tư pháp được củng cố và tăng cường. Cùng với việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhiệm vụ xây dựng hoàn thiện Nhà nước là những nội dung quan trọng về đổi mới hệ thống chính trị và có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ tiến trình của sự nghiệp đổi mới.

Bản sao lưu trữ

Thứ tư, thật sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện :"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", tăng cường và đổi mới công tác vận động quần chúng nhân dân và thực hiện nền dân chủ XHCN, Đại hội VI của Đảng đã rút ra bài học là, trong toàn bộ hoạt động, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Chính lợi ích, sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới ... Một trong những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới là Hội nghị lần 6 BCH Trung ương khóa VI (3-1989) nêu ra là, phải thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa nhưng dân chủ luôn luôn gắn liền với tập trung, gắn liền với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân, với kỷ cương, kỷ luật, pháp luật, dân chủ phải có lãnh đạo và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI 93-1990) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, đã nhấn mạnh các quan điểm: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân, các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng, công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của Đảng. Nhà nước và các đoàn thể. Đảng cũng chủ trương đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; cùng với Đảng, Nhà nước, tổ chức Mặt trận và các đoàn thể nhân dân như Tổng Liên đoàn lao động, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh hợp thành hệ thống chính trị; công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị ở tất cả các cấp.

Đảng chú trọng xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới; đoàn kết các giai cấp, các thành phần kinh tế, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, mọi tầng lớp, cá nhân yêu nước, đoàn kết người Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài nhằm phát huy nội lực của dân tộc Việt Nam.

Thứ năm, đổi mới chính sách đối ngoại, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa, Việt Nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trên thế giới trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc phù hợp với tình hình mới. Tại Đại hội VI (12-1986) Đảng ta đã nêu rõ chủ trương: khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao. Đi đôi với công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp

tác kinh doanh. Luật đầu tư nước ngoài là luật sớm nhất của thời kỳ đổi mới, được Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 29/12/1987 và có hiệu lực từ 1-1-1988. Đại hội VII của Đảng tuyên bố chính sách đối ngoại mở rộng, Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh sự hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và tổ chức Quốc tế; tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn Quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ. Đại hội IX của Đảng tiếp tục chủ trương quan hệ đối ngoại chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đảng ta luôn luôn xác định, nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Với những nội dung rất căn bản và chủ yếu trong đường lối đổi mới cùng với bản lãnh chính trị vững vàng và trách nhiệm trước đất nước, giai cấp và dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức, kể cả tác động tiêu cực do sự sụp đổ của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô đưa lại, không ngừng đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo con đường XHCN và qua 20 năm đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của đất nước, cải thiện đáng kể của đời sống nhân dân, như các văn kiện trình Đại hội X của Đảng đã khẳng định.

Có thể thấy rõ thành tựu của 20 năm đổi mới cả về thực tiễn và nhận thức lý luận để vững tin vào con đường đã lựa chọn và phát triển của đất nước.

Về thực tiễn, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội từ 1996, kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh (GDP tăng bình quân 1986-1990 là 3,9%/năm, 1991-1995 là 8,2%, 1996-2000 là 7% và 2001-2005 là 7,5%/năm), nền kinh tế thị trường XHCN bước đầu được xây dựng, CNH, HĐH được đẩy mạnh, cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH tăng lên đáng kể. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là liên minh nhân - nông dân – trí thức do Đảng lãnh đạo ngày càng được tăng cường và củng cố. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được giữ vững. Chính trị – xã hội ổn định. Quan hệ đối ngoại được mở rộng. Vị thế nước ta trên thế giới được nâng

cao. Sức mạnh tổng hợp từ nguồn lực của đất nước tăng lên nhiều. Nhân dân tin tưởng ở đường lối đổi mới và sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, tin tưởng ở tương lai phát triển của đất nước.

Về lý luận, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng rõ hơn, "hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã bước đầu hình thành trên những nét cơ bản" (Văn kiện trình Đại hội X trang 11). Nhận thức rõ hơn về mục tiêu, mô hình của xã hội XHCN ở Việt Nam, rõ hơn về chặng đường, bước đi khi đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, cho phép chuyển sang chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, rõ hơn về những công cụ giải pháp để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước, xây dựng CNXH, rõ hơn về những mối quan hệ đặt ra cần được giải quyết một cách đúng đắn trên con đường đổi mới vì mục tiêu CNXH mà trước hết làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

20 năm đổi mới đã có cơ sở để rút ra một bài học lớn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đó là các bài học: trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới; đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Những bài học của 20 năm đổi mới vừa có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn trong thời kỳ tiếp theo vừa có ý nghĩa làm rõ nhận thức lý luận. Thành tựu về thực tiễn và lý luận 20 năm qua hòa quyện và thống nhất, thúc đẩy lẫn nhau. Từ thành tựu thực tiễn được tổng kết một cách có hệ thống với một thái độ và tư duy khoa học đã làm rõ hơn về nhận thức lý luận. Từ nhận thức rõ hơn về nhận thức lý luận và vững tin trong chỉ đạo, hoạt động thực tiễn bớt đi sự lúng túng mò mẫm, vấp váp. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới Đảng ta đã rất coi trọng nhiệm vụ nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Những định hướng đó đã được đề ta từ Nghị quyết 01-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VII ngày 28/03/1992 về công tác lý luận trong tình hình mới.

Tiến tới Đại hội X của Đảng, Trung ương và Bộ Chính trị đã chủ trương tổng kết một số vấn đề thực tiễn và lý luận qua 20 năm đổi mới. Những kết quả tổng kết đó kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, của các cơ quan lý luận của Đảng mà Hội đồng lý luận Trung ương là cơ quan thường trực và đã được thể hiện trong báo cáo tổng kết tình hình Đại hội X của Đảng.

Trong lãnh đạo công cuộc đổi mới Đảng Cộng sản Việt Nam trên thực tế đã đặt ra và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cơ bản.

- Quan hệ giữa đổi mới tư duy lý luận với đổi mới chủ trương, chính sách và hoạt động, chỉ đạo thực tiễn. Ngay từ khi tìm tòi con đường đổi mới Đảng đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế, làm cơ sở để đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Đường lối đổi mới của Đại hội VI được hoạch định trên cơ sở tư duy lý luận khoa học về CNXH và về thời kỳ quá độ phù hợp với thực tiễn Việt Nam, khắc phục bệnh giáo điều và bệnh chủ quan duy ý chí. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện đường lối mới của Đảng không ngừng làm rõ hơn về mục tiêu, mô hình của XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam gắn liền với bổ sung và phát triển đường lối đổi mới. Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn luôn luôn đặt ra những yêu cầu mới trong lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc đổi mới.

- Giải quyết mối quan hệ giữa sự kiên định các nguyên tắc với sự linh hoạt, sáng tạo, nhạy cảm và chủ động nắm bắt những vấn đề mới đặt ra, "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, đổi mới nhưng không xa rời con đường XHCN mà phải thực hiện mục tiêu CNXH tốt hơn bằng nhận thức mới và lựa chọn hình thức, bước đi và giải pháp thích hợp. Trung thành vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác –Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, luôn luôn lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tăng cường sức mạnh, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Xây dựng và thực hiện ngày càng tốt hơn nền dân chủ XHCN, song dân chủ phải gắn liền với tập trung, với kỷ luật, pháp luật với trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, dân chủ phải có lãnh đạo và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Kết hợp nội lực với ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Những nguyên tắc trên đây đã bảo đảm cho công cuộc đổi mới của Việt Nam vượt qua những khó khăn, thách thức ở trong nước và quốc tế, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả. Sự nhạy cảm nắm bắt cái mới, linh hoạt, khôn khéo về

sách lược cùng với bản lĩnh chính trị vững vàng đã góp phần quan trọng vào thành công của công cuộc đổi mới.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Cần nhấn mạnh rằng, về thực chất công cuộc đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối về chính sách đối nội và đối ngoại. Không có sự đổi mới về tư duy chính trị, về đường lối thì không thể có mọi sự đổi mới khác. Trong quá trình chỉ đạo, Đảng và Nhà nước ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế – xã hội, thực hiện thành công những chương trình kinh tế lớn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo tiền đề giữ vững ổn định chính trị. Trong đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, Đảng chủ trương đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm, nếu vội vã để xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá đắt, có khi không cứu vãn được. Với nhận thức và cách làm như thế , Đảng ta đã thành công trong đổi mới chính trị, xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống chính trị bao gồm xây dựng, chính đốn Đảng, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, xây dựng Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện ngày càng tốt hơn dân chủ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân. Đảng luôn luôn xác định xây dựng, phát triển kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả điều hành của Nhà nước. Đó là mối quan hệ quyết định lẫn nhau giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

- Chú trọng mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội giữa kinh tế và văn hóa, kinh tế và môi trường, phát triển, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là chủ động phát huy yếu tố năng động, tích cực của nó đồng thời cũng phải phòng ngừa tác động tiêu cực. Đó là sự phân hóa, giàu nghèo quá mức, là bất bình đẳng và nhiều biểu hiện tiêu cực khác. Vì vậy, phải chú trọng xây dựng hệ thống chính sách xã hội cần thiết và thích hợp để điều chỉnh thu nhập và các quan hệ xã hội, chú trọng phúc lợi xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bảo vệ lợi ích người lao động, thực hiện xóa đói giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc có cuộc sống sung sướng,

môi trường xã hội lành mạnh. Đảng và Nhà nước ta vừa chú trọng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân đồng thời có chiến lược giáo dục – đào tạo nâng cao dân trí, phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển. Đảng ta cũng sớm nhận thức rằng, khi đẩy mạnh CNH – HĐH đất nước, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế cũng đồng thời xuất hiện nguy cơ phá vỡ môi trường sinh thái. Vì vậy phải chủ động bảo vệ môi trường; thực hiện đồng bộ các mục tiêu về an ninh chính trị, an ninh lương thực và an ninh môi trường.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác kinh tế với các nước, các khu vực trên thế giới. Phát huy truyền thống của các thời kỳ trước, trong những năm đổi mới, Đảng luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường trong xây dựng, phát triển kinh tế; chú trọng phát huy mọi nguồn lực trong nước, đặc biệt là nguồn lực con người; luôn luôn coi nội lực có ý nghĩa quyết định, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng liên doanh, hợp tác kinh tế với kinh tế với các nước. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia quá trình toàn cầu hóa là quá trình khách quan và tất yếu. Do vậy càng đòi hỏi sự độc lập, tự chủ trong lựa chọn con đường, bước đi và giải pháp sao cho hội nhập mà không hòa tan, không tự đánh mất mình; chú trọng phát triển sức mạnh tổng hợp của cả nội lực và ngoại lực, sức mạnh của cả dân tộc và thời đại.

Nhiều mối quan hệ khác luôn luôn đặt ra đòi hỏi được nhận thức và giải quyết đúng đắn, đó là mối quan hệ trong hệ thống chính trị, giữa sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân, quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, quan hệ giữa cơ chế kinh tế thị trường với sự quản lý của Nhà nước, quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng củng cố quan hệ sản xuất v.v... Đó là hàng loạt những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết và làm rõ hơn cả về thực tiễn và lý luận.

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG QUÁT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PGS, TSKH. NGUYỄN VĂN ĐẶNG

Trong thời gian dài trước đổi mới, cũng như nhiều nước khác, chúng ta đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô Viết, với những đặc trưng chủ yếu là: xây dựng nền kinh tế khép kín về lực lượng sản xuất, không thừa nhận sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, coi kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của đất nước thời kỳ có chiến tranh nhưng sau đó bộc lộ rõ những khuyết điểm, tình hình kinh tế – xã hội đất nước ngày càng khó khăn.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được; phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Về kinh tế, Đại hội khẳng định phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương 6 (Khóa VI) đã phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người tự do làm ăn theo pháp luật; các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng nhưng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết với nhau; kinh tế quốc doanh cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, những ngành nghề, loại hoạt động nào mà kinh tế hợp

tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế thì nên tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế ấy phát triển.

Phát huy những kết quả đổi mới đã đạt được, sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết lý luận, thực tiễn, Đại hội IX (4/2001) chính thức đưa ra khái niệm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", khẳng định chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến lược nhất quán. Đại hội chỉ rõ đường lối kinh tế của Đảng ta là: đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất, phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Đây là bước phát triển mới rất quan trọng về tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng.

Từ thực tiễn đổi mới gần hai mươi năm qua, nhất là qua những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta dần thấy rõ hơn những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam; là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc bản chất của chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Theo mô hình kinh tế này, động lực chung để phát triển đất nước là đại đoàn kết dân tộc; đồng thời coi trọng khuyến khích cả vật chất và tinh thần, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta, những yếu tố, phương tiện và công cụ của kinh tế thị trường được sử dụng, phát triển để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế ngày càng được hình thành rõ nét hơn trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đây là nền kinh tế thị trường có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, được nhân dân đồng tình và là chủ thể xây dựng; không phải là sự gán ghép khiên cưỡng, chủ quan giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, mà là sự nắm bắt và tự giác vận dụng sáng tạo xu thế vận động khách qua của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay, tiếp thu có chọn lọc thành tựu của nền văn minh nhân loại, sử dụng và phát huy cao độ vai trò tích cực của kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế tối đa những khuyết tật của tính tự phát trong kinh tế thị trường, nhằm thực hiện có kết quả mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để Việt Nam có thể hội nhập thế giới, rút ngắn quá trình CNH, HĐH, sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ sản xuất không ngừng được đổi mới và hoàn thiện, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm giải phóng triệt để và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo động lực thu hút mạnh mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển, và giữ vững ổn định chính trị – xã hội; lấy phát triển lực lượng sản xuất làm động lực để không ngừng hoàn thiện và đổi mới quan hệ sản xuất.

Thực hiện xóa bỏ mọi sự phân biệt – đối xử theo hình thức sở hữu. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, cùng phát triển lâu dài; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Thực hiện phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội thực hiện công bằng trong phân phối để tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế – xã hội.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội; trong đó việc hình thành và phát triển một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao, có uy tín lớn là một nhiệm vụ chiến lược.

Mọi công dân có quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm; có quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu hợp pháp; có quyền bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin.

Bản sao lưu trữ

Nhà nước định hướng sự phát triển bình đẳng bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường, phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi để phát huy các nguồn lực cho phát triển theo cơ chế thị trường các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai và minh bạch, có trật tự, kỷ cương, các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của kinh tế thị trường; hỗ trợ phát triển, chăm lo xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng hệ thống pháp luật; tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế, sử dụng một số biện pháp để hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, không trái với các cam kết hội nhập. Nhà nước thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển, không phân biệt hình thức sở hữu, đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm, đối với một số mục tiêu (như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục những rủi ro), một số địa bàn các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhà nước quan tâm bồi dưỡng, đào tạo và biểu dương các doanh nhân có tâm, có đức và thành đạt.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, hình thành một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên chế độ cổ phần. Doanh nghiệp Nhà nước không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả; chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần nhiều chủ sở hữu; phát huy vai trò nòng cốt, tập trung vào một số lĩnh vực công ích; làm nòng cốt trong các tập đoàn kinh tế lớn có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Các loại hình kinh tế tập thể, nhất là các hợp tác xã được đổi mới và phát triển mạnh. Kinh tế tư nhân được khuyến khích và phát triển mạnh không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm. Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành nghề, các lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa gắn kết chặt chẽ, hài hòa. Các mục tiêu kinh tế và các mục tiêu xã hội được kết hợp chặt chẽ trên bình diện cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ

sở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu chính đáng, đồng thời giúp đỡ người khác thoát nghèo, từng bước khá giả hơn; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội đối với những người có công với nước; thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống cho mọi thành viên trong cộng đồng, hỗ trợ những vùng bị thiên tai, những người gặp khó khăn cơ nhỡ. Càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; càng phải đề cao vai trò của Nhà nước và toàn xã hội, phát huy các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực xã hội, thực hiện yêu cầu gắn kết hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

Phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với sự phát triển kinh tế, xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải thật sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Không ngừng xây dựng và hoàn thiện giá trị của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, đặc biệt là lý tưởng sống, năng lực trí tuệ, đạo đức cao đẹp và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới thành nguồn lực tổng hợp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững; trong đó nội lực là nhân tố quyết định đối với sự phát triển, các nguồn lực bên ngoài có vai trò rất quan trọng giúp cho phát huy nội lực mạnh hơn. Nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh, có sức cạnh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập và hợp tác quốc tế dựa trên các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp thông lệ quốc tế. Phát huy vai trò chủ thể của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế; khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài. Tận dụng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế để chuyển dịch cơ cấu mạnh kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thế giới.

Sự hình thành mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là kết quả của nhiều năm tìm tòi, đổi mới, tổng kết lý luận – thực tiễn, đồng thời là sự khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng, sáng tạo của Đảng và nhân dân ta. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới gần hai thập kỷ qua khẳng định xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Từ thực tiễn những thay đổi to lớn trong đời sống kinh tế xã hội, nhân dân tin tưởng đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được hình thành trên những nét rất cơ bản. Nhưng, đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn phức tạp, vì rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, còn nhiều vấn đề chưa rõ về cả lý luận và thực tiễn, phải vừa tiếp tục tìm tòi, đổi mới, vừa coi trọng tổng kết lý luận và thực tiễn để làm sáng tỏ dần, trên cơ sở đó có những quyết sách phù hợp, đột phá, để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Bản sao lưu

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG
Nguyên Ủy viên T.Ư Đảng,
Trưởng ban Khoa giáo Trung ương

Sau gần 20 năm đổi mới, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta đã được giải quyết một cách khá hiệu quả. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm liền. Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Làm thế nào để có thể giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chiến lược, giới khoa học xã hội nói chung và các nhà kinh tế ói riêng ở hầu hết các nước trên thế giới. Nhờ sự tiến bộ vượt bậc của khoa học – công nghệ và cùng với sự quyết tâm, điều chỉnh, đổi mới các yếu tố thể chế vận hành, cơ chế tác động, nền kinh tế thế giới nói chung trong thế kỷ 20 đã đạt được tốc độ tăng trưởng to lớn, tạo ra một khối lượng sản phẩm khổng lồ cho nhân loại.

Với sự tác động tích cự của quá trình toàn cầu hóa, của làn sóng cải cách theo xu hướng mở rộng tối đa không gian tự do cho kinh tế thị trường mà nhất là kinh tế tri thức mà đi liền với nó là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học với hàng loạt công nghệ mới đã và sẽ xuất hiện, thì khả năng tăng trưởng mạnh của kinh tế thế giới thế kỷ 21 chắc chắn vẫn là xu thế nổi trội. Thế nhưng, hiện nay cả loài người đang đứng trước một vấn đề hết sức nan giải, đó là mâu thuẫn tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng nhanh với hố ngăn cách và sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng ngày càng lớn giữa các khu vực, các dân tộc và giữa các tầng lớp xã hội trong mỗi nước. Liệu loài người có thể có giải pháp chung để tiến tới toàn cầu hóa sự công bằng và tiến bộ chung hay không?

Bản sao lưu trữ

Phải khẳng định rằng, không có tăng trưởng kinh tế thì không thể có tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, nhưng phải chăng, nghèo đói và bất bình đẳng là hệ quả tất yếu của tăng trưởng kinh tế?

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đã và đang cố gắng tìm cho mình con đường riêng để giải quyết mâu thuẫn trên. Các giải pháp đưa ra ở các nước trong thế kỷ 20 rất đa dạng, song tựu trung lại thì hoặc là ưu tiên tăng trưởng kinh tế trước, giải quyết công bằng xã hội sau hoặc là đặt các mục tiêu xã hội lên trước các mục tiêu kinh tế. Kinh nghiệm cho thấy cả hai cách làm đó đều có những hạn chế mà hệ quả của nó đều gây ra sự chống đối và sự khủng hoảng trong đời sống xã hội.

Với tư cách là một Đảng, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng, và trong sự hiện diện của mình luôn là đại biểu trung thành cho lợi ích của nhân dân lao động, Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng: giữa việc tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, làm điều kiện và tiền đề cho nhau cùng phát triển. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở, tiền đề để thực hiện quan trọng thúc đẩy và bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Thực tiễn qua 20 năm đổi mới đất nước đã và đang minh chứng rõ điều này.

Những kết quả đạt được

Về nhận thức, chủ trương và quan điểm với những nỗ lực vượt qua bao khó khăn chồng chất ở giai đoạn khủng hoảng kinh tế – xã hội, thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã giành được những thành tựu mà cả thế giới đều công khai ghi nhận: từ tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng vào những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ 20, nền kinh tế đã duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân cao so với khu vực Châu Á liên tục từ đầu thập kỷ 90 cho đến nay; thu nhập bình quân đầu người, mức sống và trình độ dân trí đều được nâng cao so với giai đoạn trước đổi mới; chỉ số phát triển con người (HDI) đã có những bước cải thiện đáng kể; chương trình xóa đói, giảm nghèo được chú trọng và đã đem lại nhiều kết quả đáng khích lệ; từ chỗ thiếu đói triền miên, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới...

Trước đổi mới, do nhiều nguyên nhân mà chủ yếu là do những sai lầm chủ quan, duy ý chí trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Bản sao lưu trữ

về cải tạo XHCN và xây dựng CNXH theo mô hình cũ, đất nước ta đã lâm vào khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng. Trong điều kiện đó nhiều mục tiêu về phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đã không thể thực hiện được như mong muốn.

Từ Đại hội VI (12-1986) đến nay, quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện thông qua hệ thống các chủ trương và quan điểm cơ bản. Theo đó, đã hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Đại hội IX khái quát là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa), có tác động khơi dậy và nhân lên tính năng động, chủ động và tính tích cực của xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư, tạo nên luồng sinh khí mới làm xoay chuyển tình hình mọi mặt đất nước. Đồng thời, từng bước khẳng định ngày càng rõ hơn việc thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Mặt khác, đã thiết lập cơ chế, chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm cho mình và cho người khác, xem mọi hoạt động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm; khẳng định chủ trương khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Chúng ta khẳng định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm phát huy nguồn lực con người – yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Xem phát triển giáo dục, khoa học, y tế là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo. Đề xuất quan điểm tổng quát văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội; Có quan niệm mới các tầng lớp xã hội mà Cương lĩnh 1991 đã nêu lên quan niệm về việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, đoàn kết chặt chẽ góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao; khẳng định mạnh mẽ chiến lược kinh tế – xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo điều

kiện cho mọi người với tư cách từng cá nhân và cả cộng đồng đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

Từ hệ thống những chủ trương, quan điểm trên và từ thực tiễn của quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế phải đi đôi và gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong 20 năm qua đã cho chúng ta bài học tổng quan trong vấn đề này là: Phải có sự thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Về kết quả thực tế, kết quả phát triển kinh tế trong những năm qua là cơ sở thuận lợi để Nhà nước ta có thể huy động các nguồn lực tăng cường đầu tư cho phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng. Với những nền tảng đó, hệ thống chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa... đã có nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai, củng cố và hoàn thiện trong thực tế.

Theo tinh thần các chủ trương và quan điểm trên của Đảng, Chính phủ đã lần lượt thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống. Nhờ vậy, thực tiễn đổi mới ở nước ta thời gian qua đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về phát triển văn hóa, xã hội trong sự gắn bó với phát triển kinh tế.

- Nhìn chung, sau gần 20 năm đổi mới, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện về tiến bộ công bằng và xã hội ở nước ta đã được giải quyết một cách khá hiệu quả. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm liền. Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Từ năm 1991 đến nay, trung bình năm cả nước giải quyết cho khoảng 1 đến 1.2 triệu người lao động có việc làm và khai thác dầu khí, phát triển thủy điện, xây dựng cầu, đóng tàu biển, sản xuất vắc-xin phòng dịch...

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ, góp phần hạ thấp đáng kể tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, cơ bản thanh toán một số dịch bệnh phổ biến trước đây, khống chế thành

công bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS). Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 69 tuổi hiện nay.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) từ dưới mức trung bình: 0,498 năm 1991 tăng lên mức trung bình: 0,688 năm 2002.

Nếu so với thứ bậc xếp hạng GDP bình quân đầu người thì thứ bậc xếp hạng HDI của Việt Nam năm 2002 vượt lên 19 bậc. Điều đó chứng tỏ sự phát triển kinh tế của Việt Nam có xu hướng phục vụ sự phát triển con người, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội tốt hơn so với một số nước đang phát triển có GDP bình quân đầu người cao hơn nước ta.

- Về văn hóa, việc triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ do Nghị quyết Hội nghị T.Ư 5 khóa VIII đề ra đã góp phần củng cố sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với đường lối đổi mới toàn diện của đất nước. Tính chủ động, sáng tạo của nhân dân được phát huy. Các tài năng văn hóa – nghệ thuật được khuyến khích. Nhiều di sản văn hóa, cả vật thể và phi vật thể, được giữ gìn tôn tạo. Những giá trị và sắc thái văn hóa của 54 dân tộc anh em được kế thừa và phát triển, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Giao lưu, hợp tác văn hóa với nước ngoài được mở rộng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu rất đáng tự hào, quá trình đổi mới kinh tế – xã hội nước ta thời gian qua còn nhiều mặt yếu kém cần được tiếp tục giải quyết trong thời gian tới.

Trên lĩnh vực phát triển kinh tế, nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa tuy đã hình thành, song chậm được thể chế hóa đồng bộ.

Trên lĩnh vực phát triển xã hội, nhiều chính sách đã ban hành chưa được thực hiện tốt, một số chính sách còn thiếu hoặc có những điểm bất cập so với sự biến chuyển của tình hình thực tế. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số miền núi còn nhiều khó khăn.

Mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn cũng tăng từ 1,95 lần năm 1992 lên 2,01 lần năm 1995 và 2,27 lần năm 2002, đến 2004 là khoảng bốn lần. Nếu so sánh về mức sống của dân cư ở

miền xuôi và dân cư ở miền núi, nhất là ở các xã vùng cao, thì độ dãn cách còn lớn hơn nữa.

Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 8% đến 9% vào đầu những năm 1990 xuống còn khoảng 6% năm 2004, nhưng vẫn còn ở mức khá cao, *vượt khỏi giới hạn an toàn của tỷ lệ thất nghiệp trong một quốc gia* (thường là 2 đến 3%).

Hiện tượng làm giàu phi pháp do tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo, đầu cơ chưa được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả.

Ngoài ra, trong các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân (nhất là khám, chữa bệnh cho người nghèo), điều tra và xét xử các vụ án, v.v. cũng còn nhiều việc phải chấn chỉnh, cải cách, cải tiến để thật sự bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển con người, đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Vấn đề đặt ra và giải pháp để tiếp tục thực hiện

Qua thực tiễn 20 năm đổi mới đã đặt ra một số vấn đề buộc chúng ta phải tính đến và cụ thể hóa hơn, giải quyết triệt để hơn, nếu như muốn bảo đảm việc tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội đem lại kết quả khả quan và bền vững.

Một là, sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội phải được thực hiện ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Muốn vậy, mỗi chính sách phát triển kinh tế phải đồng thời hướng tới thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; mỗi chính sách phát triển văn hóa, phát triển xã hội phải "mới" và tạo điều kiện thúc đẩy cao nhất cho phát triển kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài.

Hai là, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho mọi công dân, - kể cả những người yếu thế và dễ bị tổn thương đều có cơ hội tiếp cận công bằng các nguồn lực phát triển và các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe, việc làm, thông tin; tư vấn pháp luật... để họ có thể tự lo liệu và dần dần cải thiện cuộc sống của bản thân, gia đình, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung.

Ba là, thách thức đặt ra cho Việt Nam hiện nay rất phức tạp và nan giải: Tỷ lệ nghèo đói so với chuẩn thế giới còn lớn; những mặt trái của cơ chế thị trường đang làm nảy sinh những vấn đề xã hội bức xúc: đó là sự phân hóa giàu nghèo; sự cách biệt về tốc độ phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền; sự gia tăng các tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm hình sự, sự suy thoái về lối sống và đạo đức; tham nhũng đã thật sự trở thành quốc nạn; chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp so với các nước trong cùng khu vực và rất thấp so với các nước phát triển.

Những vấn đề này nếu không được giải quyết thỏa đáng và kiên quyết, thì khó có thể đạt được phát triển bền vững, càng không thể có công bằng xã hội thật sự, và chắc chắn sẽ gây những cản trở không nhỏ trong quá trình tiếp tục đổi mới để đạt tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công bằng xã hội, cần phải tập trung vào những định hướng chính sách sau:

Một là, đẩy mạnh việc thể chế hóa đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải tiến các chính sách quản lý vĩ mô, nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp trong xã hội đều có cơ hội tiếp cận một cách công bằng đối với các yếu tố "đầu vào" của sản xuất, kinh doanh.

Hai là, đối với thành quả của quá trình sản xuất, kinh doanh, cần tiếp tục thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào quá trình trên.

Ba là, ngoài việc phân phối lần đầu cho những người trực tiếp tham gia quá trình sản xuất, kinh doanh như trên đã nói, Nhà nước cần phải thi hành chính sách phân phối lại thông qua các sắc thuế (như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập...) để điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, tăng thêm nguồn thu nhập cho ngân sách và phân bổ một cách công bằng, hợp lý các khoản chi từ ngân sách này cho đầu tư phát triển kinh tế – xã hội.

Riêng trong lĩnh vực đầu tư cho phát triển các vùng lãnh thổ, một mặt cần tập trung đầu tư ở mức hợp lý cho các vùng kinh tế động lực, nhằm tạo ra những đầu tàu tăng trưởng để kéo toàn bộ đoàn tàu kinh tế Việt Nam đi lên

Bản sao lưu trữ

nhanh hơn. Song, mặt khác, cũng cần chú trọng đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, nhằm giảm dần khoảng cách, trình độ phát triển giữa các vùng miền, từng bước khắc phục tình trạng "bất công tự nhiên" và "bất công do lịch sử để lại"; giữ vững ổn định chính trị – xã hội bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, cũng có thể áp dụng cơ chế riêng đối với những vùng có lợi thế về kinh tế để hỗ trợ những vùng yếu thế hơn.

Bốn là, tiếp tục khuyến khích không hạn chế mọi người làm giàu hợp pháp, trước hết là những công nhân lành nghề, những nông dân sản xuất giỏi, những nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao, những nhà kinh doanh có tài.

Năm là, đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp, cần đẩy mạnh hơn nữa công cuộc xóa đói, giảm nghèo, tập trung phần lớn ở những vùng nghèo, xã nghèo, nhất là xã đặc biệt khó khăn.

Sáu là, cần mở rộng chính sách phúc lợi xã hội thành hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc, xem đây là một trong những chỉ báo quan trọng của một xã hội công bằng và văn minh.

Hệ thống chính sách an sinh xã hội này bao gồm:

1) Chính sách ưu đãi xã hội, nhằm bảo đảm mức sống ít nhất trên trung bình cho những người có công trong quá trình cách mạng và kháng chiến trước đây;

2) Chính sách bảo hiểm xã hội nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của những người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, bệnh tật tuổi già...);

3) Chính sách trợ cấp xã hội để hỗ trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ...;

4) Chính sách cứu tế xã hội để cưu mang những người bị thiệt hại nặng do địch họa, thiên tai hoặc rủi ro trong cuộc sống;

Bản sao lưu trữ

5) Chính sách tương trợ xã hội, như phát huy truyền thống tương thân, tương ái "lá lành đùm lá rách" trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống.

Bảy là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, loại bỏ những kẽ hở trong cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện để ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả những hiện tượng làm giàu phi pháp.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

THÀNH TỰU CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

PHẠM MẠNH HÙNG
Nguyên Phó trưởng ban Khoa giáo
T.Ư

Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới đã qua chúng ta có thể rút ra một số bài học về y tế Việt Nam, nổi bật là kiên trì đường lối phát triển y tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp với đổi mới một số nhận thức và quan điểm cho phù hợp với tình hình mới.

Bản sao lưu trữ

Điểm xuyên suốt và nhất quán trong các quan điểm về chăm sóc sức khỏe của Đảng ta là xác định đúng vai trò quan trọng của sức khỏe và công tác chăm sóc sức khỏe. Xuất phát từ quan niệm con người là vốn quý quan trọng nhất trong sự nghiệp CNH, HĐH chúng ta luôn nhấn mạnh sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và toàn xã hội. Nhấn mạnh quan điểm này là để các cấp lãnh đạo của đảng và chính quyền luôn coi trọng chăm sóc sức khỏe trong các chương trình phát triển kinh tế – xã hội của cả đất nước và của mỗi địa phương.

Khi nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới là tập trung cho tăng trưởng kinh tế, rất dễ xuất hiện tư tưởng coi nhẹ vai trò của sức khỏe, coi sức khỏe là "của trời cho", chỉ biết sử dụng sức khỏe để làm kinh tế mà quên mất đầu tư cho việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Điều này cần được nhận thức đầy đủ không chỉ ở các nhà lãnh đạo các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Chính vì vậy chúng ta khẳng định đầu tư chăm sóc sức khỏe là đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội, hoạt động y tế là một trong những chính sách được ưu tiên hàng đầu và thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ XHCN.

Điểm nổi bật thứ hai về quan điểm là khi bước vào đổi mới, sự phân hóa giàu nghèo bắt đầu xuất hiện, Đảng sớm khẳng định tính chất công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Điều này thể hiện rõ nhất ở chỗ chúng ta phấn đấu xây dựng một nền y tế cho mọi người dân, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số; không phân biệt sống ở nông thôn hay thành thị, miền xuôi hay miền núi; đều được chăm sóc sức khỏe, kể cả phòng bệnh lẫn thuốc men chữa bệnh và phục hồi chức năng.

Mặc dù khi chúng ta thực hiện quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường, xã hội có sự phân hóa giàu nghèo do mặt trái của cơ chế thị trường mang lại, nhưng nền y tế Việt Nam vẫn kiên trì theo đuổi định hướng này. Chúng ta luôn khẳng định tính chất nhân đạo của chăm sóc sức khỏe. Đề cao tính chất nhân đạo của y tế, đồng nghĩa với việc không bao giờ gắn y tế với mục đích thương mại như những ngành kinh tế hoặc một số ngành khác. Nghị quyết 46/NQ-T.Ư của Bộ chính trị ngày 23-2-2005 đã chỉ rõ: "Đổi mới hệ thống y tế theo hướng: công bằng hiệu quả và phát triển nhằm tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người dân được bảo vệ và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao, phù hợp với sự phát triển kinh tế của đất nước. Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, nhằm từng bước đạt tới công bằng trong chăm sóc sức khỏe, thực hiện chia sẻ giữa người khỏe với người ốm, người giàu với người nghèo, người trong độ tuổi lao động với trẻ em, người già, công bằng trong đãi ngộ với cán bộ y tế".

Điểm đổi mới thứ ba về quan điểm là vấn đề xã hội hóa và đa dạng hóa ngành y tế Việt Nam. Năm 1993 Nghị quyết 04/NQ-T.Ư đã đề ra chủ trương "xã hội hóa y tế" và chỉ rõ: "Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt".

Thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, trong những năm qua chúng ta thấy đã có những thành tích nổi bật:

Ngoài y tế công lập tiếp tục được bổ sung và tăng cường, chúng ta đã có nhiều cơ sở y tế tư nhân xuất hiện với các hình thức khác nhau.

Tuy vậy, việc xã hội hóa y tế vẫn còn nhiều bất cập. Đứng trước nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày một tăng mà khả năng đáp ứng có hạn. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa là một yêu cầu khách quan. Nghị quyết 46/NQ-T.Ư của Bộ Chính trị "về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới" đã nêu rõ quan điểm "xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe gắn với tăng cường đầu tư của nhà nước, thực hiện tốt việc trợ giúp cho các đối tượng chính sách và người nghèo trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến

Bản sao lưu trữ

khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe".

Thông qua hoạt động thực hiện chủ trương xã hội hóa, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Cần phải xác định và hiểu đúng chủ trương xã hội hóa, không được hiểu khái niệm này một cách phiến diện hay cực đoan. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể, một mặt, phát huy sự năng động và tích cực của mọi thành viên trong xã hội vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe, mặt khác mới tránh được những khuynh hướng sai lầm trong việc "thương mại hóa" nền y tế.

- Cần nắm vững mục tiêu ưu tiên của xã hội hóa y tế: Trong giai đoạn hiện nay xã hội hóa y tế phải nhằm vào mục tiêu chính là phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người có công với nước, người thuộc diện chính sách và người thuộc diện khó khăn về mặt sức khỏe.

Bên cạnh việc vạch ra những quan điểm khẳng định bản chất chính trị của nền y tế của nhân dân, chúng ta cũng tiếp tục khẳng định những quan điểm mang tính học thuật chủ yếu của y học và y tế Việt Nam. Đó là: coi trọng công tác phòng bệnh, kết hợp chặt chẽ giữa phòng bệnh một cách tích cực và chủ động với điều trị một cách chất lượng và toàn diện. Để khắc phục những mặt trái do cơ chế thị trường và đề phòng khuynh hướng đơn thuần chạy theo lợi nhuận do khám, chữa bệnh mang lại, dẫn đến coi nhẹ y tế dự phòng, công tác y tế dự phòng lại càng phải được nhấn mạnh và coi trọng. Nghị quyết 37/NQ-CP đã chỉ rõ: "Dự phòng tích cực và chủ động là quan điểm xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển nền y tế Việt Nam". Gần đây Nghị quyết 46/NQ-T.Ư đã nhấn mạnh việc "thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện, tức là gắn chặt phòng bệnh với chữa bệnh, phục hồi chức năng và tập luyện thể dục thể thao". Ngoài ra, việc gắn kết hợp Đông y và Tây y đã được tiếp tục phát triển trên tất cả các mặt: thừa kế, nghiên cứu lý luận, ứng dụng và nuôi trồng dược liệu nhằm mục đích xây dựng một nền y học Việt Nam theo phương châm "khoa học, dân tộc và đại chúng".

Tiếp tục coi trọng y tế cơ sở đồng thời từng bước hoàn thiện mạng lưới y tế. Mặt trận y tế nông thôn ngày nay luôn được coi là xương sống của y tế. Tuy chưa phân định rõ rệt về cơ cấu y tế cơ sở, nhưng theo tinh thần Chỉ thị 06/CT-T.Ư của Ban Bí thư T.Ư Đảng khóa IX, chúng ta hiểu y tế cơ sở gồm y tế tuyến thôn ấp, tuyến xã và tuyến huyện. Trong những năm đầu tiên của sự nghiệp đổi mới, y tế nông thôn rơi vào khủng hoảng do các hợp tác xã nông nghiệp – chỗ dựa chính của các trạm y tế xã – bị tan rã. Nhưng chúng ta đã

kịp thời đưa ra Chính phủ ban hành ngày 3-2-1994 đã quy định "Một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở" đã được nhiều người ví như "một trận mưa rào cho vùng nắng hạn lâu ngày". Chỉ thị 06/CT-T.Ư của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VIII ban hành ngày 20-1-2002 đã chỉ rõ: "Mạng lưới y tế cơ sở (gồm y tế thôn bản, xã, phường, quận, huyện) là tuyến y tế trực tiếp gần dân nhất, đảm bảo cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe cơ bản với chi phí thấp, góp phần thực hiện công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội, tạo niềm tin của nhân dân với chế độ xã hội chủ nghĩa". Nhờ những quyết sách kịp thời này, trong những năm qua những tuyến y tế cơ sở trong cả nước đều được tăng cường cán bộ, cơ sở hạ tầng cả về số lượng lẫn chất lượng. Với sự có mặt của bác sĩ tại hơn 60% số xã trong toàn quốc, ngành y tế là ngành đầu tiên đã đưa cán bộ có trình độ đai học về nông thôn, mở đầu cho bước chuyển biến mới về chất của các bộ ở các xã ở nông thôn. Việc phát triển mạnh mẽ y tế xã và y tế thôn bản kết hợp với việc hình thành mô hình Trung tâm y tế huyện ra đời trong những năm cuối thập kỷ 80 và triển khai rộng rãi trong toàn quốc theo Nghị định 01/NĐ-CP (ban hành ngày 1 – 1 -1998) trong thập kỷ 90 và những năm đầu của thập kỷ đầu tiên thế kỷ 21 là một thể hiện sinh động về thực hiện chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu hay y tế phổ cập. Hiện nay phong trào "xây dựng y tế xã đạt chuẩn quốc gia" đã trở thành một phong trào sâu rộng trong y tế cơ sở của cả nước. Chúng ta cần tiến hành sơ kết và tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động này thành một hoạt động quan trọng và thường xuyên của tuyến y tế cơ sở như Chỉ thị 06/CT-T.Ư của Ban Bí thư T.Ư khóa IX đãchỉ ra. Bên cạnh y tế cơ sở, chúng ta đã chú trọng phát triển hệ thống y tế chuyên sâu từ tuyến tỉnh trở lên. Tất cả các tỉnh đều đã có bệnh viện đa khoa trung tâm, trung tâm y tế dự phòng, trung tâm phòng chống các bệnh xã hội, trung tâm chăm sóc bà mẹ trẻ em, trung tâm giáo dục truyền thông, trung tâm phòng chống sốt rét (ở những tỉnh mà 40% nhân dân sống trong vùng sốt rét lưu hành)... Với cơ sở và trang thiết bị ngày một tốt hơn. Một số tỉnh còn có các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đông y, bệnh viện khu vực góp phần tạo ra một mạng lưới y tế đồng bộ tại tất cả các địa phương trong cả nước.

Đẩy mạnh đào tạo nhân lực y tế, đề cao khoa học và công nghệ: Để phát triển hệ thống y tế đáp ứng với nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong giai đoạn mới, ngay từ ngày đầu của thời kỳ đổi mới chúng ta đã quan tâm đến phát triển nhân lực y tế thông qua đào tạo đồng bộ các loại hình cán bộ y tế. Trước hết là phát triển hệ thống nhà trường: bao gồm mỗi tỉnh có một trường trung

học y tế (hiện nay một số trường này đã trở thành cao đẳng y tế), các trường đại học y và dược. Hệ thống chức danh y tế cũng được hoàn thiện theo xu thế mới của y tế thế giới nhưng cũng phù hợp từng vùng và miền của nước ta (chỉ tiếp tục đào tạo y sĩ cho các tỉnh miền núi; mở thêm đào tạo bác sĩ cơ sở cho tuyến xã; phát triển hệ dài hạn và thu hẹp dần hệ chuyên tu, hàm thụ; mở rộng hệ thống đào tạo bác sĩ cử tuyển cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đào tạo điều dưỡng, nữ hộ sinh trung học, y tá thôn bản...). Chủ trương đưa bác sĩ về công tác ở tuyến xã đã làm chuyển hướng mạnh mẽ việc đào tạo bác sĩ theo hướng cộng đồng. Chính nhờ sự đổi mới chính sách đào tạo mà ngày nay chúng ta có thể cung cấp tương đối đủ nhân lực y tế cho tất cả các tuyến, đặc biệt là tuyến huyện và tuyến xã. Vào thời kỳ những năm 80 của thế kỷ 20, mỗi huyện chỉ có hai, ba bác sĩ, nhiều huyện miền núi không có bác sĩ thì nay đa số các huyện đều có 10 bác sĩ trở lên (một số huyện có cả bác sĩ đã tốt nghiệp sau đại học), hơn 60% số xã đã có bác sĩ, hơn 80% số xã đã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh trung học, hơn 80% số thôn, bản có nhân viên hoặc y tá được đào tạo. Việc đào tạo sau đại học đã được đẩy mạnh với tất cả các loại hình đào tạo. Việc đưa các lớp chuyên khoa cấp I về địa phương có đủ điều kiện đào tạo đã vừa giúp cho học viên tại địa phương có điều kiện theo học để nâng tỷ lệ bác sĩ được đào tạo chuyên khoa của tuyến tỉnh, vừa tạo điều kiện chấn chỉnh các sai phạm về kỹ thuật của tuyến dưới thông qua hình thức "cầm tay chỉ việc" của đội ngũ giáo viên do các trường đại học cử về. Đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ ngày càng tăng về số lượng và chất lượng so với những năm trước đổi mới. Trong 20 năm đổi mới, khoảng cách giữa nền y học nước ta với các nước tiên tiến trong khu vực đã dần dần được thu hẹp: Ba trung tâm y tế chuyên sâu ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Huế đã trở thành những chỗ dựa về kỹ thuật và đào tạo cán bộ chuyên khoa cho các tuyến dưới. Những kỹ thuật mổ tim hở, nong mạch vành, ghép thận, mổ u não bằng "dao gamma"... đã không còn xa lạ đối với việc khám chữa bệnh. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học có giá trị đã được đưa vào thực tiễn hoạt động của ngành, đạt kết quả cao và đã được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc giải thưởng Nhà nước như "cụm công trình chiết xuất artemesinin từ thanh hao hoa vàng để chữa sốt rét", "cụm công trình nghiên cứu ghép tạng để áp dụng vào Việt Nam"... Thành công của việc khống chế dịch SARS đầu năm 2003 đã làm tăng uy tín của nền y học nước nhà trên trường quốc tế.

Đổi mới cơ chế đầu tư cho y tế: Bên cạnh việc Nhà nước tăng đầu tư cho y tế qua ngân sách từng năm, bảo hiểm y tế đã hình thành và từng bước được

mở rộng diện bao phủ; giải pháp viện phí tuy là một "giải pháp tình thế" nhưng đã kịp thời tháo gỡ nhiều khó khăn cho việc chi tiêu phục vụ các dịch vụ y tế, nhất là hoạt động khám chữa bệnh tại các bệnh viện. Công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo sớm được quan tâm cụ thể thông qua tạo nguồn kinh phí cho hoạt động này. Thu phí phải đi kèm miễn phí (tức là thu viện phí ở người có khả năng chi trả cho việc khám chữa bệnh theo yêu cầu để có thêm điều kiện hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo). Nhiều loại quỹ dành cho việc khám, chữa bệnh của người nghèo, các hoạt động nhân đạo từ thiện hình thành và phát triển cùng với nhiều chủ trương chính sách cụ thể của Nhà nước đã thể hiện tinh thần "tương thân tương ái" trong việc chia sẻ của cộng đồng đối với những người bệnh thuộc diện khó khăn về kinh tế, người bệnh ở vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống... Bên cạnh đó, chúng ta đã chủ động vay vốn của các quỹ tiền tệ quốc tế (Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á...) và một số chính phủ các nước, kết hợp với vận động viện trợ của chính phủ các nước và các tổ chức NGO quốc tế, số lượng ngân sách dành cho y tế ngày một tăng. Trong phân bổ ngân sách bên cạnh việc tính ngân sách theo đầu dân, Nhà nước đã đặt ra hệ số ưu tiên cho đồng bào sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh việc phân bổ tài chính theo lãnh thổ, Nhà nước còn đề ra các chương trình mục tiêu quốc gia do Bộ Y tế trực tiếp quản lý (như chương trình phòng chống sốt rét, phòng chống lao, phòng chống phong, phòng chống bướu cổ, phòng chống suy dinh dưỡng...) để tập trung nguồn lực cho một số công tác trọng điểm và vùng trọng điểm. Nhờ đổi mới trong đầu tư cho y tế, các cơ sở y tế đã dần dần được trang bị tốt hơn cả về cơ sở hạ tầng lẫn trang thiết bị và đào tạo cán bộ. Nhiều công nghệ cao đã được thực hiện chẳng những ở các thành phố lớn mà bước đầu ngay tại một số bệnh viện đa khoa trung tâm của một số tỉnh như chẩn đoán hình ảnh, sinh hóa – huyết học tự động, mổ nội soi, mổ sọ não...

Đẩy mạnh sản xuất, phân phối cung cấp thuốc. Trước khi bước vào đổi mới, nước ta trong tình cảnh khan hiếm thuốc nghiêm trọng. Thuốc giả và kém chất lượng tràn lan. Khi đổi mới, một chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước là ban hành chính sách quốc gia về thuốc với hai mục tiêu: Bảo đảm cung ứng thường xuyên và đủ thuốc có chất lượng đến người dân.

Bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, có hiệu quả....

Với chủ trương này dần dần ngành công nghiệp dược trong nước và một mạng lưới lưu thông phân phối thuốc đã được hình thành và phát triển. Những chính sách mới trong sản xuất và kinh doanh thuốc lần lượt ra đời theo chủ trương này đã vừa làm cho thị trường thuốc dần dần ổn định và phát triển, vừa

làm cho chất lượng thuốc ngày càng cao. Nhà nước có chính sách thuế khuyến khích sản xuất thuốc trong nước. Ngày nay chúng ta có 30% số xí nghiệp thuốc trong cả nước đạt tiêu chuẩn "thực hành sản xuất thuốc tốt" (GMP) và ASEAN và Tổ chức Y tế thế giới, sản xuất thuốc trong nước đã đủ cung cấp cho 40% nhu cầu thuốc thiết yếu và bước đầu có một số mặt hàng thuốc xuất khẩu. Công nghiệp dược luôn luôn đạt tỷ trọng phát triển cao so với các ngành công nghiệp khác. Đã hình thành một mạng lưới phân phối thuốc, kể cả đến tận vùng sâu, vùng xa. Ngành y tế có trách nhiệm xây dựng và ban hành danh mục thuốc thiết yếu và Nhà nước có chính sách hỗ trợ giá thuốc để mọi người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, miền núi đều được cung cấp đủ thuốc thiết yếu cho phòng bệnh và chữa bệnh. Công tác thanh tra và kiểm tra chất lượng thuốc được coi trọng và thường xuyên tiến hành trên mọi địa bàn, vì vậy đã góp phần ngăn chặn nạn thuốc giả và thuốc kém chất lượng. Gần đây chủ trương cổ phần hóa các xí nghiệp hóa – dược phẩm đã tạo ra sự chuyển biến tích cực mới trong sản xuất và lưu thông phân phối thuốc. Bên cạnh thuốc, việc sản xuất vắc-xin phòng bệnh cũng được quan tâm: năm trong sáu loại vắc-xin của chương trình tiêm chủng mở rộng đã được sản xuất trong nước, hiện nay chúng ta đã sản xuất thêm được nhiều loại vắc-xin mới đạt chất lượng cao (vắc-xin tả uống, vắc-xin viêm não Nhật Bản B, viêm gan B...). Coi trọng việc sản xuất trong nước, tự lực trong phân phối và lưu thông thuốc, vắc-xin và luôn đề cao chất lượng thuốc, vắc-xin là những bài học quý giá trong thời kỳ mở cửa và phát triển cơ chế thị trường của nền y tế nước nhà.

Chính nhờ những đổi mới như trên, phần lớn các chỉ tiêu tổng quát về sức khỏe của nhân dân ta đều vượt các nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. Ngày nay tuổi thọ bình quân của nước ta đã đạt 71,3 tuổi, tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 50% (năm 1990) xuống còn 34% (năm 2000) và 24% (năm 2005), tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi trong 1.000 trẻ được đẻ ra từ 81 phần nghìn (năm 1990) xuống còn 41 phần nhìn (năm 2000). Những thành tựu này đã góp một phần quan trọng trong việc nâng cao chỉ số HDI của nước ta từ mức dưới trung bình (0,498 năm 1991) lên mức trung bình (0,688 năm 2002) và xếp thứ 109/173 nước, trong khi GDP bình quân đầu người của Việt Nam chỉ xếp thứ 128/173 nước. Năm 2004 với chỉ số 0,691, nước ta xếp thứ 112/177 nước được điều tra. Năm 2005, Việt Nam được lên 4 bậc, xếp thứ 108/177 nước được điều tra.

Nếu nhìn lại những năm khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, chúng ta mới thấy hết những cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc

vượt qua những thử thách để vừa giữ vững bản chất nhân đạo của một nền y tế, vừa khắc phục những khó khăn bất cập về chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế và tạo nguồn đầu tư cho y tế. Trước mắt, nền y tế Việt Nam vẫn còn nhiều thử thách và cam go một khi sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, tệ nạn xã hội và tư tưởng chạy theo lợi nhuận có xu hướng gia tăng. Nhưng với sự quyết tâm của toàn Đảng và toàn dân trong việc xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh", chúng ta tin tưởng rằng nền y tế Việt Nam sẽ giữ vững bản chất nhân đạo và góp phần một cách xứng đáng trong việc trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

GIỮ VỮNG AN NINH QUỐC GIA VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

NGUYỄN KHÁNH TOÀN
Ủy viên T.Ư Đảng,
Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an

Sau 20 năm đổi mới, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong đó có những thành tựu hết sức quan trọng trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội của đất nước.

Thành tựu của công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... đã mang lại những nền tảng cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi và tăng cường sức mạnh để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự xã hội; ngược lại, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã có những đổi mới về quan điểm, đường lối, chủ trương, phương pháp công tác và giành được những kết quả rất quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ thành quả cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới đất nước.

Bước vào công cuộc đổi mới, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội của nước ta, bên cạnh những thuận lợi, đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hết sức nghiêm trọng. Tình hình quốc tế biến động rất phức tạp, lợi dụng sự sụp đổ của Liên Xô và tình hình khó khăn, khủng hoảng của các nước XHCN, các thế lực thù địch, phản động cho đây là "thời cơ", ráo riết tiến hành chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, tăng cường phá hoại trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa... nhằm từng bước làm biến dạng, chuyển hóa và khi có điều kiện sẽ lật đổ chế độ ở các nước XHCN còn lại. Cùng với việc tiếp tục bao vây, cấm vận về kinh tế, các thế lực thù địch tập trung mũi nhọn tiến công về chính trị, tư tưởng, nhằm làm mất uy tín

và tìm cách xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, đưa ra các chiêu bài "đa nguyên chính trị", "đa đảng", "dân chủ", kích động vấn đề "nhân quyền" để gây rối về chính trị, tăng cường các hoạt động phá hoại tư tưởng, văn hóa, tán phát ấn phẩm phản động, xuyên tạc sự nghiệp đổi mới, gây nghi ngờ về con đường đi lên XHCN mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, chia rẽ nhân dân với Đảng, phá hoại truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Chúng tìm cách tiến công, phân hóa và chia rẽ nội bộ ta, lôi kéo, kích động những người có tư tưởng sai trái, những người không kiên định, hám danh, hám lợi, bè phái, bất mãn, cơ hội, hữu khuynh, nhằm cài cắm, tạo dựng lực lượng chống đối từ trong nước.

Trong khi đó, mô hình quản lý kinh tế tập trung, bao cấp đã bộc lộ những nhược điểm hết sức nặng nề, dẫn đến niềm tin của nhân dân vào CNXH bị giảm sút nghiêm trọng, tình hình kinh tế – xã hội của ta có nhiều khó khăn gay gắt và chưa ổn định, ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh, trật tự xã hội, cơ hội cho kẻ địch lợi dụng chống phá cách mạng, gây bất ổn định về an ninh, trật tự. Những biểu hiện sơ hở trong quản lý nội bộ, mất đoàn kết, mất cảnh giác, làm sai chính sách, không tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân ở một bộ phận cán bộ, đảng viên ảnh hưởng không tốt đến công tác bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Về chủ quan, chúng ta đã đối phó có hiệu quả bước đầu với âm mưu, tổ chức vũ trang bạo loạn của địch trong "kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt", nhưng đối với các âm mưu, hoạt động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa... thì còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Hoạt động của lực lượng Công an nhân dân bộc lộ nhiều mặt tồn tại, bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ và diễn biến tình hình, nhất là về bố trí lực lượng, công tác nắm tình hình, chủ trương đối sách, biện pháp công tác, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm việc.

Trước tình hình trên của đất nước, để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì mục tiêu xây dựng CNXH, Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới. Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn và kịp thời, đáp ứng những đòi hỏi bức bách của xã hội, trong đó việc giữ vững an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là điều kiện cực kỳ quan trọng để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị; giữ gìn trật tự an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng, bằng mọi phương tiện cần thiết, trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng

cao, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng xí nghiệp, cơ quan, phường, xã, quận, huyện an toàn về mọi mặt, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương, xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh. Ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và các hoạt động tình báo, gián điệp.

Để triển khai thực hiện đường lối do Đại hội Đảng đề ra, trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, chúng ta đã liên tục có quá trình đổi mới cả về nhận thức và hành động, cả tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn. Từ việc xác định rõ mục tiêu, đối tượng, đối tác, phương châm, nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo, đến điều chỉnh bố trí lực lượng, đổi mới về chủ trương đối sách, biện pháp công tác, về phương pháp, phong cách làm việc, tổ chức và cán bộ của lực lượng Công an nhân dân cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm, diễn biến của tình hình. Quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, dựa vào nhân dân để triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, trọng tâm hoạt động đổi mới được thể hiện qua các mặt sau đây:

1 – Xác định bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ, sự ổn định và phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước luôn coi đây là một nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đoàn thể trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng, quản lý của Nhà nước, trong đó Công an nhân dân, Quân đội nhân dân là những lực lượng tham mưu, nòng cốt. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã từng bước được kết hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, lấy việc ổn định và phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước làm nền tảng giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, coi an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội.

2 – Chúng ta luôn nhạy bén, sắc bén trong đánh giá tình hình, xác định rõ đối tác, đối tượng đấu tranh. Đây là những vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, là vấn đề rất hệ trọng và nhạy cảm, cần có cách đề cập thực tế, nếu mơ hồ hoặc cứng nhắc đều có thể rơi vào tình thế lúng túng, bị động trong cách xử lý. Chính sự nhạy bén trong đánh giá đó đã tạo nên sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành về tình hình, nhiệm vụ, xác định đối tác,

đối tượng, về chủ trương, giải pháp, về xử lý tình huống cụ thể, đối sách với từng loại đối tượng để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; khắc phục cả hai khuyh hướng cứng nhắc hoặc mơ hồ, mất cảnh giác.

3 – Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã tập trung giải quyết những vấn đề có tính "then chốt" tạo nền tảng, sức mạnh cho sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đó là xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh đi đôi với kiên quyết đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị để bảo vệ Đảng, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, dựa vào nhân dân, vận động, tổ chức, phát huy vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân, chăm lo xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, trước hết là các địa bàn trọng điểm; làm chuyển biến mạnh về nhận thức, từ việc coi công tác bảo vệ an ninh, trật tự là của các cơ quan chuyên trách, trở thành xác định đây là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải huy động sức mạnh của toàn dân, sức mạnh của các cấp, các ngành để thực hiện nhiệm vụ này. Vừa tập trung đấu tranh ngăn chặn âm mưu ý đồ hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch từ bên ngoài; đồng thời tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, thường xuyên quan tâm giải quyết những nhân tố phức tạp trong nội bộ, trong nội địa, tập trung xử lý tốt các vấn đề bức xúc của xã hội, không để bên ngoài lợi dụng kích động phá hoại. Trong đó coi giải quyết ổn định những yếu tố bên trong là chính và giữ vai trò quyết định.

4 – Trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh quốc gia, đã tập trung đổi mới công tác nắm tình hình, phân tích sâu sắc, dự báo chính xác về âm mưu chiến lược và kế hoạch hành động cụ thể của từng đối tượng, trên từng địa bàn, từng lĩnh vực, từ đó có chủ trương đối sách phù hợp. Trong xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia đã luôn giữ vững nguyên tắc, đồng thời có sách lược mềm dẻo, linh hoạt, khôn khéo, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế và mọi tầng lớp xã hội, phân hóa và cô lập đối tượng chủ yếu; sử dụng các biện pháp chính trị, vận động quần chúng là chủ yếu, huy động lực lượng của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền, công an, quân đội làm tham mưu và đóng vai trò nòng cốt để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh.

5 – Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, phát huy vai trò nòng cốt, xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Hoạt động của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân luôn bám sát,

phục vụ đắc lực việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước. Lực lượng Công an nhân dân đã tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là quan hệ phối hợp với Quân đội nhân dân và ngành nội chính; chú trọng phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự; đồng thời thường xuyên và không ngừng cải tiến, đổi mới các mặt hoạt động nghiệp vụ, phương pháp công tác; vì vậy, trong những năm qua, hoạt động của lực lượng Công an nhân dân đã đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự của đất nước.

Vì vậy, 20 năm qua, trong bối cảnh tình hình an ninh thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân, sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Sức mạnh của sự nghiệp bảo đảm an ninh đất nước tiếp tục được củng cố và tăng cường. Đã tạo được chuyển biến về nhận thức, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia; từng bước xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; tăng cường củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn những khuynh hướng tư tưởng chính trị phản động, tư tưởng "đa nguyên chính trị", "đa đảng", tăng cường đoàn kết nội bộ, chống chia rẽ, chống cơ hội, bè phái cục bộ, tạo nền tảng quan trọng trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Củng cố và tăng cường thêm một bước về thế trận an ninh nhân dân kết hợp thế trận quốc phòng toàn dân ở các địa bàn trọng điểm; hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia được hoàn thiện hơn; phòng tuyến an ninh của đất nước được mở rộng. Lực lượng Công an nhân dân tiếp tục được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, phát huy vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, phản động trong "kế hoạch hậu chiến"; đánh bại "chiến tranh phá hoại nhiều mặt", bước đầu đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch. Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội; ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, gây bạo loạn chính trị, không để bên ngoài lấy cớ can thiệp; phát hiện và làm thất bại nhiều âm mưu, hoạt động phá hoại của bọn gián điệp, phản động lưu vong từ bên ngoài xâm nhập nội địa ta, ngăn chặn kịp thời âm mưu hoạt động khủng bố, phá hoại và ý đồ hình thành tổ chức chính trị phản động của các loại đối tượng. Góp phần giữ vững ổn định

chính trị – xã hội, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố, tăng cường thế và lực của đất nước, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Trong điều kiện tác động của bối cảnh tình hình an ninh thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch, các loại tội phạm gia tăng các mặt hoạt động chống phá cách mạng nước ta, nhiều nước rơi vào tình trạng mất ổn định chính trị – xã hội khi thực hiện cải tổ, thì những thành tựu trên đây càng có ý nghĩa quan trọng, góp phần khẳng định ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở nước ta, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là đúng đắn, đã và đang đi vào cuộc sống, mang lại kết quả.

Khách quan nhìn lại kết quả trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng còn bộc lộ không ít những mặt tồn tại như: Chưa tạo được sự chuyển biến thật sự rõ nét về nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về tình hình nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh, còn nhiều biểu hiện mơ hồ, chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm; ý thức bảo vệ an ninh quốc gia của một số cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân còn hạn chế. Chưa xây dựng được cơ chế hữu hiệu để thực hiện việc kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự với phát triển kinh tế – xã hội; vì vậy chưa huy động tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự. Thành tựu đạt được trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội chưa thật sự vững chắc. Chủ trương, giải pháp đấu tranh chống âm mưu hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch có lúc còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ, kịp thời, chưa đạt hiệu quả cao; chưa hình thành được thế trận liên hoàn để chủ động phát hiện và đối phó hiệu quả với những diễn biến phức tạp; trong giải quyết một số vụ việc còn bị động, lúng túng và chưa khôn khéo. Lực lượng Công an nhân dân chưa được xây dựng, trang bị đủ mạnh đáp ứng được yêu cầu công tác, chiến đấu. Việc điều chỉnh, bố trí lực lượng, đổi mới phương thức và biện pháp công tác của lực lượng công an chưa theo kịp với sự phát triển của tình hình. Có lúc, có nơi công an chưa thật sự dựa vào lực lượng và sức mạnh của đông đảo quần chúng nhân dân, còn có biểu hiện quan liêu, hành chính, nghiệp vụ đơn thuần. Trang bị phương tiện kỹ thuật, khoa học – công nghệ phục vụ công tác, chiến đấu của lực lượng công an vừa thiếu, vừa lạc hậu.

Tình hình thế giới, khu vực đang tạo ra nhiều thuận lợi mới rất quan trọng, đồng thời cũng gây ra những khó khăn, thách thức nhiêm trọng đối với

công tác bảo vệ an ninh của nước ta. Nguy cơ khủng bố đe dọa nghiêm trọng an ninh thế giới vẫn tăng; phòng, chống khủng bố đang trở thành vấn đề quốc tế lớn đòi hỏi các nước đều phải quan tâm. Các thế lực thù địch, phản động đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ", âm mưu đó được thực hiện bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, nguy hiểm, nhằm phá hoại sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, hòa bình, hợp tác để phát triển vẫn là xu thế lớn của thế giới; trong đó sự hợp tác trong lĩnh vực bảo đảm an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm; phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia ngày càng được mở rộng. Sự nghiệp đổi mới của nước ta thu được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đời sống vật chất, văn hóa của một bộ phận lớn nhân dân được nâng cao; nền kinh tế độc lập tự chủ từng bước xây dựng; sức mạnh tổng hợp của quốc gia được tăng cường; uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Tuy nhiên, những yếu tố đe dọa ổn định chính trị – xã hội ở trong nước vẫn chưa bị đẩy lùi, có nơi, có lúc sẽ còn diễn biến rất phức tạp. Các đối tượng ở trong nước tiếp tục tìm cách liên kết hình thành tổ chức chính trị phản động, cấu kết với các thế lực thù địch ở bên ngoài để hoạt động chống phá; khả năng xảy ra mất ổn định ở một số vùng vẫn còn tiềm ẩn; những khuyết điểm, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nạn tham nhũng, tiêu cực, sự xuất hiện của những tội phạm mới và hoạt động của bọn tội phạm có tổ chức, cùng với những mặt trái của kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa, đô thị hóa... đều có thể đe dọa nghiêm trọng đến an ninh, trật tự của đất nước.

Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Trọng tâm là phải tiếp tục đổi mới nhận thức về phạm vi nội dung, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, về đối tác và đối tượng, về giải quyết tốt mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh; tăng cường nghiên cứu tổng kết, đổi mới tư duy lý luận; tiếp tục đổi mới chủ trương, biện pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt công tác, nhất là công tác nghiệp vụ cơ bản; mở rộng hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc ta, giữ gìn trật tự an toàn xã hội theo đúng đường lối đối ngoại của Đảng. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của lực lượng công an trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân, của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự; xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn

với thế trận quốc phòng toàn dân; điều chỉnh việc bố trí lực lượng, cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ huy; chấn chỉnh, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, bổ sung lực lượng cho các đơn vị trực tiếp chiến đấu và công tác ở cơ sở với trang bị phù hợp và sự chỉ huy thống nhất. Tăng cường tiềm lực cho lực lượng Công an nhân dân đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời có cơ chế, chính sách ưu tiên huy động, sử dụng nhân tài, vật lực, thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Thực tiễn 20 năm đổi mới trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội không những mang lại kết quả to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới của đất nước, đồng thời cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm thiết thực trên lĩnh vực này, những bài học đó không chỉ trong lãnh đạo, chỉ đạo, mà cả trong các mặt công tác nghiệp vụ cụ thể, cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết một cách thật sâu sắc.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

THÀNH TỰU XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ VẤN ĐỀ HIỆN NAY

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu
Ủy viên T.Ư Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

Công cuộc đổi mới đất nước, đổi mới xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD) dưới ánh sáng đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng đã được gần 20 năm, khởi điểm từ Đại hội Đảng VI (12-1986); trong bối cảnh cách mạng XHCN thế giới đang ở trong tình trạng thoái trào, tiềm lực quốc phòng và chiến tranh của ta hoàn toàn dựa vào tiềm lực mọi mặt của đất nước.

Thế giới và khu vực sau chiến tranh lạnh có nhiều biến đổi, phát triển mới, các thế lực thù địch cũng thay đổi tư duy chiến lược chống phá cách mạng nước ta, thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ. Họ chống phá ta trên các mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, quốc phòng, an ninh kết hợp với răn đe quân sự, hòng lật đổ Đảng ta, Nhà nước ta, chế độ ta. Cùng với đó, là sự tác động nhiều mặt của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, v.v. Do đó, việc xây dựng và củng cố nền QPTD hiện đại của đất nước trong thời kỳ đổi mới là một nhiệm vụ mới, rất mới của Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội ta, đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn, sáng tạo những vấn đề mới đặt ra về quân sự, quốc phòng theo một tư duy mới trong đường lối đổi mới của Đảng.

Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng, có những hình thức, phương pháp, bước đi thích hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể cùng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang (LLVT) nhân dân, sự nghiệp đổi mới xây dựng nền QPTD gần 20 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng cả về nhận thức lý luận và thực tiễn. Nổi bật trước hết là, nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN sâu sắc hơn. Đã khẳng định xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau, xâm nhập vào nhau: xây dựng là gốc của bảo vệ và bảo vệ là bộ phận hợp thành của xây dựng; xây dựng phải gắn với bảo vệ, bảo vệ phải nhằm mục đích xây

Bản sao lưu trữ

dựng, phát triển tốt hơn. Đồng thời cũng nhận thức rõ hơn về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN trong điều kiện mới. Đó là, bảo vệ Tổ quốc XHCN không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ mà còn bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, xây dựng phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Nhận thức về sức mạnh và lực lượng bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của toàn dân, trong đó sức mạnh LLVT nhân dân là nòng cốt; phát huy nội lực là chính, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp quốc phòng-an ninh với kinh tế và đối ngoại. Nhận thức về phương thức bảo vệ Tổ quốc, là kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa đấu tranh phi vũ trang với vũ trang. Xây dựng vững chắc thế trận QPTD, kết hợp với thế trận anh ninh nhân dân; quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực, chủ đồng, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch. Nhận thức về xây dựng nền QPTD là nền quốc phòng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mang bản chất toàn dân, toàn diện, độc lập tự chủ, tự cường và ngày càng hiện đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Điểm mới trong tư duy về quốc phòng của Đảng ta là nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, để xây dựng nền QPTD, v.v... Cần khẳng định sự phát triển nhận thức về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là thành tựu quan trọng nhất của sự nghiệp đổi mới quốc phòng, quân sự trong 20 năm qua.

Trên cơ sở đổi mới nhận thức, tư duy lý luận về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc XHCN là biểu hiện cụ thể qua các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng IX, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX), trong thực tiễn xây dựng nền QPTD đã có những đổi mới quan trọng, đạt được thành quả tốt theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Ngay từ những năm đầu (1986-1990) của sự nghiệp đổi mới về quốc phòng, quân sự cũng như trong suốt quá trình đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo , quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước đã tiến hành kịp thời việc điều chỉnh một bước về chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng mọi mặt của đất nước. Trong đó đáng chú ý là chúng ta đã nhanh chóng bố trí lại lực lượng quốc phòng, điều chỉnh lại thế đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực, tạo ra thế phòng thủ hợp lý, vững chắc trên phạm vi cả nước và từng địa phương, tập trung vào các khu vực trọng điểm ở địa bàn chiến lược, hướng chiến lược. Phương án, kế hoạch phòng thủ chiến lược được xây dựng, bổ

sung phù hợp với sự phát triển của tình hình thực tiễn, bảo đảm chủ động, sẵn sàng đối phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược. Xây dựng LLVT nhân dân có những đổi mới quan trọng, tạo được sự chuyển biến tích cực, cơ bản và tương đối toàn diện, có bước phát triển mới. Trong đó, Quân đội nhân dân (QĐND) và Công an nhân dân được chú trọng xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đã ngày càng khẳng định được vai trò nòng cốt của nền QPTD, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đối với QĐND, chúng ta đã thực hiện chấn chỉnh một bước cơ bản về tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, giảm mạnh lực lượng thường trực, giảm đầu mối trung gian một cách hợp lý, tăng cường bảo đảm (quân số, trang bị) cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở các khu vực trọng điểm trên tuyến biên giới, biển đảo...; chú trọng bảo đảm vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật, nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục, huấn luyện; nghiên cứu thành lập những lực lượng mới (gồm cả đơn vị đặc nhiệm) theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ được quan tâm về mọi mặt, nên chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu không ngừng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tăng gia phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương, cơ sở.

Một thành tựu rất quan trọng mà chúng ta đã đạt được trong 20 năm đổi mới, đó là xây dựng thế trận QPTD ngày càng vững chắc và gắn kết với thế trận an ninh nhân dân ở mỗi địa phương, trên từng vùng và cả nước. Trong quá trình triển khai xây dựng, bằng những giải pháp mang tính chiến lược, chúng ta đã từng bước thực hiện được việc phân vùng chiến lược quốc phòng-an ninh kết hợp với phân vùng kinh tế-xã hội trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước; hoạch định và từng bước xây dựng hậu phương chiến lược, hậu phương khu vực phòng thủ... Việc triển khai các khu kinh tế-quốc phòng do các đơn vị quân đội đảm nhiệm trong những năm qua cũng là nằm trong hệ thống giải pháp chiến lược trên và trong thực tiễn hoạt động đã đạt được hiệu quả thiết thực. Nói cách khác, đó là sự quán triệt, cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng địa bàn chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với củng cố quốc phòng-an ninh trên địa bàn chiến lược vùng sâu, vùng cao, biên giới. Từ năm 1987 đến nay, chúng ta đã triển khai tích cực và đạt kết quả quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) – tổ chức quốc phòng, an ninh

theo địa bàn hành chính. Xây dựng khu vực phòng thủ là một chủ trương chiến lược nhằm trực tiếp tăng cường thế trận và khả năng phòng thủ của mỗi địa phương, tạo cơ sở nền tảng vững chắc cho thế trận QPTD gắn với thế trận an ninh nhân dân; đồng thời cũng là điều kiện cơ bản để nâng cao khả năng phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong thế trận liên hoàn quốc phòng-an ninh ở các vùng chiến lược và cả nước. Công tác giáo dục QPTD được thực hiện tốt và ngày càng đi vào nền nếp. Đặc biệt, từ khi có Chỉ thị số 62-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 15/2001/NĐ-CP của Chính phủ, công tác này càng được đẩy mạnh hơn nữa, bình quân mỗi năm bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho hàng vạn cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở và giáo dục quốc phòng cho hàng triệu lượt học sinh, sinh viên. Nhờ đó, đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, nhân dân đối với sự nghiệp tăng cường quốc phòng-an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Có thể khẳng định đó là những thành tựu nổi bật của 20 năm đổi mới, xây dựng nền QPTD. Nhưng chúng ta cũng thấy, cùng với đó vẫn tồn tại không ít hạn chế, thiếu sót cần khắc phục.

Tình hình thế giới, khu vực đang tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Các thế lực thù địch thực hiện đủ mọi thủ đoạn thâm độc, tăng cường chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ kết hợp với răn đe quân sự. Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN của toàn Đảng, toàn dân và LLVT nhân dân đang và sẽ tiếp tục diễn ra ngày càng phức tạp hơn, nguy cơ xảy ra chiến tranh xâm lược ở mức độ khác nhau đối với đất nước ta dưới các hình thức chưa được loại trừ. Sự nghiệp đổi mới, tăng cường nền QPTD trong thời kỳ mới – thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước – có ý nghĩa quan trọng, vừa mang tính cấp thiết, vừa cơ bản lâu dài.

Để xây dựng nền QPTD vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc XHCN, vấn đề quan trọng hàng đầu là, phải bám sát, đánh giá tình hình thực tiễn, nắm vững đường lối, quan điểm QPTD, chiến tranh nhân dân của Đảng, được thể hiện qua các nghị quyết về quốc phòng, quân sự, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX). Trên cơ sở đó, xác định đúng các giải pháp chiến lược, khai thác hiệu quả các nguồn lực, lấy phát huy nội lực là chính, kết hợp với tranh thủ ngoại lực để không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta cần thiết phải xây dựng một nền QPTD hiện đại, mang tính nhân dân và tính tự vệ cao, với mục tiêu cao nhất cần đạt được là đủ khả năng

bảo đảm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và sẵn sàng đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược; trước mắt và trực tiếp phòng chống hiệu quả mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN và bảo vệ công cuộc đổi mới đất nước... Thấu suốt quan điểm cơ bản của Đảng, trong thời gian tới, cần tập trung đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục QPTD. Phải tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, phương pháp tổ chức thực hiện, chú trọng tới mọi đối tượng, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở, nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của các bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

QPTD là tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học... của Nhà nước và nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp, toàn diện và cân đối, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng. Vì thế, trong quá trình thực hiện cần nắm vững định hướng kết hợp chặt chẽ kinh tế-xã hội với quốc phòng-an ninh; kết hợp quốc phòng với an ninh và đối ngoại nhằm không ngừng tăng cường tiềm lực mọi mặt của đất nước. Đồng thời phải thấy rằng, chúng ta xây dựng nền QPTD trong thời kỳ phát triển mới đẩy mạnh CNH, HĐH – cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại đang từng bước được tạo ra, phấn đấu đến năm 2020 đất nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đây là một thuận lợi rất cơ bản để chúng ta thực hiện mục tiêu xây dựng một nền QPTD hiện đại, nhưng điều quan trọng là ở chỗ ngay từ bây giờ, cũng như quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đến năm 2020, chúng ta phải có kế hoạch và biện pháp kết hợp giữa CNH, HĐH với củng cố quốc phòng phù hợp, hiệu quả. Phải làm sao để mỗi bước phát triển của CNH, HĐH, của kinh tế-xã hội là một bước tăng cường, củng cố quốc phòng-an ninh; đồng thời, quốc phòng-an ninh được tăng cường, củng cố lại phải gắn chặt với bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy CNH, HĐH, kinh tế-xã hội phát triển. Sự kết hợp này thực chất là cụ thể hóa của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, với đặc điểm và khả năng mới của đất nước.

Một nội dung quan trọng nữa mà chúng ta phải tiếp tục chú trọng là tăng cường xây dựng thế trận QPTD vững chắc gắn với thế trận an inh nhân dân ở từng địa phương, trên mỗi địa bàn chiến lược (cả trên đất liền và trên biển) cũng như trên phạm vi cả nước. Từ những bài học kinh nghiệm được rút ra qua

tổng kết 15 năm xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), cần nghiên cứu, vận dụng để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ quan trọng này. Phải tạo được bước phát triển mới, mang tính cơ bản, toàn diện, có chiều sâu trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) bảo đảm cho địa phương hoàn thành được nhiệm vụ quốc phòng-an ninh trong cả thời bình và thời chiến. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) phải thực sự là nền tảng của thế trận QPTD, thế trận chiến tranh nhân dân. Để đối phó thắng lợi với chiến tranh xâm lược, ngay từ thời bình, chú trọng nâng cao khả năng độc lập và phối hợp với các LLVT tác chiến trong điều kiện mới – địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của LLVT nhân dân, nhất là QĐND và Công an nhân dân, bảo đảm thực sự là lực lượng nòng cốt của nền QPTD, chiến tranh nhân dân và bảo vệ Tổ quốc.

Phải tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp phù hợp để xây dựng các địa bàn chiến lược, hậu phương chiến lược. Trong đó phải chú trọng thực hiện tốt quy hoạch, phân vùng kinh tế-xã hội với quốc phòng-an ninh; chú trọng đẩy mạnh kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế-quốc phòng trên các địa bàn chiến lược vùng sâu, vùng xa, biên giới. Gắn chặt với đó, phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung phương án, kế hoạch tác chiến chiến lược nhằm nâng cao khả năng phòng thủ của đất nước và bảo đảm chủ động đối phó hiệu quả với mọi tình huống chiến tranh.

Xây dựng nền QPTD là sự nghiệp trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, trong đó LLVT nhân dân đóng vai trò nòng cốt. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta tin tưởng rằng sự nghiệp xây dựng nền QPTD sẽ tiếp tục có bước phát triển mới, với những thành tựu mới to lớn hơn trong giai đoạn mới của cách mạng.

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

PGS, TS. TRẦN HẬU

Bốn bài học lịch sử mà Đại hội VI của Đảng chỉ ra đã thấm đượm sâu sắc tinh thần đại đoàn kết dân tộc, trong đó nổi bật là hai bài học lớn: lấy dân làm gốc và kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đoàn kết quốc tế.

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công".

Đó là chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết và khái quát truyền thống lịch sử dân tộc ta. Nhờ có đoàn kết mà 54 dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất không rộng lắm, người dân không đông lắm, trình độ phát triển về kinh tế còn thấp kém, nhưng đã vượt qua bao gian lao, thử thách, chống chọi được với thiên tai, địch họa, bảo vệ được giang sơn, bờ cõi, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc, và đang chung sức, xây dựng đất nước.

Dân tộc nào cũng có truyền thống đoàn kết để sinh tồn và phát triển. Song, truyền thống đoàn kết của dân tộc ta là truyền thống của một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, sống xen kẽ không phân biệt cương vực lãnh thổ. Đó là những cuộc chiến đấu liên miên không cân sức để chống chọi với thiên tai khắc nghiệt và đủ loại xâm lược hòng thôn tính lãnh thổ và nô dịch dân tộc ta. Đó còn là một giá trị văn hóa thuộc về bản sắc dân tộc Việt Nam, một dân tộc ngay từ khi hình thành đã mang tính cộng đồng cao. Nghiên cứu chiều sâu của đoàn kết dân tộc, mới thấy rõ ý nghĩa sâu sắc mà Cương lĩnh của Đảng đã tổng kết thành một trong năm bài học lớn của cách mạng nước ta. Đó là: " Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế".

Để đi đến thắng lợi to lớn ngày nay, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã phải trải qua những khó khăn, thử thách, những khúc quanh với những ấu trĩ, sai lầm, khuyết điểm. Hơn ai hết, dân tộc ta hiểu rõ giá trị của sự đoàn kết và quyết tâm làm tất cả những gì có thể làm được để củng cố khối đại đoàn kết

toàn dân tộc, kiên quyết chống lại những gì phá hoại hoặc làm xói mòn, làm suy yếu khối đại đoàn kết này, vì lịch sử đã cho chúng ta bài học quý giá: "Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết".

Điều đó có ý nghĩa vì sao mọi thế lực thù địch muốn phá hoại sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc ta, lại nhằm vào tiêu điểm là phủ nhận, xuyên tạc, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của nhân dân ta, vì đây chính là cội nguồn, là bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng nước ta, là một động lực chủ yếu cho sự phát triển của đất nước hôm nay và mai sau. Đấu tranh để bảo vệ sự vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tức là đấu tranh làm thất bại về căn bản âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Truyền thống đoàn kết của dân tộc ta được nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh, kết tinh thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực tiễn cách mạng nước ta ngót một thế kỷ qua đã chứng minh một cách hùng hồn sức sống mãnh liệt và sức mạnh vĩ đại không gì chiến thắng nổi của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, và Đảng ta đã quán triệt sâu sắc tư tưởng đó thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng qua mọi thời kỳ.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đó thật sự là một mốc quan trọng, tạo ra một bước chuyển biến căn bản trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, trong việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Bốn bài học lịch sử mà Đại hội VI của Đảng chỉ ra đã thấm đượm sâu sắc tinh thần đại đoàn kết dân tộc, trong đó nổi bật là hai bài học lớn: lấy dân làm gốc (với nội hàm: nền tảng của xã hội, của chế độ và lực lượng đoàn kết của nhân dân; động lực phát triển của đất nước là sức mạnh đoàn kết toàn dân; mục tiêu phấn đấu của Đảng và Nhà nước là phục vụ nhân dân, làm công bộc của dân) và kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đoàn kết quốc tế.

Đường lối đổi mới đã khởi đầu cho một thời kỳ mới xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là việc đổi mới tư duy kinh tế, đề ra chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, coi trọng lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, nhằm liên kết và khai thác mọi tiềm năng của mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là việc quan tâm nhiều hơn đến "chính sách giai cấp (bao gồm chính sách đối với mỗi giai cấp và chính sách xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích của các giai cấp) và chính sách dân tộc"[1], nhấn mạnh việc đặt con người vào vị trí trung tâm của

chính sách kinh tế – xã hội, "có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hóa và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng"[1]. Đó là việc quan tâm đẩy mạnh phát huy dân chủ trong xã hội, củng cố liên minh công nông và khối đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã được nâng lên một tầm cao mới tại Đại hội Đảng lần thứ VII (6-1991). Chúng ta đã chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết, trước hết là mở rộng nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm công nhân, nông dân, tri thức. Văn kiện Đại hội và các hội nghị Ban chấp hành Trung ương tiếp theo trong nhiệm kỳ này đã thể hiện tinh thần phát huy cao sức mạnh của dân tộc, đặt lợi ích dân tộc và lợi ích của con người lên hàng đầu, coi đó là xuất phát điểm của các chính sách, là cơ sở để xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đại hội VI của Đảng đã thể hiện cụ thể trong Nghị quyết 07 của Bộ chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. Đây là một nghị quyết phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tiếp theo Nghị quyết 8B về tăng cường và đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, sự ra đời của Nghị quyết này là mốc quan trọng trong đổi mới tư duy về đại đoàn kết dân tộc trong quá trình đổi mới đất nước.

Trên cơ sở khẳng định quan điểm đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nghị quyết đã phân tích quá trình lịch sử và bối cảnh tình hình đất nước hiện nay, đề ra chủ trương phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất, đưa khối đại đoàn kết toàn dân lên tầm cao mới và chiều sâu mới.

Theo mục tiêu ấy, chúng ta chủ trương đoàn kết mọi người trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài, vì mục tiêu chung giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó chính là điểm tương đồng để đoàn kết mọi người trong khối đại đoàn kết, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, xây dựng tinh thần tin cậy, cởi mở, cùng hướng về tương lai của dân tộc. Chương trình mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc còn nhấn mạnh thêm tinh thần đoàn kết không phân biệt quá khứ và ý thức hệ, chân thành đoàn kết, hòa hợp thành một khối thống nhất. Chủ trương

đoàn kết đó phù hợp đặc điểm tình hình đất nước, thể hiện truyền thống bao dung, nhân ái của dân tộc và đường lối chính nghĩa của Đảng, Nhà nước ta. Đường lối đó đã đi vào lòng người, được các tầng lớp nhân dân cả nước đồng tình ủng hộ.

Chúng ta đã coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, là xuất phát điểm của mọi chủ trương, chính sách pháp luật trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng trong xã hội, gắn bó quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công nhân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng, tạo mọi điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất xã hội, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế, phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Để tăng cường đoàn kết, chúng ta chủ trương thực hiện các chính sách xã hội trong điều kiện đất nước vừa trải qua chiến tranh, như các chính sách: đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước, tham gia vào các việc công ích, các hoạt động nhân đạo từ thiện, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông.

Trong điều kiện đã có chính quyền, để thực hiện đại đoàn kết dân tộc, chúng ta đã chủ trương phải xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch vững mạnh, có hiệu lực cao, thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính quyền nhân dân phải làm mọi việc để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của dân, giữ vững trật tự, kỷ cương phép nước, xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế – xã hội bảo vệ và chấn hưng nền văn hóa dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, giữ vững an ninh quốc phòng, mở rộng đoàn kết quốc tế.

Không chỉ dừng ở việc đề ra những quan điểm, chủ trương về đại đoàn kết, chúng ta còn chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp từng tầng lớp dân cư trong xã hội. Phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai tầng, các dân tộc, các tôn giáo, tổ chức vận động nhân dân tại các địa bàn dân cư xã, phường và hộ gia đình. Quan tâm củng cố nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân bao gồm công nhân, nông dân, tri thức.

Tài liệu sao chép

Những phát triển mới trong quan điểm, chủ trương về đại đoàn kết dân tộc đã tạo cơ sở để tăng cường đoàn kết quốc tế, đề ra những định hướng đúng đắn để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới.

Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, những quan điểm, chủ trương về đại đoàn kết dân tộc càng được phát triển. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định những quan điểm trên, đồng thời đề ra các chính sách cụ thể đối với các giai tầng, các dân tộc trong nước, nhằm tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân, trong đó lần đầu tiên đề ra chủ trương bảo hộ sở hữu tài sản và vốn của các doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, thực hiện tốt các nghĩa vụ mà luật pháp đã quy định. Trong tình hình mới, chúng ta cũng khẳng định chủ trương coi kiều bào ta ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc, bảo hộ quyền lợi chính đáng của kiều bào, giúp đỡ kiều bào trong cuộc sống và tạo điều kiện cho kiều bào gắn bó, đóng góp xây dựng quê hương.

Những chủ trương về đại đoàn kết dân tộc đã thúc đẩy công cuộc đổi mới, trở thành động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Đây là một bước phát triển mới quan trọng trong tư duy lý luận về động lực cách mạng của Đảng ta trong thời kỳ mới. Điều đó đã được khẳng định tại Đại hội lần thứ IX của Đảng và trở thành chủ đề của đại hội này. Tiếp tục cụ thể hóa và nâng cao hơn tầm vóc của chủ trương đại đoàn kết, Đại hội IX của Đảng đã khẳng định chủ trương và mở rộng biên độ của đại đoàn kết toàn dân thành đại đoàn kết dân tộc, bao gồm các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người về hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Sự đoàn kết sau nhiều năm đổi mới đã được nâng lên, gắn với việc phát huy dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, chẳng những chấp nhận, mà còn tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc và công tác tôn giáo đã cụ thể hóa tư tưởng của Đại hội. Việc đoàn kết với các dân tộc thiểu số được xác định trên nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển. Việc đoàn kết đồng bào theo đạo được khẳng định trên nguyên tắc coi tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nghiêm cấm sự phân biệt với công dân vì lý

Học liệu

do tín ngưỡng tôn giáo, đồng thời cũng nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

Quá trình đổi mới đất nước 20 năm qua đã đem lại cho đất nước ta, nhân dân ta những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Trong những thành tựu đó, phải kể đến sự đổi mới quan trọng trong tư duy và kết quả của việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Chủ trương đại đoàn kết toàn dân tiếp tục đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và đạt nhiều kết quả. Khối đại đoàn kết toàn dân và Mặt trận Dân tộc Thống nhất không ngừng được mở rộng, đã quy tụ ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài; sự liên minh liên kết giữa công nhân, nông dân, tri thức, giữa công nghiệp với nông nghiệp và khoa học công nghệ, giữa lao động trí óc và lao động chân tay có những bước tiến và nội dung mới. Nhiều nhân tố mới tích cực trong sản xuất kinh doanh đã xuất hiện, tỏ rõ sự năng động, sáng tạo, thích nghi với cơ chế thị trường, làm giàu hợp pháp, cải thiện đời sống và đóng góp cho xã hội.

Những năm đổi mới, lợi ích của mỗi thành viên và cộng đồng xã hội – động lực của việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân – được quan tâm đáp ứng một bước. Nhiều chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý mới thông thoáng hơn đã được ban hành và đang không ngừng hoàn thiện, có tác dụng giải phóng lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới tương ứng. Chủ trương đa dạng hóa các thành phần kinh tế và các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất đã khuyến khích và tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh. Các chính sách xã hội mới đã góp phần khắc phục những hậu quả chiến tranh. Những sự ngăn cách do chiến tranh để lại đã được dần dần khắc phục, làm cho các tầng lớp trong xã hội xích lại gần nhau hơn, nhất là đối với n hững người trước đây đã sống và làm việc trong chế độ Sài Gòn từ trước ngày 30-4-1975, những nhân sĩ, tri thức, các nhà doanh nghiệp tư nhân, đồng bào có đạo, kiều bào ở ngoài nước...

Những tiến bộ trong sinh hoạt dân chủ trong xã hội, nhất là những kết quả bước đầu của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cải tiến sinh hoạt dân chủ của hội đồng nhân dân các cấp và Quốc hội... là những tiến bộ cần được ghi nhận, đã có tác dụng tích cực nhất định đối với tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Trong thực tế cuộc sống ngày nay, chúng ta trân trọng những bước tiến dù còn khiêm tốn, nhưng rất cố gắng trong đời sống dân chủ ở nước ta. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đề ra quan điểm mới: kết hợp việc thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong Đảng với chế độ hiệp thương dân chủ trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc

sẽ làm phong phú thêm sinh hoạt dân chủ của xã hội ta. Đây là một bước phát triển trong việc tăng cường dân chủ để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta trong thời kỳ đổi mới. Cần nghiên cứu một cơ chế cụ thể để thực hiện sự kết hợp giữa tập trung dân chủ trong Đảng với hiệp thương dân chủ trong hệ thống Mặt trận để làm cho đời sống dân chủ của xã hội ta được tăng cường, qua đó mà củng cố đoàn kết dân tộc. Thực tiễn 20 năm đổi mới cho thấy: tăng cường được đoàn kết và phát huy được vai trò của Mặt trận Dân tộc Thống nhất thì trong xã hội phải có dân chủ và kỷ cương. Có kỷ cương mới bảo đảm được dân chủ. Có dân chủ mới bảo đảm được đoàn kết. Nhân dân ta có nhu cầu đời sống vật chất và đời sống tinh thần, trong đời sống tinh thần thì nổi lên là nhu cầu về dân chủ và tiến bộ, công bằng xã hội. Đáp ứng được hai yêu cầu ấy, sẽ tập hợp đoàn kết được toàn dân, không coi nhẹ mặt nào. Vì vậy quan tâm tới đời sống tinh thần là một cố gắng cần thiết.

Những đổi mới từng bước trong chính sách đối với công nhân, nông dân, trí thức, giới chủ doanh nghiệp, với các dân tộc thiểu số, với các tôn giáo, với kiều bào, những người từng làm việc trong chế độ cũ hoặc từng lầm đường lạc lối nhưng đã trở về với nhân dân... là những bước tiến so với trước đây. Việc đổi mới hoạt động của ủy ban các cấp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên theo hướng đi vào các hoạt động thiết thực, các cuộc vận động, các phong trào đến tận cơ sở... đã có tác dụng tích cực tập hợp ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân ở trong nước và ngoài nước, góp phần tích cực củng cố khối đoàn kết dân tộc.

Chính nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, phù hợp với lòng dân, đã tạo ra những chuyển động lớn lao trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, mà khối đại đoàn kết toàn dân đã ngày càng được củng cố, nhờ vậy mà tạo nên môi trường ổn định cho sự phát triển đất nước. Mối quan hệ biện chứng ấy là kết quả của sự tổng kết kinh nghiệm từ trong quá khứ, đi đến sự đổi mới tư duy, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, khẳng định đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của Đảng, chứ không phải là vấn đề sách lược.

Những thành tựu của 20 năm đổi mới là to lớn mang ý nghĩa lịch sử, là niềm tự hào chính đáng của nhân dân ta. Nó vừa là tiền đề, vừa là kết quả của việc tăng cường mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề làm cho các tầng lớp nhân dân băn khoăn, lo lắng. Đó là sự tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc và chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp do chưa có kế sách lâu dài để phát huy nội lực; hiệu lực quản lý của Nhà

nước còn hạn chế; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt; tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng gay gắt; Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cuộc cải cách hành chính chưa đem lại kết quả như mong muốn; cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng kém kết quả... một số hạn chế trong việc thực hiện chính sách đối với các thành phần kinh tế, với một số vấn đề xã hội.... đều là những yếu tố tác động nhất định đến việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết toàn dân.

Các tầng lớp nhân dân ta mong muốn Đảng, Nhà nước tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt hơn những quan điểm đổi mới về đại đoàn kết dân tộc, đồng thời có những giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ khắc phục những hạn chế, yếu kém mà nhân dân ta đang băn khoăn, lo lắng. Chỉ có như vậy mới thực hiện được một cách nhất quán chủ trương, chính sách đại đoàn kết của Đảng và Nhà nước; nhất quán giữa các nghị quyết của Đảng với luật pháp, chính sách và cơ chế quản lý, điều hành của các ngành các cấp; nhất quán giữa lời nói và việc làm, giữa trung ương và địa phương.

Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ thật sự có kết quả khi nó trở thành trách nhiệm trong toàn bộ hệ thống chính trị và của chính mỗi người dân, trong đó vai trò nòng cốt và hạt nhân lãnh đạo là tổ chức Đảng. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng sẽ là một nhân tố bảo đảm cho xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, đẩy mạnh hơn nữa Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng trong sạch vững mạnh, đoàn kết nhất trí là vấn đề hết sức quan trọng để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Tấm gương đoàn kết của từng đảng viên sẽ lan tỏa và thu hút toàn dân trong sự nghiệp đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ mới, đổi mới và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một giải pháp quan trọng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Muốn củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không thể không tăng cường hoạt động của Mặt trận. Để làm tròn sứ mệnh lịch sử cao cả là tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trên nhiều phương diện, cả về lý luận và thực tiễn, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Công tác Mặt trận giữ vai trò rất quan trọng, chẳng những trong cách mạng dân tộc dân chủ, mà cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa nữa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận Dân tộc Thống nhất là những chỉ dẫn quan trọng cần được kế thừa và vận dụng trong hoàn cảnh hiện nay, làm cho Mặt trận thực sự trở thành một tổ chức liên minh chính trị , liên hiệp tự nguyện của các tổ chức và các cá

nhân tiêu biểu của các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài, là cầu nối giữa Đảng , Nhà nước và các tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt chức năng đoàn kết, tập hợp toàn dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

MẤY BÀI HỌC VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI

XUÂN HẢI

(ĐCSVN) **Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, công tác cán bộ có nhiều đổi mới, có nhiều tiến bộ, góp phần xây dựng được một đội ngũ cán bộ hùng mạnh, phục vụ kịp thời, có hiệu quả cho công cuộc đổi mới và đáp ứng cho sự nghiệp phát triển tương lai. Phân tích đặc điểm, tình hình công tác cán bộ từ Đại hội VI đến nay, bước đầu có thể rút ra một số bài học bổ ích sau đây :**

1. Công tác cán bộ phục vụ nhiệm vụ chính trị, chịu sự chỉ đạo của đường lối chính trị. Do vậy, song song với việc chuẩn bị đường lối chính trị phải chăm lo ngay tới công tác cán bộ.

Chúng ta biết rằng đường lối chính trị thế nào, thì đòi hỏi cán bộ phải có trình độ, năng lực đáp ứng và phục vụ thế ấy. Đường lối chính trị đúng là cơ sở cho công tác cán bộ đúng hướng. Ngược lại, đường lối chính trị sai lầm thì đường lối cán bộ sẽ sai lầm. Từ đó cho thấy muốn có đường lối đúng phải có cán bộ tốt. Muốn có cán bộ tốt thì phải coi trọng công tác cán bộ, đặt toàn bộ công tác cán bộ trong nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Việc đầu tiên cần chú ý khi chăm lo tới công tác cán bộ là phải có một đường lối tổ chức nhất quán với những nguyên tắc cơ bản chịu sự quy định của đường lối chính trị. Đường lối tổ chức là sự thể hiện vai trò chủ động tích cực trên cơ sở dự báo đúng đòi hỏi của sự phát triển tình hình và nhiệm vụ. Đường lối tổ chức phải mang tính toàn diện thể hiện rõ các quan điểm về hệ thống tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành của bộ máy, các chính sách cơ bản về đào tạo, sử dụng và đãi ngộ ...

Xuất phát từ đường lối tổ chức, Đảng ta xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ cách mạng mới. Chiến lược cán bộ là thể hiện cụ thể của đường lối cán bộ trên phương diện cán bộ. Chiến lược cán bộ bao gồm nhiều nội dung quan trọng, khẳng định rõ ràng mục tiêu, yêu cầu và tiêu chuẩn của cán bộ thời kỳ mới, khẳng định rõ các nhiệm vụ và chính sách, chủ trương quan trọng về công tác cán bộ như: đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, quy hoạch, sử dụng, luân chuyển và quản lý cán bộ. Chiến lược cần vạch rõ việc xây dựng một hệ

thống cán bộ từ cơ sở đến Trung ương là một nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhấn mạnh cần quan tâm hàng đầu tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Kinh nghiệm của những năm đổi mới vừa qua cho hay, trong thời điểm quyết định, hoặc có tính chất bước ngoặt, vận nước đặt trong tay cán bộ cấp chiến lược. Xây dựng sai, bố trí sai đội ngũ cán bộ chiến lược sẽ dẫn tới nguy cơ tan rã chế độ, mất chính quyền, mất nước.

2. Công tác cán bộ phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thống nhất của Đảng.

Đảng lãnh đạo công tác cán bộ là một vấn đề có tính nguyên tắc. Đây là một trong những bài học mang tính quan điểm, cơ bản sâu sắc của Đảng ta từ khi thành lập đến nay. Trong những năm đổi mới vừa qua, bài học này rất bổ ích, nó luôn luôn là nhân tố quyết định sự thành công của công tác cán bộ.

Công tác cán bộ đặt trực tiếp dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng là Đảng định ra đường lối chính sách cán bộ và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ trongĐảng và cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo trực tiếp và thống nhất của Đảng đối với cán bộ còn được thông qua các đảng viên và các tổ chức của Đảng trong các cơ quan nhà nước, trong các tổ chức đoàn thể quần chúng. Đảng quyết định sự phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trong ngành và các địa phương.

Sự lãnh đạo của các cấp ủy là nhân tố quyết định tạo ra sự thành công của công tác cán bộ. Ở đâu cấp ủy và bí thư cấp ủy nắm vững đường lối, quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ, thật sự đổi mới, thật sự dân chủ khách quan và quan tâm chỉ đạo trực tiếp tới công tác cán bộ thì ở đó chắc chắn có một đội ngũ cán bộ tốt, chắc chắn công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng được tiến hành tốt.

Cấp ủy là nhân tố quyết định nhưng bên cạnh đó phải có các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ tốt. Do đó, xây dựng bộ máy làm công tác cán bộ chuyên sâu có tinh thần trách nhiệm, có bản lĩnh vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, biết hy sinh, có trình độ nghiệp vụ là hết sức cần thiết.

3. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc hoạt động cơ bản của Đảng ta và cũng là nguyên tắc chỉ đạo toàn bộ công tác cán bộ. Đây là một trong những bài học sâu sắc của công tác cán bộ trong những năm đổi mới vừa qua.

Bản sao lưu trữ

Chỉ có tập trung vào sự lãnh đạo của Đảng, mà cụ thể là cấp ủy, chỉ có thực hiện tốt dân chủ thì công tác cán bộ mới đạt được mục tiêu đã đề ra.

Tập trung và dân chủ kết hợp biện chứng với nhau, tạo ra sức mạnh của công tác cán bộ. Tập trung và dân chủ được thực hiện tốt sẽ bảo đảm cho công tác cán bộ luôn luôn khách quan công bằng.

Bảo đảm tập trung dân chủ là bảo đảm vai trò lãnh đạo của tập thể cấp ủy và đề cao vai trò của người đứng đầu, bí thư cấp ủy. Toàn bộ các quyết định quan trọng về công tác cán bộ nhất thiết phải do tập thể cấp ủy có thẩm quyền quyết định. Cá nhân có trách nhiệm thực hiệm nghiêm chỉnh các quyết định của tập thể.

Bảo đảm tập trung dân chủ trong công tác cán bộ còn là bảo đảm việc mở rộng dân chủ trong tất cả các lĩnh vực của công tác cán bộ. Dân chủ trong đánh giá, bố trí, sử dụng, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đãi ngộ. Bảo đảm tốt dân chủ sẽ khắc phục được tình trạng tùy tiện, áp đặt, gia trưởng, chủ quan trong công tác cán bộ.

Để bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, trong 20 năm qua, Đảng ta đã cụ thể hóa các nội dung công tác cán bộ thành các quy định cụ thể. Các quy định định đó phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ trong tất cả các cấp các ngành. Sau khi ban hành chiến lược cán bộ, Đảng và nhà nước ta đã khẩn trương xây dựng hàng loạt cán bộ, quy chế tuyển chọn, quy chế khen thưởng, quy chế bầu cử... Đi kèm theo các quy chế đó là vạch ra các quy trình thực hiện cụ thể của từng công việc.

4. Muốn có đội ngũ tốt phải luôn luôn có chính sách đại đoàn kết, trọng dụng nhân tài của đất nước, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ.

Đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ, trọng dụng nhân tài của đất nước không kể họ là ai, ở trong Đảng, ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, trong nước hay Việt kiều ở nước ngoài. Cũng không mặc cảm, định kiến với những người có quá khứ sai lầm nay đã sửa chữa tiến bộ. Ai có tài năng, ai có nhiệt huyết phụng sự Tổ quốc, đất nước, nhân dân đều được trọng dụng.

Trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần hiện nay trong điều kiện thực thi nền kinh tế thị trường, trong điều kiện tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc trọng dụng nhân tài là hết sức quan trọng. Lúc này đây, chúng ta cần rất nhiều người đủ đức, đủ tài để đảm đương công việc, do vậy biết sử dụng người tài là một đòi hỏi cấp thiết. Như vậy, muốn trọng dụng người tài tốt phải nắm vững và quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan

điểm giai cấp công nhân của Đảng về công tác cán bộ. Để đoàn kết và tập hợp tận dụng được nhân tài chúng ta cần khắc phục lối làm việc tùy tiện, lúc nhấn mạnh coi trọng thành phần giai cấp, lúc nhấn mạnh, coi trọng bằng cấp, học vị hoặc coi trọng nhấn mạnh quá trình cống hiến.

Muốn trọng dụng tốt người tài, tập hợp và đoàn kết rộng rãi đội ngũ cán bộ chúng ta phải xây dựng được tiêu chuẩn của người cán bộ trong giai đoạn mới. Chúng ta hiểu rằng mỗi giai đoạn cách mạng, ứng với nhiệm vụ chính trị, đòi hỏi phải có người cán bộ thích hợp.

Trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay, người cán bộ nói chung cần phải đạt các tiêu chuẩn là:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định phấn đấu vì chủ nghĩa xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng.

- Có đạo đức cách mạng trong sáng, thẳng thắn, trung thực, đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật, cần kiệm liêm chính chí công vô tư, gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, gìn giữ sự đoàn kết trong Đảng.

Những tiêu chuẩn trên quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể coi nhẹ một mặt nào. Nó tạo nên hai mặt đức và tài của người cán bộ.

Muốn trọng dụng tốt người tài, tập hợp và đoàn kết rộng rãi đội ngũ cán bộ chúng ta cần phải thật sự công bằng trong việc thực hiện chính sách đãi ngộ đối với cán bộ.

5. Muốn có đội ngũ cán bộ tốt phải thực hiện tốt quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ.

Quản lý cán bộ là quản lý con người, chủ thể quản lý ở đây là thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tập thể cấp ủy... Đối tượng quản lý ở đây là cán bộ, nhân viên dưới quyền. Quản lý cán bộ là chủ thể quản lý nắm và quản lý toàn bộ thông tin về cán bộ để từ đó chủ thể quản lý có những quyết định quan trọng về công tác cán bộ. Quản lý cán bộ là một quan hệ phức tạp, một quan hệ tổng hợp nhiều mặt về kinh tế, tổ chức, hành chính, pháp lý, tâm lý, xã hội... Quan hệ có chủ đích, chủ thể quản lý xây dựng các nguyên tắc, hình thức và phương pháp quản lý.

Giám sát cán bộ là chủ thể quản lý theo dõi, kiểm tra cán bộ theo một quy trình kín nhằm giúp chủ thể quản lý nắm chắc cán bộ, sử dụng cán bộ

phục vụ tốt chủ đích của mình, giúp cho chủ thể quản lý luôn luôn chủ động trong mọi quan hệ với đối tượng quản lý. Giám sát là công việc thường xuyên, kéo dài, có chủ đích, và chủ động của chủ thể quản lý.

Bảo vệ cán bộ là hành vi của chủ thể quản lý và người bị quản lý nhằm chống lại sự tác động, xâm phạm nhằm giữ gìn phẩm chất và uy tín cán bộ.

Nội dung quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ bao gồm toàn bộ các hoạt động của cán bộ, đạo đức và uy tín cán bộ theo mục tiêu, định hướng của chủ thể quản lý đặt ra. Như vậy, nội dung của chủ yếu quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ chính là toàn bộ đời sống chính trị của cán bộ.

Phạm vi quản lý, giám sát và bảo vệ là toàn diện, chủ động, tích cực, thường trực. Phương pháp quản lý, giám sát và bảo vệ chủ yếu bằng các quy chế tổ chức, hành chính, pháp lý, đôi khi có cả các biện pháp tâm lý, xã hội ...

6. Có chính sách cán bộ thống nhất và công bằng.

Chặng đường đổi mới 20 năm, công tác cán bộ còn cho chúng ta một bài học rất bổ ích về chính sách cán bộ. Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc, vấn đề chính sách cán bộ chưa tác động nhiều đến tâm tư, tình cảm cán bộ, bởi vì tất cả tình cảm, ý chí của mọi người đều dồn cho chiến đấu bảo vệ tổ quốc, tất cả cho chiến thắng. Lúc đó người ta ít nghĩ tới lợi ích cá nhân, so bì thiệt hơn. Nhưng tới giai đoạn này tình hình đã khác, trong hoàn cảnh hòa bình, phát triển kinh tế thị trường vấn đề lợi ích cá nhân lại là vấn đề lớn bởi vậy có thể khẳng định rằng, chính sách cán bộ là một công cụ quan trọng tạo ra động lực để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ.

Chính sách cán bộ được hiểu ở đây với phạm trù rộng rãi, toàn diện bao gồm cả chính sách về tinh thần, vật chất thức đẩy sự phát triển, phấn đấu của cả đội ngũ cán bộ. Nó bao gồm các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng sử dụng và đãi ngộ về vật chất như tiền lương, nhà ở, phương tiện đi lại, chữa bệnh lúc ốm đau và nghỉ ngơi khi đến tuổi về hưu....

Chính sách cán bộ cần phải được thực hiện thống nhất và công bằng: thống nhất từ trên xuống dưới, thống nhất trong các bộ ngành, thống nhất trong các bộ máy nhà nước cũng như bộ máy Đảng. Công bằng nhưng không cào bằng. Công bằng ở đây phải hiểu là tạo điều kiện cho những người có công, những người làm việc ở vùng khó khăn, các con em vùng dân tộc thiểu số. Công bằng ở đây là thể hiện sự chăm lo tới những người ưu tú, người có đức có tài, là sử dụng, bồi dưỡng đào tạo đúng người, đúng việc, đúng tiêu chuẩn. Công bằng giữa nghĩa vụ cống hiến và quyền lợi.

7. Xây dựng tốt bộ máy và đội ngũ những người làm công tác cán bộ.

Xây dựng tốt bộ máy và đội ngũ những người làm công tác cán bộ là một trong những bài học không kém phần quan trọng rút ra từ công tác cán bộ của gần 20 năm đổi mới.

Thực tiễn cho hay rằng, tập thể cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác cán bộ, nhưng nếu không có bộ máy giúp việc chuyên thạo thì các quyết sách về công tác cán bộ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Ở đâu có bộ máy giúp việc về công tác cán bộ tốt, có đội ngũ những người làm công tác cán bộ thạo việc, trung thành, trung thực, khách quan công bằng thì ở đó công tác cán bộ luôn luôn thuận lợi và có được một tập thể đội ngũ cán bộ đoàn kết, thống nhất, hăng hái quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Ở đâu bộ máy giúp việc và người giúp việc về công tác cán bộ lỏng lẻo, ý thức kém, không thạo việc thì ở đó công tác cán bộ luôn luôn lỏng lẻo, vi phạm các nguyên tắc của công tác cán bộ.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

KINH TẾ VIỆT NAM: NỖ LỰC VƯỢT QUA THỬ THÁCH

Duy Khanh

Sau một vài năm phát triển mạnh mẽ, nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với một số thử thách. Sau khi tăng trưởng mạnh vào năm 2007, đà tăng trưởng đã giảm xuống trong năm 2008 vì chính phủ phải ổn định nền kinh tế đang quá nóng. Trong sự nỗ lực của Chính phủ và đã đạt được những tiến bộ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, thì gần đây, Việt Nam đang đứng trước ảnh hưởng xấu từ sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu.

Tìm hướng đi trong "bão"

Theo các chuyên gia kinh tế, năm 2009, suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ tác động không nhỏ đến Việt Nam, đặc biệt là đối với các lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư; kéo theo các vấn đề về cân đối xuất - nhập, cán cân thanh toán quốc tế, tỷ giá v.v... Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ bị tác động do lãi suất đồng USD tại Mỹ chỉ còn mức 0 – 0,25%. Và khi đồng USD giảm giá so với đồng tiền Việt Nam, thì sự cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ kém đi, sẽ ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ, vì xuất khẩu sang thị trường Mỹ chiếm khoảng 25% tổng lượng xuất khẩu của Việt Nam.

Đánh giá về triển vọng kinh tế và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu đối với Việt Nam, các chuyên gia kinh tế thế giới dự báo rằng, thâm hụt cán cân vãng lai đối ngoại dự kiến sẽ giảm với việc nhập khẩu giảm nhiều hơn so với giảm xuất khẩu và kiều hối, nhưng vẫn giữ ở mức cao (9% của GDP) trong năm 2009. Bên cạnh đó là nguyên nhân của tính dễ bị tổn thương vì dự trữ Quốc tế của Việt Nam tương đối thấp. Với giá các mặt hàng sơ chế đang giảm, lạm phát chung được dự báo là sẽ giảm xuống mức một con số vào cuối năm 2009, mặc dù lạm phát cơ bản (không bao gồm thực phẩm thô và năng lượng) có thể giảm chậm hơn. Tuy nhiên, về trung hạn, Việt Nam vẫn có thuận lợi với điều kiện là Chính Phủ tiếp tục duy trì các chính sách lành mạnh và đẩy mạnh cải cách để tăng tính cạnh tranh quốc gia. Giữ vững được đà cải cách qua giai đoạn khó khăn này là vấn đề rất quan trọng để củng cố niềm tin của nhà đầu tư và bảo đảm Việt Nam được đặt vào một vị thế tốt khi thế giới đang nhọc nhằn thoát khỏi sự suy yếu kinh tế toàn cầu hiện nay.

Dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho rằng, năm 2009 tăng trưởng GDP thực tế của Việt Nam sẽ giảm từ mức 6,25% (năm 2008) xuống mức 5%.

Đồng thời, lạm phát chung sẽ giảm mạnh xuống một con số vào cuối năm 2009 nhờ vào giá hàng hóa giảm. Tác động bên ngoài đến kinh tế Việt Nam cũng được IMF nhận định : khi kinh tế các nước suy thoái mạnh hơn, đặc biệt là ở các thị trường có quan hệ thương mại với Việt Nam và nơi có nguồn kiều hối lớn, thì tác động đến Việt Nam cũng mạnh hơn. Thêm vào đó, nguồn tài chính Quốc tế được thắt chặt sẽ làm giảm đầu tư trực tiếp và các luồng vốn từ nước ngoài khác vào Việt Nam. Các chuyên gia cho rằng, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, sẽ dẫn đến việc giảm giá nhiều loại nguyên, nhiên liệu. Mặc dù điều này giúp giảm áp lực lạm phát, nhưng cũng sẽ làm giảm triển vọng tăng trưởng của các nền kinh tế xuất khẩu chủ yếu dựa vào sản phẩm sơ chế như Việt Nam.

Để đối phó với những thách thức của năm 2009, IMF cho rằng, Việt Nam cần thận trọng đối với chính sách điều hành kinh tế vĩ mô, sao cho phù hợp với các mục tiêu và lợi ích như : cân đối các rủi ro, bảo vệ thể chế, cải thiện chất lượng số liệu thông tin, thúc đẩy cải cách cơ cấu... cụ thể, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần thận trọng hơn nữa với việc nới lỏng chính sách tiền tệ. Áp lực giảm giá VND gần đây là bằng chứng rõ ràng về việc các chính sách sẽ phải được cân bằng tinh tế hơn. Việc nới lỏng biên độ tỷ giá giao dịch gần đây rất đáng hoan nghênh nhưng cũng cần xem xét một chế độ tỷ giá hối đoái linh hoạt hơn nữa khi điều kiện cho phép. Về chính sách tài khóa, IMF cho rằng, cần rút nguồn lực ra khỏi các dự án đầu tư kém hiệu quả để dành cho các nhu cầu về cơ sở hạ tầng thiết yếu cũng như hỗ trợ các nhóm dân cư dễ bị tổn thương. Trong trường hợp triển vọng kinh tế xấu hơn dự đoán thì có thể cân nhắc đến việc tăng chi ngân sách cho an sinh xã hội. Theo đó, phải đưa ra một khuôn khổ đối phó kịp thời với bất kỳ tổn thương nào của khu vực ngân hàng và khu vực doanh nghiệp. Mặc dù những rủi ro trong hệ thống ngân hàng, theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước là đã được kiểm soát; tuy nhiên vẫn có dấu hiệu về tình trạng căng thẳng xuất phát từ chất lượng tài sản có đang xấu đi. IMF cũng khuyến cáo nên giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp Nhà nước lớn để phát hiện và xử lý các vấn đề có thể mang lại rủi ro lớn cho ngân sách và hệ thống Ngân hàng.

Vẫn còn những cơ hội lớn

Năm 2008, cả nước thu hút hơn 64 tỉ USD – mức cao nhất từ trước đến nay – và cao gấp 3 lần so với năm 2007. Tổng số dự án được cấp mới là 1.171 dự án; vốn giải ngân đạt 11,5 tỉ USD, tăng 43,2% so với năm ngoái. Tuy nhiên, việc vốn FDI đăng ký lớn cũng là áp lực trong việc thu hẹp khoảng

cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện, bên cạnh đó là sự mất cân đối trong các lĩnh vực thu hút FDI.

Trên lĩnh vực vốn vay ưu đãi năm 2009 từ nguồn ODA cho phát triển kinh tế đất nước, tuy Nhật Bản tạm dừng cho vay ưu đãi vốn ODA, song một số nhà tài trợ khác vẫn tăng nguồn vốn này cho Việt Nam với con số tài trợ được cam kết thật ấn tượng: trên 5 tỉ USD. Hiện các nhà tài trợ đang đánh giá cao về những nổ lực của Việt Nam trong các chính sách phát triển kinh tế – xã hội, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Trong lúc khó khăn nhất, chính phủ Việt Nam vẫn tập trung thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội...Nhiều chuyên gia nhận xét rằng, các chính sách vĩ mô hiện nay của Chính phủ Việt Nam tập trung hơn vào kích cầu đầu tư tiêu dùng là đúng hướng, vấn đề là thực hiện các nhóm giải pháp này như thế nào. Theo đó, Chính phủ cần nhìn lại sự bất cập về chính sách cách đây một năm để rút ra những bài học kinh nghiệm. Và điều quan trọng hiện nay là tập trung vào chính sách an sinh xã hội. Ông Martin Rama, giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) cho rằng, hiện các dự án của WB tại Việt Nam rất tốt. WB có nhóm đánh giá độc lập. Theo đo, tất cả dự án của WB được thực hiện ở Việt Nam đều được đánh giá đạt mục tiêu ban đầu. Cũng theo WB, Chính phủ Việt Nam đã rất đúng khi nhấn mạnh yếu tố nội lực để hạn chế rủi ro bên ngoài như đầu tư, chính sách an sinh – xã hội – chính điều này sẽ hạn chế những lĩnh vực có thể gây rủi ro cho Việt Nam mà phần lớn là các yếu tố bên ngoài như cán cân thanh toán, xuất khẩu, kiều hối v.v...

Một số nhà tài trợ lớn khác như Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) còn sớm cho biết, sẽ tăng tài trợ cho Việt Nam. Ông Ayumi Konishi, giám đốc Quốc gia Ngân hàng phát triển Châu Á tại Việt Nam cho biết : "Mặc dù trước tình hình chung kinh tế có nhiều khó khăn, nhưng ADB đã hỗ trợ tăng đều cho Việt Nam; năm ngoái là từ 1,3 tỉ đến1,6 tỉ USD, thì năm nay cũng đã tăng lên". Đại sứ Cộng hòa Pháp tại Việt Nam, ông Herve Bolot trước đó cũng cho biết, không có gì nghi ngờ những khoản tài trợ ODA mới cho Việt Nam, bởi các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng quốc tế tin tưởng vào nỗ lực của Việt Nam.

Vấn đề quan tâm của các nhà tài trợ hiện nay là Việt Nam cần tiếp tục đẩy nhanh và hài hòa các thủ tục để triển khai các dự án ODA nhanh hơn. Hiện nay, một số thủ tục của Việt Nam so với Ngân hàng thế giới còn chưa đồng nhất đã khiến cho việc thực hiện các dự án gặp khó khăn và kéo dài. Trong bối cảnh lạm phát như hiện nay, việc kéo dài thời gian các dự án sẽ

khiến dự toán tăng lên. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, trên thực tế có những dự án, do giá cả đầu vào tăng đã dẫn đến dự toán ban đầu tăng gấp rưỡi, thậm chí có những dự án tăng gấp đôi. Hiện Bộ đang phối hợp chặt chẽ với các nhà tài trợ, đặc biệt là WB,ADB và các nhà tài trợ khác để bàn giải pháp.

Bộ Trưởng Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc khẳng định: "Chính phủ Việt Nam đã đưa ra rất nhiều giải pháp để giải quyết tình hình khủng hoảng kinh tế hiện nay, ổn định nền kinh tế và duy trì mức tăng trưởng tiềm năng cũng như giúp đỡ người dân nghèo vượt qua những khó khăn kinh tế. Chính phủ cũng cam kết đẩy mạnh cuộc chiến chống tham nhũng nhằm bảo đảm cho Chính phủ và các nhà tài trợ sẽ đạt được hiệu quả tối đa trong những nỗ lực phát triển của mình".

Năm 2009 được xem là năm thách thức nhất đối với nền kinh tế thế giới kể từ nữa thế kỷ qua, trong đó Việt Nam cũng phải chịu chung bối cảnh này. Tuy nhiên, với những nguồn vốn đầu tư đúng chỗ, đúng trọng điểm và sự nỗ lực vượt qua khó khăn của Chính phủ, các bộ, ngành và toàn xã hội., chúng ta tin tưởng rằng, cơn khủng hoảng năm cũ sẽ sớm qua đi, bức tranh kinh tế đất nước sẽ trở lại những gam màu tươi sáng mới như mùa xuân đang đến.

Bản sao lưu trữ

** Trích: **"Theo dòng thời sự kinh tế"** – Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

LẠM PHÁT VÀ TIỀN TỆ

Duy Khanh

Nghị quyết của Chính phủ vừa mới ban hành, trong 6 tháng cuối năm sẽ ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, Theo đó, chính sách thắt chặt tiền tệ đi đôi với bảo đảm tính thanh khoản cho nền kinh tế là mục tiêu quan trọng. Từ đầu năm đến nay, lạm phát ở nước ta có tốc độ tăng cao hơn và nhiều kịch tính hơn so với hơn mười năm qua. Lạm phát đạt 12,7% trong năm 2007 và dự báo khoảng 30% năm 2008.

Lạm phát tăng cao đã đẩy các Ngân hàng rầm rập lao vào cuộc đua tăng lãi suất huy động, tăng khuyến mãi nhằm hút mạnh nguồn vốn bên ngoài. Tuy nhiên, phía "đầu ra", các doanh nghiệp kêu càng ngày vay vốn Ngân hàng càng khó. Câu hỏi đặt ra là Ngân hàng hút vốn nhiều mà không cho vay, hoặc cho vay ít thì vốn để làm gì?

Các Ngân hàng cho rằng, hiện nay, lãi suất cho vay lên đến 21%, nên các doanh nghiệp kinh doanh không dễ dàng có lời. Ngân hàng ưu tiên cho vay các khách hàng kinh doanh mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, lương thực...Vì thế, không phải doanh nghiệp nào cũng vay được, mà phải có điều kiện hạn chế. Ngân hàng Nhà nước cũng không phải có nguồn vốn vô hạn để đáp ứng mọi nhu cầu của các Ngân hàng thương mại. Theo một lãnh đạo NHTM, các Ngân hàng ở thời điểm này rất khó khăn về vốn, vì bị quy định giữ mức tăng trưởng tín dụng tối đa 30% của NHNN. Thêm nữa, Ngân hàng không dám xuất quỹ cho vay, lý do là ai dám chắc với tình hình khó khăn như hiện nay, người đi vay có thể đảm bảo có lãi và trả được nợ đúng hạn. Theo một số chuyên gia, các ngân hàng đua nhau tăng lãi suất là nhằm hút vốn, để đổ tiền vào thực hiện những dự án đã ký kết, hứa hẹn đầu tư trước đó. Hay nói cách khác là để trả nợ. Đó là chưa kể có một khối lượng không nhỏ vốn ngân hàng đã chìm trong bất động sản. Đến thời điểm hiện nay, thị trường đóng băng, hàng không giải phóng được, đọng vốn, ngân hàng phải huy động vốn để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Trong bối cảnh lạm phát, các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn từ tiền tệ. Do vậy, việc dự phòng tăng lãi suất và tăng giá(tức tính toán trước các xu hướng và mức gia tăng lãi suất và giá) có vai trò quan trọng đặc biệt trong quản trị tài chính của doanh nghiệp. Xu hướng lạm phát cao kéo dài sẽ tất yếu kéo theo xu hướng tiếp tục tăng gia các hàng hóa và dịch vụ, trong đó có lãi suất với tư cách là giá cả của tiền. Hơn nữa, theo nguyên tắc bảo đảm lãi suất

Bản sao lưu trữ

thực dương để kiềm chế lạm phát, thì lãi suất sẽ còn tiếp tục gia tăng trong thời gian tới cho đến khi lãi suất huy động và lãi tiền gửi tiết kiệm của các ngân hàng thương mại đạt xấp xỉ hoặc vượt mức lạm phát thực tế. Các chuyên gia cho rằng, việc chủ động dự phòng tăng giá và lãi suất sẽ cho phép doanh nghiệp, chủ động hơn với việc xây dựng và triển khai các kế hoạch tài chính - kinh doanh, các phương án xử lý về giá và lãi suất của mình, trong nội bộ hoặc với các đối tác, nhất là chủ động về nguồn vốn và chi phí sản xuất, tạo sự ổn định trong triển khai các kế hoạch kinh doanh, bảo đảm lợi nhuận. Theo đó, có thể tính toán để chủ động giá, tạo sức và thế cạnh tranh mới so với các đối thủ khác, để thu hút các khách hàng đối tác tiềm năng mới, nhất là trong lĩnh vực xây dựng.

Các chuyên gia cho rằng, trong những tháng gần đây, huy động vốn của hệ thống ngân hàng nói chung có sự tăng trưởng không đáng kể, dù nhiều ngân hàng nổ lực cạnh tranh tăng lãi suất, tăng khuyến mãi nhằm hút vốn. Theo PGS. TS Đỗ Đức Định – viện trưởng Viện nghiên cứu Trung Đông và Châu Phi, vấn đề cốt lõi để chống lạm phát hiện nay là làm sao để thu hút tiền về ngân hàng. Mà muốn vậy, thì lãi suất tiết kiệm phải thực dương, mức lãi suất gửi tiết kiệm phải luôn lớn hơn mức lạm phát. Ông Đức cho rằng, những giải pháp thắt chặt tiền tệ hiện nay của Chính phủ là đúng hướng. Nhưng hiện nay, mức lãi suất của ta luôn chạy theo đuôi lạm phát, nên việc giảm cung tiền tệ bị hạn chế. Cụ thể là năm 2007, lạm phát 12,7%, các NHTM đưa lãi suất lên 12%, thì NHNN khống chế chỉ cho 11% năm. Sau đó, những tháng đầu năm 2008 lạm phát lên 15%, NHNN cho lãi suất lên 12% năm và bây giờ lạm phát lên 25% thì NHNN nâng lãi suất lên 18% năm, nghĩa là vẫn thấp hơn lạm phát 7%.

* *Trích:* ***"Theo dòng thời sự kinh tế"*** *– Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU LIÊN KẾT THÊM SỨC MẠNH

Duy Khanh

Ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu những năm qua tăng trưởng rất mạnh: Năm 2004 đạt 1,054 tỷ USD (tăng 87%), năm 2005 là 1,6 tỷ USD (tăng 44,2%), năm 2006 là 2 tỷ USD và năm 2008 là 2,8 tỷ USD – tăng khoảng 46 lần so với năm 1996. Lượng doanh nghiệp tăng bình quân 40%/năm, lên con số 2.526 doanh nghiệp.

Cơ hội trong thách thức

Ông Võ Trường Thành, tổng giám đốc Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành, cho biết thời gian qua, thị trường đồ gỗ xuất khẩu bị giảm sút mạnh. Nếu như các năm trước xuất khẩu đồ gỗ tăng trưởng khoảng trên 30%/năm, thì hiện nay, thị trường xuất khẩu đồ gỗ bị thu hẹp dần do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Nửa năm 2009, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ đạt 1,3 tỷ USD, giả khoảng 30% so với năm 2008 và dự kiến sẽ ít có sự đột phá đến cuối năm 2009. Tuy nhiên, tín hiệu tốt hiện nay cho các doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ là thị trường Mỹ đã có dấu hiệu hồi phục. Doanh số bán hàng trong tháng 4 và 5/2009 ở thị trường mỹ đã có sự tăng trưởng đáng khích lệ. Do đó, nhiều chuyên gia dự báo rằng, đến cuối năm 2009, ngành đồ gỗ Việt Nam sẽ có những bước đột phá ngoạn mục.

Theo các chuyên gia, giai đoạn hiện nay là dịp để các doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ hợp tác, sắp xếp lại ngành hàng, gắn kết với nhau trong việc tìm kiếm thị trường, nhập khẩu nguyên liệu, kể cả việc hợp tác khai thác thị trường nội địa. Đây là lúc giá cả thiết bị rẻ nhất, lãi suất ngân hàng thấp nhất, lại được Chính phủ khuyến khích hỗ trợ lãi suất nên khả năng tiếp cận những hệ thống thiết bị máy mới hiện đại rất cao. Ngoài ra doanh nghiệp còn có cơ hội mua lại nhà xưởng từ những đơn vị phá sản, hoặc có thể xây dựng, đổi mới nhà xưởng nhờ giá vật tư xây dựng xuống thấp.

Phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu

Theo Bộ Công thương, hiện nay khoảng 80% nguyên liệu gỗ phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến gỗ được nhập về VN mỗi năm. Đây là nguyên nhân chính khiến cho các doanh nghiệp trong nước vốn sẵn tiềm lực có ý tưởng tìm kiếm nguồn gỗ ở nước ngoài theo dạng "mua đứt" rừng trồng hoặc lập nhà máy chế biến ở nước ngoài. Năm 2005, ngành chế biến gỗ xuất

khẩu 1,6 tỷ USD, nhưng gỗ nguyên liệu nhập khẩu đã 667 triệu USD (bằng 44% kim ngạch xuất khẩu). Năm 2008 kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chế biến 2,8 tỷ USD và con số nhập khẩu gỗ nguyên liệu tròm trèm 1,3 tỷ USD. Vì vậy, bên cạnh các "đại gia" đầu tư ra nước ngoài để chủ động nguồn nguyên liệu thì việc trồng rừng kinh tế trong nước là bài toán khả thi và căn cơ nhất để chủ động nguồn nguyên liệu. Trong khi đó, việc trồng rừng kinh tế và quy hoạch rừng trồng từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vẫn còn ì ạch, bởi những thủ tục hành chính.

Ông Trần Quốc Mạnh – phó chủ tịch Hội Mỹ nghệ và đồ gỗ TP.HCM cho biết, những khu rừng trồng ở Mỹ, Canada, Nam Phi, Úc, New Zealand ... được các doanh nghiệp chế biến gỗ trong nước nhắm đến, bởi rừng ở đây được trồng theo phương thức công nghiệp, sản lượng gỗ khai thác cao, có giấy chứng nhận quốc tế về rừng FSC (Forest Stewardship Council). Hiện nay, đang có xu hướng doanh nghiệp mua hẳn một khu rừng đang đến kỳ khai thác rồi vận chuyển về VN phân phối lại cho các doanh nghiệp trong nước và một số nước trong khu vực.

Sau nhiều năm thâm nhập thương trường nước ngoài, ông Nguyễn Văn Thanh, chủ tịch HĐQT Viettrancimex chọn Nam Phi làm nơi nhập khẩu nguồn gỗ nguyên liệu lâu dài. Viettrancimex liên kết với hai doanh nghiệp ở Bình Dương, Hà Nội và được sự hỗ trợ vốn của ngân hàng đã mở chi nhánh tại thành phố cảng Elizabeth (Nam Phi), xây dựng kho ngoại quan rộng 1,5 ha nhằm phục vụ cho việc mua rừng và khai thác, sơ chế gỗ rừng trồng (có chứng chỉ FSC) của Nam Phi và gỗ rừng tự nhiên của các nước lân cận đưa về VN chế biến.

Với kho ngoại quan cùng hệ thống nhà xưởng và dây chuyền sơ chế gỗ tại đây, Viettrancimex có khả năng klhai thác và nhập khẩu về VN khoảng 300.000 – 360.000m3 gỗ/năm với giá gỗ nhập rẻ hơn nhập khẩu gỗ thông thường khoảng 15%. Cách làm ăn này giúp hình thành các đầu mối nhập khẩu gỗ sơ chế lớn tập trung, giá thành hạ và chủ động được nguồn nguyên liệu nhập. Ngoài việc ra nước ngoài mua rừng, nhiều doanh nghiệp còn xây dựng nhà máy chế biến gỗ ở nước ngoài, nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ và lao động giá rẻ, sau đó đưa về VN hoàn thiện khâu cuối cùng trước khi xuất khẩu.

Những bất cập cần được tháo gỡ

Ông Trần Quốc Mạnh, phó chủ tịch Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP.HCM (HAWA), cho biết đa phần doanh nghiệp chế biến gỗ đều sử dụng

Bản sao lưu

công nghệ lạc hậu, được sản xuất từ Đài Loan (Trung Quốc), rất ít thiết bị từ các nước tiên tiến như Đức, Nhật Bản, Italia... Mặt khác, vì thiếu sự hợp tác khi vươn ra thị trường thế giới và còn mang tính tự phát, nên doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ VN không phát huy được sức mạnh.

Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng để phủ xanh đất trống đồi trọc được khởi động năm 1998, có ý nghĩa rất lớn trong việc cung cấp nguồn gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, rừng trồng nguyên liệu chất lượng không cao, bị "rỗng ruột" hoặc thường xuyên bị cháy. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng rừng trồng là một việc thiết thực, rất cần sự góp sức của các doanh nghiệp, mà theo các chuyên gia thì nhà nước nên mạnh dạn giao rừng cho doanh nghiệp để họ có thể chủ động nguồn nguyên liệu của mình.

Chế biến gỗ Việt Nam vươn lên vị trí thứ 2 trong khối ASEAN, sản phẩm xuất khẩu đến 120 quốc gia, trở thành một trong 6 ngành hàng xuất khẩu mũi nhọn của cả nước, thu hút 170.000 lao động... Nhưng sự phát triển quá nhanh với phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên còn nhiều hạn chế như năng lực yếu, vốn ít, chưa có sự hợp tác... Trong số 2.526 doanh nghiệp chế biến gỗ các loại, nhưng số doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài để mua nguyên cánh rừng hoặc đầu tư nhà máy như doanh nghiệp gỗ Trường Thành không nhiều. Phần lớn doanh nghiệp chế biến gỗ trông cậy vào việc nhập khẩu gỗ, nhưng về lâu dài, đây không phải là giải pháp cơ bản... Không chủ động được nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và việc ký kết hợp đồng với các khách hàng lớn, khó mở rộng thị trường.

Bản sao lưu

* *Trích:* ***"Theo dòng thời sự kinh tế"*** *– Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

KHƠI NGUỒN CHO NÔNG NGHIỆP

Duy Khanh

Theo nhận xét của các chuyên gia, gia nhập WTO nông sản VN phải cạnh tranh khốc liệt hơn, cả trong và ngoài nước. Với tình hình sản xuất và công nghệ như hiện nay, nông nghiệp VN sẽ phải đối đầu với nhiều thách thức mới rất phức tạp và khó khăn, có khả năng bị tụt hậu nếu không được giải quyết kịp thời.

Hiện tượng "lạ"

Vào WTO, Việt Nam gia nhập thị trường nông sản thế giới có kim ngạch gần 559 tỷ USD/năm. Tuy nhiên, để nông sản VN ra thị trường thế giới là điều không dễ dàng. Thậm chí ngay thị trường nội địa, nông sản VN đã phải nhường một số thị phần cho hàng ngoại. Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cao Đức Phát, Việt Nam có những nông sản có khả năng cạnh tranh tốt khi gia nhập WTO như lúa gạo, cà phê, cao su, chè, hồ tiêu, điều và một số loại trái cây nhiệt đới. Trong những năm gần đây, nhiều sản phẩm trong số này đã giữ vị trí quan trọng như gạo, cà phê, hạt điều xuất khẩu thường đứng hàng đầu trên thị trường thế giới; lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam chiếm khoảng 50% thị trường toàn cầu.

Theo các chuyên gia kinh tế, chúng ta phải thay đổi tư duy về chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trước tiên phải thay đổi cách suy nghĩ là càng làm nông nghiệp càng nghèo. Cách suy nghĩ này khó lý giải vì sao một số nước có điều kiện tự nhiên không thuận lợi như ở nước ta về phát triển nông nghiệp, nhưng lại là cường quốc xuất khẩu nông sản với tính cạnh tranh cao: Thái Lan, Israel... Mặt khác, chúng ta cũng phải thay đổi cách làm nông nghiệp như bấy lâu nay. Bởi vì, trong cơ chế thị trường, trồng cây gì, nuôi con gì đều do quan hệ cung – cầu của thị trường điều chỉnh. Người nông dân rất dễ cảm nhận quy luật của thị trường. Một hình ảnh đáng để suy nghĩ, là hiện nay, ngay tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nơi được xem là vựa trái cây của cả nước, trái cây ngoại vẫn bày bán và người dân vẫn sử dụng đều đều. Thực tế ở thị trường TP. Hồ Chí Minh cho thấy, cam sành Tam Bình (Vĩnh Long) rất thơm ngon, trái đều và giá chỉ 25.000đ/kg, trong khi đó cam Mỹ giá 45.000đ/kg, nhưng vẫn được tiêu thụ mạnh. Tương tự, trên các quầy trái cây, sầu riêng Thái Lan vẫn chiếm giữ số lượng lớn mặc dù giá và vị ngon còn thua sầu riêng Chín Hóa, Sáu Ri (Chợ Lách)... Ngay cả gạo là loại nông sản

VN có thế mạnh rất lớn và xuất khẩu đứng hàng thứ 3 trên thế giới, nhưng tại vựa lúa ĐBSCL gạo Thái Lan vẫn tràn ngập.

Đâu là nguyên nhân?

Các nhà khoa học cho rằng, nguyên nhân là do thói quen chỉ thấy cái lợi trước mắt đã khiến người sản xuất không chịu tuân thủ quy trình sản xuất và sử dụng cây giống. Một cây giống sản xuất ra theo đúng quy trình trong nhà lưới, lồng kính có giá thành đắt gấp đôi, gấp ba cây sản xuất thông thường ngoài trời, khiến người sản xuất giống thấy lợi đã làm, mà người mua thì ham rẻ mặc dù vẫn biết rằng chất lượng kém. Chính vì vậy mà lâu ngày cây thoái hóa, nhiễm bệnh, chất lượng quả ngày càng sụt giảm, thua trái cây ngoại. Theo tiến sĩ Nguyễn Minh Châu, viện trưởng Viện nghiên cứu cây ăn trái miền Nam, sở dĩ trái cây VN kém chất lượng so với trái cây Thái Lan là do bị thả nổi về cây giống. Nhà nước không có chính sách rõ ràng và không có hệ thống sản xuất và cung ứng giống. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khác như công tác nhân giống không được đồng loạt, dẫn đến chậm trễ việc nhân rộng diện tích cây trồng. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước chưa đến với người nông dân. Nông dân chưa hưởng được chính sách ưu đãi, mà phải mua giống với giá cao, vì vậy người trồng đã không mặn mà với chương trình giống mới. Những điều đó khiến cho diện tích vườn cây thu hẹp, năng suất bấp bênh, chất lượng không đạt.

Điều dễ nhận thấy là hiện nay, những chủng loại trái cây nổi tiếng ở ĐBSCL như sầu riêng Chín Hóa, Bưởi da xanh Hai Hoa, xoài cát Thanh Sơn... hầu hết đều do người nông dân tự mày mò, rồi tự nhân giống lấy, chứ không phải của các viện nghiên cứu hay các nhà khoa học tạo ra. Những thành quả đó là đáng ghi nhận, nhưng nếu thiếu sự tác động của Nhà nước là đã bỏ qua cơ hội. Việc nhân giống nếu cứ để người nông dân tự làm thì mãi mãi sẽ không bao giờ có một nền nông nghiệp như mong ước.

Theo các chuyên gia, chiến lược trong sản xuất và xuất khẩu nông sản tốt nhất nên bắt đầu chính sách từ trên xuống. Chỉ có cách này mới tạo ra một nền công nghiệp thực sự trong nông nghiệp. Còn cách làm từ trước đến giờ ở ta vẫn theo lối vận hành là từ người sản xuất rồi tác động lên. Chính vì sự thiếu chiến lược tổng thể đó mà nền sản xuất nông nghiệp vẫn cứ manh mún, nhỏ lẻ và rời rạc như những mảnh vườn của người nông dân. Những mảnh vườn muôn màu sắc đem lắp ghép lại không thể thành bức tranh muôn màu, mà chỉ làm nổi rõ hơn sự pha tạp. Theo các chuyên gia nông nghiệp, chừng nào trái cây VN cho ra hàng loạt, tỷ lệ lép thấp, kích thước, trọng lượng,

hương vị, chất lượng giống nhau, là công nghiệp hóa. Điều này lý giải vì sao chỉ với 260.000 ha, nhưng cây trái Thái Lan đi khắp thế giới, và tràn vào VN là xứ sở có diện tích cây ăn trái cao gấp 3 lần, 750.000 ha. Thái Lan đã đưa việc sản xuất cây ăn quả trở thành nền công nghiệp thực sự.

Chìa tay ra giúp nông dân

Trước sức ép cạnh tranh khi hội nhập, không có con đường nào khác hơn là đầu tư công nghệ cho nông dân, bên cạnh đó là có một chiến lược bài bản và bàn tay tổ chức của Nhà nước. Từ thực tiễn sản xuất cho thấy, đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho nông dân, tạo cho nông dân có nhiều nguồn thu nhập, ổn định đời sống, có cơ hội tiếp cận nhanh với công nghệ sản xuất tiên tiến và thị trường hàng hóa.. Để giúp nông dân thực hiện điều đó, chúng ta cần có nhiều giải pháp toàn diện và cụ thể... kinh nghiệm quốc tế và kinh nghiệm của những năm đổi mới ở nước ta cho thấy, hiện nay, các nguồn thu không phải là lúa gạo đang trở nên vô cùng quan trọng. Đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp góp phần đa dạng hóa nguồn thu nhập cho nông dân, giúp nông dân xóa đói giảm nghèo, ổn định và phát triển đời sống. Đây thật sự là một kênh quan trọng tạo nên sự phát triển bền vững của nông nghiệp trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, nhất là khi nền nông nghiệp VN còn nhiều khiếm khuyết, trong khi chỉ ít lâu nữa hàng nông sản Mỹ sẽ tràn vào với thuế suất thấp đến 15%. Mỹ là nước có diện tích gieo trồng bằng kỹ thuật sinh học nhiều nhất thế giới với 123 triệu mẫu Anh (khoảng 0,4 ha), kế đến là Argentina (42 triệu mẫu Anh), Brazil (23 triệu), ... chủ yếu trồng bắp, đậu nành, bông vải... Chả trách thịt gà Argentina (và tới đây của các nước châu Mỹ), thịt lợn (Mỹ) ... được nuôi chủ yếu từ các thực phẩm trên từ các siêu thị Metro rẻ!

Theo các chuyên gia kinh tế, việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp đem lại lợi ích to lớn cho người nông dân đồng thời đem tới sự phát triển chung và bền vững cho một nền nông nghiệp quốc gia theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Người nông dân giờ đây phải tự chủ vươn lên, nắm bắt thị trường, chuyển đổi mục đích, phương pháp canh tác để làm giàu trên mảnh đất của mình. Để nông dân có thể làm được như vậy, Nhà nước cần đầu tư và giúp đỡ nhiều hơn. Cụ thể là trên nền tảng chiến lược phát triển nông nghiệp quốc gia, nhà nước cần cung cấp thông tin cho nông dân một cách kịp thời, thường xuyên, dễ hiểu. Các thông tin mà nông dân cần được cung cấp là mục tiêu và định hướng phát triển sản xuất.

Bản sao lưu trữ

Nông nghiệp, các mặt hàng được khuyến khích, các chính sách ưu đãi, thị trường tiêu thụ giá ca, kỹ thuật nuôi trồng, phòng chữa bệnh, công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, đóng gói và vận chuyển. Theo đó đầu tư nhiều hơn các phương tiện canh tác: các máy làm đất, phương tiện vận chuyển hạng nhẹ... đồng thời có chính sách khuyến khích việc phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp nông – công kết hợp ở nông thôn. Mặt khác, tạo mọi điều kiện để nông dân có thể tiếp cận với thị trường công nghệ, thị trường thương mại quốc tế.

Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Cao Đức Phát cho biết, mấy năm qua, ngành nông nghiệp đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hành động với mục tiêu chủ động chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng phát huy lợi thế so sánh. Đồng thời, Bộ đã triển khai các chương trình công nghệ sinh học, chương trình giống cây trồng – vật nuôi, phát triển kinh tế trang trại, kết cấu hạ tầng nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản. Để nâng cao thế cạnh tranh cho ngành nông nghiệp, Bộ trưởng Cao Đức Phát nhấn mạnh tới sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng đội ngũ lao động và quản lý. Theo đó, Bộ đã có những kiến nghị với Chính phủ đầu tư và ưu tiên cho việc cải tiến chương trình giáo dục và đào tạo cho nông dân và cán bộ quản lý. Ngoài ra, Bộ sẽ kiện toàn hệ thống khuyến nông từ Trung ương đến xã, từng bước triển khai xây dựng hệ thống thông tin giá cả thị trường; quản lý chất lượng phân bón, thức ăn chăn nuôi, các loại vật tư nông nghiệp nhằm giúp nông dân có đầy đủ thông tin về khoa học kỹ thuật, nhu cầu thị trường; cung cấp đầy đủ vật tư nông nghiệp với chất lượng và giá cả hợp lý. Bộ Trưởng Cao Đức Phát cho biết, Nhà nước Việt Nam tạo mọi điều kiện để cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện công tác quy hoạch, xây dựng pháp luật để tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng.

Việt Nam đã và đang điều chỉnh chính sách để phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo môi trường đầu tư bình đẳng, nhất là thu hút vốn đầu FDI cho nông nghiệp. Hiện nay, Việt Nam có 781 dự án FDI đầu tư cho nông nghiệp, với tổng vốn đăng ký trên 1,75 tỷ USD, đang góp phần phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, sản xuất cây – con giống chất lượng cao ...

** Trích: **Theo dòng thời sự kinh tế** – Duy Khanh, Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

MÔ HÌNH NÀO LÝ TƯỞNG CHO NÔNG NGHIỆP?

**N. Trần Tâm*

Các mô hình sản xuất nông nghiệp của VN hiện chưa cho năng suất cao, chất lượng thấp, giá thành sản xuất lớn... nên việc đi tìm một mô hình sản xuất lý tưởng là cấp thiết.

Tích tụ tự phát tràn lan

Ở đồng bằng sông Cửu long, nhiều hộ nông dân sở hữu hơn 100 ha đất lúa, phổ biến nhất từ khoảng 30 – 40 ha. Mỗi công đất lúa (1.000 m^2) vùng này chuyển nhượng với giá lên tới 100 triệu đồng, trung bình thì từ 70 – 80 triệu đồng, nhưng không dễ để mua. Ở miền Bắc đất nông nghiệp cũng đang được mua bán, chuyển nhượng sôi động. Tích tụ ruộng đất để mở rộng sản xuất đang tự phát diễn ra trên khắp cả nước.

Trại tôm "cổ phần hóa"

Muốn nuôi tôm lời lớn, dĩ nhiên không thể chỉ với vài công đất. Tỷ phú nông dân xứ Bạc Liêu, ông Võ Hồng Ngoãn, hơn 10 năm trước chỉ có trong tay 3 ha đất. Tiền của tích cóp được bao nhiêu từ con tôm, ông Ngoãn đều dồn vào chuyện mua đất để mở rộng đầm tôm. Bây giờ thì ông có 25 ha, nhưng hầu hết đều do người thân đứng tên chủ quyền. Chưa hài lòng với diện tích đó, ông Ngoãn kêu gọi 5 người khác góp vào 25 ha đất nữa để thành lập một tổ hợp tác nuôi tôm có tổng diện tích mặt đầm lên tới hơn 50 ha. Công việc nuôi trồng, kinh doanh, quản lý trại tôm... đều do ông Ngoãn chịu trách nhiệm. Những cổ đông kia không tham gia trực tiếp vào công việc, chỉ góp vốn bằng đất đai.

Thuận lợi nhiều, nhưng trại tôm này không được ông Ngoãn phát triển thành một doanh nghiệp, nó chỉ tồn tại dưới dạng một trại tôm "cổ phần hóa". Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, trại tôm không đủ điều kiện để vay vốn ngân hàng. Ngoài các "cổ đông" sáng lập kể trên, còn nhiều "cổ đông' nhỏ khác là công nhân của trại tôm. Số công nhân này mua cổ phần bằng tiền thưởng hàng tháng, hàng năm và được chia cổ tức. Có năm, con tôm chất lượng ở trại tôm này mang về khoản lãi tới 5 – 7 tỷ đồng.

Ông Ngoãn kể, vùng đất chân nước mặn ven biển xã Vĩnh Trạch Đông, thị xã Bạc Liêu được Nhà nước cấp cho mỗi hộ dân 1,5 ha. Nhưng vì khó khai

Bản sao lưu trữ

khẩn, người dân lại thiếu vốn nên mang đất đi sang nhượng. Ông Ngoãn đã mua lại, đổ vốn cải tạo thành đầm tôm năng suất cao như hiện nay. 9 năm trước, 1 ha đất dọc theo đê biển có giá từ 4 – 8 triệu đồng, nhưng bây giờ đã gấp ba, gấp tư . Nông dân bán đất một phần vào làm việc cho các trại tôm, buôn bán nhỏ hoặc lên thành phố tìm việc khác.

Tích tụ kiểu "vua lúa"

Nông dân trồng lúa là những người tích tụ được nhiều ruộng đất nhất. Ở An Giang, "vua lúa" Nguyễn Lợi Đức (xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn) đang canh tác lúa trên diện tích hơn 120 ha. Trong đó, 70 ha là đất mua, còn thuê 50 ha. Để tránh quy định của Nhà nước về quyền sử dụng đất trên mỗi hộ dân, ông Đức đã nhờ hàng chục người thân, bà con đứng tên giùm. Vùng đất giáp biên này thời điểm trước năm 1996 vẫn còn hoang hóa và nhiễm phèn nặng, được dân kinh tế mới khai hoang, nhưng chỉ sau vài vụ là nản chí, bán lại cho người khác.

Gia đình ông Đức về Lương An Trà vào khoảng năm 1997, đã bỏ tiền gom đất, một công chừng 700.000 – 800.000 đồng. Để sản xuất quy mô lớn, "vua lúa" đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới trên 2 tỉ đồng. Chẳng hạn ông là người đầu tiên ở miền Tây sử dụng máy san ruộng điều khiển bằng tia laser, công nghệ của Mỹ. Việc áp dụng cơ giới hóa vào ruộng lúa đã giúp ông Đức hạ chi phí sản xuất trung bình 20 triệu đồng/ha trong vùng xuống chỉ còn 15 triệu đồng, lãi khoảng 30 triệu đồng /ha.

Từ vùng đất mới khai hoang, một ha lúa ở Lương An Trà giờ cho năng suất 7,5 tấn/ha vụ đông - xuân; 6 tấn/ha vụ hè – thu. "Muốn sản xuất có lãi, năng suất cao, nhất thiết phải ứng dụng cơ giới hóa. Mà đã cơ giới hóa, phải cần có diện tích lớn. Ngay 70 ha đất ruộng của tôi, vẫn không thể sử dụng hết công suất của máy móc đầu tư. Nên phải mướn đất thêm", ông Đức giải bày. "Nhà nước khuyến khích cơ giới hóa nông nghiệp, nhằm tăng năng suất, hạ giá thành... Nhưng Nhà nước phải có chính sách đất đai thoáng hơn, chứ manh mún như vầy làm sao kêu gọi sản xuất quy mô được, đôi khi một cánh đồng mà có tới mấy chục giống lúa", ông Đức lắc đầu.

Những người nông dân kinh tế mới trước đây bán đất cho ông Đức một phần về lại quê cũ, một phần bám lại Lương An Trà làm đủ thứ công việc khác nhau, trong đó có người làm thuê trên cánh đồng lúa của ông Đức. Theo ông Đức, chuyện mua đất lúa ở ĐBSCL giờ đây không dễ, vì nhiều người có nhu cầu, nên giá đất được đẩy lên rất cao. Những vùng đất tốt như Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn ... (An Giang) giá một công đất dao động 70 – 80 triệu

đồng, thấp nhất là 40 triệu đồng/công, cao nhất có khi lên tới 100 triệu đồng. Nhiều người kẹt tiền, bán 5 – 7 công đất, mua cũng được, nhưng không thể hình thành vùng sản xuất quy mô. Hiện tại, muốn mua đất trên diện tích rộng, phải vào vùng sâu vùng xa, nơi đất còn hoang hóa.

Ai được, ai mất?

Ở miền Bắc, với đặc điểm đất nông nghiệp hạn chế, người dân "khư khư" giữ ruộng, không bán. Nhưng nhiều nông dân, chẳng hạn nông dân ở Phù Chẩn, Từ Sơn, Bắc Ninh cũng đã "nghĩ lớn" bằng cách thuê đất của người làng để trồng rau, hình thành vùng chuyên canh bán sản phẩm cho các siêu thị ở Hà Nội. Người dân cho thuê đất xong, nhận tiền một cục rồi lại đi làm thuê trên chính mảnh ruộng của mình. Có người lặn lội xa quê làm nghề khác.

TS Vũ Trọng Khải, trường cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn 2, cho rằng nông dân tích tụ ruộng đất là xu thế tất yếu để đi lên sản xuất quy mô lớn, mang lại hàng hóa chất lượng cho thị trường. Tuy nhiên, vấn đề nằm ở chỗ, vì chính sách "hạn điền" nên nông dân lách luật, tích tụ đất "chui", tự phát một cách tràn lan. "Ở đây, có thể nói luật của ta đã buộc nông dân nói dối", TS Khải nói. Hơn nữa, người nông dân gặp rất nhiều rủi ro trong việc sang nhượng đất đai bằng giấy tay hoặc nhờ người thân, người quen đứng tên. Trong trường hợp chia lại đất đai, những người lâu nay với khát vọng làm giàu từ nghề nông sẽ phải vướng nhiều thủ tục làm lại giấy tờ đất đai phiền phức.

Thực tế cho thấy, mô hình sản xuất của ông Ngoãn, ông Đức hay những hộ nông dân ở làng Phù Chẩn... là không bền vững. Bởi họ mua đứt bán đoạn đất sản xuất, hoặc thuê trọn đất của dân, nhưng các vấn đề phát sinh về chuyện người dân bán đất hay cho thuê đất ấy đã làm nghề gì, đi đâu? Bao nhiêu người mất đất giàu lên hay phải lang thang tìm kế sinh nhai khác khi đồng tiền bán đất cũng sẽ cạn? Ai được ông chủ mới cưu mang khi tất cả đã được cơ giới hóa? Hậu quả của tích tụ tự phát tràn lan là gì? ... Mô hình sản xuất nào sẽ giải quyết được tất cả những mâu thuẫn này?

MÔ HÌNH "BẢY HÒA" RA ĐỜI

Đang thành công trong ngành xây dựng và kinh doanh địa ốc, ông Bảy Hòa (tên thật là Lê Hùng Mạnh), Chủ tịch HĐQT, TGĐ Công ty Gia Hòa, chuyển hướng đầu tư vào một lĩnh vực hoàn toàn mới: nông nghiệp. Điều gì đã thôi thúc và cuốn hút ông vào nông nghiệp đến vậy?

Doanh nhân mê ruộng

Hai năm rồi, kể từ ngày hình thành ý tưởng xây dựng một mô hình mới cho sản xuất nông nghiệp, ông Bảy Hòa đã ăn cùng, sống cùng nông dân để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng về cái nghề mà họ đang làm. Ông muốn hiểu họ hơn. Và cũng mong được họ hiểu lại, hiểu về cái dự án ông cùng cộng sự ấp ủ, chuẩn bị triển khai. Bởi tâm điểm của dự án này, không thể ai khác, chính là người nông dân.

Ông nhận ra một điều, nông dân hiện đang không có quyền quyết định giá trị của sản phẩm. Tất cả đều phải qua trung gian. Nông dân mình khổ quá, họ sống trong những chòi canh chơ vơ trên cánh đồng. Cái nghèo, cái khó khăn vẫn vây quanh. Cơ hội đổi đời với họ dường như quá nhỏ bé, bởi những tồn tại trong thực trạng sản xuất nông nghiệp ở nước ta.

Bảy Hòa đặt ra hàng loạt câu hỏi, và đi tìm câu trả lời cho chính những câu hỏi của mình. Do sản xuất nhỏ nên tiêu hao lớn, chỉ chi phí trong khâu bảo quản sau thu hoạch thôi đã chiếm đến 30-50% giá thành. Phải nghĩ ra một mô hình sản xuất nào đó, để tránh thiệt thòi cho nông dân!

Từ một người hầu như không biết gì về ruộng lúa, sản xuất nông nghiệp, Bảy Hòa bắt đầu nghiên cứu về nó. Dự án sản xuất theo một mô hình hoàn toàn mới dần hình thành. Ông đem ý tưởng mời nhiều người uy tín trong ngành nông nghiệp để hợp tác viết dự án và cùng triển khai dự án. Nhà đầu tư sẽ là Bảy Hòa. Cuối cùng, ông hợp tác với nhóm giáo sư, tiến sĩ của trường ĐH Nông Lâm TP.HCM. Cũng kể từ đó, đi đâu, ngồi với ai, câu chuyện đầu tiên của Bảy Hòa sẽ là nông nghiệp, là hạt lúa có giá thành thấp, cây ăn quả, rau sạch...chứ không phải là dự án khu dân cư này ra sao, khu đất kia như thế nào. Nhiều doanh nhân ban đầu còn cho ông Bảy Hòa là "có vấn đề", nhưng sau đó đã bị thuyết phục, hăm hở đòi góp vốn đầu tư.

Mô hình

"Mô hình sản xuất của tôi là một Công ty cổ phần. Ở đó, nông dân là những cổ đông, họ góp vốn bằng quyền sử dụng đất", ông Bảy Hòa khẳng định. "Vậy vị trí của nông dân trong mô hình này là gì? Họ vẫn là nông dân, đất vẫn thuộc về họ, chỉ có khác là họ được chia cổ tức và nhận lương khi lao động", ông Hòa cho biết thêm.

Mô hình mà ông Bảy Hòa đang nghiên cứu thực hiện có những điểm quan trọng sau: Thứ nhất, khi là Công ty, cơ hội để kết nối với những doanh nghiệp ngoài ngành cùng tổ chức sản xuất, chế biến nông nghiệp là rất lớn.

Những vùng chuyên canh được hình thành trên một diện tích khoảng 800 - 1.000 ha, được ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất." Tôi đã làm việc với Saigon Co.op, họ thật sự muốn tham gia vào dự án này. Cụ thể, sản phẩm từ những vùng chuyên canh rau sạch sẽ được phân phối trực tiếp vào siêu thị, mà không qua trung gian". Thứ hai, ông Bảy Hòa cho rằng đây là mô hình có thể tạo ra một sự thay đổi tích cực trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện đô thị hóa nông thôn.

Với quy mô khoảng 800 hộ dân, sản xuất trên một vùng chuyên canh nông nghiệp, tham vọng trong dự án của ông Bảy Hòa là sẽ phát triển thành một đô thị nông thôn với trường học, bệnh viện, chợ, nhà văn hóa, hạ tầng giao thông... Nếu được cho phép, dự án sẽ được triển khai thí điểm, sau đó mới nhân rộng.

TS Nguyễn Văn Ngãi, Trưởng Khoa Kinh tế, ĐH Nông Lâm TP.HCM, người cùng tham gia dự án với ông Bảy Hòa cho, biết:" Vừa rồi tôi đi Hàn Quốc và có dịp tham quan mô hình một Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Công ty đó có ngân hàng, nhà máy, sân phơi, kho bãi... và sản xuất theo một quy trình khép kín. Nông dân trong khu vực đó hầu như 99% tham gia vào Công ty. Vì nếu không vào, sản phẩm sẽ không biết bán cho ai, mua vật tư sẽ đắt hơn so với nông dân trong Công ty... Lợi nhuận được chia theo cổ phần. Đây là mô hình mà chúng tôi đang theo đuổi. Nếu thí điểm thành công, sẽ dần nhân rộng ra khắp cả nước".

Đất đai vẫn thuộc về nông dân

Đặc điểm của nông dân là tính sở hữu (đất đai) và quen làm theo ý mình, nên việc thuyết phục họ bỏ vốn bằng đất đai vào để cùng sản xuất là không đơn giản. Đối với họ, mất đất là mất hết. Do đó phải giải quyết bài toán sở hữu, để họ hiểu và tự nguyện tham gia vào, không thể áp đặt. "Điểm nổi bật của mô hình này là, đất của nông dân vẫn là của nông dân, chứ không thuộc quyền sở hữu của Công ty", TS Ngãi nói. Công ty sẽ đầu tư tiền mua sắm công cụ lao động hiện đại, đầu tư áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, xây dựng bãi, sân phơi, phụ trách vấn đề kinh doanh, hạch toán, đầu vào đầu ra cho sản phẩm, quản trị doanh nghiệp...; nông dân tham gia vào các công đoạn sản xuất. Mỗi dự án như vậy, nhà đầu tư sẽ phải chi kinh phí từ 30 – 50 triệu USD.

Cái khó thứ hai là về thủ tục, chính quyền địa phương nếu họ không chấp nhận cho làm thí điểm là coi như xong. 800 - 1.000 ha là diện tích đất canh tác của gần một xã, nên đụng chạm tới nhiều người. Nhà nước vẫn chưa

có cơ chế chính sách để thực hiện mô hình kiểu này, cho nên, theo nhóm làm dự án, khoảng đầu năm 2010, nhóm sẽ đề nghị tổ chức một hội thảo quốc gia để lấy ý kiến phản biện cho dự án trước khi trình Chính phủ.

Một khi có cơ chế, khung pháp lý rõ ràng, những vướng mắc về việc nông dân có thể tự ý góp đất vào, rút đất ra; công ty phá sản; thí điểm ở địa phương... sẽ được giải quyết để quyền lợi của nhà đầu tư và nông dân được đảm bảo. Nhiều địa phương ở miền Trung và miền Bắc thường bị mất mùa do thời tiết không thuận lợi, nếu nông dân tham gia vào Công ty, sẽ được bảo hiểm nông nghiệp. Lâu nay, các công ty bảo hiểm thường không mấy mặn mà với loại hình bảo hiểm này, không phải vì nó chứa đựng nhiều rủi ro, mà nông dân là những hộ đơn lẻ. Do đó việc thực hiện bảo hiểm là không dễ dàng.

Góp vốn bằng đất

Mô hình sản xuất theo hình thức nông dân góp vốn tính trên giá trị diện tích đất vào công ty cổ phần, sản xuất chuyên canh và chia cổ tức đã nhận được sự đồng tình của nhiều người.

"Chính là cái tôi cần"

Năm 2007, ông Lưu Hồng Triển đưa trang trại nuôi bò giống 12 ha ở huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào hoạt động. Để có 12 ha trang trại, ông Triển mất 10 năm mua gom từng mảnh đất, rồi nhập cỏ giống, bò giống, xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc... Ông đã bỏ ra 13 tỉ đồng để có một trang trại gần như hoàn chỉnh của ngày hôm nay.

Nhưng ông Triển chưa an tâm. Bởi, trang trại và cách thức hoạt động của nó khó có thể đưa 13 tỉ đồng của ông cùng đàn bò giống mang lại giá trị cao gấp 5, 10 lần sau vài năm như các nước khác. Vì vậy, khi nghe về mô hình của ông Lê Hùng Mạnh, ông Triển đã thốt lên:" đó chính là cái tôi cần". Ông Triển lý giải : "Trên mô hình mẫu đang làm hiện nay, khi nào ổn định hai khâu quan trọng nhất là con giống và thức ăn, tôi sẽ thực hiện cổ phần hóa". Bò giống sẽ được chuyển giao cho nông dân trong vùng và nông dân sẽ bán lại bò thịt cho công ty ông Triển. Nông dân tận dụng đất dưới tán cây ăn trái để trồng cỏ. Cỏ được chế biến ở nhà máy của ông Triển. Tất cả các khâu được xử lý theo quy trình khép kín, không chỉ đem lại lợi nhuận cao mà còn giải quyết được vấn đề rác thải.

Sau giai đoạn thử nghiệm, những hộ nông dân nào làm ăn hiệu quả sẽ được tham gia vào công ty bằng vốn cổ phần từ đàn bò giống, diện tích đất trồng cỏ... "Ban đầu, chúng tôi sẽ cổ phần nhà máy chế biến thức ăn gia súc

Bản sao lưu trữ

trước, sau đó tiến đến công ty. Tham vọng tôi là rất lớn. Ở đây có tới 3.000 ha đất nông nghiệp. Tôi muốn biến nguyên vùng này thành vùng chuyên canh nuôi bò thịt và bò giống, để làm sao trở thành nơi cung cấp thịt bò có thương hiệu không chỉ nổi tiếng trong nước. Muốn làm được như vậy, cần phải có một mô hình sản xuất hợp lý", ông Triển nói.

Tại tỉnh Đắk Nông, tình trạng xâm canh dự án đất nông lâm nghiệp đã khiến chính quyền địa phương đau đầu trong việc tìm cách giải quyết. 61 dự án, khoảng 20.000 ha đã giao cho nhà đầu tư không ít thì nhiều bị "dính" xâm canh. Ông Nguyễn Đức Luyện, Giám đốc Sở Nông Nghiệp – Phát triển nông thôn tỉnh, cho biết: Cơ chế của tỉnh là đất xâm canh dự án sau thời điểm 1.1.2004 (mốc thành lập tỉnh) thì thu hồi; trước thời gian này sẽ cấp cho dân. Nhưng hộ dân cũng có thể tham gia vào dự án, có dự án của Công ty Cao su Đồng Phú, một số hộ dân góp vốn cổ phần vào công ty bằng đất nông nghiệp của mình. Cách làm này đã cho hiệu quả tốt.

Nông dân tự biết cân đối lợi ích

TS Bùi Chí Bửu, Viện trưởng Viện khoa học Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, cho rằng việc nông dân đang âm thầm tích tụ ruộng đất là chuyện đương nhiên. "Họ có nhu cầu thì khó cản. Tích tụ ruộng đất là phải làm, nhưng tích tụ theo kiểu nào thì Chính phủ cần phải có chính sách. Tuy nhiên, theo tôi, cần phải tổ chức lại sản xuất và điều tiết lao động hợp lý. Cái này mình làm rất yếu", TS Bửu phát biểu. Ông Bửu nhận định, mô hình của ông Mạnh là phù hợp vì cần phải có doanh nhân tham gia vào sản xuất nông nghiệp. "Tôi thấy nông dân Đài Loan làm nông nghiệp rất tốt. Đất đai của họ manh mún, nhưng họ đã tập trung những hộ nhỏ lại để hình thành nhiều mô hình hợp tác rất thành công. Chúng ta cần học hỏi mô hình của Nông dân Đài Loan", ông Bửu nói thêm.

Giám đốc Phòng công nghiệp và thương mại VN tại Cần Thơ, ông Võ Hùng Dũng, nhận định: "Mô hình của ông Mạnh, theo tôi là hướng đi để giải quyết vấn đề đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nó cũng tương tự như người có khả năng kinh doanh nhưng không có mặt bằng, còn người có mặt bằng lại không có năng lực kinh doanh. Đây là sự cộng tác hợp xu thế để có sự thay đổi đầu tư vào nông nghiệp. Nhưng đất đai trong nông nghiệp lại khác với mặt tiền nhà. Và đầu tư vào nông nghiệp là quá trình dài, thu hồi vốn chậm, rủi ro lại cao. Các thảo luận hợp đồng thường rất phức tạp. Nếu phần lợi nghiêng về một bên quá lớn thì bên kia sẽ không thuận. Nhưng chính quá trình thực hiện hợp đồng còn khó khăn hơn. Khó khăn và thất bại có thể làm nhà đầu tư bỏ

đi, người nông dân lại phải gánh hậu quả. Nếu thành công, thắng lợi, lời nhiều người nông dân có để yên cho nhà đầu tư tiếp tục? Vì vậy, cần phải có cơ chế chính sách và khung pháp lý".

Hiện có 4.600 trang trại ở tỉnh Đắk Nông. Ông Nguyễn Đức Luyện cho biết, mỗi hộ dân sở hữu 20 -30 ha là chuyện bình thường. Họ thu gom sang nhượng lại đất theo giá thỏa thuận. Chính quyền vẫn cấp quyền sử dụng đất theo hạn điền nếu đất đó không có tranh chấp. Nông dân chuyển nhượng đất thường là những hộ không đủ lao động, không đủ khả năng đầu tư. Theo khảo sát của tỉnh, các trang trại sản xuất chưa có hiệu quả cao, tổng mức đầu tư và lợi nhuận không nhiều. Nguyên nhân là chủ trang trại có trình độ quản lý yếu, không tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng, không lập dự án kinh doanh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hạn chế...

Trong khi chờ Nhà nước hỗ trợ, theo ông Nguyễn Đức Luyện, việc cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia vào sản xuất nông nghiệp là rất cần thiết. "Tôi hoàn toàn ủng hộ mô hình của ông Mạnh và không khuyến khích các doanh nghiệp thuê đất sản xuất ở địa phương. Người dân sẽ tự nguyện tham gia vào những dự án như vậy. Họ tự cân đối lợi ích của mình vì chắc chắn sản phẩm của họ có đầu ra. Chúng tôi sẽ tạo cơ chế cho doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm tại chỗ trên vùng nguyên liệu. Dân có lợi mà doanh nghiệp cũng có lợi", ông Luyện hồ hởi.

Bản sao lưu trữ

** Trích: **Báo Thanh Niên**, 12/ 2009.*

BÀI HỌC KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA

GS, VS. NGUYỄN DUY QUÝ

Ngày nay, mỗi quốc gia, dân tộc muốn tồn tại và phát triển đều phải mở rộng và củng cố các mối quan hệ quốc tế lành mạnh. Từ lâu Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ mối quan hệ gắn bó giữa quyền lợi dân tộc với quyền lợi quốc tế. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã tổng kết những kinh nghiệm quan trọng của cách mạng Việt Nam, trong đó, sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế là một bài học nổi bật nhất.

Sự vận động và biến đổi của tình hình thế giới trong những năm gần đây cũng như những yêu cầu của sự phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới đã đòi hỏi chúng ta phải mở rộng nhiều mặt của quan hệ quốc tế trong bối cảnh diễn biến hết sức phức tạp.

Để xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện ấy, chúng ta không thể không tính đến những vấn đề liên quan đến nội dung của thời đại.

Mặc dù đã có biết bao biến cố lớn lao diễn ra trong hơn một thập kỷ qua, mà biến cố lớn nhất là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, song thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Đó là thời đại đấu tranh cho thắng lợi của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, gắn liền với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, tạo ra những tiền đề vật chất – kỹ thuật ngày càng đầy đủ cho việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội.

Để đi tới mục tiêu ấy của thời đại, hơn bao giờ hết, trong giai đoạn hiện nay, nhân dân các nước càng phải ra sức cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống các thế lực thù địch của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, càng phải tỉnh táo trước âm mưu và hành động"diễn biến hòa bình" của chúng hòng duy trì vĩnh viễn sự thống trị của chủ nghĩa tư bản trên hành tinh này.

Lịch sử Việt Nam 75 năm qua, với sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc đi vào quỹ đạo cách mạng vô sản, đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc nhằm giải phóng và thống nhất Tổ quốc Việt Nam, đặc biệt thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước là thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cách mạng nước ta vừa thể hiện, vừa góp phần thúc đẩy trào lưu chính của thời đại ngày nay – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Khúc quanh hiện nay của lịch sử, cách mạng thế giới dù có làm cho sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới bị kéo dài thêm, song không thể đảo ngược xu thế ấy của thời đại. Con đường của thời đại, con đường mà nhân loại đang đi tới chính là con đường thắng lợi của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức đúng nội dung, tính chất của thời đại ngày nay là cơ sở quan trọng để chúng ta hoạch định đúng đắn đường lối và sách lược của chúng ta, vì như V.I Lê – nin đã khẳng định: "chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ".

Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại của cách mạng nước ta trong thời kỳ đổi mới càng thể hiện ý nghĩa to lớn và sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn.

Chúng ta không phủ nhận rằng, từ sau Chiến tranh lạnh, tính chất của sự giúp đỡ quốc tế có nhiều thay đổi. Bối cảnh thế giới và khu vực hiện nay dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra một giai đoạn mới rất phức tạp đối với những quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, có thể nói Đảng ta đã sớm nắm bắt và xử lý tốt các quan hệ của nước ta với thế giới có lợi cho sự phát triển của đất nước. Đây chính là một nguyên nhân đã tạo nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Điều cần lưu ý là ở chỗ, lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì ở nước ta, cũng như ở các nước khác đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần phải nghiên cứu làm sáng tỏ hơn một số vấn đề trên cơ sở tổng kết thực tiễn đang diễn ra hết sức phong phú, song thắng lợi gần 20 năm đổi mới của nước ta đã đem lại cho nhân dân ta nhiều kinh nghiệm quý báu để kiên định con đường đã lựa chọn.

Để xây dựng một đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nước ta ngày càng có quan hệ ngoại giao với nhiều nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì mục tiêu hòa bình, độc lập và phát triển. Chúng ta nhận thức rằng, thông qua sự hợp tác quốc tế đa phương và đa dạng, chúng ta sẽ tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại, công nghệ và kinh nghiệm của thế giới, góp phần tìm ra được những phương thức mới để phát triển sản xuất. Nâng cao các tiềm năng sáng tạo vốn dồi dào của dân tộc ta.

Tuy nhiên, giữa các nước trên thế giới ngày nay có những lợi ích dân tộc khác nhau và những con đường phát triển không giống nhau. Sự thống nhất trong đa dạng của cộng đồng thế giới là một thực tế khách quan. Vì thế, cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ trọng yếu của nhân dân ta.

Hiện nay, trên thế giới đang diễn ra một quá trình quốc tế hóa sản xuất, trao đổi và thông tin với nhịp độ rất nhanh. Tình hình ấy về khách quan làm cho các quốc gia dân tộc nhích lại gần nhau hơn. Tuy nhiên, cũng trong quá trình này đang nảy sinh nguy cơ đồng nhất hóa các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn của nhiều nền văn hóa các dân tộc đã tích lũy được trong nhiều nghìn năm, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo và sức sống của mỗi dân tộc, nhất là các dân tộc bị lệ thuộc vào các nước lớn. Trước tình hình như vậy, để phát huy sức mạnh dân tộc, Đảng ta chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế, nhưng phải giữ gìn cho được bản sắc dân tộc của văn hóa. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã nhấn mạnh: "Chúng ta phải tiếp tục nâng cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội".

Xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có nhiều đặc trưng, trong đó phải kể đến đặc trưng có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Khi chúng ta nói đến sức mạnh của dân tộc dĩ nhiên bao gồm nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng..., không được coi nhẹ lĩnh vực nào. Tuy nhiên, cần lưu ý đến bản sắc dân tộc của văn hóa, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay.

Theo Văn kiện Hội nghị lần thứ VII, Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa VII thì "ngày nay, văn hóa được coi là một yếu tố nội sinh, không phải chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển kinh tế – xã hội phải đặt trên nền tảng văn hóa mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp

Bản sao lưu trữ

thu các giá trị tinh hoa của loài người. Văn hóa phải kết tinh thành trí tuệ của cả dân tộc, được kế thừa, phát triển qua nhiều thế hệ, tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Chúng ta phải quan tâm và có kế hoạch nhằm chống lại sự du nhập ngày càng tăng của văn hóa độc hại từ bên ngoài và phải đấu tranh chống lại văn hóa dồi trụy, phản động, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Để văn hóa trở thành nền tảng của sự phát triển thì bản thân văn hóa cũng phải được phát triển. Nếu văn hóa không phát triển thì chúng ta không thể tiếp kiến các thành tựu khoa học, công nghệ, thông tin của thế giới được. Phát triển văn hóa là sự phát triển tổng thể. Phải tăng trưởng nguồn lực con người, hướng về cái đúng, cái tốt và cái đẹp. Để có thể mở rộng được quan hệ quốc tế, sử dụng được sức mạnh của thời đại, cần phải huy động đông đảo nhân dân tham gia vào các hoạt động sáng tạo. Quá trình này làm cho truyền thống gắn với hiện đại, con người gắn với cộng đồng dân tộc, gắn với quốc tế.

Văn hóa là một cơ chế tạo cho người trở thành chính mình trong dân tộc của mình. Gìn giữ bản sắc dân tộc của văn hóa trong hợp tác và giao lưu quốc tế là gìn giữ nội lực phát triển, gìn giữ chất men sinh sôi nảy nở của một cơ thể sống – dân tộc. Nó làm cho dân tộc không thể trở thành chiếc bóng mờ của người khác. Vì thế, từ lâu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: văn hóa của các dân tộc khác cần phải nghiên cứu toàn diện. Chỉ có trong trường hợp đó mới có thể tiếp thu nhiều hơn cho văn hóa chính mình, đồng thời tránh nguy cơ trở thành những kẻ bắt chước.

Để xây dựng và bảo vệ đất nước, Đảng ta chủ trương phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết với sức mạnh của thời đại để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: "Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam, coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Bản sao lưu trữ

Sức mạnh của thời đại, thành tựu khoa học hiện đại của thế giới hợp tác đầu tư của các nước là những yếu tố quan trọng, có tác động thúc đẩy sự phát triển của nước ta, nhưng chúng ta chỉ có thể phát huy được tác dụng tốt, khi những yếu tố ngoại sinh đó chuyển hóa thành những yếu tố nội sinh của đất nước ta. Sự chuyển hóa đó phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chủ thể tiếp nhận, tức là khả năng tự chủ, độc lập của nước ta. Nhờ chúng ta nhận thức và thực hiện đúng mối quan hệ trên, nên chúng ta đã từng bước tận dụng được thời cơ có lợi cho sự nghiệp phát triển đất nước và vượt qua được thách thức, giữ vững ổn định về chính trị – xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp đổi mới trong bối cảnh quốc tế đầy biến động và phức tạp.

Từ đó chúng ta thấy, muốn kết hợp hiệu quả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại thì cần lưu ý tới vấn đề sau :

Một là, phải phát triển nhanh, toàn diện một cách vững chắc nội lực của đất nước, đảm bảo sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Hai là, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia.

Ba là, tận dụng các lợi thế để phát triển kinh tế – xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo, quốc phòng – an ninh.

Tại Đại hội lần thứ IX, Đảng ta đã tổng kết bốn bài học kinh nghiệm chủ yếu của sự nghiệp đổi mới, trong đó có bài học "đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại".

Đây là một bài học có ý nghĩa quan trọng và sâu sắc không chỉ đối với gần 20 năm đổi mới vừa qua mà còn có ý nghĩa đối với thời gian tới.

Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân ta sẽ giành được nhiều thắng lợi lớn hơn nữa trên con đường xây dựng và bảo vệ đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

2010 - NĂM TĂNG CƯỜNG ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Trong hai ngày 4 – 5/1/2010, chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12/2009, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đề nghị các thành viên Chính phủ tăng cường phối hợp, tổ chức triển khai quyết liệt, năng động, sáng tạo để ổn định kinh tế vĩ mô, đạt tăng trưởng cao, đảm bảo tốt an sinh xã hội; hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2010 đã được Quốc hội thông qua.

Theo Thủ tướng, 2010 được xác định là năm tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, trên cơ sở đó bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao hơn cả về số lượng và chất lượng, đồng thời ngăn ngừa lạm phát cao trở lại. Thủ tướng nhấn mạnh cần xử lý tốt mối quan hệ giữa lãi suất tín dụng với tỷ giá và cán cân thanh toán quốc tế, quản lý tốt thị trường ngoại hối và nợ quốc gia; bảo đảm vốn và tính thanh khoản cho nền kinh tế phải đúng liều lượng... Tập trung mọi nỗ lực thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và tái cấu trúc nền kinh tế, Thủ tướng nhấn mạnh và đề nghị các cơ quan nhà nước tập trung tháo gỡ mọi khó khăn, huy động các nguồn lực cho đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp với giá trị gia tăng cao hơn.

Song song với các trọng tâm công tác nêu trên, Thủ tướng nhắc các thành viên Chính phủ, bộ, ngành, địa phương chú trọng làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến chủ trương chính sách, tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội từ nhận thức đến hành động.

Theo website Chính phủ

Bản sao tài liệu

CHƯƠNG II

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA VIỆT NAM SAU THỜI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Bản sao lưu trữ

THỦ TƯỚNG NGUYỄN TẤN DŨNG:

TĂNG CƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

TTO - Đó là nhấn mạnh của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trong bài viết đầu năm 2010 gửi các cơ quan báo chí. Ngoài ra, Thủ tướng nhấn mạnh: Phải tập trung mọi nỗ lực thúc đẩy đầu tư, tái cấu trúc nền kinh tế; tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc; nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện...

Hai năm 2008 - 2009, nhân dân ta, đất nước ta phải đương đầu và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức gay gắt do những biến động bất thường và trái chiều của kinh tế thế giới, làm nặng nề thêm những yếu kém nội tại của nền kinh tế và làm hạn chế khả năng lựa chọn chính sách ứng phó và phát triển của chúng ta.

Hai năm đương đầu với khó khăn, thách thức.

Bắt đầu là tình trạng lạm phát, giá lương thực, xăng dầu và giá hầu hết các mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh, đẩy mặt bằng giá trên thị trường nội địa lên cao. Mặt khác, chính sách tài chính, tiền tệ được nới lỏng trong nhiều năm, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài vào thị trường chứng khoán tăng mạnh, tổng phương tiện thanh toán và tổng dư nợ tín dụng tăng cao, đặc biệt là năm 2007 và chúng ta lại buộc phải điều chỉnh một bước giá các mặt hàng than, xăng dầu, điện theo cơ chế thị trường.

Tác động tổng hợp của những yếu tố này đã làm chỉ số giá tiêu dùng ở nước ta tăng nhanh lên hai con số, cao hơn một số nước trong khu vực, sản xuất và đời sống gặp nhiều khó khăn, gây lo lắng và phân tâm trong xã hội. Trước thực trạng đó, chúng ta đã đề ra mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu duy trì tăng trưởng hợp lý với 8 nhóm giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đột xuất này.

Từ tháng 9-2008, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế từ Mỹ đã lan rộng trên phạm vi toàn thế giới, tác động nghiêm trọng đến hầu hết các nền kinh tế và đã tác động rất tiêu cực đến nước ta, đặc biệt là xuất khẩu, nguồn vốn đầu tư, thu nhập du lịch và kiều hối, làm suy giảm tăng trưởng, đe doạ ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội.

Sớm nhận thức được ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng, từ đầu quý IV-2008, chúng ta đã chuyển mục tiêu *từ ưu tiên kiềm chế lạm phát sang ưu tiên ngăn chặn suy giảm tăng trưởng, coi trọng ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội*. Chính phủ đã kịp thời ban hành các chính sách kích thích kinh tế, thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất phù hợp với thực tiễn nước ta để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, duy trì việc làm và bảo đảm tăng trưởng.

Nhờ sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cộng đồng doanh nghiệp, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước, chúng ta đã thực hiện có kết quả mục tiêu tổng quát của từng năm. *Lạm phát đã được kiềm chế, từ giữa năm 2008 tốc độ tăng giá giảm dần và năm 2009 giảm xuống còn 6,52%; tăng trưởng GDP năm 2008 đạt 6,23%.*

Năm 2009, trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng âm, Việt Nam vẫn là một trong số ít các nước có tốc độ tăng trưởng khá cao, đạt 5,32%; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; an sinh và phúc lợi xã hội được coi trọng; chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; thế và lực của đất nước tiếp tục được tăng cường, vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Kết quả Hội nghị các nhà tài trợ quốc tế vào tháng 12 vừa qua với mức cam kết tài trợ cho Việt Nam trong năm 2010 trên 8 tỷ USD, cao nhất từ trước tới nay, cho thấy cộng đồng quốc tế đánh giá cao đường lối đổi mới và sự lãnh đạo, quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Qua hai năm đương đầu với những khó khăn thách thức đã cho chúng ta nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu mà nổi lên là:

(1) Muốn phát triển bền vững, phải giữ ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh doanh;

(2) Huy động mọi nguồn lực cho đầu tư, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao là yếu tố quyết định để bảo đảm duy trì tăng trưởng và là nguồn lực vật chất để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội;

(3) Phải bám sát sự vận động của thực tiễn, diễn biến của thị trường, kịp thời điều chỉnh mục tiêu và giải pháp cho phù hợp khi tình thế đã thay đổi; đồng thời phải tổ chức chỉ đạo thực hiện khẩn trương và quyết liệt;

(4) Trong khi tập trung sức ứng phó với các thách thức khó khăn về kinh tế - xã hội, phải đặc biệt quan tâm bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và tăng cường công tác đối ngoại, tạo thêm môi trường và điều kiện thuận lợi cho ổn định và phát triển;

(5) Sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội về mục tiêu và các giải pháp là động lực tinh thần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra, nhất là trong tình hình phức tạp, khó khăn.

Năm 2010: năm có ý nghĩa đặc biệt

Tư tưởng chủ đạo trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, trên cơ sở đó mà bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao hơn cả về số lượng và chất lượng đồng thời ngăn ngừa lạm phát cao trở lại. Và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2009 sẽ tạo thêm điều kiện và nguồn lực để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội tốt hơn.

Năm 2010, tuy kinh tế thế giới đã có những chuyển biến tích cực nhưng tín hiệu phục hồi còn yếu. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo khoảng 3%, mức tăng này chủ yếu là do các nước kích cầu đầu tư và tiêu dùng nội địa; thương mại hàng hoá thế giới chỉ tăng 2,7% so với năm 2009.

Những nền kinh tế phát triển, hiện là thị trường xuất khẩu chính và có vốn đầu tư lớn vào nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng của các nền kinh tế này chỉ khoảng 1,3%, nhu cầu nhập khẩu được dự báo chỉ tăng 1,5%, thấp hơn mức tăng chung của thương mại thế giới.

Nhiều nước đang trong quá trình lựa chọn giữa một bên là tiếp tục chính sách kích thích kinh tế, nới lỏng tín dụng và một bên là thu hẹp các chính sách này. Đồng đô la Mỹ, đồng tiền chủ yếu trong thanh toán quốc tế đang biến động, tác động đến giá cả nhiều mặt hàng và các kênh đầu tư. Một số nền kinh tế đang có sự điều chỉnh mối quan hệ giữa tích luỹ và tiêu dùng; chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng tăng lên.

Trong bối cảnh đó, với một nền kinh tế có độ mở lớn, hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới và còn phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố bên ngoài thì độ rủi ro và tính bất định sẽ còn rất lớn.

Đối với nước ta, năm 2010 là năm có ý nghĩa đặc biệt. Đây là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội Đảng X, năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, năm kỷ niệm Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội, cũng là năm có nhiều ngày kỷ niệm và nhiều sự kiện quốc tế lớn được tổ chức ở Việt Nam.

Vì vậy, việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 và hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 không chỉ là trách nhiệm chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên mà còn là đòi hỏi chính đáng của nhân dân cả nước.

Tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội đã xác định mục tiêu tổng quát cho năm 2010 là: Nỗ lực phấn đấu phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn năm 2009; tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô; nâng cao chất lượng tăng trưởng; ngăn chặn lạm phát cao trở lại; tăng khả năng bảo đảm an sinh xã hội; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Trên tinh thần đó, trong khi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành toàn diện mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch 2010, phải tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả *5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu* sau đây.

Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế

Ổn định kinh tế vĩ mô là điều kiện tiên quyết để phát triển sản xuất kinh doanh, ổn định xã hội và phát triển bền vững. Nguyên tắc cơ bản của điều hành kinh tế vĩ mô là phải tôn trọng các quy luật của kinh tế thị trường, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, kết hợp chặt chẽ chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và giữa các công cụ của chính sách tiền tệ; xử lý phù hợp mối quan hệ giữa lãi suất tín dụng với tỷ giá và cán cân thanh toán quốc tế, đặc biệt là cán cân thương mại; quản lý tốt thị trường ngoại hối và nợ quốc gia; bảo đảm vốn và tính thanh khoản cho nền kinh tế; phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi; thúc đẩy đầu tư, tăng trưởng, ngăn ngừa lạm phát và bảo đảm an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng.

Phải phát huy tốt hơn vai trò điều tiết của Nhà nước, nhất là một nước đang trong quá trình chuyển đổi như nước ta, khi mà cơ chế thị trường chưa hình thành đồng bộ, các cân đối của nền kinh tế chưa thật vững chắc và môi trường cạnh tranh vẫn còn khiếm khuyết. Nhà nước can thiệp vào thị trường là để các quy luật của kinh tế thị trường được vận hành theo đúng mục tiêu mà không làm méo mó các quan hệ thị trường và để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

Khi sử dụng các công cụ điều tiết phải hết sức chú ý đến mức độ và thời gian để đạt hiệu quả cao và chi phí thấp. Phải lường trước các phản ứng của thị trường, nếu các phản ứng này có nguy cơ làm sai lệch những cân bằng cơ bản và gây mất ổn định kinh tế vĩ mô thì nhất thiết phải được điều chỉnh kịp thời.

Tập trung mọi nỗ lực thúc đẩy đầu tư, tái cấu trúc nền kinh tế

Ổn định kinh tế vĩ mô tuy rất quan trọng nhưng không chỉ là vấn đề của bản thân chính sách. Chính sách tự nó không quyết định tất cả mà chỉ tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh, huy động và phân bổ các nguồn lực, điều chỉnh các khả năng phát triển và định hướng cho các hoạt động của nền kinh tế. Khả năng điều hành kinh tế vĩ mô còn phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế và trên cơ sở tiềm lực kinh tế.

Nếu tiềm lực kinh tế không đủ mạnh thì khả năng điều hành kinh tế vĩ mô sẽ bị giới hạn. Vì vậy, việc tháo gỡ mọi khó khăn, huy động các nguồn lực cho đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu là yếu tố quyết định nhất, phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển bền vững.

Nông nghiệp (bao gồm cả lâm, ngư nghiệp) có vai trò rất quan trọng trong xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội, bảo đảm an ninh lương thực và xuất khẩu. Thị trường nông sản, nhất là những nông sản thiết yếu chịu ảnh hưởng ít hơn của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lại là nhóm hàng có tác động lớn nhất đến mặt bằng giá của nước ta.

Phải tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao nhằm tạo ra nhiều sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tăng sức mua và nâng cao đời sống của nông dân. Biến đổi khí hậu, bão lụt, hạn hán, dịch bệnh luôn đe doạ sản xuất nông nghiệp, phải làm tốt công tác phòng chống trên từng địa bàn để giảm tối đa thiệt hại.

Phát triển công nghiệp với giá trị gia tăng cao là khâu trung tâm trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta. Để có tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2009, phải tăng nhanh giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của ngành công nghiệp. Sự sụt giảm sản xuất và tiêu thụ qua khủng hoảng cho chúng ta thấy rõ hơn khả năng cạnh tranh và nhu cầu của từng loại sản phẩm, ở từng thị trường. Các doanh nghiệp, các ngành, địa phương phải từ góc nhìn đó để bố trí sản xuất trong năm 2010.

Hướng chính là tập trung cao hơn cho những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tỷ trọng thị phần lớn và tốc độ tăng trưởng nhanh, đi đôi với việc phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ; đồng thời phải theo dõi những diễn biến mới đang xuất hiện để chủ động điều chỉnh phù hợp.

Vấn đề cấp thiết lúc này là đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa công trình vào sử dụng, tạo ra nhiều sản phẩm, qua đó mà góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư. Vì vậy, việc phân bổ vốn, tập trung các nguồn lực cho các công trình hoàn thành trong năm 2010 phải được thực hiện khẩn trương và nghiêm ngặt. Phải kiên quyết chấm dứt tình trạng bố trí nguồn lực phân tán, làm thời gian xây dựng kéo dài, chi phí tăng cao, chậm đưa công trình vào khai thác, hiệu quả thấp.

Năm 2010, Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư để kích thích tăng trưởng, đồng thời khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng đầu tư không chỉ tạo ra năng lực sản xuất mới, thúc đẩy tăng trưởng trong ngành xây dựng mà còn tạo ra thị trường cho hàng hoá và dịch vụ, giải quyết việc làm và do đó có tác động lan toả đến toàn bộ nền kinh tế.

Nền kinh tế nước ta đang chuyển sang một giai đoạn mà các quan hệ kinh tế ngày càng đa dạng, phức hợp và đan xen, chuyên môn hoá và hợp tác hoá ngày càng sâu rộng và do dó yêu cầu các loại hình dịch vụ ngày càng cao. Những năm vừa qua, khu vực dịch vụ có tốc độ tăng cao hơn tốc độ tăng GDP, năm 2009 còn cao hơn mức tăng sản xuất công nghiệp, đóng góp ngày càng nhiều hơn cho tăng trưởng kinh tế. Thực trạng này vừa đặt ra yêu cầu vừa tạo ra khả năng phát triển nhanh các loại hình dịch vụ, nhất là các dịch vụ tài chính, thông tin, tư vấn, du lịch, thương mại, vận tải, dịch vụ kho vận...

Đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu, cải thiện cán cân thương mại là một trong những cân đối quan trọng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng. Mặc dù còn có những khó khăn do kinh tế thế giới phục hồi chậm nhưng tình hình là thuận lợi hơn năm 2009. Cần khai thác tốt hơn các thị trường truyền thống, các thị trường có Hiệp định mậu dịch tư do đồng thời phát triển các thị trường mới, nhất là các thị trường có nhiều tiềm năng ở khu vực Đông Âu, Tây Á - Trung Đông, Châu Phi, Mỹ la tinh.

Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - Nhật Bản có hiệu lực từ ngày 1-10-2009 sẽ phát huy mạnh hơn trong năm 2010, Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc với khoảng 90% số dòng thuế nhập khẩu của Trung Quốc và 6 nước ASEAN được giảm xuống 0% từ đầu năm 2010 sẽ tạo điều kiện cho hàng Việt Nam tiếp cận thuận lợi hơn các thị trường rộng lớn này. Các doanh nghiệp cần tận dụng các cơ hội mới để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Thị trường nội địa nước ta là một thị trường lớn, lại có tốc độ tăng trưởng cao và khá ổn định. Liên tục trong nhiều năm, doanh số bán lẻ hàng hoá và dịch vụ luôn tăng ở mức 10%, riêng năm 2009 tăng khoảng 12% (sau khi đã trừ yếu tố tăng giá); dịch vụ phân phối trên thị trường nội địa đóng góp khoảng 14% GDP, sử dụng hơn 5 triệu lao động, chiếm tỷ trọng cao nhất trong ngành dịch vụ. Các tập đoàn đa quốc gia đã và đang tích cực khai thác thị trường nội địa nước ta.

Để chiếm lĩnh được thị trường nội địa, trước hết các doanh nghiệp phải nâng cao sức cạnh tranh, quan tâm nhiều hơn đến thị trường nông thôn.

Năm vừa qua, quán triệt quan điểm thị trường trong nước là cơ sở, thị trường ngoài nước là quan trọng và hưởng ứng phong trào người Việt Nam dùng hàng Việt Nam, thị trường nội địa đã có những khởi sắc mới. Các doanh nghiệp đã chú ý hơn đến khu vực thị trường này, người tiêu dùng Việt Nam đến với hàng Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Tuy nhiên, để chiếm lĩnh được thị trường nội địa, trước hết các doanh nghiệp phải nâng cao sức cạnh tranh, quan tâm nhiều hơn đến thị trường nông thôn.

Phải làm ra các sản phẩm có chất lượng, phù hợp với từng đối tượng tiêu dùng và tạo ra bản sắc riêng khác biệt của hàng hoá Việt Nam. Song song đó, phải coi trọng phát triển hệ thống phân phối, coi hệ thống phân phối là cơ sở để xác lập mối liên kết giữa sản xuất, phân phối và tiêu thụ, đồng thời cũng là cơ sở cho việc hình thành kênh lưu thông ổn định. Các cơ quan quản lý nhà nước phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước đầu tư phát triển hệ thống phân phối nhằm xây dựng các doanh nghiệp phân phối mạnh của Việt Nam.

Điều này phải trở thành tư duy chính trị và hành động thực tiễn của lãnh đạo các ngành và các địa phương. Cần khắc phục tình trạng là trong khi rất quan tâm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến thiết lập cơ sở phân phối nhưng lại thờ ơ với các doanh nghiệp trong nước. Mỗi người Việt Nam, trước hết là những người lãnh đạo và quản lý cần quán triệt sâu sắc quan điểm đã được thể hiện trong nhiều nghị quyết của Đảng ta là: *Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng*. Thị trường nội địa, lực lượng doanh nghiệp trong nước là những yếu tố quan trọng hợp thành nội lực của đất nước ta.

Phải kiên quyết cắt giảm tối thiểu 30% các thủ tục hành chính hiện hành.

Phải tháo gỡ mọi khó khăn đang cản trở đầu tư và kinh doanh, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng thị trường; kiên quyết giảm các thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục có liên quan đến gia nhập thị trường, đầu tư, xây dựng cơ bản, kiểm tra hải quan, kê khai và nộp thuế..., góp phần giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Phải kiên quyết cắt giảm tối thiểu 30% các thủ tục hành chính hiện hành. Quyết tâm này của Chính phủ đang chuyển thành hành động của các bộ ngành và địa phương. Điều cần đặc biệt chú ý là phải bảo đảm tính đồng bộ trong hoạt động của các ngành, các cấp; một khâu yếu sẽ làm cản trở và kìm hãm chuyển động của cả hệ thống.

Cùng với cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho đầu tư sản xuất kinh doanh, Chính phủ sẽ hướng mạnh việc hỗ trợ tăng trưởng vào khu vực nông nghiệp và nông thôn, hoàn thiện cơ chế bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp này tiếp cận tốt hơn với các nguồn lực phát triển.

Trong khi tập trung mọi nỗ lực phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn và ngăn ngừa lạm phát cao trở lại, phải hết sức coi trọng chất lượng tăng trưởng. Phải tăng cường công tác giám sát, quản lý chặt chẽ đầu tư công và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; hoàn thiện cơ chế quản lý và trả lương trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, tiền lương phải gắn với kết quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản.

Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cần rà soát lại các công đoạn của quá trình sản xuất, lưu thông, hoàn thiện quản lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, giảm chi phí trung gian, nâng cao hiệu suất sử dụng các nguồn lực, tăng hiệu quả của từng doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Khuyến khích phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước để làm tốt hơn vai trò trong ổn định kinh tế vĩ mô và nòng cốt trong tăng trưởng.

Để nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững, ngoài những việc cần làm ngay như trên, phải thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đây là điều kiện quyết định để nâng cao sức cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu

hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Công việc này phải làm liên tục trong nhiều năm, gắn với quá trình tích luỹ nguồn lực trong từng doanh nghiệp, ở mỗi ngành sản xuất cũng như trong toàn bộ nền kinh tế; vừa phát triển tiệm tiến, vừa đi tắt - bắt kịp trong những lĩnh vực mà khoa học công nghệ thay đổi nhanh và chúng ta có điều kiện. Từ năm 2010 phải đẩy nhanh tiến trình này.

Phải khẩn trương hoàn thiện các tiền đề, điều kiện cho tái cấu trúc. Trước hết là hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường, phát triển mạnh thị trường công nghệ, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; cải cách mạnh mẽ nền hành chính quốc gia; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động các nguồn lực để xây dựng đồng bộ và hiện đại kết cấu hạ tầng.

Phải xác định rõ nội dung của tái cấu trúc, trọng tâm là tái cấu trúc các ngành sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với tái cấu trúc doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường nhằm tăng nhanh giá trị nội địa và giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ, phát triển lực lượng doanh nghiệp dân tộc, tạo dựng các doanh nghiệp Việt Nam có thương hiệu mạnh, có khả năng tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Đây cũng chính là quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng chủ yếu từ dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng là vốn, khai thác tài nguyên và nguồn nhân lực chất lượng thấp sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chủ yếu dựa vào các nhân tố năng suất tổng hợp như khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại, qua đó mà nâng cao mức đóng góp của các yếu tố này vào tăng trưởng.

Các doanh nghiệp cần nhận thức sâu sắc rằng trong thời đại khoa học công nghệ phát triển nhanh như hiện nay, các yếu tố năng suất tổng hợp có vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Trong quá trình này, Nhà nước tạo môi trường và điều kiện, còn cộng đồng doanh nghiệp phải là lực lượng quyết định.

Trong năm 2010, Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng để doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, đổi mới thiết bị công nghệ phải luôn gắn liền với mô hình tổ chức và mô hình quản trị mới, tạo nên hiệu quả tổng hợp và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị của chúng ta đã có nhiều cố gắng thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực xã hội và đã đạt được những kết quả nhất định, đặc biệt là trong lĩnh vực giảm nghèo, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội. Tuy nhiên, những kết quả này vẫn chưa vững chắc, tỷ lệ tái nghèo còn cao, việc giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc tiến bộ còn chậm. Những bất cập này làm hạn chế thành tựu của chúng ta.

Nhân dân cảm nhận thành quả của phát triển kinh tế - xã hội một cách thực tế và cụ thể thông qua cuộc sống của chính mình và môi trường xã hội mà họ phải đối diện hàng ngày. Nhân dân đang đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải tạo được chuyển biến thực sự trên những lĩnh vực này. Đây còn là tiêu chí quan trọng thể hiện tính ưu việt của chế độ ta.

Không thể giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc trong một thời gian ngắn nhưng phải tạo được những bước tiến rõ rệt.

Không thể giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc trong một thời gian ngắn nhưng phải tạo được những bước tiến rõ rệt, tập trung vào một số vấn đề sau đây: (1) Triển khai nhanh và có hiệu quả Chương trình giảm nghèo tại 62 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất, đi đôi với việc giảm tỷ lệ nghèo và chống tái nghèo ở các vùng khác; (2) Cải thiện điều kiện, chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân, gắn liền với việc bảo đảm vệ sinh - an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; (3) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng và dạy nghề; (4) Phòng chống có kết quả nạn tham nhũng, các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; (5) Giảm tình trạng ùn tắc giao thông và ngập úng ở các đô thị lớn.

Biện pháp cơ bản để thực hiện các nhiệm vụ trên đây là hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế chính sách, tiêu chuẩn đánh giá và chế tài xử lý; tăng cường phổ biến và giáo dục pháp luật; thực hiện công khai và minh bạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; Nhà nước tăng đầu tư đi đôi với huy động mọi nguồn lực của xã hội; đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, trước hết là người đứng đầu, đồng thời phát huy tính tích cực của cả hệ thống chính trị tham gia vào việc giải quyết các nhiệm vụ bức xúc này.

Nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Một trong các chức năng cơ bản của lãnh đạo là tổ chức thực hiện. Kết quả tổ chức thực hiện thể hiện sức mạnh của bộ máy, bản lĩnh, năng lực của cán bộ và tính đúng đắn của cơ chế, chính sách.

Phải tổ chức thực hiện khẩn trương và có hiệu quả, nói đi đôi với làm, thực hiện khẩn trương, quyết liệt.

Phải tổ chức thực hiện khẩn trương và có hiệu quả, nói đi đôi với làm. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở, nhất là người đứng đầu phải sâu sát và kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Chỉ đạo kiên quyết và tổ chức thực hiện khẩn trương, quyết liệt để không những chuyển chính sách thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội mà còn giúp hoàn thiện chính sách ngày càng sát đúng hơn, phù hợp với yêu cầu của cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân. Thông qua tổ chức chỉ đạo thực hiện sẽ nảy sinh những giải pháp mới, sáng tạo từ thực tiễn phong phú và sôi động ở từng lĩnh vực, địa phương và trong từng cơ sở.

Tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội

Phát triển là một quá trình vận động tổng hợp với nhiều mục tiêu, lại có sự gắn kết, tương tác giữa kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó có những mục tiêu cụ thể trong ngắn hạn có thể là mâu thuẫn nhau. Toàn cầu hoá làm quá trình tái sản xuất mở rộng trong không gian và biến đổi nhanh theo thời gian, các động thái phát triển nhiều khi vượt qua khả năng dự báo và các mô hình tính toán. Hơn nữa, không một cơ chế, chính sách nào có thể bao quát mọi hiện tượng kinh tế - xã hội.

Vì vậy, có những ý kiến khác nhau về một chính sách cụ thể nào đó cũng là điều

bình thường. Quan trọng nhất là khi đã quyết định, phải tập trung mọi nỗ lực để thực hiện có kết quả các nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu đã xác định. Phải công khai và minh bạch thông tin, làm rõ chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác thông tin tuyên truyền phải vì lợi ích của đất nước, của nhân dân và phải kịp thời bác bỏ những thông tin thất thiệt; tạo ra nhận thức đúng đắn và sự đồng thuận xã hội cao, hành động theo cùng một hướng.

Điều này càng cần thiết trong điều kiện nước ta vốn đi lên từ một nền sản xuất nhỏ, tư tưởng tiểu nông và tâm lý "đám đông" còn khá nặng nề. Thời gian qua chúng ta đã ngày càng làm tốt hơn yêu cầu này. Cần làm tốt hơn nữa trong thời gian tới.

***

Tình hình kinh tế thế giới đang biến động rất khó lường. Cần theo sát các động thái phát triển để có phản ứng chính sách nhanh nhạy và phù hợp nhằm tận dụng các thời cơ mới xuất hiện, đồng thời có giải pháp khắc phục những khó khăn mới nảy sinh, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn và giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội.

Phải sâu sát thực tế, chỉ đạo và hành động quyết liệt, dám chịu trách nhiệm, đương đầu và vượt qua khó khăn, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, bảo vệ lợi ích chính đáng và chủ quyền quốc gia, tiếp tục nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đây là sự chuẩn bị tốt nhất cả về tư duy phát triển và công tác nhân sự cho Đại hội đảng bộ các cấp, cũng là hành động thiết thực nhất để chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng và các sự kiện trọng đại trong năm 2010.

NGUYỄN TẤN DŨNG

Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ

* Website: www. thanhnien online.com.vn

Bản sao lưu trữ

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng

NĂM 2010 KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG 7%

TT- TT - Ngày 29-1 tại Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) 2010 ở Davos (Thụy Sĩ), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã có cuộc họp báo với giới truyền thông quốc tế.

Trả lời câu hỏi của phóng viên về dự báo tăng trưởng trong năm 2010, Thủ tướng cho biết quý 4-2009 kinh tế VN tăng trưởng 6,9% và VN có đủ cơ sở để dự báo năm 2010 tăng khoảng 7%, năm 2011-2012 sẽ đạt 7-8%, bằng mức tăng trưởng trong hai thập kỷ qua.

Đề cập tình trạng lạm phát, Thủ tướng khẳng định VN đưa ra mục tiêu không để lạm phát cao, trong đó năm 2009 lạm phát 6,5% và năm 2010 hoàn toàn đủ khả năng kiềm chế lạm phát khoảng 7%, đồng thời sử dụng tốt công cụ tài chính tiền tệ mà VN đã triển khai trong năm 2009.

Thủ tướng cũng cho rằng WEF 2010 đã lựa chọn các chủ đề rất có ý nghĩa, giải pháp phục hồi tăng trưởng và phát triển bền vững thời kỳ hậu khủng hoảng, tái định hình nền quản trị toàn cầu, an ninh lương thực thế giới, xây dựng cộng đồng Đông Á. Cảm ơn WEF đã lựa chọn VN là nơi tổ chức Diễn đàn kinh tế Đông Á 2010, Thủ tướng cho biết diễn đàn sẽ diễn ra ở TP.HCM.

Thông báo việc VN chính thức đảm nhận cương vị chủ tịch ASEAN năm 2010, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nêu rõ: VN đã lựa chọn chủ đề "Hướng tới cộng đồng ASEAN: từ tầm nhìn đến hành động", thể hiện phương châm hành động xuyên suốt của ASEAN trong năm 2010. Với tư cách chủ tịch ASEAN 2010, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kêu gọi sự chung tay, giúp sức để ASEAN phát triển vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Trước đó, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã có cuộc gặp Phó thủ tướng thường trực Trung Quốc Lý Khắc Cường, trao đổi các biện pháp thúc đẩy phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện VN - Trung Quốc thời gian tới. Hai bên nhất trí cần sớm ký kết bản quy hoạch năm năm phát triển kinh tế, thương mại Việt - Trung, cố gắng thực hiện mục tiêu kim ngạch thương mại 25 tỉ USD vào năm 2010 theo hướng từng bước cân bằng và phát triển bền vững.

Ông Lý Khắc Cường khẳng định VN là nước láng giềng hữu nghị và là đối tác quan trọng của Trung Quốc. Hai bên bày tỏ tin tưởng vấn đề trên biển sẽ từng bước được giải quyết phù hợp với quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước, trên cơ sở luật pháp quốc tế, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực.

Sau đó, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã gặp Thủ tướng Bỉ Yves Leterme. Hai thủ tướng nhất trí cho rằng trên cơ sở quan hệ hợp tác tốt đẹp, hai nước sẽ phối hợp tốt, đảm bảo thành công hội nghị cấp cao Á - Âu (ASEM 8) vào tháng 10-2010, trong bối cảnh VN đảm nhiệm chức chủ tịch ASEAN năm 2010 và Bỉ sẽ đảm nhiệm chức chủ tịch EU sáu tháng cuối năm 2010.

Theo: Thông tấn xã Việt Nam

Bản sao lưu trữ

GIẢI PHÁP HỮU HIỆU

Duy Khanh

Năm nhóm giải pháp do Chính phủ đưa ra nhằm đối phó và ngăn chặn suy giảm kinh tế nước ta vừa được công bố. Trước hết phải thấy rằng, Chính phủ đã nhận thức và đánh giá chính xác vấn đề do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, suy giảm kinh tế trong nước cũng đang dần hiện hữu chứ không chỉ còn là nguy cơ. Các nhóm giải pháp vừa được đưa ra là toàn diện. Tuy nhiên, vẫn rất cần sự mạnh bạo hơn nữa trong chính sách tín dụng và thuế. Đây chính là hai công cụ mà Chính phủ hoàn toàn chủ động trong thực hiện.

Trong nhóm giải pháp thứ ba đã nêu khá rõ, Chính phủ sẽ thực hiện các giải pháp để tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp. Tiếp tục hạ lãi suất cơ bản và cho phép các tổ chức tín dụng, các quỹ tín dụng nhân dân cho vay theo lãi suất thỏa thuận. Trên thực tế, với mức lãi suất cao đã có lúc lên tới 21% /năm, thì không phải là hạn chế tín dụng mà là khóa chặt tín dụng. Điều này đã khiến không ít doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc tạm ngưng sản xuất. Từ ngày 05/12/2008 vừa qua, mức lãi suất cơ bản đã được điều chỉnh giảm còn 10%, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh và cạnh tranh. Bởi hiện nay trên thế giới, lãi suất chiết khấu và cấp vốn cho các ngân hàng chỉ từ 0,3% (Nhật Bản) và 1% (Mỹ), các ngân hàng Châu Âu cũng chỉ ở mức 2-3%, Với lãi suất đó, lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp tối đa cũng chỉ khoảng 5-6%. Trong khi đó, ở Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam lại phải vay vốn với mức lãi suất cao thì rất khó cạnh tranh khi xuất khẩu. Do vậy, theo các chuyên gia kinh tế, ngân hàng Nhà nước nên xóa hẳn lãi suất cơ bản mà chỉ còn lãi suất chiết khấu và lãi suất cung cấp vốn. Theo đó, người đi vay và ngân hàng có thể thỏa thuận trực tiếp với nhau. Đây chính là nỗ lực cao nhất để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển bên cạnh các chính sách về thuế.

Tuy nhiên, để có được mức lãi suất như các nước trên thế giới là điều không dễ dàng. Vấn đề là Chính phủ cần phải ban hành những chính sách đi kèm. Các chuyên gia kinh tế cho rằng, Ngân hàng Nhà nước có thể đề ra mức lãi suất chiết khấu thấp để các ngân hàng thương mại cho khách hàng vay cũng với mức lãi suất thấp. Ngân hàng thương mại cho vay rồi đem lại chiết khấu cho ngân hàng Nhà nước. Tóm lại là Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện việc cung cấp vốn, các ngân hàng thương mại sẽ chịu trách nhiệm giám định

và thu hồi vốn. Nhưng để thực hiện được điều này cần phải đặc biệt quan tâm tới vấn đề quản lý để tránh xảy ra tiêu cực.

Chính phủ đã công bố nguồn tài chính 8 tỷ USD sẽ được tung ra nhằm kích thích tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế. Vấn đề này theo các chuyên gia cần được hiểu đó là mồi nước nhằm tạo lực cho sự hoạt động của chiếc máy bơm. Vấn đề chính là chiếc máy bơm sẽ hoạt động như thế nào. Căn cứ vào những điều này, cộng thêm với những nghiên cứu, phân tích dự báo cụ thể vẫn có thể có những sự điều chỉnh tiếp theo.

LIÊN KẾT LÀM GIÀU KHI RA "BIỂN LỚN"

Thời gian gần đây, loại hình HTX xuất hiện nhiều ở TP.HCM vì các nhà sản xuất nhỏ đã bắt đầu chịu hợp tác với nhau, họ đã ý thức được nếu không liên kết để mở rộng quy mô và đổi mới cách thức sản xuất-kinh doanh thì sẽ không thể "trụ" nổi trước một sân chơi lớn như WTO.

Đối phó trong sân chơi lớn.

Theo ông Nguyễn Văn Quang, phó Viện trưởng Viện kinh tế TP.HCM, xu hướng thành lập HTX để đối phó với WTO cũng có thể xem là một "phản ứng" phù hợp của các nhà sản xuất. Vì liên kết sẽ giúp họ nâng cao khả năng cạnh tranh trong môi trường WTO. Hiện nay, nhiều hộ gia đình ở nông thôn đã liên kết với nhau thành lập HTX để làm ăn lớn. Theo đó, các HTX cũng liên kết với nhau để tạo nên sức mạnh, góp phần đưa kinh tế tập thể phát triển. Các HTX Làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi; HTX muối Tiến Thành, huyện Cần Giờ... là những điển hình. Ông nguyễn Duy Hiếu – Chủ tịch Liên minh HTX TP.HCM cho biết, thành lập HTX không chỉ giúp nhà sản xuất có thể tham gia vào hệ thống tiêu thụ hiện đại như siêu thị mà còn giúp họ nâng cao khả năng cung ứng đến các nhà phân phối, tiêu thụ hiện đại như siêu thị mà còn giúp họ nâng cao khả năng cung ứng đến các nhà phân phối, tiêu thụ. Vì sau khi thành lập, các HTX có thể liên kết lại để có sự phân công trong tổ chức cung ứng, điều tiết lịch sản xuất giữa các HTX với nhau. Trong năm 2007 và năm 2008, TP.HCM đã có hơn 20 HTX được thành lập, chủ yếu là các HTX nông nghiệp. Vi đây được xem là hình thức tổ chức tổ chức kinh tế phù hợp cho sản xuất nông nghiệp trong xu thế hội nhập. Càng cạnh tranh thì nhu cầu hợp tác càng trở nên bức thiết, trong khi nông dân, các nhà sản xuất lại không đáp ứng yêu cầu đa dạng của thị trường. Liên kết sẽ giúp họ đối phó hiệu quả hơn với việc mở cửa thị trường. Trong năm 2007, bảy HTX sản xuất rau an toàn đã kiên kết lại với nhau tạo thành khối gọi là R7. Mục tiêu nhằm đẩy mạnh phát triển sản phẩm và định hướng cho

xuất khẩu. Năm 2008, các nhóm sản phẩm thịt, hoa cũng đã liên kết theo kiểu này. Theo thống kê hiện nay, TP.HCM có hơn 460 HTX, trong đó có trên 40 là HTX nông nghiệp. Tuy nhiên, xét về năng lực quản lý, năng lực tài chính thì các HTX nông nghiệp vẫn chưa thật sự mạnh. Thông thường, vốn bình quân của một HTX chỉ khoảng 200 - 300 triệu đồng. Do đó, để đầu tư nâng cao trình độ quản lý và sản xuất kinh doanh cũng không phải dễ. Bên cạnh đó, điểm yếu của sản xuất nông nghiệp TP vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán. Vì vậy, hợp tác với nhau sẽ giúp các nhà sản xuất hoạt động tốt hơn, kinh doanh hiệu quả hơn.

Vai trò lớn cho nông thôn

Vai trò đầu tiên của kinh tế HTX, theo ông Nguyễn Xuân Hiên, phó chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam, đó là nâng cao năng lực hấp thụ vốn cho người nghèo, nông dân khi mà phần đông nông dân có nhu cầu vốn cho phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo nhưng khó khăn trong tiếp cận các nguồn vốn của các tổ chức tín dụng truyền thống. Ngoài ra, theo ông Hiên, kinh tế HTX còn nâng cao năng lực sản xuất cho người nghèo, nâng cao trình độ lao động nông thôn, khuyến khích phát triển làng nghề ở các HTX thủ công mỹ nghệ. Thậm chí nhiều HTX, nhất là các HTX ở vùng ven các đô thị lớn, đã tiếp cận được thị trường nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua tiếp cận sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Giáo sư Mai Văn Quyền, nguyên Viện phó Viện Nông nghiệp khoa học miền Nam, cho biết ở Đông Nam bộ, nhiều HTX nông nghiệp hình thành xuất phát từ nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, từ nhu cầu tránh thiệt thòi trong đàm phán mua bán nông sản trên thương trường như các HTX trái cây, bò sữa, rau an toàn ...

Thực tế cho thấy, HTX Muối Tiến Thành, huyện Cần Giờ, dù chỉ mới thành lập tháng 2 năm 2008, và là HTX diêm nghiệp đầu tiên của TPHCM, đã hứa hẹn là chỗ dựa vững chắc cho bà con diêm dân. Ông Phan Thành Thuộc – chủ nhiệm HTX tâm sự rằng, gần đây những chính sách cho nghề muối còn hạn chế, chưa được quan tâm nhiều nên người dân không dám mạnh dạn đầu tư, hơn nữa, giá cả bấp bênh làm đời sống bà con không khỏi khó khăn. Để có vốn đầu tư cho vụ kế tiếp, đa số bà con phải bán muối non với giá rất thấp. Từng làm trong nghề muối nên thấu hiểu nỗi khó khăn này, ông Thuộc đã thành lập HTX với mong muốn giúp đỡ bà con, trước tiên là việc hỗ trợ vốn ban đầu : Đầu năm 2008, HTX đã ứng vốn hơn 500 triệu cho gần 100 hộ nông dân đầu tư sản xuất. Đồng thời, HTX cũng bao tiêu sản phẩm của nông dân với giá ổn định, để luôn đảm bảo nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, ban chủ nhiệm cũng liên kết với những công ty khác tiêu thụ muối cho nông

dân. Chính sự liên kết này vừa tạo điều kiện cho người dân có thể tiếp tục nghề muối truyền thống, vừa góp phần phát huy sức mạnh kinh tế tập thể trong thời hội nhập. Vừa qua Chi cục Phát triển nông thôn cũng hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện mô hình sản xuất muối sạch trên ruộng trải bạt và hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đồng thời, Trung tâm tư vấn và hỗ trợ nông nghiệp thành phố hỗ trợ xây dựng trang Web để quãng bá sản phẩm. Chưa đầy 1 năm thành lập, HTX đã xây dựng được thương hiệu và dần khẳng định mình, đồng thời ký kết hợp đồng xuất bán với Công ty TNHH Muối Đại Dương và công ty TNHH Muối Thiên Nhiên.

Trường hợp khác là HTX Làng nghề bánh tráng Phú Hòa Đông. HTX này thành lập năm 2006, ban đầu có 11 xã viên với 7 hộ có máy tráng bánh và 1 hộ sản xuất máy tráng. Mới thành lập HTX gặp rất nhiều khó khăn về quản lý cũng như về vốn, đầu ra sản phẩm. Nhưng sau đó được sự hỗ trợ của Chi cục Phát triển nông thôn, Trung tâm tư vấn và hỗ trợ nông nghiệp về pháp lý, tập huấn liên quan đến HTX, đi tham quan các HTX làm ăn khá, dự các hội chợ triển lãm trong thành phố cũng như các tỉnh để tìm kiếm đầu ra. Bằng sự cố gắng, nỗ lực, đến nay HTX đã có các hợp đồng cung cấp lâu dài cho các đơn vị bán lẻ như CoopMart SaiGon, Cầu Tre và đã xuất hàng ủy thác sang Pháp. Và gần đây, qua hội chợ Thực phẩm và Dinh dưỡng Phú Thọ, HTX đã kí hợp đồng xuất bánh tráng qua Mỹ và có nhiều công ty đề nghị hợp tác lâu dài để xuất đi các nước khác. Đồng thời, với sự phát triển này cũng góp phần tạo việc làm cho nhiều lao động nông thôn. Ông Lê Thế Khải – chủ nhiệm HTX chia sẻ: Hiện Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM chọn HTX làm thí điểm thực hiện các dự án như làm liếp nhựa thay liếp trúc, viết phần mềm tính toán cắt bánh tráng, cải tiến máy dập và khuôn, thiết kế và đăng ký nhãn hiệu, bao bì , xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, v.v... Nếu các dự án này được thực hiện, HTX sẽ mở rộng kinh doanh theo hệ thống liên kết với những hộ có vốn, có đất đai, khi đó HTX sẽ cung cấp máy tráng, hướng dẫn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm. Như vậy vừa đảm bảo đầu ra cho người dân, vừa có thể phát triển làng nghề bánh tráng truyền thống Phú Hòa Đông. Hướng liên kết nầy hứa hẹn nhiều kết quả tốt đẹp.

Đây là 2 trong số những HTX nông nghiệp của TPHCM thể hiện được đường hướng rõ ràng, và quan trọng biết liên kết với nông dân, với các doanh nghiệp để nâng cao thế mạnh cho HTX, cũng đồng thời đóng góp vào sự phát triển kinh tế – xã hội chung của thành phố. Sự liên kết giữa các HTX trong thành phố với nhau cũng như sự liên kết liên tỉnh góp phần hỗ trợ hoạt động

lẫn nhau của HTX, đã tạo thêm sức mạnh cho nền kinh tế tập thể. Và đây quả là một trong những mối "liên kết làm giàu".

Trích: Theo dòng thời sự kinh tế-của Duy Khanh

- Nhà xuất bản Lao động, 2009

Bản sao lưu trữ

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

GS. VŨ ĐÌNH CỰ

Trong quá trình đổi mới gần 20 năm qua (1986 - 2006), nền kinh tế nước ta tăng trưởng liên tục ở mức khá cao. Đó là do đường lối và các chính sách đúng đắn của Đảng lãnh đạo với sự nỗ lực phấn đấu sáng tạo của toàn thể nhân dân, trong đó có đội ngũ khoa học, công nghệ.

Dưới đây, trong phạm vi một bài viết, trình bày một số nét chủ yếu của sự phát triển khoa học, công nghệ (KHCN) (bao gồm khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ), một bộ phận quan trọng của lực lượng sản xuất, góp phần phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng XHCN. Sự phát triển các ngành khoa học xã hội và nhân văn .... trong đổi mới được đề cập đầy đủ và sâu sắc trong các bài viết khác.

Chính sách phát triển KHCN trong thời kỳ CNH, HĐH

Mở đầu thời kỳ đổi mới, nhận thức rằng "những bước tiến kỳ diệu và những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ tác động sâu sắc đến sự phát triển của xã hội loài người" (26-NQ/T.Ư), năm 1991, Đảng ta đã có Nghị quyết 26-NQ/T.Ư của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới. Trong nghị quyết này đã nêu rõ: những mặt tích cực và các yếu kém của KHCN nước ta; những nhiệm vụ quan trọng của KHCN nước ta trong sự nghiệp đổi mới; những biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển KHCN; đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến sự quản lý của Nhà nước đối với KHCN.

Đến kỳ họp thứ hai của Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 12-1996), sau khi đã rõ hơn nhiều vấn đề của quá trình đổi mới và nhất là những kinh nghiệm thực tiễn về kết quả thực hiện Nghị quyết 26-NQ/T.Ư trong đổi mới, đã ra Nghị quyết về "Định hướng chiến lược phát triển khoa học – công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000" (sau này viết tắt là NQT.Ư 2)

NQT.Ư 2 có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển KHCN nước ta trong giai đoạn lịch sử đặc biệt của đổi mới; phù hợp tính chất của thời đại. Trong nghị

quyết nêu rõ phải sớm có luật pháp về khoa học và công nghệ để kịp thể chế hóa mọi mặt hoạt động KHCN, phải nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý KHCN phù hợp cơ chế thị trường định hướng XHCN, phải đầu tư thỏa đáng, bước đầu tối thiểu 2% chi ngân sách, cho KHCN, v.v...

Đến Hội nghị Trung ương VI (Khóa VI), trong báo cáo kiểm điểm việc thực hiện NQ T.Ư 2, đã đánh giá tương đối toàn diện các thành tựu và khuyết điểm thực hiện nghị quyết này, và nêu ra những nhiệm vụ cho giai đoạn tới của KHCN.

Có thể thấy trong suốt quá trình CNH, HĐH các đồng chí lãnh đạo T.Ư Đảng có mối quan tâm đặc biệt đối với KHCN để phát triển kinh tế, xã hội. Đội ngũ KHCN đã nhận thấy ngày càng rõ về vai trò, vị trí và nhiệm vụ của mình.

Những đổi mới bước đầu

Để thực hiện các chính sách đổi mới cho KHCN, việc đầu tiên phải là chuyển đổi công tác quản lý KHCN từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN.

Nền khoa học nước ta vốn được xây dựng theo cơ chế kế hoạch hóa và bao cấp, theo kiểu như của Liên Xô (trước đây). Cụ thể là chỉ có các tổ chức KHCN của Nhà nước, được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí hàng năm theo kế hoạch. Những nhiệm vụ nghiên cứu cũng được ủy ban kế hoạch Nhà nước giao. Những kết quả nghiên cứu có giá trị về lý thuyết thì được công bố trên các tạp chí khoa học, các thành tựu công nghệ được chuyển cho cơ quan kế hoạch xem xét để đưa vào sản xuất. Tóm lại là giữa nghiên cứu và sản xuất không có mối quan hệ trực tiếp, mà phải thông qua cơ quan kế hoạch.

Như vậy, việc đầu tiên của đổi mới là phải xây dựng mối quan hệ trực tiếp giữa tổ chức KHCN và doanh nghiệp. Tuy nhiên cả ba "nhà" đều rất lúng túng; "nhà" khoa học, công nghệ không biết "tiếp thị" kết quả nghiên cứu của mình; "nhà" sản xuất không biết mua công nghệ và thiết bị trực tiếp từ các nhà khoa học như thế nào, thuế và thanh quyết toán ra sao; các "nhà" quản lý không có quy chế làm việc về sự môi giới.

Sau một thời gian ngắn, Nhà nước ta với sự đồng thuận của đội ngũ KHCN đã đi đến hình thức quản lý phù hợp thực tế, đa dạng và có hiệu quả hơn.

Chính phủ sử dụng một hội đồng tư vấn quốc gia, thành lập trong kế hoạch năm năm khoảng mười chương trình trọng điểm cấp nhà nước, bao gồm

các nhiệm vụ KHCN rất cần thiết cho kinh tế – xã hội trước mắt và trong thời gian gần. Các nhiệm vụ này được thực hiện bằng các đề tài và được ngân sách cấp một phần hay toàn bộ kinh phí qua một hợp đồng tuyển chọn (hình thức đầu thầu theo Luật Khoa học và Công nghệ). Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản cũng được ngân sách cấp kinh phí sau một sự thẩm định chặt chẽ.

Các bộ, ngành và địa phương (tỉnh, thành phố) cũng có ngân sách để đặt hàng nghiên cứu cho các nhà khoa học về các nhiệm vụ cần thiết cho sản xuất ở đơn vị mình.

Ngoài đơn đặt hàng của Nhà nước, các tổ chức KHCN còn ký hợp đồng nghiên cứu với các doanh nghiệp và hình thức này ngày càng phát triển.

Nhà nước còn khuyến khích các nhà khoa học thành lập các tổ chức KHCN hoạt động tự chủ không phụ thuộc bao cấp của Nhà nước. Từ khi bắt đầu đổi mới, chỉ có khoảng 100 tổ chức KHCN của Nhà nước. Đến cuối năm 2004, cả nước có 1.220 tổ chức KHCN, trong đó 684 thuộc khu vực Nhà nước và 536 thuộc tập thể và tư nhân. Đây là một xu thế rất hợp lý và rất đúng hướng của cơ chế kinh tế.

NQT.Ư 2 cũng khuyến khích hội nhập quốc tế với các hình thức hợp tác quốc tế đa dạng. Qua đây, chúng ta có điều kiện tốt để học hỏi các công nghệ mới và đào tạo cán bộ.

Các điểm trình bày trên đây chưa kể được hết những hình thức rất năng động của đội ngũ KHCN. Vì khó khăn, nên có một số ít chuyển nghề, nhưng đại đa số trong đội ngũ khoa học, công nghệ nước ta đều rất tự hào và say mê với nhiệm vụ.

Với chính sách đổi mới cụ thể trên đây nền KHCN nước ta đã nhanh chóng vượt qua trì trệ, tiếp tục phát triển và có những đóng góp xứng đáng phục vụ thắng lợi quá trình đổi mới. Một số thành tựu quan trọng sẽ trình bày dưới đây.

Tiếp thụ và làm chủ công nghệ tiên tiến

a) Khi bắt đầu quá trình đổi mới, nền kinh tế nước ta còn lạc hậu, trình độ công nghệ còn khá thấp. Bởi vậy, tiến hành CNH, HĐH trong điệu kiện đó phải: "Lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính. Tạo được khả năng lựa chọn, thích nghi và làm chủ các công nghệ nhập; đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến nhất, trước hết ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân, những ngành có giá trị tăng cao..." (NQT.Ư 2). Lúc đó chúng ta ở trong tình thế là lĩnh vực nào cũng cần phát triển nhanh, nhưng ai

cũng thấy rằng lương thực là quan trọng hàng đầu. Khoán 10 đã mở đầu cho sự giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp và tiếp theo là các bước tiếp tục đổi mới công nghệ. Các nhà khoa học nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi) kết hợp chặt chẽ với nông dân, đã đạt những thành tựu xuất sắc trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ các giống cây trồng, vật nuôi với năng suất và chất lượng cao, kỹ thuật canh tác tiên tiến với hệ thống thủy lợi khá phát triển, công nghệ sau thu hoạch và chế biến có bước tiến rõ rệt... Một số công nghệ rất hiện đại của sinh học phân tử, như công nghệ tế bào, công nghệ tái tổ hợp gen, v.v....cũng đã bắt đầu được nghiên cứu ứng dụng. Đến nay nhìn lại, kết quả thật là to lớn. Từ một nước phải nhập lương thực, chúng ta trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (năm 2005 xuất khẩu hơn 4,5 triệu tấn gạo) với năng suất khá cao, hiện nay đạt trung bình 4,86 tấn/ha. Năm 2004 đã đạt 39,3 triệu tấn lương thực gần với ngưỡng an ninh lương thực (500 kg/người/năm). Trong báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội vừa qua, đã nhấn mạnh: ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp có đóng góp rất rõ vào tăng trưởng (báo Nhân Dân ngày 15-10). Đó cũng là lời khen ngợi tính sáng tạo của nông dân nước ta và đặc biệt là sự đánh giá cao 15 công trình được Giải thưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực nông nghiệp được xét trong ba đợt vừa qua (1996, 2000, 2005), những công trình khoa học, công nghệ đã góp phần mang lại niềm tự hào của đất nước đã chiến thắng giặc đói.

b) Cùng với vấn đề lương thực việc phục hồi và phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, bao gồm năng lượng, xây dựng và giao thông, thông tin liên lạc, cũng là nhiệm vụ hàng đầu. Khoa học, công nghệ phải ra sức tiếp thụ và phát triển hàng loạt công nghệ tiên tiến mà chúng ta đã bị tụt hậu nhiều thập kỷ.

Năng lượng điện, than, dầu khí đều có bước tiến vọt về công nghệ trong 20 năm qua. Thủy điện, nhiệt điệt than và nhiệt điện khí đã phát triển mạnh, từ mức lúc bắt đầu CNH, HĐH chỉ khoảng 100 kw/người/năm, đến nay đã đạt 600 kwh/người/năm với tổng sản lượng điện hơn 45 tỷ kwh trong năm 2004. Công nghệ tiên tiến tua-bin khí chu trình hỗn hợp ở các nhà máy điện Phú Mỹ, công nghệ đập bê-tông trọng lực cho thủy điện Sơn La sắp tới, cùng với mạng hệ thống điện toàn quốc, v.v. là những bước tiến công nghệ khó hình dung nổi trước đây. Ngành khai thác than nhảy vọt từ 5,7 triệu tấn (1994) đến 26,3 triệu tấn (2004) nhờ đổi mới quản lý và ứng dụng hàng loạt công nghệ tiên tiến; tỷ lệ cơ giới hóa trong khai thác hầm lò, trong vòng sáu năm gần đây đã tăng nhanh từ 10% lên 80%. Ngành dầu khí nước ta ra đời cùng với CNH, HĐH, nên có điều kiện ứng dụng ngay các công nghệ tiên tiến trong

tìm kiếm, thăm dò, phân tích và tổng hợp số liệu địa chất – địa vật lý, công nghệ khoan ngang, bơm ép nước duy trì áp suất vỉa... làm cho sản lượng dầu khí liên tục tăng: năm 2004 đạt 26,7 triệu tấn (trong đó dầu thô đạt 20,1 triệu tấn). Với sản lượng như trên và còn tiếp tục tăng nữa, người ta bàn đến việc xếp nước ta là một nước dầu khí. Để vượt qua thách thức năng lượng toàn cầu trong thời gian tới, chúng ta cũng đang nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm một số loại năng lượng tái tạo có triển vọng và tính toán cả việc làm nhà máy điện hạt nhân.

c) Ngành xây dựng và giao thông đã tiếp thụ và phát triển hàng loạt công nghệ tiên tiến phục vụ việc nhanh chóng xây dựng lại đất nước đàng hoàng, to đẹp hơn, với hệ thống cầu, đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Trong xây dựng, những công nghệ tiên tiến như: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp (gạch ceramic, granit...), công nghệ thiết kế và thi công nhà cao tầng, cấu kiện bê-tông ứng suất trước trong các dàn không gian có nhịp lớn, kết cấu kim loại khẩu độ lớn, công nghệ khoan đường hầm lớn (đèo Hải Vân), v.v. đã đạt trình độ hiện đại quốc tế và đưa vào ứng dụng rộng rãi. Trong giao thông vận tải, những công nghệ tiên tiến như: Công nghệ thiết kế và thi công cầu dây văng nhịp lớn, công nghệ đúc hẫng cầu bê-tông, công nghệ thiết kế và thi công mặt đường ô-tô cao cấp và đường băng sân bay ít mối nối, công nghệ chống sụt trượt đường miền núi, hệ thống công nghệ thiết kế tự động và đóng tàu biển các loại (tàu chở dầu thô, tàu công-ten-nơ, tàu trọng tải lớn tới 53.000 DWT...), công nghệ thông tin mạng toàn cầu bảo đảm cho toàn ngành hàng không dân dụng điều hành, kiểm tra và thực hiện mọi loại dịch vụ hàng không, v.v. đã sớm được tiếp thụ, phát triển và ứng dụng có hiệu quả.

Để phục vụ xây dựng và giao thông việc sản xuất những vật liệu cơ bản như sắt – thép, xi-măng, gạch... dựa trên công nghệ tiên tiến đã phát triển mạnh. Năm 2004, đã sản xuất 25,3 triệu tấn xi-măng và 2,9 triệu tấn thép cán...

d) Trong quá trình CNH, HĐH trước kia chúng ta thường phải nhập khẩu thiết bị toàn bộ cho một công trình (thí dụ một nhà máy nhiệt điện khí) hoặc nhiều thiết bị lẻ để lắp thành dây chuyền, v.v. Đó là những sản phẩm của ngành chế tạo máy (bao gồm cả máy cái), cơ – điện tử và cơ khí – tự động hóa...

Để giảm nhập siêu, chúng ta phải từng bước tự chế tạo lấy thiết bị dùng trong nước và xuất khẩu. Song, để chế tạo được các loại thiết bị này, ngoài công nghệ cơ khí thông thường chúng ta phải làm chủ được công nghệ thông tin áp dụng cho lĩnh vực điều khiển tự động các cơ cấu hoạt động phức tạp. Những chuyên gia KHCN nước ta trong lĩnh vực chế tạo máy đã nhanh chóng tiếp thụ công nghệ thiết kế nhờ máy tính điện tử (CAD), công nghệ chế tác tự động nhờ máy tính điện tử (CAM), công nghệ điều khiển số bằng máy tính điện tử (CNC). Kết quả là ở nước ta đã hình thành các ngành chế tạo máy cơ – điện tử, cơ khí - tự động hóa...sản xuất các thiết bị tự động hoặc nhà máy tự động hóa toàn phần với chất lượng tương đương hàng nhập khẩu mà giá thành thường thấp hơn 30%, việc bảo hành rất thuận lợi. Vừa qua, đã có hai công trình trong lĩnh vực chế tạo thiết bị được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (2005), với sự đánh giá cao ý nghĩa tạo ra các ngành sản xuất hiện đại có giá trị gia tăng lớn.

e) Kết cấu hạ tầng thông tin liên lạc ngày nay đều được các quốc gia coi là có tầm quan trọng bậc nhất vì nó quyết định sự phát triển của xã hội và tạo ra của cải nhiều nhất cho nền kinh tế. Ngành công nghệ chủ yếu của hạ tầng thông tin liên lạc được gọi chung là công nghệ thông tin – truyền thông (CNTT-TT hoặc viết tắt tiếng Anh là ICT) và đây là ngành công nghệ cao dẫn đầu của KHCN ngày nay. ICT bao gồm công nghệ cả phần cứng và phần mềm của hệ thống thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin trên cơ sở các thiết bị điện tử và vi điện tử, mà chủ yếu là máy tính điện tử, nối mạng bằng sóng vô tuyến hoặc tia la-de cáp quang hoặc qua vệ tinh trong một phạm vi xác định của không gian hoặc mở rộng toàn cầu. Bắt đầu quá trình CNH, HĐH, những chuyên gia ngành ICT của nước ta đã lựa chọn phương án đi thẳng vào công nghệ cao, tức là công nghệ số hóa – la-de – cáp quang – vệ tinh cho truyền tải thông tin và công nghệ mạng máy tính (điện tử), in-tơ-nét cho các ứng dụng vào các lĩnh vực kinh tế – xã hội khác.

Việc phát triển mạnh ICT kết hợp việc nhanh chóng đào tạo hàng nghìn chuyên gia trẻ cho lĩnh vực này đã làm cho nước ta bước đầu tiếp cận với xã hội thông tin, số hóa của nền kinh tế tri thức. Nhân dân ta đang sử dụng trên ba triệu máy vi tính cho sản xuất và các hoạt động xã hội khác. Nước ta đạt tỷ lệ 17 máy điện thoại/100 dân vào năm 2005 (trước đổi mới, chỉ có 0,1 máy điện thoại/100 dân, tức là tăng 170 lần); tám triệu dân đang dùng in-tơ-nét (khoảng 10% số dân); đã bước sang giai đoạn máy thu hình số hóa và hàng chục báo điện tử; Nhà nước đang tích cực xây dựng nền hành chính điện tử...

Thành tựu và hiệu quả

Bản sao lưu trữ

Những thành tựu ứng dụng công nghệ tiên tiến, trình bày trên đây, chỉ là những nét chấm phá của bức tranh toàn cảnh KHCN nước ta phát triển trong 20 năm qua.

Đó là cố gắng chung của đội ngũ KHCN và của công nhân, nông dân với nhiều sáng kiến có giá trị, làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh, góp phần tăng trưởng nhanh và liên tục của nền kinh tế nước ta.

Đồng thời, chúng ta cũng thấy rõ rằng KHCN nước ta vẫn còn nhiều yếu kém, chưa tiếp cận được với nhiều công nghệ cao nên sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Cũng có ý kiến phê phán rằng: Đề tài được nghiệm thu xuất sắc rồi cất đi, không đưa được vào sản xuất. Đúng là có tình trạng đó, nhưng không phải là tất cả. Đầu tư cho KHCN là một loại đầu tư rủi ro cao. Khi đã thành công và được đưa ngay vào sản xuất thì hiệu quả cực lớn. Thí dụ, cách đây khoảng mười năm sản xuất hạt điều sa sút nghiêm trọng vì giống kém và kỹ thuật canh tác sai. KHCN vào cuộc, giải quyết vấn đề giống và kỹ thuật canh tác thành công, đã dẫn tới kết quả là sản xuất hạt điều nước ta, hai ba năm gần đây đứng đầu thế giới về sản lượng điều và kim ngạch xuất khẩu năm 2004 là 415 triệu USD. Đề tài nghiên cứu tự động hóa thiết kế tàu thủy và cắt, hàn tấm lớn tự động điều khiển nhờ máy tính thành công, đã mở ra hẳn một ngành chế tạo tàu biển cỡ lớn. Có những đề tài đã thành công khi nghiệm thu, nhưng triển khai và hoàn thiện công nghệ thì gặp khó khăn và chưa thành công ngay được.

Theo kinh nghiệm các nước công nghiệp phát triển, chỉ cần khoảng 1/3 số đề tài nghiên cứu thành công và đưa được vào sản xuất thì đã quá tốt đẹp.

Chúng ta có các đề tài nghiên cứu phần lớn đều không phải bắt đầu từ đầu, nên phải phấn đấu đạt tỷ lệ thành công và được đưa vào sản xuất ngày càng cao hơn.

Hiệu quả hoạt động KHCN luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước rất quan tâm và đội ngũ KHCN trăn trở. Hiệu quả KHCN chưa cao phần lớn là do quản lý chưa đúng. Vì vậy, trong những năm qua đã có nhiều chính sách mới về quản lý KHCN được đưa vào thực hiện: Xây dựng thị trường khoa học và công nghệ; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KHCN Nhà nước; hình thức doanh nghiệp KHCN; chợ công nghệ và thiết bị, v.v. Những chính sách này được đội ngũ KHCN hoan nghênh và chắc chắn rằng đã và sẽ nâng cao hơn hiệu quả hoạt động KHCN.

Trong báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội vừa qua, đã có nhận định: "Đóng góp vào tăng trưởng gồm các yếu tố về vốn, lao động và tiến bộ khoa

học công nghệ, trong đó đóng góp của khoa học công nghệ vào tăng trưởng trong thời gian qua là rất rõ..." (báo Nhân Dân ngày 15-10).

Có cơ sở để tin tưởng rằng hiệu quả của KHCN trong thời gian tới sẽ càng rõ hơn nữa. Trong công cuộc đổi mới đất nước KHCN nước đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, và có bước phát triển lớn mạnh để đáp ứng tốt hơn sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Toàn cảnh Việt Nam – 20 năm đổi mới** – Nhà xuất bản Lao động, 2007.

TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH "CHO VAY KÍCH CẦU"

Hưởng ứng Quyết định 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các ngân hàng thương mại (NHTM) đang nhanh chóng triển khai chương trình "Cho vay kích cầu" dành cho đối tượng là các tổ chức, cá nhân vay vốn lưu động để sản xuất – kinh doanh trong năm 2009. Cụ thể, mức lãi suất (sau khi được hỗ trợ lãi suất) cho sản phẩm cho vay tài trợ xuất khẩu bằng VNĐ chỉ còn khoảng 1-2% năm, cho sản phẩm vay sản xuất –kinh doanh trong nước dao động từ 5-6 % năm.

Đối tượng áp dụng là các khách hàng thuộc đối tượng vay vốn của NHTM theo quy chế cho vay và chính sách tín dụng hiện hành. Đối với khách hàng cá nhân, thì cá nhân hoạt động kinh doanh và có giấy phép đăng ký kinh doanh, trong đó ưu tiên các khách hàng có thời gian hoạt động kinh doanh liên tục trên 6 tháng. Đối với khách hàng là các doanh nghiệp, thì đặc biệt ưu tiên đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu. Phương thức hỗ trợ lãi suất là vào ngày trả lãi tiền vay, khách hàng tạm trả số tiền trả lãi sau khi trừ đi phần lãi suất đã được hỗ trợ. Để thực hiện, khách hàng chỉ cần điền vào giấy đề nghị hỗ trợ tiền vay (theo mẫu), các thủ tục còn lại do các NHTM tư vấn cho khách hàng. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 8 tháng đối với các hợp đồng vay được ký, giải ngân từ ngày 1/2 đến 31/12/2009. Theo các ngân hàng, việc triển khai hỗ trợ lãi suất sẽ không gặp nhiều khó khăn vì tất cả các khoản vay đều phải tuân theo quy định tín dụng thông thường, rồi mới áp dụng hỗ trợ lãi suất. Có nghĩa là để được vay vốn hỗ trợ lãi suất, các doanh nghiệp phải đúng đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện tín dụng và sau đó là điều kiện để hỗ trợ lãi suất.

Hiện nay, các doanh nghiệp đang tỏ ra hào hứng với chương trình hỗ trợ lãi suất 4% của Chính phủ. Nhiều doanh nghiệp cho rằng, chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ trong thời điểm này là một tín hiệu tốt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp tư nhân, kinh doanh cá thể. Theo các chuyên gia, từ quý II trở đi, khi gói lãi suất hỗ trợ vay phát huy tác dụng, các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có thể giảm giá thành sản phẩm, bởi chi phí đầu vào đã giảm đáng kể. Theo nhận định của cán bộ tín dụng các ngân hàng, lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng tiêu thụ sản phẩm nội địa, thu

mua lương thực, lúa gạo với nhu cầu cao, dự báo sẽ góp phần tăng trưởng mạnh mẽ tín dụng của các NHTM trong năm nay.

Theo ghi nhận của chúng tôi, dù gói cho vay kích cầu này các NHTM không có lãi, nhưng chủ tịch hội đồng tín dụng của các NHTM đều cho rằng, thông qua chương trình cho vay kích cầu, ngân hàng sẽ hỗ trợ, chia sẻ và giúp cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Đây cũng là một giải pháp tương tác lên các dịch vụ khác, một khi tín dụng ngân hàng tăng trưởng mạnh trở lại.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* ***Theo dòng thời sự kinh tế*** *– Duy Khanh, Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

MỤC TIÊU 55 TỶ USD FDI

Theo ông Phan Hữu Thắng – Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH-ĐT) – mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giai đoạn 2006 - 2010 ở mức 55 tỷ USD, với mức bình quân 11 tỷ USD /năm. Vốn thực hiện trong giai đoạn này cũng điều chỉnh ở mức 25 tỷ USD, tương đương 5 tỷ USD/năm. Để đạt được con số này, Cục Đầu tư nước ngoài đề xuất một loạt các giải pháp về chính sách pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, xúc tiến đầu tư và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành chỉ thị về các biện pháp nhằm tranh thủ làn sóng đầu tư mới.

Mục tiêu trên liệu có quá xa vời , bởi trước đó chưa bao giờ VN thu hút nguồn FDI vượt qua hai con số? Tuy nhiên, nhìn từ thực tế, các chuyên gia kinh tế vẫn lạc quan tin rằng VN có thể đạt được điều này từ nỗ lực của Chính phủ, những tiềm năng hiện có của nước đang phát triển và những lợi thế đặc trưng. Kết thúc năm 2006, nguồn vốn FDI vào Việt Nam đã ngoạn mục đạt đến 10,2 tỷ USD. Trong đó vốn cấp mới trên 7 tỷ USD, vốn mở rộng sản xuất kinh doanh 2, 2 tỷ. Con số này vượt xa rất nhiều so với mục tiêu đề ra là thu hút FDI đạt 6,5 tỷ USD cho năm này. Trước đó, đến hết quý III của năm 2006, nguồn vốn FDI chỉ mới đạt 5,15 tỷ USD, rất nhiều chuyên gia lo lắng cho tình hình kinh tế đất nước, nhất là việc tăng trưởng GDP, vì nhiều năm qua, việc tăng trưởng GDP phần lớn đều nhờ vào nguồn FDI tăng hàng năm. Điều gì đã tăng tốc trong 3 tháng cuối năm để VN có một nguồn lực kinh tế từ nguồn FDI ngoạn mục như vậy? Theo các chuyên gia, nguyên nhân chủ yếu là hầu hết các dự án lớn được cấp phép đã và đang triển khai rất nhanh. Trong số đó, có thể kể đến dự án thép Posco tại Bà Rịa – Vũng Tàu, trị giá 1,1 tỷ USD: dự án của tập đoàn Intel đầu tư vào TPHCM với tổng số vốn 1 tỷ USD; công ty TNHH Tycoons Worldwide Steel (Vietnam), xây dựng nhà máy cán thép, vốn đầu tư 556 triệu USD...

Mặt khác, theo đánh giá của các chuyên gia, nguyên nhân sau cũng góp phần đáng kể trong việc thu hút nguồn FDI. Đó là khả năng hấp dẫn của môi trường đầu tư tại VN hiện đứng thứ 3 trong số các nước có nhu cầu đầu tư lớn, chỉ sau Trung quốc và Ấn Độ. Theo đó là việc VN đã đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương thu hút vốn FDI để giảm bớt các thủ tục hành chính và các khâu trung gian. Việc thực hiện các bộ luật mới quan trọng như Luật đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật xây dựng, Luật Đấu thầu... một cách thống nhất và

hiệu quả, cùng với việc triển khai mạnh mẽ công tác cải cách hành chính về đầu tư... cũng "hút" được rất nhiều đồng vốn FDI về VN.

Từ con số 10,2 tỷ USD vốn FDI đạt được năm 2006, hiện nay, Bộ Kế hoạch – Đầu tư lạc quan rằng, năm 2007 sẽ thu hút vốn FDI đạt mức 2 con số, tức 11 tỷ USD, trong đó cấp mới là 8,5 tỷ USD và vốn tăng thêm là 2,5 tỷ USD. Mức vốn thực hiện được nâng lên 5,5 tỷ USD. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, năm 2007 và các năm sau này là thời điểm tốt cho khả năng tăng đầu tư vào VN. Bởi VN đã là thành viên WTO, VN sẽ tuân thủ toàn bộ các hiệp định và quy định mang tính ràng buộc của tổ chức thương mại toàn cầu này với nguyên tắc chính là mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ, không phân biệt đối xử hàng hóa và doanh nghiệp giữa các đối tác; thực hiện những quy định về đầu tư liên quan đến thương mại, tuân thủ các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ, công khai minh bạch chính sách. Trước đây VN chỉ đáp ứng tốt yêu cầu đầu tiên của các nhà đầu tư. Nay, VN đã có nhiều cơ hội hướng tới thị trường có yếu tố cạnh tranh với chất lượng sản phẩm cao sẽ dễ dàng hơn cho lựa chọn của các nhà đầu tư. Theo đó, các cam kết khi gia nhập WTO, VN đã cam kết mở cửa 11 ngành với 110/115 phân ngành dịch vụ, đã mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào VN.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* ***Theo dòng thời sự kinh tế*** *– Duy Khanh, Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

CƠ HỘI ĐẦU TƯ CHO NĂM 2010

(TNTT&GT) Phiên tăng điểm ấn tượng 4.1.2010 đã khiến VN-Index đóng cửa vượt qua mức tâm lý 500 điểm. Dự báo thị trường sẽ có những phiên điều chỉnh đan xen sắp tới do nhà đầu tư bán ra chốt lời. Tuy nhiên theo các chuyên gia, thời điểm đầu tư cho năm mới 2010 vẫn đang mở ra trước mắt.

Cơ hội mới

Báo cáo mới nhất của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs trong tháng 12/2009 đã đưa ra cái nhìn khá lạc quan về sự hồi phục của kinh tế Việt Nam. Từ nhiều yếu tố, Goldman Sachs điều chỉnh mức dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2009 từ 4,5% lên 5,1%, và nâng dự báo tăng trưởng GDP từ 6,7% lên 8.2% cho năm 2010. Ngoài ra, báo cáo này còn dự báo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sẽ phục hồi mạnh vào nửa đầu năm 2010, trong khi nhập khẩu sẽ không tăng mạnh do chính sách kiềm chế.

Còn theo nhận định của một chuyên gia kinh tế tại TP.HCM, các chính sách về tiền tệ, tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước đều đang cho thấy nền kinh tế sẽ dần dần đi vào sự phát triển ổn định hơn trong năm 2010. Do đó, mặc dù vẫn còn những khó khăn nhưng sự phục hồi kinh tế là điều chắc chắn. Vì vậy, thị trường chứng khoán vẫn tạo ra nhiều cơ hội hơn cho các nhà đầu tư trong năm 2010.

Nhưng phải biết chọn lọc

Trong khi đó, nếu tính từ đỉnh cao đạt được vào ngày 22/10/2009, thì hiện cả hai chỉ số chứng khoán Việt Nam đã giảm gần 20%. Với mức giá giao dịch hiện nay, theo nhận định của Công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI), một số cổ phiếu (CP) có yếu tố cơ bản tốt đã trở nên hấp dẫn, thích hợp cho mục đích đầu tư cho trung và dài hạn.

Theo anh Nam, một nhà đầu tư tại sàn VCBS, việc đồng VNĐ giảm giá tới 5,4% so với USD được đánh giá là sẽ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu thu được một khoản lãi tương đối lớn từ chênh lệch tỷ giá trong năm 2009, và cũng sẽ cải thiện được lợi nhuận trong những năm tiếp theo. Đó là các ngành nguyên vật liệu cơ bản, vật liệu xây dựng, vận tải biển, hàng tiêu dùng, tài chính và công nghệ.

Đồng quan điểm trên, Công ty chứng khoán FPT (FPTS) cũng cho rằng có những CP đang giao dịch dưới giá trị sổ sách. Nhà đầu tư trung hạn có thể lựa chọn CP có thị giá sát giá trị sổ sách và kết quả kinh doanh ổn định để giải ngân.

Theo ông Nguyễn Hoàng Long, Tổng giám đốc Công ty chứng khoán Âu Việt, nên ưu tiên chọn CP mang tính phòng thủ như ngành dược, hàng tiêu dùng thiết yếu..."Tùy vào sức chịu đựng của từng nhà đầu tư như thế nào để có thể lựa chọn danh mục CP khác nhau. Quan trọng nhất là nhà đầu tư phải có sự chọn lọc kỹ càng và có sự phân tích của riêng mình, không nên chạy mua theo những thông tin ngoài thị trường", ông Long nói.

Trung Trực * *Trích: Thanhnien online.com.vn*

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM CÓ SỨC SỐNG NGOÀI QUY LUẬT

Tiến sĩ Trần Du Lịch

Năm 2009 khép lại với việc VN được đánh giá là một trong số ít nước vượt qua suy thoái nhanh nhất.

Làm thế nào để một nền kinh tế có quy mô nhỏ nhưng độ mở lớn (tăng trưởng phụ thuộc vào xuất khẩu, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), kiều hối...) như VN lại "thoát hiểm" thành công là câu hỏi đặt ra với nhiều người. Tiến sĩ Trần Du Lịch, Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM đã trả lời phỏng vấn của Thanh Niên về những gì kinh tế trong nước đã trải qua và đạt được.

** Ông đánh giá thế nào về những khó khăn mà nền kinh tế của ta phải đối mặt trong năm 2009?*

- Nếu không "nhìn" lại năm 2008 không thể thấy hết được những khó khăn mà nền kinh tế năm 2009 phải đối mặt.

Năm 2008, kinh tế VN đối diện với 2 thái cực "băng" và "lửa". Băng là thị trường tài chính thế giới đóng "băng", còn "lửa" là biến động cực mạnh của giá cả thế giới đối với 3 mặt hàng chính bao gồm lương thực thực phẩm, năng lượng và kim loại. Sự tăng vọt của giá cả khiến đầu năm 2008 chúng ta đối diện với lạm phát cao dẫn đến việc Chính phủ chuyển mục tiêu tăng trưởng sang mục tiêu kiềm chế lạm phát. Nhưng sau 15.9.2008, thời điểm thực sự nổ ra cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thị trường thế giới đã tác động mạnh đến nhiều lãnh vực trong hoạt động kinh tế của nước ta. Một lần nữa mục tiêu và chính sách kinh tế phải thay đổi: chuyển từ ưu tiên kiềm chế lạm phát sang ngăn chặn suy giảm kinh tế, kích cầu đầu tư và tiêu dùng.

Với bối cảnh này, hành trang kinh tế VN vào năm 2009 khác với thế giới. Nếu như kinh tế thế giới đối mặt với suy thoái thì VN vừa phải kích thích tăng trưởng, vừa ngăn chặn thiểu phát lại phải phòng ngừa nguy cơ lạm phát quay trở lại. Nói tóm lại, năm 2009 là năm cực kỳ khó khăn với kinh tế VN.

** Nhưng cuối cùng thì chúng ta đã "cán đích" năm 2009 có thể nói là ngoài mong đợi. VN được đánh giá là một trong số ít nước vượt qua suy thoái nhanh. Theo ông, nhờ đâu mà chúng ta có được kết quả này?*

- Nếu xét trên các mục tiêu là ngăn chặn suy giảm, ổn định vĩ mô và an sinh xã hội, có thể nói chúng ta đã "cán đích" năm 2009 khá tốt. Theo tôi, 2 nhóm chính sách công cụ mà Chính phủ sử dụng trong năm 2009 là chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để điều tiết vĩ mô là phương pháp hiệu quả nhất. Đặc biệt, có tác dụng nhanh nhất là chính sách tiền tệ như nới lỏng chính sách tín dụng, hạ lãi suất cơ bản, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với ngân hàng thương mại, trả nợ tín phiếu bắt buộc, tái chiết khấu và tái cấp vốn qua nghiệp vụ thị trường mở, mở

rộng biên độ tỷ giá VND... để kích thích sự gia tăng tổng cầu của nền kinh tế, qua đó làm tăng cả tổng cung.

Để thực hiện gói kích thích kinh tế, thì cho đến nay việc thực hiện bù lãi suất 4% cho các doanh nghiệp (DN) thuộc đối tượng vay vốn lưu động vẫn là chính sách có nhiều tác dụng nhất. Có thể nói, cơ chế bù lãi suất là sáng tạo của VN, dùng một số tiền không lớn nhưng giúp được nhiều DN, kích thích được một nguồn vốn lớn đi vào sản xuất, kinh doanh...

** Nhưng không thể phủ nhận sự nỗ lực của các DN. Còn nhớ thời điểm đầu năm, hàng loạt nhận định từ các tổ chức có uy tín trong nước đều cho rằng, sẽ có tới 50% - 70% DN vừa và nhỏ VN phá sản do bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới. Tuy nhiên, trên thực tế điều này đã không xảy ra...*

- Đúng thế, tôi cho rằng, một trong những nguyên nhân quan trọng nhất để nền kinh tế VN phục hồi nhanh chính là nhờ vào các DN. Sự năng động, khả năng tự choài đạp của DN VN rất cao. Trên thực tế, chỉ có 20% DN trực tiếp được vay vốn hỗ trợ lãi suất 4% theo gói kích cầu của Chính phủ. 80% còn lại chỉ được hưởng gián tiếp nhưng họ vẫn duy trì sản xuất, tự xoay xở được nguồn vốn. Trong sản xuất vẫn đảm bảo được số lượng. Đặc biệt, xuất khẩu vẫn đảm bảo được khối lượng, có giảm là giảm về giá do tình hình chung của thế giới mà thôi. Và như chúng ta thấy, kết thúc năm 2009 dã không hề có chuyện phá sản hàng loạt như các nhận định từ đầu năm. Tôi cho rằng, với nội lực này, sang năm 2010 nếu chúng ta ổn định được vĩ mô, DN sẽ tự vươn lên mà không cần trợ cấp gì cả.

** Chính sách linh hoạt và sự nỗ lực của các DN thì không chỉ VN mới có. Đó là những gì chúng ta có thể "nhìn" thấy được. Nhưng nhiều người vẫn ngạc nhiên và cảm thấy khó giải thích khi nền kinh tế của chúng ta vượt qua "sóng thần" an toàn đến vậy. Bỏ qua các lý thuyết kinh tế học, ông có sự lý giải riêng về chuyện này?*

- Rất đúng. Có những điều ở nền kinh tế VN rất khó lý giải. Theo tôi, nền kinh tế của chúng ta có một sức sống ngoài quy luật. Ngoài nền kinh tế chính thức thì còn kinh tế phi chính thức, đó là nguồn tiền trong dân chúng cực lớn. Nó giúp các DN tư nhân có thể xoay xở được khi không trông cậy được vào hệ thống tín dụng. Đó là lý do khi khó khăn, các DN vừa và nhỏ lại vươn lên mạnh mẽ.

** Khó khăn nhất chắc chắn chúng ta đã vượt qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối cùng của năm rất nhiều DN lại lo về vốn, hệ thống ngân hàng thương mại không huy động được tiền nhàn rỗi trong dân chúng, lãi suất ngân hàng vẫn cạnh tranh quyết liệt dù đã có "trần"... Bất ổn vẫn là cảm giác chung của nhiều người. Ông có cảm giác đó không và ông lý giải thế nào về cảm giác này?*

- Đó cũng là cảm giác của tôi. Có thể nói, nền kinh tế nước ta tuy vượt qua giai đoạn suy giảm, đang phục hồi nhưng vẫn còn nguyên vẹn những tồn tại cố hữu của cơ cấu kinh tế. Những nguyên nhân bên trong tiềm ẩn nguy cơ gây bất

ổn về kinh tế vĩ mô. Sự bất cập của mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều ngang, chủ yếu dựa vào sự tăng vốn đầu tư, sử dụng lao động giá rẻ, khai thác tài nguyên thô và gia công hàng xuất khẩu, tình trạng thâm hụt thương mại kéo dài phải giải quyết cán cân thanh toán tổng thể bằng các nguồn ngoại tệ thiếu tính ổn định như kiều hối, giải ngân FDI, ODA...

Tình trạng đầu cơ thái quá trên thị trường bất động sản kéo dài nhiều năm cùng với sự thiếu lành mạnh trong hoạt động của thị trường chứng khoán trong thời gian gần đây đã đưa nền kinh tế nước ta rơi vào cảnh khoảng cách giữa tài sản thực và tài sản tài chính của nền kinh tế ngày càng dãn ra. Hay nói cách khác nền kinh tế tiền tệ đã thoát ly xa nền kinh tế thực. Chứng khoán không trở thành kênh huy động vốn cho DN, dồn gánh nặng huy động vốn cho cả nền kinh tế lên vai các ngân hàng thương mại. Từ đó vấn đề đặt ra là thiếu vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế...

Nếu chậm có giải pháp căn cơ cho các vấn đề trên thì nguy cơ xảy ra bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn tiếp tục đeo đuổi, dù tình hình kinh tế thế giới có phục hồi. Tôi cho rằng, trọng tâm của năm 2010 là ổn định vĩ mô.

Nguyên Hằng
(thực hiện)

Bản sao lưu trữ

* *Trích: Thanhnien online.com.vn*

BÀI HỌC RÚT RA TỪ KINH NGHIỆM ĐÃ QUA:

NHỮNG RỦI RO THƯƠNG TRƯỜNG QUỐC TẾ

Doanh nghiệp (DN) VN bước vào năm 2010 với nhiều hứng khởi. Tuy nhiên, các cảnh báo về những rủi ro trong quan hệ thương mại quốc tế có thể khiến DN phải trả giá đắt là không thể không nhắc đến.

Coi chừng bị lừa

Cảnh báo thứ nhất là nguy cơ lừa đảo thương mại tiếp tục diễn biến phức tạp khi kinh tế thế giới bắt đầu hồi phục. Năm 2009, Bộ Công thương nhiều lần khuyến cáo cẩn thận khi làm ăn với đối tác nước ngoài và dẫn chứng ra những trường hợp cụ thể.

Chẳng hạn, mua nguyên liệu giấy của đối tác Indonesia, sau khi trả trước 30 - 40% trị giá hợp đồng thì không thấy hàng đâu cả. Trường hợp tương tự, có DN mua hàng trăm tấn bột thịt xương của đối tác Hồng Kông và giao tiền trước theo phương thức thanh toán TT. Đến ngày giao hàng, DN tá hỏa khi lô hàng vẫn bặt tăm, liên lạc với chủ hàng thì "vô âm tín".

Có các DN cũng "sập bẫy" tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng lần này thì khác. Thủ đoạn lừa đảo của đối tác là bằng cách mua hàng với giá cao, rồi chuyển đặt cọc 15% - 30% giá trị lô hàng. Khoản tiền còn lại sẽ được thanh toán khi hoàn thành các thủ tục chứng từ. Tuy nhiên, sau đó họ lại không trả và yêu cầu giảm giá, nếu không để hàng nằm cảng; đưa hàng về nước vì luật hải quan Thổ Nhĩ Kỳ rất phức tạp.

Các vụ lừa đảo như vậy không chỉ diễn ra một vài lần mà liên tục trong năm qua, khiến Bộ Công thương phải liên tiếp cảnh báo.

Có thể "đứng ngoài cuộc chơi"

Cảnh báo thứ hai là DN có thể tiếp tục đứng ngoài cuộc chơi hội nhập. Năm 2010, nhiều hiệp định kinh tế giữa VN và các nước có hiệu lực. Trong đó có Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Úc - New Zealand (AANZFTA), các hiệp định kinh tế trong khuôn khổ ASEAN bao gồm Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS) và Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)... Hồi tháng 10.2009, một hiệp định toàn diện quan trọng khác đã được thực thi là Hiệp định đối tác kinh tế VN - Nhật Bản.

Thường thì với một hiệp định, VN phải mất nhiều năm mới có thể kết thúc đàm phán và hoàn tất việc ký kết, qua đó góp phần tạo ra những hành lang pháp lý, cơ hội đầu tư và thương mại cho DN. Thế nhưng, một khảo sát của Bộ Công thương mới đây cho biết, chỉ khoảng 15% DN khai thác tốt những lợi ích từ các hiệp định song phương và đa phương trong khu vực ASEAN mà VN đã ký kết. Nguyên nhân chính, 90% DN VN có quy mô vừa và nhỏ, nên chưa đủ khả năng vươn ra thị trường thế giới; còn thờ ơ hoặc chưa biết cách tận dụng những lợi ích

của các hiệp định này mang lại, đặc biệt là cắt giảm thuế suất. Hậu quả là hàng hóa ta nhập của các nước thì rất lớn, còn xuất đi lại thật nhỏ bé. Một thống kê cho biết, với các nước mà ta đã ký kết hiệp định thương mại tự do, ngoại trừ Nhật Bản và Úc, còn lại ta đều nhập siêu từ họ.

Rắc rối từ các vụ kiện

Điểm chung của các vụ lừa đảo thương mại là DN hai bên chỉ "làm quen" qua mạng, sau đó vì cần hợp đồng hoặc ham giá hời mà đặt tay ký kết, thậm chí không cần áp dụng hình thức thanh toán L/C, mà dùng hình thức thanh toán rủi ro trả tiền đổi chứng từ. Thiệt hại mà DN gánh chịu là rất lớn, nguy hiểm hơn là dẫn tới phá sản.

Cảnh báo thứ ba là rắc rối từ các vụ kiện chống bán phá giá. Trong một nền thương mại toàn cầu ngày càng trở nên bất ổn bởi vấn đề bảo hộ, thì việc phòng ngừa kiện chống bán phá giá là rất quan trọng.

Phòng ngừa như thế nào, VN đã bàn đến quá nhiều, chẳng hạn như chiến lược phân bổ hợp lý cơ cấu thị trường xuất khẩu, tránh tập trung lớn vào một vài thị trường trọng điểm để khi bị đánh còn tránh được những thiệt hại, thì chuyện trả đũa thương mại khi bị kiện là rất quan trọng.

Các nước dày dạn kinh nghiệm như Trung Quốc, Canada hay Ấn Độ, họ luôn chuẩn bị sẵn sàng biện pháp trả đũa thương mại khi bị đối tác kiện chống bán phá giá. Bởi họ có vị thế. Vị thế với những đối tác thương mại gắn bó và phụ thuộc lẫn nhau. Còn hàng hóa của DN VN thì quá phụ thuộc vào thị trường bên ngoài. Kể cả một số mặt hàng xuất khẩu rất lớn như gạo, cà phê, tiêu... VN cũng không thể sử dụng sức mạnh của chúng để có thể gây sức ép. Đối với gạo, vị thế chưa như Thái Lan. Cà phê chỉ đứng sau Brazil, trên Colombia nhưng vị thế không bằng được so với hai nước này. Tiêu chiếm 50% thị trường toàn cầu, nhưng lại không thể quyết định được giá. Đó là những vấn đề đáng tiếc trong quan hệ thương mại, khi DN VN lại đứng ở thế yếu, dù trên thực tế chúng ta có thể gây ảnh hưởng mạnh mẽ.

N.Trần Tâm

* *Trích: Thanhnien online.com.vn*

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG III

VÀI NÉT VỚI NHỮNG ĐƠN VỊ TẬP THỂ KINH DOANH HIỆU QUẢ TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Bản sao lưu trữ

DƯỢC HẬU GIANG
NHỮNG BƯỚC ĐỘT PHÁ HỘI NHẬP WTO

Nguyệt Cầm

Cần Thơ là một thành phố hiền hòa nằm bên dòng sông Hậu, một thành phố vốn được mệnh danh là đất Tây Đô của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Ở đó, có một đơn vị từ lâu đã trở nên thân quen đối với người dân cả nước, một đơn vị nhiều năm dẫn đầu ngành công nghiệp dược Việt Nam trong sản xuất kinh doanh dược phẩm phục vụ nhân dân: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang.

Tiền thân của Dược Hậu Giang là Xí nghiệp dược phẩm 2/9 được hình thành trong vùng kháng chiến Tây Nam Bộ. Lúc mới thành lập, Xí nghiệp dược phẩm 2/9 chỉ là những lán trại dã chiến, sản xuất một vài loại thuốc thông thường để phục vụ kháng chiến và nhân dân trong vùng. Qua 32 năm hình thành và phát triển, Dược Hậu Giang đã trải qua nhiều lần chia tách, sát nhập, nhiều lần "thay da đổi thịt" để lớn lên, bắt kịp tiến trình phát triển của đất nước.

Vốn ra đời trong kháng chiến nên Dược Hậu Giang đã được thừa hưởng ý chí gan góc kiên cường, đương đầu với những khó khăn thử thách để đi đến thành công. Trong những năm đầu sau chiến tranh, trong hoàn cảnh thiếu thốn, bộn bề chung của đất nước, có những lúc Xí nghiệp phải đứng trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua, đối mặt với bờ vực phá sản... Tuy nhiên, chính những lúc cam go ấy, tập thể cán bộ công nhân viên Dược Hậu Giang luôn trăn trở để tìm hướng đi, đưa Xí nghiệp vượt qua khó khăn. Nhiều phong trào được phát động như phong trào lên Phước Long trồng tràm, đến Mộc Hóa trồng tiêu, xuống Bạc Liêu nuôi tôm... đã là những bài học kinh nghiệm về tổ chức, về quản lý cho sau này.

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, Xí nghiệp đã có những chuyển biến tích cực để phù hợp với tình hình chung. Tuy nhiên, những vấn đề về vốn, trang thiết bị sản xuất, kinh nghiệm quản lý... luôn là những khó khăn bất cập mà Xí nghiệp phải tiếp tục đối mặt. Nhưng với quyết tâm đưa Xí nghiệp đi lên đã thôi thúc toàn thể cán bộ công nhân viên trăn trở tìm ra những quyết định táo bạo. Việc đầu tiên được áp dụng là sắp xếp lại cơ cấu nhân sự của Xí nghiệp. Quyết định tinh giảm biên chế gần 70 cán bộ công nhân viên chức. Tập trung cải tạo lại cơ sở vật chất, nhà xưởng cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, đầu tư mua sắm máy móc phục vụ sản xuất, mở rộng thị

trường... Tất cả những quyết định đó đã được thực hiện với một ý chí và quyết tâm cao, tạo ra kết quả bước đầu thật khả quan, tình hình sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp dần dần đi vào thế ổn định và ngày càng phát triển.

Trong sản xuất kinh doanh, một trong những điều kiện quyết định sự thành công đó là thị trường. Nếu việc sản xuất kinh doanh của một đơn vị chỉ gói gọn trong một phạm vi nhỏ lẻ thì khó có thể mang lại thành công lớn, điều đó càng đúng hơn đối với những Xí nghiệp sản xuất kinh doanh dược phẩm. Xí nghiệp hạ quyết tâm đưa thuốc đến tận tay người bệnh: ***"nơi nào có người dùng thuốc, nơi đó có Dược Hậu Giang"***, ngoài việc tập trung đầu tư nghiên cứu để cho ra đời những sản xuất có chất lượng tốt, Dược Hậu Giang đã mạnh dạn xây dựng hệ thống phân phối rộng khắp, trải dài từ Bắc đến Nam. Hiện nay, các sản phẩm của Dược Hậu Giang đã có mặt ở 98% các trung tâm y tế từ cơ sở đến trung ương, có mặt trong hầu hết ở hệ thống điều trị của các bệnh viện lớn như bệnh viện Chợ Rẫy – thành phố Hồ Chí Minh, bệnh viện Bạch Mai – Hà Nội, các bệnh viện Trung ương... Không chỉ dừng lại ở thị trường trong nước, sản phẩm của Dược Hậu Giang còn vươn ra các nước trong khu vực và trên thế giới như Lào, Campuchia, Mông Cổ, Nga, Ucraina, Moldova, Hàn Quốc... (Dược Hậu Giang xứng đáng là niềm tự hào của ngành dược Việt Nam về khả năng sản xuất các loại thuốc có chất lượng cao, hiệu qủa điều trị tốt, đủ khả năng cạnh tranh với thuốc ngoại).

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật được phát động trong tòan Xí nghiệp đã mang lại những hiệu quả thiết thực. Đặc biệt trong năm 1997, bằng sự say mê sáng tạo, cán bộ công nhân viên Xí nghiệp đã nghiên cứu và xây dựng thành công nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP – ASEAN. Không dừng lại ở đó, tập thể cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp đã tích cực nghiên cứu, học tập để xây dựng nhà máy ngày một tiên tiến, hiện đại. Lần lượt các tiêu chuẩn về quản lý, sản xuất của Công ty đã được chứng nhận các tiêu chuẩn GMP – GSP – GLP; tiêu chuẩn ISO 9001:9002; tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2001. Đây chính là "giấy thông hành" mang thuốc của Dược Hậu Giang vươn ra thị trường khu vực và quốc tế. Là sự minh chứng cho quá trình phát triển đi lên theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Dược Hậu Giang.

Có thể nói, cổ phần hóa là bước ngoặt quan trọng để đưa Dược Hậu Giang bứt phá vươn lên là lá cờ đầu của ngành công nghiệp dược Việt Nam. Từ một doanh nghiệp Nhà nước, sau khi cổ phần hóa đã có những tác động tích cực đối với người lao động; từ vai trò của người làm công ăn lương đã trở thành những người chủ thực sự của Xí nghiệp, người lao động đã ý thức được

rằng sự thành bại của Công ty cũng là sự thành bại của chính họ. Điều này chính là động lực thôi thúc toàn thể cán bộ công nhân viên không ngừng phấn đấu, góp phần để xây dựng và phát triển Công ty. Liên tục các năm 2004-2005-2006 doanh thu của Dược Hậu Giang đều tăng và chính thức gia nhập Câu lạc bộ doanh nghiệp 500 tỷ, với doanh thu đến 554 tỷ đồng vào năm 2005. Trong thời gian này nhiều sản phẩm chiến lược của Dược Hậu Giang như Haginat, Klamentin, Hapacol, Eugica... ra đời với giá thành chỉ bằng một nửa so với thuốc ngoại cùng loại nhưng được các nhà chuyên môn, người tiêu dùng đánh giá cao về hiệu quả điều trị. Trong hoàn cảnh giá thuốc của các Công ty dược nước ngoài đang ngày một tăng thì việc sản xuất được các loại thuốc chất lượng tốt, giá thành hạ là một nỗ lực rất lớn của Dược Hậu Giang trong việc góp phần bình ổn giá thuốc trên thị trường dược phẩm Việt Nam.

Một trong những thành công lớn mà Dược Hậu Giang đạt được đó là đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Xác định con người là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, chính sách khen thưởng đã được ban hành nhằm giữ chân người tài và thu hút chất xám. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên đông đảo, hơn 1.300 người, trong đó có 15 người có trình độ trên đại học, 300 người có trình độ đại học, số còn lại đều có trình độ trung cấp và tú tài... luôn được xem là một tài sản quý giá mà Dược Hậu Giang luôn trân trọng và gìn giữ. Dược Hậu Giang có thể tự hào là nơi thu hút và quy tụ nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề. Một môi trường làm việc năng động, chế độ đãi ngộ cao là những yếu tố để Dược Hậu Giang tìm kiếm và giữ chân người tài. Đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên ngày một ổn định, chế độ bảo hiểm xã hội, tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực tạo nên khí thế đã góp phần động viên cán bộ công nhân viên làm việc hăng say, hiệu quả.

Công tác phát triển Đảng, đoàn là một điểm sáng trong chiến lược phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực của Dược Hậu Giang. Đảng ủy thường xuyên cùng Ban Giám đốc công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển. Toàn Công ty có 177 Đảng viên, sinh hoạt ở 9 chi bộ trực thuộc. Công tác phát triển và kết nạp Đảng viên mới luôn được Đảng bộ Công ty quan tâm. Liên tục trong nhiều năm liền Đảng bộ Công ty cổ phần Dược Hậu Giang đều đạt trong sạch vững mạnh. Trong số hơn 1.300 cán bộ công nhân viên toàn công ty thì có hơn 80% là thanh niên. Năng động, tự tin, có trình độ và hoài bão là những đặc điểm nổi bật của thế hệ trẻ ở Dược Hậu Giang. Chính vì thế mà hoạt động đoàn thể của Công ty luôn được đánh giá đạt tiên tiến xuất sắc cấp thành phố cũng như trong cả nước. Đây chính là lực lượng dồi dào cho công tác phát triển và kết nạp Đảng viên mới của Công ty.

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dược phẩm phục vụ nhân dân, Dược Hậu Giang luôn đặt mình trước hai nhiệm vụ là Y và Đức. Phát triển hướng đến cộng đồng là mục tiêu mà Dược Hậu Giang luôn tích cực trong các hoạt động xã hội. Hàng năm, Dược Hậu Giang đóng góp hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội như phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân các vùng sâu vùng xa, cứu trợ lũ lụt cho đồng bào miền Trung, tài trợ quỹ "Bảo trợ bệnh nhân nghèo", trao học bổng "Nâng cánh ước mơ" cho sinh viên các trường Đại học Y Dược... Tất cả những hoạt động trên đều nhằm mục đích hướng về cộng đồng.

Những giá trị, những đóng góp của Dược Hậu Giang đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng I, II, III. Huân chương Độc lập hạng III. Và đặc biệt là danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (giai đoạn 1986 – 1996). Đây chính là những phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực mà toàn thể cán bộ công nhân viên chức Dược Hậu Giang đã phấn đấu trong suốt 32 năm qua.

Thành công của Công ty cổ phần Dược Hậu Giang có được như ngày hôm nay còn phải kể đến vai trò lãnh đạo của Công ty, đặc biệt là vai trò của Tổng Giám đốc – Anh hùng Lao động, tiến sĩ Phạm Thị Việt Nga. Chị chính là tấm gương sáng về tinh thần vượt khó, không đầu hàng trước khó khăn thử thách và tinh thần học tập không biết mệt mỏi để thế hệ trẻ học tập, noi theo.

Không hài lòng với những thành công đã có, hiện nay, đất nước ta đang trong quá trình hội nhập WTO, Dược Hậu Giang đã có những kế hoạch mang tính chiến lược. Đó là tập trung xây dựng nhà máy đạt chuẩn quốc tế GMP – WHO vào cuối năm 2006; đầu tư nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới phù hợp đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng; tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm để xâm nhập vào hệ thống điều trị; xây dựng thương hiệu con cho các sản phẩm, hiện Dược Hậu Giang đang có thế mạnh như: Haginat, Klamentin, Hapacol, Eugica, ...; thu hút nguồn nhân lực giỏi và đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên chức hiện có... Với những định hướng chiến lược như vậy, với sự quyết tâm cao của toàn thể công ty, Dược Hậu Giang đang sẵn sàng cho việc tham gia vào một sân chơi lớn mang tầm vóc thế giới.

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THANH - HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI NGOẠN MỤC

Lê Văn Phúc

Tháng 11 năm 2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức thương mại thế giới (WTO) và đã tổ chức thành công hội nghị APEC. Những sự kiện đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tạo nên thuận lợi nhưng cũng đồng thời đặt ra những khó khăn thách thức.

Một vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp, công ty khi bước vào một "sân chơi lớn" là phải luôn tự đổi mới mình, phải chuẩn bị tăng cường bản lĩnh hội nhập. Sự phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Siêu Thanh là một ví dụ tiêu biểu. Đây là một sự phát triển đột phá – một hình ảnh trong sáng trong đội ngũ các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Siêu Thanh được thành lập ngày 15 tháng 4 năm 1994, với số vốn đầu tư chỉ 300 triệu đồng, nhân sự chỉ vỏn vẹn 20 người. Nhưng chỉ sau 10 năm (2004), tổng số vốn đầu tư đã nâng lên 33,8 tỉ đồng (tức gấp 113 lần so với năm 1994) số nhân sự chính thức của công ty hơn 400 người (gấp hơn 20 lần so với năm 2004).

Ngay từ khi ra đời, công ty Siêu Thanh đã hoạt động trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh máy móc, vật tư thiết bị công nghiệp, thiết bị điện tử, kim khí điện máy, điện tử gia dụng, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng và phụ tùng thay thế... Từ đó đến nay, công ty Siêu Thanh đã không ngừng phát triển và nâng cao uy tín của mình.

Ngày 16 tháng 9 năm 1996, với tầm nhìn chiến lược về tiềm năng phát triển của thị trường máy văn phòng Việt Nam, công ty Siêu Thanh đã khai trương phòng trưng bày sản phẩm tại thành phố Hồ Chí Minh, khởi đầu thiết lập hệ thống phân phối sản phẩm chính hãng và dịch vụ hậu mãi chuyên nghiệp rộng khắp và vinh dự trở thành nhà phân phối chính thức sản phẩm Ricoh tại Việt Nam.

Đến nay, Công ty Siêu Thanh đã liên tục nhận được nhiều danh hiệu quý giá. Ngày 19 tháng 3 năm 2001 Công ty đã tổ chức chất lượng quốc tế BVQI cấp chứng chỉ ISO 9002 và trở thành nhà cung cấp thiết bị văn phòng đầu tiên tại Việt Nam đạt được chứng chỉ này. Ngày 8 tháng 3 năm 2004 Công ty tiếp tục khẳng định sự hoàn thiện bằng việc liên tục cải tiến và duy trì chính sách chất lượng, công ty đã vinh dự được tổ chức BVQI xét cấp chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000.

Đó là những phần thưởng xứng đáng cho sự quyết tâm đưa doanh nghiệp hướng đến chất lượng cũng như xứng đáng với sự tin cậy của khách hàng. Là bằng chứng khẳng định cho sự đúng đắn với tôn chỉ hoạt động "chất lượng phục vụ khách hàng là thước đo hiệu quả", "thỏa mãn của khách hàng là thành công của chúng tôi". Ngày 18 tháng 3 năm 2002, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Siêu Thanh, đã đổi tên thành công ty cổ phần Siêu Thanh-mở ra một bước ngoặc mang tính lịch sử cho sự phát triển của mình.

Với tầm nhìn chiến lược cộng với khả năng thấu hiểu những khó khăn, trăn trở của khách hàng trong việc quản lý thiết bị và ngân sách đầu tư, Công ty Siêu Thanh với kinh nghiệm hơn 12 năm dẫn đầu thị trường đã mạnh dạn triển khai những sản phẩm đa năng ứng dụng kỹ thuật số thế hệ mới nhất của tập đoàn Ricoh, cùng với "giải pháp quản lý tài liệu điện tử" và dịch vụ "bảo hành trọn đời sản phẩm", nhằm mang đến cho khách hàng những phương án sử dụng thiết bị văn phòng phục vụ công việc đạt hiệu quả tối ưu và tiết kiệm nhất.

Đến nay, hệ thống phân phối sản phẩm và dịch vụ hậu mãi tại chỗ của Công ty cổ phần Siêu Thanh đã được thiết lập hoàn hảo ở hầu hết các tỉnh, thành phố bao gồm 8 chi nhánh, 18 đại lý chính thức và hơn 40 trạm dịch vụ có mặt trên toàn quốc. Trong đó năng lực đạp ứng như cầu thị trường của hệ thống tổ chức phải kể đến lực lượng nhân viên chính thức của Công ty với hơn 400 nhân sự được huấn luyện bài bản và chuyên nghiệp, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý nhân viên kinh doanh và nhân viên kỹ thuật chủ yếu được đào tạo từ chính hãng, nhằm mục tiêu thực hiện nghiêm ngặt và toàn diện nguyên tắc phân phối sản phẩm và dịch vụ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đã đáp ứng được nhu cầu khắt khe nhất của thị trường.

Qua số liệu thống kê từ năm 1995 đến nay cho thấy, ta đã có trên 35.000 máy photocopy và máy fax Ricoh từ Công ty cổ phần Siêu Thanh cung cấp ra thị trường, duy trì vị thế dẫn đầu với mức thị phần nắm giữ cao nhất tại Việt

Bản sao lưu trữ

Nam (khoảng hơn 40%). Điều này đã giúp cho thương hiệu Ricoh được biết đến như là sản phẩm thông dụng và phổ biến, người sử dụng có thể an tâm mua sắm, thay thế vật tư linh kiện và lựa chọn dịch vụ ở bất kỳ nơi đâu và bất kỳ lúc nào.

.Công ty cổ phần Siêu Thanh đã tiếp tục chứng tỏ sự phát triển vượt trội của mình và ngày 15 tháng 9 năm 2006 thành lập một chi nhánh là Công ty ôtô Kim Thanh – nhà phân phối chính thức các sản phẩm ôtô của Honda đã đi vào hoạt động. Với mục tiêu trở thánh nhà phân phối ôtô và cung cấp các dịch vụ hậu mãi một cách chuyên nghiệp, Công ty ôtô Kim Thanh đã vạch ra một kế hoạch và chiến lược kinh doanh khá chi tiết với tiêu chuẩn 5S bao gồm: Bán hàng chuyên nghiệp (Sales), mỗi khách hàng đến thăm Showroom đều được tư vấn cẩn thận để chọn được chiếc xe ứng ý nhất; dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa theo tiêu chuẩn toàn cầu của Honda (Service); Phụ tùng chính hiệu (Spare parts); hướng dẫn lại xe an toàn (Safety driving); trách nhiệm xã hội (Social reponsibility). Với hướng phát triển đưa ra dịch vụ chăm sóc khách hàng qua điện thoại, sự cạnh tranh của công ty ôtô Kim Thanh là rất lớn và khả quan.

Để có được những thành công hôm nay, trong suốt quá trình hình thành và phát triển, với phương châm phục vụ "uy tín – chất lượng – hiệu quả" công ty Siêu Thanh luôn bảo đảm phân phối thiết bị vật tư là hàng chính phẩm và dịch vụ hậu mãi chuyên nghiệp với chất lượng cao nhất, nhằm thực hiện mong ước cùng kề vai sát cánh trên bước đường vươn đến thành công của khách hàng. Trong thời gian đó, công ty Siêu Thanh cũng đã nhận được sự giúp đỡ đắc lực của tập đoàn lớn như: Prudential, Siemens, Adidas, BP, Vietsopetrol... cùng các cơ quan hành chính, quản lý nhà nước như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Uỷ ban Nhân dân, Sở Tài chính quận huyện, thành phố, và các tỉnh thành cùng nhiều công ty đơn vị khác...

Trong xu thế hội nhập hiện nay, Công ty cổ phần Siêu Thanh có cơ hội để quảng bá thương hiệu của mình ra thị trường khu vực và thế giới, có điều kiện để giao lưu và học hỏi công nghệ kỹ thuật với các công ty tập đoàn nổi tiếng trên thế giới. Sự phát triển của Công ty cổ phần Siêu Thanh đã mang đến cho các doanh nghiệp, các công ty ở Việt Nam hiện nay (kể cả tư nhân lẫn Nhà nước) nhiều bài học kinh nghiệm quý báu

Thứ nhất, phải coi trọng việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học công nghệ đạt chuẩn quốc tế. Đây là lực lượng quyết định sự thành bại của các doanh nghiệp và công ty.

Thứ hai, phải sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, không được lãng phí và phải triệt để tận dụng nguồn vốn đầu tư cả trong và ngoài nước.

Thứ ba, không ngừng tăng cường và mở rộng thị trường sản xuất và tiêu thụ.

Thứ tư, thường xuyên chú trọng tăng cường đổi mới khoa học – công nghệ và quy mô tổ chức quản lý.

Thứ năm, bảo đảm sự phát triển hài hoà của công ty với công bằng xã hội.

Tóm lại, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thử thách song với đà phát triển như hiện nay, chắc chắn trong tương lai không xa nữa, Công ty cổ phần Siêu Thanh sẽ có những bứt phá để tiếp tục khẳng định vị trí của mình, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở khu vực và lan rộng ra thị trường thế giới.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÔNG SÀI GÒN VỮNG VÀNG TRONG CƠ CHẾ MỚI

Đức Giang

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đông Sài Gòn ngày nay tiền thân là Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quận 2 thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 391/QĐ-NHNN 02 ngày 5-7-1999 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trải qua 8 năm hình thành và phát triển, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đông Sài Gòn đã có những bước đi vững chắc, trở thành chỗ dựa tin cậy và sự hậu thuẫn cho bà con nông dân cả vùng ngoại thành rộng lớn phía Đông Sài Gòn. Là một ngân hàng non trẻ mới thành lập, nhưng được kế thừa bề dày truyền thống của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đông Sài Gòn đã nhiều năm vươn lên đạt danh hiệu lá cờ đầu của khối quận huyện trực thuộc Trung ương. Nếu năm 1999 Ngân hàng có tổng số vốn đưa vào khai thác 48,7 tỉ VNĐ, lợi nhuận thu được là 1,03 tỉ, thì năm 2006 số vốn đưa vào khai thác là 2.120 tỉ, lợi nhuận là 30,7 tỉ, tăng gấp hơn 50 lần về vốn và 30 lần về lợi nhuận thu được. Bước tiếp vững vàng của Ngân hàng Đông Sài Gòn là đội ngũ công chức đã trưởng thành gắn với cơ chế mới. Một tập thể Ban giám đốc, cán bộ các phòng nghiệp vụ và đội ngũ chuyên gia có vốn kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhanh nhạy với cái mới, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm. Một tập thể như vậy lại được quản lý điều hành giám sát và lãnh đạo bởi một Chi bộ đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu về lối sống, tiêu biểu về phẩm chất. Đó chính là vốn quý, là tài sản cho sức bật và sự vươn xa hơn nữa của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đông Sài Gòn trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Tám năm kể từ sau ngày thành lập, ngân hàng đã huy động được một lượng vốn nhàn rỗi lớn trong dân. Hoạt động nghiệp vụ bảo đảm tính chuyên nghiệp cao, tỷ lệ nợ khó đòi thấp, đặc biệt chưa để xảy ra một sai phạm đáng tiếc nào về cả kỹ thuật và nghiệp vụ.

Ngoài công tác chuyên môn giỏi, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đông Sài Gòn còn là một tập thể có phong trào quần chúng tiêu

biểu. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, trở thành một nét đẹp truyền thống được tập thể cán bộ công nhân viên toàn cơ quan hưởng ứng nhiệt thành. Hàng năm cơ quan đã dành nhiều ngày lương, nhiều phần quà thăm hỏi động viên, trợ giúp các gia đình đối tượng chính sách, góp phần thắp sáng thêm đạo lý đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, tài trợ cho các phong trào quần chúng của địa phương, đóng góp quỹ vì người nghèo, học sinh vượt khó...

Hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ cũng là những hoạt động tiêu biểu và là lợi thế của một đơn vị trẻ. Phong trào Đoàn đã đem đến nguồn sinh khí mới cho các mặt hoạt động chung của cơ quan. Đoàn đã bồi dưỡng cung cấp cho Chi bộ kết nạp 20 đảng viên và nhiều đối tượng thanh niên ưu tú, đồng thời là lực lượng nòng cốt của các phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao, nhờ đó Ngân hàng Đông Sài Gòn nhiều năm liền luôn là đơn vị có phong trào quần chúng mạnh. Đặc biệt hơn cả là phong trào phụ nữ giúp nhau vượt khó, nuôi con khỏe dạy con ngoan, giỏi việc nước, đảm việc nhà, duyên dáng lịch lãm trong công sở, mẫu mực trong giao tiếp ứng xử với khách hàng... Chiều sâu của các hoạt động trên đây đã tạo ra sinh khí và một phong cách làm việc, phục vụ thật ấn tượng đối với tất cả những ai từng quan hệ giao dịch với Ngân hàng Đông Sài Gòn.

Trân trọng những đóng góp của tập thể cán bộ công nhân viên Đông Sài Gòn, Thủ tướng Chính phủ, Thành uỷ, Uỷ ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: 4 năm liên tục là đơn vị lá cờ đầu của ngành Ngân hàng khối quận huyện. Nhiều bằng khen cho tập thể các cá nhân tiêu biểu. Không phụ lòng tin yêu ấy, Ngân hàng Đông Sài Gòn đang nỗ lực phấn đấu trở thành điểm sáng của ngành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trước xu thế phát triển mới.

Kết quả hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	Nguồn vốn	Số K/hàng	Dư nợ	Số KH	Lợi nhuận	Số CBCNVC
1999	**48.7**	**191**	**92.8**	**1,393**	**1.03**	**30**

2000	285.9	351	159.3	1,430	4.2	32
2001	438.5	742	260.4	1,295	8.8	34
2002	589.5	1,273	358.3	764	9.6	47
2003	859.3	2,789	826.2	2,017	16.5	61
2004	1,589.2	4,131	1,105.8	1,587	31.9	75
2005	1,856.0	5,654	995.0	1,383	39.4	80
2006	1.120.0	8,639	1,148.0	1,800	30.7	85

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

SONADEZI BIÊN HOÀ – MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Lê Thị Cát Hoa

Ban Tuyên Giáo Tỉnh uỷ Đồng Nai

Sau ngày giải phóng đất nước 30.4.1975, khu kỹ nghệ Biên Hoà được đổi tên thành khu công nghiệp Biên Hòa. Vào thời điểm đó, khu công nghiệp Biên Hòa mới có hơn 60 nhà máy, xí nghiệp hoạt động. Những năm 1988-1990, các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp Biên Hòa xuống cấp trầm trọng. Trước tình hình đó, năm 1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đồng ý kế hoạch chỉnh trang hạ tầng khu công nghiệp Biên Hòa và chấp thuận việc thành lập Công ty Phát triển khu công nghiệp Biên Hòa. Căn cứ uỷ quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập Công ty Phát triển khu công nghiệp Biên Hòa với tên giao dịch là Sonadezi Biên Hòa, trụ sở chính đặt tại: số 1, đường Quốc lộ 1, khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chức năng ban đầu của công ty chỉ là "cải tạo, nâng cấp hạ tầng khu công nghiệp Biên Hòa, chỉnh trang, đưa phần đất còn lại trong khu công nghiệp vào sử dụng...", đến nay công ty đã bổ sung thêm nhiều ngành nghề sản xuất kinh doanh như: đầu tư phát triển khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, bến cảng, giao thông vận tải, đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ cho khu công nghiệp.

Là doanh nghiệp Nhà nước tiên phong trong việc phát triển khu công nghiệp và đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, đến nay diện tích trên 2.000ha đất được Chính phủ và tỉnh giao, công ty đã đầu tư xây dựng thành 8 khu công nghiệp. Hầu hết các khu công nghiệp do công ty quản lý đã san lấp mặt bằng, xây dựng xong các cơ sở hạ tầng. Riêng khu công nghiệp Biên Hòa 1, khu công nghiệp Biên Hòa 2, khu công nghiệp Gò Dầu và khu công nghiệp Amata (giai đoạn 1) đã cho thuê hết phần diện tích.

Vốn nguồn vốn ít ỏi ban đầu, công ty đã dùng biện pháp "cuốn chiếu" để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu công nghiệp. Năm 1992 với tổng số vốn 1 tỷ đồng, công ty thuyết phục các nhà thầu để công ty thu phí sử dụng hạ tầng 5USD/m^2 đất. Từ năm 1992 đến năm 1994, công ty thu được hơn 30 tỷ đồng, được tỉnh cho phép, công ty đã sử dụng số tiền này vào thực hiện đầu tư các

dự án hạ tầng. Từ đó công ty đã giải quyết được yêu cầu ban đầu về cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư đến với khu công nghiệp để triển khai dự án, nhất là khu công nghiệp Biên Hòa 2.

Khi mới thành lập, một trong những khó khăn lớn nhất của công ty là hệ thống thông tin liên lạc bị hư hỏng nhiều, đường truyền cũ, ngay cả việc liên lạc trong nội ô thành phố Biên Hòa cũng khó khăn. Trước tình hình đó, công ty mạnh dạn vay 800 triệu đồng của Ngân hàng cho đầu tư mạng thông tin liên lạc hiện đại, góp phần quan trọng thúc đẩy khu công nghiệp Biên Hòa 1 phát triển. Đây là một trong ba tổng đài dân dụng đầu tiên của Việt Nam (tổng đài Hà Nội, tổng đài thành phố Hồ Chí Minh, tổng đài Sonadezi).

Nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững, công ty đã xây dựng Nhà máy xử lý nước thải đầu tiên tại khu công nghiệp Biên Hòa 2, sau đó là các khu công nghiệp Biên Hòa 1, Gò Dầu, Long Thành. Công ty cũng là đơn vị đầu tiên trong cả nước xây dựng khu xử lý chất thải rắn nguy hại trên diện tích 100ha tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom.

Công ty rất coi trọng yếu tố con người, chăm lo chỗ ở ổn định cho chuyên gia, cán bộ, nhân viên, giải quyết tái định cư cho 1.500 hộ dân phải di dời để chỉnh trang khu công nghiệp Biên Hòa 1. Trên diện tích 16,48ha được giao, công ty đã xây dựng 22 khu nhà liên kế, 8 chung cư cao tầng và các công trình như trường mẫu giáo, bưu điện, phòng khám bệnh, khu thương mại, công viên cây xanh..., đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho 4.000 người. Ngoài ra, còn đầu tư các khu dân cư ở huyện Trảng Bom (9,5ha); khu biệt thự nhà vườn và Du lịch Thái Tam An 1 và 2 (65ha), khu dân cư Phước Lai (0.82ha), khu tái định cư Tam An, An Phước (10ha)... Công ty cũng đang tiến hành việc xây dựng và giải quyết nhà ở cho cán bộ công nhân viên làm việc tại các khu công nghiệp trên diện tích 338,84ha.

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức là một nhiệm vụ chiến lược, công ty luôn khuyến khích cán bộ, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ. Cán bộ học đúng theo định hướng của công ty sẽ được trợ cấp khi tốt nghiệp và được chuyển ngạch để được hưởng lương tính theo trình độ đạt được.

Công tác đào tạo nguồn lực lao động cho các khu công nghiệp rất được chú trọng, tháng 12-2004, công ty đã hoàn thành việc xây dựng trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi tại khu công nghiệp Biên Hòa 2 theo chương trình hợp tác phát triển nguồn nhân lực giữa tỉnh Đồng Nai và cùng Rhone-Alpes Cộng hòa Pháp, với tổng số vốn đầu tư 100 tỷ đồng Việt Nam.

Hàng năm trường sẽ đào tạo khoảng từ 1.500 – 2.500 sinh viên, học sinh các ngành học dài hạn và ngắn hạn. Lộ trình đến năm 2010. trường Cao đẳng Sonadezi sẽ trở thành Đại học với nhiều ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và trường đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Sonadezi không ngừng phát triển quy mô, năng lực và tạo được uy tín với khách hàng. Với số vốn ban đầu 58 triệu đồng và 6 cán bộ công nhân viên, năm 2000 công ty có số vốn hơn 200 tỷ đồng và gần 200 cán bộ công nhân, doanh thu 120 tỷ đồng, nộp ngân sách gần 20 tỷ đồng. Tháng 7-2005, công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con, đến nay Tổ hợp Sonadezi có 20 đơn vị thành viên, quản lý nguồn vốn Nhà nước 800 tỷ đồng, doanh thu gần 1.600 tỷ đồng, nộp ngân sách gần 90 tỷ đồng/năm. Năm 2007 công ty Sonadezi chuyển thành Tổng công ty và định hướng đến năm 2015 trở thành Tập đoàn kinh tế lớn của tỉnh Đồng Nai.

Về tổ chức chính trị, từ năm 1995 đến nay, tổ chức Đảng của công ty liên tục là Đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh. Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hàng năm luôn được công nhận là cơ sở Công đoàn, Đoàn thanh niên vững mạnh, được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh Đoàn tặng nhiều bằng khen.

Công ty cũng rất chú trọng đến quan hệ với nhân dân địa phương. Từ khi thành lập, công tác đền bù giải tỏa của công ty chưa xảy ra khiếu kiện gay gắt. Cùng với việc hình thành các khu công nghiệp, công ty đã góp phần phát triển các cơ sở dịch vụ phục vụ cho ăn, ở, sinh hoạt của nhân dân địa phương như xây dựng trường Mẫu giáo, thu hút lực lượng thanh niên vào học tại trường dạy nghề để có thể làm việc lâu dài trong các khu công nghiệp.

Hưởng ứng cuộc vận động của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và của địa phương trong tỉnh, công ty đã xây dựng 32 căn nhà tình nghĩa, 94 căn nhà tình thương với tổng giá trị 1.350 triệu đồng, xây dựng Trường Mầm non Phước Thái huyện Long Thành với tổng giá trị 2,3 tỷ đồng. Nhận phụng dưỡng suốt đời 2 bà mẹ Việt Nam anh hùng với trợ cấp 300.000 đồng/người/tháng. Công ty còn tích cực tham gia các phong trào từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ quỹ khuyến học, ủng hộ vùng sâu vùng xa... với số tiền hàng năm lên đến hơn 450 triệu đồng.

Với những thành tích đáng tự hào như vậy, năm 1997 công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3, năm 2002 được tặng thưởng

Huân chương Lao động Hạng 2 và tháng 4-2006 công ty được Nhà nước phong tặng danh hiệu *"Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới"*.

Những kết quả đạt được của công ty trong chặng đường dài đã qua là một bài học kinh nghiệm quý giá để lãnh đạo và tập thể cán bộ, nhân viên công ty tiếp tục chặng đường phía trước với rất nhiều cơ hội và thách thức. Bằng nghị lực và quyết tâm của mình chắc chắn rằng Sonadezi Biên Hòa sẽ gặt hái được nhiều thành công to lớn hơn nữa.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM CẤT CÁNH VÌ NHỮNG GIÀN KHOAN

Bình Dương

Nghị quyết Đại hội Đảng IV (1976) đã chỉ rõ "Triển khai mạnh việc tìm kiếm thăm dò dầu mỏ và khí đốt trên đất liền và biển, tạo mọi điều kiện thuận lợi để xây dựng ngành dầu khí". Muốn xây dựng ngành công nghiệp này chúng ta phải thăm dò, khai thác ngoài khơi xa và máy bay trực thăng là phương tiện vận tải hữu hiệu nhất nối đất liền với biển cả, phục vụ đưa đón con người và chuyên chở phương tiện phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí.

Quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược Đảng giao cho Quân đội trong giai đoạn mới là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tích cực làm nhiệm vụ kinh tế, Đảng uỷ Quân chủng Không quân đã ra nghị quyết: Không quân làm nhiệm vụ kinh tế là phấn đấu làm ra của cải vật chất cho xã hội, góp phần làm giàu cho Tổ quốc, qua đó rèn luyện, bồi dưỡng thanh niên không quân trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết chỉ rõ: Không quân sử dụng một phần lực lượng tham gia làm kinh tế, kết hợp sử dụng máy bay vận tải trực thăng phục vụ khai thác dầu khí trên biển và trên đất liền.

Đầu năm 1977, thực hiện Chỉ thị của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Không quân đã tiếp nhận hai sân bay Vũng Tàu và Côn Sơn, gấp rút sửa chữa, nâng cấp để triển khai nhiệm vụ mới, đồng thời chuẩn bị các phương án mua máy bay, cải tiến những trực thăng như U6-A, UH-1 có sẵn để phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí. Qua quá trình nghiên cứu các phương án, Quân Chủng đã đề xuất và được Chính phủ cho phép thành lập Công ty trực thăng hỗn hợp Việt – Pháp, tiến hành mua máy bay trực thăng Puma SA300 và đưa phi công, thợ máy đi huấn luyện ở Pháp. Phòng Kinh tế trực thuộc Quân chủng được khẩn trương thành lập, có nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu, tư vấn giúp Bộ Tư lệnh chỉ đạo Công ty trực thăng hỗn hợp phục vụ dầu khí ở hai sân bay Vũng Tàu và Côn Sơn. Chỉ trong thời gian ngắn, những cơ sở ban đầu của ngành bay dịch vụ trực thăng phục vụ dầu khí do Quân Chủng quản lý đã được triển khai đồng bộ, tiến hành sửa chữa nâng cấp nhanh cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị kỹ thuật. Các phong trào thi đua quyết thắng được phát động và duy trì, uốn nắn những sai lệch, phát huy được những phẩm chất tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ mới.

Bên cạnh những thuận lợi trên, ngành bay dịch vụ non trẻ cũng gặp không ít những khó khăn thử thách: cơ sở vật chất ban đầu thiếu thốn, sân bay xuống cấp, cường độ bay cao, phi công chưa quen phục vụ trên biển nhất là hạ cánh trên giàn khoan bập bênh sóng to gió lớn, lực lượng phân tán, có lúc thiếu cục bộ chưa bổ sung kịp thời... Từ những người lính chiến đấu ở chiến trường chuyển sang làm kinh tế, nhiệm vụ của công ty là phải tính toán để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Môi trường mới, thách thức mới, đòi hỏi từng cá nhân, tập thể của công ty không ngừng phấn đấu để tồn tại và phát triển.

Khó khăn như vậy nhưng tổ bay của Nguyễn Xuân Trường là tổ đầu tiên bay ra biển và hạ cánh an toàn trở thành chuyến bay lịch sử mở đầu cho sự ra đời của ngành bay dịch vụ dầu khí. Ngày 6-3-1979, Tư lệnh Không quân Đào Đình Luyện đã ký Quyết định số 135/BTL thành lập Công ty trực thăng phục vụ dầu khí. Ngày 10-3-1979 Phó Thủ tướng Phạm Hùng ký quyết định cho phép thành lập Công ty Dịch vụ trực thăng Việt Nam.

Công ty trực thăng dầu khí, khi mới thành lập có 40 người gồm cán bộ và phi công từ quân đội chuyển sang, tiếp nhận hai sân bay Vũng Tàu và Côn Sơn được xây dựng từ thời thực dân Pháp, có quy mô nhỏ: sân bay Vũng Tàu có đường băng dài 1.800m lát bêtông nhựa, với 7 hăng ga và hệ thống nhà kho cũ kỹ. Hiện nay, ở sân bay Vũng Tàu các công trình này được sửa chữa và nâng cấp: 7 hăng ga để máy bay, 1 hăng ga làm nơi bảo dưỡng máy bay, 8 nhà kho, 1 nhà để máy phát điện dự phòng và các vị trí đặt thiết bị thông tin. Công ty cũng đã xây dựng mới 1 nhà ga, cụm thể thao văn hóa, nơi ăn chốn ở của cán bộ công nhân viên và cảnh quan môi trường đều được cải thiện... Đối với sân bay Côn Sơn đã sửa chữa để máy phát điện, nhà kho, nhà xe, nhà đặt thiết bị thông tin, nhà khách và xây dựng mới 1 nhà ga, 1 nhà ở và hệ thống điện nước.

Ban đầu chỉ có hai chiếc trực thăng Mi-8 cũ kỹ, hiện nay công ty đã đầu tư thêm 10 chiếc trực thăng tiên tiến hiện đại như: Mi-17, Mi-172, Puma, Super, PumaL2 phục vụ kịp thời và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách hàng.

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ được bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực lãnh đạo trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Cán bộ được đào tạo toàn diện, qua trường lớp, chuyên ngành, nhiều đồng chí trở thành cán bộ chủ chốt của công ty. Từ một đội bay ban đầu gồm 5 lái chính, 5 lái phụ, 5 cơ giới trên không, 9 thợ máy, hiện nay công ty đã có nhiều đội ngũ

phi công, thợ máy được đào tạo trong và ngoài nước có trình độ, năng lực phục vụ hoàn thành tốt công việc được giao.

Sự lớn mạnh và uy tín của Công ty bay dịch vụ miền Nam thể hiện qua các hợp đồng phục vụ xí nghiệp liên doanh Việt – Xô và các công ty nước ngoài tham gia khoan thăm dò, khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam. Từ năm 1998, công ty đã nắm toàn bộ dịch vụ về trực thăng vay phục vụ cho các công ty dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam, từ đó đến nay, công ty hoạt động hoàn toàn độc lập.

Vượt qua bao thử thách gian nan, những người lính kiên cường anh dũng trong chiến tranh, nay đã đứng vững trên mặt trận sản xuất kinh doanh, đồng thời khẳng định vị thế của mình, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển, với tinh thần đoàn kết, dám nghĩ, dám làm, phát huy tính độc lập sáng tạo và áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh công ty đã đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Từ một chuyến bay ban đầu hạ cánh an toàn làm nức lòng người, đến mấy chục ngàn chuyến bay an toàn tuyệt đối phục vụ khách hàng, phục vụ quốc phòng và các nhiệm vụ khác, thu về cho ngân sách nguồn kinh phí đáng kể.

Với những thành tích đạt được tập thể cán bộ công nhân viên công ty bay dịch vụ miền Nam đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh tặng "Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới" và nhiều phần thưởng cao quý khác. Sự thành công này là nỗ lực của từng cá nhân từ cán bộ lãnh đạo đến các phi công, thợ máy, kỹ sư, công nhân viên đã ra sức học tập, tích luỹ kinh nghiệm, bồi dưỡng nâng cao trình độ, mỗi thành viên của công ty là nền tảng góp phần tạo nên sự phát triển nhanh chóng và bền vững. Công ty không ngừng lớn mạnh để vươn ra biển lớn, đủ sức cạnh tranh thời mở cửa hội nhập hôm nay và mai sau, xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Đảng và Nhân dân.

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG GIỜ BAY TỪ 1985 – 2006

STT	NĂM	GIỜ BAY KẾ HOẠCH	GIỜ BAY THỰC TẾ	% KẾ HOẠCH
I	1985	956	1.001	104,74%

2	1986	1.679	1.746	104,01%
3	1987	2.175	2.349	108,00%
4	1988	2.873	3.181	110,73%
5	1989	3.100	3.352	108,13%
6	1990	2.400	2.596	108,15%
7	1991	3.089	3.170	102,61%
8	1992	2.910	3.347	115,03%
9	1993	3.390	3.482	102,73%
10	1994	3.820	4.100	107,33%
11	1995	3.950	4.250	107,59%
12	1996	6.130	6.559	107,00%
13	1997	5.000	5.025	100,50%
14	1998	5.050	5.070	100,40%
15	1999	5.070	5.257	104,09%
16	2000	5.205	5.258	101,01%
17	2001	5.819	5.976	102,69%
18	2002	6.070	6.750	114,82%
19	2003	6.806	6.864	100,85%
20	2004	6.890	7.056	102,41%
21	2005	7.185	7.305	101,67%
22	2006	7.281	7.580	104,10%

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

TÂY NINH PHÁT HUY LỢI THẾ PHẤN ĐẤU GIỮ VỮNG TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO VÀ ỔN ĐỊNH

Nguyễn Thanh Long

P. Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Tây Ninh

Tây Ninh thuộc miền Đông nam Bộ, có diện tích 4.030km^2, dân số 1.045.000 người, trong đó hơn 80% dân số sống ở nông thôn và làm nông nghiệp. Đồng bào theo các tôn giáo chiếm trên 54%, đông nhất là tín đồ đạo Cao Đài (chiếm khoảng 40,2% dân số và 75,2% tổng số người theo các tôn giáo). Tòa Thánh-một công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo, là trung tâm tôn giáo Cao Đài.

Trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, Tây Ninh là căn cứ địa của Trung ương cục Miền Nam, nơi nhiều đồng chí lãnh đạo cách mạng đã từng sống, làm việc và chiến đấu. Địch đã tập trung đánh phá rất ác liệt và hầu như không xây dựng cơ sở hạ tầng nào đáng kể. ỞTây Ninh sau ngày giải phóng, hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề: 60/73 xã trở thành bình địa, 25.000 người chết, hơn 10.000 người bị thương, trong đó có 3.000 bị người thương tật vĩnh viễn, gần 10.000 người sống trong vùng chịu ảnh hưởng của chất độc khai hoang dioxin (chiếm 14% dân số thời điểm năm 1975) trên diện tích 1.408 km^2 (chiếm 36% diện tích tự nhiên). Hòa bình chưa được bao lâu, Tây Ninh lại phải đương đầu với chiến tranh biên giới Tây Nam do bọn diệt chủng Pôn Pốt-Iiêng-Xary gây ra với hậu qủa rất nặng nề.

Vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa xây dựng quê hương từ một xuất phát điểm rất thấp, nhưng với sự nỗ lực rất lớn của Đảng bộ và nhân dân sau hơn 30 năm, mảnh đất đã từng bị bom đạn hủy diệt tàn khốc đã không ngừng hồi sinh và phát triển, nhất là từ khi Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới đến nay.

Những năm gần đây (giai đoạn 2001-2005), Tây Ninh đã có những bước phát triển quan trọng. Kinh tế tăng trưởng bình quân đạt 14% năm (năm 2006 là 17.8%, GDP bình quân đầu đạt khoảng 715 USD); cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, trong đó tỷ trọng nông nghiệp-công nghiệp và dịch vụ nhiệm kỳ 1996-2000 lần lượt là 47,65-20,61-34,71%; nhiệm

kỳ 2001-2005 lần lượt là 38,25-25,14 và 36.61%. Kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, du lịch, văn hóa, giáo dục, y tế được tăng cường; đời sống của nhân dân được cải thiện và có bước phát triển đáng kể. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng nâng dần chất lượng. Đến nay, đã có 61,8% ấp, khu phố, 95% cơ quan, đơn vị, 89% gia đình đạt chuẩn văn hóa và có 14/95 xã, phường, trị trấn đăng ký đạt chuẩn văn hóa; huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 99,2%; 94/95 xã, phường, trị trấn hoàn thành phổ cập THCS, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, với 69/95 xã, phường, trị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn 22%; tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 96,34%; 70% hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, hợp vệ sinh; tỷ lệ thất nghiệp thành thị còn 4,3%, tỷ lệ hộ nghèo tại các địa phương giảm còn 4,3%, v.v... Tây Ninh cũng đã nỗ lực xây dựng, bàn giao được 90 căn nhà tình nghĩa, 900 căn nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo và gia đình chính sách. Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm 2006, tỉnh đã hỗ trợ xây dựng 463 căn nhà, lắp đặt 355 giếng nước khoan, xây dựng 7 trạm cấp nước tập trung cho dân tộc thiểu số trong tỉnh. Cùng với sự phát triển về đời sống kinh tế-xã hội, tình hình an ninh-chính trị và trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên toàn tuyến biên giới tiếp tục được giữ vững; bộ máy quản lý hành chính các cấp được củng cố, kiện toàn và hoạt động ngày càng có hiệu quả; công tác dân vận, Mặt trận và đoàn thể tiếp tục được quan tâm củng cố ... Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được, Tây Ninh vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Đó là nền kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chất lượng phát triển còn thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm... Đây là những vấn đề mà Đảng bộ, chính quyền Tây Ninh đang tập trung giải quyết trong thời gian tới.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Đảng bộ tỉnh đã đề ra mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 2006-2010 là: Tập trung mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp-nông thôn; xây dựng thị xã, thị trấn văn minh và từng bước hiện đại. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững, phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đẩy mạnh công tác đào tạo, ứng dụng khoa học-công nghệ để nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân; tập trung chỉ đạo giải quyết cơ bản, có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc. Giữ vững sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới; tăng cường pháp chế xã hội

chủ nghĩa; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Quán triệt Nghị Quyết Đại hội là thứ X của Đảng và để tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra, trong những năm tới, Tây Ninh xác định phải xây dựng cho được giải pháp đòn bẩy thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của địa phương nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, mà trước hết là tập trung vào những lĩnh vực sau đây.

Về nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Tăng cường công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học-công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, hướng tới một nền nông nghiệp chất lượng cao. Chú trọng phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại chất lượng cao. Chú trọng phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại trong nông nghiệp. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung ở các trang trại, bảo đảm an toàn về dịch bệnh; phấn đấu đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 12% giá trị sản xuất nông nghiệp. Tập trung bảo vệ vốn rừng, khoanh nuôi rừng tái sinh, đẩy mạnh trồng rừng tập trung và cây phân tán, đảm bảo độ che phủ tự nhiên đạt trên 40%. Đẩy mạnh việc bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản Hồ Dầu Tiếng; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bền vững; phấn đấu đạt sản lượng thủy sản tăng bình quân 12,5%/năm.

Nâng cao hiệu quả *Công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, công tác thú y. Ứng* dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực cải tạo giống, bảo quản và chế biến nông sản; phổ biến các giống mới có hiệu quả kinh tế cao. Đầu tư đổi mới các trang thiết bị – kỹ thuật trong nông nghiệp và nông thôn; tăng tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

Tập trung mọi nguồn lực để phát triển nhanh công nghiệp; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí chế tạo, khai thác khoáng sản; các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động như: tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống; từng bước phát triển công nghiệp điện tử, tin học, sinh học ... Đẩy mạnh việc thực hiện đề án khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Tập trung kêu gọi đầu tư để cơ bản lấp đầy Khu công nghiệp Trảng Bàng, khu công nghiệp Trâm Vàng (Gò Dầu), 50% khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và các cụm công nghiệp khác trong tỉnh.

Khai thác lợi thế của vùng biên giới

Tây Ninh có vị trí thuận lợi, là cầu nối giao thương kinh tế – văn hóa giữa Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) – Thủ đô Phôm Pênh (Campuchia). Tây Ninh có 240km đường biên giới tiếp giáp 3 tỉnh Campuchia (Sayriêng, Prayveng và Kongpongchàm) với 14 cặp cửa khẩu; trong đó, đáng kể nhất là 2 cửa khẩu quốc tế Mộc Bàn và Xa Mát. Hệ thống cửa khẩu này đã góp phần quan trọng thúc đẩy các quan hệ song phương nhiều mặt giữa Tây Ninh và các tỉnh bạn Campuchia. Phát huy lợi thế có đường xuyên Á đi qua. Tây Ninh đã và đang đầu tư phát triển dọc theo tuyến đường này, như Khu công nghiệp Trảng bàng, Khu công nghiệp Trâm Vàng, đặc biệt là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, với quy mô trên 21 ngàn ha. Đồng thời chú trọng khai thác tiềm năng về khu vực cửa khẩu, với lợi thế của tuyến quốc lộ 22 nối từ thành phố Hồ Chí Minh đến giáp biên với tỉnh Kom-pong-chàm (Campuchia). Tỉnh cũng đang tập trung phát triển Khu kinh tế của khẩu Xa Mát, với quy mô trên 34ha. Các Khu kinh tế cửa khẩu đều được quy hoạch với đầy đủ chức năng công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch và đô thị. Trong tương lai không xa, thông qua tuyến đường bộ xuyên Á, cộng với các khu kinh tế cửa khẩu, Tây Ninh sẽ là cửa khẩu và là cửa ngõ quan trọng để phát triển các mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước thuộc khối ASEAN. Với tiềm năng lợi thế và định hướng đó, Tây Ninh xác định sẽ tập trung xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát thành các trung tâm công nghiệp – thương mại và đô thị cửa khẩu, giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế đối ngoại.

Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước

Cũng như các tỉnh trong vùng trọng điểm, Tây Ninh chủ trương tập trung chỉ đạo xây dựng, thiết lập môi trường thông thoáng để kêu gọi đầu tư bằng việc vận dụng linh hoạt các chính sách ưu đãi của nhà nước; nghiên cứu đề xuất một số chính sách đặc biệt ưu đãi phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương trình Chính phủ phê duyệt để kích thích đầu tư, tạo động lực phát triển.Sự phát triển của Khu công nghiệp Trảng Bàng, Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài hiện nay, sắp tới đây là Khu công nghiệp Xa Mát ... chính là kết quả của khâu đột phá về những cơ chế, chính sách ưu đãi mà Tây Ninh đã và đang vận dụng thực hiện. Bên cạnh đó, thời gian tới tỉnh sẽ quan tâm đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp, đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu kinh tế cửa khẩu để giúp các nhà đầu tư có nhiều tiện ích nhất khi đến hoạt động tại tỉnh Tây Ninh. Đặc biệt, tỉnh chú trọng đẩy mạnh cải cách hành chính, lề lối làm việc theo hướng gọn nhẹ, thông thoáng,

Bản sao lưu trữ

giải quyết nhanh các khó khăn, vướng mắc, không làm mất nhiều thời gian công sức của các nhà đầu tư.

Phát triển kinh tế du lịch và dịch vụ

Phát triển kinh tế du lịch cũng là một lợi thế mà Tây Ninh đang chú trọng và từng bước triển khai có hiệu quả. Những năm qua, nhờ làm tốt khâu cải cách thủ tục hải quan, thuế, lượng hàng hóa đi qua cửa khẩu ngày càng tăng. Đây chính là một nguồn thu quan trọng của ngân sách trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vùng biên và các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ quá cảnh và thương mại xuất, nhập khẩu. Các khu và cụm du lịch Núi Bà, Hồ Dầu Tiếng, căn cứ Trung ương cục, Tòa thánh, du lịch sinh thái Lò Gò-Xa Mát... đang thực sự trở thành những điểm thu hút khách hấp dẫn. Hướng tập trung phát triển đầu tư du lịch, nâng du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, gắn với việc phát huy lợi thế của địa phương thông qua các danh thắng lịch sử-văn hóa được Tây Ninh đặc biệt qua tâm. Ngành kinh tế này hàng năm bổ sung vào GDP của tỉnh một tỷ lệ đáng kể, giải quyết được việc làm cho người lao động, góp phần quảng bá và tôn vinh những giá trị lịch sử, văn hóa của Tây Ninh với cả nước và bạn bè quốc tế.

Phương hướng, nhiệm vụ về phát triển kinh tế đã đề ra là hết sức nặng nề. Nhưng với những giải pháp cụ thể, khả thi; với quyết tâm cao của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ tích cực của Trung ương. Tây Ninh nhất định sẽ thực hiện thắng lợi và gặt hái được những thành công lớn hơn, xứng đáng với truyền thống anh hùng trong kháng chiến và sáng tạo, cần cù trong lao động, phấn đấu là một trong những lá cờ đầu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

PHAN RANG – THÁP CHÀM TRÊN ĐƯỜNG ĐÔ THỊ HÓA

Được hình thành từ năm 1901 theo quyết định thành lập tỉnh Phan Rang của toàn quyền Đông Dương ngày 20/5 tỉnh lỵ đặt tại Phan Rang. Trải qua nhiều giai đoạn, Phan Rang đã nhiều lần thay đổi chức năng hành chính. Sự thay đổi này tạo nên những thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển của Phan Rang-Tháp Chàm trong suốt thế kỷ XX.

Trong những năm 20-30 của thế kỷ XX, thị xã Phan Rang-Tháp Chàm đã hình thành các chi bộ Đảng Tân Việt, tiền thân của Đảng Cộng Sản Việt Nam ở vùng cực nam Trung bộ và đã trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân thị xã Phan Rang-Tháp Chàm. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân thị xã dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kề vai sát cánh cùng đứng lên chống lại kẻ thù giành độc lập tự do cho thị xã nói riêng và cho dân tộc nói chung.Với những thành tích đạt được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân và lực lượng vũ trang thị xã đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân".

Ngày nay, Phan Rang-Tháp Chàm là thị xã của tỉnh Ninh Thuận, diện tích tự nhiên 7938km^2, có bờ biển dài 8km, với 15 đơn vị hành chính (12 phường, 3 xã", dân số 162.941 người hồm 16 dân tộc, anh em, trong đó dân tộc Chăm, Kinh, Hoa là chủ yếu. Quốc lộ 1A, quốc lộ 27, đường sắt Bắc Nam đi qua, là ngã ba giao thông giữa ba thành phố: Nha Trang- Đà Lạt- thành phố Hồ Chí Minh, cách sân bay Cam Ranh 40km. Đây là những điều kiện thuận lợi cho thị xã Phan Rang-Tháp Chàm giao lưu và phát triển kinh tế-xã hội với khu vực trong cả nước.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của sự nghiệp đổi mới , Đảng bộ và nhân dân thị xã đã không ngừng phát huy truyền thống của đơn vị anh hùng, tập trung huy động mọi nguồn lực trong xã hội để đầu tư xây dựng, tạo bước phát triển mới về kinh tế-xã hội và diện mạo đô thị. Cuối năm 2001, Ban thường vụ tỉnh uỷ Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TƯ. về "*Phương hướng, nhiệm vụ phát triển thị xã Phan Rang-Tháp Chàm trong thời gian 2001-2005 và 2010*" trong đó đề ra mục tiêu xây dựng Phan Rang-Tháp Chàm đạt tiêu chuẩn đô thị loại 3 vào năm 2005. Chính từ nghị

quyết 03 của Thường vụ Tỉnh ủy đã tạo điều kiện và là cơ sở giúp thị xã có bước phát triển nhanh, toàn diện và vững chắc.

Kinh tế thị xã có tốc độ phát triển khá ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp thủy sản. Trong năm năm (2001-2005), tỷ trọng ngành công nghiệp- xây dựng từ 25,13% tăng lên 32,27%, ngành dịch vụ từ 44,25% tăng lên 49,19%, ngành nông – lâm, thủy sản giảm từ 30,8% xuống còn 18,54%. Cùng với đà tăng trưởng kinh tế, GDP bình quân năm 2001 là 3,45 triệu đồng/người/năm; năm 2005 là 7,15 triệu đồng/người/năm, tăng 154%.

Trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đã ảnh hưởng và có tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo được thế cân bằng và giải quyết tốt việc làm cho người lao động, tình trạng thất nghiệp giảm, người đến độ tuổi lao động có việc làm tăng; bình quân hàng năm tạo được công ăn việc làm cho hơn 2.340 người, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội.

Song song với việc phát triển kinh tế, văn hóa xã hội có những bước chuyển biến tiến bộ, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết có hiệu quả. Giáo dục – đào tạo được quan tâm đầu tư kể cả cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục. Trong năm năm đầu đã xây dựng mới được 299 phòng học, 67 phòng chức năng, xây dựng 4 trường tiểu học, 3 trường trung học cơ sở, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của các cấp, thị xã có 4/37 trường tiểu học và trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt phong trào xã hội hóa giáo dục vận động 99% trẻ em đến tuổi vào trường mẫu giáo và cấp 1, thị xã được công nhận chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tập trung chăm lo và thực hiện chương trình y tế quốc gia, phát động phong trào vệ sinh môi trường ngăn chặn dịch bệnh, làm tốt công tác y tế dự phòng, thực hiện vận động kế hoạch hóa gia đình nâng cao sức khỏe cộng đồng. Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân thị xã đã được các cấp Uỷ Đảng, Chính quyền địa phương quan tâm và đầu tư thích đáng. Tu bổ và xây dựng các thiết chế văn hóa-thể thao, tạo điều kiện cho người dân được hưởng thụ các thành quả văn hóa, phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa ở khu dân cư, vận động nhân dân tham gia xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ cải thiện nhà ở cho 142 trường hợp là đối tượng chính sách, tổng kinh phí 1 tỷ 130 triệu đồng, sửa chữa 42 nhà và xây 176 căn nhà cho hộ nghèo với giá trị 964 triệu đồng...

Với vai trò là trung tâm chính trị-kinh tế văn hoá-khoa học kỹ thuật của tỉnh, thị xã được sự quan tâm đầu tư của tỉnh trên nhiều mặt, tạo nhiều thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhiều tuyến đường mở, các nút giao thông, đèn điều chỉnh tín hiệu đượcxây dựng đạt tiêu chuẩn quốc gia. Bê tông hóa đường giao thông nội bộ, quy hoạch xây dựng cơ bản nhà ở, nhà công sở kiên cố và khang trang, chất lượng được nâng cao. Lắp đặt điện cho sản xuất và tiêu dùng, đảm bảo kỹ thuật và mang tính bền vững. Vệ sinh môi trường: thoát nước đô thị, xử lý rác thải, trồng cây xanh từng bước phát triển theo quy hoạch đô thị.

Kết qủa xây dựng thị xã theo tiêu chí đô thị loại 3 đã tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Từng bước phát huy được tiềm năng và lợi thế của thị xã. Với những ý nghĩa đó, ngày 2-2-2005 Bộ xây dựng ra Quyết định số 132/QĐ-BXD công nhận thị xã Phan Rang-Tháp Chàm là đô thị loại 3. Đây là cơ sở để thị xã tiếp tục phát huy những thế mạnh quyết tâm xây dựng thị xã thành trung tâm kinh tế-Văn hóa của tỉnh.

Phát huy những thành quả đã đạt được, xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ IX xác định phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2005-2010 là: phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của cấp trên. Tập trung khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế của Thị xã để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Giải quyết có hiệu quả vấn đề xã hội đang bức xúc, nâng cao trình độ dân trí, tạo môi trường văn hóa lành mạnh để phát triển. Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ của thời kỳ mới. Tạo bước đột phá đưa thị xã phát triển toàn diện, bền vững và sớm trở thành thành phố.

Với mục tiêu trên, Đảng bộ thị xã xác định: trước tiên tập tung nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn đô thị cấp thành phố. Thực hiện xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư sản xuất kinh doanh. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu từ quỹ đất để đầu tư các hạng mục công trình đã được duyệt. Khuyến khícch tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các đầu tư vào khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Giải quyết việc làm, nâng

cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, du lịch và thu hút đầu tư.

Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm đang bước vào giai đoạn mới, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và cơ hội lớn, đồng thời cũng có những khó khăn phức tạp. Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của quê hương và những kết quả đạt được trong thời gian qua, Đảng bộ và nhân dân thị xã quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ thị xã đề ra: xây dựng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm trở thành thành phố giàu đẹp, văn minh và hiện đại.

Bản sao lưu trữ

* *Văn phòng Thị ủy Phan Rang*

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Trí Hùng

Cùng với sự phát triển của ngành dược cả nước. Công ty Cổ phần dược phẩm Bến Tre đã có những bước phát triển không ngừng. Đặc biệt, khi ngành kinh tế nước ta từng bước chuyển sang cơ chế thị trường. Với chức năng nhiệm vụ là sản xuất, lưu thông phân phối dược phẩm, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, dược phẩm và trang thiết bị vật tư y tế, công ty đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm trang thiết bị hiện đại mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh phân phối lưu thông, vươn ra thị trường toàn quốc, tăng cường xuất nhập khẩu, tạo bước phát triển mới trong ngành dược.

Hàng năm doanh thu, sản lượng, lợi nhuận, thu nhập của cán bộ công nhân viên, nộp ngân sách đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tốc độ phát triển hàng năm trên 120%. Nếu so với thời điểm 15 năm trước đây, doanh thu tăng gấp 50 lần, sản lượng sản phẩm sản xuất tăng gấp 100 lần.

Công ty có 380 cán bộ công nhân viên, bao gồm 5 dược sĩ chuyên khoa cấp I, 61 dược sĩ đại học, 19 cán bộ đại học khác, 197 dược sĩ trung học và 98 cán bộ, công nhân. Xác định nguồn nhân lực có trình độ cao là yếu tố hàng đầu mang lại thành công cho doanh nghiệp nên Công ty luôn coi trọng việc nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ công nhân viên quản lý cũng như kỹ năng kỹ thuật.

Nhằm hoàn thiện mô hình sản xuất gắn với kinh doanh, trên cơ sở phục vụ tốt nhu cầu điều trị và phòng bệnh của nhân dân, công ty đã thiết lập mạng lưới lưu thông phân phối trên toàn quốc bao gồm 1 trụ sở chính và 4 chi nhánh lớn để ngày càng đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Hiện nay, Công ty dược phẩm Bến Tre là một trong những đơn vị có năng lực sản xuất thuộc nhóm hàng đầu khu vực miền Tây Nam bộ. Nhà máy sản xuất dược phẩm MEYER – BPC do công ty liên doanh với Công ty MEYER pharmaceuticals Ltd. đưa vào hoạt động đã cung cấp trên 120 sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP được phân phối lưu thông trên toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Nâng cao chất lượng sản phẩm được xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, để thực hiện được điều này, công ty đã đầu tư dây chuyền máy móc thiết

bị với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn GMP. Toàn bộ nguyên phụ liệu bao bì đầu vào được kiểm tra 100% với hệ thống thiết bị máy móc hiện đại, đồng bộ, đạt tiêu chuẩn châu Âu, được cung cấp bởi các công ty đa quốc gia nổi tiếng trên thế giới với độ chính xác cao theo đúng tiêu chuẩn GLP. Các công đoạn sản xuất được kiểm tra nghiêm ngặt bằng việc thực hiện hồ sơ lô, bán thành phẩm và thành phẩm được lấy mẫu và kiểm tra thường xuyên theo đúng nguyên tắc GMP.

Là một nhà phân phối số lượng lớn, có uy tín và cũng là một trong số những đơn vị được ghép xuất nhập khẩu trực tiếp đầu tiên ở Việt Nam, hiện kim ngạch xuất nhập khẩu của công ty đứng đầu ngành dược cả nước. Công ty đã có mối quan hệ tốt trong công tác xuất nhập khẩu và là nhà phân phối lớn của các đối tác nước ngoài như Gedeon Richter, Cipla, Raptakos, Meyer, Lactose. NewZealand, Neo Unicap, Aceto PTE thuộc các thị trường mà công ty đã có quan hệ mua bán nhiều năm liền như Hungari, Australia, Ấn Độ, Pháp, Hàn Quốc, Hồng Kông, NewZealand, Đức, Trung Quốc, Singapore.

Với phương châm "chất lượng - an toàn - hiệu quả" ngày càng thỏa mãn khách hàng, công ty cam kết đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt nhất, luôn luôn hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ: mang đến cho mọi khách hàng sự hài lòng cao nhất là mục tiêu giá trị mà công ty luôn mong muốn làm tốt hơn nữa.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

DOMESCO – THƯƠNG HIỆU CỦA CHẤT LƯỢNG VÀNG

Nguyễn Thị Ngọc

Cùng với sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco đã từng bước khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường trong và ngoài nước. Sản phẩm của Domesco ngày càng được nhiều người trong giới chuyên môn và người tiêu dùng biết đến. Các sản phẩm có nguồn gốc từ thảo dược như: Dogarlic, Domeric, Dorocan, Dogarlic trà xanh, D-A-R... là những sản phẩm đã gắn liền với quá trình hình thành và phát triển đầy cam go, thử thách của công ty. So với những ngày đầu mới thành lập, công ty chỉ có 7 nhân sự, vốn điều lệ là 2.000.000đ với tên gọi là Trạm Vật tư y tế trực thuộc sở Y tế Đồng Tháp. Trải qua bao biến đổi thăng trầm của nền kinh tế thị trường trong thời kỳ đổi mới, qua 7 lần đổi tên, đến nay, công ty có tên gọi là Công ty Cổ Phần xuất nhập khẩu Y tế Domesco, có 828 cán bộ công nhân viên, với vốn điều lệ là 107 tỷ đồng.

Là một công ty hoạt động đa ngành, chuyên kinh doanh xuất – nhập khẩu dược phẩm và vật tư y tế, sản xuất kinh doanh dược phẩm phục vụ công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; ngoài việc sản xuất - kinh doanh những mặt hàng truyền thống. Công ty còn sản xuất nước hoa và mỹ phẩm từ nguyên liệu trong nước; sản xuất nước tinh khiết, sản xuất - kinh doanh dược phẩm chế biến; lưu thông phân phối thuốc và trang thiết bị y tế. Công ty luôn có uy tín đối với khách hàng và được xếp hạng là một trong 10 Công ty Dược phẩm hàng đầu tại thị trường Việt Nam.

Với phương châm "Sức khỏe là vốn quý nhất", nhận thức được trách nhiệm với xã hội, các chương trình cải tiến của Công ty đã được thực hiện liên lục trong quản lý và trong công nghệ nhằm đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhân dân.

Trong những năm qua, Công ty DOMESCO đã không ngừng đầu tư trang thiết bị sản xuất, chú trọng nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất theo các tiêu chí chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000, phòng kiểm tra chất lượng hợp chuẩn ISO/IEC 17025 và thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP – Good Laboratony Practices) theo tiêu chí của

Tổ chức y tế thế giới (WHO), gọi tắt là GMP – WHO với sự hỗ trợ của GSP (Good – Storage Practices – thực hành tốt bảo quản thuốc) và GLP. Bên cạnh đó, công ty đã mạnh dạn đầu tư vào công tác nghiên cứu cho ra đời nhiều sản phẩm chất lượng cao như: Dogarlic (kết hợp cao tỏi và cao nghệ), Doragon (cao chiết địa long), đặc biệt là sản phẩm Đan Sâm – Tam Thất. Sản phẩm này ra đời là bước đột phá với định lượng hàm lượng hoạt chất Tanshinone IIA bằng sắt ký lỏng cao cấp có trong Đan sâm. Việc phát hiện và định lượng hoạt chất có trong sản phẩm là điềukiện tiên quyết bảo đảm và ổn định chất lượng các chế phẩm xuất phát từ dược liệu. Từ những đầu tư nghiên cứu công phu, Công ty đã cho ra đời những sản phẩm mang thương hiệu DOMESCO đạt chất lượng cao, mẫu mã đẹp, giá thành phù hợp, tiết kiệm tối đa vật tư nguyên liệu, thời gian và nhân công... Đến nay, Công ty đã sản xuất được 310 mặt hàng, trong đó có 267 sản phẩm dược phẩm (với 178 hoạt chất chính) và 43 mặt hàng thực phẩm chức năng. Với thế mạnh là sản xuất các sản phẩm đặc trị các bệnh thời đại như tim mạch, tăng huyết áp, tiểu đường... và các sản phẩm có nguồn gốc từ thảo dược thiên nhiên như: Dogarlic, Dogarlic trà xanh, Doragon, D – A – R, Đan sâm – Tam thất...

Song song với việc đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Công ty luôn chú trọng việc đào tạo và thu hút người lao động có chuyên môn kỹ thuật cao nhằm xây dựng nguồn nhân lực nội bộ bền vững và hùng mạnh. Trong những năm qua, công ty đã xác định được chiến lược phát triển trong tương lai và hoạch định khâu đào tạo cho đúng với chiến lược này, bằng nhiều hình thức như: đào tạo trong nước và nước ngoài, đào tạo tại chỗ, tập huấn, bồi dưỡng... mở lớp chuyên khoa công nghiệp dược tại công ty nhằm cập nhật kiến thức cho cán bộ công ty phù hợp với tình hình phát triển mới. Hiện công ty đã xây dựng được một lực lượng nhân sự vững mạnh với đầy đủ các tiêu chuẩn: phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tận tụy, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Thực hiện chủ trương không ngừng nghiên cứu, phát huy sáng kiến, cải tiến quy trình công nghệ, trong 5 năm qua, cán bộ, công nhân viên chức công ty đã có 200 sáng kiến cải tiến, làm lợi hàng tỷ đồng, đã được Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh trao 1 giải nhất, 3 giải nhì, 4 giải ba, được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp 12 bằng Lao động sáng tạo.

Để thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển của công ty phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế với mục tiêu chủ yếu là khẳng định thương hiệu và chất lượng mạnh không chỉ trong nước mà còn vươn ra thị trường thế giới, công ty đã quyết tâm thực hiện bằng nhiều hình thức. Đó là cải tiến công

tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới có chất lượng cao, thực hành sản xuất theo đúng quy trình đạt chuẩn quốc tế, thực hiện tốt chương trình mạng lưới phân phối rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, các tuyến y tế từ tỉnh đến cơ sở; hợp tác, liên kết, gia nhập các hiệp hội trong và ngoài nước,... Kết quả kinh doanh trong những năm qua, doanh số của Công ty mỗi năm đều tăng, đặc biệt là 9 tháng đầu năm 2006, doanh thu của công ty đạt trên 470 tỷ đồng.

Bên cạnh sản xuất, xuất nhập khẩu được dược phẩm thì xuất nhập khẩu thiết bị y tế cũng là thế mạnh của công ty, công ty đã trang bị cho một bệnh viện tỉnh và năm bệnh viện khu vực với đầy đủ trang thiết bị hiện đại.

Ngoài việc kinh doanh có hiệu quả, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên chức, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước thì các hoạt động mang tính xã hội luôn được Ban lãnh đạo công ty chú trọng, quan tâm như: khám chữa bệnh cho người nghèo, hỗ trợ trẻ em nhiễm độc màu da cam; xây dựng nhà tình thương, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng... Đặc biệt, công ty rất quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng những mầm xanh của đất nước thông qua việc hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên vượt khó, khen thưởng cho học sinh, sinh viên học giỏi... Kết quả đã có nhiều sinh viên được công ty hỗ trợ, sau khi tốt nghiệp đã trở về công tác gắn bó với công ty. Bên cạnh đó, phong trào văn – thể – mỹ của công ty cũng được nhiều người biết đến với những thành tích vang dội của Đội tuyển xe đạp DOMESCO trong các kỳ thi khu vực, quốc gia và Seagames... Công ty cũng là doanh nghiệp nhiều năm liền đạt tiêu chuẩn công sở văn hóa.

Với kết quả sản xuất - kinh doanh trong 5 năm qua, các sản phẩm chủ lực của công ty luôn được người tiêu dùng tín nhiệm bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao, được Tổ chức Hiệp hội Quốc tế tặng giải thưởng "Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương" cùng nhiều giải thưởng khác. Đặc biệt, năm 2005 công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất, vinh dự được Chủ tịch nước Trần Đức Lương đến thăm; được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế và các ngành liên quan tặng thưởng nhiều bằng khen, cờ thi đua với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đây là món quà tinh thần đầy ý nghĩa nhằm khích lệ, động viên tinh thần tập thể công ty tiếp tục phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn thách thức góp phần xây dựng công ty ngày một vững mạnh.

Trong không khí sôi nổi trước sự kiện Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tập thể Ban lãnh đạo, cán bộ công

nhân viên công ty DOMESCO không ngừng cải tiến công tác quản lý, áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật hiện đại vào việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, cải tiến bao bì, mẫu mã... đặc biệt chú trọng mở rộng ngành nghề kinh doanh đối với các mặt hàng thuốc thú y và thủy sản... để đưa thương hiệu DOMESCO - Hàng Việt Nam chất lượng cao, vươn xa đến thị trường các nước trong khu vực và thế giới.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN ÚT XI MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH HIỆU QUẢ TRONG CƠ CHẾ MỚI

Lý Hiền Minh

Tiền thân của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là doanh nghiệp tư nhân với hoạt động chính là mua bán tôm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến thủy sản trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2002, Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản Út Xi chính thức được thành lập và đi vào hoạt động với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến – xuất khẩu thủy sản; nuôi trồng – mua bán con giống các loại và cho thuê kho lạnh chứa hàng.

Là thành viên của Hiệp hội Chế biến và Xuất Khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP); thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Công ty có khả năng cung cấp các sản phẩm tôm đông lạnh từ những mặt hàng truyền thống đến những mặt hàng có giá trị gia tăng như: tôm tươi đông block, tôm tươi đông IQF, tôm hấp IQF, tôm Nobashi đông block và IQF, tôm tẩm bột...

Thị trường xuất khẩu của công ty bao gồm: thị trường Nhật chiếm 55-60%; thị trường EU chiếm 25-30%; các thị trường Hàn Quốc, Indonesia, Hong Kong, Australia... chiếm 7-10%; thị trường Mỹ chiếm 5-7%.

Về lực lượng lao động: tổng số lao động của Công Ty là 2.681 người (tính đến cuối tháng 6 năm 2006); trong đó, lao động nữ là 2.147 người. Về trình độ học vấn: đại học là 173 người, trung cấp 169 người, cấp 2 và 3 là 1.386 người.

Về cơ cấu tổ chức của công ty có: Ban Tổng giám đốc; các phòng Tổ chức – Hành chánh; Kinh doanh – Xuất nhập khẩu; Kế toán; Cung ứng; Công nghệ; Kỹ thuật – Cơ điện; bộ phận IT; các xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương, Khánh Lợi; Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản; Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã và các đơn vị trực thuộc khác gồm:phân xưởng thu mua nguyên liệu, phân xưởng nước đá, cây xăng Út Xi.

Năm 2001 hoạt động chính của công ty là thu mua tôm và bán cho các xí nghiệp chế biến thủy sản trong tỉnh. Trong năm này, công ty đã thu mua được

1.480 tấn tôm nguyên liệu các loại với tổng giá trị 133 tỷ đồng. Năm 2002, đây là giai đoạn công ty gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất cũ kỹ lạc hậu, lực lượng công nhân sản xuất còn nhiều bỡ ngỡ nên chỉ xuất được 146 tấn thành phẩm với kim ngạch xuất khẩu đạt 1.121 triệu USD. Sang năm 2003, Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Khánh Lợi đã từng bước đi vào ổn định và đến tháng 11 thì xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương cũng chính thức đi vào hoạt động. Trong năm này, công ty đã tổ chức thu mua 3.302 tấn nguyên liệu với lượng thành phẩm qua chế biến là 1.430 tấn, đạt kim ngạch xuất khẩu 13.260 triệu USD, bằng 120% kế hoạch tỉnh giao. Năm 2004, công ty tổ chức thu mua 7.250 tấn tôm nguyên liệu, bằng thành phẩm qua chế biến đạt 5.780 tấn, với kim ngạch xuất khẩu là 33.95 triệu USD bằng 106,09%. Năm 2005, thu mua 10.403 tấn nguyên liệu, sản xuất 7.024 tấn thành phẩm, trong đó xuất khẩu 6.132,52 tấn, thu ngoại tệ 51.3 triệu USD, vượt 1.3 triệu USD.

Với những kết quả đạt được trong thời gian ngắn, công ty được đánh giá là một trong những doanh nghiệp có tốc độ phát triển nhanh trong lĩnh vực chế biến thủy sản xuất khẩu của cả nước.

Để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình chế biến, công ty đã thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm theo HACCP cho tất cả các sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu của EU, Hàn Quốc, Nhật, Mỹ,... Hệ thống HACCP của công ty tuân thủ theo 12 bước và 7 nguyên tắc theo hướng dẫn của Ủy ban thực phẩm Codex. Bên cạnh đó, để hạn chế tối đa tác nhân gây ảnh hưởng chất lượng, công ty đã thành lập nhóm truy xuất nguồn gốc nguyên liệu để phát hiện sớm các nguồn nguyên liệu do đại lý và ao nuôi cung cấp bị nhiễm các chất kháng sinh cấm. Toàn bộ đội ngũ nhân viên ngành công nghệ, với chất lượng quản lý chất lượng sản phẩm đều có trình độ đại học hoặc trung cấp chuyên ngành chế biến thủy sản, ngành công nghệ thực phẩm hoặc các lĩnh vực có liên quan. Nhờ vậy, cả hai xí nghiệp chế biến thủy sản của Công ty đều đã được Cục Quản lý Chất lượng An toàn Vệ sinh và Thú y Thủy sản (Nafiqaved) cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản với EU Code DL322 cho Xí nghiệp Hoàng Phương và EU Code DL23 cho Xí nghiệp Khánh Lợi. Được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn BRC phiên bản 4. Chứng nhận ISO9001:2000; được Tổ chức Quacert cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2004 FDA Registrar Corp của Mỹ cấp giấy chứng nhận đăng ký chống khủng bố sinh học hàng thủy sản cho Xí ngiệp chế biến thủy sản Khánh Lợi và Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng

Bản sao lưu trữ

Phương. Ngoài ra, nhằm nâng cao khả năng bảo vệ quyền lợi của công ty cũng như người tiêu dùng, công ty đã đăng ký Chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa với Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam về việc chứng nhận tên và logo của công ty; đăng ký với Cơ quan có chức năng của Nhật, của Úc... Và để tiếp tục duy trì sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng, uy tín của mình trên thị trường quốc tế, công ty tiến hành tìm hiểu thêm về các tiêu chuẩn SQF 1000 cho vùng nuôi, SQF cho nhà máy chế biến và tiêu chuẩn BAP của ACC. Đặc biệt, công ty luôn xem trọng và thực hiện tốt việc tổ chức công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ quản lý kỹ thuật, nâng cao tay nghề, trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên chức. Từ khi thành lập đến nay, công ty đã tổ chức hàng chục lượt cán bộ công nhân viên chức tham dự các khóa đào tạo của các cơ quan chức năng như: Vasep, Seaqip – Sired, Nafiqaved, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI, SGS, MTC, VPC, Kaizen Co.,... Ngoài ra, công ty còn đứng ra tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo cho cán bộ công nhân viên chức về ý thức – trách nhiệm trong việc giữ gìn an toàn vệ sinh trong sản xuất. Đối với công nhân viên mới được tuyển dụng đều được công ty đào tạo – hướng dẫn về nội quy, an toàn và vệ sinh thực phẩm trước khi bước vào phân xưởng làm việc.

Về trang thiết bị, tại Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Khánh Lợi có diện tích xây dựng 2000m^2; công suất thiết kế: 2.500 tấn thành phẩm/năm; trang thiết bị gồm băng chuyền IQF siêu tốc của FMC với công suất 5kg/ngày, 2 tủ đông gió và tủ đông tiếp xúc với công suất 1000kg/mẻ, 2 cối đá vẩy, tủ đông Block, ... tại Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương có diện tích xây dựng 7.200m^2, với công suất thiết kế 8000 tấn thành phẩm/năm; 1 dây chuyền đông lạnh siêu tốc IQF với công suất 1000kg/h và hệ thống luộc tự động; 5 máy đá vẩy công suất 100 tấn/ngày đêm; 2 tủ đông tiếp xúc, công suất 400 khay/mẻ; 2 tủ đông gió với công suất 300kg/h; 2 tủ đông Block; 3 kho lạnh có sức chứa 300 tấn thành phẩm cùng 1 máy làm lạnh nước với công suất 15m^3/giờ...

Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã có diện tích xây dựng 3.600m^2, với công suất thiết kế cụm kho lẻ 100 tấn, cụm kho lạnh 3000 tấn; có hệ thống chứa hàng di động, hiện đại, truy xuất hàng theo hệ thống quản lý mạng, nhiệt độ đạt đến 30^{0}C; có xe lạnh chuyên dùng 15 chiếc chuyên chở hàng thành phẩm đến nơi đóng cont, cùng với 6 xe con và 2 xe bus phục vụ đưa rước cán bộ-công nhân viên.

Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương có diện tích xây dựng 7.200m^2, với công suất thiết kế: 10.000 tấn thành phẩm/năm. Có cụm IQF

siêu tốc thẳng công suất 500kg/hr, băng chuyền tái đông 500kg/hr; 2 tủ đông Block, băng chuyền IQF Tempura 700 kg/hr – băng chuyền Spiral 500kg/hr, bộ tủ đông gió (Nobashi) công suất 450kg/hr/bộ và 4 bộ tủ đông gió (tẩm bột) công suất 350kg/hr/bộ, 2 cụm băng chuyền hấp 500kg/hr và 2 băng chuyền làm mát loại 500kg/hr v.v...

Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản của Công ty hiện đang quản lý trực tiếp hơn 60 ao nuôi, trong đó có 20 ao nuôi tôm; làm thí điểm việc nuôi tôm trên vùng nước lợ, bước đầu cho thấy kết quả khả quan, bình quân đạt từ 2 đến 2,5 tấn/ao nuôi/vụ. Xí nghiệp cũng đầu tư cho các hộ nông dân, các trang trại nuôi tôm ở các vùng trọng điểm với hơn 900 ao nuôi, có tổng diện tích trên 700ha.

Tại phân xưởng nước đá Mỹ Xuyên có công suất 1200 cây đá/ngày đêm, bảo đảm đủ dùng để cung cấp nguồn đá cây cho ướp nguyên liệu trong xơ chế và phục vụ công tác thu mua của công ty.

Về môi trường và điều kiện làm việc, công nhân tham gia sản xuất tại các xí nghiệp của công ty được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đối với hàng tươi và 6 tháng/lần đối với công nhân hấp. Trong quá trình sản xuất, công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: ủng, áo, găng tay,... Riêng đối với công nhân làm việc trong kho lạnh còn được trang bị đồ bảo hộ chống lạnh theo đúng quy định. Từng khâu sản xuất đều có cửa đi riêng biệt nhằm tránh nhiễm chéo; được lắp đặt đầy đủ thiết bị rửa và khử trùng tay tại cửa ra vào và trong xưởng; các nhà vệ sinh được bố trí ở các khu vực riêng biệt với sản xuất, luôn trong tình trạng hoạt động tốt và sạch sẽ, căn tin được thiết kế ở khu vực riêng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tóm lại, là môi trường làm việc trong các nhà máy của công ty đều bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định của tiêu chuẩn ngành 28 TCN 129:1998, 28 TCN 130:1998 và 28 TCN 138:1999.

Công ty cũng là doanh nghiệp luôn bảo đảm những quyền lợi chính đáng, các chính sách theo quy định chung cũng như thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho người lao động. Đội ngũ cán bộ công nhân viên chức của công ty được hưởng các quyền lợi như: được phát phiếu ăn trưa, được trang bị ở nhà tập thể, được kết nạp công đoàn, được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ. Sự quan tâm thiết thực đó của công ty đã giúp người lao động yên tâm làm việc, tự nguyện gắn bó với doanh nghiệp; nhờ đó, các sản phẩm của công ty đã đáp ứng được những yêu cầu

Bản sao lưu trữ

ngày càng khắt khe của thị trường và càng ngày có thêm nhiều khách hàng tìm đến.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

NGÀNH THỦY SẢN CÀ MAU ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Phạm Văn Đức

Giám đốc Sở Thủy sản Cà Mau

Cà Mau là một trong các tỉnh trọng điểm về sản xuất và xuất khẩu thủy sản của cả nước. Số lượng tàu khai thác thủy sản công suất trên 90CV đứng hàng thứ 4, sản lượng nuôi tôm chiếm ½ và kim ngạch xuất khẩu chiếm 1/5 tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước. Có thể nói Cà Mau là địa phương có ngành thủy sản phát triển sôi động nhất đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm nuôi trồng và chế biến thủy sản của Việt Nam.

Ngành thủy sản Cà Mau đóng góp 45-47% GDP 95-98% giá trị xuất khẩu cho địa phương. Tỉnh hiện có 18 công ty với 26 xí nghiệp chế biến thủy sản, sản phẩm xuất khẩu đến 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tạo công ăn việc làm trực tiếp cho trên 135.856 hộ, với hơn 352.000 lao động thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, 32.000 lao động lĩnh vực khai thác biển, 20.000 lao động lĩnh vực chế biến, cung cấp 40% khẩu phần đạm trong bữa ăn cho người dân. Thủy sản là ngành kinh tế góp phần tích cực trong việc xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Hơn 20 năm đổi mới, ngành thủy sản Cà Mau đã có những chuyển biến rõ rệt, từ chỗ chỉ sản xuất tự cấp, tự túc với trình độ lạc hậu, phương pháp nuôi trồng truyền thống, lệ thuộc hoàn cảnh vào tự nhiên, năng suất và sản lượng thấp; phương tiện khai thác thô sơ, hoạt động khai thác trong sông rạch và ven bờ biển là chủ yếu; công nghệ chế biến lạc hậu; chủ yếu chế biến mặt hàng truyền thống, giá trị thấp; công tác thông tin dự báo thị trường chưa đáp ứng yêu cầu... ngày nay đã trở thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, sản phẩm thủy sản có sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, có tốc độ phát triển mạnh, quy mô ngành càng lớn. Thể hiện qua những mặt sau:

Về khai thác thủy sản, vùng biển Cà Mau là một trong số 4 ngư trường trọng điểm của cả nước, có trữ lượng lớn và đa dạng các loài hải sản. Tổng sản lượng khai thác thủy sản trong 20 năm qua đạt trên 2 triệu 91 ngàn tấn thủy sản các loại, tăng bình quân 5,8%/năm. Một bộ phận ngư dân đã phấn đấu sản xuất có hiệu quả và vượt qua được khó khăn trở ngại, nhất là từ sau cơn bão số 5 năm 1997, cơn bão đã gây thiệt hại to lớn cho người và thủy sản

của ngư dân. Đến nay, toàn tỉnh đã có 3.613 phương tiện hoạt động nghề cá với công suất 335.800cv, xây dựng được một đội tàu khai thác xa bờ với hơn 1.000 phương tiện có công suất từ 90cv trở lên (chiếm 1/5 số tàu khai thác xa bờ của cả nước); góp phần vào sự chuyển dịch mạnh mẽ từ khai thác ven bờ theo kiểu truyền thống sang khai thác xa bờ với nhiều nghề mới có hiệu quả hơn, giảm dần nghề khai thác gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản. Đi đôi với phát triển đội tàu đánh cá bắt xa bờ, ngành chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá. Đầu tư xây dựng Cảng cá Hòn Khoai; cơ sở hạ tầng đảo Hòn Chuối; bến cá kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá khu vực Khánh Hội, Cái Đôi Vàm, Sông Đốc; khu tránh trú bão tàu cá Rạch gốc. Đồng thời, ngành cũng đang thực hiện phương án tổ chức lại đội hình khai thác hải sản hợp lý trên cả 3 tuyến: tuyến bờ, tuyến lộng và tuyến khơi, trên cơ sở gắn đội tàu khai thác với hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá, thông liên lạc, hỗ trợ nhau khi có thiên tai...

Về nuôi trồng thủy sản, trước 1986 nghề nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi quảng canh, năng suất thấp, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. Năm 1994, do môi trường sinh thái có nhiều biến động, tôm nuôi chết hàng loạt trên diện rộng, nguồn giống tự nhiên giảm sút nghiêm trọng gây thiệt hại rất lớn cho người nuôi. Vượt lên khó khăn, thử thách Đảng bộ và nhân dân Cà Mau quyết tâm tìm kiếm đối tượng nuôi và chuyển đổi hình thức nuôi mới. Từ những mô hình thử nghiệm ban đầu, bà con ngư dân cơ bản chuyển từ nuôi tôm tự nhiên sang nuôi tôm sú sản xuất nhân tạo. Cuối năm 1999 có 100% diện tích nuôi tôm. Đặc biệt từ khi chuyển đổi cơ cấu sản xuất từ nông – lâm – ngư sang ngư – nông – lâm thì hầu hết các vùng có nguồn nước mặn, nước lợ đều được tận dụng nuôi tôm sú với các hình thức nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến, bán thâm canh, thâm canh. Đến nay, toàn tỉnh có 248.000ha diện tích nuôi tôm. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản của tỉnh trong 20 năm đạt trên 1 triệu 286 ngàn tấn, bình quân tăng 12,2%/năm, góp phần cung ứng nguyên liệu giá trị cao cho các nhà máy chế biến xuất khẩu của tỉnh và cả nước.

Nuôi trồng thủy sản đã chuyển mạnh theo hướng đa dạng hóa các loại hình nuôi, đối tượng nuôi và kỹ thuật nuôi gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Sản lượng cua, cá, sò nuôi xen canh tôm cũng tăng đáng kể, góp phần tăng thu nhập cho người sản xuất.

Thành tích nổi bật nhất của lĩnh vực nuôi trồng thủy sản là đã cho sinh sản nhân tạo tôm sú thành công, đưa Cà Mau trở thành một trọng điểm sản xuất tôm sú nhân tạo của cả nước. Năm 1990, toàn tỉnh mới có 2 trại sản xuất

tôm sú giống nhân tạo đến nay đã tăng lên hơn 900 trại, có khả năng sản xuất từ 5,5-6 tỷ con giống/năm, đáp ứng 50% nhu cầu tôm sú giống cho nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

Nghề nuôi cá đồng là một nghề truyền thống của nông dân Cà Mau, thời gian qua do sức ép gia tăng dân số, thâm canh cây lúa, con tôm, từ đó nguồn lợi cá đồng bị giảm sút nghiêm trọng. Tuy nhiên, những năm gần đây, nhờ có chính sách phù hợp của Nhà nước, công tác bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản được chú trọng, việc ứng dụng khoa học công nghệ đã cho sinh sản, ương nuôi thành công một số đối tượng như cá trê vàng, cá thác lác còm, cá lóc, cá rô, nên nghề nuôi cá đồng được khôi phục dần. Ngoài việc tận dụng diện tích mặt nước để nuôi đã xuất hiện nhiều mô hình nuôi cá đồng thâm canh, bằng phương pháp thả giống nhân tạo, cho thêm thức ăn, trị bệnh, như Lâm ngư trường Sông Trẹm, Nông trường U Minh, xã Thanh Tùng, xã Tân Thành... góp phần tăng sản lượng nguồn lợi cá đồng đáng kể.

Nghề nuôi cua biển, nuôi hàu, sò, cá bống tượng, cá chình, cá rô phi, nuôi cá hồ ao... đã thu hút được lực lượng không nhỏ nông dân tham gia.

Trong lĩnh vực chế biến, đến nay, toàn tỉnh đã có 26 nhà máy chế biến thủy sản với năng lực chế biến 102.000 tấn/năm. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 13.000 USD (năm 1986) lên 510 triệu USD (năm 2005). Chế biến thủy sản Cà Mau phát triển nhảy vọt cả về công nghệ, công suất, có đội ngũ công nhân đông đảo với bậc tay nghề cao, hàng trăm cán bộ khoa học có trình độ đại học, trung cấp, đội ngũ cán bộ quản lý kinh qua nhiều năm trong nghề có khả năng quản lý ngành, quản lý doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo cơ chế kinh tế thị trường.

Mặt hàng chế biến thủy sản ngày càng phong phú, các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tiếp tục đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất và tăng cường công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Đến nay, Cà Mau có 20 xí nghiệp được công nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, 5 nhà máy được cấp chứng chỉ ISO 9001-2000, 8 nhà máy được cấp code vào thị trường EU, 1 doanh nghiệp (Camimex) được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới, 2 doanh nghiệp được nhận giải Sao vàng Đất Việt lần thứ 2... Hàng thủy sản của Cà Mau có mặt trên 30 nước và vùng lãnh thổ, sản phẩm tôm sinh thái có nhiều khách hàng đặt mua với số lượng lớn và đa dạng về kích cỡ.

Lĩnh vực xuất nhập khẩu được coi trọng, khả năng trực tiếp xuất khẩu, phát triển thị trường được mở rộng, đi dần vào thế ổn định, nhiều tổ chức kinh tế nước ngoài đến quan hệ mua bán với ngành thủy sản. Sản phẩm thủy sản

có uy tín trên thị trường thế giới, khối lượng sản phẩm thủy sản của Cà Mau chiếm gần 1/3 cả nước.

Công tác xúc tiến thương mại – tìm kiếm thị trường đã được tỉnh và doanh nghiệp quan tâm hơn. Đã chuyển từ thế thụ động chờ khách hàng đến đặt hàng sang chủ động tìm kiếm đối tác, khai thác thị trường mới. Từng bước mở chi nhánh và cơ quan đại diện ra nước ngoài cũng như một số doanh nghiệp đã tính đến việc đầu tư ra nước ngoài.

Sản xuất thủy sản của Cà mau 20 năm qua tăng trưởng nhanh về số lượng, kim ngạch xuất khẩu và chiếm ngôi vị số 1 trong cả nước.

Cơ cấu kinh tế thủy sản cũng đã chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng đánh bắt, tăng tỷ trọng nuôi trồng đi đôi với việc nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm thủy sản xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định thủy sản tăng trưởng nhanh, phát huy tốt vai trò ngành kinh tế mũi nhọn... nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao, bước đầu khắc phục yếu tố tự phát và độc canh, từng bước phát triển theo hướng bền vững... Về khai thác biển hướng dần sang khai thác xa bờ, giảm các nghề khai thác gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản... dịch vụ thủy sản từng bước phát triển, các công trình hạ tầng nghề cá được quan tâm đầu tư. Theo đó, tỉnh Cà Mau định hướng phát triển ngành thủy sản vẫn là ngành kinh tế mũi nhọn. Trong những năm tới, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản; thực hiện đa canh trong nuôi trồng thủy sản, con tôm vẫn là sản phẩm chủ lực... chủ yếu là nuôi tôm với nhiều loại hình khác nhau như nuôi sinh thái, luân canh tôm – lúa, xen với các loại thủy sản khác và nuôi thủy sản ven sông, ven biển theo hướng bền vững... Tổ chức lại ngành nghề khai thác biển theo hướng xa bờ, bám biển dài ngày; chuyển đổi nghề ít tiêu hao nhiên liệu, có hiệu quả gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tiếp tục đầu tư có hiệu quả hạ tầng nghề cá. Với những thành quả đã đạt được trong 20 năm qua ngành thủy sản Cà Mau phấn đấu đến năm 2010 đạt tổng sản lượng thủy sản 380.000 tấn, trong đó tôm 140.000 tấn, sản lượng thủy sản tăng bình quân hàng năm khoảng 8%, giá trị thu nhập bình quân đạt trên 50 triệu đồng/ha/năm.

* *Trích:* **Miền Nam thành đồng cùng cả nước 20 năm đổi mới** – Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

CHƯƠNG IV

CHÂN DUNG NHỮNG DOANH NHÂN ĐƯƠNG THỜI TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Bản sao lưu trữ

BÍ QUYẾT ĐỂ TRỞ THÀNH SỐ 1

ANH PHƯƠNG

Tự tay cầm búa tạ... để đập vỡ tấm kính trên ô cửa sổ để minh chứng cho báo giới biết về độ bền của sản phẩm, đó là TGĐ Công ty cửa sổ nhựa Châu Âu (Eurowindow) Nguyễn Cảnh Hồng. Là "đối tác" thân thiện với giới truyền thông bởi Eurowindow không tiếc công, tiếc của cho những chương trình P.R giới thiệu, quảng bá sản phẩm, mà còn đóng góp hàng tỷ đồng cho các chương trình xã hội từ thiện... Chiến lược truyền thông bài bản, chính là bí quyết của Eurowindow- Thương hiệu số 1 ở Việt Nam trong lĩnh vực cửa nhựa chất liệu mới uPVC.

TỪ 19 TỶ ĐẾN 300 TỶ

Ai đó đã từng "đi qua châu Âu" hẳn không lạ gì những cánh cửa sổ, cửa đi bằng chất liệu uPVC với màu trắng kem trang nhã, hình dáng thanh thoát, xoay, đẩy nhiều chiều, không cong vênh, co ngót và đặc biệt có khả năng cách âm, cách nhiệt cao. "Làn sóng" sử dụng cửa nhựa chất liệu uPVC 10 năm trở lại đây đã lan sang các nước Châu Á như Singapore, Thái Lan, Trung Quốc và năm 2003 chính thức có mặt ở Việt Nam. Người đưa sản phẩm hiện đại, ưu việt này vào thị trường Việt Nam chính là những nhà đầu tư đến từ tập đoàn T&M Trans. "Với một sản phẩm chưa từng có tại thị trường Việt Nam – nơi mà người dân vẫn chỉ biết đến cửa gỗ và khung nhôm, cửa kính. Năm đầu tiên thâm nhập thị trường, doanh số công ty chúng tôi chỉ đạt 19 tỷ đồng", nhớ lại 5 năm về trước, TGĐ Nguyễn Cảnh Hồng tâm sự. Không nản lòng, một chiến dịch quảng bá thương hiệu được Eurowindow tiến hành rầm rộ trước hết để người tiêu dùng biết tên, biết tới một sản phẩm mới. Sang tới năm thứ 2, những nỗ lực truyền thông quảng bá sản phẩm đã "phát huy tác dụng", doanh số của công ty tăng hơn 150% và đã liên tục tăng trong các năm tiếp theo. Tới năm 2007, doanh số đã tăng lên gần 300 tỷ đồng.

Gần 6.000 công trình khách sạn, tòa nhà văn phòng, chung cư, biệt thự, căn hộ cao cấp... sử dụng sản phẩm Eurowindow chính là "kênh" truyền thông, quảng cáo hiệu quả, là "con đường" ngắn nhất để Eurowindow trở thành "hoa hậu" khi người tiêu dùng khó tính lựa chọn sản phẩm cho căn nhà hiện đại của mình. "Ban đầu chúng tôi hướng tới khách hàng có thu nhập cao song trước nhu cầu của đa dạng khách hàng cùng chiến lược nội địa hóa của

công ty, từ năm 2005 chúng tôi đã đa dạng hoá sản phẩm Asiawindow và Vietwindow, với mức giá thấp hơn dòng của Eurowindow nhờ sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước và nhập từ một số nước châu Á như Trung Quốc, Malaysia". TGĐ Hồng cho biết, chính bởi coi trọng chữ tín trong kinh doanh, chất lượng sản phẩm không ngừng nâng cao và phong cách phục vụ chuyên nghiệp nên giờ đây mặc dù thị trường cửa nhựa uPVC đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa gần 100 doanh nghiệp khác nhau, nhưng Eurowindow vẫn chiếm tới 60% tổng thị phần.

"Bí mật" của TGĐ Nguyễn Cảnh Hồng

Năm ngoái, dân tình chơi blog rầm rộ gửi cho nhau một đường link tới một blog có "tán" chuyện bí mật của TGĐ Nguyễn Cảnh Hồng. Sự quan tâm của cộng đồng mạng lại ít nhiều cho thấy thương hiệu Eurowindow cũng như tên tuổi vị tổng giám đốc trẻ này đã trở thành mối quan tâm đặc biệt của dư luận. Hỏi chuyện "bí mật" ấy là thế nào?. TGĐ Hồng cười "Sao lại coi đó là bí mật nhỉ, đó là bí quyết maketing, bí quyết làm thương hiệu thì đúng hơn". Thì ra câu chuyện của TGĐ Hồng có liên quan đến hoa hậu Việt Nam 2006 Mai Phương Thúy. Nhưng xin nói ngay để bạn đọc khỏi tò mò. Đúng là chuyện hoa hậu Mai Phương Thúy ngay sau khi đăng quang đã trở thành gương mặt đại diện cho thương hiệu Eurowindow không phải là chuyện bí mật kiểu "kiều nữ và đại gia" mà chỉ đơn thuần là một "chiêu" maketing của Eurowindow.

Trên thế giới những thương hiệu nổi tiếng đều có các gương mặt "ngôi sao" là đại sứ hình ảnh, là đại diện thương hiệu và gần đây ở Việt Nam, xu hướng những "người của công chúng" làm đại diện các thương hiệu đang ngày một nở rộ. Tuy nhiên, việc chọn hoa hậu Mai Phương Thúy của Eurowindow không chỉ vì sự nổi tiếng của cô hoa hậu xinh đẹp này mà còn bởi ở Thúy toát lên sự thân thiện , trong sáng, cái "đẹp" nội tâm. Ông Nguyễn Ngọc Tình, người có 11 năm "thâm niên" trong ban tổ chức thi hoa hậu của báo Tiền Phong – nhận xét "trong số 11 hoa hậu được vinh danh, đến thời điểm này Mai Phương Thúy là hoa hậu duy nhất không chỉ "đẹp người đẹp nết" mà còn có tấm lòng nhân hậu rất đáng trân trọng". Trong 2007, Mai Phương Thúy kiếm được trên 4 tỷ đồng từ hoạt động làm quảng cáo thì cô đã dành hết số tiền đó để làm từ thiện, cô đã trực tiếp đi đến những nơi có hoàn cảnh éo le, những số phận cần sự cứu trợ của cộng đồng mà không cần thông tin lên báo chí. Nét đẹp của hoa hậu Mai Phương Thúy - đại diện cho Eurowindow một phần nào là đủ để nói lên những giá trị cốt lõi mà Eurowindow hướng tới.

Bản sao thử nghiệm

PHÍA SAU NHỮNG "TẤM HUY CHƯƠNG"

5 năm có mặt trên thị trường Việt Nam thì có 3 năm Eurowindow được vinh danh giải thưởng "Sao vàng Đất Việt". Eurowindow cũng được tặng nhiều giải thưởng khác nhau như: Giải vàng chất lượng Việt Nam, giải thưởng Rồng vàng, danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao, danh hiệu Thương hiệu mạnh..., không quan niệm "sẵn" giải thưởng để khuyếch trương thương hiệu. TGĐ Hồng tâm sự: giải thưởng là tấm gương để Eurowindow tự "soi" mình và phấn đấu nhiều hơn nữa để duy trì vị trí đứng đầu trên thị trường cửa nhựa uPVC tại Việt Nam . Và có một điều mà ít ai biết, đó là Eurowindow trong chiến lược phát triển của mình đã sớm cam kết trách nhiệm doanh nghiệp với cộng đồng. TGĐ Hồng trao đổi: Trên thế giới khi sử dụng sản phẩm của một thương hiệu, người mua luôn quan tâm tới việc thương hiệu đó đóng góp bao nhiêu cho các quỹ phúc lợi xã hội, ủng hộ trẻ em nghèo, làm từ thiện... còn ở Việt Nam chưa mấy ai quan tâm đến điều đó". Cam kết trách nhiệm xã hội với cộng đồng, Eurowindow muốn sản phẩm của mình thân thiện hơn với người tiêu dùng và được mọi người biết đến như một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Nếu ngồi nhẩm tính, vị TGĐ trẻ ấy cũng không thể nhớ hết ngay bao nhiêu chương trình xã hội mà Eurowindow tài trợ, nhưng trong tâm thức anh tự nhắc mình biết "cho đi" để được "nhận lại"...

Bản sao lưu

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 3 (6.2008).

34 NĂM YÊU ĐÁ QUÝ

HUY HOÀNG

Ông Phan Chánh Tâm, ông bầu của đội bóng đá Mỹ Nghệ đang chơi ở hạng 2 Quốc gia và là chủ của siêu thị đá quý lớn nhất Việt Nam tại số 6 Bà Huyện Thanh Quan (Q.3), TP.HCM).

35 NĂM - MỘT GIẤC MƠ

Ngay từ những năm học đệ nhất, đệ nhị chàng thanh niên Phan Chánh Tâm đã mê những hòn đá thiên nhiên trong những dịp không đi học. Ước mơ sưu tầm đá trải dài trong ông cho đến ngày 27-2-2008, ông mới nâng cấp ngôi nhà của mình thành showroom đá quý đầu tiên của Việt Nam. Trước đó siêu thị đá chỉ là một gian hàng trưng bày vài loại thô sơ mang tên Đá Mỹ Nghệ – tên tiền thân của đội bóng đá do ông tài trợ mỗi năm cả chục tỷ đồng.

Hơn 10.000 loại đá, sản phẩm hiện có trong tay, không thể quên nhắc tới loại đá ngọc đa sắc và vao năm 1977, trong một lần đi chơi, ông tâm đã phát hiện trên xa lộ Hà Nội. Sau đó, ông khổ ải đi thai thác một mình. "*Vàng, Kim cương là những loại đá quý, nhưng Việt Nam có loại đá ngọc đa sắc mới hiếm vì ngoài mỏ Thủ Đức, hiện tại Việt Nam không có chỗ nào khác cả đâu*" – ông Ba Vạn quả quyết.

Nước nhà thống nhất, sau khi từ giã nghiệp chính trị, Phan Chánh Tâm có nhiều thời gian hơn để làm kinh doanh và đây chính là lúc ông có thể biến ước mơ mở một siêu thị đá thành sự thật. "*ông có nghĩ là người cộng sản chỉ hoạt động cách mạng mới lo cho dân được không?*" – tôi hỏi. Ông Ba Vạn nói ngay: "Không *chỉ hoạt động cách mạng mới lo cho dân được, mà kinh doanh, làm du lịch...vẫn có thể giúp cho người dân tốt*". Bởi vậy, hiện nay ông còn đầu tư một khu du lịch tại Cần Giờ.

Thời kỳ hội nhập, nếu có dịp đi hội chợ ở châu Âu (Tiệp Khắc cũ, Hà Lan, Pháp), châu Mỹ (Mỹ, Brasil) thế nào ông Ba Vạn cũng phải tìm mua được những loại đá quý để về nước so sánh xem nước mình có loại đá đó không. Dọc dài nước Mỹ để hiểu sâu về các loại đá, Ba Vạn phải đi từ miền Tây đến miền Đông để tìm xem loại đá xanh có hay không, nhưng không nào thể tìm ra loại đá xanh như ông đã tìm thấy ở Thủ Đức. Những cục đá thô sơ

Bản sao lưu trữ

từ lòng đất làm ra những sản phẩm khác phải chế tác rất kỳ công. Phải biết giá trị từng sản phẩm để bán mới là người thông minh. Đó là điều ông Ba Vạn rất day dứt.

Để có những chủng loại đá quý, có giá trị tới hàng triệu đô la như hiện nay, ông Ba Vạn phải huy động dàn xe và cũng chính ông phải đi rừng ở Tây Nguyên, lúc lại lên đèo Bảo Lộc ở Nam Tây Nguyên, Khi lại có mặt ở Bắc miền Trung hay ngược Tây Bắc vì đá quý nằm toàn chỗ khó. Đi phải có kết quả mới mang lại hiệu quả, chứ không thể đi mò mẫm. Toàn những ngày tháng lặn lội trèo đèo lội suối mới có thể mang về cho các nghệ nhân của công ty ở huyện Cần Giờ chế tác. Chính những ngày làm cách mạng đã làm ông Ba Vạn có thể hoá trang thành người đi rừng, bí mật lên non lúc nửa đêm tìm đá quý chứ không thể đi công khai vì dễ bị bọn đầu gấu phát hiện và truy cướp. Nhiều lần đối mặt với sụp hầm, đói khát lẫn mong manh sự sống nhưng nghĩ đến cảnh đem hòn đá về trưng bày trong nhà của mình để mọi người đến thưởng lãm, khó khăn đó không làm ông chùn bước.

SIÊU THỊ "TRIỆU ĐÔ"

Tại siêu thị đá, có những hòn đá nhỏ, hay vòng đeo tay làm từ đá ngọc đa sắc (gồm 8 màu) – chỉ Việt Nam mới có, trị giá vài trăm đô đến hơn một nghìn đô một chiếc. Tuy nhiên, cũng có những phiến đá thô sơ, sần sùi nhưng qua lời kể của ông Ba Vạn nó uyển chuyển mang hồn đá thì không ước được giá. Mà nếu có người trả hàng nghìn đô thì nhất mực ông Ba Vạn cũng từ chối không bán. Lý do thì thật đơn giản, ông yêu nó và không thể bán dù nhiều lần du khách nước ngoài cứ tới hỏi mua hoài.

Theo tín ngưỡng người phương Đông, nhiều người quan niệm "gần đá xa bệnh" có lẽ vì hàng nghìn năm ngủ yên trong lòng đất, những hòn đá quý kia đã mang âm hưởng và tinh khí của đất trời, mát nhẫn nên có thể chữa được bệnh bằng cách sử dụng vòng đeo tay hay lót dưới nệm bằng những hòn đá nhỏ. Hiện tại, sản phẩm vòng đeo tay làm từ đá là có nhiều người mua nhất và đã xuất khẩu sang nhiều nước. Du khách hay người tham quan chỉ cần đến siêu thị đá là có thể đàm đạo hàng buổi với ông Ba Vạn dù ông chủ không có nhiều thời gian, nhưng mỗi khi nhắc đến đá quý là ông có thể rảnh rỗi nói với niềm tự hào lớn nhất.

Phải nói đến "kho báu" đá quý dưới tầng hầm khi có những phiến đá giá trị khi dài hơn một mét, được khai thác ở Thủ Đức, Bảo Lộc và nhiều vùng miền khác. "*Đây là chất liệu để làm nên nhiều vòng đeo tay, hiện là mặt hàng chủ lực của công ty*" – ông chủ Ba Vạn tự hào khoe.

Ngoài những loại đá dọ chính ông Ba Vạn cất công trèo đèo lội suối để tìm ra nó thì tầng hầm đá quý này còn có những loại đá từ Pakistan, Brasil... nhập về, như các loại đá Chalcedony, Onyx,vase, Agate Veside.... Kết quả những năm tháng ông Ba Vạn phải đi ra nước ngoài để mang về tình yêu đá.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 37 (20.11.2009).

BAY CAO HƠN ĐỂ VƯƠN RA THẾ GIỚI

HÀ PHƯƠNG THẢO

Cuối tháng năm vừa qua, ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai đã "làm cho thế giới phải ngạc nhiên" khi trở thành người đầu tiên ở Việt Nam sở hữu máy bay riêng: chiếc Beechcraft King air 350 trị giá 7 triệu USD (tương đương 130 tỷ đồng VN). Nhiều doanh nhân đánh giá, bằng việc mua máy bay để phục vụ cho nhu cầu công việc, ông chủ tịch tập đoàn này có lẽ muốn bay cao hơn để vươn ra thế giới.

Nếu sử dụng công cụ tìm kiếm của Google để tìm từ khóa "Đoàn Nguyên Đức" hay "Hoàng Anh Gia Lai" (HAGL), bạn sẽ nhận được hơn 8 triệu kết quả. Và mỗi cái tên Đoàn Nguyên Đức luôn đi kèm theo tên HAGL. Dường như trên mỗi bước thành công của HAGL đều có "dấu ấn" của ông chủ Đoàn Nguyên Đức – người đã khai sinh ra cái tên HAGL và chèo lái con thuyền HAGL đi đến thành công như ngày hôm nay.

Tầm vóc của một tập đoàn

Hình thành từ một xưởng sản xuất nhỏ năm 1988, đến nay, HAGL trở thành một tập đoàn đa ngành với hàng loạt dự án hấp dẫn, trong đó có những dự án bất động sản đã được đầu tư và mua đất từ những năm 2000. Sau 8 năm, 27 dự án khu dân cư của HAGL đã đi vào hoạt động ổn định hoặc đang xây dựng, chuẩn bị khởi công. Do giá cả thị trường bất động sản, đặc biệt là căn hộ cao cấp tăng theo chiều hướng rất cao (nhất là mới đây khi Quốc hội thông qua việc cho 5 đối tượng là Việt kiều được quyền mua nhà ở Việt Nam) nên tổng giá trị tài sản ròng của HAGL tính đến thời điểm đầu năm 2008 đã tăng lên đến trên 25.576 tỷ đồng, vượt xa so với 11.600 tỷ đồng đã công bố cách đây 1 năm. Ngoài ra, HAGL còn có 1 hệ thống khách sạn, resort trải dài từ Đà Nẵng đến Cần Thơ và đặc biệt là TP.HCM có rất nhiều dự án tốt, đem lại lợi nhuận cao, có cái lên đến hơn 1.000 tỷ đồng cho 1 dự án. Tuy nhiên, resort, khách sạn và bất động sản chưa phải là mũi nhọn kinh doanh chiến lược của Tập đoàn này. Bởi nói đến HAGL là phải nói đến việc trồng cây cao su, đầu tư thủy điện và khai thác khoáng sản, HAGL hiện có 5 nhà máy sản xuất đồ gỗ và chế tác đá granite; 20.000hecta cao su tại Gia Lai, Kon Tum và Lào; 143MW thủy điện; 2 mỏ sắt và 1 mỏ đồng... sản phẩm của HAGL như đồ gỗ

nội ngoại thất cao cấp, đá granite ốp lát tự nhiên, mủ cao su,... giờ đây không những đứng vững trên thị trường nội địa mà còn có mặt khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là các thị trường châu Á, Âu và Mỹ.

Ông chủ tịch với nhiều cái "đầu tiên"

Quản lý điều hành một Tập đoàn kinh doanh đa ngành với 26 Công ty và chi nhánh trực thuộc với 7.000 cán bộ công nhân viên, nhưng Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức vẫn luôn có "phong thái ung dung" bởi ông đã sắm sẵn cho mình một hệ thống điều hành mà cho dù có đi bất cứ nơi đâu, chỉ cần nhấp chuột thì đã có thể nắm được tình hình cũng như kết quả hành động, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Một nhân viên HAGL Group nhận xét về ông chủ tịch này như sau: "Ông ấy là một người rất quyết đoán, dám nghĩ, dám làm. Mỗi khi làm gì, nghĩ gì ông đều suy tính xem nếu mình làm việc đó thì có lợi không? Và nếu có thì đem về cho HAGL bao nhiêu? Trên thực tế đã có nhiều quyết định táo bạo mang về cho Công ty tiền tỷ". Tâm sự với chúng tôi, ông Đức cho biết vụ chuyển nhượng cầu thủ Kiatisak của Thái Lan xuất phát từ ý tưởng "Lấy kinh doanh nuôi bóng đá và lấy bóng đá để phát triển kinh doanh". Hưởng ứng chủ trương xã hội hóa thể thao, năm 2007 CLB HAGL đã ký kết hợp đồng hợp tác với CLB lừng danh Arsenal cho ra đời Trung tâm bóng đá trẻ lớn nhất và bài bản nhất VN hiện nay.

Chưa tới 40 tuổi, Đoàn Nguyên Đức đã trở thành một thương hiệu, một doanh nhân tên tuổi ở Việt Nam. Ông là người dám làm những cái chưa ai nghĩ đến, chưa ai dám làm, vì vậy ông là doanh nhân gắn liền với nhiều cái đầu tiên ở Việt Nam: người đầu tiên mua cầu thủ ngoại, người đầu tiên dự định mua cổ phần của CLB bóng đá cũng là người đầu tiên sở hữu chiếc máy bay riêng... đi tiên phong như vậy đã cắc cớ hỏi rằng việc mua máy bay liệu có phải là chơi ngông không? "Tôi chỉ làm điều gì có lợi cho doanh nghiệp chứ không chỉ tiện cho bản thân. Mua máy bay để trùm mền mới là chơi ngông. Và tôi tin rằng sắp tới đây sẽ có nhiều doanh nghiệp doanh nhân mua máy bay riêng nữa chứ không phải chỉ có một mình HAGL" – Ông Đức trả lời chân thật.

Tự tin với thành công

Được lãnh đạo bởi một vị chủ tịch dám nghĩ, dám làm, có tầm nhìn xa nên trong khi các doanh nghiệp đang "phát sốt" vì chính sách thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng thì HAGL vẫn bình chân như vại. Những vấn đề về thiếu thốn, về biến động giá cả luôn được đặt ra trong kế hoạch của công ty, nhờ thế nên doanh nghiệp không bị ảnh hưởng nhiều mà kết quả kinh doanh 3

tháng đầu năm 2008 của HAGL vượt xa mong đợi với lợi nhuận trước thuế đạt 780 tỷ đồng đã nói lên điều đó. Và mặc dù thị trường tài chính đang diễn biến khá phức tạp nhưng HAGL phần đấu đạt được kế hoạch trong năm 2008 là 2.500 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế – ông Đoàn Nguyên Đức tự tin cho biết như vậy.

Cũng theo ông Đức, thì năm 2008 được xem là năm có nhiều thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam, như khủng hoảng kinh tế tài chính. Nhưng ông tin rằng, với sự lãnh đạo sáng suốt của Nhà nước, chúng ta sẽ nhanh chóng vượt qua và tiến lên phía trước. Ông cũng không giấu diếm những suy nghĩ của mình về tương lai sáng sủa của tập đoàn mà ông đã và đang dày công xây dựng, cụ thể là từ nay đến năm 2010, HAGL Group phấn đấu sẽ là một trong những tập đoàn cung cấp sản phẩm căn hộ cao cấp và trung tâm thương mại hàng đầu ở Việt Nam, đồng thời mở rộng các hoạt động của mình sang các nước trong khu vực Đông Nam Á. Và điều này cũng đạt được sự ủng hộ tối đa của các cổ đông. CTHĐQT HAGL Group cũng nhấn mạnh đến khả năng thương hiệu HAGL sẽ xuất hiện trên ngực áo thi đấu CLB Arsenal sau khi cái tên HAGL đã xuất hiện trên các bảng quảng cáo ở sân Emirates của Arsenal tại giải ngoại hạng Anh mùa này. Thậm chí, ông còn tính đến khả năng HAGL Group sẽ mua cổ phần của Arsenal, bởi theo ông bầu này, tài trợ cho bóng đá là cách quảng bá tốt nhất cho doanh nghiệp.

Bản sao tham khảo

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 3 (6.2008).

MỘT "HOÀNG LONG" BAY BỔNG

Cứ tưởng đã biết rõ, đã hiểu nhiều về anh – doanh nhân tiêu biểu Phạm Phúc Toại – chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Long (viết tắt là Hoàng Long), qua những bài báo, những câu chuyện kinh doanh. Nhưng đó chỉ là cảm giác. Phải gặp những nhân viên và đối tác của Hoàng Long tôi mới biết rằng, anh luôn mới mẻ và lôi cuốn, bởi những suy nghĩ và tư tưởng, cũng như những đóng góp không ngừng nghỉ cho an sinh xã hội và sự phát triển kinh tế đất nước.

Tầm nhìn sâu rộng

Sau nhiều năm tham gia quản lý một số doanh nghiệp nhà nước, anh Phạm Phúc Toại quyết định "làm mới" sự nghiệp kinh doanh của mình bằng cách thành lập doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Tháng 10-1999, Công ty TNHH-TM-DV và XD Hoàng long được thành lập với số vốn 1 tỷ đồng và 30 lao động. Lĩnh vực kinh doanh chính là chuyển giao công nghệ hương liệu sản xuất thuốc lá điếu nội địa. Thời điểm này, việc sản xuất, kinh doanh của các nhà máy sản xuất thuốc lá ở khu vực miền Tây Nam bộ có nguy cơ phá sản, vì sự "tấn công" của thuốc lá nhập lậu qua đường biên giới Tây Nam. Hơn nữa các nhà máy này đang là đối tác của Hoàng Long. Do vậy, anh Toại đã quyết định sang các nước Pháp, Đức, Hoa Kỳ tìm hiểu và học hỏi các sáng chế về công nghệ hương liệu có chất lượng cao, phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam để chuyển giao công nghệ này cho các nhà máy sản xuất. Nhờ sử dụng công nghệ hương liệu mới, từ năm 2000 đến nay, các nhà máy sản xuất thuốc lá khu vực mền tây Nam bộ đã "đánh bật" hàng lậu giành lấy thị trường và trở thành những thương hiệu nổi tiếng, đảm bảo ổn định đời sống cho hàng ngàn lao động. Trong suốt quá trình này, anh Toại vẫn nghiên cứu và cho thử nghiệm thêm hai quy trình công nghệ hương liệu mới, kết quả cho thấy rất tốt, khả năng đề án này sẽ đem lại hiệu quả kinh tế rất cao.

Vào đầu năm 2001, trước tình hình mở cửa của Việt Nam, các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đầu tư tăng mạnh. Theo đó, các doanh nghiệp trong nước cũng "sinh sôi nảy nở" và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.. Do vậy, nhu cầu về cơ sở hạ tầng rất lớn. Trước tình hình đó, Hoàng Long quyết định đầu tư mạnh vào lĩnh vực này. Phải làm thế nào để sản phẩm có giá thành rẻ nhưng chất lượng là vấn đề anh quan tâm hàng đầu. Thông thường việc thi công san lấp mặt bằng các doanh nghiệp dùng phương tiện cơ giới

đường bộ và sà lan ponton để vận chuyển vật liệu đất cát. Qua nghiên cứu, anh nhận ra rằng, trường hợp này chỉ phù hợp cho các công trình cách xa sông rạch từ 4km trở lên. Rồi anh tự hỏi các công trình gần sông hơn có giải pháp nào làm tốt hơn không? Và anh Toại đã tìm câu trả lời thỏa đáng. Anh chỉ đạo cho Xí nghiệp cơ khí Hoàng Long sáng chế một loại bơm cát từ tàu lên và cứ lần lượt chế tạo các loại bơm cự ly 500m, 1000m, 2000m và 3000m. Kết quả các thiết bị này phục vụ cho việc thi công san lấp mặt bằng với tốc độ rút ngắn khoảng 50% thời gian so với các công trình thi công bằng cơ giới đường bộ có cùng khối lượng công việc. Đồng thời cách làm này giảm đến khoảng 20% giá thành sản phẩm. Không dừng ở đó, Hoàng Long lại đưa ra phương án thay đổi phương tiện vận tải: thay vì sử dụng loại Ponton bình thường, thì cho thiết kế loại tàu vận tải tự hành không phải sử dụng đầu kéo rườm rà mà còn có tính năng dễ điều khiển, tốc độ vận hành nhanh hơn so với tàu Ponton có cùng mã lực và điều quan trọng hơn nữa là phù hợp cho loại hình thi công bằng thiết bị bơm mà công ty đã chế tạo. Điều đó đã dẫn đến việc đầu tư cho loại tàu này có hiệu quả hơn loại tàu Ponton khoảng 80%.

Thông điệp của vị thuyền trưởng

Sau 8 năm cọ sát với nền kinh tế thị trường, tháng 4/2007 doanh nghiệp chuyển đổi thành Công ty cổ phần Hoàng Long Long An, vốn điều lệ trên 226 tỷ đồng. Năm 2007 là năm thành công của Hoàng Long với doanh thu 874,6 tỷ, lợi nhuận sau thuế 112,7 tỷ, nộp ngân sách 64,7 tỷ. Trước yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế thế giới, tháng 4/2008 doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Long, vốn điều lệ 287,7 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu hàng ngàn tỷ với 7 công ty thành viên: Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng, Công ty Công nghệ & Thương mại, Công ty Nuôi trồng chế biến thủy sản, Công ty Vận tải & khai thác khoáng sản, Công ty Taxi Sài Gòn Hoàng Long, Công ty Rượu bia nước giải khát Labeco, Công ty Cấp nước và một liên doanh Hoàng Long Mekong (Campuchia), 2 đại diện nước ngoài HLG-USA và HLC Singapore, cùng 4 đối tác chiến lược (Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn, Công ty Khang Thông, Quỹ đầu tư Blackhores, Phan Vu Goup).

Nền kinh tế năm 2008 gặp phải những diễn biến bất lợi như "cơn bão tăng giá", bất động sản đóng băng, chứng khoán giảm mạnh, lãi suất ngân hàng tăng,... đã gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong các lĩnh vực này. Dự báo được tình hình, lãnh đạo Hoàng Long đã đưa ra các giải pháp hợp lý để ổn định sản xuất kinh doanh với việc tự cân đối tài chính nội lực, đầu tư vào các dự án khả thi có khả năng thu hồi vốn nhanh...

Bằng cách làm này, năm 2008 Hoàng long vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng khá, doanh thu đạt 827 tỷ, lợi nhuận sau thuế trên 95 tỷ đồng, nộp ngân sách 99 tỷ.

Hoàng Long hoạt động trong những lĩnh vực chịu sự tác động trực tiếp, thường xuyên của thị trường trong nước và thế giới. Là lãnh đạo nên anh Phạm Phúc Toại phải năng động, nhanh nhạy nắm bắt tình hình. Anh luôn xác định mục tiêu phát triển để có sự tập trung đầu tư thỏa đáng cho lĩnh vực chủ yếu, không chạy theo những lợi ích đơn lẻ, nhất thời. Những doanh nhân thành công, mỗi người đều có một triết lý kinh doanh, cách điều hành riêng. Với doanh nhân Phạm Phúc Toại, anh đưa chữ Tâm và chữ Tín lên hàng đầu để luôn giữ vững uy tín đối với khách hàng và đối tác làm ăn. Đó chính là bí quyết thành công mà doanh nghiệp thực hiện, đến nay đã thành phương châm cho tất cả công nhân viên và người lao động trong Công ty.

"Thực trạng kinh tế xã hội VN đang đối mặt với lạm phát, giá cả tăng cao, đời sống viên chức và người lao động đang gặp không ít khó khăn... Trước tình này, những năm qua, Hoàng Long đã tăng lương 20% mỗi lần. Và hiện nay, nếu tiếp tục tăng 20% là không ổn, nên trong kỳ Đại hội cổ đông, tôi đã cố gắng làm hết sức mình để cân đối nguồn thu chi và quyết định tăng lương bình quân cho người lao động lên 30%", anh Toại nói. Quy chế lương có sẵn, nhưng Hoàng Long luôn có truyền thống là năm nào cũng xem xét lại lương, đặc biệt có lương cho chất xám, nó không nằm trong quy chế mà tùy theo sự cống hiến, năng động sáng tạo dành cho giới trẻ và lương này cao gấp bội so với lương thường, không câu nệ người có chức vụ hay không. Theo anh Toại, đó là điều đáng làm để tạo sự gắn kết, xây dựng tinh thần trách nhiệm mọi người đối với doanh nghiệp. Hiện viên chức và người lao động của Hoàng Long có thu nhập bình quân từ 3,9 - 4,5 triệu đồng.

" Đỉnh cao mới, là phong cách của Hoàng Long", đây là câu khẩu hiệu phong cách hiện đại, tính chuyên nghiệp từ đỉnh cao này đến đỉnh cao khác mà Hoàng Long phải phấn đấu vươn lên. Đỉnh cao mới chính là tiêu chí cốt lõi, thể hiện đẳng cấp. Và đích đến chính là sự thay đổi và phấn đấu đạt được thắng lợi này đến thắng lợi khác. Muốn vậy, người lãnh đạo công ty phải biết dự đoán, dự báo tình hình tốt xấu cho doanh nghiệp.

Lao lên phía trước

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, năm 2009 tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn và Hoàng Long cũng phải chịu

những tác động không nhỏ. Dự báo trước tình hình, lãnh đạo Hoàng Long đã đưa ra các giải pháp chính xác, được thể hiện rõ trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2009 là tập trung mọi nguồn lực ưu tiên đầu tư vào dự án Cụm công trình nuôi trồng, chế biến thủy sản Tam Nông – Đồng Tháp, Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh vào cuối năm 2009 đưa vào sản xuất – kinh doanh, phấn đấu đạt doanh thu 1.100 tỷ, lợi nhuận sau thuế110 tỷ, nộp ngân sách 80 tỷ đồng. Có thể nói, đây là một dấn ấn quan trọng trong quá trình trưởng thành vượt bậc của Hoàng Long Group một tập đoàn kinh tế ngoài quốc doanh – hoạt động đa ngành nghề, luôn giữ được mức tăng trưởng bền vững, đóng góp ngân sách Nhà nước cao, hoạt động công tác từ thiện xã hội tốt.

Mười năm hoạt động, đó là khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để minh chứng cho những cố gắng và nỗ lực của anh. Những đóng góp của anh đối với Hoàng Long và tỉnh Long An đã được mọi người ghi nhận và trân trọng. Hầu hết nhân viên Hoàng Long đều thừa nhận rằng, anh là người tâm huyết, dám quyết, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Nhưng trước khi ra quyết định mang ý nghĩa cho sự thành bại của công ty, thì anh không ngừng suy nghĩ, nghiên cứu, nhằm rút ra những dự đoán tốt nhất để quyết định đó mang tính chiến lược, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Có lẽ mọi việc sẽ trở nên nhàm chán, nếu thế giới không xảy ra khủng hoảng kinh tế. Nhưng đó là một công việc mới, thử thách mới đầy thú vị đang chờ đón anh – con người đầy nghị lực.

Ông Dương Quốc Xuân – chủ tịch UBND tỉnh Long An nhận xét: "Hoàng Long là một doanh nghiệp đầu tư vào Long An từ rất sớm. Trong 5 năm trở lại đây, Hoàng Long có tốc độ tăng trưởng nhanh, vững chắc. Đặc biệt là ở lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp, san lấp mặt bằng... Hoàng Long là doanh nghiệp mạnh, hoạt động toàn diện, đúng chế độ, đảm bảo chính sách Nhà nước và là một doanh nghiệp ngoài quốc doanh có chi bộ Đảng CSVN, Đoàn thanh niên, Công đoàn... hoạt động có hiệu quả. Đồng Thời Hoàng Long cũng là doanh nghiệp luôn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong gần 4.000 doanh nghiệp đang hoạt động tại tỉnh Long An. Với tầm nhìn chiến lược sâu rộng, nhạy bén trong kinh doanh của "vị thuyền trưởng", Hoàng Long có đủ cơ sở, nguồn lực để trở thành tập đoàn kinh tế mạnh của Việt Nam"

** Trích: **Theo dòng thời sự kinh tế** – Duy Khanh, Nhà xuất bản Lao động – 2009.*

MỘT CÔ HƯƠNG VỚI 250 ĐỨA CON NUÔI

Đăng Giới

Kinh doanh thành công, cô gái ấy bỏ tiền thành lập Trung tâm nhân đạo Quê Hương rồi nhận nuôi hàng trăm em bé mồ côi, quên đi hạnh phúc của chính mình. Cô trở thành một trong những người phụ nữ làm rung động trái tim Việt Nam.

Tuổi thơ cơ cực, đắng cay, không biết ai là cha mẹ, không có nhà để đi về, hàng ngày Huỳnh Tiểu Hương lang thang kiếm sống cho mình và lo chăm sóc cho một đứa con nuôi cùng cảnh ngộ. Năm1989, một người Hoa nhận cô làm con nuôi và lợi dụng cơ hội cưỡng ép cô (lúc này Hương 21 tuổi). Sợ cô tự tử, ông ta đã bỏ ra 20 lượng vàng để chuộc tội. Có tiền chẳng biết kinh doanh gì, Tiểu Hương mua một căn nhà nhỏ ở Quận 5, TP.HCM. Vài ngày sau, có người hỏi mua căn nhà của cô với giá 45 lượng vàng. Tiểu Hương bán liền. Thấy mua bán nhà hay hay, cô liền thử. Không ngờ kinh doanh bất động sản đã giúp Tiểu Hương trở lên khá giả. Tiểu Hương dang tay ra đón những đứa trẻ lang thang, mồ côi, bất hạnh về nuôi dưỡng, dạy chữ và dạy cả ngoại ngữ nữa.

XUẤT NGOẠI ĐỂ HỌC NGOẠI NGỮ VÀ BUÔN BÁN

Những năm tháng bán thuốc lá ở bến Bạch Đằng, Tiểu Hương đã tiếp xúc nhiều với người Hoa và đã có được một số ít tiếng Hoa bồi. Cầm 7.000 USD trong tay, Tiểu Hương bay qua Hồng Kông. Ngày đầu tiên ở Hồng Kông Tiểu Hương không dám đi đâu hay gọi đồ ăn gì mà chỉ dám ăn mọi thứ có trong tủ lạnh. Sang đến ngày thứ 2, người bồi phòng thấy lạ nhưng không dám hỏi. Thấy vậy, Tiểu Hương ra hiệu cho bà ấy lại, đưa cho 500 USD. Bà ta tưởng Tiểu Hương cần đổi tiền liền cầm đi đổi giúp cô. Khi mang tiền về, Tiểu Hương đã đưa toàn bộ tiền cho bà ấy và ra hiệu muốn học tiếng tàu. Vậy là bằng cách chỉ vào đồ vật trong phòng cùng hướng dẫn ngoài trời, một tháng sống trong khách sạn cũng là lúc Tiểu Hương biết nói thông thạo tiếng Hoa. Nhưng chuyến đi ấy chưa kết thúc. Tiểu Hương tiếp tục qua Singapore, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia. Ở đâu cũng vậy, vừa học tiếng, Tiểu Hương tranh thủ buôn bán lặt vặt để có tiền. Mấy tháng sau trở về Việt Nam, số tiền 7.000 đô không những không mất đi mà nó còn sinh lời với hàng đống hàng hóa

Tiểu Hương đem về. Cô tâm sự " Em hồi nhỏ miếng cơm còn không có mà ăn, làm sao biết chữ. Nhưng nếu làm ăn không biết ngôn ngữ của họ thì chịu. Vậy nên em phải học, mà không học đâu hay hơn bằng đi sang nước họ, sinh sống cùng với họ và chỉ có mỗi việc là học. Cũng với cách ấy, bây giờ em đã thông thạo tiếng Anh và thường xuyên qua Mỹ. Vậy mà tiếng Việt bây giờ em mới biết đọc, biết viết sơ sơ".

TẤT CẢ CHO TRẺ EM THIỆT THÒI

Trước kia, Tiểu Hương đã có trong tay vài tỷ đồng cùng nhiều căn nhà ở TPHCM, Đồng Nai, Bình Dương. Cô cũng có một cơ sở nước uống tinh lọc đóng chai vốn đầu tư 100.000 USD. Với tài sản ấy, lại chưa chồng, xinh xắn, biết thông thạo nhiều ngoại ngữ. Tiểu Hương có sống cả đời cũng không hết tiền. Vậy mà lúc nào cô cũng sợ. Phải liên hệ suốt mấy tháng trời, tôi mới gặp được Tiểu Hương. Cô rất bận vì mải miết những chuyến đi nước ngoài một mình để buôn bán. Trò chuyện với tôi, Tiểu Hương tâm sự: "Em sống trong đói nghèo suốt quãng đời thơ ấu nên em cảm thông với các em bụi đời, cơ nhỡ, mồ côi. Em đã nhận nuôi 150 con tất cả; mồ côi có, tàn tật có, bị chất độc màu da cam có. Em yêu thương tất cả như con của mình. Nhiều người thấy con em xinh xắn, khoẻ mạnh đến xin làm con nuôi nhưng em không chịu. Em chỉ nhận thêm chứ không cho đi một đứa con nào. Mới đây người ta lại chỉ cho em một đứa trẻ mới bị bỏ rơi. Em mới mang về nuôi và đang làm giấy tờ khai sinh cho cháu. Em chỉ lo con em đói, con em bị cơ nhỡ".

Trung tâm nhân đạo Quê Hương được Tiểu Hương lập ra chính là để cô dồn toàn bộ tiền bạc và công sức vào để nuôi mấy đứa trẻ. Tôi hỏi: "Tại sao Tiểu Hương không xin viện trợ, kêu gọi lòng hảo tâm của các tổ chức như người ta vẫn thường làm?". Em nghĩ, việc lập ra Trung tâm nhân đạo Quê Hương là để các em được nuôi dạy tốt hơn. Em hiện cho các con đi học thêm tiếng Anh, tiếng Hoa để sau này có vốn vào đời, đừng như mẹ nó. Mỗi tháng một cháu hết cả triệu đồng tiền học đó anh. Từ nhỏ đến lớn, em chưa ngửa tay xin ai bao giờ. Đói thì lượm đồ ăn thừa của người ta chứ không xin, nhục lắm. Bây giờ em cũng vậy, đi buôn bán nuôi con chứ không xin tiền của ai cả. Những ai cho con, em vẫn nhận nuôi. Con thì ai cho bao nhiêu em cũng nuôi hết. Có người bảo em "khùng", không lo lấy chồng cho yên ổn và lo nuôi con mình mà chỉ lo nuôi con người ta. Nhưng với em, các con là niềm hạnh phúc nhất của đời em. Mỗi khi nhìn thấy các con cười, em thấy thật sự hạnh phúc. Em làm thêm nước uống tinh khiết là để sau này em mất đi thì các con em vẫn có tiền sinh sống".

Tiểu Hương mời tôi đi thăm khu nhà mà cô mới mở để nuôi dạy các em nhỏ ở xã Tân Đông Hiệp, thị trấn Dĩ An, Bình Dương. Mải miết đi buôn bán Tiểu Hương không chỉ nuôi 250 con của mình, cô còn là người tìm đến các khu nuôi dưỡng trẻ em tật nguyền, mồ côi khác. Nhiều nơi bị thiên tai, những nơi có người cần giúp đỡ, Tiểu Hương tìm đến thăm hỏi, giúp đỡ. Tiểu Hương sang Mỹ vừa buôn bán vừa tìm mua 800 chiếc xe lăn về tặng cho trẻ khuyết tật. Biết ý định tốt đẹp đó của cô, chính hãng đã tặng cô 50% trị giá lô hàng ấy (160 USD/xe) và làm giúp những thủ tục để Tiểu Hương chuyển 800 xe lăn về nước.

Trước khi chia tay tôi, Tiểu Hương gọi các con ra chào khách. Chỉ vào từng đứa con xinh xắn, Tiểu Hương kể:" Đây là con Huỳnh Tiểu Cơ, 5 tuổi mà em lượm được tại một thùng rác trên đường Cách mạng tháng Tám. Cơ là cơ hội được sống đó anh. Đây là Huỳnh Tiểu Bảo, cháu xinh xắn, dễ bảo, dễ dạy lắm. Đây là Huỳnh Huệ Mẫn vì cháu như một bông hoa huệ, còn đây là Huỳnh Hòa Bình với mong ước tất cả được sống trong hoà bình...". Nhìn Tiểu Hương rạng rỡ trong vòng tay của các em nhỏ mồ côi, tàn tật, tôi thầm nghĩ cô đúng là một phụ nữ đặc biệt, người phụ nữ Việt Nam làm rung động trái tim mọi người.

Bản sao

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 3 (6.2008).

TÍN NGHĨA 20 NĂM XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

Ngọc Duy – Đức Hồng

Từ một doanh nghiệp có số vốn ít ỏi (khoảng 15 triệu động), lao động chỉ vỏn vẹn 10 người, cơ sở vật chất kỹ thuật hầu như không có gì, đến nay tổng tài sản của công ty đã đạt gần 3.000 tỷ đồng, với hơn 30 công ty con và công ty liên kết phối hợp nhuần nhuyễn. Tín Nghĩa nằm trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

QUA RỒI NHỮNG NGÀY GIAN KHỔ

Công ty TNHH Tín Nghĩa (Đồng Nai) được thành lập ngày 7-9-1989. Những ngày đầu mới thành lập, công ty gặp vô cùng khó khăn. Có những thời điểm như sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 và kéo dài trong nhiều năm. Lúc đó đầu tư vào Khu Công nghiệp ngưng trệ. KCN Nhơn Trạch 3 (tức KCN đầu tiên của Tín Nghĩa) không triển khai được gì, giá cà phê xuống thấp "kỷ lục" khiến việc xuất khẩu cà phê thua lỗ lớn. Tư tưởng cán bộ, nhân viên có phần dao động, nhiều ý kiến đã đề nghị "bán" KCN Nhơn Trạch 3 với giá 5 tỷ đồng để có vốn kinh doanh.

Tuy nhiên, nhờ lòng kiên trì, sự bền chí và những bước đi táo bạo của các nhân vật "đầu tàu" nên Tín Nghĩa vẫn trụ vững. Tại cuộc họp chi bộ Đảng lúc đó, lần đầu tiên ban lãnh đạo đã tán thành ý kiến thiểu số "thắng" đa số, không đồng ý "bán non" KCN rộng hơn 350ha này. Nhờ quyết định ấy mà khi cơn khủng hoảng tài chính được phục hồi năm 2001, cơ hội đã đến với Tín Nghĩa khi nhiều nhà đầu tư nước ngoài đổ vốn vào Việt Nam. Năm 2002, công ty đã có thể cho thuê toàn bộ KCN Nhơn Trạch 3. Từ đây, những khó khăn được khắc phục và công ty bắt đầu tăng trưởng nhanh, mạnh.

Nắm bắt từng cơ hội phát triển nền kinh tế quốc gia và xu hướng trên thế giới mà công ty chú trọng đầu tư vào những ngành, những lãnh vực với tỷ trọng khác nhau. Vào những năm 1989-1995, Tín Nghĩa tập trung vào thương mại và xuất khẩu gỗ. Năm 1996-2001, Tín Nghĩa quan tâm đến xuất khẩu cà phê và kinh doanh nhập khẩu. Sang giai đoạn 2002-2005, công ty lại tập trung đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh xăng dầu, đầu tư KCN, đồng thời chuyển sang đầu tư bất động sản, khai thác nguyên, vật liệu xây dựng, khởi động các ngành dịch vụ như logistics, du lịch, y tế, giáo dục... Và tất cả đều đã mang lại những kết quả rất khả quan. Tính đến nay, tổng doanh thu của Tín Nghĩa là gần 17 ngàn tỷ đồng.

KHÔNG NGỪNG KHẲNG ĐỊNH ĐẲNG CẤP

Có thể nói Tín Nghĩa như một con tàu đang tiến ra biển lớn. Bởi sau 20 năm, Tín Nghĩa đã là một tên tuổi lớn của quốc gia, đã đứng vào Top 200 doanh nghiệp lớn nhất nước, theo đánh giá của ban UNDP. Công ty đã có quy mô sản xuất - kinh doanh đa ngành, đã vươn tới những lĩnh vực kinh doanh đòi hỏi trí tuệ và sự chuyên nghiệp để hội nhập với nền kinh tế quốc tế, Tín Nghĩa đã trở thành nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN; kinh doanh bất động sảnvới các khu dân cư đô thị mới và khu kinh doanh thương mại, resort; kinh doanh xăng dầu, kinh doanh đá Granite, nông sản và dịch vụ logistics, tài chính - ngân hàng...

Nhiều dự án mới và sắp sửa được khởi công hy vọng sẽ đem lại những tiềm năng mới cho nền kinh tế ở nhiều vùng. Tháng 8 vừa qua, Tín Nghĩa bắt đầu khởi động các dự án Khu đô thị Đông Sài Gòn quy mô hơn 900ha, tổng vốn đầu tư 6 tỷ USD. Dự kiến năm 2010, tiếp tục khởi công xây dựng; Chung cư cao cáp Quang Vĩnh (Biên Hòa), tổng vốn đầu tư 600 tỷ đồng; diện tích sử dụng gần 58.000m^2; KCN Ông Kèo (huyện Nhơn Trạch) với diện tích toàn khu là 856ha, tổng vốn đầu tư 1.800 tỷ; KCN An Phước (huyện Long Thành) diện tích 201ha, vốn đầu tư dự kiến 600 tỷ. Năm 2010 sẽ hoàn thành công tác bồi thường và bắt đầu khởi công hạ tầng. KCN Nhơn Trạch 6: giai đoạn đầu khoảng 180ha , đã thi công san lấp năm 2009, từ năm 2010 khởi công xây dựng hạ tầng Khu dịch vụ du lịch Cù LaoTân Vạn, Tổng kho xăng dầu Phú Hữu...

Tín Nghĩa còn dự tính đến năm 2011, khởi công các dự án: Tổng kho logistic Nhơn Trạch tổng diện tích 70ha, Trung tâm chẩn đoán y khoa (Biên Hòa) tổng vốn đầu tư gồm xây dựng và thiết bị hơn 500 tỷ đồng.

Đến năm 2015, dự kiến các "đại công trình" sẽ đi vào khai thác toàn phần hoặc khai thác theo phương thức "cuốn chiếu", khi đó sẽ tạo một nguồn lực đáng kể cho giai đoạn tăng trưởng mới. Hiện nay, toàn thể lãnh đạo và CBCNV của Tín Nghĩa đang hướng tới năm 2015 sẽ trở thành tập đoàn kinh tế mạnh của đất nước. Bên cạnh chú trọng phát triển để không ngừng lớn mạnh, Tín Nghĩa đã thường xuyên làm tốt công tác từ thiện – xã hội. Ngày 7 tháng 9 vừa qua, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, Tín Nghĩa đã trao tặng cho huyện Long Thành ngôi trường mẫu giáo đạt chuẩn quốc gia. Trường được xây dựng trên diện tích 15.272m^2 tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trường gồm có 1 trệt, 1 lầu với các khối lớp học, khối hành chính, khối phục vụ. Các thiết bị nuôi dạy trẻ được trang bị đầy đủ. Tổng vốn

đầu tư Tín Nghĩa đã xây dựng cho trường này hơn 20 tỷ đồng. Quy mô của trường mẫu giáo này có thể tiếp nhận 500 trẻ. Cũng trong dịp này, Tín Nghĩa đã ủng hộ 4 xe cứu thương cho đồng bào các huyện vùng sâu, vùng xa và có khó khăn là Tân Phú, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch và Cẩm Mỹ.

Một điều đặc biệt vinh dự với Tín Nghĩa đó chính là Tỉnh ủy Đồng Nai đã chấp thuận cho Tín Nghĩa chuyển sang hoạt động theo mô hình Tổng công ty Tín Nghĩa từ quý II năm nay. Tổng công ty sẽ có 8 công ty sở hữu 100% vốn 11 công ty sở hữu trên 50% vốn, 11 công ty sở hữu dưới 30% vốn và 2 ngân hàng VPBank, Đại Á Bank. Dự kiến vốn điều lệ của tổng công ty Tín Nghĩa giai đoạn đầu là 1.500 tỷ đồng.

Phát biểu trong buổi lễ kỷ niệm 20 năm xây dựng thương hiệu, ông Quách Văn Đức – Tổng giám đốc Công ty Tín Nghĩa nói: *"Tín Nghĩa đang vươn mình lên tầm cao mới, ngày một vững vàng hơn theo hướng phát triển đa ngành. Tuy nhiên, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực không có nghĩa là "đụng gì làm nấy" mà công ty luôn có chiến lược rõ ràng, bước đi cụ thể".*

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 34 (10.2009).

KHÁT VỌNG LÀM GIÀU CỦA MỘT DOANH NHÂN TRẺ

**Nguyễn Quang Tám*

Tốt nghiệp suất sắc khóa lập trình viên quốc tế, chàng trai trẻ chính gốc người Quảng Trị trở về Đông Hà làm trung tâm xử lý sự cố máy tính, kinh doanh các thiết bị điện tử, điện lạnh, máy vi tính văn phòng... và sàn giao dịch vàng châu Á (Asia Gold). Đó là Đào Duy Tân, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Tân (469 Hùng Vương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị).

BẢN LĨNH, TỰ TIN

Sinh ra trong thời kỳ đổi mới, ngay từ nhỏ, Đào Duy Tân đã sớm bộc lộ bản năng của một nhà kinh doanh. Lớn lên, ngoài việc học, Tân mày mò nghiên cứu các tài liệu, tạp chí và các bài viết trên báo về các doanh nhân, gương sản xuất giỏi để tìm tòi, học hỏi các kinh nghiệm và ước mơ sau này sẽ làm một nhà kinh doanh, làm giàu trên chính mảnh đất mình sinh ra.

Ra trường, Tân được nhiều công ty và cơ quan mời về công tác.

Nhưng Tân một mực từ chối vì cho rằng làm việc trong các cơ quan nhà nước hay các công ty mình đều phụ thuộc, không có điều kiện để phát huy những sáng kiến đã học. Với khát vọng tuổi trẻ thời hội nhập, Tân quyết định trở về Đông Hà để thành lập công ty do chính mình quản lý, điều hành.

DN&PL: Vì sao Tân chọn sản phẩm kinh doanh của mình là máy tính và các thiết bị điện tử, chứ không phải là các mặt hàng khác?

Đào Duy Tân: Mình học Công nghệ thông tin, nên kinh doanh ngành mình đã học là một lợi thế. Từ suy nghĩ, tại sao người Quảng Trị muốn có một chiếc máy tính thì phải vào tận Huế hoặc Đà Nẵng để mua, khi máy bị sự cố phải vượt hơn 100km để sửa chữa, rất tốn kém. Trong khi đó tại Quảng Trị, Đông Hà – một thị trường lớn không có một trung tâm mua bán, sửa chữa và bảo hành nào đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu người dân. Mình muốn khẳng định tại mảnh đất đầy nắng và gió này là một trung tâm xử lý sự cố máy tính và các thiết bị điện tử khác không thua kém với bất kỳ địa phương nào.

UY TÍN, CHẤT LƯỢNG

Bản sao lưu trữ

Trên thị trường hiện nay xuất hiện nhiều hãng máy tính nổi tiếng thế giới, tại sao Thanh Tân không chọn các mặt hàng này kinh doanh mà chọn hãng máy tính sản xuất ở Việt Nam?

Với phương châm "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam". Các sản phẩm của công ty Thanh Tân chủ yếu là dòng máy tính được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam, Thanh Tân là đại lý độc quyền tại Quảng trị mua bán, bảo hành sản phẩm của Công ty HueTronic - sản phẩm máy tính mang thương hiệu VietCom.

Trên thị trường hiện nay xuất hiện nhiều hãng máy tính nổi tiếng nhưng có giá rất cao, người tiêu dùng đa số là công chức, giáo viên, học sinh, sinh viên... muốn sở hữu một máy tính xách tay thì phải bỏ ra một khoản tiền rất lớn. Trong khi đó sản phẩm bán tại Thanh Tân người mua chỉ cần bỏ ra 12 triệu đồng là có thể sở hữu một chiếc máy tính hợp túi tiền mà chất lượng không thua kém bất kỳ một sản phẩm nhập ngoại nào.

Thanh Tân có một đội ngũ kỹ sư hướng dẫn và xử lý các thiết bị hoàn hảo không chỉ máy tính mà còn nhận cung cấp, lắp đặt hệ thống camera giám sát, đưa ra các giải pháp an ninh mạng cho khách hàng.

Là một Giám đốc trẻ, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ngoài tri thức đòi hỏi phải có kinh nghiệm thực tiễn, vậy làm thế nào để Tân khẳng định được thương hiệu của mình?

Để khẳng định thương hiệu trên thị trường, Thanh Tân lấy uy tín và chất lượng sản phẩm đặt lên hàng đầu. Đó là bán đúng giá, đúng hàng, đúng chất lượng và khắc phục, xử lý sự cố kịp thời khi khách hàng yêu cầu. Bên cạnh đó, việc tuyển chọn nhân viên vào làm việc tại công ty rất nghiêm ngặt. Trước hết họ phải có trình độ đúng chuyên ngành, có lòng nhiệt huyết gắn bó lâu dài với công ty, xem công việc mình làm là mang lợi ích cho chính bản thân và khách hàng. Sau khi tuyển dụng, nhân viên được ra Hà Nội để thực tập một số Trung tâm lớn để học hỏi, nắm bắt các khoa học công nghệ tiên tiến. Với đội ngũ 20 nhân viên, tuổi đời chưa quá 25, Thanh Tân xem đây là một thế mạnh để phục vụ khách hàng tối ưu nhất. Muốn khẳng định thương hiệu trước hết doanh nghiệp phải tự khẳng định mình bằng uy tín và chất lượng.

Tại Quảng Trị , đây là sàn giao dịch vàng thứ hai, Tân có thể cho biết vài nét về sàn giao dịch vàng tại công ty Thanh Tân?

Công ty TNHH MTV Thanh Tân là đại lý nhận lệnh độc quyền và triển khai công nghệ sàn vàng dưới sự ủy quyền của công ty cổ phần vàng châu Á

(Asia gold), với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, trang thiết bị hiện đại và hệ thống kết nối thông tin tốc độ cao sẽ đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Tất cả các tổ chức, cá nhân đều được tham gia đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Khi đến giao dịch khách hàng chỉ cần ký quỹ 5%, mức giao dịch thấp nhất là 6 triệu đồng. Ngân hàng TMCP Hàng Hải cam kết cho vay để giao dịch với hạn mức là 10 tỷ đồng trong thời hạn 12 tháng.

Khi đến giao dịch, khách hàng sẽ được trung tâm tư vấn khi nào thì nên lướt sóng để giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra vào các tối thứ sáu hàng tuần Công ty sẽ tổ chức các buổi họp mặt để những người chơi trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và nhân viên trong Công ty lắng nghe ý kiến đóng góp của người chơi để phục vụ tốt hơn.

KHÁT VỌNG VÀ TÂM HUYẾT VỚI QUÊ HƯƠNG

Là một người con rất tâm huyết với quê hương Quảng Trị, muốn Quảng Trị sánh vai cùng các tỉnh bạn, Tân có thể cho biết những khát vọng của mình sẽ làm gì để cùng với cộng đồng các Doanh nghiệp đưa Quảng Trị cùng phát triển?

Kinh doanh thiết bị điện tử, vi tính văn phòng đòi hỏi có một lượng khách hàng lớn, vì vậy Thanh Tân sẽ sẵn sàng hợp tác với các tổ chức, cá nhân liên doanh xây dựng các trường học, đặc biệt xây dựng một trường Đại học tư thục đầu tiên tại TP. Đông Hà. Trong thời gian tới sẽ xúc tiến liên doanh với các công ty máy tính lớn để sản xuất dòng máy tính Netbook và các linh kiện điện tử khác tại Quảng Trị.

Công ty sẽ mở chi nhánh tại Lao Bảo để xuất khẩu thiết bị sang nước bạn Lào và các nước khu vực Đông Nam Á. Mục đích của Thanh Tân là kêu gọi đầu tư vào Quảng Trị, giúp kinh tế tỉnh nhà phát triển.

Trên thực tế người Quảng Trị không thiếu nhân tài, nhưng để có người tài về làm việc cho công ty, Thanh Tân đã có kế hoạch tuyển chọn. Sắp đến Công ty sẽ làm việc với trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng để tìm những học sinh có kết quả học tập xuất sắc trong các lĩnh vực mà Công ty kinh doanh để trao tặng học bổng. Khi các em ra trường, Công ty sẵn sàng đón nhận các em về làm việc với mức lương xứng đáng.

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 37 (20.11.2009).

Bản sao lưu trữ

NGƯỜI LÀM NÊN THƯƠNG HIỆU CỦA MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC

*Nguyễn Đức Ba

Nhà giáo ưu tú – TS. Trần Hành, Hiệu trưởng trường Đại học Lạc Hồng vừa được - Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen nhằm ghi nhận công lao đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục và các công trình nghiên cứu khoa học của ông, trong đó có robot lau kiếng nhà cao tầng là đề tài gây tiếng vang. Đại học Lạc Hồng đã chuyển giao nhiều sản phẩm công nghệ cho các doanh nghiệp với tổng giá trị gần 14 tỷ đồng. Quá trình lao động không mệt mỏi, TS. Trần Hành đã truyền đạt kiến thức khoa học cho nhiều thế hệ đi sau và các học trò của thầy đã làm nên nhiều việc có ích cho xã hội góp phần xây dựng đất nước.

CÂY CỔ THỤ MỌC TRÊN VÙNG ĐẤT CẰN CỖI

TS. Trần Hành sinh năm 1947, tuổi Đinh Hợi, sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, là con thứ 8 của một Bà mẹ Việt Nam anh hùng, quê hương của Tiến sĩ Trần Hành tại làng Nhĩ Hạ, xã Gia Thành, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, cái làng nửa đất cát, nửa đất thịt, mưa thì rét, nắng thì nóng và gió, được xem là làng nghèo đất nước Việt Nam thời bấy giờ. Lo cho cái ăn đã khó huống hồ chi nói đến chuyện học hành, thế nhưng cậu học trò nhỏ Trần Hành cách đây hơn 50 năm không chịu khuất phục cái đói, cái rét và chiến tranh ác liệt trên vùng chiến tuyến để đi tìm con chữ bằng ý chí và nghị lực. Trần Hành đã thực hiện được hoài bão của mình để trở thành một nhà giáo, một nhà nghiên cứu khoa học rất tiềm năng đã từng làm việc tại các nước Tây Âu và viện Công nghệ thông tin. Cho đến hôm nay, TS. Trần Hành đã truyền đạt cho sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng có một kiến thức vững vàng sau khi tốt nghiệp. Thầy cũng là một trong những người con đã làm rạng danh làng Nhĩ Hạ nói riêng và của mảnh đất Quảng Trị nói chung.

11 NĂM LÀM NÊN HỌC HIỆU....

Từ ngày trường Đại học Lạc Hồng thành lập cho đến nay, TS. Trần Hành đã đảm nhiệm chức Hiệu trưởng và Chủ nhiệm nhiều đề tài khoa học lớn. Với vai trò là người lãnh đạo, bản lĩnh trung thực nghiêm minh trong công việc và hướng nghiệp cho các lớp đàn em, thầy được tôn vinh như là người

anh cả trong một đại gia đình giáo dục để cùng nhau đoàn kết, ra sức, truyền đạt kiến thức cho sinh viên bởi sinh viên đến học tại Trường Đại học Lạc Hồng tất cả đều phải nghiên cứu khoa học. Cầm tấm bằng có giá trị vĩnh cửu, đội Robocon của sinh viên ĐH Lạc Hồng đã vào vòng chung kết tranh tài cấp quốc gia sắp tới. Nhiều lớp sinh viên đi thực tập cũng được các doanh nghiệp trả lương chứng tỏ rằng TS. Trần Hành và các thầy cô cũng như sinh viên đã làm nên một học hiệu vững chắc của nhà trường.

ĐỂ TRỞ NÊN PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Trong lãnh vực giáo dục - đào tạo, ĐH Lạc Hồng đã tổ chức thi tuyển hẳn hoi, các thí sinh trong cả nước đổ dồn về thi tuyển chứ không như lối suy nghĩ thực dụng của một số người trước đây "ác miệng" cho rằng: vào ĐH Lạc Hồng chỉ cần vài ba điểm cũng đậu tuốt là chuyện sai lầm lớn. Môi trường ĐH Lạc Hồng có một sự giáo dục đạo đức nhân cách sống lành mạnh và học tập cho sinh viên đạt chất lượng cao. Mỗi sinh viên là mỗi chương trình nghiên cứu khoa học và người dẫn dắt "con tàu" là TS. Trần Hành bởi ông cũng lấy làm tự hào rằng: con số hiện nay hơn 16 ngàn sinh viên không phải là nhỏ so với các trường ĐH khác trong cả nước và niềm vui đến với ông liên tục như: sinh viên ĐHLH sau khi ra trường đều có một vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp mà họ rất đặt niềm tin vào các cử nhân này vì họ khỏi phải tốn thời gian đào tạo lại bởi sinh viên học tại ĐH Lạc Hồng đều được học và hành thực thụ. Ngoài ra ĐH Lạc Hồng còn ký kết liên kết đào tạo với các trường ĐH các nước và gởi sinh viên đào tạo giai đoạn 2 ở Mỹ, Anh, Malaysia, Singapore... và xây dựng một khu ký túc xá sinh viên an toàn, văn minh và không có tệ nạn xã hội, sinh viên rất an tâm ăn ở để học tập, đã được Bộ công an chọn báo cáo điển hình.

TRÁI TIM CỦA TIẾN SĨ HƯỚNG VỀ CỘI NGUỒN

Trong dịp gần đây, TS. Trần Hành đã ủng hộ cho Hội Khuyến học tỉnh Quảng Trị 1 tỷ đồng. Số tiền này đã cưu mang cho biết bao em học sinh, sinh viên nghèo của tỉnh có đủ điều kiện đến trường. Hàng năm vào ngày 27-7, TS. Trần Hành đã tìm về với cội nguồn nơi mà gia đình ông có tới 4 người anh em liệt sĩ đã ngã xuống góp phần cho đất nước được tồn sinh, thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn, thăm lại mái trường xưa mà ông không khỏi chạnh lòng bởi chim có tổ, người có tông, người con của làng ***Nhĩ Hạ*** năm xưa và hôm nay đã trở về với tiếng gọi quê hương. Ông đã trở thành nhà nghiên cứu khoa học khá nổi tiếng, người thầy mẫu mực luôn coi học trò chính như con đẻ của mình và học trò nghèo của tỉnh Quảng Trị cũng được nhận hàng trăm suất học

bổng do ông trao tặng nhằm tiếp sức cho các em. Ngoài ra, ông cũng giúp tỉnh Quảng Trị ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan.

Chúng tôi thấy bảng lịch ghi công tác của TS. Trần Hành hầu như không có ngày chủ nhật và lúc nào ông cũng bận rộn với công việc nên tiếp xúc với cánh báo chí khoảng vài phút là thời gian vàng ngọc nhất. Bởi cái tâm của TS. Trần Hành là một đời nhiệt huyết sáng tạo nghiên cứu khoa học và giáo dục để làm nên một học hiệu và phát triển thương hiệu của Đại học Lạc Hồng nên trong thời gian vừa qua nhà trường đã được Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ. Có thể nói rằng: TS. Trần Hành là một doanh nhân thành đạt trong ngành kinh doanh trí thức cho xã hội mà điều ông cảm thấy hạnh phúc nhất là đào tạo ra một đội ngũ trí thức để phục vụ cho xã hội nhằm góp phần xây dựng đất nước trên đường phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 24 (5.2009).

NGƯỜI LÀM NÊN THƯƠNG HIỆU 507

**Hồ Thu*

Đang rất thành công với cương vị Giám đốc Chi nhánh Cienco 5 tại Quảng Ninh với hàng loạt dự án giao thông, đô thị tại các thành phố biển, chấp hành lệnh của Tổng giám đốc Cienco 5, anh về Hà Nội gánh vác thêm nhiệm vụ Giám đốc Công ty xây dựng công trình 507. Dưới sự chèo lái của anh, con thuyền 507 đã vượt qua sóng gió, ra khơi bình an. Anh là Thân Hoàng, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc công ty XDCT 507, thuộc Tổng công ty XDCTGT 5.

Trao đổi với chúng tôi, Giám đốc Công ty XDCT 507, anh Thân Hoàng cho biết: 15 năm trôi qua, cá nhân anh và đơn vị đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, Tiền thân của công ty XDCT 507 bây giờ là Xí nghiệp đường bộ 507 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp quản lý đường bộ 5 với nhiệm vụ xây dựng và sửa chữa. Quốc lộ 12 và 26 tại tỉnh Đắk Lắk. Trải qua 15 năm xây dựng và trưởng thành, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, ở giai đoạn nào các thế hệ CBCNV của đơn vị cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Từ nhiệm vụ đảm bảo giao thông xây dựng các công trình cầu đường lớn nhỏ của đất nước đến việc đầu tư xây dựng các khu đô thị ở Quảng Ninh, Hà Nội... Đại bản doanh của Công ty XDCT 507 hiện nay không chỉ có ở Đắk Lắk, Quảng Ninh mà còn có trụ sở chính tại thủ đô Hà Nội. 15 năm qua, thương hiệu 507 ngày càng được khẳng định và tỏa sáng. Người có công chèo lái, xây dựng nên Công ty XDCT 507 những ngày đầu khó khăn gian khổ chính là anh Thân Đức Nam, Tổng giám đốc công ty XDCTGT 5 hiện nay.

Công ty XDCT 507 hiện nay có 7 phòng ban nghiệp vụ, 3 ban thi công, 7 chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc với tổng số 520 CBCNV với nhiệm vụ: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; sản xuất vật liệu giao thông; cung ứng xuất nhập khẩu vật tư thiết bị GTVT; xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; đầu tư xây dựng chuyển giao theo phương thức BOT các công trình giao thông, thủy điện, thủy lợi, điện, công nghiệp; kinh doanh dịch vụ khách sạn, lữ hành du lịch; đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị... Hiện nay, Công ty XDCT 507 đã vượt qua sóng gió, khẳng định được thương hiệu và đang trên đà rẽ sóng ra khơi. Thành công của Công ty XDCT 507 trong mấy năm qua, theo nhận định của nhiều người là những nhà lãnh đạo tiên nhiệm đã chớp đúng thời cơ, nắm bắt được thiên

thời, địa lợi, nhân hòa để đưa con thuyền 507 vượt qua sóng gió, tự tin ra biển lớn.

Dự án khu đô thị Cienco 5 tại Mê Linh, Hà Nội do Công ty XDCT 507 đầu tư đang là một trong những khu đô thị có sức hút lớn đối với các nhà đầu tư cho dù trong bối cảnh suy thoái kinh tế tài chính toàn cầu. Tiếp theo nhiều dự án tại Quảng Ninh, tại khu đô thị này, thương hiệu 507 tiếp tục được khẳng định và ngày càng tỏa sáng. Bởi thế, những nhà lãnh đạo ở Công ty XDCT 507 trước đây và Công ty XDCT 507 bây giờ đã không ngần ngại dùng ngay chính thương hiệu của Tổng công ty XDCTGT 5 – Cienco 5 để đặt tên cho khu đô thị "Khu đô thị Cienco 5 tại Mê Linh – Hà Nội". Chính thương hiệu này đã minh chứng cho sự an toàn, vững chắc của một khu đô thị lớn ở Thủ đô. Đem thương hiệu của Tổng công ty để đặt tên cho khu đô thị, những nhà lãnh đạo ở Công ty XDCT 507 đã tính toán, cân nhắc kỹ càng. Phải chăng vì thế mà khu đô thị mới này đã trở nên hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư, trong khi nhiều dự án bên cạnh nhiều năm vẫn ế ẩm. Khu đô thị Cienco 5 Mê Linh – Hà Nội rộng 67ha, là khu đô thị loại 1 nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển không gian Thủ đô Hà Nội giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2020. Khu đô thị này nằm giữa vành đai 3 và vành đai 4, cách trung tâm Hà Nội 21km, cách sân bay quốc tế Nội Bài 11km và cách cầu Thăng Long 5km. Đây là khu được mệnh danh là đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội với những lợi thế về kinh tế, thương mại, dịch vụ du lịch... Theo quy hoạch, tại đây sẽ xây dựng khu nhà ở, khách sạn, văn phòng cho thuê, bệnh viện, trường học, khu vui chơi giải trí. Hiện tại, giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành 90% khối lượng công việc, công tác giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 đang được tiến hành khẩn trương. Trong tương lai, đây sẽ là một khu đô thị chuẩn mực của Hà Nội.

Không chỉ thành công với lĩnh vực bất động sản, hàng loạt công trình giao thông cũng được hoàn thành, đó là các dự án R5-R6, Quốc lộ 10; Dự án ngã 5, đường Cát Bi – Hải Phòng; là công trình thi công cầu Mẫn Quang (Đà Nẵng); cầu Bạch Đăng (Bình Dương); cải tạo Quốc lộ 18 đoạn Mông Dương – Móng Cái; Đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương, Quốc lộ 27 Lâm Đồng... đã góp phần tạo nên thương hiệu 507. Cùng với đó là hàng loạt khu đô thị, khu công nghiệp như: Khu đô thị Cienco 5 Mê Linh (Hà Nội), Khu đô thị Bãi Muối Cao Xanh, Hà Khánh; Khu ao cá, Nam Sa To; Đường bãi biển, Tổ hợp văn phòng và chung cư Vựng Đâng (Quảng Ninh), Khu công nghiệp Việt Hưng...

Đi đến đâu, ấn tượng, thương hiệu Công ty XDCT 507 luôn tỏa sáng. Qua hàng loạt công trình dự án, Công ty XDCT 507 đã tiến nhanh, vượt qua

chặng đường khó khăn thử thách để đi lên vững chắc. Chính trong năm 2008, năm tưởng như khó khăn nhất thì Công ty XDCT 507 lại gặt hái được nhiều thành công hơn mong đợi. Công ty đã giành được nhiều phần thưởng cao quý, trong đó Cờ đơn vị dẫn đầu thi đua của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ GTVT và nhiều bằng khen của Bộ GTVT, Bộ LĐTB và XH, của UBND tỉnh Quảng Ninh, của Công đoàn GTVT VN. Riêng Giám đốc Thân Hoàng được tặng danh hiệu Chiến Sỹ thi đua ngành GTVT, được Chủ tịch nước trao tặng cúp Thánh Gióng và được tặng danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu toàn quốc 2008, được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen... Đến thăm CBCNV Công ty XDCT 507 mới đây, Chủ tịch Tổng liên đoàn LĐVN Đặng Ngọc Tùng và Chủ tịch Công đoàn GTVT VN Tạ Đăng Mạnh đã biểu dương khen ngợi sự nỗ lực cố gắng của CBCNV, đặc biệt là Ban giám đốc. Chính trong bối cảnh khó khăn của khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu, Công ty XDCT 507 đã lo đủ việc làm cho 100% CBCNV, với mức thu nhập bình quân đạt trên 3,5 triệu đồng/người/tháng.

Từng là một đội trưởng thi công, từng lăn lộn trên các công trường, đặc biệt là dự án lấn biển tại Quảng Ninh. Nhờ phấn đấu không biết mệt mỏi, vừa làm vừa học anh Thân Hoàng đã trở thành hoàn thành chương trình cử nhân kinh tế. Từ đội trưởng anh được đề bạt làm Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh rồi Giám đốc Công ty XDCT 507 hiện nay. Có lẽ chính từ một đội trưởng thi công công trình trở thành Giám đốc nên dường như anh nắm bắt được những suy nghĩ của từng CBCNV để cùng đồng lòng quyết tâm thực hiện thành công nhiều dự án. Vượt qua giông bão, Giám đốc Thân Hoàng đã chèo lái đưa con thuyền 507 rẽ sóng ra khơi, tài chính được cân đối, từng bước kinh doanh có lãi, hàng loạt dự án được triển khai từ Bắc vào Nam mang thương hiệu Công ty XDCT 507.

Sinh năm 1958 tại Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam, trong một gia đình nông dân thuần tuý. Tuổi thơ của anh Hoàng cũng đã trải qua những tháng ngày cơ cực, nghèo khó, chiến tranh, chia ly. Trưởng thành từ quân ngũ, ra quân làm công nhân, bôn ba qua nhiều nghề, từ than khoáng sản đến các công trình giao thông... Năm 2003 anh đầu quân vào Công ty XDCT 507. Từ công nhân trở thành đội trưởng, phó giám đốc rồi giám đốc, ở vị trí nào anh cũng thấm thía yếu tố con người, yếu tố nguồn nhân lực. Lập nghiệp từ hai bàn tay trắng, với sự thông minh, tính quyết đoán, nắm bắt được thời cơ, biết dùng người, Giám thốc Thân Hoàng đã cùng các cộng sự ở Công ty XDCT 507 thành công trên thương trường. Nếu ai đã một lần được gặp anh Thân Hoàng hẳn sẽ ấn tượng mãi với chất giọng xứ Quảng, cởi mở, dễ gần. Anh quan

niệm, dù ở cương vị nào cũng phải cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Có công nghệ mới, máy móc hiện đại, tài chính lành mạnh, nhưng nếu không quan tâm đến yếu tố con người thì không thể thành công.

Không chỉ là doanh nghiệp kinh doanh có lãi, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Công ty XDCT 507 còn luôn hướng đến cộng đồng và xã hội với nhiều hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa. Đạo lý uống nước nhớ nguồn đã trở thành nét văn hóa tiêu biểu của Công ty XDCT 507. Đối với anh Hoàng thì đó còn là sự tri ân đối với đồng đội và đất nước. Chính vì vậy, doanh nghiệp của anh luôn dẫn đầu trong các hoạt động xã hội, từ thiện. Tổng số tiền ủng hộ giúp đỡ các đối tượng chính sách trong ba năm gần đây của Công ty XDCT 507 lên tới hàng tỉ đồng.

Đánh giá về Công ty XDCT 507 và cá nhân vị giám đốc Thân Hoàng, ông Dương Việt Roãn, Phó tổng giám đốc Tổng Công ty XDCTGT 5 nhận xét: "Công ty XDCT 507 luôn là một đơn vị mạnh, đơn vị dẫn đầu của Cienco 5. Những lúc khó khăn nhất, Công ty XDCT 507 vẫn luôn là một điểm tựa an toàn của Cienco 5. Riêng giám đốc Thân Hoàng, anh là một người quyết đoán, thành công ở anh là sự năng động, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Nhanh nhạy với cơ chế thị trường, thu phục được lòng người... đã giúp anh và Công ty XDCT 507 đi từ thành công này đến thành công khác. Năm 2009, Công ty XDCT 507 phấn đấu đạt 160 tỷ đồng giá trị sản lượng, doanh thu đạt 156,3 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động đạt hơn 4 triệu đồng /người/tháng. Năm 2010 phấn đấu đạt 359 tỷ đồng giá trị sản lượng, 315 tỷ đồng doanh thu, thu nhập người lao động là 5 triệu đồng/ người/tháng...". Con tàu 507 đang trên hành trình vươn ra biển lớn. Và người làm nên thương hiệu Công ty XDCT 507 có phần đóng góp quan trọng của người thuyền trưởng: Giám đốc Thân Hoàng.

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 36 (5.11.2009).

Ngày 18-11-2009, tại Hà Nội, nhân dịp kỷ niệm 15 năm xây dựng và trưởng thành của CBCNV của Công ty XDCT 507 vinh dự đón nhận phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng nhì. Công ty Xây dựng công trình 507 được thành lập theo Quyết định số 2407/QĐ-TCCB-LĐ, ngày 21-11-1994 của Bộ trưởng Bộ GTVT, là doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập, trụ sở chính tại thành phố Hà Nội có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh trải rộng khắp cả nước. Hiện nay công ty có 7 xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc trú đóng tại nhiều tỉnh thành như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Đắk Lắk, ... Với bề dày truyền thống 15 năm xây dựng phát triển có hơn 500 người, trong đó 40% có trình độ đại học và sau đại học, công ty có lực lượng thiết bị máy móc hoàn chỉnh phục vụ thi công các công trình giao thông, dân dụng công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng. Từ năm 2005 đến nay sản lượng và doanh thu đều đạt trên 100 tỷ đồng. Tiến độ và chất lượng thi công các công trình luôn được các chủ đầu tư đánh giá cao, điển hình như các gói thầu ADB-1,2,3 thuộc dự án Nâng cấp và cải tạo quốc lộ 1A; dự án R5,R6-QL 10; dự án ngã 5 Cát Bi – Hải Phòng; gói thầu 51 tuyến tránh Thái Bình... Là doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, từ năm 2003 công ty đã mở rộng sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh địa ốc. Nhiều dự án địa ốc tại Quảng Ninh và Hà Nội đang được triển khai, đơn cử như: Khu đô thị Cienco 5 tại Mê Linh – Hà Nội; dự án khu đô thị Vựng Đâng, khu đô thị Cao Xanh – Sa Tô, khu đô thị Bãi Muối tại tỉnh Quảng Ninh... Tổng mức đầu tư tại các dự án địa ốc của công ty đã lên tới trên 1.000 tỷ đồng. Với tiêu chí "vững bước tương lai", CBCNV của Công ty XDCT 507 luôn nỗ lực phấn đấu trở thành đơn vị xây lắp hàng đầu, nhà đầu tư chuyên nghiệp trong tương lai.

Bản sao lưu trữ

NGƯỜI XÂY CHỢ ĐỒNG XUÂN Ở ĐỨC

**Vân Tùng*

Lần đầu tiên tôi gặp anh Nguyễn Văn Hiền – ông chủ của Trung tâm thương mại Đồng Xuân ở Đức trong buổi họp báo của chương trình Thương về quê Việt do Hội Doanh nghiệp Việt Nam tại CHLB Đức tổ chức nhằm quyên tiền ủng hộ quỹ Tấm lòng vàng. Chủ trì cuộc họp nhưng dường như anh kiệm lời hơn các cộng sự. Và chính sự kiệm lời của anh mà sau này có cơ hội gặp lại, tôi nhận ra đó chính là một "giá trị Việt".

QUYẾT ĐỊNH BÁM TRỤ

Một chuyến bay nối hai bờ Việt-Đức năm 1988 đã đưa anh chàng cán bộ của Công ty rau quả Ninh Bình, sang CHDC Đức làm đội trưởng đội xây dựng thuộc xí nghiệp xây dựng đóng tại thành phố Potsdam. Năm 1991, nước Đức thống nhất, xí nghiệp cũng phá sản. "không trở về tay không"! Suy nghĩ đó đã làm anh đưa ra quyết định trụ lại Berlin để làm ăn. Lăn lộn nơi đất khách quê người, anh cũng như những người đồng hương của mình phải tìm mọi nghề để có thể kiếm sống. Thời điểm đó buôn quần áo có lợi hơn cả. Một tấm bìa các tông rải trên vỉa hè và vài bộ quần áo – đó là tất cả những gì cho sự khởi đầu nghiệp thương gia của Nguyễn Văn Hiền. – ông chủ hai trung tâm thương mại lớn trên nước Đức mang thương hiệu Việt. Gió bụi vỉa hè đã cho anh thêm kinh nghiệm sống, anh bỏ vỉa hè, làm những chuyến hàng lớn từ Ba Lan về bán buôn cho người bán lẻ.

Đến những năm 90, việc bán buôn của anh cũng bị hạn chế chính bởi những Người Việt ở Đức chỉ làm ăn theo kiểu "thủ công", chưa tìm ra được chỗ đứng vững chắc cho thị trường. Anh quyết tâm đầu tư vào việc xây Trung tâm thương mại. Ban đầu là một trung tâm ở Leipzig, tiếp đó là ở Berlin. Rất may mắn, dù thời điểm đó cũng có không ít đại gia đầu tư vào lĩnh vực này, nhưng thành công đã thuộc về anh. Đồng Xuân là khu chợ lớn, khá nổi tiếng của người Việt tại Đức. Trung tâm ra đời vừa giúp bà con Việt Nam có chỗ kinh doanh buôn bán ổn định, vừa tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn người Việt Nam ở đây.

Ban đầu, Trung tâm thương mại Đồng Xuân của Nguyễn Văn Hiền ở Berlin chỉ là một địa điểm để tập trung việc buôn bán quần áo được thuê của một xí nghiệp thời CHDC bị phá sản. Đến năm 2003, khoảnh đất nhỏ không đáp ứng đủ nhu cầu cần một nơi giao thương của bà con người Việt, anh quyết

định đầu tư thêm, mua hơn 14ha đất trống của một ngân hàng và đầu tư 10 triệu euro xây 3 dãy nhà kinh doanh hiện đại cùng 3 nhà kho lớn cho thuê.

Đồng Xuân, niềm tự hào của cộng đồng tại Đức

Không chỉ có những trang thiết bị hiện đại đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Đức. Đồng Xuân center Leipzig, Đồng Xuân Berlin còn là "điểm đến" của thương gia và chính khách Việt Nam tại CHLB Đức cũng như của du khách Việt có dịp dừng chân tại Ber-lin hay Leipzig. "Tôi muốn người nước ngoài, đặc biệt là người Đức hiểu rằng người Việt cũng có chỗ kinh doanh hiện đại riêng của nình. Từ trước đến giờ, người Việt mình thường kinh doanh chủ yếu ở những khu nhà cũ, nhếch nhác, phần nào đưa ra hình ảnh không đẹp về người Việt Nam. Đồng Xuân không đơn thuần là nơi kinh doanh mà còn là địa chỉ văn hóa Việt Nam, niềm tự hào của tất cả cộng đồng." – Anh Hiền nói.

Cũng vì mục đích hướng tới cộng đồng người Việt nên ông chủ của Đồng Xuân đã tạo tối đa cơ hội cho người Việt khi đến kinh doanh tại đây. Anh đưa ra những chính sách rất rõ ràng đặc biệt ưu đãi đối với khởi nghiệp hoặc gặp khó khăn trong kinh doanh. Hiện nay, chỉ tính riêng trung tâm Đồng Xuân ở Berlin có hơn 200 doanh nghiệp thuê mặt bằng kinh doanh, Trong đó số doanh nghiệp Việt Nam chiếm khoảng 40%, còn lại là của Đức, Trung Quốc, Pakistan, Ấn Độ...

BẢN LĨNH CỦA MỘT CEO

Những thương vụ đổ bể; sự cạnh tranh tàn khốc của thương trường; cuộc đấu tranh sinh tồn của người Việt nơi đất khách... sẽ không thể kể hết những giọt đắng mà anh đã phải đối diện trong con đường khẳng định tên tuổi. "Tôi đã nhiều lần vượt qua cái chết chỉ trong gang tấc – anh tâm sự – Tôi đã nhận được những cảnh báo rợn người từ cảnh sát Đức rằng có người đang thuê giết tôi với giá 5 triệu Dmark. Có thời gian, cả tháng trời đầu óc tôi căng như một sợi dây đàn, luôn trong tư thế sẵn sàng tránh đạn, và không được phép về nhà theo yêu cầu của cảnh sát Đức. Tôi đã rất cám ơn cảnh sát Đức, cám ơn những người bạn, những người cộng sự đã bảo vệ và cho tôi thêm sức mạnh để tồn tại."

Được biết, trong thời gian tới, Nguyễn Văn Hiền sẽ tiếp tục mở rộng dấu ấn của người Việt trên đất nước Đức bằng những dự án lớn như phát triển trung tâm thương mại, xây dựng thêm 2 tòa nhà kinh doanh, trong đó 1 tòa nhà rộng 2.000m^2 cho Công ty Kaiser của Đức thuê bán đồ ăn; 1 nhà văn hoá

Việt Nam, một bệnh viện đông y với đội ngũ bác sỹ được đưa từ Việt Nam sang làm việc, 1 khách sạn 100 phòng để phục vụ các đoàn khách Việt Nam và nước ngoài. Đặc biệt, khách đến thăm trung tâm sẽ được ngắm 2 nhà sàn dân tộc thiểu số đưa từ Việt Nam sang để làm nổi bật văn hóa Việt. Vốn đầu tư những hạng mục này lên đến trên 30 triệu euro.

Tôi hỏi, đâu là bí quyết thành công của 1 thương gia? Anh cười nói: Miệt mài làm việc và sát cánh cùng cộng đồng bằng tất cả cái tâm của mình.

Khi đã khẳng định được thương hiệu Việt, giá trị Việt ở nơi đất khách quê người, trong những chuyến hồi hương, Nguyễn Văn Hiền luôn trăn trở về mảnh đất và con người nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Anh đã tổ chức nhiều cuộc vận động bà con doanh nhân ở Đức để quyên tiền giúp đỡ người nghèo trong nước, hay bà con gặp thiên tai lũ lụt... Hiện nay, cùng với các hội viên của Hội doanh nghiệp Việt Nam tại CHLB Đức mà anh giữ vai trò Chủ tịch Hội, anh đã nhiều lần về nước thúc đẩy các kế hoạch đầu tư cho quê hương. Mong muốn của anh là sẽ xây dựng một trung tâm thương mại lớn ở Hà Nội, xây dựng khu đô thị mang đậm phong cách Đức, hay thực hiện những dự án về trường học, bệnh viện... nhằm góp phần nâng cao đời sống cho cộng đồng ở quê hương.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 3 (6.2008).

NỮ GIÁM ĐỐC TẬT NGUYỀN & SÓNG GIÓ CUỘC ĐỜI

Ngọc Quý

Giấc mơ trở thành một giáo viên để đem lại cái chữ cho những trẻ em nơi quê nghèo được cô bé tật nguyền nuôi dưỡng từ những tháng ngày cơ hàn của tuổi thơ, Nhưng trớ trêu thay, đường đời quá đỗi chua cay. Có những lúc chị đã tìm đến cái chết, nhưng rồi lý tưởng sống lại nhen nhúm, thế là chị lại gượng lên để ngẩng đầu tự hào với số phận.

ƯỚC MƠ THÀNH MÂY KHÓI

Cái tên Vương Thiên Nga hay còn gọi là Vương Chi Lan đã không còn quá xa lạ với những ai quan tâm tới những con người vượt lên số phận. Sinh ra ở một vùng quê nghèo của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tuổi thơ của chị gắn với những ngày tháng lang thang và cơ cực cho nhà người. Đi ở hết chỗ này tới nơi nọ, làm thuê làm mướn không quản ngại điều gì miễn sao được đi học. Giấc mơ làm cô giáo trên bục giảng với chị như cái gì đó rất thiêng liêng. Đó là lý tưởng, là khát vọng sống cháy bỏng trong tâm hồn và ý chí của chị.

Dù vất vả thế nào chị cũng cố gắng học hành, buổi đi học, buổi về bôn ba bán vé số. Trời không phụ lòng và kết quả thật bất ngờ, chị đậu một lúc 3 trường. Chọn trường cao đẳng sư phạm, những tháng ngày trên giảng đường là những ngày cam go nhất, hết bán vé số lại nhảy dù đu xe trên nhiều tuyến để bán bánh kẹo cho khách kiếm tiền trang trải cuộc sống. Khó nhọc là thế, nhưng được học là niềm tự hào đối với cô bé tật nguyền đó.

Bao năm đèn sách chờ ngày thu hái, ước mơ đã gần trong tầm tay, chưa kịp thu nhận thì chợt vụt tắt, bởi cô không được đi thực tập. Cái lý do mà trường đưa ra là do chị bị tật nên không thể đứng lớp được. Nhận được tin sét đánh đó, chị ù tai, mắt hoa và thấy mọi thứ như đang sụp đổ. Hết chạy chỗ này, xin chỗ nọ để được thực tập ra trường, nhưng kết cục vẫn là sự im lặng. Giấc mơ cao cả ấy đã chấm hết trong cuộc đời của chị.

"Tôi suy sụp tinh thần và đầu óc quay cuồng không còn biết gì nữa. Sao người ta lại đối xử với tôi như thế? Sao ông trời không thương cho trót? Tôi đã cố làm lụng, chắt chiu để sắm được bộ áo dài dù rẻ tiền và xấu, nhưng tôi khát

Bản sao lưu trữ

khao đến cuồng nhiệt vì chỉ còn vài tháng nữa là mình sẽ thành một cô giáo. Vậy mà..."...chị nghẹn ngào và những giọt nước mắt lăn dài trên má.

Bao dự định đã tan thành mây khói, những ngày sau đó với chị dường như vô nghĩa. Chị không còn thiết sống trên cuộc đời và có lúc chị đã tìm tới cái chết để quên đi tất cả. Lang thang trên chiếc xe đạp mà không biết sẽ đi về đâu, cho đến gần tối thì thấy biển hiện ra trước mắt. *"Nhìn biển trong vô vọng, thấy mình chỉ là giọt nước giữa đại dương mênh mông ấy. Tôi dần ngâm mình vào biển, thế nhưng thần biển đã không bắt tôi phải chết"*. Cô lại trở về với cái dáng tiền tụy xiêu vẹo như một bóng ma không hồn. Cô cười lên như điên dại. Nhưng tất cả đã qua đi và cô lấy lại được tinh thần.

Những tháng ngày tiếp theo của chuỗi ngày dài cô lại tiếp sự nghiệp lang bạt đây đó để bán vé số, nhặt ve chai, làm thơ, viết báo, làm thuê làm mướn để mưu sinh. *"Ông trời không cho tôi chết, thì có buồn, có giận cũng chẳng giải quyết được gì nên tôi quyết tâm bằng lòng với điều ấy". Tích cóp mấy năm trời, chị mua được chiếc xe máy cũ và lao vào nghề xe ôm chạy khắp mọi nơi từ bến xe Miền Đông cho tới chợ Hòa Bình... Nhưng phận gái không thể chèo chống bằng những thanh niên trai tráng khác, hơn nữa thường xuyên bị các tay anh chị dằn mặt vì họ sợ mất mối làm ăn.*

ĐƯỜNG ĐẾN NIỀM VUI

Hết chạy xe ôm, chị đi tìm việc bán hàng, may mắn cho chị khi được bà chủ nhận làm ở shop thời trang chuyên bán quần áo. Thấy cô chăm chỉ, nhanh nhẹn và vui vẻ nên bà chủ rất tin tưởng. Chị được giao bán hàng, rồi tự thiết kế, quản lý gần như mọi việc trong cửa hàng đó. Nhưng niềm đam mê nghệ thuật lại đưa đẩy vào nghề làm phim hoạt hình cùng với một nhóm khác. Khi nhóm làm phim giải thể, chị gia nhập nhiều hội từ thiện, công tác xã hội, tham gia nhiều câu lạc bộ để chủ động hòa nhập cộng đồng.

Cái ngày nhớ nhất và vui nhất để lại nhiều ấn tượng nhất với chị bây giờ là lúc Câu lạc bộ Trái Tim Hồng ra đời năm 2005 do chị làm trưởng nhóm. *"Chỉ vỏn vẹn 10 thành viên, nhưng đó là những người cùng cảnh, những thân phận từng long đong khổ cực và thua thiệt trước phận đời nên dễ dàng đồng cảm, chia sẻ với nhau"*. Những thành viên trong câu lạc bộ được tập hợp từ nhiều địa phương khác nhau, nhưng họ đùm bọc nhau nâng niu và nương tựa vào nhau để vượt qua mọi khó khăn để có được như ngày hôm nay là Công ty TNHH SX –TM Trái Tim Hồng chuyên thiết kế các mẫu quảng cáo, logo, thiệp cưới, tranh ảnh, lịch xuân, in lụa...

Nói là công ty nhưng cả giám đốc lẫn công nhân mon men không dưới 10 người, họ là những cựu binh của CLB Trái Tim Hồng và tất cả đều trở thành công nhân của công ty. Không như những công ty bình thường khác, ở đây có nét đặc biệt là có giám đốc Vương Chi Lan tật nguyền và toàn bộ nhân viên cũng đều như thế, Họ không phân biệt đâu là chủ, đâu là tớ, mà ai có sở trường ở khâu nào thì làm ở khâu đó, rảnh lúc nào làm lúc đó và khỏe lúc nào làm lúc đó.

Tài sản duy nhất của công ty là một máy vi tính, một điện thoại bàn, một mặt bằng thuê mỗi tháng vài ba triệu đồng đủ để công nhân và giám đốc ngồi trệt giữa nhà cùng thiết kế, cùng làm với nhau. Hầu hết các em là câm điếc, tật tay chân... nên công việc đi lại và nhận biết khá khó khăn, vậy là mọi việc từ tìm đối tác cho tới thiết kế, mua bán sản phẩm, chị đều phải lo hết "*Tuy ngón tay, ngón chân của mình bị cụt gần như toàn bộ, nhưng mình có sức khỏe, đi lại vẫn bình thường nên những công việc đó không mấy khó khăn*"- chị Vương Chi Lan cho biết.

Ngoài việc chuyên thiết kế, công ty còn tận dụng thời gian để làm hoa giấy. Với công việc này đã tạo ra nhiều việc làm cho các em không phù hợp với thiết kế, in ấn. Dự định sắp tới của nữ giám đốc là sẽ đi vào thị trường hoa đất sét nhằm nâng cao trình độ nghệ thuật cũng như muốn gửi gắm cho đời những gì mình có thể.

Bước vào công ty ấy, khó ai biết được ai là chủ, đâu là tớ, vì họ cùng làm, cùng vui, cùng buồn, cùng ngồi ăn uống, trò chuyện với nhau như anh chị em trong một gia đình và tất cả đều cố gắng làm, cầu mong cho công ty mỗi ngày càng được đi lên.

Niềm vui lớn nhất với chị đó là những nhân viên của công ty sau khi về quê tự mở cho mình một cơ sở riêng và tự làm ăn rất tốt. "*Mình rất vui và hãnh diện khi các em đã biết vượt lên chính mình. Mỗi lần các em ở xa gọi điện thăm hỏi tôi lại trào nước mắt vì sung sướng và tự hào bởi các em đã không còn mặc cảm mà dám ngẩng mặt lên nhìn đời một cách tự tin*"- Chị Lan nói.

Để nói về chị, chúng tôi xin mượn lời của những nhân viên tại công ty. Chị Nguyễn Thị Quyết ở Tiền Giang tâm sự: "*Không một từ nào có thể diễn tả hết tấm lòng bao la của chị ấy. Tuy gặp rất nhiều khó khăn, nhưng chị đã động viên an ủi chúng em phải biết cách vượt qua mọi khó khăn. Chị cùng làm, cùng ăn, cùng ở với chúng em mà không nề hà hay phân biệt gì cả. Chị ăn gì, chúng em ăn nấy*". Nguyễn Minh Nhật ở Quận 10 đã không kìm được nước mắt khi nói về chị: "*Em thương chị ấy lắm, bao ước mơ dự định đều không thành. Giờ*

chị đã biết vươn lên để dẫn dắt, chị bảo chúng em không được đầu hàng số phận. Chị ấy thương chúng em lắm. Chúng em sẽ làm hết mình để không phụ lòng mong đợi của chị".

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 21 (3.2009).

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Đường Hồ Chí Minh

Lắp đặt mạng lưới điện quốc gia

Hầm đường bộ qua đèo Hải Vân

Bản sao lưu

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Sân vận động quốc gia Mỹ Đình

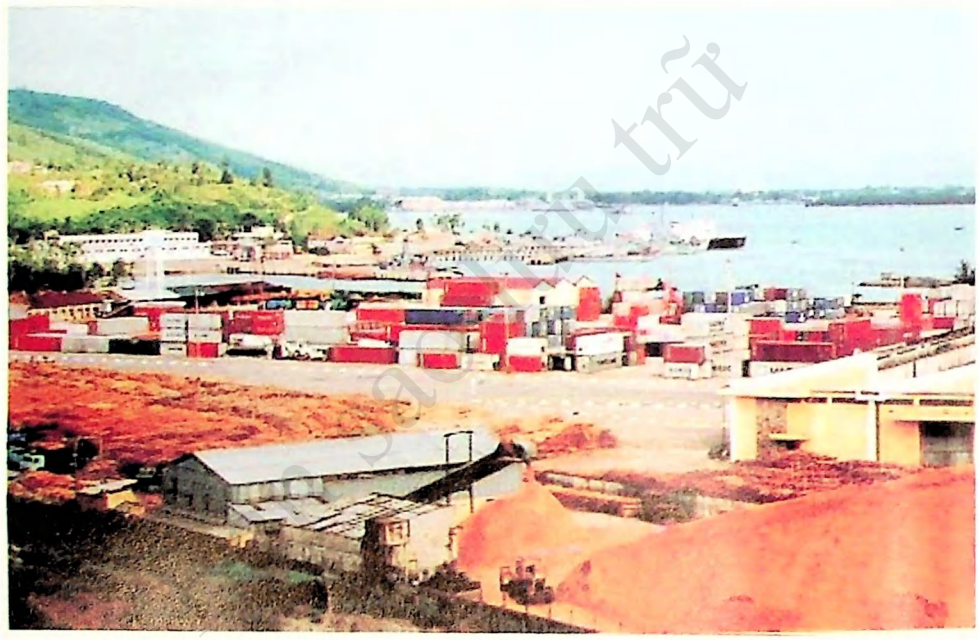

Cảng Tiên Sa - Đà Nẵng

Cảng Cái Lân

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Thủy điện Đại Ninh

Thủy điện Hòa Bình

Thủy điện Sê San 3

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Thủy điện Tuyên Quang

Thủy điện Ya Ly

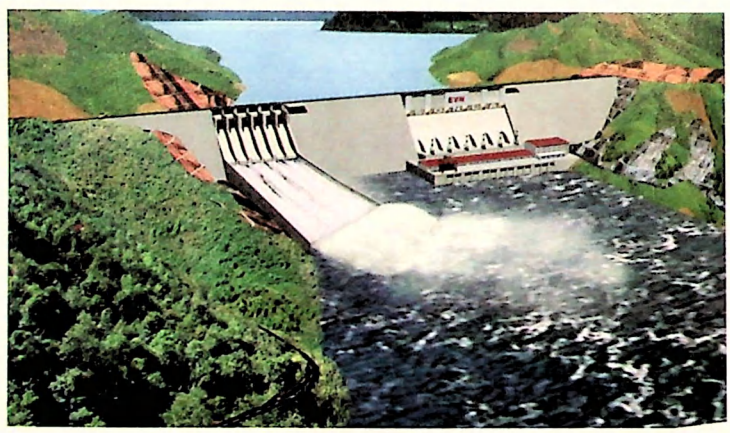

Thủy điện Sơn La

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Nhà máy nhiệt điện Uông Bí

Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả

Nhà máy điện Phú Mỹ

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Thủy điện Thác Bà

Giàn khoan dầu khí Vũng Tàu

Đường ống khí đốt Nam Côn Sơn

sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Nhà máy đóng tàu Vinashin

Đường dây 500 kV

Đường hầm Thủ Thiêm

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Tổ hợp Nhà máy điện - đạm Cà Mau

Cầu Kiền

Bản sao lưu

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Xi măng Nghi Sơn

Cầu Bãi Cháy

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

. Căn hộ cao cấp Sky Garden

Cầu Cần Thơ

Bản sao lưu

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Cầu Thanh Trì

Đường dây 550 kV Đà Nẵng-Hà Tĩnh

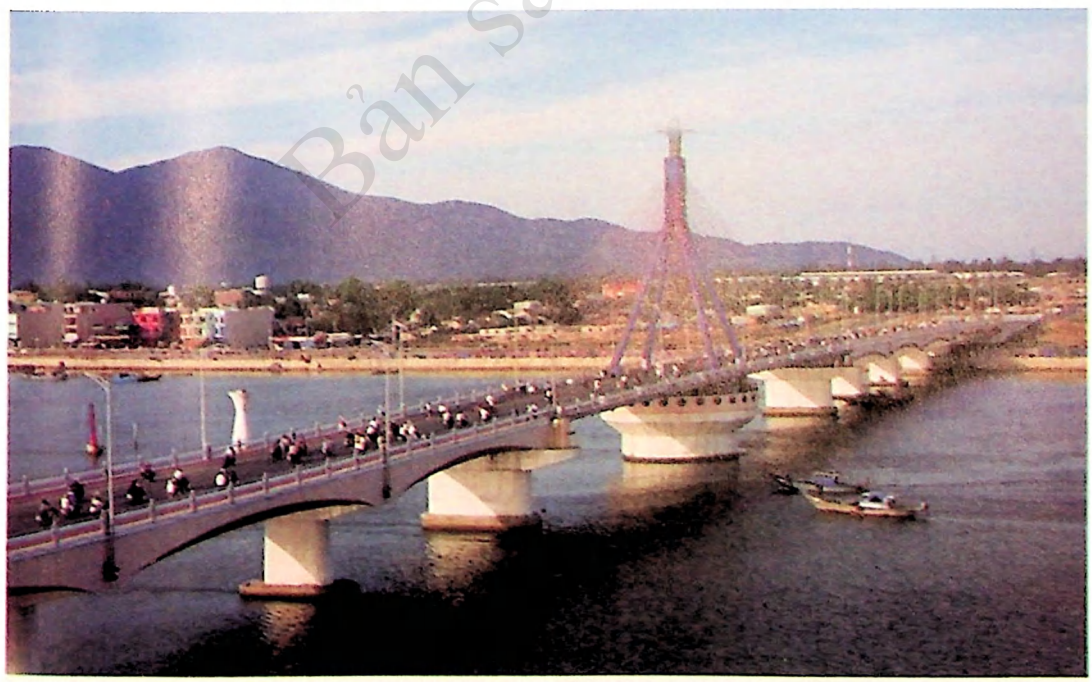

Cầu Sông Hàn - Đà Nẵng

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Cầu Chương Dương

Bản sao lưu

Cầu Vĩnh Tuy

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Sân bay Cam Ranh

Bản sa

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Cảng Bắc Ninh

Cầu Rạch Miễu

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Đường Láng - Hòa Lạc

Bản sao lưu trữ

HÌNH ẢNH NHỮNG CÔNG TRÌNH THÀNH TỰU TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Khu căn hộ cao cấp Cảnh Viên 2

Khu đô thị Phú Mỹ Hưng - Q.7 - TP.HCM

"SỐNG TRONG ĐỜI CẦN LẮM MỘT TẤM LÒNG..."

Hồ Thu Thủy

Trên các phương tiện thông tin đại chúng gần đây, nhân vật Thân Đức Nam, Tổng Giám đốc Tổng Công ty XDCTGT 5 (Cienco 5) được đề cập khá nhiều. Nào là người đã cứu Cienco 5 đi lên từ bên bờ vực phá sản, người tiên phong thực hiện nhiều ý tưởng táo bạo để đảm bảo đời sống việc làm cho 12.000 CBCNV, người luôn mang một nỗi niềm trắc ẩn làm gì để giúp người nghèo bớt khổ... Buổi truyền hình trực tiếp "Vinh quang Việt Nam" lần thứ VII mới đây, nhiều người đã cảm động khi nghe TGĐ Thân Đức Nam tâm sự vì sao Cienco 5 luôn làm việc thiện, tri ân những người đã hy sinh.

SỐNG TRONG ĐỜI CẦN LẮM MỘT TẤM LÒNG

Theo ông Vương Văn Việt, Tổng biên tập Báo Lao Động, chương trình "*Vinh Quang Việt Nam*" lần thứ VII đã vinh danh, cổ vũ và suy tôn 9 tấm gương bình dị mà cao quý, và một trong 9 nhân vật này có Thân Đức Nam, TGĐ Cienco 5. Một trong những người âm thầm làm việc, cống hiến, sẵn sàng hy sinh quyền lợi riêng, để cuộc sống của nhiều người ngày càng tốt đẹp hơn. Vượt qua mọi khó khăn, năm 2008 Cienco 5 đã đạt doanh thu 2.390 tỷ đồng, lãi trên 100 tỷ đồng. Nhưng điều quan trọng hơn là Cienco 5 đã hoàn thành, bàn giao nhiều dự án trọng điểm góp phần phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế. Sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đảm bảo việc làm và thu nhập cho12.000 CBCNV. Ngôi nhà Cienco 5 ngày càng phát triển, xây trên nền móng vững chắc.

Nhìn vào cơ ngơi bề thế của Cienco 5 hôm nay, ít ai ngờ rằng DN này đã có lúc đứng bên bờ vực phá sản. Trải lòng về những năm tháng thăng trầm đã qua. TGĐ Thân Đức Nam đã đúc kết những yếu tố thành công của mình là có một hướng đi đúng, một niềm tin vào con người và một chữ TÂM với đời. Thành công của sản xuất kinh doanh, Thân Đức Nam và đồng nghiệp của mình đã thực hiện được mơ ước giúp người nghèo khó. Anh thường nói: *"Giúp được ai đó vượt qua khó khăn là mình hạnh phúc..."*, Với sự đóng góp của CBCNV, năm 2008 Cienco 5 đã xây được 100 căn nhà tình nghĩa cho các cựu TNXP, đã hỗ trợ trên 400 triệu đồng cho nạn nhân trong vụ sập cầu Cần Thơ, đã quyên góp hàng tỷ đồng giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt, trong đó có việc tặng máy siêu âm, máy chạy thận cho các tỉnh Quảng Ninh và Phú Yên với tổng số

Bản sao lưu trữ

tiền hơn 2,5 tỷ đồng, Cienco 5 còn nhận phụng dưỡng suốt đời 10 bà mẹ VNAH, tham gia chương trình mua 100 con trâu ủng hộ cho bà con Miền Núi phía Bắc, đóng góp 3,5 tỷ đồng ủng hộ việc xây dựng bệnh viện ung bướu khu vực miền Trung Tây Nguyên; nhận chăm sóc 3 nghĩa trang liệt sỹ tại Quảng Bình, đã giúp đỡ 13 ca mổ tim trên toàn quốc với tổng số tiền gần 40 ngàn USD, Có thể nói suốt 4 năm qua, gần như không một hoạt động xã hội – từ thiện lớn và nhỏ nào trên phạm vi toàn quốc mà không có cá nhân TGĐ Thân Đức Nam cùng CBCNV của Cienco 5.

Ba năm qua, Cienco 5 đã tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm của Bộ GTVT và của các địa phương, đã bàn giao nhiều dự án, công trình lớn. Năm 2008, Cienco 5 cũng là đơn vị đầu tiên thực hiện 8 giải pháp để kiềm chế lạm phát của Chính phủ đề ra. Trong đó đặc biệt tiết kiệm chi tiêu, tổ chức thi công có hiệu quả các công trình trọng điểm. Bên cạnh thương hiệu trên thương trường, Cienco 5 còn quan tâm xây dựng một doanh nghiệp giàu tính nhân văn, một hình ảnh đẹp trong lòng mọi người.

THÂN ĐỨC NAM – NGƯỜI LÀM CIENCO 5 HỒI SINH

Sinh năm 1958 ở một vùng quê nghèo thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, cậu bé Nam cũng có tuổi thơ nhọc nhằn như bao đứa trẻ khác, chính vì vậy những năm tháng sau này khát vọng vươn lên thoát nghèo luôn cháy bỏng trong anh. Năm 1980 rời quân ngũ anh bắt tay vào sự nghiệp kinh doanh. Vừa làm vừa học. Năm 1992 , tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh, anh mở công ty TNHH Nam Việt Á, duyên phận đưa đẩy năm 2000 anh về làm Giám đốc Xí nghiệp 545 thuộc Cienco 5 từ đó đến nay. Đúng như những gì mà bạn bè, đồng nghiệp nhận xét về anh, người đàn ông bề ngoài có vẻ dung dị mộc mạc nhưng có lời nói chuyện thật cuốn hút. Tiếp xúc với anh, điều tôi nhận thấy ở anh là sự tự tin và từng trải. Một người luôn mang trong mình "máu kinh doanh", nhưng cũng ẩn chứa một "chữ tâm" trong sáng, giản dị. Với anh, kinh doanh thành công để có điều kiện làm được nhiều việc thiện, để tri ân đồng đội, những người đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nhiều người trong ngành GTVT vẫn nhớ, năm 2004, Cienco 5 đã ngấp nghé bờ vực phá sản. Nhiều cuộc họp, lãnh đạo Bộ GTVT đã đặt lên bàn cân cứu Cienco 5 – đơn vị có truyền thống Anh hùng bằng cách nào... và một trong những giải pháp được thực thi là bổ nhiệm Thân Đức Nam vào vị trí quyền Tổng Giám đốc Cienco 5. Nhận chức trong bối cảnh ngàn cân treo sợi tóc, Thân Đức Nam vừa vui vừa lo. Vui vì có điều kiện thực hiện ước mơ, hoài bão của mình. Lo vì tại thời điểm khó khăn này, mình có chèo lái đưa con thuyền

Cienco 5 cập bến an toàn. Và điều mà mọi người không thể ngờ, chưa đầy 3 năm sau, con thuyền Cienco 5 từ rệu rã, bên bờ vực phá sản trở thành một Tổng công ty mạnh trong ngành GTVT, Năm 2007, Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc đã xếp Cienco 5 đứng thứ 49/200 doanh nghiệp Việt Nam. Năm 2008 Cienco 5 đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất. Năm năm liền 2004-2008 được bình chọn là thương hiệu mạnh. Riêng Tổng giám đốc Thân Đức Nam đã ba lần được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba, từ năm 2004 đến nay liên tục được suy tôn là Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Doanh nhân tiêu biểu, Nhà quản lý giỏi...

Điều kỳ diệu đã đến, từ một đơn vị bị ngân hàng từ chối cho vay vốn, một Tổng giám đốc nhận chức trong bối cảnh đêm ngày bị chủ nợ réo gọi, đời sống việc làm của 60 đơn vị thành viên với gần 12.000 lao động bấp bênh... Từ 60 đơn vị sắp xếp lại còn 30 đơn vị, các đơn vị thua lỗ được nhập vào đơn vị làm ăn có hiệu quả. Cán bộ có tâm huyết, có năng lực được bố trí vào những vị trí thích hợp. Chiến lược *"bàn tay sắt, bàn tay sạch"* đã giúp Cienco 5 thành công bước đầu *"kinh doanh giống như chiến trường, nếu không giải quyết được khâu tổ chức, yếu tố con người thì sẽ thất bại"*. Bài học thu phục nhân tâm đã giúp Thân Đức Nam thành công. Ngôi nhà Cienco 5 đã được xây trên nền móng vững chắc để phát triển ổn định.

Nếu chỉ nhìn vào hiện nay, mọi việc sẽ thấy bình thường, nhưng việc đề bạt Thân Đức Nam vào vị trí ấy không ai khác là nguyên Bộ trưởng Đào Đình Bình. Ông là người đã nhận thấy sự sắc sảo, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm và đặc biệt là không sợ trách nhiệm ở Thân Đức Nam. Sau khi nghe Thân Đức Nam trình bày quan điểm trong việc cứu Cienco 5, Bộ trưởng đã đồng ý bổ nhiệm anh là Phó tổng giám đốc Cienco 5, kiêm Giám đốc Công ty 507. Lúc đó không ai nghĩ rằng chỉ 6 tháng sau Thân Đức Nam được bổ nhiệm quyền Tổng Giám đốc rồi Tổng Giám đốc Cienco 5.

Là người từng trải vì mưu sinh, đã đi qua những giờ phút gay go, khó khăn nhất, nên phải chăng vì thế mà anh luôn chăm lo cho mọi người. Với anh, kinh doanh thành công là để làm được nhiều việc thiện có ý nghĩa cho đời. Chưa đầy 4 năm, từ một đơn vị thua lỗ, nợ nần chồng chất, Cienco 5 dưới sự chèo lái của TGĐ Thân Đức Nam đã trở thành một Tổng công ty thành đạt, tiêu biểu. Tiếng vang về Cienco 5 ngày càng tỏa sáng vươn xa.

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 24 (5.2009).

THÀNH ĐẠT LÀ BIẾT CÁCH CHIA SẺ

**Hoàng Vũ*

QUÝ BÀ THÀNH ĐẠT TRƯƠNG THỊ TUYẾT NGA

Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh là bệnh viện đầu tiên của Việt Nam đạt chuẩn 5 sao của Tổng cục Du lịch và Bộ Y tế. Bác sĩ Trương Thị Tuyết Nga, Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc điều hành của bệnh viện này đã đoạt giải thưởng Doanh nghiệp và doanh nhân vì cộng đồng lần thứ 1 năm 2009; đoạt giải thưởng Doanh nghiệp và doanh nhân vàng Việt Nam năm 2009; đoạt giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam lần 1 và lãnh đạo xuất sắc năm 2009. Trong cuộc thi "Hoa hậu quý bà đẹp và thành đạt 2009" chị cũng đã vinh dự nhận giải "Quý bà thành đạt". Dưới đây là cuộc trò chuyện giữa DN&PL với doanh nhân Trương Thị Tuyết Nga.

Theo chị thế nào là một "quý bà thành đạt"?

Theo tôi, một quý bà thành đạt là một người phụ nữ cân bằng được thành công trong lĩnh vực gia đình và công tác xã hội. Trong gia đình, người phụ nữ đó cần phải biết cách chăm sóc để luôn tạo ra sự ấm cúng, vui vẻ, hạnh phúc, nuôi dạy con cái khỏe mạnh, ngoan ngoãn và chăm chỉ học hành, thành người có ích cho xã hội. Trong công việc thì người phụ nữ đó cũng là một người làm việc tốt, đóng góp cho sự phát triển của công ty, của xã hội và đất nước; tham gia các công tác xã hội – từ thiện để đóng góp một phần giảm bớt gánh nặng cho đất nước.

Là một quý bà thành đạt ngoài xã hội, nhưng trong gia đình chị là người thế nào?

Ngoài thời gian làm việc và tham gia các công tác xã hội, từ thiện thì gần như toàn bộ thời gian còn lại tôi dành để chăm sóc gia đình. Tôi cũng may mắn có được một gia đình hạnh phúc. Chồng tôi là một người biết thông cảm, anh luôn ở bên tôi động viên và chia sẻ với tôi trong những khó khăn cũng như những thành công trong cuộc sống. Tôi có hai con trai và hiện nay các cháu đang du học ở nước ngoài với mong muốn học hỏi được những kiến

thức mới và tiên tiến để trở về góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

Vậy trong những phẩm chất của một người phụ nữ, chị thích nhất điều gì?

Người phụ nữ Việt Nam từ thời Hai Bà Trưng, Bà Triệu đã có truyền thống "Anh hùng – Bất khuất – Trung hậu – Đảm đang", trong giai đoạn dựng nước và giữ nước cũng như trong thời kỳ phát triển kinh tế xây dựng đất nước thì người phụ nữ Việt Nam luôn có vai trò và những đóng góp lớn.

Trong những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam thì phẩm chất tôi thích nhất là lòng hy sinh, họ luôn đặt lợi ích của gia đình, chồng con, tập thể, công ty, xã hội và đất nước lên trên quyền lợi của mình.

Kinh nghiệm cuộc sống và thương trường có giúp chị thêm hy vọng và tự tin?

Kinh nghiệm thương trường trong kinh doanh là những kinh nghiệm hết sức quý báu và thực sự cũng giúp tôi tự tin hơn nhiều khi tham dự cuộc thi này.

Tham gia cuộc thi "Hoa hậu quý bà đẹp và thành đạt 2009" chị có mong muốn mình đoạt giải cao?

Tất nhiên khi đã tham gia một cuộc thi thì bất cứ ai cũng mong có giải, tuy nhiên như tôi đã nói ở trên tôi không đặt quá nặng vấn đề tranh giải, những mục tiêu chính của tôi khi tham dự cuộc thi này là: Được giao lưu và học hỏi thêm từ những quý bà thành đạt khác; khẳng định vai trò của người phụ nữ trong công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh và gia đình hạnh phúc; cuộc thi cũng là cơ hội để tôi có thể tham gia vào một số công tác xã hội – từ thiện mà tôi luôn mong muốn được góp một phần nhỏ của mình vào để giảm bớt gánh nặng xã hội.

Hình như công việc kinh doanh của chị đang vướng scandal?

Gần đây bệnh viện có cho thôi việc một nhân viên Phòng Chăm sóc khách hàng vì những hành vi vi phạm kỷ luật của bệnh viện như thường xuyên nghỉ việc không lý do, tháng cao nhất nghỉ việc không lý do 7 ngày, đi

Bản sao lưu trữ

trễ về sớm 89 phút, không chấm công đầy đủ đầu giờ và giờ về 12 lần (thực chất là đi trễ về sớm không thống kê được thời gian 12 ngày) mà theo luật chỉ cần 5 ngày công dồn trong 1 tháng là đã cho nghỉ việc được. Ngoài ra, nhân viên này còn gây mất đoàn kết nội bộ, gian lận, lợi dụng tín nhiệm của Ban Giám đốc nhằm chuộc lợi cá nhân (số tiền chúng tôi đã xác minh được với bằng chứng đầy đủ là 9.735.000 VND và chúng tôi đang xác minh thêm nhiều khoản tiền khác mà nhân viên này đã biến thủ); giả mạo chữ ký bác sĩ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh... Bản thân tôi đã cho chị ta nhiều cơ hội để sửa sai, tuy nhiên tôi rất buồn vì chị ấy đã không thay đổi, tiếp tục vi phạm kỷ luật công ty hết lần này đến lần khác, gây ảnh hưởng đến cả một tập thể.

Chị có sợ những "lời ong tiếng ve" làm ảnh hưởng uy tín công việc?

Tôi không hề lo lắng sự giảm sút lòng tin của khách hàng bởi vì chúng tôi đã làm đúng với cái "tâm". Cái xấu và cái ác sẽ không thể tồn tại được trong Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh, nơi chỉ có đội ngũ y bác sĩ giỏi tay nghề, giàu y đức và các nhân viên thân thiện chăm sóc bệnh nhân như người thân của mình.

Chị có yêu thích làm từ thiện?

Ngay từ nhỏ và khi còn ngồi ở giảng đường Đại học Y Dược TP.HCM, trong trái tim tôi đã chứa đựng một sự đồng cảm và xót thương những thân phận con người không may mắn trong xã hội, tôi luôn ấp ủ giấc mơ có thể làm được một điều gì đó cho những thân phận này.

Tôi cũng quan niệm thành đạt là biết cách chia sẻ trách nhiệm với xã hội, do đó tôi luôn mong muốn được tham gia các công tác từ thiện – xã hội. Tôi cùng Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh đã tham gia xây dựng nhà tình nghĩa cho nhiều gia đình trên toàn quốc; tổ chức khám chữa bệnh từ thiện cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, bà mẹ neo đơn và trẻ em khuyết tật; tham gia các chương trình mổ tim từ thiện, vòng tay nhân ái. Mới đây nhất, chúng tôi đã ủng hộ cho quỹ học bổng Vừ A Dính 200 triệu đồng và ủng hộ thuốc cho bệnh nhân Lào. Tôi rất hân hạnh được Hội Chữ thập đỏ TP.HCM trao tặng danh hiệu "Hoa việc thiện". Tôi luôn quan niệm rằng những việc mình làm được là quá nhỏ nhoi bởi xã hội còn nhiều người cần đến sự giúp đỡ và tôi mong muốn sẽ làm được nhiều hơn nữa, có nhiều người làm việc thiện hơn

nữa bởi việc tuy nhỏ như hạt cát nhưng nhiều người làm, làm nhiều lần để đến lúc nào đó biến thành sa mạc và xã hội bớt đi gánh nặng.

Chị có thể chia sẻ về dự định sắp tới của chị?

Mục tiêu quan trọng nhất đối với tôi hiện nay là đảm bảo và hoàn thiện chất lượng điều trị của Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh. Bên cạnh đó, tôi cũng sẽ dành thời gian nghiên cứu, xem xét và tính đến việc xây dựng hoặc mở thêm chi nhánh khác của Vũ Anh.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 34 (5.10.2009).

THÚY HẠNH:
DOANH NHÂN "CHÂN DÀI"

Trân Trân

Ngoài ba mươi, vừa đủ độ mặn mà xuân sắc của một người phụ nữ, với một gia đình nhỏ và một sự nghiệp kinh doanh đang trên đà phát triển, người mẫu Thúy Hạnh dường như đã tập trung ở mình đầy đủ yếu tố để được coi là một phụ nữ thành đạt. Hạnh phúc luôn cần có sự nỗ lực và vun đắp. Trân trọng và nâng niu từng góc nhỏ hạnh phúc của mình để có một cuộc sống hài hòa như ngày hôm nay, đó là điều mà Thúy Hạnh chia sẻ với DN&PL.

Vừa là người mẫu, vừa đảm nhận vị trí Giám đốc Elitte phía Nam, đôi khi "lấn sân" sang cả làm MC, ca sĩ, nay lại có cả một gia đình nhỏ để chăm lo, có khi nào Hạnh muốn "buông" một trong những vị trí xã hội để toàn tâm hơn trong vai trò người vợ, người mẹ không?

Thực ra công việc chính của Hạnh vẫn là giám đốc chuyên môn và quản lý khu vực phía Nam cho Công ty cổ phần giải trí Elitte Việt Nam. Việc làm MC cũng là một phần trong công việc hàng ngày của Hạnh nhưng cũng không mất quá nhiều thời gian và ca sĩ thì Hạnh không dám nhận, Hạnh chỉ tham gia hát với một vài ca khúc trong dự án từ thiện của ông xã thôi chứ chưa bao giờ có ý định lấn sân sang âm nhạc. Hạnh có nhiều dự định, nhiều khát vọng và mơ ước, nhưng cũng không quá tham lam. Vì hiểu rằng luôn phải dành những khoảng thời gian riêng để chăm chút gia đình nhỏ của mình, làm vợ và làm mẹ là thiên chức rất quan trọng của người phụ nữ và Hạnh luôn ý thức được điều đó, không khoảng thời gian nào hạnh phúc hơn thời gian bên chồng và con. Hạnh luôn trân trọng những khoảng thời gian tuyệt vời ấy.

Như vậy, Hạnh làm thế nào để cân bằng giữa vai trò xã hội và vai trò gia đình?

Như Hạnh đã đề cập ở trên, dù bận rộn nhưng vẫn phải có khoảng thời gian riêng cho gia đình, đó là nguyên tắc của riêng Hạnh. Theo Hạnh, nếu lấy lý do bận rộn quá, không có thời gian để dành cho gia đình có lẽ chỉ là một cái cớ vụng về. Bởi, với kinh nghiệm riêng Hạnh thì bận hay không đều là do chính bản thân mình thu xếp, và việc cân bằng cũng không phải quá khó nếu như một người thực sự coi trọng và nâng niu hạnh phúc gia đình mình.

Nhiều năm trong nghề người mẫu có giúp Hạnh nhiều trong điều hành Elitte?

Giúp nhiều lắm chứ, ít nhất mình cũng hiểu người mẫu muốn gì và tâm tư thế nào để có thể uyển chuyển mà quản lý họ. Bên cạnh đó những kinh nghiệm trong

nghề cũng giúp đàm phán và làm việc với khách hàng... Đó là thời gian rất có ích, giúp Hạnh tích luỹ kinh nghiệm và vốn sống, những thứ đó không tiền nào mua được.

Thời gian vừa qua có rất nhiều công ty đào tạo người mẫu được thành lập. Hạnh có thể cho vài nhận xét về thị trường còn khá mới mẻ tại Việt Nam này?

Theo Hạnh nhìn nhận thì hiện nay các công ty mở ra vừa đào tạo và quản lý người mẫu, nhưng mảng đào tạo chưa thật sự chuyên sâu và bài bản, phần nhiều vẫn là nhỏ lẻ hoặc tự phát. Thị trường người mẫu Việt Nam vẫn còn khá mới mẻ và đi sau rất nhiều nước khác, ngay cả những nước láng giềng, vì vậy nếu có điều kiện thì chúng ta nên học hỏi và thậm chí mua lại những quy trình đạo tạo của họ, áp dụng một cách khéo léo dựa vào những tính chất của thị trường Việt Nam để những bài học và kết quả đào tạo đạt chất lượng cao hơn.

Như vậy, Elitte hướng đến phân khúc nào?

Elitte VN hiện nay đang hoạt động chính thức với tên thương hiệu VN: Công ty cổ phần giải trí Elitte Việt Nam. Từ trước đến nay Cty vẫn hoạt động với tất cả các công việc liên quan đến người mẫu và các cuộc thi sắc đẹp quốc tế.

Cuộc khủng hoảng kinh tế có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Elitte – vốn thuộc một ngành kinh doanh mặt hàng phi vật chất và cao cấp?

Tất nhiên cũng có phần bị ảnh hưởng. Đây không chỉ là tình trạng riêng của Elitte mà là tình trạng chung của phần lớn các công ty trong ngành giải trí. Nguyên nhân trực tiếp nhất là do khách hàng thu hẹp chi phí làm quảng cáo PR nên các chương trình và nguồn tài trợ cho các cuộc thi cũng bị thu hẹp theo.

Hạnh có thể cho biết những dự định sắp tới của Hạnh trong nghề nghiệp?

Nói dự định thì cũng xa vời, Hạnh vẫn đang tiếp tục những công việc đang làm và cố gắng phát triển tốt hơn. Sắp tới nếu thuận lợi, Hạnh muốn vươn đến việc kinh doanh trong ngành thời trang.

Xin cảm ơn Thuý Hạnh.

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 29 (20.7.2009).

Bản sao lưu trữ

TỰ NGHĨ MÌNH CHƯA HOÀN HẢO

**Hoàng Vũ*

Dù là một doanh nhân thành đạt, một diễn viên, người mẫu sáng giá nhưng Trương Ngọc Ánh luôn thấy mình chưa hoàn hảo và không ngừng nỗ lực. Trương Ngọc Ánh tâm sự "Điều thay đổi lớn nhất đối với Ánh là khi làm vợ làm mẹ, trước kia mình chỉ tập trung vào công việc và đôi lúc quên chăm sóc cả chính bản thân mình, nhưng bây giờ dù bận rộn công việc, dù nhiều khó khăn nhưng Ánh biết, đó không phải là điều mình lo nghĩ nhiều nhất, điều khiến Ánh luôn thấy mình chưa hoàn hảo đó là thiên chức của người phụ nữ."

Là một trong những người mẫu hàng đầu, đồng thời rất có duyên với điện ảnh, chọn lựa kinh doanh trong thời điểm đang đẹp của chị ở lĩnh vực nghệ thuật có phải lĩnh vực nghệ thuật chưa thỏa mãn với những điều chị mong đợi?

Ánh nghĩ mình thật sự may mắn vì ông trời đã cho mình cái duyên với nghệ thuật, và được khán giả yêu mến, ủng hộ nên tự nghĩ mình càng phải nỗ lực nhiều hơn nữa. Còn kinh doanh là mình suy nghĩ cho tương lai xa, cho con cái mình. Dù là trong lĩnh vực nào đi nữa Ánh cũng làm với sự đam mê và luôn phấn đấu.

Chị có e ngại khi lập gia đình và tập trung quá vào kinh doanh, khán giả sẽ quên chị?

Sự hâm mộ của khán giả là điều mà mọi nghệ sĩ mong muốn. Ánh thật sự trân trọng khán giả đã ủng hộ Ánh trong suốt thời gian qua. Và phụ nữ nào cũng phải có một khoảng thời gian tạm gác mọi thứ để dành thời gian cho gia đình và con cái, để được làm thiên chức của người phụ nữ, đó cũng là điều hạnh phúc mà phụ nữ nào cũng mơ ước. Nhưng chắc chắn rằng Ngọc Ánh sẽ quay trở lại màn ảnh trong thời gian ngắn nhất, để lại tiếp tục phục vụ khán giả và sự mong đợi của họ.

Với vị trí một người mẫu, diễn viên và vị trí một doanh nhân, chị thích được nhắc đến vị trí nào hơn?

Bản sao lưu trữ

Kinh doanh và nghệ thuật là hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau. Tôi không bao giờ lẫn lộn giữa nghệ thuật và kinh doanh, đấy là nguyên tắc của riêng tôi. Nhưng mỗi lĩnh vực lại có những đòi hỏi riêng. Trong lĩnh vực nghệ thuật nó đòi hỏi sự đam mê, sự cống hiến hết mình. Trong kinh doanh, cần phải có đầu óc sáng suốt, nắm bắt tốt thời cuộc... Ánh đánh giá cao tất cả mọi ngành nghề. Nhưng để được gọi một tiếng thân thương nhất thì cứ gọi mình là Trương Ngọc Ánh là mình vui lắm rồi.

Với vai trò giám đốc công ty và vai trò người mẫu trên sàn diễn, theo chị vị trí nào áp lực hơn, khó khăn hơn?

Nói đến khó khăn thì mỗi ngành nghề đều có cái khó khăn riêng, trên sản diễn người mẫu cần thể hiện được phong cách riêng, khi diễn phải lột tả được điểm nổi bật của bộ trang phục. Còn trong kinh doanh, phải là một giám đốc cần xử lý công việc một cách nhạy bén, tạo uy tín với khách hàng để có nhiều mối quan hệ để thúc đẩy tốt công việc kinh doanh. Trong mỗi công việc Ánh đều cố gắng để vượt qua mọi thử thách.

Hỏi thật nhé, là người mẫu nổi tiếng, diễn viên nổi tiếng với kinh doanh như bây giờ của chị việc nào thu vào lợi nhuận hơn?

Tham gia nghệ thuật trước tiên là niềm đam mê, tích luỹ vốn sống qua phim ảnh, được khán giả yêu mến đó là lợi nhuận và giá trị.

Kinh doanh là công việc cuộc sống và tương lai con cái. Hai thứ không thể so sánh thiệt hơn được.

Vừa quản lý công ty, nhà hàng, vừa gia đình rồi lại tham gia đóng phim xa nhà, điều gì có thể giúp chị làm được chừng ấy việc? Hay bởi chị quá được cưng chiều của những người thân bên cạnh?

Ngọc Ánh lập nghiệp từ nhỏ, xa nhà và gia đình nên không có chữ quá được cưng chiều. Sự ủng hộ của khán giả, nghị lực của bản thân, đam mê nghề nghiệp, sự giúp đỡ của gia đình, bạn bè và đồng nghiệp là không thể thiếu. Sự động viên, lo lắng, chia sẻ, quan tâm của mọi người là động lực giúp Ánh có thể làm được tất cả.

Chị có PR cho công ty của mình không, thương hiệu Trương Ngọc Ánh có phải là một trong những hình thức PR?

Bản sao lưu trữ

Nếu nói không thì thật là không đúng. Nhưng Ánh không ỷ lại vào thương hiệu của mình, luôn tách bạch việc kinh doanh và tên tuổi của mình trong nghệ thuật. Mỗi lĩnh vực đều phải có đặc thù riêng, sự riêng nên càng phải cố gắng để làm thật tốt.

Nếu người ta nhận xét "Trương Ngọc Ánh là một người quá tham công tiếc việc" hay đại loại như "ham mê vị thế, danh vọng", chị nghĩ sao?

Tham công tiếc việc là cụm từ nói đúng về Ánh. Cứ khi lao vào công việc Ánh như quên mọi thứ, quên cả ăn, uống... Ánh chỉ bằng lòng khi đã giải quyết xong hết mọi chuyện. Nhưng đó là khi mình chưa lập gia đình, và có thể nói là mình "Sống để làm việc". Còn bây giờ, mình là "sắp xếp công việc cho phù hợp với cuộc sống".

Tôi không tin chị sẽ bảo toàn được vai trò làm dâu, làm vợ, làm mẹ như những người phụ nữ dành nhiều thời gian chăm sóc gia đình?

Ánh tự nghĩ mình chưa hoàn hảo trong vai trò làm dâu, làm vợ như những người phụ nữ bình thường khác, nên lại càng luôn phải cố gắng. Và luôn cảm ơn gia đình chồng và gia đình mình đã luôn quan tâm chăm sóc.

Để có được như một Trương Ngọc Ánh ngày nay, nếu cần tri ân, chị sẽ tri ân ai?

Chắc chắn Ngọc Ánh sẽ cảm ơn trước tiên là Ba Mẹ, cảm ơn trời, cảm ơn gia đình, các đạo diễn, khán giả, đồng nghiệp, bạn bè... đã luôn ủng hộ và cho Ngọc Ánh có ngày hôm nay.

Chúc chị luôn thành công và hạnh phúc.

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 34 (5.10.2009).

Bản sao lưu trữ

TỶ PHÚ TRÊN ĐẢO HOANG

** Nguyễn Quang Tám*

Đang là cán bộ văn hóa huyện, ông bỏ ngang công việc, dắt vợ con ra bán đảo Mũi Né để nhặt từng hòn đá, đào từng gốc cây, san phẳng một góc đồi để làm khu du lịch. Nhiều người cho ông là kẻ gàn dở bởi đảo hoang toàn đá, cỏ cây không sống được, huống chi là người. Vậy mà, sau 20 năm "vùng đất chết" được ông tái sinh, với số tài sản lên đến cả chục tỷ đồng. Đó là câu chuyện của tỷ phú Phạm Quốc Trai, 55 tuổi ở thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên- Huế.

TỪ QUAN RA "HOANG ĐẢO"

Năm 1986, cả cơ quan phòng văn hóa huyện Phú Lộc bàng hoàng khi biết ông Trai viết đơn xin được từ quan để ra đảo hoang lập nghiệp. Nhiều anh em, bạn bè và cả lãnh đạo huyện khi đó can ngăn vì cho rằng vùng đất Mũi Né ở đầm Cầu Hai, huyện Phú Lộc vốn là vùng đất bị ảnh hưởng của chất độc khai quang trong chiến tranh, cỏ cây không sống được huống chi người. Nhưng chí đã quyết, ông vẫn bạo gan bỏ chốn quan trường để làm một anh nông dân thứ thiệt. Thời gian đầu, hai vợ chồng lặn lội với nắng mưa giữa những quả đồi nằm trơ đá. Vốn mỏng, nhân công ít, từ việc di chuyển từng viên đá lớn đều bằng sức người.

Đảo vốn khô cằn, trơ cháy lại nằm cách biệt với bên ngoài, đường sá đi lại rất khó khăn, muốn qua đảo phải đi qua nhiều đèo dốc hoặc phải dùng thuyền mới đến được, vậy mà ông vẫn chấp! Nhiều người dân trong vùng bảo ông khùng, gàn dở... làm cán bộ không thích lại muốn làm nông dân.

Dựng căn lều tranh bên triền núi, ngày đêm ông cần mẫn xê từng hòn đá, san lấp từng hố bom với quyết tâm biến đảo hoang thành vùng đất màu mỡ. Ra đảo chưa đầy 1 tháng, khi vào lại đất liền nhiều người thấy ông gầy ốm, xanh xao, không ai tin là ông có thể làm được điều gì ở vùng đất này, sớm muộn ông cũng trở về chốn cũ.

Ông Phan Sum, Chủ tịch huyện Phú Lộc lúc đó trong một lần ra thăm đã khuyên ông nên về lại huyện công tác và hứa sẽ cấp cho ông hai lô đất mặt tiền để kinh doanh nhưng ông một mực từ chối "cái gì tôi đã quyết là tôi cố làm bằng cho được, tôi muốn biến đảo hoang thành khu du lịch xanh" – Ông Trai quả quyết.

Năm đầu tiên, rồi các năm tiếp theo hai vợ chồng ông ngày đêm "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" để nhặt từng viên đá, lấn từng tấc đất để canh tác. Có nơi chỉ 10m^2 mà phải nhặt hơn một tháng vẫn không hết đá. Làm đến đâu ông chặt lá cây để làm phân, có lúc đạp xe hàng cây số về các xã lân cận để xin từng bao phân trâu, bò để ủ đất, sau đó trồng các loại cây ăn quả để lấy ngắn nuôi dài.

Mất hơn 10 năm nhặt đá, bón phân, ông đã hồi sinh được hơn hai hecta đất rừng và nuôi hàng trăm con gà cảnh giống. Có vật nuôi và cây trồng để bán, ông lại quyết tâm xẻ núi mở đường dưa hàng ra chợ.

TỶ PHÚ MÁU NGHỆ THUẬT

Sau hơn 20 năm, đổ không biết bao nhiêu mồ hôi và cả máu để gieo mầm trên đất chết, giờ đây ông Trai đã thành tỷ phú. Có tiền trong tay lại mang dòng máu nghệ thuật từ hồi còn làm văn hóa, ông lại đi khắp nơi sưu tầm cây cảnh để đưa về trồng. Không chỉ tìm ở đất Thừa Thiên-Huế mà ông còn vào tận Vĩnh Long hay ra ngoài Hà Nội để mua các giống cây, hoa cảnh về.

Ở đâu có giống cây đẹp, lạ là ông tức tốc tìm đến. Ai ghé thăm cũng choáng ngộp trước sự đồ sộ và tuyệt đẹp của vườn cây cảnh nơi chốn hoang đảo này. Từ cây mai, cây sung, cây lộc vừng cho đến khóm trúc, bụi tre rồi hoàng lan, ngọc lan, đỗ quyên... tất cả đều được ông tạo cho một cái dáng, một vẻ đẹp, một linh hồn riêng. Chỉ một *cây sanh* được ông tạo dáng trong chậu cũng có khách đến trả 150 triệu, ông vẫn lắc đầu.

"Tôi muốn biến vùng đất này thành khu du lịch sinh thái, khách đến thăm sẽ được nhìn ngắm các loại hoa, cây cảnh quý hiếm. Đứng trên đảo, có thể phóng tầm mắt ra đầm Cầu Hai rộng lớn để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của vùng sông nước. Đặc biệt tôi dành hẳn riêng một khoảng đất rộng để làm "vườn cổ tích" cho các em học sinh" Ông Trai bộc bạch và chỉ tay cho chúng tôi xem một góc vườn được trồng các loại cây như: thị (truyện Tấm Cám), cây khế, cây đa... mỗi cây đều mang đậm một câu chuyện cổ tích để các em tham quan, học tập. Ông cho chúng tôi biết, sắp đến ông có dự định sẽ góp vốn liên doanh với các công ty du lịch để tổ chức tour tham quan và làm nơi nghỉ dưỡng cho khách muốn qua đêm.

Ngoài vườn cây cảnh trị giá hàng trăm triệu, ông Trai còn sở hữu hơn 700 cây dó trầm sắp đến mùa thu hoạch. Ông cho biết: từ những thông tin trên báo chí, biết được cây dó trầm nang lại giá trị kinh tế cao, năm 2001, ông đã vào TP.HCM tìm đến Hội trầm hương Việt Nam để xin tài liệu, kỹ thuật

trồng, chăm sóc. Sau đó, ông lại tiếp tục tìm đến các địa phương phát triển mạnh về loại cây này như : Hà Tĩnh, Quảng Nam để học hỏi kinh nghiệm. Sau những ngày "vào Nam ra Bắc" học khôn, ông trở về nhà trồng và đã ươm được giống cây dó trầm thành công và bán lại cho bà con trong vùng. Ông trở thành người trồng nhiều cây dó trầm nhất ở Huế và cũng là thành viên duy nhất của Hội Trầm hương Việt Nam ở tỉnh này. "*Để có được hàng trăm cây dó trầm hiện nay tôi đã cạn nước mắt vì năm đầu tiên trồng cây không lớn được, cứ còi cọc, nhiều cây chết lần, tôi phải lên đường đi lên các tỉnh học hỏi kinh nghiệm tiếp. Nhiều người bảo tôi đất này không trồng được, công sức của tôi chỉ là dã tràng xe cát, nhưng tôi vẫn cứ trồng*". – Ông Trai chia sẻ: khi hàng trăm cây dó trầm phủ một màu xanh trên đảo, nhiều người tìm đến ông để học hỏi kinh nghiệm và mua cây giống.

Có tiền, ông tiếp tục mở rộng diện tích đất làm chuồng nuôi nhím. Chưa có kinh nghiệm nuôi, ông lại lặn lội vào tận Củ Chi để học hỏi và tìm mua 10 cặp nhím giống, chưa đầy 2 năm, đến nay trong tay ông đã có 50 cặp nhím giống, mỗi cặp trị giá trên 10 triệu đồng.

Với một quyết tâm cao, ước nguyện biến "vùng đất chết" thành khu du lịch đã trở thành sự thật. Giờ đây ông Trai đã có thể mỉm cười mãn nguyện.

Bản sao lưu trữ

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 34 (5.10.2009).

YKVN

CÔNG TY LUẬT CỦA TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Thuý An

YKVN được thành lập tháng 2 năm 1999 bởi luật sư Trương Nhật Quang, Diệp Hoài Nam và là một nhóm công ty luật quốc tế hàng đầu White & Case. Họ có may mắn được đào tạo và dìu dắt bởi ông Đặng Khải Minh, luật sư điều hành White & Case Việt Nam và đồng thời cũng là một Việt kiều rất tâm huyết với sự phát triển của ngành luật Việt Nam

Tại thời điểm đó, các luật sư sáng lập của YKVN mong ước muốn cháy bỏng thành lập một công ty luật của người Việt Nam có thể cung cấp dịch vụ pháp lý theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất trên thị trường, là nơi mà các luật sư trong nước có thể phát triển hết khả năng của mình và tự hào về trí tuệ Việt Nam.

HÃNG LUẬT HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Ngày nay YKVN đã phát triển vượt ra khỏi khuôn khổ quan hệ lịch sử ban đầu với White & Case và trở thành một hãng luật hàng đầu tại Việt Nam đúng như ước vọng của các luật sư sáng lập YKVN. Từ 5 luật sư ban đầu năm 1999, YKVN hiện có hơn 50 luật sư tại văn phòng ở Hà Nội và 2 văn phòng ở Tp.HCM.

YKVN hoạt động ở tất cả các lĩnh vực tư vấn luật, bao gồm những lĩnh vực tư vấn chủ yếu như tài chính ngân hàng, thị trường vốn, mua bán, sáp nhập, công ty, bất động sản và tố tụng. YKVN là công ty luật uy tín thường xuyên được xếp hạng nhất trên tất cả các lĩnh vực tư vấn bởi các tạp chí luật hàng đầu như IFLR, Chambers và AP 500 trong 5 năm qua.

Các khách hàng của YKVN bao gồm những công ty tầm cỡ của Việt Nam (bao gồm 4 ngân hàng thương mại quốc doanh, Vietnam Airlines, Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam,...), các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm IFC, Proparco, Citibank, HSBC, Credit Suisse, JP Morgan, Deutsche Bank...) và các công ty

đa quốc gia (bao gồm Procter & Gamble, Metro Cash Carry, Remy, Boeing,...). YKVN cũng duy trì quan hệ công việc với nhiều công ty luật hàng đầu quốc tế và khu vực.

Kể từ khi thành lập, YKVN luôn tham gia vào phần lớn các giao dịch quan trọng hàng đầu trên thị trường Việt Nam. Có thể kể đến vụ kiện chống bán phá giá cá ba sa năm 2002 và các giao dịch mua máy bay Boeing và Airbus của Vietnam Airlines từ năm 2003 đến nay.

Đặc biệt trong năm 2008 và 2009, YKVN đã tham gia vào các giao dịch mang tính đột phá sáng tạo đối với thị trường Việt Nam về thị trường vốn, tài trợ dự án và mua bán sáp nhập doanh nghiệp. Trong lĩnh vực thị trường vốn, YKVN đã tư vấn cho Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam trong các giao dịch phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cũng như tư vấn cho các ngân hàng này trong quá trình cổ phần hóa. YKVN cũng đang tư vấn cho Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam trong quá trình cổ phần hóa.

Ngoài ra, YKVN đang tư vấn cho Vinamilk trong việc niêm yết cổ phiếu tại thị trường Singapore. Trong lĩnh vực tài trợ dự án, YKVN đang tư vấn cho IFC trong việc tư vấn cho Bộ Công thương liên quan đến việc phát triển các hợp đồng mẫu cho các dự án BOT điện tại Việt Nam. Trong lĩnh vực mua bán sát nhập, YKVN đã tư vấn cho Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam trong việc bán cổ phần chiến lược cho Morgan Stanley.

BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG

Khi được hỏi về bí quyết thành công của YKVN, ông Trương Nhật Quang, luật sư điều hành YKVN chia sẻ: *"Ngay từ khi mới thành lập, chúng tôi luôn xác định là sẽ xây dựng một công ty luật hàng đầu Việt Nam. Mục tiêu của chúng tôi không phải là một YKVN có số lượng luật sư hoặc văn phòng nhiều nhất Việt Nam mà thay vào đó, chúng tôi muốn khách hàng nghĩ đến YKVN đầu tiên khi họ có các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc khi có các giao dịch hoặc vụ việc tố tụng quan trọng. Chúng tôi muốn là sự lựa chọn hàng đầu của khách hàng".*

Để đạt được mục tiêu trên, ban lãnh đạo YKVN đã tập trung vào 3 vấn đề lớn, đó là phát triển khách hàng, cung cấp dịch vụ chất lượng cao, tuyển người và đào tạo.

Bản dùng thử

"Chúng tôi nhận thức được rằng sự khác biệt cơ bản giữa chúng tôi và các công ty luật nước ngoài là khách hàng Việt Nam. Chúng tôi có mọi lợi thế "sân nhà" để tiếp cận các khách hàng Việt Nam từ ngôn ngữ cho đến việc hiểu biết hệ thống pháp luật cũng như tập quán tại Việt Nam. Do vậy, chúng tôi đặt quyết tâm là cần phải giành được các khách hàng là các công ty hàng đầu tại Việt Nam". Luật sư Quang nói tiếp: *"Chúng tôi bắt đầu từ các ngân hàng thương mại quốc doanh Việt Nam vì thế mạnh của chúng tôi là tài chính ngân hàng và chúng tôi đã soạn thảo một bộ hợp đồng vay bằng tiếng Việt dựa trên các mẫu chuẩn quốc tế và tiếp thị với các ngân hàng thương mại quốc doanh Việt Nam đối với các giao dịch tài trợ dự án lớn của họ. Phải mất một thời gian các ngân hàng Việt Nam mới quen với các mẫu hợp đồng của chúng tôi nhưng nay thì nhờ các mẫu hợp đồng này mà chúng tôi đã tư vấn trong phần lớn các giao dịch tài trợ trong nước của các ngân hàng Việt Nam".*

Cũng từ kinh nghiệm và quan hệ làm việc với các ngân hàng quốc doanh Việt Nam mà YKVN đã thành công trong việc phát triển quan hệ với các tổng công ty lớn như Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam...

Việc cung cấp dịch vụ với chất lượng cao nhất là yếu tố then chốt cho thành công của YKVN ngày hôm nay. Luật sư Quang chia sẻ: *Trong nội bộ ban lãnh đạo của YKVN, chúng tôi đều thống nhất rằng, việc có được khách hàng là quan trọng, nhưng việc cung cấp dịch vụ tốt nhất để khách hàng hài lòng và giữ được khách hàng còn quan trọng hơn. Nguyên tắc của chúng tôi là tùy thuộc vào nhu cầu của khách hàng, chúng tôi sẽ cử luật sư thành viên nào có kinh nghiệm phù hợp nhất để tư vấn cho vụ việc của khách hàng. Luật sư thành viên đó không nhất thiết phải là người mang việc về công ty. Ngoài ra, nếu luật sư thành viên nào đã làm việc trong một vụ việc của khách hàng thì sẽ cố gắng tiếp tục làm việc cho khách hàng đó nếu có các vụ việc tương tự tiếp theo để bảo đảm tính liên tục trong việc cung cấp dịch vụ".*

Như mong ước ban đầu về việc phát triển trí tuệ Việt Nam, cuối cùng YKVN đã thiết lập một hệ thống đào tạo mang thương hiệu riêng của mình và có thể tự hào là một công ty hàng đầu về đào tạo nhân lực ngành tư vấn pháp lý trên thị trường. *"Chúng tôi đặc biệt chú ý đến việc tuyển chọn các sinh viên mới ra trường có tài năng và chính trực để đào tạo trở thành luật sư của công ty. Các luật sư trong những năm đầu tại công ty sẽ được đào tạo ở các lĩnh vực để họ có kinh nghiệm làm việc trong tất cả các lĩnh vực có liên quan. Sau 2-3 năm quay vòng ở nhiều lĩnh vực, các luật sư sẽ bắt đầu được chuyên môn hóa*

*vào lĩnh vực phù hợp nhất với mình. Các LS trẻ có thể yên tâm phát triển nghề nghiệp của mình tại YKVN vì công ty luôn tạo mọi điều kiện cho họ phát triển".*Ông Quang cho biết thêm: *"Để đào tạo ra các luật sư giỏi, tất cả việc tuyển chọn, đào tạo, lương bổng đề bạt của các luật sư đều dựa trên một tiêu chí duy nhất – làm sao để có được những luật sư có thể bảo vệ tốt nhất và hiệu qủa nhất quyền lợi cho khách hàng của công ty".*

* *Trích:* **Tạp chí Doanh nhân và Pháp luật** (chuyên đề Báo Pháp Luật Việt Nam) số 29 (20.7.2009).

DANH HIỆU ĐƯỢC TRAO TẶNG

2004 Danh hiệu *"Công ty Luật Quốc gia trong năm" (National Law Firm of the Year) 2004* của *Tạp chí Luật Tài Chính Quốc Tế.* Đây là lần đầu tiên danh hiệu này được trao cho một công ty luật của Việt Nam.

2005 Danh hiệu *"Công ty Luật Quốc gia trong năm" 2005* của *Tạp chí Luật Tài Chính Quốc Tế.* Đây là lần thứ hai danh hiệu này được trao cho YKVN. Danh hiệu *"Công ty Luật Quốc gia về giao dịch trong năm" (National Deal Firm of the Year) 2005* của *Tạp chí ngành Luật châu Á.* Đây là lần đầu tiên danh hiệu này được trao cho một công ty Luật của Việt Nam. Danh hiệu *"Giao dịch tiêu biểu về tài sản và tài chính công ty của năn" (Asset & Corporate Finance Deal of the year)* của *Tạp chí ngành Luật châu Á* cho giao dịch tài trợ mua máy bay Airbus của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam được các tổ chức tín dụng xuất khẩu châu Âu (ECGD, COFACE và HERMES) đồng bảo lãnh.

2006 *"Giao dịch của năm 2006" (Deal of the Year)* của *Tạp chí Luật Sư châu Á* cho giao dịch tài trợ nhà máy thuỷ điện Đồng Nai 3-4 do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam thu xếp vốn.

2007 Đề cập trang trọng trong *"Các giao dịch năm 2007"* của *Tạp chí Luật Sư châu Á (Asian Counsel)* cho giao dịch niêm yết của Indochina Capital Vietnam Holdings tại Sở Giao dịch Chứng khoán London.

2008 Danh hiệu *"Giao dịch trong năm 2008"*của *Tạp chí Luật Sư châu Á* cho giao dịch IPO của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

2008 Danh hiệu *"Người tuyển dụng lao động được lựa chọn" (Employer of Choice)* của *Tạp chí ngành Luật châu Á (Asian Legal Business).*

2009 Danh hiệu *"Công ty Luật Quốc gia trong năm" "Người tuyển dụng lao động được lựa chọn"* của *Tạp chí ngành Luật châu Á.* Đây là lần thứ hai liên tiếp YKVN được trao danh hiệu này.

CÔ GÁI BÁN SÁCH VÀ NỮ DOANH NHÂN THÀNH ĐẠT

Hai nhân vật mà tôi chọn làm tiêu đề của bài viết chỉ là một, đó là chị Nguyễn Thị Lợi ở Phường 5, thị xã Đông Hà (Quảng Trị). Chị đã trở thành một trong những nữ doanh nhân thành đạt trên lĩnh vực thương mại, mà khởi nghiệp cho câu chuyện làm ăn của chị là từ một cô bé bán sách trên đường Hàm Nghi (Đông Hà).

Sinh ra ở vùng Cùa (Cam Lộ) chị Nguyễn Thị Lợi có dáng vẻ nhanh nhẹn, nét mặt thông minh, nhưng tuổi ấu thơ của Lợi lại không được may mắn như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác. Mới hơn một tháng tuổi thì bố chị đã hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ. Lớn lên trong tình thương yêu và chăm sóc của người mẹ, Lợi sớm nhận ra rằng, cuộc đời của mẹ phải còn nhiều vất vả phía trước. Từ trong suy nghĩ đó mà thuở đang là học sinh Lợi rất ngoan ngoãn và chăm chỉ học hành. Bù đắp lại sự miệt mài đèn sách, tốt nghiệp cấp ba Lợi đã thi đỗ vào Đại học sư phạm Huế - khoa Văn. Nhưng số phận của cô bé đáng thương này lại thêm một lần không được mỉm cười. Theo được năm đại học thứ nhất, nhà nghèo, Lợi đành "gác bút" rời cổng trường đại học trong sự luyến tiếc khôn cùng của bao thầy cô và bè bạn. Trở về với cuộc sống đời thường với bao lo toan vất vả nhưng trong chị luôn ấp ủ niềm đam mê kinh doanh.

Năm 1993, sau khi lập gia đình, chị bắt tay vào việc kinh doanh. Chị Lợi bộc bạch: Chiến lược kinh doanh của mình là làm theo phương châm "Vết dầu loang". Từ ý tưởng này, buổi đầu chị mở một quầy sách tại nhà-số 77 đường Hàm Nghi-Đông Hà. Và rồi nghề này cũng chỉ mới đắp đủ cuộc sống qua ngày. Về sau chị chuyển qua kinh doanh hàng thực phẩm, Chị tâm sự: Kinh doanh mặt hàng này gian truân và vất vả lắm, chỉ muốn có được vài chục chai bia tươi Đông Hà để bán cho khách lúc đó, thì từ 3 giờ sáng phải thức dậy và chờ đợi ở Nhà máy bia Đông Hà mới có được, nhiều lúc đông người đến lấy phải về không. Khó khăn là vậy đó, nhưng với ý chí quyết tâm, chịu thương-chịu khó và sự chia sẻ, giúp đỡ của chồng, dần dần chị cũng tích luỹ được một số vốn nhất định. Có vốn, có kinh nghiệm chị lại tính đến một phương án kinh doanh mới.

Năm 2003 từ một cơ sở kinh doanh chị đã thành lập Công ty TNHH Đức Lợi và làm đại lý bán hàng cho một số sản phẩm có thương hiệu. Bằng sự năng động và linh hoạt thị trường rộng khắp trong địa bàn toàn tỉnh, chị đã tạo được sự tín nhiệm với các nhà sản xuất. Bởi yếu tố này mà Công ty Đức Lợi đã được một số nhà sản xuất lớn ký hợp đồng làm Nhà phân phối độc quyền tại Quảng Trị. Hiện tại, Công ty Đức Lợi làm phân phối các mặt hàng như sữa cô gái Hà Lan; Thạch rau câu Long Hải; mỳ ăn liền Duy Nít (Đài Loan); kẹo Samgum (Mỹ) và một số mặt hàng thực phẩm khác. Theo chị Lợi, làm một nhà phân phối chính thức vốn dĩ đã khó rồi, nhưng làm cho ngành hàng thực phẩm lại càng khó hơn,

bởi ngoài việc thực hiện đạt các yếu tố như doanh thu, thu hồi công nợ, các mặt hàng này lại có thời hạn sử dụng,nếu phân phối không hết, số lượng tồn kho lớn, hết hạn sử dụng thì nhà phân phối phải gánh chịu toàn bộ. Tuy vậy, lâu nay Công ty Đức Lợi chưa bao giờ để xảy ra tình trạng như vậy, bởi người chủ Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty một cách bài bản và khoa học. Công ty có từng bộ phận cụ thể và được phân công trách nhiệm rạch ròi, đồng thời có chế độ khen thưởng thích đáng. Đặc biệt Công ty đã xây dựng được một mạng lưới phân phối rộng khắp trên địa bàn, với hơn 700 đại lý, trong đó gần một nửa làm đại lý cấp một, số còn lại đại lý cấp hai. Tất cả các đại lý cấp một đều được Công ty áp dụng một số chính sách khuyến khích như: Xây dựng một ngăn hàng tại đại lý để trưng bày, tiếp thị, quảng cáo sản phẩm, trích thưởng kịp thời khi đại lý thực hiện đạt doanh số theo quy định...

Bằng sự năng động của chủ doanh nghiệp,xây dựng được các chính sách khuyến khích hợp lý cho người lao động lẫn hệ thống đại lý, nên từ lúc thành lập Công ty đến nay, năm nào Đức Lợi cũng hoạt động kinh doanh đạt các chỉ tiêu đề ra và thực hiện đúng với những quy định của nhà sản xuất. Doanh thu mỗi năm đạt bình quân trên 40 tỷ đồng. Công ty đã tạo công ăn việc làm cho hàng chục lao động, với mức thu nhập bình quân 2,5 triệu đồng/người/tháng. Cá biệt có người đạt 4,5 triệu đồng/tháng. Các chế độ khác như bảo biểm xã hội, y tế của người lao động đều được Công ty thực hiện nghiêm túc. Chỉ cần nhìn thấy cơ ngơi có được như hôm nay ai cũng cảm nhận được hiệu quả mang lại của Đức Lợi. Đó là, một cụm nhà bao gồm trụ sở làm việc, nhà kho vừa xây dựng hoàn thành đi vào hoạt động, với giá trị 2 tỷ đồng, đội xe có 4 xe tải và một xe con...

Ngoài việc kinh doanh giỏi, nữ doanh nhân Nguyễn Thị Lợi còn có tấm lòng nhân hậu, luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động, tạo ra bầu không khí làm việc chan hoà trong đơn vị. Hàng năm chị phối hợp với một số trường học trao 70 suất quà cho các cháu vượt khó học giỏi, trị giá gần 50 triệu đồng; Năm 2007, chị ủng hộ hàng hoá thiết yếu cho nhiều hộ gia đình khó khăn bị thiệt hại do thiên tai gây ra, tổng trị giá 150 triệu đồng...Vừa qua, chị được chị em tín nhiệm bầu vào Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ doanh nghiệp nữ của tỉnh Quảng Trị.

Hữu Tiến

Theo:www.**quangtri**.gov.vn

NỮ CHỦ NHÂN CỦA 500 ha RỪNG

Đến huyện Cam Lâm (Khánh Hòa) hỏi chị Hằng trồng rừng ai cũng biết, bởi chị là chủ nhân của hơn 500 ha rừng keo trải dài khắp vùng đồi núi của 4 xã Suối Cát, Suối Tân, Cam Hòa, Cam Tân.

Chị Nguyễn Thị Thu Hằng, 39 tuổi, quê gốc ở Kim Liên, Nam Đàn (Nghệ An). Năm 1979, chị cùng gia đình vào Khánh Hòa lập nghiệp. Học hết lớp 12, chị bươn chải kiếm sống bằng đủ thứ nghề. Nhờ buôn bán, chị tích lũy được một số vốn kha khá. Đến năm 2005, chị Hằng phối hợp với một người có kinh nghiệm về trồng rừng mua 8 ha đất rừng ở xã Suối Cát để trồng keo.

Năm 2006, sau khi tiến hành khảo sát vùng núi Năm Ngọc, chị Hằng mua thêm 300 ha đất rừng, tất cả đều được chị đầu tư trồng keo. Trước khi được chị Hằng đầu tư trồng keo thì khu đất này là của các hộ dân trong khu vực. Khi ấy rừng không những không được phủ kín, mà còn xuất hiện tình trạng khai thác rừng trái phép, nhiều lò đốt than tự phát ở ngay trong rừng. Từ lúc chị Hằng đầu tư, nhiều khu đất trống đồi trọc không có người sử dụng cũng được chị tiến hành trồng keo để dễ quản lý. Tính đến nay, chị đã có hơn 500 ha rừng keo, tổng số tiền đầu tư khoảng 20 tỉ đồng, dự kiến sẽ thu hoạch vào năm 2011.

Kể về những khó khăn trong những ngày đầu lập nghiệp, chị nói: "Những ngày đầu, chúng tôi phải mua giống keo từ trong miền Nam, thuê xe chở về, sau đó thuê người dân gùi lên núi để trồng. Từ chân núi lên đỉnh núi, chúng tôi đều phải đi bộ, trèo đèo, lội suối... Tính toán về lâu dài, tôi quyết định mua máy xúc, máy ủi về xẻ từng miếng đá, làm một con đường mòn dài gần 8 km từ chân núi lên đỉnh núi, ngoài ra còn hơn 16 km đường phụ rẽ về các cánh rừng, để thuận tiện cho công tác quản lý và chăm sóc. Đến nay đường giao thông đã cơ bản hoàn thiện, ô tô nhỏ và xe gắn máy có thể đi được, mặc dù hơi khó khăn".

Hiện chị Hằng đang có khoảng 50 công nhân, phân làm 5 đội chia nhau quản lý 500 ha rừng. Ngoài ra còn có khoảng 100 công nhân thời vụ - vốn là những người dân quanh khu vực, trong đó có những người trước kia từng phá rừng, làm nghề đốt than - phụ trách công tác chăm sóc rừng.

Theo **Văn Kỳ** (Thanh Niên Online)

NGƯỜI PHỤ NỮ ĐƯỢC TRAO CÚP VÀNG "GIÁM ĐỐC TÀI NĂNG LẦN THỨ NHẤT" NĂM 2009

Trong hơn 10 năm trở lại đây, thực phẩm chay đã trở thành mặt hàng quen thuộc với nhiều gia đình và có sức tiêu thụ lớn trên thị trường. Thực phẩm chay ra đời ngoài yếu tố bảo vệ sức khoẻ con người còn có ích lợi lớn trong việc bảo vệ môi trường và người phụ nữ đi đầu trong lĩnh vực này là chị Nguyễn Thị Ái Trinh - Tổng Giám đốc Công ty TTHH sản xuất, kinh doanh thực phẩm chay Âu Lạc, Tp.Hồ Chí Minh.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình ở quê hương Quảng Nam, từ thực tế cuộc sống, chị nhận thức rằng môi trường thiên nhiên, động vật đang ngày càng bị con người tàn phá với tốc độ nhanh. Từ đó, chị mong muốn phải làm một điều gì đó để bảo vệ môi sinh cho chính mình và cộng đồng. Sau một thời gian dài tìm tòi và nghiên cứu, tìm hiểu thị hiếu tiêu dùng cũng như thị trường, chị đã hoàn toàn yên tâm khi đầu tư vào sản xuất một loại thực phẩm đặc biệt đó là thực phẩm chay. Thế là vào những năm 90 của thế kỷ trước, một cơ sở sản xuất nhỏ thực phẩm chay do chị phụ trách đã ra đời nhằm phục vụ nhu cầu nâng cao dinh dưỡng cho một số đối tượng sử dụng thực phẩm chay trong xã hội. Với sự tâm huyết của mình cơ sở sản xuất của chị không ngừng phát triển và doanh thu ngày một tăng.

Năm 2003, trước yêu cầu phát triển, công ty Âu Lạc chính thức ra đời nhằm nâng cao năng lực phục vụ sản xuất và kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Hiện nay doanh nghiệp đã có trên 500 lao động và có đại lý tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm tại nhiều thành phố lớn như: TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, và sản phẩm của công ty đã có mặt tại Mỹ, Pháp, Bỉ, Canada,...

Với tiêu chí "Thức ăn thiên nhiên - tốt cho sức khoẻ" và để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đạt tiêu chuẩn khắt khe của cơ quan thực phẩm thế giới, chị đã xây dựng một phòng thí nghiệm có đầy đủ trang thiết bị hiện đại nhằm phân định chính xác thành phần thực phẩm, ngoài yếu tố đảm bảo chất dinh dưỡng còn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sự tinh khiết của sản phẩm (không rượu, không trứng, hàn the, bột ngọt...). Bên cạnh đó chị còn quan tâm đến việc hiện đại hoá dây chuyền công nghệ. Công ty còn nhập dây chuyền máy móc sản xuất hiện đại với công suất lớn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Chị đã mạnh dạn sử dụng những kinh nghiệm dân gian vốn có với những sáng kiến được dày công nghiên cứu kết hợp với sự tinh tế trong sử dụng thực phẩm Âu - Á, vì vậy, sản phẩm của công ty ngày càng phong phú về chủng loại. Sản phẩm hộp có : bò kho, cá lóc kho tiêu, bò viên sốt thơm, gà nấu đậu, ... Sản phẩm khô có: da heo, bóng cá, cốt lết, sản phẩm lạnh:bồ câu, cá rô, cá nục, cá trứng, giò sống, chả cá..., sản phẩm ăn liền : khô nai, bò, mực, gà, ruốc bông thịt, tôm, gà... và hàng loạt sản phẩm khác nữa. Ngoài đảm bảo chất lượng

sản phẩm công ty còn quan tâm đến bao bì, tất cả sản phẩm của công ty được bao gói đẹp, hấp dẫn, bắt mắt người tiêu dùng.

Cùng với sự phát triển của doanh nhiệp, Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Ái Trinh còn dành sự quan tâm đặc biệt đến đời sống tinh thần cũng như vật chất cho cán bộ công nhân viên. Ngoài tạo công ăn việc làm, trả lương theo năng lực và trách nhiệm của từng cá nhân công ty còn quan tâm đến việc xây dựng gia đình cho công nhân trẻ, tạo điều kiện cho họ học tập nâng cao trình độ, chị cùng Ban lãnh đạo còn cho xây dựng nhà ở tập thể cho công nhân, xây dựng thư viện, phòng vi tính, sân chơi thể dục thể thao, nhờ đó mà môi trường lao động cũng như môi trường sống luôn được cải thiện, tạo dựng tình đoàn kết trong doanh nghiệp.

Không chỉ chăm lo phát triển công ty, chị còn quan tâm đến lợi ích cộng đồng và tham gia tích cực vào các hoạt động từ thiện, nhân đạo nhằm đóng góp, giúp đỡ phần nào khó khăn cho những gia đình nghèo, bị thiên tai lũ lụt...

Vượt qua nhiều khó khăn, Công ty đã tạo dựng nên một thương hiệu thực phẩm chay "Âu lạc" trên thị trường và đạt được nhiều giải thưởng: Cúp vàng thương hiệu Việt uy tín, HCV thực phẩm an toàn, chất lượng và năm 2009 chị được trao danh hiệu cúp vàng Giám đốc tài năng lần thứ Nhất.

Dương Thủy - Bảo Tàng PNVN

Bản sao lưu trữ

ĐẶNG HỒNG ANH:

CHỌN THÀNH ĐẠT HƠN GIÀU CÓ

Giàu chỉ đơn thuần sở hữu nhiều tiền, trong khi người thành đạt đòi hỏi sự nghiệp vững vàng, cống hiến cho xã hội và có đời sống gia đình hạnh phúc, người giàu sàn chứng khoán Đặng Hồng Anh chia sẻ.

Nhiều năm liền lọt vào top người giàu (căn cứ trên số lượng cổ phiếu nắm giữ) do VnExpress.net bình chọn và công bố, doanh nhân trẻ 8X là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín (Sacomreal) - Đặng Hồng Anh tâm đắc với khái niệm thành đạt. Bởi đó không chỉ là bản lĩnh kiếm tiền, mà còn đòi hỏi người lãnh đạo trách nhiệm với cộng đồng của mình.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hai năm qua đã để lại nhiều bài học và suy ngẫm trong đường lối điều hành lãnh đạo, trong ứng xử với các mối quan hệ của một doanh nhân trẻ như Đặng Hồng Anh. Anh tâm sự: "Lúc khó khăn, mọi bất cập sẽ lộ diện rõ, những vấn đề cứ nghĩ là màu hồng, nay bỗng trở nên đen kịt". Nhận thấy còn khá non trong kinh nghiệm quản trị, điều hành so với các vị lão làng trong ngành bất động sản, ông chủ Sacomreal cho rằng bản thân còn phải học hỏi thêm rất nhiều, nhất là khi anh gia nhập làng bất động sản chỉ mới 5 năm.

Tự nhận mình có xuất phát điểm tốt hơn các bạn cùng trang lứa, thừa hưởng từ cha nghị lực phi thường, tác phong ăn nói; từ mẹ sự tỉ mỉ, chu toàn trong mọi việc, song, Đặng Hồng Anh khẳng định đây chưa phải là nguyên nhân chủ đạo đưa anh đến với thành công ngày nay. Bởi đó chỉ là điều kiện cần, chứ chưa đủ để một doanh nghiệp có xuất phát thấp vững vàng phát triển, cũng như vượt qua cơn suy thoái chung của kinh tế thế giới.

Sinh ra trong một gia đình tiếng tăm về kinh doanh, máu làm ăn của Hồng Anh cũng sớm lộ diện. Bước sang tuổi 18, mới chân ướt chân ráo vào Đại học, cậu con trai cưng của ông Đặng Văn Thành đã mở quán bán bánh canh cá trên đường Pasteur, với số vốn khởi nghiệp 5 triệu đồng. Số vốn này được người cha là một doanh nhân thành đạt, nổi tiếng tại TP HCM, tài trợ. Cậu tân sinh viên ngoài giờ lên giảng đường, lại cập rập tính toán doanh số bán buôn, phục vụ thực khách, bưng bê dọn dẹp...

Chưa dừng lại ở đó, cậu chủ trẻ còn thử sức với lĩnh vực sắt thép, kinh doanh cây kiểng khi nhận thấy vườn kiểng ở nhà chiếm quá nhiều diện tích. Tốt nghiệp Đại học cũng là thời điểm anh gia nhập thị trường bất động sản, sau khi được bố, ông Đặng Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank, gợi ý thử sức.

Cơ duyên đến với ngành bất động sản mở ra, song Hồng Anh không khỏi băn khoăn khi những lĩnh vực mà anh kinh qua có quy mô nhỏ, theo kiểu tổ chức

gia đình, không thể sánh được với mô hình quản lý bài bản, theo tổ chức... Sau nhiều trăn trở, lo âu, anh đã quyết định đặt chân vào ngành địa ốc, khi trong tay chỉ có tấm bằng đại học và những kinh nghiệm bươn chải cùng quán bánh canh, toan tính với mớ sắt thép, cây kiểng.

Có nhiều ý kiến cho rằng, ông chủ trẻ 8X này vẫn chưa thực sự thoát khỏi cái bóng của gia đình, đặc biệt người cha đang là thương nhân thành đạt trong lĩnh vực tài chính ngân hàng luôn sẵn sàng bao bọc con mỗi lúc khốn khó. Không đi thẳng vào câu trả lời, Hồng Anh đã lấy những kết quả Sacomreal đạt được sau chặng đường hoạt động: vốn tự có từ 11 tỷ đồng nay lên hơn 1.500 tỷ đồng, tổng tài sản 6.000 tỷ đồng, với khoảng 20 dự án, số nhân viên tăng gần 50 lần so với lúc khởi nghiệp, để giải đáp khúc mắc này. Thủ lĩnh Sacomreal cũng dí dỏm: "Có lẽ đây là nguyên nhân khiến biệt danh gã buôn tiền ra đời".

Người ta cũng thường thấy một Đặng Hồng Anh gần như luôn xuất hiện trong các giải golf. Ngoài ý nghĩa là môn thể thao nâng cao trí lực, đây cũng là dịp anh cùng các doanh nhân gặp gỡ, tiếp xúc các cơ hội đầu tư, trao đổi công việc làm ăn, có thể xem là loại hình thể thao nhập môn của các doanh nhân trẻ.

Từng vô địch quốc gia các cây vợt xuất sắc toàn quốc vào năm 1998, Hồng Anh cho rằng "tiền sử" một vận động viên đã giúp anh rất nhiều thuận lợi khi chuyển sang kinh doanh, bởi cả hai đều đòi hỏi quá trình khổ công luyện tập, ý chí, bản lĩnh, thủ thuật chiến đấu... Ngoài ra, thể thao giúp anh nhiều sức khỏe để tác chiến trên thương trường.

Chia sẻ bí quyết thành công, doanh nhân 8X tiết lộ đó là chân tình và nhiệt huyết, và phụ thuộc một chút vào "thiên thời, địa lợi". Theo đó, nhà lãnh đạo cần chân thật, tạo niềm tin cho nhân viên, đối tác, cổ đông và trong các mối quan hệ hàng ngày. Ngoài ra, người lãnh đạo cũng không được ngại khó, phải là lính chiến xông pha mọi mặt trận.

Chưa dừng lại ở những kết quả đạt được, nhiệt huyết của một người trẻ có máu kinh doanh từ năm 18 tuổi còn giúp anh xây dựng chiến lược để công ty lên vị trí hàng đầu về lĩnh vực địa ốc trong nước, vươn ra khu vực Đông Nam Á cũng như các nước trên thế giới trong những ngày tháng sắp tới.

Trong câu chuyện với VnExpress.net, suy ngẫm hồi lâu, Hồng Anh nhận thấy bản thân được nhiều hơn mất trong khoảng 5 năm bươn chải trên thương trường. Bởi hiện thời, anh có một gia đình nhỏ hạnh phúc, lại luôn có cha mẹ bên cạnh sẻ chia, và quan trọng hơn là vẫn sắp xếp được thời gian chơi golf, tennis - môn thể thao mà anh yêu thích.

Gần 30 tuổi, đã có gia đình riêng với hai bé trai kháu khỉnh, song ông chủ trẻ vẫn đều đặn hàng ngày dùng cơm đúng giờ với ba mẹ và không ngập ngừng tuyên bố: "Ba là thần tượng của tôi, chứ không phải là một doanh nhân nổi tiếng nào khác trên thế giới".

Bạch Hường ghi

SỰ KHIÊM TỐN CỦA BẦU HIỂN

Hồng Anh

Tin vào sự trợ giúp tới 70% của ông Trời, bầu Hiển âm thầm làm việc và thỉnh thoảng làm quả sốc, khi là thương vụ thành công trong kinh doanh, lúc vinh danh trên sân cỏ.

Ông Đỗ Quang Hiển là Chủ tịch Tập đoàn T&T, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB). Ông không chỉ được biết đến với những thương vụ đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp, tài chính, bất động sản mà còn gây "ồn ào" trong đời sống bóng đá Việt mấy năm qua bởi sự mạnh tay chi tiền và có phần hơi... kỳ bí của mình. Chẳng biết từ khi nào, giới mê bóng đá gọi ông bằng cái tên đầy thân mật - bầu Hiển.

Bầu Hiển lúc nào cũng tươm tất. Mọi người ấn tượng ông ở thái độ nhỏ nhẹ, bình tĩnh trong công việc, hầu như chưa bao giờ trên sân cỏ thấy ông phấn khích thái quá hay vung vãi ngôn từ. Chính vì cái kiểu "yêu thể thao" rất riêng này nên đôi lúc chẳng thể đoán nổi ông có máu bóng đá hay không.

"Tôi không thích nói nhiều mà muốn khẳng định bằng việc làm", bầu Hiển tâm sự với VnExpress.net. Nếu để tự nói về mình, ông chỉ gói gọn một câu đơn giản rằng: "Tôi là người may mắn và thành công đạt được có sự trợ giúp tới 70% của ông Trời. Vì lẽ này mà tôi không cho phép mình dừng lại. Bởi nếu dừng lại tức là tôi đã phụ công trời đất, phụ công những gì cuộc đời dành cho tôi", bầu Hiển nói.

Theo ông, đã là kinh doanh, ai cũng mong đạt được mục đích, mà đích cuối cùng là lợi nhuận. Tuy nhiên, có một cái khác lớn lao hơn, vượt trên tiền bạc và danh vọng mà nhiều doanh nhân cũng như ông đang phấn đấu không ngừng nghỉ, đó là giá trị thương hiệu, uy tín xã hội và niềm đam mê cá nhân.

Ở cái tuổi đã đạt được độ chín về trải nghiệm, bầu Hiển được đánh giá là một trong số doanh nhân thành công. Thế nhưng, có một bầu Hiển khác mà ít ai biết đến đó là những thương vụ thất bại, đang đứng ở ngưỡng thành công lại ngập sâu trong nợ nần. Chính từ những thất bại này đã hình thành trong ông một quan điểm sống, quyết tâm thực hiện mục tiêu. Và cũng từ đây, bầu Hiển đã tìm cho mình một triết lý kinh doanh duy nhất là "cẩn thận không bao giờ thừa". Có nghĩa là không có ai đứng mãi ở vị trí dẫn đầu, và thành công không bao giờ là vĩnh cửu, nếu không có sự chuẩn bị, thất bại có thể ập đến bất cứ lúc nào.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình công chức mẫu mực ở Hà Nội, sau khi tốt nghiệp ĐH Tổng hợp khoa Vật lý, kỹ sư Đỗ Quang Hiển về công tác tại Đài Phát Thanh Hà Nội. Chưa đầy 3 năm sau, ông chuyển sang làm tại Công ty Điện tử Hà Nội rồi Viện nghiên cứu Công nghệ Quốc gia. Cứ ngỡ kỹ sư Đỗ Quang Hiển sẽ gắn cả đời mình với công việc ở Viện nghiên cứu vì ở đó môi trường làm việc phù hợp với năng lực và hoàn cảnh gia đình. Tình cờ do cơ quan phân công,

ông có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với thị trường, và rồi ngẫu nhiên, sự sôi động trong kinh doanh đã cuốn hút ông và trở thành niềm đam mê thấm trong từng huyết quản từ lúc nào không rõ.

Có tín với bạn hàng, lại được đối tác và bạn bè khích lệ, ông quyết định "dấn thân" vào kinh doanh, mạnh dạn nhận làm đại lý độc quyền cho một số hãng điện tử nổi tiếng như Panasonic, National, Mitsubishi... Những năm làm đại lý cho các hãng điện tử tên tuổi, Đỗ Quang Hiển đã tích lũy cho mình được những kinh nghiệm về thị trường và một hệ thống phân phối rộng khắp mà nhiều người mơ ước. Năm 1993 được coi là bước ngoặt lớn trong cuộc đời, ông xin ra khỏi biên chế nhà nước, thành lập Công ty TNHH T&T hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng. Bằng sự nhanh nhạy, linh hoạt, chịu khó tìm tòi học hỏi và những trải nghiệm trong thực tế, kỹ sư Đỗ Quang Hiển đã từng bước đưa T&T vượt qua khó khăn của những ngày đầu khởi nghiệp và khẳng định uy tín trên thương trường.

Hồi những năm 1995-1996, sản phẩm của ông được xếp vào diện bán chạy trên thị trường với doanh thu rất cao, thị phần tiêu thụ ngày càng được mở rộng. Ông như người đi trong mơ với kết quả đạt được khá ấn tượng này. Thừa thắng xông lên, bầu Hiển đặt lệnh đưa hàng về chất đầy kho. Thế nhưng thương vụ năm ấy, bầu Hiển tổn thất nặng do bị hàng lậu cạnh tranh. Số nợ lên tới gần 40 tỷ đồng, gồm 7 tỷ đồng tiền thuế nhập khẩu và trên 30 tỷ đồng nằm trong kho. Ngân hàng thúc nợ, cơ quan thuế phát lệnh truy thu, bầu Hiển rơi vào tình cảnh khó khăn chưa từng có. Lúc bấy giờ, ông mới giật mình nhìn lại xung quanh chẳng có ai gánh hộ món nợ và có thể chung tay cùng ông vượt qua giai đoạn khó khăn.

"Tôi đã nói với anh em rằng, tôi là kẻ thất bại và khó khăn mình tôi sẽ gánh chịu. Tôi đã quyết định sai, tôi sẽ là người đứng ra gánh vác trách nhiệm", ông nói. Bầu Hiển đau đớn quyết định "giải phóng" nhân viên giỏi sang làm việc ở đơn vị khác vì không muốn họ vì mình mà lỡ dở sự nghiệp. Những người còn lại ông động viên cùng mình vượt qua khó khăn và ông hứa sẽ mang lại cuộc sống tốt đẹp cho họ và gia đình. Lời hứa của ông đã mang lại giá trị, sau khoảng một năm lăn lộn ra thị trường, cùng bán hàng và chào sản phẩm ở khắp mọi nơi, bầu Hiển đã bước đầu "gỡ" được vốn. Lượng hàng tồn trong kho được giải phóng và ông cũng dần lấy lại được thị phần. "Quả là khi ấy tôi thấm thía được thế nào là nỗi cơ cực của kẻ bị thúc nợ", bầu Hiển tâm sự.

Cũng chính lúc khó khăn nhất, bầu Hiển hiểu rằng nếu chỉ kinh doanh thương mại thuần túy, làm đại lý cho nước ngoài, rủi ro cao và ông sẽ mãi chỉ là người phân phối sản phẩm, gia công và mượn thương hiệu của người khác. Chẳng có cái gì là của riêng ông và làm lên giá trị của chính mình.

Năm 1998, bầu Hiển quyết định đầu tư sang lĩnh vực lắp ráp xe máy. Khi quyết định chuyển hướng kinh doanh, ông nhận thấy xe máy là thị trường tiềm năng mà chưa có doanh nghiệp nào tham gia. Xe máy lúc bấy giờ cũng là phương tiện mơ ước của nhiều người. Nghĩ là làm, năm 2000, nhà máy sản xuất động cơ

xe máy T&T Hưng Yên ra đời với số vốn đầu tư khoảng 20 triệu USD. Đến năm 2003 chiếc xe máy đầu tiên mang thương hiệu Việt ra mắt thị trường, với tỷ lệ nội địa hóa đến 90% và giá rẻ bằng 1/3 sản phẩm ngoại.

Xe máy mang hiệu T&T ra đời đã nhanh chóng nhận được sự cảm tình và trở thành phương tiện phục vụ đời sống của người dân VN tại các vùng nông thôn. T&T cũng tiến hành xuất khẩu sang các nước Nam Mỹ và châu Phi đạt kim ngạch 5 triệu USD mỗi năm. T&T còn có thế mạnh trong các sản phẩm khác như điều hòa không khí Kamikaze, điện thoại di động Bird. Điều hòa Kamikake (Gió thần) hiện đang chiếm 20% thị phần miền Bắc và phát triển tại Nam Bộ và miền Trung.

Năm 2005, T&T chuyển sang lĩnh vực tài chính theo đúng mô hình phát triển của một tập đoàn như góp vốn đầu tư ngân hàng, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Bảo hiểm, mở công ty bất động sản.

Khi sự nghiệp kinh doanh đã đạt được độ chín, ông mới quyết định theo đuổi niềm đam mê từ nhỏ của mình ở bộ môn bóng đá. Ông đặt tham vọng xây dựng một nền công nghiệp bóng đá tại Việt Nam.

Ông sôi nổi nói về lần gặp cầu thủ bóng đá độ Thể Công - Triệu Quang Hà cách đây 5 năm. Hai người rất tâm đắc với ý tưởng thành lập một câu lạc bộ bóng đá. Ít lâu sau, Câu lạc bộ bóng đá mang tên T&T VN ra đời đi từ hạng 3 rồi dần dần lên hạng nhất rồi lọt vào V-League. Khi ấy, nhiều người hỏi ông sao không mua ngay một câu lạc bộ bóng đá danh tiếng, ông chỉ mỉm cười. Không có cái gì vinh quang hơn bằng chính công sức mà mình bỏ ra.

Sau gần 5 năm nhảy sang lĩnh vực bóng đá, số tiền bầu Hiển đã chi mà chưa thu lại được một đồng nào đã lên tới 70 tỷ đồng. Mỗi lần xuất chi, kế toán sốt ruột lắm. "Và tôi cũng hiểu rằng, nếu không có niềm đam mê thì không làm được bóng đá. Hay nói cách khác là làm bóng đá khó hơn kinh doanh. Bạn biết không, tôi đã được hưởng niềm vui chiến thắng của một nhà vô định. Cảm giác khó tả và không thể mua được bằng tiền và chẳng kém gì khi mình gặt hái được thành công trong kinh doanh", ông nói.

Theo ông, trong kinh doanh cũng như bóng đá nếu muốn thành công, ngoài niềm đam mê còn phải có mục tiêu rõ ràng. Bầu Hiển thừa nhận trong bóng đá, ông mới thành công một nửa. Khi nào bóng đá chưa mang lại nguồn thu tức là chưa thành công. Và giống như bao doanh nhân khác, bầu Hiển cũng có một khát vọng là ước mơ trở thành người Việt Nam đầu tiên lọt vào danh sách tỷ phú của thế giới. "Đây là khát vọng và niềm tự hào dân tộc mà tôi tin bất cứ doanh nhân nào cũng mong muốn đạt được và đang phấn đấu để thành công", bầu Hiển nói.

Tập đoàn T&T được thành lập năm 1993, hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề: Với hơn 10 công ty thành viên, 3 công ty liên doanh với nước ngoài, 3 nhà máy sản xuất với qui mô lớn và hiện đại, với hơn 20 dự án đầu tư tài chính tại các ngân hàng, công ty chứng khoán và bảo hiểm. Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất phụ tùng, lắp ráp, sửa chữa xe hai bánh và ba bánh gắn máy; Kinh doanh, môi giới, đầu tư các dự án về Bất động sản; Thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng, giao thông thủy lợi; Đầu tư tài chính; Kinh doanh, môi giới, đầu tư Bất động sản. Sản xuất các loại ống nhựa công nghiệp cao cấp...

Từ một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, sản xuất, lắp ráp xe máy, T&T đã trở thành một tập đoàn kinh tế hoạt động trên nhiều lĩnh vực như công nghiệp, tài chính, bất động sản, thể thao với nguồn vốn trên 5.000 tỷ đồng và hàng nghìn lao động. Đánh giá của Công ty Vietnam Report thì tập đoàn T&T hiện xếp thứ 32 trong Top 500 DN lớn nhất VN.

Bản sao lưu trữ

* Theo: www. thanhnien online.com.vn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 3

- Lời cảm ơn 4

CHƯƠNG I: NHÌN LẠI NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ

CỦA VIỆT NAM SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI 7

- Công bố 10 sự kiện khoa học công nghệ nổi bật năm 2009 8
- 10 sự kiện di sản văn hóa tiêu biểu năm 2009 9
- Bộ Văn hóa –Thể thao-Du lịch công bố 10 sự kiện tiêu biểu năm 2009 10
- Tổng quát thành tựu kinh tế ở Việt Nam sau 20 năm đổi mới-Ban chuyên đề Website Đảng Cộng sản Việt Nam 13
- Những công trình kinh tế –xã hội quan trọng của đất nước trong 20 năm đổi mới (1986-2009) 18
- Một số vấn đề về tổng kết lý luận và thực tiễn hai mươi năm đổi mới trong lĩnh vực kinh tế-Võ Văn Kiệt 33
- Một số kinh nghiệm bước đầu từ thực tiễn phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất vùng kinh tế trọng điểm phía Nam-Nguyễn Văn Trịnh 47
- Nhìn lại 20 năm đổi mới: Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội-PGS,TSKH. Nguyễn Văn Đặng 56
- Ở nước ta, dân chủ là mục tiêu, động lực phát triển-PGS,Ts. Tô Huy Rứa 62
- Những thành tựu và phương hướng chung: Nhìn lại 20 năm đổi mới: Đổi mới, những thành tựu lớn-Hà Đăng 70
- Nắm vững bài học của 20 năm đổi mới-GS,Ts Lê Hữu Nghĩa 77
- Chủ động hội nhập kinh tế 86
- Doanh nghiệp và doanh nhân trong hội nhập-Vũ Quốc Tuấn 91
- Doanh nghiệp VN trong thị trường hội nhập-GS,Ts H.Thị Chinh 104
- Doanh nghiệp VN trong hội nhập và phát triển-Ts Nguyễn Anh Ngọc 115
- Kinh doanh mạo hiểm trong thị trường hội nhập kinh tế quốc tế-GS,TS Hồ Đức Hùng 122
- Doanh nghiệp dệt may khi VN thực thi các cam kết WTO-PGS,TS Đào Duy Huân 128
- CEO VN –Giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế qua lăng kính "thế giới phẳng"-Tạ Thị Mỹ Linh 133
- Khi doanh nhân VN trở thành doanh nhân toàn cầu-Giản Tư Trung 140
- Chuẩn bị nguồn nhân lực cấp cao cho doanh nghiệp VN trên con đường hội nhập-Trần Văn Dũng 144
- Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin: Theo hướng thị trường 151
- Chân dung VN trong thời kỳ hội nhập-Đặng Minh Châu 154
- Chân dung CEO trong thế giới phẳng-Lâm Quyền Quý 156
- Lợi thế cạnh tranh của 1 khu công viên phần mềm tập trung-Nguyễn Đức Hiền 159

Bản sao lưu trữ

- 20 năm đổi mới trong lĩnh vực đối ngoại-nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan 172
- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước-Đỗ Hoài Nam 179
- Đổi mới tư duy lý luận-thành tựu và một số vấn đề đặt ra-Nguyễn Duy Quý 186
- Đường lối mới của Đảng và thành tựu thực tiễn, lý luận qua 20 năm đổi mới-Nguyễn Trọng Phúc 193
- Tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội-Đỗ Nguyên Phương 208
- Thành tựu chăm lo phát triển nguồn nhân lực con người -Phạm Mạnh Hùng 217
- Giữ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới-Nguyễn Khánh Toàn 225
- Thành tựu nền kinh tế quốc dân qua 20 năm đổi mới và vấn đề hiện nay-Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu 251
- Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc-PGS.TS Trần Hậu 239
- Mấy bài học về công tác cán bộ của 20 năm đổi mới-Xuân Hải 248
- Kinh tế Việt Nam: Nỗ lực vượt qua thử thách 254
- Lạm phát và tiền tệ 258
- Chế biến đồ gỗ xuất khẩu-liên kết thêm sức mạnh 260
- Khơi nguồn cho nông nghiệp 263
- Mô hình nào lý tưởng cho nông nghiệp-N.Trần Lâm 267
- Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại qua 20 năm đổi mới ở nước ta-GS,VS Nguyễn Duy Quý 275
- 2010 Năm tăng trưởng ổn định kinh tế vĩ mô-Website chính phủ 280

<u>CHƯƠNG II</u>:

- **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA VIỆT NAM SAU THỜI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI** 281
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: Tăng cường kinh tế vĩ mô 282
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: Năm 2010 kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7% 291
- Giải pháp hữu hiệu-Duy Khanh 293
- Phát triển khoa học - công nghệ phục vụ sự nghiệp đổi mới-GS. Vũ Đình Cự 298
- Triển khai chương trình "cho vay kích cầu" -Duy Khanh 306
- Mục tiêu 55 tỷ USD FDI-Duy Khanh 308
- Cơ hội đầu tư cho năm 2010-Trung Trực 310
- Nền kinh tế Việt Nam có sức sống ngoài quy luật-Tiến sĩ Trần Du Lịch 311
- Bài học rút ra từ kinh nghiệm đã qua: Những rủi ro thương trường quốc tế-N.Trần Tâm 314

<u>CHƯƠNG III</u>: VÀI NÉT VỚI NHỮNG ĐƠN VỊ TẬP THỂ KINH DOANH HIỆU QUẢ TRONG THỜI ĐỔI MỚI 317

- Dược Hậu Giang-những bước đột phá hội nhập WTO-*Nguyệt Cầm* 318

Bản sao lưu trữ

- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Siêu Thanh-Những hành trình ngoạn mục-Lê Văn Phúc 322
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đông Sài Gòn vững vàng trong cơ chế mới-Đức Giang 326
- SONADEZI Biên Hòa – Mô hình doanh nghiệp tiêu biểu của thời kỳ đổi mới-Lê Thị Cát Hoa 329
- Công ty bay dịch vụ miền Nam cất cánh vì những giàn khoan-Bình Dương 333
- Tây Ninh phát huy lợi thế-Phấn đấu giữ vững tốc độ tăng trưởng cao và ổn định-Nguyễn Thanh Long 337
- Phan Rang – Tháp Chàm trên đường đô thị hóa-Văn phòng Thị ủy Phan Rang 342
- Công ty Cổ phần dược phẩm Bến Tre: chặng đường phát triển và hội nhập-Trí Hùng 346
- DOMESCO – thương hiệu của chất lượng vàng-Nguyễn Thị Ngọc 348
- Công ty Cổ phần chế biến thuỷ sản Út Xi mô hình doanh nghiệp tư nhân kinh doanh hiệu quả trong cơ chế mới-Lý Hiền Minh 352
- Ngành thủy sản Cà Mau đổi mới phát triển và hội nhập-Phạm Văn Đức 357

CHƯƠNG IV:

CHÂN DUNG NHỮNG DOANH NGHIỆP ĐƯƠNG THỜI THỜI ĐỔI MỚI 361

- Bí quyết để trở thành số 1-Anh Phương 362
- 34 năm yêu đá-Huy Hoàng 365
- Bay cao hơn để vươn ra thế giới- Hà Phương Thảo 368
- Một "Hoàng Long" bay bổng 371
- Một cô Hương với 250 đứa con nuôi-Đăng Giới 375
- Tín Nghĩa Hai mươi năm xây dựng thương hiệu-Ngọc Duy, Đức Hồng 378
- Khát vọng làm giàu 381
- Người làm nên thương hiệu của một trường đại học-Nguyễn Đức Ba 384
- Người làm nên thương hiệu 507-Hồ Thu 387
- Người xây chợ "Đồng Xuân" ở Đức-Vân Tùng 392
- Nữ Giám đốc tật nguyền và sóng gió cuộc đời-Ngọc Quý 395
- Sống trên đời cần lắm tấm lòng-Hồ Thu Thủy 399
- Thành đạt là biết cách chia sẻ-Hoàng Vũ 402
- Thúy Hạnh: Doanh nghiệp "chân dài"-Trân Trân 406
- Tự nghĩ mình chưa hoàn hảo-Hoàng Vũ 408
- Tỷ phú trên đảo hoang-Nguyễn Quang Tám 411
- *YKVN* Công ty Luật của trí tuệ VN-Thúy An 414
- Cô gái bán sách và nữ doanh nhân thành đạt-Hữu Tiến 418
- Nữ chủ nhân của 200ha rừng-Văn Kỳ 420

Bản sao lưu trữ

- Người phụ nữ được trao cúp vàng "Giám đốc tài năng lần thứ nhất"-Dương Thủy.....421
- Đặng Hồng Anh: Chọn thành đạt hơn giàu có-Bạch Hường.....423
- Sự khiêm tốn của Bầu Hiển-Hồng Anh.....425
- Mục lục.....429

Bản sao lưu trữ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc – Hà Nội *ĐT: (04) 9716462

35 NĂM THÀNH TỰU KINH TẾ VIỆT NAM VÀ DOANH NGHIỆP – DOANH NHÂN TRONG THỜI ĐỔI MỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN KHƯƠNG

Biên tập:
MINH HOÀNG

Sửa bản in: NGUYỄN CHIẾN

Trình bày & bìa:
BẢO KHANG

In 1.000 cuốn, khổ: 19 x 27 cm tại Cty TNHH In TM DV Bình Nguyên Phát – Q. Tân Phú - Tp.HCM

Kế hoạch xuất bản GPXB: 208-CXB/12 – 20/VHTT ngày 4/3/2010
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2010

Bản sao lưu trữ

35 NĂM

THÀNH TỰU KINH TẾ VIỆT NAM
VÀ
DOANH NGHIỆP, DOANH NHÂN
TRONG THỜI ĐỔI MỚI

8 935077 084665

Giá: 295.000 đồng